醫畧解音雜症

Y LƯỢC GIẢI ÂM

TẠP CHỨNG

Lý Nhân : TẠ-PHÚC-HẢI, soạn thuật
Trường-Nam : TẠ ĐỨC-HẢO, tham-bình
Tôn : ĐỨC-CƠ, ĐỨC-MỸ kiên, [illegible]

IN LẦN THỨ NHẤT

Giá tiền một bộ là : 2$60



1931
NHÀ IN NGÔ - TỬ - HẠ
24-46, Phố Nhà Thờ
HANOI
31100

BÀI TỰA

Đời xưa vua Thần-Nông nếm các cây thuốc, chia ra những tính nóng, lạnh, ôn bình. Vua Hoàng-Đế hỏi ông Kỳ-Bá các thứ bịnh, ông Kỳ-Bá đáp lại các phép chữa; từ đó mới sinh ra đạo thuốc. Đến đời nhà Tần nhà Hán về sau lại có các ông Hiền-Y nổi lên phép tắc mỗi ngày càng tinh; sách vở mỗi ngày càng nhiều, nhưng mà nhà-nước không mở khoa thuốc cho nên học-trò chẳng cần học tập chỉ những nhà làm thuốc cứ nhân sáo cũ mà làm, hoặc có người biếng lười ngại những sự tra xét, cũng có người thật thà vụng chẳng biết biến thông. Đến khi xem bịnh thời trong bụng hồ đồ; thuốc men lầm nhầm, thường có bịnh nhẹ hóa nặng bịnh nặng thành nguy; thực tại nghề thuốc không tinh, sao gọi là nhân thuật được?

Ngày nay vua ta trị vì bốn phương yên lặng, phong hóa mở mang, văn-minh tấn tới. Vừa gặp khi nhà-nước Bảo-hộ rộng mở học-đường; lại có tràng thuốc; thế thời sách thuốc của ta sao nên bỏ mà không học du!

Tôi những muốn hết lòng tra xét để thay những thói biếng lười, hết sức biến thông để đổi những lòng câu nệ khiến cho ai ai điều hiểu nghề thuốc không mắc phải những sự nhầm nhỡ.

Vậy nên đem các pho sách thuốc, hơn hai mươi bộ, liệt kê cả ra đêm ngày tra xét bỏ bớt những nhời xa xôi, chọn lấy những phép chuẩn đích dịch ra tiếng nôm để cho dễ đọc. Khi sách đã làm xong gọi tên là: **« Y-Lược Giải-Âm »** *để giúp cho những bực sơ-học, lại nghĩ rằng: soạn sách một mình còn là nông nỗi thảo lược những mong rằng các ông Cao-minh sửa soạn lại cho tường.*

Thực là mong lắm lắm.

Kính tựa

Lý-Thái, TẠ ĐỨC HÀO

Hanoi, le 4 Janvier 1921

Phàm - lệ

Điều thứ nhất. — Quyển sách này kính theo phép pho Bản-thảo của Vua Thần-Nông biên các tính thuốc. Pho Nội-kinh của vua Hoàng-Đế bàn luận các bịnh và các phép chữa, nghĩa lý sâu xa, thực là vua thánh làm ông tổ đạo thuốc.

Điều thứ hai. — Lại kính theo phép các pho sách thuốc của các ông Tiên-hiền biện luận bịnh chứng đặt thêm các bài thuốc chia làm 6 phép gọi rằng: Hàn, nhiệt, bổ, hòa, công, tán, lại có 8 trận phương mới thêm ra 2 trận cố, nhân, thực là thần diệu lắm.

Điều thứ ba. — Trong sách thuốc những các tên bịnh thời bực sơ-học chửa biết cho hết, vậy nên phải tường nói dáng bịnh thế nào, như là vẽ ra, để xem thời biết ngay không phải tra cứu nữa.

Điều thứ tư. — Những các bài thuốc hoặc có nhiều vị mãnh liệt, hoặc có vị nóng quá, lạnh quá, bởi vì người đời xưa tâm tính khác, bằng nay có dùng thời phải nên cho ít, hoặc là dảm đi hoặc sợ khi dùng có nhầm, mà không vớt lại được chăng?

Điều thứ năm — Những các vị thuốc có thật có giả, dùng vị thật thì hay, dùng vị giả thời không ích lợi gì hoặc lại có tổn phải hỏi những người kinh lịch đã lâu thì mới biện được, như vị thục-địa phải phơi nấu đủ 9 ngày thời mới thật là chín, như vị trần-bì, bán-hạ chỉ-thực, chỉ-xác phải để lâu năm thời mới dùng được, còn những vị khí bạc phải dùng ngay, để lâu thì hả.

Điều thứ sáu. — Trong một bịnh, có hai ba bài thuốc, là để xét xem bài nào có vị ưa nên dùng, hoặc có vị không ưa, để mà kén chọn, lại còn phương dản dị, một bịnh, dùng năm, bảy phương, là để cho tùy tiện dễ tìm, hoặc có ưa hay là không ưa chăng.

Điều thứ bảy. — Các bài thuốc, lập thành, là để làm phép, nhưng mà xét bịnh tình các thứ, hoặc là ngoại nhân hay là nội nhân, bịnh ở thượng tiêu hay là ở hạ tiêu, và xem nóng lạnh nhiều ít như thường nào, thời gia dảm quyền nghi, phép ở tại mình, mỗi lúc một khác, chớ có câu nệ chấp phương khiên cưỡng mà lạm dùng

Điều thứ tám. — Trong sách này có vị pháp-hạ, bởi hàng bào chế hiệu khách có chế vị bán-hạ y như phép trong sách dậy mà làm gọi là pháp-hạ lại đem tẩm dầu sữa bò gọi là tô-hạ.

目錄

MỤC-LỤC

---

20 蛔厥 Hồi quyết
Bịnh run làm ngất đi

21 尸厥 Thi quyết
Quỷ đánh ngất đi

22 邪祟 Tà tý
Bịnh ma làm

23 瘟疫 Ôn dịch
Bịnh thời khí

24 瘴氣 Trướng khí
Bịnh ngã nước

25 瘧疾 Ngược tật
Bịnh sốt rét

26 寒熱 Hàn nhiệt
Bịnh lạnh và bịnh nóng

27 痙病 Kính bịnh
Bịnh kinh trợn mắt uốn lưng

28 痰飲 Đàm ẩm
Bịnh đờm rãi

29 停飲 Đình ẩm
Nước óc ách trong bụng

30 咳嗽 Khái thấu
Ho hắng

31 喘促 Suyễn súc
Thở gấp

32 哮吼 Hào hống
Kéo hen

33 癆瘵 Lao sái
Ho lao

34 肺癰 Phế ung
Buồng phổi mọc dọt

35 肺痿 Phế nuy
Buồng phổi khô héo

36 吐血 Thổ huyết
Nôn ra máu

37 衄血 Nục huyết
Đổ máu cam

38 咳血 Khái huyết
Ho ra máu

39 喀血 Khác huyết
Khạc ra máu

40 溺血 Niệu huyết
Đái ra máu

41 便血 Tiện huyết
Iả ra máu

42 齒衄 Sỉ nục
Khe răng chảy máu

43 舌衄 Thiệt nục
Lưỡi chảy máu

44 肌衄 Cơ nục
Da thịt chảy máu

45 汗症 Hãn chứng
Bịnh đổ bồ-hôi

46 飲食 Ẩm thực
Ăn uống sinh bịnh

47 脾胃 Tỳ vị
Bịnh tỳ vị hư

48 胃風 Vị phong
Bịnh gió vào dạ-dầy

49 惡心 Ố tâm
Lợm nôn

50 噯氣 Ái khí
Ợ hơi

51 吞酸 Thôn toan
Nuốt chua

52 嘈雜 Tào tạp
Tưởng trong bụng không có gì

53 呃逆 Ách nghịch
Bịnh nấc

54 嘔吐 Ẩu thổ
Nôn mửa

55 吐水 Thổ thủy
Nôn ra nước trong

56 吐蚘 Thổ vưu
Nôn ra run

57 噦氣 Uế khí
Bịnh oẹ và nôn khan

58 反胃 Phiên vị
Nôn mửa mãi không thôi

59 噎膈 Ế cách
Bịnh nghẹn

60 關格 Quan cách
Trong bụng ngăn cách

61 痞滿 Bĩ mãn
Bụng tức đầy

62 積聚 Tích tụ
Bịnh hòn trong bụng

63 水腫 Thủy sũng
Bịnh phù nước

64 氣腫 Khí sũng
Bịnh phù hơi

65 鼓脹 Cổ trướng
Bịnh cổ bụng to

66 黃疸 Hoàng đản
Da bủng vàng

67 眩暈 Huyễn vựng
Sầm tối mặt

68 虛煩 Hư phiền
Buồn bực

69 不寐 Bất mị
Không ngủ được

70 健忘 Kiện vong
Hay quên

71 怔忡 Chinh sung
Hoảng hốt

72 驚悸 Kinh quí
Khiếp sợ

73 消渴 Tiêu khát
Khát nước đi đái nhiều

74 鬱病 Uất bịnh
Bịnh uất

75 癲狂 Điên cuồng
Dồ dại

76 癡獃 Si ngai
Ngớ ngẩn

77 癎症 Dản chứng
Bịnh động kinh

78 頭痛 Đầu thống
Dức đầu

79 頭風 Đầu phong
Đầu ù như sấm

80 須髮 Tu phát
Đầu tóc sớm bạc rụng

81 面病 Diện bịnh
Mặt có bịnh

82 目痛 Mục thống
Đau mắt

83 眉病 Mi bịnh
Lông mày đau

84 耳病 Nhĩ bịnh
Đau tai

85 鼻病 Tị bịnh
Đau mũi

86 口舌 Khẩu thiệt
Đau trong mồm, lưỡi

87 唇病 Thần bịnh
Đau môi

88 齒痛 Sỉ thống
Đau răng
89 頰車 Giáp sa
Sưng quai hàm
90 咽喉 Yết hầu
Đau trong cổ
91 梅核 Mai hạch
Trong cổ như có hột mơ
92 咽硬 Yết ngạnh
Bịnh hóc xương
93 頸項 Cảnh hạng
Đau ngoài cổ
94 結核 Kết hạch
Bịnh mọc hạch
95 聲瘖 Thanh ấm
Tiếng nói khàn
96 肩背 Kiên bối
Đau vai và lưng
97 臂痛 Tý thống
Đau cánh tay
98 腋臭 Dịch xú
Bịnh hôi nách
99 胸脇 Hung hiếp
Đau ngực và đau xườn
100 心痛 Tâm thống
Đau quả tim
101 腰痛 Yêu thống
Đau ngang thắt lưng
102 腹痛 Phúc thống
Đau bụng
103 腹鳴 Phúc minh
Sôi bụng
104 腹狹 Phúc hiệp
Trong bụng quắt lại
105 吐瀉 Thổ tả
Miệng nôn, trôn tháo
106 霍亂 Hoắc loạn
Bụng đau hoắc loạn
107 膝腫 Tất sũng
Xưng đầu gối
108 脚氣 Cước khí
Xưng bàn chân
109 風痺 Phong tý
Bịnh ốm tê
110 足痿 Túc nụy
Chân héo rũ
111 陽痿 Dương nụy
Ngọc-hành héo rũ
112 陽彊 Dương cường
Ngọc-hành cứng mãi
113 疝氣 Sán khí
Đau âm-nang
114 房室 Phòng thất
Bịnh phạm phòng
115 遺精 Di tinh
Chẩy tinh khí ra
116 白濁 Bạch trọc
Nước tiểu đục như nước cơm
117 溺白 Niệu bạch
Nước tiểu trắng như vôi
118 淋病 Lâm bịnh
Bịnh đi đái buốt
119 遺溺 Di niệu
Són đái ra
120 癃閉 Long bế
Bí tiểu tiện
121 秘結 Bí kết
Bí đại tiện

122 泄瀉 Tiết tả
Bịnh đi tả

123 痢疾 Ly tật
Bịnh đi ly

124 腸風 Trường phong
Đi iả ra máu

125 交腸 Giao tràng
Đại tiện, tiểu tiện lẫn lộn
(đái ra đường ỉa, ỉa ra đường đái).

126 脫肛 Thoát sang
Bịnh lòi tỹ

127 虫病 Trùng bịnh
Trong bụng có trùng

128 詐病 Trá bịnh
Bịnh giả cách

129 反畏 Phản uý
Vị thuốc phản nhau, sợ nhau

130 藥性炮製 Dược tính bào chế
Tính các vị thuốc sao tẩm

131 臟腑要藥 Tạng phủ yếu dược
Thuốc hợp tạng phủ

132 南藥 Nam dược
Thuốc nam

經 絡
1. — Kinh-Lạc

十 二 經 脈
Mười hai đường mạch đi dọc

Kinh-thái-âm ở tay thuộc về buồng phổi. Sáng ngày từ ba giờ ở huyệt Chung-phủ bên trên vú cách ba cái xương đi ra cánh tay xuống đến bên trong đầu ngón tay cái huyệt Thiếu-thương thì thôi.

Kinh-dương-minh ở tay thuộc về ruột già, từ năm giờ sáng ở huyệt Thiếu-thương giao sang bên trong đầu ngón tay chỏ huyệt Thương-dương noi cánh tay đi lên qua vai đến bên mũi huyệt Nghênh-hương thời thôi.

Kinh-dương-minh ở chân thuộc về dạ-dầy từ bảy giờ sáng ở huyệt Nghênh-hương giao sang ở dưới con mắt bảy phân huyệt Thừa-khấp đi lên trán lại quanh xuống cổ qua ngực bụng xuống đùi đến bàn chân bên trong đầu ngón chân thứ hai huyệt Lệ-đoái thời thôi.

Kinh-thái-âm ở chân thuộc về lá-lách từ chín giờ sáng ở huyệt Lệ-đoài giao sang bên trong đầu ngón chân cái huyệt Ẩn-bạch noi qua đùi đi lên bụng đến dưới nách ba tấc huyệt Đại-bao thời thôi.

Kinh-thiếu-âm ở tay thuộc về quả tim từ mười một giờ trưa ở huyệt Đại-bao giao sang dưới nách hai tấc huyệt Cực-toàn noi qua cánh tay đến bên trong đầu ngón tay út huyệt Thiếu-sung thì thôi.

Kinh-thái-dương ở tay thuộc về ruột non từ một giờ chiều ở huyệt Thiếu-sung giao sang đầu ngón tay út bên ngoài huyệt Thiếu chạch noi qua cánh tay đi lên qua vai đến mặt, trên lỗ tai huyệt Thính-cung thì thôi.

Kinh-thái dương ở chân thuộc về bong bóng từ ba giờ chiều ở huyệt Thính-cung giao sang bên trong đầu con mắt huyệt Tình-minh noi qua đầu xuống lưng lại qua đùi xuống bên ngoài đầu ngón chân út huyệt Chí-âm thời thôi.

Kinh-thiếu-âm ở chân thuộc về trái-cật từ năm giờ chiều ở huyệt Chí-âm giao sang gan bàn chân huyệt Dũng-toàn noi

qua đầu gối lên bụng đến ngực dưới xương nhồn huyệt Du phủ thì thôi.

Kinh-quyết-âm ở tay thuộc về mạng bọc quả tim từ bảy giờ chiều ở huyệt Du phủ giao sang bên dưới vú hai tấc, huyệt Thiên-chi noi qua cánh tay đến bàn tay, đầu ngón tay giữa huyệt Chung-sung thì thôi.

Kinh-thiếu-dương ở tay thuộc về bọc tam tiêu từ chín giờ đêm ở huyệt Chung sung giao sang bên ngoài đầu ngón tay thứ tư huyệt Quan-sung noi cánh tay đi lên đến mặt, trước cửa tai huyệt Nhĩ-môn thì thôi.

Kinh-thiếu-dương ở chân thuộc về trái mật từ mười một giờ đêm ở huyệt Nhĩ môn giao sang con mắt huyệt Đồng-tử-liêu qua bên tai xuống vạng sườn qua đùi đến bên ngoài đầu ngón chân thứ tư huyệt Khiếu-âm thì thôi.

Kinh-quyết-âm ở chân thuộc về buồng gan từ một giờ đêm ở huyệt Khiếu-âm giao sang đầu ngón chân cái huyệt Đại-đôn noi qua đầu gối đi lên đến bụng dưới vú, đầu xương sườn thứ hai huyệt Kỳ-môn thì thôi.

Đến ba giờ lại bắt đầu lại.

十五絡脉

Mười lăm đường mạch đi rẽ ngang

Kinh-thái-âm	ở tay	dây lạc tên là *Liệt-khuyết*
Kinh-thiếu-âm	ở tay	dây lạc tên là *Thông-lý.*
Kinh-quyết-âm	ở tay	dây lạc tên là *Nội-quan.*
Kinh-thái dương	ở tay	dây lạc tên là *Chi-chính.*
Kinh-dương-minh	ở tay	dây lạc tên là *Thiên-lịch.*
Kinh-thiếu dương	ở tay	dây lạc tên là *Ngoại-quan.*
Kinh-thái dương	ở chân	dây lạc tên là *Phi-dương.*
Kinh dương minh	ở chân	dây lạc tên là *Phong-long.*
Kinh-thiếu-dương	ở chân	dây lạc tên là *Quang-minh.*
Kinh-thái âm	ở chân	dây lạc tên là *Công tôn.*
Kinh thiếu âm	ở chân	dây lạc tên là *Thái-trung*
Kinh-quyết-âm	ở chân	dây lạc tên là *Lãi-câu.*
Mạch-dương-dốc		dây lạc tên là *Tràng-cường*
Mạch-âm-nhâm		dây lạc tên là *Âm-hội*
Kinh-tỳ		dây lạc nhớn tên là *Đại-bao.*

奇經八脈
Tám mạch kỳ kinh

Mạch dốc từ huyệt Tràng-cường ở xương cùng chỗ trũng noi xương sống lưng đi lên qua đầu óc, xuống mũi vào huyệt Ngận-rao ở khe răng cửa trên.

Mạch-nhâm từ huyệt Âm-hội ở trước Đang-môn noi qua bụng đi lên đến huyệt Thừa-tương ở giữa môi dưới.

Mạch-sung từ huyệt Khí-sung ở gần Tiền-âm qua bọc noi sống lưng sang bụng đến trong cổ quanh mồm mép.

Mạch-dương-kiểu từ trong gót chân noi mắt cá ngoài đi lên đến huyệt Phong-trì ở sau tai, mạch này đi ở sau lưng gọi là Dương.

Mạch-âm-kiểu từ mắt cá trong noi bụng đi lên đến trong cổ, mạch này đi ở bụng gọi là Âm.

Mạch-dương duy từ huyệt Kim-môn ở kinh thái-dương dưới mắt cá ngoài chỗ trũng dàng buộc các mạch dương thuộc ở ngoài.

Mạch-âm duy từ huyệt Chúc-tân ở kinh thiếu-âm trên mắt cá trong dàng buộc các mạch âm thuộc ở trong.

Mạch-đái từ huyệt Quý-lặc ở dưới xương sườn cụt tiếp xương lưng quấn quanh khắp mình tóm các mạch như buộc dai lưng.

臟 腑
2. — Tạng-Phủ

十 二 官
Mười hai quan

Quả tim là ngôi vua chúa.
Sự thông minh bởi đó mà ra.
Buồng phổi là chức Tể-tướng.
Quan văn coi việc cai trị trong nước

Buồng gan là chức Tướng-quân.
Quan võ nghĩ việc mưu lược binh cơ.
Trái mật là quan Trung-chính.
Ngay thẳng quyết đoán mọi việc trong ngoài.
Trong mỏ-ác là quan nội đình.
Những sự vui vẻ bởi đó mà ra.
Lá-lách là chức can ngăn.
Chủ việc khuyên giải thông biểu các nhẽ.
Dạ-dầy là chức chủ kho tàng.
Chứa chất thóc gạo các vị.
Quả bồ-dục là chức chủ kho.
Tạo tác sinh ra những việc khôn khéo.
Ruột non là chức coi máy lọc.
Chia ra làm hai thứ: trong, đục.
Ruột già chuyên việc vận tải.
Các vật cho hết không để lưu lại.
Bọng tam-tiêu chủ việc khoi sông.
Từ thượng nguồn đến hạ lưu cho thuận, ròng nước chẩy.
Bong-bóng là chức giữ cửa sông.
Tụ hội hễ đầy thì mới phóng ra.

五臟所屬
Ngũ-tạng sở thuộc

Buồng gan thuộc hành-mộc là cây ở phương đông chủ các gân màng thông tia ra mắt những các sắc xanh, các mùi chua và khi gào thét, dận dữ đều thuộc về buồng gan.

Quả tim thuộc hành-hỏa là lửa ở phương nam, chủ các mạch máu thông tia ra lưỡi những các sắc đỏ, các vị đắng, những khi vui cười mừng rỡ đều thuộc ở tim,

Lá-lách thuộc hành-thổ là đất ở khu giữa chủ các thớ thịt thông tia ra miệng những các sắc vàng các vị ngọt và khi ngâm hát nghĩ ngợi đều thuộc lá-lách.

Buồng-phổi thuộc hành-kim là vàng ở phương tây chủ ngoài da chân lông thông tia ra mũi, những các sắc trắng các vị cay và khi than khóc thương lo đều thuộc buồng phổi,

Trái-cật thuộc hành-thủy là nước ở phương bắc chủ các xương tỉ thông tia ra tai những các sắc đen, các vị mặn và khi rền rĩ sợ hãi đều thuộc về trái-cật,

五臟見症
Ngũ-tạng-hiện-chứng

Quả-tim nhân lửa uất thì hay hầm hừ.
Buồng gan nhân gió động thì hay nói.
Buồng-phổi nhân khí sung ngược hóa ra ho.
Trái cật nhân khi không nạp xuống hóa ra thở.
Con tỳ nhân hư tổn nên hay nhai nuốt.
Lửa nóng thì thần hồn mê, quả tim chúa thần ghét sự nóng.
Lạnh thì tổn khí, buồng phổi chủ khí ghét sự lạnh.
Gió thì máu khô, buồng gan chủ huyết ghét sự gió.
Ẩm thấp thì đất nát, con tỳ thuộc thổ ghét sự ướt.
Giời hanh thì khô ráo. Trái cật ưa nhuận ghét sự ráo
Quả tim chứa thần, sót sa lo nghĩ thì thương tổn tinh thần.
Lá lách chứa ý tứ, sầu khổ lắm thì tổn hại ý tứ.
Buồng gan chứa hồn, khóc lóc thổn thức thì thương hồn.
Buồng phổi chứa vía, vui mừng quá sức thì hại vía.
Trái cật chứa tinh và chứa trí, dận dữ lắm thì hại trí, sợ hãi quá thì tổn tinh.

陰陽
3. — Âm Dương

Giời là dương, đất là âm.
Mặt giời là dương, mặt giăng là âm.
Ban ngày là dương, ban đêm là âm.
Cha là dương, mẹ là âm.
Lửa là dương, nước là âm.
Nóng là dương, lạnh là âm.
Dương chủ động cựa, âm chủ yên lặng.
Dương chủ ở ngoài, âm chủ ở trong.
Dương chủ lên trên, âm chủ xuống dưới.
Dương hóa ra khí, âm thành ra hình.
Dương là giống đực, âm là giống cái.

Nhẹ nhàng là dương, nặng nề là âm.
Mạnh khỏe là dương, yếu đuối là âm.
Nhanh chóng là dương, chậm chạp là âm.
Vui mừng là dương, buồn rầu là âm.
Quả-tim, buồng-phổi là dương.
Buồng-gan, trái-cật là âm.
Dạ-dầy thuộc dương, lá-lách thuộc âm.

Bịnh thuộc âm phát ra chậm mà lâu khỏi. Bịnh thuộc dương phát ra chóng mà mau khỏi. Khí dương hư thì ngoài da lạnh. Khí âm hư thì trong bụng nóng. Khí âm ít, khí dương nhiều hơn cho nên mình nóng mà bụng dầy. Khí dương ít, khí âm nhiều cho nên mình lạnh như ngâm nước. Khí dương thoát mất thì mắt mờ. Khí âm thoát mất thì tròng thấy ma quỉ. Tà khí cảm vào dương phận thì lửa bừng lên hóa ra bịnh cuồng. Tà khí cảm vào âm phận thì máu tụ lại hóa ra bịnh tê. Khí lạnh cảm ở ngoài dương phận thì phát sốt mà sợ lạnh. Khí lạnh cảm vào âm phận thì không sốt mà sợ lạnh.

水 火

4. — Thủy Hỏa

Quả-tim là Quân-hỏa. Mịnh môn là Tướng-hỏa. Bàng-quang là Dân-hỏa. Ba thứ ấy gọi là: Tam-muội-chân-hỏa. Như Long-hỏa, Thiếu-hỏa cũng là Tướng-hỏa. Lôi-hỏa là Can-hỏa Tráng-hỏa là Tà-hỏa. Còn những Phế-hỏa, Vị-hỏa, Tam-tiêu-hỏa trong tạng phủ điều có hỏa cả. Nhưng mà Thiếu-hỏa thì sinh ra khí, Tráng-hỏa thì tiêu mất khí đi.

Hết thẩy cả như: máu, mủ, mồ-hôi, nước-bọt, nước-mắt, nước mũi, đờm, rãi, nước tiểu và tinh khí điều thuộc về thủy cả.

Mịnh-môn-hỏa là gốc các thứ lửa, thận thủy là nguồn các dòng nước. Bồ-dục thuộc nước, tinh nước là trí cho nên bồ-dục chứa trí-khôn.

Quả-tim là lửa, tinh lửa là thần cho nên quả-tim chứa thần thiêng, quả-tim là lửa có hình thì thận thủy khắc phạt. Mịnh-môn là lửa không hình thì thận thủy sinh nuôi. Lửa

động thì nóng, lửa nất thì lạnh, lạnh quá hóa ra nóng; nóng quá hóa ra lạnh.

Lửa quả-tim đã suy thì lửa mịnh-môn cũng kém, ấy là nơi có hình khuy tổn đến cả chỗ không hình.

Lửa Mịnh-môn đã bùng thì lửa quả tim cũng cháy, thế là chốn không hình sung động đến cả nơi có hình.

Lửa dương rễ cứu, nước âm khó cầu, ví như một tí lửa đốt được cả muôn khỏanh đồi núi. Một gáo nước khó lòng tưới được cả một xe lửa.

Lửa có hình thuộc dương phải chính trị lấy thuốc lạnh chữa nóng.

Lửa không hình thuộc âm phải tòng trị lấy thuốc nóng chữa bịnh nóng.

Dùng thuốc lạnh không thấy mát bởi vì thận thủy hư; dùng thuốc nóng không thấy nóng bởi vì tướng hỏa suy.

Những nơi lửa nấp dấu chẳng qua ở trong tỳ thổ, thận thủy mà thôi.

Lửa yên ở ngôi. Nước thuận dòng chẩy thì các bộ vị trong mình người ta đều sung sướng cả.

命門論

Mịnh-môn luận

Pho nội-kinh đức Hoàng-đế có nói: bên cạnh đốt xương-sống thứ bẩy trong ấy có quả-tim con là ám chỉ ngôi huyệt Mịnh-môn. Kinh-dịch nói: phương Bắc thuộc quẻ khảm, một hào dương ở giữa hai hào âm ở hai bên thực là huyệt Mịnh-môn ở dó. Tên Mịnh-môn từ ông Biển-Thước mới đặt ra trong pho Nạn-kinh đến nạn thứ ba mươi sáu có nói: hai quả bồ-dục bên tả là thận, bên hữu là Mịnh-môn, đến nay chửa ai hiểu được nghĩa ấy. Ông Triệu-dưỡng-Quỳ làm pho Y-quán có vẽ đồ huyệt Mịnh-môn hai bên lại thêm có lỗ đen trắng, bảo rằng: lỗ trắng là tướng hỏa, lỗ đen là chân thủy. Như thế thì Mịnh-môn đã là hỏa mà bên cạnh lại thêm tướng hỏa nữa, có nhẽ đâu một kinh thận mà kiêm hai hỏa ru. Ông Cảnh-Nhạc thường nói: không phải sách ông thánh thì không nên học, cho nên Phương-bát-trận có đặt bài tả-quy, hữu-quy

là muốn theo ý pho Nạn-kinh. Nay tôi cứ theo ý pho Nội-kinh và tượng quẻ-khảm thì hai bồ-dục là chân thủy, Minh-môn ở giữa là chân hỏa, còn đến như hai lỗ đen trắng chỉ làm dối hoặc cho người ta không lấy gì làm bằng cứ.

氣 血
5. — Khí Huyết

Vinh là huyết, vinh hóa da thịt người. Vệ là khí, hộ vệ gân xương người.

Buồng-phổi chủ khí thở hơi ra, bồ-dục nạp hơi xuống, buồng-gan chủ huyết chứa máu. Con tỳ sinh ra máu, quả-tim tóm cả các mạch máu.

Khí thuộc dương chủ động cựa làm khơi đường cho huyết.

Huyết thuộc âm chủ yên lặng phải nương vào khí.

Khí không được huyết phụ vào thì tan ra mà không tóm lại được.

Huyết không có khí dẫn đi thì đọng lại mà không lưu thông được.

Khí hư thì ngoài da tê như gãi ngoài áo huyết hư thì gân mạch cứng như gỗ.

Trong huyết phận mà không có khí thì chân tay rời rã ra.

Trong khí phận mà không có huyết thì gân mạch co quắp lại.

Khí thực thời nóng, khí hư thì lạnh, bịnh thực ưa thuốc mát, bịnh hư ưa thuốc nóng. Khí phận nhiều lắm hóa ra lửa nóng vì bằng ít ỏi thì lạnh lẽo. Phận huyết dồi dào thì hay dận dữ, nếu mà vơi cạn thì sợ hãi.

Khí như lửa nóng nhiều thì máu dễ theo lên.

Huyết như nước lạnh ít nước nên lửa càng cháy.

Phần huyết thịnh vượng hơn khí thời người béo mà yếu.

Phần khí mà bội hơn huyết thì người gầy mà thọ

Vị khí hư không liễm được nguyên-dương ở trung cung.

Âm huyết ít không nạp được long hỏa ở hạ tiêu

Bịnh thương hàn thì khí uất ở trong mà mình lạnh.

Chứng thương thử thì khí tán ra ngoài mà mình nóng.

Bịnh nôn mửa thì tổn dương khí, khí hư thì sợ hãi.

Chứng đi tả thì hao âm huyết, huyết hư thì kinh hoàng.
Bịnh đã thất huyết rồi lại nhân ngoại cảm, dùng phát hãn cũng không có bồ-hôi.
Chứng thổ huyết dùng thanh hỏa không khỏi, phải phát hãn mới được.
Người ta khi ngủ thì máu vào trong buồng gan, nếu mà huyết hư can khí tiết ra thì không ngủ được lại hay đi tiểu. Khí huyết chẳng được đều hòa thì lưu đọng hóa ra ung cái. Khí huyết người ta ví như nguồn xuối nhiều thì lưu thông. ít thì đọng lại.

望聞問切
6. — Vọng văn vấn thiết

望法
Vọng-pháp

Phép vọng để xem hình sắc

Mặt đỏ là nhiệt. Mặt tối tăm là hàn. Mặt trắng bạch là khí hư. Mặt xanh là gan uất. Mặt đen là thận bại. Mặt vàng là tỳ hư.

Mắt đỏ là nhiệt. Mắt lim rim là hàn. Lưỡi không có rêu tà còn ở ngoài. Lưỡi có rêu trắng tà đã vào trong. Lưỡi trắng chuyển vàng tà đã thành lửa nóng. Lưỡi đen và ráp là vị hỏa nóng quá. Lưỡi đỏ mà có gai là con tâm nhiệt Lưỡi đen mà mềm là thận hư. Môi khô nứt là âm hư Môi sưng đỏ là nhiệt độc. Môi xám là hàn. Môi đỏ trong bụng có dun.

Mũi ngạt nước đặc là phong nhiệt. Mũi chảy nước trong là phế hàn.

Cau lông mày là rức đầu.

Tay sờ bụng là đau vị oản. Nói thời lắc đầu là đau trong bụng. Muốn quạt là nhiệt uất Cắn cặp môi là trong bụng lạnh. Nhược bằng tay bắt chuồn-chuồn, vuốt áo, sờ giường là bịnh nguy.

Còn như là nhân-trung sưng sũng, mũi như ống khói, quầng mắt trũng, mặt đen, môi xám, mắt mờ, răng khô, tóc

dựng, há mồm thở ra, quanh mồm đen xám, thở như kéo cưa, bồ-hôi như dầu, bồ-hôi trán như hạt châu, móng tay xanh xám, lưỡi rụt, nói ngọng, đại, tiểu, són ra đều là bịnh nguy lắm cả

聞法

Văn-pháp

Phép văn là để nghe tiếng tăm

Hay cười là tâm hỏa thịnh. Kêu khóc là xương lĩ đau, dận dữ hay mắng chửi là bịnh ở buồng gan; thường thổi hơi ra là bịnh uất, hơi không đủ thở là tỳ khí hư, muốn nói không nói, nói sẽ cũng sợ là thận bịnh, nói nhỏ mà run là nội-thương, hay rền-rĩ là trong mình đau ảm ỷ, vụt chốc nói khàn là nhân-phong-hỏa. Ốm đau mất tiếng là hư hỏa hun lên phổi. Tiếng nói khỏe mạnh còn là ngoại-cảm, ví mà nói nhảm không thôi, người có hơi thối đều là bịnh nguy.

問法

Vấn-pháp

Phép vấn để hỏi bịnh tình

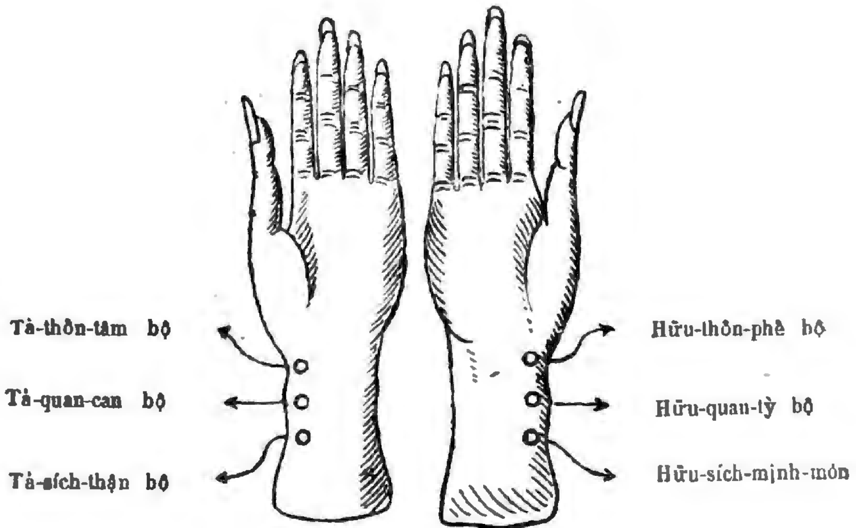
Bịnh phải từ bao giờ? Đã uống thuốc đâu chưa? Trong mình nóng lạnh thế nào? Có đổ bồ-hôi không? Có rức đầu không? Tai có ù không? Mình mẩy có đau không? Ăn uống thế nào? Mồm có biết ngon không? Trong cổ có đau không? Có nôn mửa không? Vai lưng có đau không? Ngực có đầy không? Bụng có đau không? Có ngủ được không? Khi đêm có nặng hơn không? Đi tiểu có được trong không? Đại tiện có lợi không?

Đàn bà phải hỏi: kinh-nguyệt có đều không? có mang tháng nào không?

切法

Thiết-pháp

Phép thiết để xem sáu bộ mạch



Tay chiêu ba bộ mạch gì ?
Tả thốn tâm bộ cùng thì ruột non.
Tả quan trái mật buồng-gan,
Tả sích thận thủy bàng quang cũng tùy.
Ba cung tay mặt lại suy,
Hữu thốn buồng phổi kiêm chi ruột già.
Hữu quan tỳ vị hai nhà,
Hữu sích mịnh hỏa cùng là tam tiêu.
Một tay không mạch lạ điều,
Gọi là đan-phục khác chiều người ta.
Hai tay mạch chẳng hiện ra,
Gọi là song-phục dễ hòa tìm đây.
Phản quan mạch ở sau tay,
Bởi vì gân chuyển vật ngay ra ngoài.
Người đau mạch khỏe kìa ai!
Nội-hư tên gọi những người lạ thay.
Mạch bịnh người chẳng sao đây,
Hành-thi tên gọi để nay biết cùng

七表八裏九道脈名

Thất-biểu bát-lý cửu-đạo mạch danh

Phù, khu, hoạt, thực, huyền, hồng,
Mạch-khẩn là bảy, dương cung bịnh ngoài.
Trầm, vi, trì, hoãn, mấy nơi;
Sắc, phục, nhu, nhược, tám loài bịnh trong.
Tế, sác, hư, động, bốn cung;
Súc, kết, tán, đợi cách chung chín đường.
Còn ba mạch : đại, đoản trường,
Sách kinh đã chép phải tường xem qua.

諸脈形狀

Chư mạch hình trạng

Mạch phù nồi ở ngoài da,
Mạch trầm ấn nặng ấy là bịnh âm.
Mạch trì ba chí chớ nhầm,
Mạch sác sáu chí vừa tầm một hơi.
Hoạt trơn như chuỗi hạt trai,
Mạch sắc rin rít cạo ngoài cật tre.
Mạch đại to nhớn chín ghê,
Mạch hoãn bốn chí đến kỳ bình yên.
Hồng như nước cả tung lên,
Mạch thực chắc chắn vững bền không chi.
Huyền như cung cứng cực kỳ,
Mạch khẩn năm chí bằng thì lôi dây.
Mạch trường vượt quá ngón tay,
Mạch khu lép kẹp có dầy dâu ư.
Mạch vi như rện vương tơ
Mạch tế rẩu nhỏ còn sờ thấy tăm.
Mạch nhu yếu sức khôn cầm,
Mạch nhược muốn mất dễ tầm được nao.
Mạch hư rỗng tếch có đâu,
Mạch cách như thể trống chầu mới bưng.

Động như hạt đậu từng từng.
Mạch tán tan tác nhẹ chừng thấy hơi
Mạch phục nấp ở miền khơi,
Mạch tuyệt đứt mất dầy chơi chẳng còn.
Đoản thời ngắn ngỏi cỏn con.
Súc thì chạy chóng lon xon lại dừng.
Kết thời thong thả cũng chừng,
Mạch đợi hồi chỉ đếm bằng như nhau.

諸脈主病
Chư mạch chủ bịnh

Trải xem các bịnh cơ mầu,
Mạch tình phải xét nông sâu mới làm.
Phù phong khu huyết hoạt dàm.
Huyền lao thực nhiệt, vi hàn khẩn đau.
Hồng như lửa đốt càng mau,
Trầm nhân khí uất hoãn hầu bì tê
Nhược thời xương tỷ đau ê.
Mạch nhu đa hãn già thì không sao.
Sắc thời tinh huyết tổn hao.
Phục thì quan cách trì bao lạnh lùng.
Mạch trường khí huyết doanh sung.
Tế là khí thiểu đợi cùng khí suy.
Súc sác dương thịnh nhiệt di.
Đoản trệ kết tích đại thì bịnh lên.
Hư kinh động thoát chẳng yên,
Cách là quái mạch hư hàn biến thiên.

七死脈
Thất tử mạch

Lại xem bảy mạch thành tiên.
Chim sẻ lộp bộp mổ liền năm ba.
Nhà dột thánh thót dọt xa.
Gẩy hòn đá cuội bật ra khôn tìm.

Bọn dây rối rít chẳng êm.
Thung thăng cá lội chợt liền vẫy đuôi.
Cóc di nhẩy cái lại ngồi,
Lăm tăm nổi bọt nước sôi tuôn rào.

人迎氣口脉
Nhân nghênh khí khẩu mạch

Nhân nghênh ngoại cảm xem sao.
Tay chiêu bộ thốn phong trào thất nghi.
Nội thương khí khẩu tường suy,
Thốn cung tay phải đòi khi thất tình.

冲陽太溪脉
Sung dương thái khê mạch

Sung dương trên huyệt nội đình,
Khe ngón chân trỏ mạch hình động lên.
Thái khê mắt cá trong bên,
Khe gân gót mạch động liền ứng tay.
Những người bịnh đã nguy dây,
Xem sung-khê-mạch còn nay lại bồi.
Sung-dương, tỳ vị hai ngôi,
Thái-khê thận mạch là nơi gốc nguồn.

表裏虛實寒熱
7.— Biểu lý hư thực hàn nhiệt

Biểu chứng là ngoại cảm; khi gió, rét, nắng, mưa, khô, nóng gọi là lục dâm.

Lý-chứng là nội-thương, lúc mừng, lúc dận, lo, nghĩ, thương, kinh, sợ gọi là Thất-tình. Còn như đói, no, mỏi mệt cũng là nội-thương.

Hư-chứng như là hơi thở thì ngắn, hình thể thời yếu, thường đổ bồ-hôi, tinh-thần hoảng hốt, ưa nóng ghét lạnh, tay thường ôm bụng, mạch chạy thời yếu; lại còn có âm hư, dương hư, khí hư, huyết hư, thủy hư, hỏa hư không giống nhau, phải xét cho phân minh mà dùng thuốc bổ.

Thực-chứng như là bịnh không có bồ-hôi, đờm rãi nhiều quá, dồ dại trong lòng uất dận, bụng chướng mó vào đau, bụng có trùng tích, đại tiểu bế kết, mạch chạy khỏe lắm, xét xem chứng ấy phải dùng thứ thuốc tả ngay đi.

Hàn-chứng như môi trắng nhợt, miệng không khát, chân tay lạnh, nước tiểu trong, đại tiện lỏng, bụng thì lạnh, mạch trầm nên dùng thuốc nóng.

Nhiệt-chứng thì mặt đỏ, khát lại thích nước lã, tiểu tiện vàng đỏ, đại tiện táo kết, môi se, lưỡi khô, mạch thời hồng sác có sức, phải dùng thuốc mát. Lại còn dương hư nóng ở ngoài, phải bổ tỳ cho thu dương vào. Âm hư nóng ở trong, phải bổ âm cho lửa xuống.

Giả-hàn chứng, là nóng quá hóa ra lạnh, lại hay sợ lạnh, đắp áo trùm chăn, chân tay lạnh giá, mà tay lạnh không đến khỉu, chân lạnh không quá đầu gối, mạch chạy thì khỏe thử cho uống nước lạnh thì mát ruột lắm.

Giả-nhiệt chứng là lạnh quá hóa ra nóng, lại sinh những sự bịnh phiền táo; cổ khô, miệng khát mạch nhỏ mà chạy chậm, thử cho uống nước lạnh uống vào lại nôn ra.

內傷外感辨

8.— Nội-thương ngoại-cảm biện

Ông Lý-đông-Viên nói rằng: « những khi người ta ăn uống thất thường và khó nhọc quá sức là bịnh nội-thương. Những khi cảm gió lạnh vào xương thịt là bịnh ngoại cảm; hai chứng ấy từa tựa giống nhau; mà thuốc chữa thì khác, vì bằng không biện bạch ra, dùng thuốc nhầm lỗi thời thêm tổn hại lắm.

Bịnh nội-thương phát sốt lúc nóng, lúc khỏi, hoặc cổi trần ra cũng thấy mát mẻ.

Bịnh ngoại-cảm phát sốt chẳng lúc nào không, hễ ra được bồ-hôi thời mới khỏi sốt.

Bịnh nội-thương sợ lạnh, được vào hơi ấm áp thời thôi.

Bịnh ngoại-cảm sợ lạnh dẫu đắp chăn đốt lửa cũng không khỏi.

Bịnh nội-thương sợ gió, thời không sợ gió to, chỉ sợ gió lò khe cửa.

Bịnh ngoại-cảm sợ gió dù gió nhờn, gió nhỏ cũng không chịu được.

Bịnh nội-thương rức đầu, chợt đau chợt khỏi.

Bịnh ngoại-cảm rức đầu phải dùng thuốc phát tán mới khỏi, hay là tà khí truyền vào trong thời cũng khỏi.

Bịnh nội-thương trong bụng có thấp khí thì miệng không khát hoặc là tâm hỏa khắc phế-kim thời cũng khát nước.

Bịnh ngoại-cảm hoặc hai ba ngày tà truyền vào trong bấy giờ mới khát.

Bịnh nội-thương thì chân tay rời rã mỏi mệt hay nằm.

Bịnh ngoại-cảm khắp trong mình gân xương đau đớn.

Bịnh nội-thương nguyên khí suy thì người yếu, mà nói năng biếng lười.

Bịnh ngoại-cảm tà khí thịnh thì người khỏe, mà tiếng nói dắn dỏi.

Bịnh nội-thương thì gan bàn tay nóng, mà lưng bàn tay lạnh.

Bịnh ngoại-cảm thì gan bàn tay mát, mà lưng bàn tay nóng.

Bịnh nội-thương dù ăn được như miệng không biết ngon, nước tiểu thì vàng, đại tiện hoặc táo hoặc lỏng.

Bịnh ngoại-cảm miệng biết ngon mà không muốn ăn, đại tiểu như thường.

傷風傷寒辨

9. — Thương-phong thương-hàn biện

Chứng thương-phong cảm gió lạnh, nhẹ mà nông chỉ phạm ngoài da chân lông.

Chứng thương-hàn cảm gió lạnh nặng mà sâu truyền vào trong các mạch máu.

Chứng thương phong thuộc dương, mau phát sốt mà mũi sổ chẩy nước.

Chứng thương-hàn thuộc âm, chậm phát sốt mà mũi ngạt khô ráo.

Chứng thương phong phát sốt sợ gió dâm dấp bồ-hôi mạch phù mà hoãn.

Chứng thương-hàn phát sốt sợ lạnh không có bồ-hôi mạch phù mà khẩn

Chứng thương-phong thời hắt hơi luôn, trên trán hấp sốt.

Chứng thương-hàn thì mình mẩy đau rừ, trên đầu váng rức.

Chứng thương-phong thời phát sốt ho hắng hoặc có mũi ngạt tắc, tiếng nói khè.

Chứng thương-hàn thời sốt rữ phát xuyễn hoặc có đau gân cổ, cứng xương lưng.

Chứng thương-phong thời mặt mũi sáng sủa chân tay hơi nóng.

Chứng thương-hàn thời mặt mũi âu sầu chân tay hơi lạnh.

Chứng thương-phong tuời rức dầu từng lúc mà hơi nặng hơi váng.

Chứng thương-hàn thời rức đầu luôn luôn mà như búa bổ như dùi xiên.

Chứng thương-phong là nhẹ cho nên đi lại như thường, ăn uống biết ngon.

Chứng thương-hàn là nặng vậy thời nằm ngồi mỏi mệt, gân xương đau rức.

諸虛症辨

10. — Chư hư chứng biện

Ôi! nước với lửa thuộc về tiên thiên. Khí cùng huyết thuộc về hậu thiên. Âm và dương là tóm cả tiên, hậu thiên mà nói. Nước là mẹ máu Lửa là gốc khí. Âm dương là gọi tên không. Nước lửa là có hình thực. Tiên thiên là thai nguyên khi còn ở trong bụng. Hậu thiên là từ lúc sinh ra cho đến khi nhớn.

Bịnh khí hư thời da thịt mát lạnh, ăn không ngon miệng, lười biếng hay nằm, làm lụng hay thở dùng thang *Tứ-quân-tử* bội nhân-sâm gia hoàng-kỳ : 2 đồng

Bịnh khí hư hạ hãm. Sự hạ hãm là hư tổn quá lắm thời con mắt lim rim mê man không tỉnh, tinh thần mỏi mệt, muốn nằm không dậy dùng thang *Bổ-trung ích-khí.*

Bịnh huyết hư thời da thịt gầy đen, lông; tóc khô cứng, gân mạch co quắp, đại-tiện táo sáp dùng bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Tiểu-doanh-tiên.*

Bịnh dương hư thời sắc mặt trắng bệch, chân tay giá ngắt việc dương chẳng dấy lên, đại-tiện lỏng nát dùng thang *Phụ-tử-lý-trung* và *Tứ-vị-hồi dương ẩm.*

Bịnh âm hư thời cổ khô, miệng ráo, đêm thường ít ngủ nước thời khát, xương thời nóng, hễ quá trưa lại phát sốt, dùng bài *Nhất âm tiên*, bài *Gia-giảm-nhất âm-tiên.*

Bịnh thủy hư thời nước bọt khan khô thường hay khát nước, trong bụng nóng nẩy, phân như cứt dê, dùng bài *Lục-vị hoàn* bài *Tả-quy-ẩm.*

Bịnh hỏa hư thời ưa nóng sợ lạnh, ăn uống không tiêu, đầu gối lạnh đến bàn chân, sớm ngày nào cũng đi tả dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy ẩm.*

Bịnh phế hư thời nói thở hổn hển, ho hen nhiều đờm, chân lông rão, nhiều bồ-hôi, tiếng nói khản hoặc rè rè dùng thang *Ninh-phế*, bài *Lục-vị-hoàn* gia a-giao 2 đồng mạch môn 2 đồng.

Bịnh tâm hư thời hoảng hốt không ngủ được hay dật mình, sợ hãi đánh trống ngực, nói trước quên sau, đái vãi không biết, dùng bài *Bổ-tâm-thần-hiệu* thang *Quy-tỳ.*

Bịnh vị hư thời ăn uống đình tích, ợ thường chua cổ, lợm dọng nôn mửa, đau bụng đi rửa, dùng bài *Hương-sa-lục quân*, bài *Ngũ-vị-dị-công.*

Bịnh tỳ hư thời ăn uống kém ít, trong bụng thường đầy, chân tay mỏi yếu, đại-tiện không thực, dùng bài *Dưỡng-trung-tiên*, bài *Ngũ-âm-tiên.*

Bịnh can hư thời chuột rút thường co gân, nằm ngủ hay bóng đè, đau bên cạnh sườn và đau bụng dưới, đàn bà thì huyết ít kinh chậm dùng thang *Tứ-vật*, bài *Tam-âm-tiên.*

Bịnh thận hư thời mắt hoa, tai ù, lưng đau, gối mỏi, đầu bạc, răng long, đi tiểu không nhịn được dùng bài *Quy-thận-hoàn*, thang *Thập-bổ hoàn.*

脾陰虛辨
Tỳ âm hư biện

Hai kinh tỳ vị hư tổn mà sinh bịnh điều có tức đầy, nhưng mà vị dương hư mà tức đầy bởi nhân ăn uống chậm tiêu thời còn dễ biết, bằng như tỳ âm hư tổn cũng sinh tức đầy, thời khó biết được.

Ông Lý-đông-Viên dùng huyết dược trị tức đầy, ít người biết nhẽ ấy; mà cũng không phân biệt cho: thế nào là tỳ, thế nào là vị, há có dùng thuốc tiêu không khỏi mà đổi ra huyết dược sao cho đành. Nay tôi xin biện cho rõ ràng, để dễ hiểu.

Một thứ kinh dương-minh vị hư, thời mạch bộ quan bên hữu thấy nhu, hoãn hoặc trì, tế; Chứng thời thấy: ăn uống chẳng ngon, trong bụng thường lạnh, hoặc có nuốt chua cồ, ợ hơi, bởi vì chậm tiêu sinh ra tức đầy, miệng thường không khát, ấy là dương hư, mà khí lạnh phải dùng Sâm, Truật ôn bổ cho khỏi tức đầy.

Một thứ kinh thái-âm, tỳ hư thời mạch bộ quan bên hữu thấy trầm mà khẩn, ăn uống vẫn điều hòa, trong bụng không lạnh, mà lại không có ợ chua nuốt chua chỉ những khi ăn cơm lâu rồi thời mới thấy tức đầy, hoặc có khát nước thế là tỳ âm hư mà phần máu ít, nên dùng nước tưới thời đất khỏi khô, lấy Quy, Thục mà bổ âm thời mới khỏi.

諸火症
Chư hỏa chứng

Phế hỏa thịnh quá thời ho ra máu hoặc đổ máu cam, đờm rãi nhiều, nói mất tiếng.

Tâm hỏa vượng hơn thời dồ dại nói nhảm, lưỡi thời đỏ tiếng nói như thét.

Can hỏa mạnh lắm thời ăn buông miệng lại đói ngay hay đau mắt đỏ.

Vị-hỏa xung lên thời chân răng chầy máu, lưỡi mọc rêu trắng rêu vàng.

Long-hỏa bốc lên thời khát nước như tát, cuống lưỡi mọc rêu đen, phải tường các môn mà chữa.

列 方

Liệt các bài thuốc

四君子湯

Tứ-quân-tử thang

党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng	茯苓三リ Phục-linh 3 đồng
炙草一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi	紅棗三枚 Hồng-tảo 3 quả	生姜五片 Sinh-khương 5 nhát

---

補中益氣湯

Bổ-trung ích-khí thang

黄芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng	党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng
當歸二リ Đương-quy 2 đồng	炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng	陳皮五分炒 Trần-bì 5 phân
升麻五分 Thăng-ma 5 phân	柴胡五分 Sài-hồ 5 phân	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát
大棗二枚 Đại-táo 2 quả.		

大營煎

Đại-doanh-tiên

熟地六リ
Thục địa 6 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

杜仲二リ
Đỗ-trọng 2 đồng

杞子二リ
Khởi-tử 2 đồng

牛必二リ
Ngưu-tất 2 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

肉桂五分
Nhục-quế 5 phân.

小營煎

Tiểu-doanh-tiên

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng

當歸二リ
Đương-quy 2 đồng

白芍二リ
Bạch-thược 2 đồng

淮山二リ炒
Hoài-sơn 2 đồng

杞子二リ
Khởi-tử 2 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

附子理中湯

Phụ-tử lý-trung thang

党参五リ姜炒
Đẳng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

製附五分或一リ
Chế-phụ 5 phân hoặc 1 đồng.

四味回陽飲

Tứ vị hồi dương ẩm

洋参五リ姜炒
Dương-sâm 5 đồng

乾姜三リ炒
Can-khương 3 đồng

炙草二リ
Chích-thảo 2 đồng

製附一リ
Chế-phụ 1 đồng.

一陰煎
Nhất-âm-tiên

熟地五ꝇ Thục-địa 5 đồng	生地二ꝇ Sinh-địa 2 đồng	麥門三ꝇ炒 Mạch-môn 3 đồng
白芍二ꝇ炒 Bạch-thược 2 đồng	丹参二ꝇ Đan-sâm 2 đồng	牛必二ꝇ Ngưu-tất 2 đồng
炙艸一ꝇ Chích-thảo 1 đồng.		

加減一陰煎
Gia giảm nhất-âm-tiên

熟地五ꝇ Thục-địa 5 đồng	生地二ꝇ Sinh-địa 2 đồng	麥門三ꝇ炒 Mạch-môn 3 đồng
白芍二ꝇ炒 Bạch-thược 2 đồng	知母一ꝇ炒 Tri-mẫu 1 đồng	炙艸七分 Chích-thảo 7 phân
地骨皮一ꝇ Địa-cốt-bì 1 đồng.		

六味丸
Lục-vị hoàn

熟地八ꝇ Thục-địa 8 đồng	淮山四ꝇ炒 Hoài-sơn 4 đồng	山茱二ꝇ酒炒 Sơn-thù 2 đồng
牡丹三ꝇ酒炒 Mẫu-đơn 3 đồng	茯苓三ꝇ Phục-linh 3 đồng	澤瀉一ꝇ塩炒 Trạch-tả 1 đồng.

左歸飲

Tả-quy ẩm

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	淮山四リ炒 Hoài-sơn 4 đồng	山茱二リ酒炒 Sơn-thù 2 đồng
茯苓三リ Phục-linh 3 đồng	杞子二リ Khởi-tử 2 đồng	炙草一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

八味丸

Bát-vị hoàn

即六味丸加

Là bài Lục-vị-hoàn gia

肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	製附五分 Chế-phụ 5 phân.

右歸飲

Hữu-quy ẩm

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	淮山四リ炒 Hoài-sơn 4 đồng	山茱二リ酒炒 Sơn-thù 2 đồng
杜仲三リ鹽炒 Đỗ-trọng 3 đồng	杞子二リ Khởi-tử 2 đồng	炙草一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi
肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	製附五分 Chế-phụ 5 phân.	

寧肺湯

Ninh-phế thang

熟地五リ Thục-địa 5 dồng	當歸二リ Đương-qui 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
川芎五分 Suyên-khung 5 phân	沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 dồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 dồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân	麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng
五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột	桑白皮二リ炒 Tang-bạch-bì 2 đồng	阿膠二リ炒 A-giao 2 đồng.

補心神效丸

Bổ-tâm-thần-hiệu hoàn

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 dồng	黃芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng
茯神二リ Pnục-thần 2 dồng	棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng	栢子仁一リ去油 Bách-tử-nhân 1 đồng
五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột	硃砂一リ另研 Chu-sa 1 đồng.	

歸脾湯

Quy-tỳ thang

党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 dồng	黃芪二リ炙 Hoàng kỳ 2 đồng	當歸二リ Đương quy 2 đồng
白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng
遠志一リ㙺 Viễn-chi 1 đồng	茯神二リ Pnục thần 2 đồng	龍眼二リ Long-nhãn 2 đồng
木香五分煨 Mộc-hương 5 phân	紅棗二枚 Hồng-tảo 2 quả	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát

---

香砂六君湯

Hương-sa-lục-quân thang

党参三リ姜炒
Đảng-sâm 3 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

炙草七分
Chích-thảo 7 phân

藿香一リ
Hoắc-hương 1 đồng

沙仁一リ炒
Sa-nhân 1 đồng

陳皮一リ
Trần-bì 1 đồng

法夏一リ姜炒
Pháp-bạ 1 đồng.

五味異功散

Ngũ-vị-dị-công tán

郎四君子湯加

Là thang Tứ-quân gia

陳皮二リ炒
Trần-bì 2 đồng.

養中煎

Dưỡng-trung tiên

党参五リ姜炒
Đảng-sâm 5 đồng

淮山三リ炒
Hoài-sơn 3 đồng

扁豆三リ炒
Biển-dậu 3 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng

炙草一リ
Chich-thảo 1 đồng

五陰煎

Ngũ-âm tiên

党参三リ姜炒
Đang-sâm 3 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

茯苓二リ
Phục-linh 2 đồng

炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	熟地五リ Thục-địa 5 đồng	淮山三リ炒 Hoài sơn 3 đồng
扁豆三リ炒 Biển-đậu 3 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	五味十粒炒 Ngũ vị 10 hột.

歸腎丸
Quy-thận hoàn

熟地八㒳 Thục-địa 8 lạng	淮山四㒳炒 Hoài-sơn 4 lạng	山茱二㒳酒炒 Sơn-thù 2 lạng
茯苓三㒳 Phục-linh 3 lạng	當歸三㒳 Đương quy 3 lạng	杞子四㒳 Khởi-tử 4 lạng
杜仲四㒳鹽炒 Đỗ-trọng 4 lạng	兎絲四㒳製 Thỏ-ty 4 lạng	

共末煉蜜丸　　每服三リ
Tán nhỏ luyện mật, viên. Mỗi bận uống 3 đồng.

十補丸
Thập-bổ hoàn

熟地八㒳 Thục-địa 8 lạng	淮山四㒳炒 Hoài sơn 4 lạng	山茱二㒳酒炒 Sơn-thù 2 lạng
茯苓三㒳 Phục-linh 3 lạng	杞子三㒳 Khởi-tử 3 lạng	杜仲三㒳鹽炒 Đỗ-trọng 3 lạng
兎絲四㒳製 Thỏ-ty 4 lạng	牛膝三㒳 Ngưu-tất 3 lạng	破故二㒳炒 Phá-cố 2 lạng
鹿茸二㒳炙 Lộc-nhung 2 lạng	或代用鹿膠四㒳炒 Hoặc thay Lộc-giao 4 lạng.	

共末煉蜜丸　　每服三リ
Tán nhỏ luyện mật, viên. Mỗi bận uống 3 đồng.

內傷

1. — Nội-thương

Hết thảy những bệnh nội thương bởi vì no đói thất thường và công việc khó nhọc; như sự no, đói thời con tỳ con vị bị thương; sự khó nhọc thời huyết hư phát sốt. Chứng này có hai thứ phải chia ra mà chữa

Một thứ nhọc mệt mà không ngoại cảm thời đầu hơi váng, mình hơi nóng, mạch chạy chậm, mỏi mệt lắm, biếng nói hay nằm, thở hơi thời ngắn hoặc trong mình thường có bồ-hôi phải dùng thuốc bổ làm chủ.

Như nguyên khí hư tổn lắm dùng bài *Đại-bổ-nguyên* và bài *Ngũ-phúc-ẩm*, bài *Thất-phúc-ẩm* bằng như khí huyết đều hư cả dùng thang *Bát-trân*, thang *Quy-tỳ*. Như chân tay sợ lạnh dùng thang *Thập-toàn-đại-bổ* bằng như âm hư hễ quá trưa thời phát sốt dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia Đương-quy 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng.

Một thứ nhọc mệt có hiệp ngoại cảm thời phát sốt sợ lạnh ngạt mũi, rức đầu mình mẩy thì đau, hoặc ghê sốt ghê rét, mỏi mệt, nằm không muốn dậy, như khí hư hạ hãm không thăng phát lên được dùng thang *Bổ-trung-ích-khí* nhược bằng khí hư hãm lại thêm âm huyết hư không ra được bồ-hôi dùng bài *Bổ-âm-ích-khí*

Đến những sự thất tình nội thương như khi vui mừng thương sót, lo nghĩ thời thương tâm, bổ quả tim dùng bài *Thiên vương-bổ-tâm* hoặc quả tim nóng dùng thang *Nhị-âm-tiên*. Sự uất nộ thời thương can, giải can uất dùng bài *Tiêu-giao-tán* bổ can huyết dùng bài *Tam-âm* thang *Tứ-vật*. Việc ăn uống thất thường thì thương tỳ, bổ tỳ dùng thang *Tứ-quân-tử* hoặc con tỳ lạnh dùng bài *Lý-trung* thang *Ngũ-quân-tử* tiêu thực tích dùng bài *Đại-hòa-trung*, bài *Tiểu-hòa-trung*. Lúc nói to quát tháo thời thương phế, bổ phế dùng bài *Tứ-âm-tiên* bài *Tam-tài-hoàn*.

Khi sợ hãi và sự dâm dục thời thương thận, bổ thận, thủy dùng bài *Lục-vị-hoàn* bài *Tả-quy-ẩm* bài *Tả-quy-hoàn*, bổ thận hỏa dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-ẩm*, bài *Hữu-quy-hoàn*

列 方

Liệt các bài thuốc

大補元煎

Đại-bổ-nguyên tiên

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng

當歸二リ
Đương-quy 2 đồng

党参三リ姜炒
Đảng-sâm 3 đồng

淮山二リ炒
Hoài-sơn 2 đồng

杞子二リ
Khởi-tử 2 đồng

杜仲二リ塩炒
Đỗ-trọng 2 đồng

山茱一リ酒炒
Sơn thù 1 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng.

五福飲

Ngũ-phúc-ẩm

熟地六リ
Thục-địa 6 đồng

党参四リ姜炒
Đảng-sâm 4 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

生姜三片
Sinh-khương 3 nhát

七福飲

Thất-phúc-ẩm

即五福飲加

Là bài Ngũ-phúc-ẩm gia

棗仁二リ炒黑
Tảo nhân 2 đồng

遠志五分製
Viễn-chí 5 phân.

八珍湯

Bát-trân thang

党参三リ姜炒	白朮二リ土炒	茯苓一リ半
Đảng-sâm 3 đồng	Bạch-truật 2 đồng	Phục-linh 1 đồng rưỡi
炙草七分	熟地三リ	當歸二リ
Chích-thảo 7 phân	Thục-địa 3 đồng	Đương-quy 2 đồng
川芎五分	白芍一リ半	
Suyên-khung 5 phân	Bạch-thượ 1 đồng rưỡi.	

十全大補湯

Thập-toàn-đại-bổ thang

郎八珍湯加

Là thang Bát-trân gia

黄芪二リ炙	肉桂一リ
Hoàng-kỳ 2 đồng	Nhục-quế 1 đồng.

補陰益氣煎

Bổ-âm ích-khí tiên

熟地五リ	當歸二リ	党参三リ姜炒
Thục-địa 5 đồng	Đương-quy 2 đồng	Đảng-sâm 3 đồng
淮山二リ炒	升麻七分	柴胡一リ
Hoài-sơn 2 đồng	Thăng-ma 7 phân	Sài-hồ 1 đồng
陳皮一リ炒	炙艸七分	
Trần-bì 1 đồng	Chích-thảo 7 phân.	

天王補心丹
Thiên-vương-bổ-tâm-đan

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	党参三リ姜炒 Đẳng-sâm 3 đồng	玄参二リ Huyền-sâm 2 đồng
丹参二リ Đan-sâm 2 đồng	遠志五分製 Viễn-chí 5 phân	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
桔梗一リ Kết-cánh 1 đồng	五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột	當歸二リ Đương-quy 2 đồng
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	天門二リ炒 Thiên-môn 2 đồng	棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng
栢子仁一リ去油 Bách-tử-nhân 1 đồng.		

二陰煎
Nhị-âm-tiên

生地三リ Sinh-địa 3 đồng	麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng
黃連一リ Hoàng-liên 1 đồng	木通一リ Mộc-thông 1 đồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân.
玄参一リ半 Huyền-sâm 1 đồng rưỡi	茯苓一リ半 Phục-linh 1 đồng rưỡi	

逍遥散
Tiêu-dao-tán

當歸三リ Đương-quy 3 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng
茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	柴胡一リ Sài-hồ 1 đồng	薄荷五分 Bạc-hà 5 phân
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát.	

四物湯
Tứ-vật thang

熟地六リ Thục-địa 6 đồng
當歸三リ Đương-quy 3 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
川芎一リ炒 Xuyên-khung 1 đồng.

三陰煎
Tam-âm tiên

熟地五リ Thục-địa 5 đồng
當歸三リ Đương-quy 3 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng
棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng
炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng.

理中湯
Lý-trung thang

党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng
白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng
炙草一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

五君子煎
Ngũ-quân-tử tiên

党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng
白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng
茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng.

大和中飲
Đại hòa trung ẩm

山查二ㄌ炒黑
Sơn-tra 2 đồng

麥芽二ㄌ炒黑
Mạch-nha 2 đồng

厚樸一ㄌ半姜炒
Hậu-phác 1 đồng rưỡi

陳皮一ㄌ炒
Trần-bì 1 đồng

澤左一ㄌ半盐炒
Trạch-tả 1 đồng rưỡi

枳寔一ㄌ炒
Chỉ-thực 1 đồng

沙仁一ㄌ炒
Sa-nhân 1 đồng

生姜五片
Sinh-khương 5 nhát.

小和中飲
Tiểu hòa trung ẩm

山查二ㄌ炒黑
Sơn-tra 2 đồng

扁豆三ㄌ炒
Biển-đậu 3 đồng

茯苓二ㄌ
Phục-linh 2 đồng

厚樸一ㄌ半姜炒
Hậu-phác 1 đồng rưỡi

陳皮一ㄌ半炒
Trần-bì 1 đồng rưỡi

炙草五分
Chích-thảo 5 phân

生姜五片
sinh-khương 5 nhát

四陰煎
Tứ âm tiên

熟地五ㄌ
Thục-địa 5 đồng

沙参四ㄌ姜炒
Sa-sâm 4 đồng

麥門三ㄌ炒
Mạch-môn 3 đồng

百合二ㄌ炒
Bách-hợp 2 đồng

炙草一ㄌ
Chích-thảo 1 đồng

茯苓二ㄌ
Phục-linh 2 đồng

白芍二ㄌ炒
Bạch-thược 2 đồng.

三才丸
Tam-tài hoàn

熟地八ㄌ	沙参六ㄌ姜炒	麥門五ㄌ炒
Thục-địa 8 đồng	Sa-sâm 6 đồng	Mạch-môn 5 đồng.

左歸丸
Tả-qui hoàn

熟地四刄	淮山二刄炒	杞子二刄
Thục-địa 4 lạng	Hoài sơn 2 lạng	Khởi-tử 2 lạng
山茱一刄酒炒	牛必一刄半	兎絲二刄製
Sơn-thù 1 lạng	Ngưu tất 1 lạng rưỡi	Thỏ-ty 2 lạng
鹿膠二刄	亀膠一刄	
Lộc-giao 2 lạng	Quy-giao 1 lạng.	

共末煉蜜丸　每服三ㄌ

Tán nhỏ luyện mật, viên ; mỗi bận uống 3 đồng.

右歸丸
Hữu-qui hoàn

熟地四刄	淮山二刄炒	山茱一刄酒炒
Thục địa 4 lạng	Hoài-sơn 2 lạng	Sơn-thù 1 lạng
杞子二刄	鹿膠二刄	兎絲二刄製
Khởi-tử 2 lạng	Lộc-giao 2 lạng	Thỏ ty 2 lạng
杜仲二刄塩炒	當歸二刄	肉桂五ㄌ
Đỗ-trọng 2 lạng	Đương-quy 2 lạng	Nhục-quế 5 đồng
製附五ㄌ		
Chế phụ 5 đồng		

散末煉蜜丸　每服三ㄌ

Tán nhỏ luyện mật, viên ; mỗi bận uống 3 đồng.

歸脾湯
Quy-tỳ thang

補中益氣
Bổ-trung-ích-khí

左歸飲
Tả-quy ẩm

右歸飲
Hữu-quy ẩm

六味丸
Lục-vị hoàn

四君子湯
Tứ-quân-tử thang

八味丸
Bát-vị hoàn

俱在上十欵 諸虛症辨
Đều ở trên số 10: Chư-hư-chứng-biện

傷風

2. — Thương-phong

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng: « cái gió là quan thầy cho cái rét. Gió đưa rét lại. Rét theo gió vào thấu trong thịt xương vốn là một giống, cho nên khí lạnh cảm vào nông là chứng thương phong. Hơi gió cảm vào sâu là chứng thương hàn. Bằng như chẳng nông chẳng sâu nửa trong nửa ngoài là bệnh sốt rét.

Những chứng thương phong thời hiện ra phát sốt sợ gió ho hắng rức đầu. hắt hơi sổ mũi, có dâm-dấp bồ-hôi, mạch phù mà hoãn.

Như người khí hư, hình thể yếu đuối, sắc mặt trắng bệch, đau bụng đi dửa, mà hiệp ngoại-cảm, dùng bài *Gia-giảm-hương-sa-lục-quân thang.*

Như người huyết hư, hình thể gầy đen, đại tiện thường táo, mà hiệp ngoại cảm, dùng bài *Gia-giảm-liêu-giao tán.*

加減香砂六君湯

Gia giảm hương-sa-lục-quân thang

党参三ソ姜炒枯 Đảng-sâm 3 đồng	砂仁一ソ Sa-nhân 1 đồng	淮山二ソ炒黃 Hoài-sơn 2 đồng
扁豆二ソ炒黃 Biển-đậu 2 đồng	法夏一ソ Pháp hạ 1 đồng	藿香一ソ Hoắc-hương 1 đồng
姜活一ソ Khương-hoạt 1 đồng	甘草一ソ Cam-thảo 1 đồng	厚樸一ソ半 Hậu-phác 1 đồng rưỡi
獨活一ソ半 Độc-hoạt 1 đồng rưỡi	茯苓二ソ Phục-linh 2 đồng	柴胡一ソ半 Sài hồ 1 đồng rưỡi
蒼朮一ソ半製 Sương-truật 1 đồng rưỡi	陳皮一ソ炒 Trần-bì 1 đồng	生姜三片 Gừng sống 3 nhát.

加減逍遙散

Gia giảm tiêu - dao tán

生地三ソ Sinh-dịa 3 đồng	當歸三ソ Đương-quy 3 đồng	白芍二ソ Bạch-thược 2 đồng
茯苓二ソ Phục-linh 2 đồng	玄参二ソ Huyền-sâm 2 đồng	牡丹二ソ Mẫu-đơn 2 đồng
梔子二ソ炒焦 Chi-tử 2 đồng	柴胡一ソ半 Sài-hồ 1 đồng rưỡi	姜活一ソ Khương-hoạt 1 đồng
薄荷一ソ Bạc-hà 1 đồng	甘草五分 Cam-thảo 5 phân.	

Những người tạng-bình phải dùng thuốc bình tán. Như bài *Gia-giảm bại độc-tán* hoặc bài *Chính-sài-hồ âm*, bằng như ho lắm, dờm nhiều dùng bài *Sâm-tô-ẩm* hoặc bài *Hòa-giải-tán.*

Như người tạng-nhiệt mạch phù mà khẩn phải cho thuốc hơi mát dùng thang *Cửu-vị khương-hoạt.*

Như người tạng hàn thời mạch phù mà hoãn phải cho thuốc hơi nóng dùng bài *Ngũ-tích-tán.*

列方

Liệt các bài thuốc

加減敗毒散

Gia giảm bại - độc - tán

沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	川芎五分 Xuyên-khung 5 phân
柴胡一リ Sài-hồ 1 đồng	前胡一リ Tiền-hồ 1 đồng	羌活一リ Khương-hoạt 1 đồng
獨活一リ Độc-hoạt 1 đồng	蘇葉一リ Tô-diệp 1 đồng	防風一リ Phòng-phong 1 đồng
桔更一リ半 Kết-cánh 1 đồng rưỡi	炙草五分 Chích-thảo 5 phân	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát

或散末每服一匙　生姜湯下

Hoặc tán bột, mỗi bận uống 1 thìa. Thang bằng nước gừng.

正柴胡飲

Chính-sài-hồ ẩm

柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	防風一リ半 Phòng-phong 1 đồng rưỡi
陳皮一リ Trần-bì 1 đồng	艸炙七分 Chích-thảo 7 phân	

加： **Gia:**	當歸二リ Đương-quy 2 đồng	羌活一リ Khương-hoạt 1 đồng.

參蘇飲

Sâm-tô ẩm

沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	葛根二リ Cát-căn 2 đồng
前胡一リ半 Tiền-hồ 1 đồng rưỡi	蘇葉一リ Tô-diệp 1 đồng	枳壳五分炒 Chỉ-sác 5 phân
木香三分 Mộc-hương 3 phân	陳皮一リ炒 Trần-bì 1 đồng	桔更二リ Kết-cánh 2 đồng
土貝牡二リ姜炒 Thổ-bối-mẫu 2 đồng	炙草五分 Chích-thảo 5 phân	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát.

和解散

Hòa-giải tán

茯苓三リ Phục-linh 3 đồng	蘇葉一リ Tô-diệp 1 đồng	杏仁十粒 Hạnh-nhân 10 hột
桔更二リ Kết-cánh 2 đồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân	桑白皮二リ蜜炒 Tang-bạch-bì 2 đồng
葛根二リ Cát-căn 2 đồng	前胡一リ半 Tiền-hồ 1 đồng rưỡi	陳皮一リ炒 Trần-bì 1 đồng
生姜三片 Sinh-khương 3 nhát.		

或散末為散藥　每服一匙
Hoặc tán nhỏ làm thuốc bột; mỗi bận uống 1 thìa.
生姜湯下
Thang bằng nước gừng.

九味姜活湯
Cửu-vị-khương-hoạt thang

生地三ソ Sinh-địa 3 đồng	川芎一ソ Xuyên-khung 1 đồng	姜活一ソ Khương-hoạt 1 đồng
黃芩一ソ炒 Hoàng-cầm 1 đồng	細辛七分 Tế-tân 7 phân	炙艸五分 Chích-thảo 5 phân
蒼朮一ソ製 Xương-truật 1 đồng	白芷一ソ Bạch-chỉ 1 đồng	防風一ソ Phòng-phong 1 đồng.

五積散
Ngũ-tích-tán

當歸二ソ Đương-quy 2 đồng	白芍二ソ炒 Bạch-thược 2 đồng	川芎一ソ Xuyên-khung 1 đồng
党参三ソ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	茯苓二ソ Phục linh 2 đồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân
桂枝一ソ Quế-chi 1 đồng	陳皮一ソ炒 Trần bì 1 đồng	法夏一ソ姜炒 Pháp-hạ 1 đồng
枳壳五分炒 Chỉ-xác 5 phân	白芷一ソ Bạch-chỉ 1 đồng	厚樸二ソ姜炒 Hậu-phác 2 đồng
桔更一ソ半 Kết-cánh 1 đồng rưỡi	蒼朮一ソ製 Xương-truật 1 đồng	乾姜一ソ炒 Can-khương 1 đồng
柴胡一ソ Sài-hồ 1 đồng		

如頭痛加
Như rức đầu, gia:

川芎一ソ Xuyên-khung 1 đồng	白芷一ソ Bạch-chỉ 1 đồng
蔓荆二ソ Màn-kinh 2 đồng	細辛五分 Tế-tân 5 phân.

身痛加
Đau mình, gia:

蒼朮一ソ製 Xương-truật 1 đồng	獨活二ソ Độc-hoạt 2 đồng

腹脹食不消加
Đầy bụng ăn không tiêu, gia:

厚樸二リ姜炒
Hậu-phác 2 đồng

神曲一リ姜炒
Thần-khúc 1 đồng

山查一リ半炒黑
Sơn-tra 1 đồng rưỡi

麥芽一リ黑炒
Mạch-nha 1 đồng

如嘔吐加
Như nôn mửa, gia:

藿香一リ
Hoắc-hương 1 đồng

沙仁一リ炒
Sa-nhân 1 đồng

如泄瀉加
Như đi rửa lỏng, gia:

車前一リ炒
Xa tiền 1 đồng

澤瀉一リ半盐炒
Trạch-tả 1 đồng rưỡi

如大便燥加
Như đại-tiện táo, gia:

當歸二リ
Đương-quy 2 đồng

牛膝二リ
Ngưu-tất 2 đồng

肉蓯蓉二リ製
Nhục-thong-dong 2 đồng.

傷寒

3.— Thương-hàn

Những chứng thương hàn thời hiện ra phát sốt sợ lạnh, rức đầu, đau mình, ngạt mũi, tiếng nói khê, không có bồ-hôi, mạch phù mà khẩn sác, trị chứng thương hàn này có sáu phép gọi là : *hãn, thổ, hạ, ôn, thanh, bổ.*

汗法

Phép hãn là cho thuốc phát tán để ra bồ-hôi. Như phát sốt không khỏi phải dùng phép hãn. Phép hãn này có chia làm ba thứ :

一日溫散

Một là phát tán dùng thuốc nóng như gặp khi giời rét mà tạng người lại lạnh xét trong bụng không có chứng gì nóng nẩy chi cả. dẫu thấy phát sốt phải dùng thuốc nóng mới được. Như cảm hàn nặng quá tà khí quấn quít không thôi nóng lắm sợ lạnh đắp áo trùm chăn muốn đốt than lửa. lại ưa nước nóng; mạch thời trầm mà khẩn.

Những người khỏe mạnh dùng bài *Nhị-sài-hồ* gia đương-quy, khương-hoạt, phòng-phong, quế-chi.

Những người yếu duối hoặc đương bịnh, hoặc bịnh bậu dùng bài *Đại-ôn-trung* khử ma-hoàng.

Như cảm hàn không nặng lắm nóng sốt chưa khỏi. Những người phần âm huyết hư dùng bài *Lý-âm-tiên* gia sài-hồ, quế-chi.

Những người phần dương khí hư dùng thang *Lý-trung* gia dương-quy, sài-hồ. Bằng như dương hư hạ hãm hàn tà không giải được dùng thang *Bồ-trung-ích-khí* gia can-khương 2 đồng ấy thế là: đem khí dương lên thời mới đồ bồ-hôi được.

二日凉散

Hai là phát tán dùng thuốc lạnh vì gặp lúc giời nực mà người lại tính nhiệt xét trong mình không có chứng gì lạnh hễ thấy phát sốt phải dùng thuốc mát mới được.

Như kinh dương-minh trong dạ-dầy nóng mà ngoài sốt không khỏi bởi vì hàn uất hóa nóng cho nên ghét nóng mà yêu mát, mạch thời hồng sác, khát nước lưỡi mọc rêu trắng dùng bài *Sài-hồ-bạch-hổ* gia trúc-diệp 20 lá, nhược bằng lưỡi trắng chuyển vàng gia Hoàng-cầm 1 đồng, Thạch-hộc 2 đồng như lưỡi có mọc gai gia Hoàng liên 1 đồng, Mạch-môn 2 đồng. Như lưỡi vàng hóa đen gia Sinh-địa 3 đồng, Mạch-môn 2 đồng. Như lưỡi đen rêu dầy gia Đại-hoàng 1 đồng, hoặc dùng thang *Tiểu-thừa-khí* cho hạ di Như lưỡi đen dầy mà mạch trầm lại muốn uống nước nóng dùng thang *Lý-trung* hoặc bài *Lý âm* đều gia Phụ-tử chế 1 đồng.

Bằng như trong ngoài đều nóng phiền khát muốn cho mát lại kiêm chứng tiết-tả dùng bài *Sài-cầm-tiên.*

Như trong ngoài đều nóng mà không nóng lắm dùng bài *Nhất-sài-hồ* hoặc dùng thang *Sài-cát-giải-cơ.*

Như ngoài nóng quá gia Phòng phong 2 đồng.

Trong nóng hơn gia Liên-kiều 2 đồng.

Khát nước gia Hoa-phấn 2 đồng, Cát-căn 2 đồng. Khát lắm gia thạch-cao 2 đồng, chi-mẫu 2 đồng.

Bằng như âm hư huyết ít không ra được bồ-hôi dùng thang *Tứ-vật* hợp mới bài *Tiểu-sài-hồ* hoặc dùng bài *Lục-vị* gia Đương-quy 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, ấy thế là bồ âm huyết mới ra được bồ-hôi đó.

三日平散

Ba là phát tán dùng thuốc bình như gặp khi khí giời mát mẻ mà tạng người cũng hòa bình chẳng nống chẳng lạnh hoặc có ngoại cảm chỉ dùng thuốc bình-tán ấy là khí lạnh cảm vào nông gọi là chứng thương phong đó.

吐法

Phép thồ là cho thuốc để nôn ra. Những khi triệp cảm phát sốt trên ngực tức đầy là tà khí ở thượng tiêu tắc hơi khó thở hoặc có nhiều đờm hoặc ăn không tiêu phải dùng phép thồ để tống cái hàn tà trong ngực ra cũng là có ý phát tán đó.

Phép đời xưa dùng bài *Qua-đế-tán* phương bát-trận: dùng hạt lủ-bủ tán nhỏ hòa nước sôi uống một thìa, một chốc lâu lâu thời nôn ra, hoặc dùng một dúm muối sao cho đỏ bỏ vào ấm cho một bát nước đun sắp sôi lấy đũa quấy đều, nếm hơi nhàn nhạt mới uống được, trước uống nửa chén, rồi dần dần uống hơn lên tự nhiên lợm dọng nôn ra.

Lại còn một phép dùng thuốc nào cũng thồ được, nhưng phải tùy bệnh chứng mà dùng thuốc thang uống rồi một chốc lấy ngón tay móc trong cồ cho nôn ra. Như nhiều đờm dùng thang *Nhị-trần*; ăn không tiêu dùng bài *Bình-vị* còn bệnh khác phỏng như thế.

下法

Phép hạ là cho thuốc để thông đại-tiện, những chứng ngoại tà đã vào trong, thời bụng phát chướng dực lên phải dùng thuốc hạ, phép hạ này cũng có ba thứ:

一日熱結

Một rằng chứng nhiệt kết: Nguyên người vốn tính nhiệt, vẫn kiêng những vị cay nóng, khi ngộ phải thương hàn, phát sốt hóa ra điên cuồng nói nhảm, ráo khát, cồ khô sốt nóng từng cơn, bụng thời phát chướng, ấn vào thời đau; đại-tiện táo kết năm sáu ngày không đi; mạch chạy thì mạnh lắm phải dùng hạ bằng thuốc lạnh.

Như những người khỏe mạnh dùng thang *Tiểu-thừa-khí* bằng chưa hạ được phải dùng thang *Đại-thừa-khí*.

Như những người yếu hoặc đương bịnh, hoặc bịnh hậu, khí huyết đều hư dùng thang *Đào-thị-hoàng-long* nếu phải đàn bà kinh huyết không thông mà bụng chướng đau dùng bài *Ngọc-chúc-tán*, bằng như tích huyết mà bụng dưới tức đau đại-tiện sắc đen không thông dùng thang *Đào-nhân-thừa-khí*.

Còn như những người ngoài da nóng sốt chưa khỏi, trong bụng lại phát chướng lên phải kiêm cả hai phép: hãn hạ vào một bài thuốc dùng thang *Đại-sài-hồ* hoặc thang *Lục-nhất-thuận-khí*.

Bằng như chứng nhiệt kết không quá lắm mà khí huyết đều hư cả dùng thang *Thánh-dũ* gia Đại-hoàng 1 đồng, Chỉ-xác 7 phân.

Vì bằng những người yếu đuối quá, không chịu được thuốc công phạt, phải lấy thuốc bổ làm tiêu dùng bài *Nhuận-tràng thang*.

二日寒凝

Hai rằng chứng hàn-ngưng: Nguyên người bản tạng hàn, không ăn được những vật sống lạnh, nhân phải chứng thương hàn, phát sốt ngực bụng tức đầy; ấn vào không đau, đại-tiện bế sáp, hoặc mười hôm không đi. Mạch trầm mà yếu, phải dùng hạ bằng thuốc nóng.

Những người khỏe mạnh, dùng bài *Bị-cấp-hoàn* gia Mộc-hương 1 đồng.

Như những người yếu dùng bài *Ngũ-quân-tử* gia Đương-quy 3 đồng; ba-đậu 3 hột. Còn như những người bạc nhược quá, bụng thời lúc chướng, lúc không, ấy là chứng hư bĩ hư mãn không chịu được thuốc công phạt phải dùng thuốc bổ làm tiêu, ấy là phép tắc nhân, tắc dụng, dùng bài *Bạch-truật-tiên* gia Đương-sâm 3 đồng.

三日幽門閉

Ba rằng chứng u-môn bế: Chứng này nhân thương-hàn, bụng phát chướng, cho uống thuốc hạ, không đi bởi vì cái dạ-dày cửa dưới ủng tắc, chẳng thông, không truyền xuống tiểu tràng được, uống thuốc hạ càng dực lên, dùng phép thông-quan lại không lên, đến lúc bấy giờ bụng càng chướng quá, thực là nguy cấp lắm phải dùng bài *Thông-u-phương* mới hạ được.

溫 法

Phép ôn là cho thuốc nóng để ấm trong bụng. Những chứng khí lạnh đã vào trong tạng phải dùng thuốc nóng để tán hàn-tà bởi khí hư thời hóa ra lạnh ngoài nóng giả mà trong lạnh thực, chân tay giá ngắt, mạch thời trầm tế, mình mẩy đau lại đi dửa lỏng dùng bài *Phụ-tử-lý-trung* hoặc bài *Tứ-nghịch gia nhân-sâm*, bằng như khi lạnh vừa vừa dùng thang *Ly-trung* bài *Ngũ-quân-tử*.

清 法

Phép thanh là cho thuốc mát để giải phiền nhiệt.

Những chứng nóng sốt mà bụng không chướng đại-tiện không kết có nhẽ nào dùng thuốc hạ, vì bằng không thanh giải thời khí nóng sao tan được, hoặc có khi phát sốt uống nhầm phải thuốc hạ thời trong bụng không hư, cái tà-khí nhân hư mà vào, đến nỗi bụng phát chướng cũng phải dùng thuốc thanh giải nhẽ đâu lại hạ nữa.

Như những chứng hỏa tà chứa chất ở trong, mạch thời hồng sác, trong bụng nóng lắm, dùng bài *Trừu-tân-ẩm*, trong bụng nóng vừa dùng bài *Tỷ-tần-ẩm*.

Như kinh-dương-minh trong dạ-dầy nóng quá mà khát nước lắm dùng thang *Bạch-hổ* hoặc bài *Ngọc-toàn-tán* như nóng khát lại kiêm phần âm hư dùng bài *Ngọc-nữ tiên*.

Như dương thịnh âm hư mà nóng sốt không lui dùng bài *Nhất-âm-tiên*, bằng như dương hỏa nóng bội quá dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*, như hạ tiêu thấp nhiệt thịnh quá dùng bài *Tư-âm-bát-vị*.

補 法

Phép bổ là dùng thuốc bổ cho những người yếu bịnh hư.

Như chính khí trong hình thể người đã yếu đuối thời ngoại tà gió máy càng mạnh hơn cho nên quấn quít mãi không khỏi, bổ chính khí thời tà khí phải lui, quan tướng khỏe mạnh mới đuổi được giặc.

Những người yếu ớt lắm phải dùng thuốc đại bổ như bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*, bài *Đại-doanh tiên*, bài *Thập-toàn-đại-bổ*, bài *Lục-vị-hồi-dương*.

Những người yếu vừa nên dùng bình bổ, như phần khí hư dùng bài *Gia-vị Tứ-quân-tử*, bài *Sâm-linh-bạch-truật-tán*, bài *Dưỡng-trung-tiên* như phần huyết hư dùng thang *Tứ-vật* hoặc bài *Tam-âm*, bài *Lục-vị gia quy, thược*.

Xét trong sáu phép, thời phép hãn, thổ, hạ, thanh bốn phép ấy đều dùng thuốc công phạt hễ thấy khỏi bịnh thời thôi không nên uống quá. Còn hai phép ôn bổ thực là có ích uống nhiều càng hay.

列方
Liệt các bài thuốc

二柴胡飲
Nhị-sài-hồ-ẩm

陳皮一リ半炒 Trần-bì 1 đồng rưỡi	細辛二リ Tế-tân 2 đồng	乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng
厚樸一リ半姜炒 Hậu-phác 1 đồng rưỡi	柴胡三リ Sài-hồ 3 đồng	法夏一リ半 Pháp-hạ 1 đồng rưỡi
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng		

加 **Gia :**	當歸二リ Đương-quy 2 đồng	姜活一リ Khương-hoạt 1 đồng
	桂枝二リ Quế-chi 2 đồng	防風二リ Phòng-phong 2 đồng.

大温中飲
Đại-ôn-trung-ẩm

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	當歸三リ Dương-quy 3 đồng	冬朮三リ土炒 Đông-truật 3 đồng
党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	柴胡三リ Sài-hồ 3 đồng	乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng
肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng.	

理陰煎
Lý - âm - tiên

當歸四リ
Đương-quy 4 đồng

熟地八リ
Thục-địa 8 đồng

炙草一リ
Chích thảo 1 đồng

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng.

加 Gia: 肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng 柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng.

理中湯 (Ở số 1)
Lý - trung thang

党参五リ姜炒
Đảng-sâm 5 đồng

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

乾姜二リ炒
Can khương 2 đồng.

加 Gia: 柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng 當歸二リ Đương-quy 2 đồng

柴胡白虎煎
Sài - hồ bạch - hổ tiên

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng

石羔三リ煨
Thạch-cao 3 đồng

黄芩一リ炒
Hoàng-cầm 1 đồng

麥門三リ炒
Mạch-môn 3 đồng

生草一リ
Sinh-thảo 1 đồng.

加 Gia: 竹葉廿片 Trúc-diệp 20 lá.

柴芩煎
Sài - cầm tiên

柴胡三リ
Sài-hồ 3 đồng

黄芩二リ炒
Hoàng-cầm 2 đồng

梔子二リ炒黑
Chi-tử 2 đồng

澤左二リ盐炒
Trạch-tả 2 đồng

木通二リ
Mộc-thông 2 đồng

枳壳一リ炒
Chỉ-xác 1 đồng.

一柴胡飲
Nhất-sài-hồ ẩm

柴胡三リ Sài-hồ 3 đồng	黄芩二リ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	生地三リ Sinh-địa 3 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	陳皮一リ半炒 Trần-bì 1 đồng rưỡi	生艸一リ Sinh-thảo 1 đồng

---

柴葛鮮肌湯
Sài-cát-giải-cơ thang

柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng	葛根三リ Cát căn 3 đồng	黄芩一リ炒 Hoàng-cầm 1 đồng
白芍三リ炒 Bạch-thược 3 đồng	白芷一リ半 Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng
桔梗二リ Kết-cánh 2 đồng	姜活一リ Khương-hoạt 1 đồng.	

四物合小柴胡湯
Tứ-vật-hợp-tiểu-sài-hồ thang

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	當歸二リ Đương-quy 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	川芎一リ Xuyên-khung 1 đồng	黄芩一リ炒 Hoàng-cầm 1 đồng
柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng	法夏一リ半 Pháp-hạ 1 đồng rưỡi	生艸一リ Sinh-thảo 1 đồng

---

瓜蒂散
Qua-đế tán

瓜蒂三リ Qua-đế 3 đồng	赤小豆三リ Xích-tiểu-đậu 3 đồng.

共末毎服一匙調溫水下
Tánbột, uống 1 thìa, hòa nước sôi.

小承氣湯

Tiểu-thừa-khí thang

川大黄五ㄌ煨 Xuyên-đại-hoàng 5 đồng
厚樸一㐅姜炒 Hậu-phác 1 lạng
枳壳二ㄌ炒 Chỉ-xác 2 đồng.

大承氣湯

Đại-thừa-khí thang

厚樸一㐅姜炒 Hậu-phác 1 lạng
枳寔三ㄌ炒 Chỉ-thực 3 đồng
芒硝三ㄌ Mang-tiêu 3 đồng
川大黄五ㄌ煨 Xuyên-đại-hoàng 5 đồng.

二陳湯

Nhị-trần thang

茯苓五ㄌ Phục-linh 5 đồng
陳皮二ㄌ炒 Trần-bì 2 đồng
法夏二ㄌ姜炒 Pháp-hạ 2 đồng.
炙草一ㄌ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

平胃散

Bình-vị tán

厚樸五ㄌ姜炒 Hậu-phác 5 đồng
蒼朮三ㄌ製 Xương-truật 3 đồng
陳皮二ㄌ炒 Trần-bì 2 đồng.
炙草一ㄌ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

陶氏黄龍湯

Đào-thị-hoàng-long thang

當歸三ㄌ Đương-quy 3 đồng
厚樸五ㄌ姜炒 Hậu-phác 5 đồng
枳壳二ㄌ炒 Chỉ-xác 2 đồng
芒硝二ㄌ Mang-tiêu 2 đồng
生艸一ㄌ Sinh-thảo 1 đồng
洋参三ㄌ姜炒 Dương-sâm 3 đồng
川大黄三ㄌ Xuyên-đại-hoàng 3 đồng.

玉燭散

Ngọc - chúc tán

熟地五リ Thục-địa 5 dồng	當歸三リ Đương-quy 3 dồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 dồng
川芎一リ Xuyên-khung 1 dồng	芒硝二リ Mang-tiêu 2 dồng	生草一リ Sinh-thảo 1 dồng
川大黄三リ煨 Xuyên-đại-hoàng 3 dồng		

桃仁承氣湯

Đào-nhân-thừa-khí thang

生草二リ Sinh-thảo 2 dồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 dồng	芒硝二リ Mang-tiêu 2 dồng
桃仁三リ Đào-nhân 3 dồng	川大黄五リ煨 Xuyên-đại hoàng 5 dồng.	

大柴胡湯

Đại-sài-hồ thang

黄芩一リ半 Hoàng-cầm 1 dồng rưỡi	柴胡三リ Sài-hồ 3 dồng	枳實二リ炒 Chỉ-thực 2 dồng
法夏二リ姜炒 Pháp-hạ 2 dồng	大棗三枚 Đại-táo 3 quả	白芍三リ炒 Bạch-thược 3 dồng
生姜七片 Sinh-khương 7 nhát	川大黄五リ煨 Xuyên-đại-hoàng 5 dồng.	

六一順氣湯

Lục - nhất - thuận - khí thang

白芍三リ炒 Bạch-thược 3 dồng	柴胡三リ Sài hồ 3 dồng	黄芩二リ炒 Hoàng-cầm 2 dồng
芒硝二リ Mang-tiêu 2 dồng	枳實二リ炒 Chỉ-thực 2 dồng	厚樸五リ姜炒 Hậu-phac 5 dồng
生草一リ Sinh-thảo 1 dồng	川大黄五リ煨 Xuyên-đại-hoàng 5 dồng.	

聖愈湯
Thánh-dũ thang

熟地五ク Thục-địa 5 đồng
白芍二ク炒 Bạch-thược 2 đồng
洋参三ク姜炒 Dương-sâm 3 đồng
當歸三ク Đương-quy 3 đồng
黄芪二ク炙 Hoàng-kỳ 2 đồng
川芎一ク Xuyên-khung 1 đồng

加 枳壳一ク炒 川大黄二ク
gia : Chỉ-xác 1 đồng Xuyên-đại-hoàng 2 đồng.

潤腸湯
Nhuận-tràng thang

當歸五ク Đương-quy 5 đồng
熟地三ク Thục-địa đồng
炙草一ク Chích-thảo 1 đồng
牛膝二ク Ngưu-tất 2 đồng
枳壳一ク炒 Chỉ-xác 1 đồng
桃仁廿粒 Đào-nhân 20 hột
肉蓯蓉二ク煨 Nhục thong-dong 2 đồng.

備急丸
Bị-cấp hoàn

川大黄三ク煨 Xuyên-đại-hoàng 3 đồng
巴豆三ク去油 Ba-đậu 3 đồng
乾姜三ク姜 Can-khương 3 đồng

加 木香三ク
gia : Mộc-hương 3 đồng.

共末蜜丸如綠豆大每服一二丸
Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu xanh ; mỗi bận uống 1, 2 viên.

五君子煎
Ngũ-quân-tử tiên

党参五ク姜炒 Đảng-sâm 5 đồng
茯苓二ク Phục linh 2 đồng
白朮三ク土炒 Bạch-truật 3 đồng

炙草一リ Chich-thảo 1 đồng	加 Gia:	當歸三リ Đương-quy 3 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng.		巴豆三粒去油 Ba-đậu 3 hột.

白朮煎
Bạch-truật tiên

冬朮一𠄼土炒 Đông-truật 1 lạng	陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng	加 Gia:
乾姜三リ炒 Can-khương 3 đồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng.	洋参三リ姜炒 Dương-sâm 3 đồng

---

通幽方
Thông-u-phương

水銀一𠄼(或五六リ)
Thủy-ngân 1 lạng, (hoặc 5, 6 đồng).

吞下即祂起坐定少頃即下
Uống rồi ẵm ngồi lên, một chốc thời hạ được.

四逆加人参湯
Tứ-nghịch gia nhân-sâm thang

洋参五リ姜炒 Dương sâm 5 đồng	製附一リ Chế-phụ 1 đồng	乾姜三リ炒 Can-khương 3 đồng
炙草一リ Chich-thảo 1 đồng.		

抽薪飲
Trừu-tân ẩm

黄芩二リ Hoàng-cầm 2 đồng	石羔二リ煅 Thạch-cao 2 đồng	木通一リ Mộc thông 1 đồng
梔子二リ炒黑 Chi-tử 2 đồng	黄伯一リ炙 Hoàng-bá 1 đồng	枳壳一リ半炒 Chỉ-xác 1 đồng rưỡi.
泽左二リ盐炒 Trạch-tả 2 đồng	生艸一リ Sinh-thảo 1 đồng	

徙薪飲

Tỷ-tân ẩm

黄芩二ㄌ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	麥門三ㄌ炒 Mạch-môn 3 đồng	白芍三ㄌ炒 Bạch-thược 3 đồng
茯苓二ㄌ Phục-linh 2 đồng	牡丹二ㄌ炒 Mẫu-đơn 2 đồng	黄伯一ㄌ炙 Hoàng-bá 1 đồng
陳皮一ㄌ炒 Trần-bì 1 đồng.		

白虎湯

Bạch-hổ thang

石羔一㕥生用 Thạch-cao 1 lạng	知母四ㄌ Tri-mẫu 4 đồng	生草二ㄌ Sinh-thảo 2 đồng
糯米二撮 Nhu-mễ 2 dúm.		

玉泉散

Ngọc-toàn tán

石羔一㕥煆 Thạch-cao 1 lạng	粉草二ㄌ Phấn-thảo 2 đồng.	加 gia :	神砂五分 Thần-sa 5 phân.

共末每服三ㄌ溫水調下

Tán bột ; mỗi bận uống 3 đồng, hòa nước sôi.

玉女煎

Ngọc-nữ tiên

石羔三ㄌ煆 Thạch-cao 3 đồng	熟地五ㄌ Thục-địa 5 đồng	麥門三ㄌ炒 Mạch-môn 3 đồng
知母二ㄌ Tri-mẫu 2 đồng	牛膝二ㄌ Ngưu-tất 2 đồng.	

滋陰八味煎

Tư - âm - bát - vị tiên

即六味丸加

Là bài Lục - vị - hoàn gia :

知母二リ	黄伯一リ炙
Tri mẫu 2 đồng	Hoàng-bá 1 đồng.

六味囬陽飲

Lục - vị - hồi - dương ẩm

洋参五リ姜炒	乾姜二リ炒	製附一リ
Dương-sâm 5 đồng	Can-khương 2 đồng	Chế phụ 1 đồng
炙草一リ	熟地五リ	當歸三リ
Chích-thảo 1 đồng	Thục-địa 5 đồng	Đương-quy 3 đồng.

加味四君湯

Gia - vị - tứ - quân thang

党参五リ姜炒	白朮三リ土炒	茯苓二リ
Đảng-sâm 5 đồng	Bạch truật 3 đồng	Phục-linh 2 đồng
炙艸一リ	扁豆三リ炒	黄芪二リ炙
Chích thảo 1 đồng	Biển-đậu 3 đồng	Hoàng-kỳ 2 đồng.

参苓白朮散

Sâm - linh - bạch - truật tán

党参三リ姜炒	淮山二リ炒	扁豆二リ炒
Đảng sâm 3 đồng	Hoài sơn 2 đồng	Biển-đậu 2 đồng
蓮肉二リ炒	白朮二リ土炒	茯苓二リ
Liên-nhục 2 đồng	Bạch-truật 2 đồng	Phục-linh 2 đồng
桔更二リ	薏苡二リ炒	沙仁一リ炒
Kết-cánh 2 đồng	Y-dĩ 2 đồng	Sa-nhân 1 đồng
炙草一リ		
Chích-thảo 1 đồng.		

一陰煎
Nhất-âm tiên

加減一陰煎
Gia-giảm nhất-âm tiên

附子理中湯
Phụ-tử-lý-trung thang

大營煎
Đại-doanh tiên

俱在上十数諸虛症辨
Đều ở trên số 10, mục CHƯ-HƯ-CHỨNG

補中益氣湯
Bổ-trung-ích-khí thang

六味丸
Lục-vị hoàn

大補元煎 (Số 10)
Đại-bổ-nguyên tiên

四物湯 (Số 10)
Tứ-vật thang

十全大補湯
Thập toàn-đại-bổ thang.

三陰煎
Tam-âm tiên

俱在第一数目內傷
Đều ở số 1, mục NỘI-THƯƠNG

辨不可汗
Biện bất khả hãn

Những người mạch hiện ra: trầm, trì, vi, nhược, chạy không có sức là chứng hư hàn dẫu có phát sốt không nên dùng thuốc phát tán phải dùng thuốc ôn trung thời hàn tà mới tán được. Những chứng hiện ra cổ khô miệng ráo, đại tiện bế kết hoặc đi tả lỵ, những bịnh nhọt, ghẻ; những chứng ngũ lâm không nên phát hãn sợ mất tân dịch đi.

辨不可下
Biện bất khả hạ

Những người mạch hiện ra: phù, khẩn, nhu, tế mà không có thần là chứng hư bĩ, dẫu thấy bụng phát chướng không nên dùng thuốc hạ phải hòa chung thời bụng đầy mới bớt. Những chứng hiện ra trong cổ bế tắc ngực đầy khó thở, ghê sốt, ghê rét, lợm dọng, nôn khan, lại sợ nước lạnh bụng đầy ấn vào dễ chịu, những chứng ấy không nên dùng thuốc hạ.

辨汗下俱不可

Biện hãn hạ câu bất khả

Những chứng đổ bồ-hôi nhiều và khi vong huyết, hay khi nhọt đã vỡ mủ rồi, tuổi nhiều bịnh lâu và chứng sản hậu, chân tay mát lạnh là bịnh âm hư không nên dùng thuốc phát tán và thuốc hạ.

祛風薰法

Khư-phong-huân pháp

Phép hun trừ gió độc, dùng vị khương-hoạt, độc-hoạt tế-tân, bạc-hà, kinh-giới mỗi vị và đồng cân đốt khói mà hun.

散風蒸法

Tán-phong-chưng pháp

Phép xong tán gió độc dùng vị phòng-phong, tử-tô, bạc-hà khương-hoạt, độc-hoạt mỗi vị 1, 2 lạng bỏ vào nồi đun sôi bắc ghế ngồi trên mà xông, ngoài trùm cho kín.

蛋熨法

Đản-uất pháp

Phép đánh gió dùng 4, 5 cái trứng gà luộc chín đề cả vỏ chia ba cắt một đầu đề hai phần lại đương lúc nóng đề trên rốn người bịnh, dùng cái trâm bằng bạc cắm suốt ngang cái trứng, một chốc lâu rút ra rửa sắc đen đi, trứng nguội lại thay cái khác, bao giờ cái trâm không thấy đen nữa thời khỏi.

蘿蔔熨法

La-bặc-uất pháp

Trị chứng thương hàn kết hung dùng củ-cải 6 lạng, không có củ cải dùng hột lú-bú; 3 lạng củ hành, 3 lạng gừng sống cùng dầm cho nhỏ xào nóng lên, lấy khăn vải chia làm hai bọc mà chườm nguội thời lại thay.

紫蘇熨法
Tử - tô - uất pháp

Trị chứng thương hàn trong bụng có thực tích, bụng dưới kết dắn, đại, tiểu tiện không thông dùng lá tía-tô ba lạng bỏ nồi đun sôi lấy khăn mặt dấn vào nước nóng rồi vắt ráo nước đi nhân nóng xát vào trên rốn người bịnh cả vào bụng dưới nữa nhưng mà bàn tay phải ở trên khăn xát đi xát lại nguội thời lại thay như thế ba, bốn lần thời thông được cả. Nhược bằng đại, tiểu chưa thông phải dùng phép thông khoan mới được.

傷寒雜症
Thương hàn tạp chứng

傷寒結胸 Một thứ thương hàn kết hung, bụng dắn chắc đại-tiện bí, trong phải dùng *phép hạ*, ngoài dùng *La-bặc-uất-pháp.*

傷寒發斑 Một thứ thương hàn phát ban, bịnh nhẹ thời như muỗi đốt, dùng *Thanh-nhiệt-hóa-ban thang*; bịnh nặng thời từng đám như vẻ gấm dùng *Tê-dác-địa-hoàng thang.*

傷寒發狂 Một thứ thương hàn phát cuồng, bụng chướng, đại tiện táo, dùng *Đại-thừa-khí thang*, nhược bằng không chướng không kết dùng *Trừu tân ẩm Bạch-hổ thang.*

傷寒衄血 Một chứng thương hàn nục huyết, đổ máu mũi dùng *Sài cát-tiễn.*

傷寒戰汗 Một thứ thương hàn chiến hãn là đổ bồ-hôi mà run rét, ấy là chính khí với tà khí tranh nhau dùng *Lục-vị-hồi-dương-ẩm.*

傷寒吐蚘 Một thứ thương hàn thổ vưu, dẫu có nóng sốt kỵ dùng thuốc mát, dùng *Lý-trung thang* gia ô-mai 2 quả, Xuyên-tiêu 20 hột.

傷寒夾食 Một thứ thương hàn giáp thực là nhân cảm mà ăn no hoặc ăn no rồi mà cảm phải dùng *Thổ-pháp* mới khỏi,

傷寒夾色 Một thứ thương hàn giáp sắc là nhân cảm mà phạm sự dâm dục, ngoài phải gió lạnh, trong bụng đau đớn; con giai thời thận-nang co vào, đàn bà thời đầu vú rụt vào dùng *Hoa đà cứu thoát phương.*

列方
Liệt các bài thuốc

清熱化斑湯
Thanh-nhiệt-hóa-ban thang

玄參三リ Huyền-sâm 3 đồng	當歸二リ Đương quy 2 đồng	花粉二リ Hoa phấn 2 đồng
升麻一リ Thăng-ma 1 đồng	荆芥一リ Kinh-giới 1 đồng	黄連一リ Hoàng-liên 1 đồng
茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	生艸一リ Sinh-thảo 1 đồng.	

犀角地黄湯
Tê-dác-địa-hoàng thang

生地五リ Sinh-địa 5 đồng	白芍三リ Bạch-thược 3 đồng	牡丹三リ Mẫu-đơn 3 đồng
犀角一リ另磨 Tê-dác 1 đồng. (mài riêng)		

柴葛煎
Sài-cát tiên

葛根三リ Cát-căn 3 đồng	白芍三リ Bạch-thược 3 đồng	柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng
連翹二リ Liên kiều 2 đồng	黄芩一リ Hoàng-cầm 1 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng.

華陀救脫方
Hoa-đà-cứu-thoát phương

Dùng hành sống 8 lạng (dầm nhỏ sao nóng lấy khăn vải bọc chờm dưới rốn làm hai bọc thay đổi. *Trong uống*:

製附三リ Chế-phụ 3 đồng	乾姜三リ Can-khương 3 đồng	白朮三リ炒 Bạch-truật 3 đồng
木香一リ半 Mộc-hương 1 đồng rưỡi.		

Còn các bài thuốc đều ở mục trên.

傷寒六經傳變
Thương-hàn lục-kinh truyền biến

Chứng thương hàn tà khí cảm vào kinh thái-dương thời đầu cổ đau, vai lưng cứng, mình mẩy đau, phát sốt sợ lạnh, không có bồ-hôi, mạch phù mà khẩn.

Truyền sang kinh dương-minh, thời mình nóng, mắt đau, mũi khô mồm ráo, môi se không ngủ, lưỡi có rêu trắng, ăn không biết ngon, mạch hồng mà trường.

Truyền sang kinh thiếu-dương thời bụng ngực đau, tai ù, phát sốt, phát rét, cổ khô, mắt mờ, nôn mà miệng đắng, hoặc nôn khan, không ăn được, không có bồ-hôi, mạch huyền mà xác, ấy là chứng bán biểu, bán lý, (nửa trong nửa ngoài).

Truyền vào kinh thái-âm thời bụng đầy mà mửa, ăn không được, cổ khô, chân tay nóng, hoặc có đi rửa bụng đau, không khát nước, mạch trầm mà tế.

Truyền vào kinh thiếu-âm thời lưỡi khô miệng ráo, hoặc khát nước, ngực đau, bụng đầy, đại tiện bế kết, không muốn đắp chăn, mạch trầm mà thực.

Truyền vào kinh quyết-âm thời phát phiền, tai điếc hoặc khí nghịch sung tâm, trong bụng đau nóng, khát nước, đói không muốn ăn, ăn thời nôn ra dun, nhược bằng cho uống thuốc hạ thời đi rửa mãi không thôi, mạch trầm mà huyền.

中風
4. — Trúng-phong

Bệnh trúng phong, tuy rằng thuộc về sự gió, thực là người ấy nguyên khí hư lắm, tinh thần hư bại cho nên đứng ngồi ở chỗ thông phong thấy hơi gió thoảng, tự nhiên ngã ra như chim phải đạn cho nên gọi là trúng phong kíp dùng bài *Thông-quan-tán*, thổi vào hai lỗ mũi cho hắt hơi, lại dùng nước gừng hòa nước tiểu trẻ con cho uống. Chứng này phải chia ra làm hai thứ : bế-chứng và thoát-chứng.

Một thứ : bế-chứng thời hàm răng cắn chặt, hai tay nắm lại : ấy là chứng bế phải dùng móng tay bấm vào huyệt nhân-trung và bấm hai ngón chân cái chỗ giáp thịt

giáp móng bao giờ tỉnh mới buông ra, lại nhai nhỏ gừng sống xát vào trên trán, lấy nước gừng giỏ vào hai đầu con mắt thì tỉnh ngay. Như hàm răng cắn chặt dùng bài *Khai-nha-tán* xát vào chân răng hàm hoặc dùng *Tứ-phong-biêm-pháp* châm chẩy máu cho giải ra.

Như tắc hơi khó thở dùng một viên *Tô-hợp* hòa nước gừng nóng cho uống, nhược bằng đờm nhiều dùng một viên *Bão-long* hòa nước sôi cho uống, bằng như hơi thở nhỏ, sắc mặt thì trắng, mạch chạy trầm yếu, nguyên khí muốn thoát kíp dùng bài *Độc-sâm-thang* cho uống mới khỏi được.

Một thứ: thoát chứng thời há miệng, nhắm mắt, bàn tay duỗi, vãi đái ra, miệng đùn bọt cua, mắt trực thị, thở như ngủ ngáy, tiếng đờm rong-róc; mạch chạy thong thả thời sống, mạch chạy nhanh thời chết, kíp dùng bài *Phụ-tử-lý-trung* một tễ lớn cho uống, lại dùng *Thép-cứu*, huyệt quan-nguyên-cách dưới rốn một tấc cứu năm bẩy mồi, nhược bằng uống nhầm phải viên tô-hợp và bão-long thời không cứu được.

Bằng như cấm khẩu không nói được dùng sạ-can 1 đồng giã nhỏ, trúc-diệp 1 nắm vò ra, đồng tiện 1 chén đun nóng cho uống. Nhược bằng co gân dùng lá-hẹ 1 nắm sao nóng cho tí muối mà chườm.

Như đờm rãi nhiều dùng bồ-kết 2 quả, sao cháy đen, phèn-phi 5 đồng cùng tán bột hòa nước sôi uống 2 đồng, lại dùng nhân ba-đậu bọc giấy dập lấy dầu quấn giấy làm mồi, châm lửa thổi tắt lấy khói hun vào lỗ mũi.

Bằng như miệng méo, mắt xếch dùng hột thầu-dầu-tía 3 đồng, băng-phiến 5 phân, cùng dầm nhỏ dịt vào xương quai-hàm lệch về bên tả thì dịt bên hữu, lệch về bên hữu thì dịt bên tả, hễ trông thấy ngay rồi, rửa đi lập tức, nếu để chậm nó lại lệch sang bên kia.

Lại còn bài dùng hạt thầu-dầu-tía 36 hột bọc giấy đập bỏ dầu đi dùng máu lươn hòa vào bôi lên mép và bôi xương quai-hàm và bôi gan bàn tay, lệch bên tả bôi bên hữu, lệch bên hữu bôi bên tả, lại dùng lá-vông hơ nóng ấn giay vào bên lệch, lạnh thời lại nướng rồi lại giay trong 15 phút thời khỏi.

Lại còn bài nữa dùng nam-tinh 1 củ, thảo-ô 1 củ, khương-tàm 7 con, bạch-cập 2 đồng cùng nghiền nhỏ hòa máu con lươn thành cao mà bôi, phép bôi cũng như trên.

Như khi trúng phong mê mẩn không biết việc gì, chân tay đều lạnh dùng thang *Tiêu-tục-mịnh*.

Bằng như đại, tiểu-tiện chẳng thông dùng thang *Tam-hóa*, nhược bằng chân tay không cất lên được dùng thang *Đại-tần-dao*. và bài *Câu-tích-âm* hoặc bài *Hy-đồng-hoàn*, nhược bằng chân tay tê dại, bán thân bất toại trong uống bài *Hoán-cốt-đan* ngoài dùng bài *Huân-dược-pháp*.

Đời xưa nhà Đường bà thái-hậu phải bệnh trúng phong, mạch trầm sắp chết, không kịp uống thuốc, ông Hứa-Dận-Tôn lấy phòng-phong, hoàng-kỳ mỗi thứ vài cân, sắc vài nồi nước để xuống dưới giường mà xông, đêm hôm ấy nói được; rồi dùng thuốc uống mà khỏi.

Lại còn ông Vương-Thủ-Đạo phải bệnh trúng phong, không nói được, ông Vương-Khắc-Minh đến chữa, lấy than lửa đốt đất cho nóng, lấy những vị phong-dược sắc nước tưới vào để người bệnh nằm gác lên trên, một chốc thời tỉnh ra.

Hai phép ấy, bịnh nguy không kịp uống thuốc thực là có tài quyền biến được lắm.

列方

Liệt các bài thuốc

通關散

Thông-quan-tán

皂角二ﾘ炙焦
Tạo-dác 2 đồng

細辛一ﾘ
Tế-tân 1 đồng

或加 生半夏一ﾘ
Hoặc Gia: Sinh-bán-hạ 1 đồng.

共末取少許吹两鼻孔或用皂角一味亦可
Tán bột lấy một ít thổi vào 2 lỗ mũi, hoặc dùng một vị bồ-kết cũng được.

開牙散

Khai-nha tán

細辛一ﾘ
Tế-tân 1 đồng

南星一ﾘ
Nam-tinh 1 đồng

樸硝一ﾘ
Phác-tiêu 1 đồng

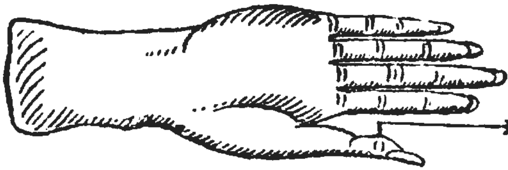
全蝎五个炒 龍腦五分 姜蚕五个炒
Toàn-yết 5 con Long-não 5 phân Khương-tàm 5 con

共末每用一ㄌ
Cùng tán bột, mỗi bận xát lấy 1 đồng,

烏梅一个水磨又加射香少許和末藥擦兩邊
Ô-mai 1 quả mài với nước, thêm một tí sạ-hương hòa thuốc bột xát chân

大牙根 或用一味烏梅磨水擦亦可
răng hàm. Hoặc dùng một thứ ô-mai hòa nước xát cũng được.

磁鋒砭法
Từ-phong - biêm pháp



Dùng mũi kim châm huyệt thiếu-thương cho chẩy máu ra thì khỏi, huyệt ấy ở hai dầu ngón tay cái bên trong cạnh móng, trước phải tuốt từ trên cánh tay cho máu chạy xuống rồi mới châm kim cả hai ngón tay.

獨參湯
Độc - sâm thang

洋参一両姜炒 大棗三枚 生姜十片
Dương-sâm 1 lạng Đại-táo 3 quả Sinh-khương 10 nhát

水煎服
Xắc nước uống.

附子理中湯
Phụ - tử - lý - trung thang (ở số 10)

洋参五ㄌ姜炒 製附二ㄌ 白朮三ㄌ土炒
Dương-sâm 5 đồng Chế-phụ 2 đồng Bạch-truật 3 đồng

乾姜二ㄌ炒焦 炙艸一ㄌ半
Can-khương 2 đồng Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

小續命湯
Tiều-tục-mịnh thang

洋参二ソ姜炒 Dương-sâm 2 đồng	麻黄一リ Ma-hoàng 1 đồng	黄芩一ソ炒 Hoàng-cầm 1 đồng
白芍二ソ炒 Bạch-thược 2 đồng	防已一リ Phòng-kỷ 1 đồng	杏仁十粒 Hạnh-nhân 10 hột
生姜五片 Sinh-khương 5 nhát	製附一リ Chế-phụ 1 đồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng
炙艸五分 Chích-thảo 5 phân	川芎一リ Xuyên-khung 1 đồng	
防風一ソ半 Phòng-phong 1 đồng rưỡi.		

三化湯
Tam-hóa thang

厚樸四ソ姜炒 Hậu-phác 4 đồng	枳實一ソ炒 Chỉ-thực 1 đồng	姜活一リ Khương-hoạt 1 đồng
川大黄二リ Xuyên-đại-hoàng 2 đồng.		

大秦艽湯
Đại-tần-giao thang

秦艽二ソ Tần-giao 2 đồng	石羔一リ煨 Thạch-cao 1 đồng	生草五分 Sinh-thảo 5 phân
川芎一リ Xuyên-khung 1 đồng	當歸二ソ Đương-quy 2 đồng	姜活一リ Khương-hoạt 1 đồng
生地三リ Sinh-địa 3 đồng	茯苓二ソ Phục-linh 2 đồng	白芍二ソ炒 Bạch-thược 2 đồng
白朮二ソ土炒 Bạch-truật 2 đồng	熟地五リ Thục địa 5 đồng	白芷一リ Bạch-chỉ 1 đồng
黄芩一ソ Hoàng-cầm 1 đồng	細辛一リ Tế-tân 1 đồng	獨活一リ Độc-hoạt 1 đồng.
防風二リ Phòng-phong 2 đồng		

狗脊飲
Cầu-tích ẩm

木瓜二ㄌ Mộc-qua 2 đồng
牛膝二ㄌ Ngưu-tất 2 đồng
松節一ㄌ Tùng-tiết 1 đồng
桑枝一ㄌ炒 Tang-chi 1 đồng
杜仲二ㄌ鹽炒 Đỗ-trọng 2 đồng
續斷一ㄌ Tục-đoạn 1 đồng
秦艽一ㄌ Tần-giao 1 đồng
桂枝一ㄌ Quế-chi 1 đồng
熟地五ㄌ Thục-địa 5 đồng
歸尾一両 Quy-vĩ 1 lạng
海風藤一ㄌ Hải-phong-đằng 1 đồng
金毛狗脊三ㄌ Kim-mao-cẩu-tích 3 đồng.

水煎服 冲酒一盃
Sắc nước uống, hòa 1 chén rượu.

豨桐丸
Hi-đồng hoàn

地梧桐即木芙蓉 連花葉枝八両晒乾
Địa-ngô-đồng, (là cây phù-dung) lấy cả hoa lá cành 8 lạng phơi khô.
豨薟草 ㄗ莶狌蜥四両炒
Hi-thiêm-thảo, (là lá chó đẻ) 4 lạng sao

共末煉蜜丸 早夕各服四ㄌ
Tán nhỏ luyện mật, viên, sớm tối mỗi bận uống 4 đồng.

換骨丹
Hoán-cốt-đan

麻黄煮成膏另外
Ma-hoàng nấu thành cao, để ngoài.
杜仲 Đỗ-trọng,
槐角子 Hòe-dác-tử,
桑白皮 Tang-bạch-bì,
川芎 Xuyên-khung,
白芷 Bạch-chỉ,
葳靈仙 Uy-linh-tiên,
洋参姜炒 Dương-sâm
防風 Phòng-phong,
何首烏製 Hà-thủ-ô,
蔓荆 Mạn-kinh;
每味各一両 *Mỗi vị đều 1 lạng.*

苦参五リ Khổ-sâm 5 đồng — 木香五リ Mộc-hương 5 đồng — 龍腦五分 Long-não 5 phân

射香一分 Sạ-hương 1 phân

共末和髙麻黃煉爲丸搗一萬五千杵
Cùng tán bột, hòa cao ma-hoàng, luyện làm viên, đâm 15.000 chầy

每𠄎分爲十丸用辰砂爲衣每臨臥服一丸
mỗi lạng chia làm 10 viên, lấy thần-sa làm áo. Mỗi tối uống 1 viên

酒送下
với ngụm rượu.

薰藥法
Huân-dược pháp

眞降香 Trân-dáng-hương — 千年健 Thiên-niên-kiện — 鬧羊花 (1) Náo-dương-hoa

生川烏 Sinh-xuyên-ô — 陳艾葉 Trần-ngải-diệp — 鑽地風 Toàn-địa-phong

百草霜 Bách-thảo-xương; 每味各二リ *Mỗi vị đều 2 đồng.* 射香一分 Sạ-hương 1 phân

共末散紙上捲作筒點火薰之漸
Cùng tán bột rắc trên mảnh giấy, quấn làm mồi đốt lửa hun, càng

薰漸痛越痛越好何處不痛則多薰
hun càng đau. càng đau càng hay; chỗ nào không đau thời hun

之用一料全愈
nhiều vào làm 1 liều thời khỏi.

中寒
5. — Trúng - hàn

Bịnh trúng hàn bởi khi mùa đông rét lắm lại nhân mưa phùn gió bấc, những người tạng hàn hoặc có ăn đồ sống lạnh cho nên khí lạnh trúng vào âm kinh tự nhiên ngã ra cứng hàm rỏ rãi, chân tay cứng thẳng hoặc có tiếng ngáy; hoặc bụng đau như đâm vào, trước phải dùng bài Thông-quan-tán thổi vào lỗ mũi cho hắt hơi, lại dùng rượu nóng hòa với nước gừng đổ vào mồm hoặc là nước tiểu hòa với nước gừng cho uống ngoài dùng than lửa đốt nhiều để cho nóng lên, nhược bằng vội vàng chửa kịp thuốc men gì, hãy dùng phép *Thông-uất-pháp* hoặc dùng *Ngô-thù-uất-pháp.*

(1) Hoa cà độc-dược.

Một thứ trúng hàn đau bụng đau cả da lưng và vạng sườn đau quá tưởng chết; dùng một nắm lá ngải to bằng cái trứng, ba đồng nhục-quế, mười nhát gừng sống sắc nước uống hòa một chén rượu, phải trùm chăn cho ra bồ-hôi thời khỏi.

Một thứ hàn tà trực trúng âm-kinh chân tay co quắp, cứng hàm không nói được dùng thang *Hồi-dương-cấp-cứu* hoặc bài *Đại-ôn-trung*, như con vị lạnh, đau bụng đi tả dùng bài *Ôn-vị-ẩm*, thang *Phụ-tử-lý-trung*. Bằng như mạch trầm chân tay lạnh dí rửa; không khát nước dùng thang *Tứ-nghịch gia nhân-sâm*. Như rức đầu, đau mình trong ngoài đều cảm hàn tà dùng bài *Ngũ-tích-tán*.

Một thứ trúng hàn môi thời xám xanh, thận-nang rụt lại; đàn-bà đầu vú rụt lại, hai tay không có mạch dùng phép *Thông-uất-pháp* lại dùng hồ-tiêu nghiền nhỏ hòa rượu nóng cho uống.

Những khi hàn tà trúng vào thái-âm tỳ-kinh thời vị oản đau dùng thang *Phụ-tử-lý-trung*, bài *Ôn-vị-ẩm*. Như trúng vào thiếu âm thận-kinh thời bụng, rốn đau đớn dùng bài *Quy khí-ẩm*, bài *Ngũ-tích-tán* gia ngô-thù 2 đồng. Như trúng vào quyết-âm can-kinh thời bụng dưới đau dùng thang *Tứ-nghịch*, bài *Quy-khí-ẩm*, bài *Noãn-can-tiên*. Nhược bằng hàn tà trúng cả ba kinh thời đầy tức, đau lắm không chịu được dùng thang *Bài-khí-ẩm*, thang *Hàn-thị-ôn-trung*, thang *Ngũ-vị-trầm-phụ*.

列 方

Liệt các bài thuốc

葱熨法

Thông - uất pháp

Trước dùng hành củ 4 lạng (dâm nhỏ dùng khăn vải chia làm 2 bọc đốt hòn lốc cho nóng, để lên trên hành túm lại rồi chườm vào bụng trên, bụng dưới nguội rồi lại thay). *Lại dùng*:

生附子一月 Sinh-phụ-tử 1 lạng
白朮五リ土炒 Bạch-truật 5 đồng
乾姜五リ炒 Can-khương 5 đồng
木香二リ Mộc-hương 2 đồng.

煎湯冷服
Sắc nước để nguội uống.

吳茱熨法

Ngô-thù-uất-pháp

Dùng ngô-thù nửa cân dâm nhỏ tầm rượu chia làm hai bọc đốt hòn lốc để vào, túm lại chườm vào trên bụng và hai gan bàn chân lạnh thời lại đổi, đợi thấy hơi nóng thấu vào trong bụng, chân tay ấm áp mới thôi, hoặc thêm hành và muối càng hay.

回陽救急湯

Hồi-dương cứu-cấp thang

洋參三リ姜炒 Dương-sâm 3 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
陳皮一リ炒 Trần-bì 1 đồng	法夏一リ Pháp-hạ 1 đồng	乾姜一リ炒 Can-khương 1 đồng
製附一リ Chế-phụ 1 đồng	五味十粒 Ngũ-vị 10 hột	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng
炙草五分 Chích-thảo 5 phân.		

大温中飲

Đại-ôn-trung ẩm

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	當歸三リ Đương-quy 3 đồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng
洋參三リ姜炒 Dương-sâm 3 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng
麻黄一リ Ma-hoàng 1 đồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng

---

温胃飲

Ôn-vị ẩm

党參五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng	扁豆三リ炒 Biển-đậu 3 đồng
陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng	炙草一リ Chích thảo 1 đồng	乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng

---

歸氣飲
Quy-khí ẩm

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	茯苓三リ Phục-linh 3 đồng	扁豆三リ炒 Biển-đậu 3 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng	陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng	丁香一リ Đinh-hương 1 đồng
藿香二リ Hoắc-hương 2 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng.	

煖肝煎
Noãn-can tiên

當歸三リ Đương-quy 3 đồng	杞子二リ Khởi-tử 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
小茴二リ Tiểu-hồi 2 đồng	烏藥二リ Ô-dược 2 đồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng
沈香五分 Trầm-hương 5 phân	或代用 Hoặc thay	木香一リ Mộc-hương 1 đồng

四逆湯
Tứ-nghịch thang

乾姜三リ炒 Can-khương 3 đồng	製附二リ Chế-phụ 2 đồng	炙草一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

排氣飲
Bài-khí ẩm

香附二リ炒 Hương-phụ 2 đồng	澤左二リ塩炒 Trạch-tả 2 đồng	烏藥二リ Ô-dược 2 đồng
藿香二リ Hoắc-hương 2 đồng	陳皮一リ半炒 Trần-bì 1 đồng rưỡi	枳壳一リ炒 Chỉ-xác 1 đồng
厚樸二リ姜炒 Hậu-phác 2 đồng	木香一リ煨 Mộc-hương 1 đồng.	

韓氏温中湯
Hàn-thị-ôn-trung thang

厚樸二リ姜炒	陳皮二リ炒	乾姜二リ炒
Hậu-phác 2 đồng	Trần-bì 2 đồng	Can-khương 2đồng
白朮二リ土炒	木香一リ煨	丁香一リ
Bạch-truật 2 đồng	Mộc-hương 1 đồng	Đinh-hương 1 đồng
加	葱白二リ	荆芥一リ
Gia:	Thông-bạch 2 đồng	Kinh-giới 1 đồng

五味沈附湯
Ngũ-vị-trầm-phụ thang

白朮三リ土炒	製附一リ	乾姜二リ炒
Bạch-truật 3 đồng	Chế-phụ 1 đồng	Can-khương 2 đồng
炙草一リ	沉香五分	
Chích-thảo 1 đồng	Trầm hương 5 phân.	
或代用	木香一リ	生姜五片
Hoặc thay:	Mộc-hương 1 đồng,	Sinh-khương 5 nhát,

四逆加人参湯
Tứ-nghịch-gia-nhân-sâm thang

洋参五リ姜炒	製附二リ	乾姜三リ炒
Dương-sâm 5 đồng	Chế-phụ 2 đồng	Can-khương 3 đồng
炙草一リ		
Chích-thảo 1 đồng		

五積散
Ngũ-tích-tán (ở số 2)

當歸二リ	白芍二リ炒	党参三リ姜炒
Đương-quy 2 đồng	Bạch-thược 2 đồng	Đẳng-sâm 3 đồng
川芎一リ	茯苓二リ	蒼朮一リ製
Xuyên-khung 1 đồng	Phục-linh 2 đồng	Xương-truật 1 đồng
炙草五分	厚樸一リ姜炒	乾姜一リ炒
Chích-thảo 5 phân	Hậu-phác 1 đồng	Can-khương 1 đồng
麻黄五分	白芷一リ	桂枝一リ
Ma-hoàng 5 phân	Bạch-chỉ 1 đồng	Quế chi 1 đồng
法夏一リ	陳皮一リ炒	桔梗一リ
Pháp-hạ 1 đồng	Trần-bì 1 đồng	Kết-cánh 1 đồng
枳壳一リ炒	加	吳茱二リ酒炒
Chỉ-xác 1 đồng	Gia:	Ngô-thù 2 đồng

中暑
6. — Trúng-thử

Bịnh trúng nắng. — Những người đi đường xa và người làm ruộng; đương khi nắng cháy, buổi trưa, làm khó nhọc không nghỉ, tự nhiên ngã ra, rức đầu, da thịt nóng như lửa, khát nước đổ bồ-hôi nhiều, mạch thời phù, hơi thở to, không vận động được; kíp dùng vài củ tỏi, một hòn đất khô, đâm ra hòa nước cho uống, nếu hàm cứng thì cậy răng đổ vào. Hoặc là dùng nước gừng hòa nước tiểu cho uống, hoặc dùng giấy quấn lại châm lửa hơ vào mồm; lại phép dùng dơm cỏ kết lại để vây chung quanh rốn, lấy đất bóp nhỏ rắc chung quanh bên trong cỏ, mượn người đái vào rốn một chốc khi nóng vào bụng thì khỏi.

Lại còn phép dùng: lấy hai cái khăn vải dấn nước nóng chườm vào rốn nguội rồi lại đổi. Lại cho uống nước nóng. Bằng như cho uống nước lã thì chết. Rồi dùng thang *Dưỡng-trung* ở số 10 Chư-hư-chứng-biện, thang *Lý-trung* ở số 1 Nội-thương, sắc cho uống. Nhược bằng khí hư mỏi mệt lắm cho uống thang *Độc-sâm* ở số 4 Trúng-phong.

傷暑
7. — Thương-thử

Chứng cảm thử nhân khi mùa hạ, cảm khí mặt giời, nóng quá cho nên mình nóng, rức đầu, khát nước, đổ bồ-hôi muốn uống nước lã mạch thời hồng hoạt, đi tiểu đỏ mà đau, đại tiện táo thế là ngoài da trong bụng điều nóng phải dùng thuốc mát để giải thử độc; nhược bằng khí không hư lắm mà chỉ có chứng nóng dùng thang *Bạch-hổ* bài *Ngọc-toàn-tán*, bài *Hoàng-liên-hương-nhu*; nhược bằng phiền khát đổ

bồ-hôi, mạch thời phù mà khí hư dùng bài *Bạch-hổ-gia-nhân-sâm*, thang *Trúc-diệp-thạch-cao*. Nhược bằng phiền khát mà không nóng lắm dùng bài *Sinh-mạch-tán* bài *Tam-tài*. Nhược bằng cảm thử mà nôn mửa quá, cơm, thuốc không chịu, bịnh nguy quá dùng Dương-sâm 1 đồng, xuyên-hoàng-liên 3 phân gạo nếp một dúm sắc cho uống ít một thời khỏi nôn.

Nhược bằng đau hoắc-loạn, thổ tả mà phiền khát lắm dùng bài *Súc-tỉ-ẩm*, bài *Tứ-vị-hương-nhu* có chuột rút gân thì thêm mộc-qua 3 đồng.

Nhược bằng thổ-tả mà đầu nặng hôn-mê thân-thể mỏi-mệt lắm dùng bài *Thập-vị-hương-nhu-ẩm*.

Nhược bằng mình-mẩy thời nóng chân tay mỏi-mệt đổ bồ-hôi, khát nước không muốn ăn uống gì đi đái rắt mà vàng, đi rửa lỏng dùng bài *Thanh-thử ích-khí*

Nhược bằng nóng sốt phiền táo, tiểu-tiện không lợi dùng bài *Quế-linh-cam-lộ*.

陰暑症
Âm-thử chứng

Những khi tránh nắng cầu rợp, ở nhà rộng nơi nhiều gió chỗ bóng cây phải khí lạnh ngăn trở; thử khí không tiết ra được hóa ra phát sốt, rức đầu phiền táo không yên hễ xem dưới nách có bồ-hôi là chứng thương-thử dùng bài *Gia-vị-hương-nhu*. Nhược bằng nóng sốt không khỏi, rức đầu sợ lạnh hễ xem dưới nách không có bồ-hôi ấy là chứng thương-hàn mùa hạ, phải theo mục Thương-hàn số 3 các phép chữa bịnh.

Nhược bằng chứng âm thử lại ăn những đồ sống lạnh, hóa ra đau bụng nôn mửa, đi rửa thế là trong ngoài đều lạnh; dùng bài ***Ức-phù-tiễn***, bài *Ngũ-đức-hoàn*. Nhược bằng tì vị hư lắm dùng bài *Ôn-vị-ẩm*, bài *Lý-trung-thang*. Nhược bằng thổ-tả quá lắm, con tỳ con thận đều bị thương, đau cả đến bụng dưới dùng bài *Vị quan-tiễn*, bài *Cửu-khí đan*.

列方

Liệt các bài thuốc

黃連香薷飲

Hoàng-liên hương-nhu ẩm

川黃連一リ半 Hoàng-liên 1 đồng rưỡi	厚樸二リ姜炒 Hậu-phác 2 đồng	香薷四リ Hương-nhu 4 đồng

竹葉石羔湯

Trúc-diệp thạch-cao thang

竹葉廿片 Trúc-diệp 20 lá	石羔六リ煆 Thạch-cao 6 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng
麥門三リ炒 Mạch-môn 3 đồng	沙參三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng	粳米二撮 Cánh-mễ 2 dúm

生脈散

Sinh-mạch-tán

沙参一月姜炒 Sa-sâm 1 lạng	麥門六リ炒 Mạch-môn 6 đồng	五味十五粒炒 Ngũ-vị 15 hạt

縮脾飲

Súc-tỳ-ẩm

扁豆五リ炒 Biển-đậu 5 đồng	葛根三リ Cát-căn 3 đồng	烏梅三个 Ô-mai 3 quả
炙艸一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi	沙仁一リ炒 Sa-nhân 1 đồng	草果五分 Thảo-quả 5 phân

四味香薷飲

Tứ-vị hương-nhu ẩm

生艸一リ半 Sinh-thảo 1 đồng rưỡi	扁豆五リ炒 Biển-đậu 5 đồng	香薷三リ Hương-nhu 3 đồng
厚樸三リ姜炒 Hậu-phác 3 đồng		

十味香薷飲

Thập-vị hương-nhu ẩm

香薷二リ Hương-nhu 2 đồng	沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng	黄芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng
厚樸一リ半姜炒 Hậu-phác 1 đồng rưỡi	淮山二リ炒 Hoài-sơn 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
陳皮五分炒 Trần-bì 5 phân	扁豆三リ炒 Biển-đậu 3 đồng	木瓜二リ Mộc-qua 2 đồng
生草一リ Sinh-thảo 1 đồng		

清暑益氣湯

Thanh-thử ích-khí thang

沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng	黄芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng	升麻一リ Thăng-ma 1 đồng
神曲一リ姜炒 Thần-khúc 1 đồng	蒼朮五分製 Xương-truật 5 phân	陳皮五分炒 Trần-bì 5 phân
炙艸五分 Chích-thảo 5 phân	淮山二リ炒 Hoài-sơn 2 đồng	黄伯五分炙 Hoàng-bá 5 phân
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	當歸二リ Đương-qui 2 đồng	葛根二リ Cát-căn 2 đồng
泽左一リ盐炒 Trạch-tả 1 đồng	青皮五分炒 Thanh-bì 5 phân	五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột

加味香薷飲

Gia-vị hương-nhu ẩm

香薷二リ Hương-nhu 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	扁豆三リ炒 Biển-đậu 3 đồng
厚樸二リ姜炒 Hậu-phác 2 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng	青蒿二リ炒 Thanh-hao 2 đồng
知母二リ Tri-mẫu 2 đồng	石羔四リ煨 Thạch-cao 4 đồng	

抑扶煎
Ức-phù tiên

厚樸二リ姜炒
Hậu-phác 2 đồng

陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

猪苓二リ
Chư-linh 2 đồng

烏藥一リ半
Ô-dược 1 đồng rưỡi

澤左二リ盐炒
Trạch-tả 2 đồng

炙艸一リ
Chích-thảo 1 đồng

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng

吳茱一リ酒炒
Ngô-thù 1 đồng

五德丸
Ngũ-đức hoàn

破故二両炒
Phá-cố 2 lạng

吳茱一両酒炒
Ngô-thù 1 lạng

木香一両煨
Mộc-hương 1 lạng

乾姜二両炒
Can-khương 2 lạng

烏藥一両
Ô-dược 1 lạng

共末糊丸每服三リ姜湯下
Tán bột luyện hồ, viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng gừng.

胃關煎
Vị-quan-tiên

熟地五リ姜炙
Thục-địa 5 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

淮山三リ炒
Hoài-sơn 3 đồng

扁豆三リ炒
Biển-đậu 3 đồng

乾姜一リ炒
Can-khương 1 đồng

吳茱七分酒炒
Ngô-thù 7 phân

炙草七分
Chích-thảo 7 phân

九炁丹
Cửu-khí-đan

熟地四両炙
Thục-địa 4 lạng

製附二両
Chế-phụ 2 lạng

乾姜一両炒
Can-khương 1 lạng

肉豆蔻一両煨去油
Nhục-đậu-khấu 1 lạng

吳茱一両酒炒
Ngô-thù 1 lạng

破故一両炒
Phá-cố 1 lạng

蓽茇一両醋炒
Tất-bát 1 lạng

五味五リ炒
Ngũ-vị 5 đồng

炙草五リ
Chích-thảo 5 đồng.

共末糊丸每服三リ姜湯下
Tán bột luyện hồ, viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng gừng.

桂苓甘露飲
Quế-linh cam-lộ ẩm

滑石八ヅ	石羔四ヅ煆	淮山四ヅ炒
Hoạt-thạch 8 đồng	Thạch-cao 4 đồng	Hoài-sơn 4 đồng
寒水石四ヅ煆	茯苓二ヅ	澤瀉二ヅ塩炒
Hàn-thủy-thạch 4 đồng	Phục-linh 2 đồng	Trạch-tả 2 đồng
猪苓一ヅ	肉桂一ヅ	
Chư linh 1 đồng	Nhục-quế 1 đồng	

共末每服三ヅ温水調下
Tán bột, mỗi bận uống 3 đồng, hòa nước sôi.

養中煎 (在十数諸虛症辨)
Dưỡng-trung tiên (ở số 10, CHƯ-HƯ-CHỨNG)

理中湯　三才丸 (俱在一數內傷)
Lý-trung thang　Tam-tài-hoàn (Đều ở số 1, NỘI-THƯƠNG)

白虎湯　玉泉散 (俱在三數傷寒)
Bạch-hổ thang　Ngọc-toàn tán (Đều ở số 8, THƯƠNG-HÀN)

温胃飲 (在五數中寒)
Ôn-vị ẩm (ở số 5, TRÚNG-HÀN)

傷濕
8. — Thương-thấp

Chứng thương thấp có hai thứ: nội nhân và ngoại nhân không giống nhau, như là khi đi bị mưa ướt; nằm ở chốn ẩm thấp hoặc mặc mãi áo có bồ-hôi không cổi ra đều là chứng ngoại nhân đó. Như là: hay ăn những các thứ hoa quả, nhất là quả dưa; hay là uống rượu, uống nước và ăn các đồ sống lạnh đều là chứng nội nhân. Đến khi bị bịnh trong mình phần dương thịnh nóng nhiều hóa ra chứng thấp nhiệt, phần âm thịnh lạnh hơn hóa ra chứng hàn thấp. Chứng hiện ra phát sốt, sợ lạnh mình thời nặng, lưng thì đau gân xương đều rức, hoặc là đầy, khó thở đờm rãi nhiều hoặc phù sũng, da vàng, nước tiểu it mà đỏ, đại tiện lỏng và các chứng tê thấp đau chân. Phép chữa phải bổ tì, tiêu cơm làm đầu, chứng ngoại nhân phải cho ra bồ-hôi, chứng nội nhân phải cho lợi tiểu tiện. Bịnh thấp nhiệt phải dùng thuốc mát.

Bịnh hàn thấp phải dùng thuốc nóng lại phải kiêm dùng phong dược bởi vì gió hay khô được chỗ ướt.

Một thứ: chứng thấp nhiệt thời có phiền khát dỉ tiểu ít mà đỏ, đại tiện thì lỏng, mạch thời hồng sác, nóng vừa dùng bài *Tứ-linh-tán*, bài *Tiểu-phân-thanh*; nóng lắm dùng bài *Nhân-trần-ẩm*, bài *Đại-phân-thanh*. Nhược bằng đại tiện táo kết thời phải bổ huyết tư âm; nhẹ thời dùng thang *Tứ-vật* gia tri-mẫu, hoàng-bá, xương-truật đều 1 đồng; nặng thời dùng bài *Tư-âm-bát-vị* bội phục-linh, trạch-tả, gia xương-truật 1 đồng.

Một thứ hàn thấp thuộc nội nhân ắt có đờm rãi, nôn mửa, dầy bụng, đi rửa, mạch thời trầm trì bịnh nhẹ thì dùng bài *Ngũ-linh-tán*, bài *Bình-vị-tán*; nặng thì dùng bài *Lý-trung thang* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Thánh-truật-tiên*.

Một thứ hàn thấp thuộc về ngoại nhân thời có phát sốt, sợ lạnh rức đầu, đau mình, mạch thời phù khẩn, phải nên dùng thuốc nóng mà kiêm tán dùng bài *Ngũ-tích-tán* ở số 2 THƯƠNG-PHONG, bài *Gia-vị-ngũ-linh*, bà *Bất hoán-kim-chính-khí-tán*.

列方

Liệt các bài thuốc

四苓散

Tứ-linh tán

猪苓二ゾ
Chư-linh 2 đồng

澤左四ゾ炒
Trạch-tả 4 đồng

茯苓三ゾ
Phục-linh 3 đồng

白朮二ゾ土炒
Bạch-truật 2 đồng

小分清飲

Tiểu-phân-thanh ẩm

茯苓三ゾ
Phục-linh 3 đồng

澤左三ゾ炒
Trạch-tả 3 đồng

猪苓二ゾ
Chư-linh 2 đồng

薏苡二ゾ炒
Ý-dĩ 2 đồng

枳壳一ゾ炒
Chỉ-xác 1 đồng

厚樸一ゾ姜炒
Hậu-phác 1 đồng

大分清飲
Đại - phân - thanh - ẩm

茯苓二リ Phục-lin 2 đồng	澤左二リ炒 Trạch-tả 2 đồng	木通二リ Mộc-thông 2 đồng
梔子二リ炒黑 Chi-tử 2 đồng	猪苓二リ Chư-linh 2 đồng	枳殼一リ炒 Chỉ-xác 1 đồng
車前一リ炒 Xa-tiền 1 đồng		

茵陳飲
Nhân - trần ẩm

茵陳三リ Nhân-trần 3 đồng	梔子三リ炒黑 Chi-tử 3 đồng	澤左三リ炒 Trạch-tả 3 đồng
菊花二リ Cúc-hoa 2 đồng	青皮一リ炒 Thanh-bì 1 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng

---

四物湯
Tứ - vật thang (ở số 1)

生地五リ酒炒 Sinh-địa 5 đồng	當歸三リ Đương-qui 3 đồng	白芍二リ酒炒 Bạch-thược 2 đồng
川芎一リ Xuyên-khung 1 đồng.		

加 知母二リ 黄伯一リ炙 蒼术一リ半製
Gia : Tri-mẫu 2 đồng, Hoàng-bá 1 đồng, Xương-truật 1 đồng rưỡi.

滋陰八味煎
Tư - âm - bát - vị tiên (ở số 8)

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	淮山四リ炒 Hoài-sơn 4 đồng	茯苓五リ Phục-linh 5 đồng
牡丹三リ酒炒 Mẫu-đơn 3 đồng	澤左四リ炒 Trạch-tả 4 đồng	知母二リ Tri-mẫu 2 đồng
黄伯一リ炒 Hoàng-bá 1 đồng	山茱二リ酒炒 Sơn-thù 2 đồng	

加 蒼术二リ製
Gia : Xương-truật 2 đồng

五苓散
Ngũ-linh tán

澤泻四リ炒 Trạch-tả 4 đồng
茯苓三リ Phục-linh 3 đồng
猪苓二リ Chư-linh 2 đồng
白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng
肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng.

加 沉香五分
Gia: Trầm-hương 5 phân

平胃散
Bình-vị tán

厚樸五リ姜炒 Hậu-phác 5 đồng
蒼朮三リ製 Xương-truật 3 đồng
陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng
炙草一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi

聖朮煎
Thánh-truật tiên

冬朮一月土炒 Đông-truật 1 lạng
陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng
肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng

加味五苓散
Gia-vị ngũ-linh tán

即五苓散加
Là bài NGŨ-LINH gia:

姜活二リ
Khương-hoạt 2 đồng

不換金正氣散
Bất - hoán - kim - chính - khí tán

蒼朮二ㇼ製 Xương-truật 2 đồng	厚樸三ㇼ姜炒 Hậu-phác 3 đồng	党參五ㇼ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng
橘紅皮二ㇼ炒 Quất-hồng-bì 2 đồng	茯苓三ㇼ Phục-linh 3 đồng	藿香一ㇼ Hoắc-hương 1 đồng
炙草一ㇼ Chích-thảo 1 đồng	木香七分煨 Mộc hương 7 phân	

燥症
9. — Táo - chứng

Bịnh táo là khô ráo khi mùa thu, mùa đông những lúc không mưa, gió tây-bắc thổi, tre, gỗ đều khô nẻ, da thịt người ta khô cứng, dăn dúm không mềm mà nẻ ra ấy là chứng táo thuộc về ngoại nhân dùng Đào-nhân 1 lạng nghiền nhỏ hòa mỡ lợn bôi. Nhược bằng mũi khô, mắt đỏ, cổ khô, miệng ráo phiền khát; đại-tiện bí kết là chứng táo nội nhân bởi vì hay ăn đồ sào rán, uống rượu nhiều, hoặc đổ bồ-hôi nhiều mất cả tân-dịch cho nên huyết ráo, âm hư sinh ra chứng táo nhiệt nên dùng thuốc bổ huyết tư âm như bài *Tư-thủy-nhuận táo*, bài *Địa-hoàng âm-tử* lại còn chứng hàn táo cũng thấy trong cổ khô đại-tiện táo phải dùng thuốc ôn nhuận như bài *Thỉ-cao* phương *Trị-hàn-táo.*

列方
Liệt các bài thuốc

滋水潤燥方
Tư - thủy nhuận - táo phương

熟地二月 Thục địa 2 lạng	天門五ㇼ炒 Thiên-môn 5 đồng	麥門五ㇼ炒 Mạch-môn 5 đồng
牛膝五ㇼ Ngưu-tất 5 đồng		

煎湯和牛乳一碗
Sắc nước hòa sữa bò 1 chén.

地黃飲子
Địa - hoàng - ẩm - tử

生地三リ Sinh-dịa 3 dồng	熟地三リ Thục-dịa 3 dồng	天門二リ炒 Thiên-môn 2 dồng
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 dồng	沙参二リ炒 Sa-sâm 2 dồng	石斛一リ Thạch-hộc 1 dồng
石羔一リ煆 Thạch-cao 1 dồng	生草五分 Sinh-thảo 5 phân	

豕膏
Thỉ - cao

當歸八月 煮成膠 豕膏八月 白蜜一斤
Đương-qui 8 lạng, (*sắc thành cao*). Mỡ-nước 8 lạng, Mật-ong 1 cân

混入再煑 服三五匙
Hợp vào nấu lại: uống 5. 3 thìa.

治寒燥方
Trị - hàn - táo - phương

當歸八リ Đương-qui 8 dồng	杏仁三リ搗 Hạnh-nhân 3 dồng	鹿膠三リ Lộc-giao 3 dồng
炙草二リ Chích-thảo 2 dồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 dồng	木香五分 Mộc-hương 5 phân

滋陰潤燥之品
Những vị tư - âm - nhuận - táo

生地 Sinh-dịa,	熟地 Thục-dịa,	肉蓯蓉製 Thong-dong,	當歸 Đương-qui,	牛膝 Ngưu-tất,
天門炒 Thiên-môn	麥門炒 Mạch-môn,	鹿膠 Lộc-giao,	龜膠 Qui-giao,	丹参 Đan-sâm
沙参炒 Sa-sâm,	胡桃 Hồ-dào,	杞子 Khởi-tử,	蜂蜜 Phong-mật,	牛乳 Ngưu-nhũ

清火抑燥之品
Những vị thanh-hỏa-ức-táo

黃芩炒 Hoàng-cầm,	黃伯炙 Hoàng-bá,	黃連 Hoàng-liên,	石斛 Thạch-hộc,	石羔 Thạch-cao,
滑石 Hoạt-thạch,	丹皮炒 Đan-bì,	知母 Tri-mẫu,	梔子炒黑 Chi-tử	花粉 Hoa-phấn,
葛根 Cát-căn	藕汁 Ngẫu-trấp,	玄參 Huyền-sâm,	梨漿 Lê-tương,	大黄煨 Đại-hoàng.

火症
10. — Hỏa-chứng

Ôi! Lửa nóng là khí lục dâm ở trong giời đất. Đời xưa vua Toại-nhân dùi cây lấy lửa; muôn dân được ăn đồ chín. Những khi sao thuốc nhiễm nhiều hơi lửa, phải đổ xuống đất cho tả hỏa độc; những khi nấu cao thường nhiều hơi lửa, phải dùng cách thủy để tránh hỏa độc.

Những người âm hư táo nhiệt nhân khi vào bếp thổi nấu phạm phải khí lửa độc, tự nhiên ngã ra gọi là bịnh trúng hỏa kíp dùng bài *Thông-quan-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG thổi vào lỗ mũi cho tỉnh ra, lại dùng đồng tiện cho uống.

Những chứng hỏa độc mà phiền táo đi tiểu ra huyết phải dùng thuốc mát cho thanh giải đi như bài *Ngọc-toàn-tán* và bài *Bạch-hổ-thang* đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN hoặc dùng thang *Hoàng-liên-giải-độc*.

Còn như tạng phủ trong mình người ta đều có phục hỏa, lặng đó thì yên, quấy đó thì động cho nên có tên rằng: quân hỏa, tướng hỏa, long hỏa, lôi hỏa. Những phép trị bịnh hỏa dùng thuốc lạnh để tả hỏa như bài *Trừu-tân-ẩm* ở số 3 THƯƠNG-HÀN, bài *Tam-bổ*, bài *Đại-thanh-ẩm* dùng thuốc bổ âm cho lửa xuống như bài *Lục-vị-hoàn*, *Tả-quy-ẩm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN. Nhược bằng long hỏa dấy lên, đốt cháy tam-tiêu thì nóng dữ quá phải theo tính nó mà đem về gốc dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-ẩm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Lại còn phép bổ tì thổ để thu dương hỏa vào dùng bài *Ngũ-quân-tử* bài *Lý-trung thang* đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

黃連解毒湯

Hoàng - liên giải - độc thang

川黃連 黃芩炒 黃伯炙 梔子炒黑 各二ㄌ

Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Chi-tử. *(Đều 2 đồng)*

三補丸

Tam - bổ - hoàn

黃芩炒 黃伯炙 川黃連 各二ㄌ

Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên. *(Đều 2 đồng)*

大清飲

Đại - thanh - ẩm

木通 知母 石羔煅 石斛 各三ㄌ

Mộc-thông, Tri-mẫu, Thạch-cao, Thạch-hộc. *(Đều 3 đồng)*

加 麥門三ㄌ炒

gia : Mạch-môn 3 đồng.

寒厥

11. — Hàn - quyết

Chứng hàn-quyết thuộc âm, mạch thì trầm vi, không có sức sợ lạnh, muốn nóng đắp áo, trùm chăn, miệng không khát nước, tiểu-tiện thời trong, đại-tiện thời lỏng, tay chân lạnh giá, tay lạnh lên quá trên khửu, chân lạnh lên quá đầu gối, xét xem mạch cùng các chứng không có nóng nẩy chi cả thực là chứng hàn-quyết không sai đó, dùng thang *Phụ-tử lý-trung* và bài *Tứ-vị-hồi-dương* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN hoặc dùng *Cứu-thoát-phương* bằng như dương vong lại kiêm âm thoát dùng thang *Lục-vị-hồi-dương*.

救脫方
Cứu - thoát phương

洋参一月姜炒 Dương-sâm 1 lạng	白朮五リ土炒 Bạch-truật 5 đồng	製附三リ Chế-phụ 3 đồng

六味囘陽飲
Lục - vị hồi - dương ẩm

地熟五リ Thục-địa 5 đồng	當歸三リ Đương-quy 3 đồng	洋参三リ姜炒 Dương-sâm 3 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng	製附一リ Chế-phụ 1 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng

熱厥
12. — Nhiệt - quyết

Chứng nhiệt-quyết thuộc dương, mạch thời trầm sác, có sức khỏe, ghét nóng muốn mát, giơ tay dập chân, nóng nẩy không yên, đại-tiện táo kết, tiểu-tiện đỏ ít, khát nước uống nhiều chân tay lạnh giá, nhưng mà tay lạnh không đến khủu, chân lạnh không đến đầu gối, ấy là dương cực cũng phát quyết đó, nóng vừa dùng bài *Tỷ-tân*, nóng lắm dùng bài *Trừu-tân* và thang *Bạch-hổ* đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Như tại âm hư mà hóa nóng dùng bài *Nhất-âm-tiên*, nóng lắm dùng bài *Gia-dảm nhất-âm* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN 4, 5 ngày không đi đại-tiện dùng thang *Tiểu-thừa-khí* ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

氣厥
13. — Khí - quyết

Chứng khí-quyết bởi những người hiếu thắng, tài trí không bằng người nói khích một câu thời tức dận mà ngã ra hoặc là tranh cạnh sự gì tức dận mà ngất đi, hàm răng nghiến lại, máu theo khí đưa lên, hoặc có thổ huyết. Bằng như những người thuần hòa khiêm thuận thời không có bịnh ấy.

chứng này không như bịnh trúng-phong. Bịnh trúng-phong thời mạch phù mình nóng mà có đờm. Bịnh khí quyết thời mạch trầm mình lạnh mà không có đờm. Kíp dùng nước gừng hòa đồng tiện cho uống, bằng như chưa tỉnh phải bấm huyệt nhân-trung và bấm hai ngón chân cái chỗ giáp móng giáp thịt lại dùng bài *Thông-quan-tán* thổi vào lỗ mũi cho tỉnh như hàm răng nghiến lại dùng *Khai-nha-tán* xát chân răng hàm, 2 bài ấy đều ở số 4 TRÚNG-PHONG. Như người khỏe, nguyên khí thịnh vượng sắc mặt đỏ là chứng khí thực dùng thang *Bài-khí-ẩm*, bài *Bát-vị-thuận-khí-tán*, *Tứ-ma-ẩm*, *Tô-hợp-hoàn* ở hiệu khách có bán, như nguyên khí hư người yếu duối, sắc mặt trắng hơi xanh là chứng khí hư dùng bài *Đại-bổ nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Lục-vị-hồi-dương* ở 11 HÀN-QUYẾT và bài *Độc-sâm-thang* ở số 4 TRÚNG-PHONG.

排氣飲
Bài-khí ẩm

香附二リ炒 Hương-phụ 2 đồng	澤左二リ炒 Trạch-tả 2 đồng	烏藥二リ Ô-dược 2 đồng
藿香一リ半 Hoắc-hương 1 đồng rưỡi	陳皮一リ半炒 Trần-bì 1 đồng rưỡi	枳壳一リ炒 Chỉ-xác 1 đồng
厚樸一リ半姜炒 Hậu-phác 1 đồng rưỡi	木香五分煨 Mộc-hương 5 phân.	

八味順氣散
Bát-vị thuận-khí tán

党參姜炒 Đảng-sâm,	白朮土炒 Bạch-truật,	茯苓 Phục-linh,	青皮炒 Thanh-bì,	陳皮炒 Trần-bì,
白芷 Bạch-chỉ,	烏藥 Ô dược.	各二リ (*Đều 2 đồng*).	炙草五分 Chích-thảo 5 phân.	

四磨飲
Tứ-ma ẩm

沈香 Trầm-hương,	烏藥 Ô-dược,	枳壳 Chỉ xác,	梹榔 Binh-lang

各水磨煮溫服
Mài với nước, hâm nóng uống.

加 木香 名五磨飲
Gia: Mộc-hương. (*Gọi là Ngũ-ma-ẩm*).

血厥

14. — Huyết-quyết

Bịnh huyết-quyết có hai thứ: một thứ huyết thoát, một thứ huyết nghịch đều ngất di cả.

Một thứ huyết thoát như khi thổ huyết nhiều lắm, băng huyết nhiều lắm, hoặc là sản hậu, huyết ra nhiều lắm thời bịnh sâm tối mặt tự nhiên ngã ra, mắt nhắm miệng câm, người nhà phải im chớ có kêu khóc, nhược bằng động tiếng lên thời sợ người bịnh hồn vía nhân hư mà bạt mất thì không cứu được kíp bấm vào huyệt Nhân-trung và bấm 2 ngón chân cái chỗ giáp thịt giáp móng, lại đốt than, tưới dấm thanh cho ngửi khói để thu khí vào lấy Dương-sâm một hai lạng sắc thang cho uống để khí không thoát được khi đã tỉnh rồi tùy chứng hàn nhiệt mà điều bổ, cấm không được dùng thuốc lạnh và những vị chỉ huyết.

Một thứ huyết nghịch bởi vì dận dữ quá máu theo khí ngược lên, máu uất mà sâm tối mặt thời cũng ngã ra; hoặc có huyết chảy ra mồm mũi, trước phải thuận khí thời huyết mới xuống dùng bài *Thông-ứ-tiên*, bài *Hóa-can-tiên* đợi cho khí huyết điều hòa rồi sau tùy chứng điều trị.

通瘀煎
Thông-ứ tiên

歸尾五ゾ Quy-vĩ 5 đồng	山查二ゾ炒黑 Sơn-tra 2 đồng	香附二ゾ炒 Hương-phụ 2 đồng
青皮一ゾ半炒 Thanh-bì 1 đồng rưỡi	紅花二ゾ Hồng-hoa 2 đồng	烏藥二ゾ Ô-dược 2 đồng
澤左一ゾ半炒 Trạch-tả 1 đồng rưỡi	木香七分 Mộc-hương 7 phân.	

化肝煎
Hóa-can tiên

青皮炒 Thanh bì,	陳皮炒 Trần-bì,	白芍酒炒 Bạch thược,	土貝母 炒 Thổ bối-mẫu

各二ゾ *Mỗi vị đều 2 đồng.)*

牡丹酒炒 Mẫu-đơn,	梔子炒黑 Chi tử,	澤左炒 Trạch-tả,	各一ゾ半 *(Đều 1 đồng rưỡi).*

痰厥
15. — Đàm-quyết

Chứng đàm-quyết bởi vì nhân hỏa nhân phong cho nên đờm rãi ủng tắc khí không thông được, sâm tối ngất đi, mắt mờ, răng cắn chặt, chân tay co quắp và lạnh ngắt, kíp dùng phép để nôn đờm ra cho chóng khỏi. Những người khỏe mạnh phải dùng thuốc mạnh cho thổ đờm ra, uống bài *Hy-duyên-tán* bài *Trà điều-tán*. Những người yếu đuối dùng vị Thuần-hòa cho khai đờm ra lấy thang gừng muối nhàn nhạt cho uống dần dần, lại lấy ngón tay móc cổ để nôn ra hoặc dùng *Bão-long-hoàn*, *Ngưu-hoàng-hoàn* hòa nước sôi cho uống, nhược bằng hàm răng còn cắn chặt dùng *Khai-nha-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG xát hàm răng. Như đờm nhiều lại dùng nhân ba đậu bọc giấy đập lấy dầu vào giấy, cuốn giấy làm mồi châm lửa đốt, thổi tắt lấy khói hun hai lỗ mũi, lại dùng Sinh-bán-hạ tán bột lấy một ít thổi vào hai lỗ mũi hoặc dùng Trúc-lịch một chén, 10 giọt nước gừng hòa cho uống. Nhược bằng đờm chưa hết phải dùng *Cổn-đàm-hoàn* cho tiêu đi.

Như thấy bịnh đờm đã bớt phải xét bịnh căn mà chữa.

Bịnh thuộc về phần hỏa thịnh phải thanh giáng đi, dùng bài *Thanh-cách-tiên* hoặc bởi tại về nhân gió lạnh phải ôn tán đi, dùng bài *Lục-an-tiên* bởi tại ẩm thấp phải tiêu tán đi, dùng bài *Linh-truật-nhị-trần*.

Như tỳ hư phải bổ tỳ dùng thang *Lục-quân-tử*, thận thủy hư mà nước ứa thành đờm dùng bài *Lục-vị-hoàn*.

列方
Liệt các bài thuốc

稀涎散
Hy-duyên tán

皂角二葉炙焦 Tạo-dác 2 quả sao cháy	礬冠五リ Phèn-phi 5 đồng

共末和温水服二リ
Tán bột, hòa nước sôi, uống 2 đồng.

茶調散
Trà - điều tán

瓜蒂二リ
Qua-dế 2 đồng

蓮心茶一リ
Liên-tâm-trà 1 đồng

共末每服一リ溫水調下
Tán nhỏ hòa nước sôi, uống 1 đồng.

抱龍丸
Bão-long-hoàn,

牛黃丸
Ngưu-hoàng-hoàn,

滾痰丸
Cổn-đàm-hoàn.

俱在客號發賣
Ở hiệu khách có bán.

取竹瀝法
Phép lấy trúc-lịch

Dùng trúc non năm bẩy gióng để trên hỏa lò đốt thời nước chẩy ra.

清膈煎
Thanh - cách - tiên

土貝母三リ姜炒
Thổ-bối-mẫu 3 đồng

胆星二リ
Đảm-tinh 2 đồng

海石二リ
Hải-thạch 2 đồng

陳皮一リ半炒
Trần-bì 1 đồng rưỡi

木通一リ
Mộc-thông 1 đồng

白芥子七分炒
Bạch-giới-tử 7 phân.

六安煎
Lục - an tiên

茯苓三リ
Phục-linh 3 đồng

杏仁二リ搗
Hạnh-nhân 2 đồng

法夏二リ
Pháp-hạ 2 đồng

陳皮一リ半炒
Trần-bì 1 đồng rưỡi

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

白芥子七分炒
Bạch-giới-tử 7 phân.

苓朮二陳煎
Linh-truật nhị-trần tiên

茯苓三ㄌ Phục-linh 3 đồng	猪苓二ㄌ Chư-linh 2 đồng	白朮二ㄌ土炒 Bạch-truật 2 đồng
澤瀉一ㄌ半炒 Trạch-tả 1 đồng rưỡi	陳皮一ㄌ半炒 Trần-bì 1 đồng rưỡi	法夏二ㄌ Pháp-hạ 2 đồng
乾姜一ㄌ炒 Can-khương 1 đồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân	

六君子湯
Lục-quân-tử thang

党参五ㄌ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng	茯苓三ㄌ Phục-linh 3 đồng	陳皮一ㄌ炒 Trần-bì 1 đồng
法夏二ㄌ Pháp-hạ 2 đồng	炙艸一ㄌ Chích-thảo 1 đồng	白朮三ㄌ土炒 Bạch-truật 3 đồng.

六味丸
Lục-vị hoàn

熟地八ㄌ Thục-địa 8 đồng	淮山四ㄌ炒 Hoài-sơn 4 đồng	茯苓三ㄌ Phục-linh 3 đồng
牡丹三ㄌ酒炒 Mẫu-đơn 3 đồng	山茱二ㄌ酒炒 Sơn-thù 2 đồng	澤瀉一ㄌ塩炒 Trạch-tả 1 đồng

---

酒厥
16. — Tửu-quyết

Bịnh tửu-quyết : bởi vì uống rượu nhiều quá không có chừng. Đương lúc trẻ trung, khỏe mạnh thì không sao. Đến khi già yếu, không vận hóa được mà sinh bịnh ra, bịnh ấy cũng như bịnh trúng phong. Nhẹ thời tai còn nghe tiếng, mắt còn trông thấy. Nặng thời mê mẩn, ngất đi, không nói được ;

hoặc đờm rãi nhiều, phát suyễn phát sốt, ho hắng hoặc có thổ huyết kíp dùng bài *Thông-quan-tán* ở số 4 TRÚNG-PHONG thổi 2 lỗ mũi cho tỉnh ra, rồi mới chia ra hàn nhiệt mà dùng thuốc. Như mạch chạy khỏe muốn những sự mát, đại-tiện can táo dùng bài *Trừu-tân-ẩm* ở số 3 THƯƠNG-HÀN ; bài *Lục-đậu-ẩm*, bài *Lê-tương-ẩm* Như mạch chạy yếu muốn những sự nóng, đại-tiện thì lỏng dùng thang *Lục-quân-tử*, bài *Linh-truật-nhị trần* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, bài *Cát-hoa-giải-tỉnh*.

Nhược bằng tại rượu hao tổn âm huyết, cho nên con tỳ con thận đều suy bại thành ra chứng quyết thoát âm dương đều kiệt dùng bài *Lục-vị-hồi-dương* ở số 11 HÀN-QUYẾT.

綠豆飲
Lục - đậu - ẩm

Dùng đậu xanh vài ba lẻ đun cho rừ mà ăn tùy ý muốn cho muối cho đường cũng được.

梨漿飲
Lê - tương - ẩm

Dùng quả lê gọt vỏ đâm nhỏ vắt lấy nước uống. Thứ nhất lê đen ở Vân-nam (Yunnan) thứ nhì lê trắng ở Thượng-hải, thứ ba lê đỏ ở Lạng-sơn.

葛花鮮醒湯
Cát - hoa - giải - tỉnh thang

党参三ｿ　白朮土炒　茯苓　砂仁炒
Đảng-sâm 3 đồng　Bạch-truật,　Phục-linh,　Sa-nhân,

白豆蔻炒　葛花
Bạch-đậu-khấu,　Cát-hoa

每味各一ｿ半
Mỗi vị đều 1 đồng rưỡi.

青皮炒　陳皮炒　猪苓　澤左炒
Thanh-bì,　Trần-bì,　Chư linh,　Trạch tả

每味各一ｿ
Mỗi vị đều 1 đồng.

神曲七分姜炒　木香七分
Thần-khúc 7 phân　Mộc-hương 7 phân

色厥

17. — Sắc-quyết

Chứng sắc-quyết bởi vì người vốn yếu đuối, nhân gặp được duyên kỳ-ngộ mà cố sức; hoặc là tưởng nhớ đã lâu mà yêu dương quá cho nên tinh khí thoát hết, hóa ra ngất đi lạnh cả chân tay; kíp bấm vào huyệt nhân-trung lại khiến người đàn bà ôm lấy hà hơi vào miệng người bệnh để dẫn hơi nóng vào, phải dùng ngay 1 lạng dương-sâm sắc cho uống lại dùng phương *Hoa-đà-cứu-dương-thoát* may ra mới khỏi, nếu mà hoảng hốt bối rối thời không cứu được. Khi tỉnh rồi dùng bài *Đại-bổ-nguyên* ở số 1 Nội-thương bài *Lục-vị-hồi-dương* ở số 11 Hàn-quyết cho uống.

Lại còn có tình dục động quá, không được thỏa chí, dục hỏa bốc lên huyết cũng theo lên; hoặc mượn chén rượu để át đi, thành ra chứng thổ huyết không khỏi hoặc đổ bồ-hôi nhiều, hơi thở mạnh, chân tay lạnh bởi vì âm hỏa xung lên hóa ra thế.

Phép chữa phải nén hỏa xuống dùng bài *Thanh-hóa-ẩm*, bài *Gia-dảm-nhất-âm* ở số 10 Chư-hư-chứng-biện.

Nhược bằng âm hư quá, lửa không đem xuống mà thổ huyết không khỏi, chân tay lạnh quá mạch thời trầm vi dùng bài *Trấn-âm* cứu lấy. Hễ thấy bịnh đã yên thì tùy chứng mà dùng thuốc.

華陀救陽脱方

Hoa-đà-cứu-dương-thoát phương

Trước dùng phép chườm hành, chườm trên bụng cả bụng dưới; lại dùng:

生附子一月
Sinh-phụ-tử 1 lạng

白朮五リ土炒
Bạch-truật 5 đồng

乾姜五リ炒
Can-khương 5 đồng

木香二リ
Mộc-hương 2 đồng

水煎冷服
Sắc thang để nguội uống.

清化飲
Thanh - hóa - ẩm

生地五リ Sinh-địa 5 đồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng	牡丹三リ炒 Mẫu-đơn 3 đồng
麥門三リ炒 Mạch-môn 3 đồng	石斛二リ Thạch-hộc 2 đồng	黄芩二リ炒 Hoàng-cầm 2 đồng

---

鎮陰煎
Trấn - âm tiên

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	牛必三リ Ngưu-tất 3 đồng	泽左二リ盐炒 Trạch-tả 2 đồng
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	

加 洋参三リ姜炒 乾姜一リ炒
Gia : Dương-sâm 3 đồng Can-khương 1 đồng.

食厥
18. — Thực - quyết

Những chứng thực-quyết bởi vì ăn uống bội thực no quá con tỳ vị bị thương không vận hóa được lại nhân gió lạnh; hoặc có tức dận vụt chốc mê mẩn ngất di chân tay rời rã và lạnh lẽo, bụng thời phát chướng, miệng không nói được, mắt không trông thấy gì lập tức dùng thang gừng muối đổ vào mồm lấy tay móc cổ cho nôn ra rồi dùng bài *Đại-hòa-trung* hoặc bài *Bình-vị-tán* đề tiêu đi sau lại dùng bài *Ngũ-quân-tử* đề uống cho bổ.

大和中飲
Đại - hòa - trung ẩm

山查三リ炒黑 Sơn-tra 3 đồng	麥芽二リ炒黑 Mạch-nha 2 đồng	澤左一リ炒 Trạch-tả 1 đồng
厚樸一リ半姜炒 Hậu-phác 1 đồng rưỡi	陳皮一リ炒 Trần-bì 1 đồng	枳壳一リ炒 Chỉ-xác 1 đồng
砂仁七分炒 Sa-nhân 7 phân.		

平胃散 在八数傷濕
Bình-vị tán (ở số 8, THƯƠNG-THẤP)

五君子煎
Ngũ-quân-tử tiên

党参五ヶ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng
白朮三ヶ土炒 Bạch-truật 3 đồng
茯苓三ヶ Phục-linh 3 đồng
炙艸一ヶ Chích-thảo 1 đồng
乾姜一ヶ半炒 Can-khương 1 đồng rưỡi.

臓厥
19. — Tạng-quyết

Chứng tạng-quyết bởi nhân có chứng thương-hàn, sáu bộ mạch trầm vi, bốn chân tay lạnh ngắt, da thịt đều lạnh, mà giơ tay dập chân, nằm ngồi không yên, chẳng lúc nào nghỉ. Nội-kinh nói: chứng tạng-quyết thời chết bởi vì dương khí tuyệt mất. Bịnh này nguy quá kíp dùng thang *Phụ-tử-lý-trung*, bài *Tứ-vị-hồi-dương* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG. Bịnh đã bớt dùng bài *Bát-vị-hoàn*.

八味丸
Bát-vị hoàn

熟地四两 Thục-địa 4 lạng
淮山二两炒 Hoài-sơn 2 lạng
牡丹一两炒 Mẫu-đơn 1 lạng
茯苓一两半 Phục-linh 1 lạng rưỡi
山茱一两酒炒 Sơn-thù 1 lạng
澤㵼五ヶ盐炒 Trạch-tả 5 đồng
肉桂五ヶ Nhục quế 5 đồng
製附五ヶ Chế-phụ 5 đồng.

共末煉蜜丸 每服三ヶ 煎洋参湯下
Tán bột luyện mật, viên. Mỗi bận uống 8 đồng. Sắc dương-sậm làm thang.

蛔厥

20. — Hồi - quyết

Chứng hồi-quyết bởi vì trẻ con ăn nhiều cá, thịt con tỳ vị yếu lạnh, không vận hóa được mà sinh ra dun, quấy động trong bụng đau quá, hôn mê mà ngất đi, chân tay lạnh lẽo. hễ xem môi đỏ mới thực là bịnh dun kíp dùng thang *Lý-trung* gia xuyên tiêu, binh-lang bởi dun thấy xuyên-tiêu thời đầu nép xuống; dùng 1 vị xuyên-tiêu 2 đồng tán bột hòa nước sôi uống và dùng xuyên-tiêu ngậm trong mồm thời kiến hiệu lắm. Khi đã bớt dùng *Ô-mai-hoàn* hoặc *Ôn-tạng-hoàn* để trừ bịnh dun.

理中湯
Lý - trung thang

党参五リ姜炒 Đẳng-sâm 5 đồng
白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng
乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng
炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng

加 Gia: 川椒二リ炒 Xuyên-tiêu 2 đồng — 檳榔二リ Binh-lang 2 đồng.

烏梅丸
Ô - mai - hoàn

烏梅三十果 Ô-mai 30 quả,
党参六リ姜炒 Đẳng-sâm 6 đồng
黃伯六リ炙 Hoàng-bá 6 đồng
細辛六リ Tế-tân 6 đồng
製附六リ Chế-phụ 6 đồng
桂枝六リ Quế-chi 6 đồng
乾姜一⺆炒 Can-khương 1 lạng
川椒四リ炒 Xuyên-tiêu 4 đồng
當歸四リ Đương-quy 4 đồng
川黃連一⺆六リ Hoàng-liên 1 lạng 6 đồng.

共末搗烏梅加蜜煉爲丸如綠豆大
Tán bột, đâm ô-mai gia mật ong. Luyện làm viên bằng hạt đậu xanh.

每服十五丸
Mỗi bận uống 15 viên.

温臟丸
Ôn - tạng hoàn

党参二両姜炒 Đảng-sâm 2 lạng	白术二両土炒 Bạch-truật 2 lạng	當歸二両 Đương-quy 2 lạng
白芍酒炒 Bạch-thược,	茯苓 Phục-linh,	川椒炒 Xuyên-tiêu,
史君子 Sử-quân-tử,	梹榔 Binh-lang,	榧肉 Phỉ-nhục,

(各一両)
(*Đều* 1 *lạng*).

乾姜五リ炒 Can-khương 5 đồng　　呉茱五リ酒炒 Ngô-thù 5 đồng.

共末煮神曲糊煉爲丸每服二三リ
Tán bột quấy hồ thần-khúc, luyện làm viên. Mỗi bận uống 2, 3 đồng.

如臟寒 加 製附五リ
Như tạng hàn, gia : Chế-phụ 5 đồng

臟熱 加 川黃連五リ
Tạng nhiệt, gia : Hoàng-liên 5 đồng.

尸厥
21. — Thi-quyết

Chứng thi quyết là phải ma quỷ đánh, bởi những khi đi thăm người chết, viếng đám-ma và vào đền miếu thiêng, tự nhiên chóng mặt quay ra, chân tay lạnh dá, da thịt rét run, mặt mũi xanh xám hoặc hàm răng cắn chặt, đờm rãi kéo lên, không biết sự gì cả kíp dùng bài *Thông-quan-tán* ở số ba (3) TRÚNG-PHONG thổi 2 lỗ mũi cho tỉnh ra rồi cho uống bài *Tứ-vị-hồi-dương*, hoặc thang *Phụ-tử-lý-trung* ở số 10 CHƯ-HƯ. Nhược bằng tà khí còn ủng tắc; trong ngực không được khoan khoái dùng *Tô hợp* 1 viên hòa nước sôi uống hoặc dùng bài *Bất-hoán-kim-chính-khí-tán* ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Hoặc như quỷ đánh mà chóng mặt quay ra, mặt đỏ, môi đỏ nói nhảm những việc ma quỷ, mồm mũi chảy máu là chứng thuộc dương dùng thang *Tê dác địa hoàng* hoặc thang *Bạch-hổ* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Khi đã bớt rồi dùng bài *Lục-vị-hoàn* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG, bài *Nhất-âm-tiên* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Lại có một người con giai phải quỷ đánh mình có ngấn xanh đau lắm dùng hoa kim-ngân 5 đồng sắc nước uống thời khỏi.

犀角地黃湯

Tê-giác địa-hoàng thang

生地六リ Sinh-địa 6 đồng	白芍三リ炒 Bạch-thược 3 đồng	牡丹三リ炒 Mẫu-đơn 3 đồng
犀角一リ Tê-giác 1 đồng (mài riêng ra).		

Tô-hợp-hoàn (*Hiệu Bào chế có bán*)

邪祟

22. — Tà-tý

Tà-tý là bịnh ma làm, những chỗ cây cổ-thụ sầm uất, hay có yêu ma ẩn bóng. Những các nhà cửa lâu năm cũng có Thạch-tinh, cốt-khí cho nên những người khỏe mạnh quỷ quái không dám làm, những người yếu bóng vía thời tà ma dễ trêu quở đến khi phải bịnh, hóa ra nói năng mê hoảng, hoặc như dồ dại hoặc nằm mười hôm không ăn uống gì mà hình sắc vẫn thế không sút. Hoặc khi bịnh đã nguy gần chết mà một chốc tự nhiên khỏe mạnh như xưa. Chữa bịnh này dùng thuốc bổ hư an thần làm chủ như bài *Chu-sa-an-thần-hoàn*, bài *Viễn-chí-hoàn*, *Quy-tỳ* thang dùng phương khu tà trục quỷ như bài *Tịch-tà-đan* phép ông *Tân-thừa-tổ cứu quỷ* chớ có dùng thuốc công phạt thời khí huyết hư tổn rồi ra khó chữa

列 方
Liệt các bài thuốc

硃砂安神丸
Chu-sa-yên-thần hoàn

生地八ㄌ
Sinh-địa 8 đồng

當歸四ㄌ
Đương-quy 4 đồng

川黃連三ㄌ
Hoàng-liên 3 đồng

生草二ㄌ
Sinh-thảo 2 đồng

硃砂三ㄌ
Chu-sa 3 đồng

共末煉糊丸 每服二ㄌ
Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.)

遠志丸
Viễn-chí hoàn

沙參一両炒
Sa-sâm 1 lạng

茯神一両
Phục-thần 1 lạng

茯苓一両
Phục-linh 1 lạng

石昌蒲六ㄌ
Thạch-xương-bồ 6 đồng

龍齒六ㄌ
Long-xỉ 6 đồng

遠志五ㄌ製
Viễn-chí 5 đồng

共末蜜丸 每服二ㄌ
Tán bột luyện mật viên, mỗi bận uống 2 đồng.

歸脾湯 (在一數內傷)
Quy-tỳ thang (ở số 1 NỘI-THƯƠNG)

辟邪丹
Tịch-tà đan

党参炒
Đảng-sâm,

茯神
Phục-thần,

遠志製
Viễn-chí,

鬼箭羽
Quỷ-tiễn-vũ,

石昌蒲
Thạch-xương-bồ,

白朮土炒
Bạch-truật,

蒼朮炒
Xương-truật,

當歸
Đương-quy

每味各三ㄌ (*Mỗi vị đều 3 đồng*)

桃奴二ㄌ
Đào-nô 2 đồng (*là quả đào khô ở trên cây*)

共爲末
Cùng tán bột.

雄黃一ゾ Hùng-hoàng 1 dồng　辰沙一ゾ Thần-sa 1 đồng　牛黃三分 Ngưu-hoàng 3 phân
射香一分 Sạ-hương 1 phân

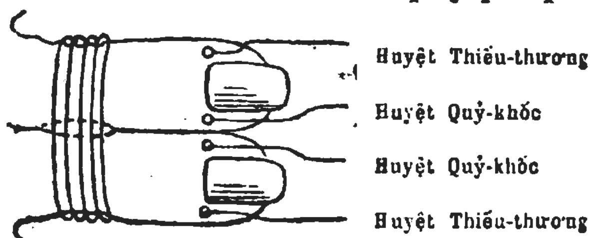
另研末　又和與前末藥　煮酒糊搗
Nghiền riêng ra, rồi hòa lẫn với bột trước, quấy hồ bằng rượu
爲丸　如竜眼大　又用金箔十五片爲衣
luyện làm viên, bằng quả nhãn, lại dùng vàng lá 15 mảnh làm áo,
晒乾　臨臥辰研一丸　磨木香湯調服又用
phơi khô. Lúc đi ngủ nghiền 1 viên, uống thang bằng mộc-hương, lại may
囊盛五七丸　掛帳中　或帶身邊尤妙
túi bỏ vào độ 5, 7 viên, treo trong màn hoặc đeo bên mình càng hay.

除鬼丹
Trừ - quỷ - đan

虎頭骨四ゾ　或代用牛頭骨
Hồ-đầu-cốt 4 đồng, (hoặc thay xương đầu trâu)
硃砂　雄黃　雌黃　鬼臼　皂角炒　蕪荑
Chu-sa, Hùng-hoàng, Thư-hoàng, Quỷ-cữu, Tạo-dác, Vu-di,
鬼箭羽　藜蘆
Quỷ-tiễn-vũ, Lê-lư
各二ゾ (*Đều 2 dồng*)

共末煉糊丸碑子大　囊盛一丸繫臂上
Tán bột luyện hồ viên bằng hòn đạn, may túi đựng 1 viên, buộc trên
男左女右　或以數丸於病人房
cánh tay: giai tay trái gái tay phải. Hoặc đốt vài viên đốt trong buồng
燒之
người bịnh.

秦承祖灸鬼法
Tần - thừa - tổ - cứu - quỷ pháp



Dùng dây gai buộc hai ngón tay cái người bịnh. Vê mồi ngải-cứu bằng hột gạo nhỏ đề vào hai huyệt thiếu-thương, hai huyệt quỷ-khốc ở đầu ngón tay cái chỗ giáp móng giáp thịt. 4 huyệt đều châm lửa đốt nếu thiếu một huyệt thời không hiệu làm bẩy bận mới khỏi.

瘟疫

23. — Ôn-dịch

Chứng ôn dịch các pho sách thuốc đều theo như chứng thương-hàn chỉ có pho Tung-nhai bảo rằng : chứng ôn-dịch là lệ khí giời đất cảm vào mồm mũi người ta, trong không ở ruột gan, ngoài không ở mạch máu ở vào chỗ giáp xương sống, gần ngang dạ-dầy, là nửa trong nửa ngoài chỗ hoành-cách-mô đó vậy. Khi bịnh mới phát thời ghê mình sợ lạnh hoặc chân tay lạnh một chốc uất lên lại hóa ra nóng thời trong ngoài đều nóng, ấy thế là trước ghê mình sợ lạnh, rồi sau mới phát sốt không như chứng Thương-hàn phát sốt mà gồm cả sợ lạnh.

Những chứng ôn-dịch này khi mới phải trước sợ lạnh sau phát sốt rức đầu, đau mình xem mạch thời chẳng phù chẳng trầm mà chạy nhanh bởi vì tà khí ở hoành-cách-mô ; đừng có nhận là chứng thương-hàn thấy sốt mà dùng thuốc phát hãn cũng không ích gì, lại không nên dùng thuốc hạ, tà khí không ở tràng-vị ; hạ thì chỉ nhọc mệt phải trước dùng bài *Đạt-nguyên-ẩm* cho khai thông ra bằng như sốt chẳng khỏi mà phát ban ngoài da lấm tấm đỏ dùng bài *Cử-ban-thang*. Bằng như bồ-hôi đã ra mà nóng không khỏi dùng bài *Bạch-hổ-thang* như ngoài da đã mát mà trong bụng còn nóng lắm dùng bài *Tam-tiêu-ẩm*, còn như thêm các chứng khác hoặc nên ôn, nên lương, nên thổ, nên hạ thời chiếu mục THƯƠNG-HÀN số 3 mà chữa bịnh.

Một thứ chứng ôn-dịch phát sốt đầu mặt sưng sũng mắt nhắm miệng ráo gọi là chứng Đại-đầu-ôn dùng bài *Phổ-tế-tiêu-độc*.

Một thứ chứng ôn-dịch mình mẩy mọc như nốt đậu nốt sởi giống như da cóc gọi là chứng Hà-mô-ôn dùng bài *Kinh phòng-bại-độc.*

Còn như chứng thời khí phát sốt sợ lạnh mà mạch hồng dùng bài *Cầm-liên-tiêu-độc.* Như đầy bụng đi tả dùng bài *Thần-truật-tán.* Như dịch tà vào trong phiền muộn phát cuồng nói nhảm dùng bài *Trị-dịch-thanh-lương-tán.*

列方
Liệt các bài thuốc

達原飲
Đạt-nguyên ẩm

梹榔三リ Binh-lang 3 đồng	厚樸二リ炒 Hậu-phác 2 đồng	知母二リ Chi-mẫu 2 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	黄芩一リ炒 Hoàng-cầm 1 đồng	草果七分 Thảo-quả 7 phân
炙草七分 Chích-thảo 7 phân		

Như đau lưng, rức đầu, đau cổ là tà lấn ra kinh Thái-dương gia *Khương-hoạt* 1 đồng.

Như mắt đau, mũi khô không ngủ được là tà khí lấn ra kinh dương-minh gia *Cát-căn* 2 đồng.

Như đau vạng sườn, ù tai, ghê sốt, ghê rét, nôn mửa, mồm đắng là tà khí lấn ra kinh thiếu dương gia *Sài-hồ* 2 đồng.

舉斑湯
Cử-ban thang

穿山甲二リ炙焦 Xuyên-sơn-giáp 2 đồng	白芍三リ炒 Bạch-thược 3 đồng	柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng
白芷一リ半 Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi	升麻一リ Thăng-ma 1 đồng	當歸三リ Đương quy 3 đồng

---

白虎湯
Bạch - hổ thang

石羔一刃煨 Thạch-cao 1 lạng
知母四リ Tri-mẫu 4 đồng
生艸二リ Sinh-thảo 2 đồng
糯米二撮 Gạo-nếp 2 dúm.

三消飲
Tam - tiêu ẩm

即達原飲加
là bài ĐẠT-NGUYÊN gia:

羌活一リ Khương-hoạt 1 đồng
葛根二リ Cát-căn 2 đồng
柴胡二リ Sài-hồ 2 đồng
大黃二リ煨 Đại-hoàng 2 đồng

普濟消毒飲
Phổ - tế tiêu - độc ẩm

黃芩二リ Hoàng-cầm 2 đồng
川黃連二リ Hoàng-liên 2 đồng
沙參一リ半炒 Sa-sâm 1 đồng rưỡi
玄參一リ半 Huyền-sâm 1 đồng rưỡi
橘紅皮一リ Quất-hồng-bì 1 đồng
桔更一リ Kết-cánh 1 đồng
連翹一リ Liên-kiều 1 đồng
板藍根一リ Bản-lam-căn 1 đồng
牛旁一リ Ngưu-bàng 1 đồng
馬勃一リ Mã-bột 1 đồng
生草五分 Sinh thảo 5 phân
姜蚕五分炒 Khương-tàm 5 phân
升麻五分 Thăng-ma 5 phân
薄荷五分 Bạc-hà 5 phân

或加 防風 當歸 川芎 細辛
Hoặc gia: Phòng-phong, Đương-quy, Xuyên-khung, Tế-tân
各一リ
Đều 1 đồng.

如大便燥 加 川大黃二リ煨
Như đại-tiện táo gia: Đại-hoàng 2 đồng

荆防敗毒散
Kinh-phòng bại-độc tán

荆芥 Kinh-giới,	防風 Phòng-phong,	柴胡 Sài-hồ,	姜活 Khương-hoạt,	獨活 Độc-hoạt
前胡 Tiền-hồ,	川芎 Xuyên-khung,	枳壳炒 Chỉ-xác,	砂参炒 Sa-sâm,	茯苓 Phục-linh,
桔更 Kết-cánh,	甘草 Cam-thảo.	各一ソ *Đều 1 đồng.*		

用薄荷煎湯
Lấy bạc-hà sắc nước làm thang.

芩連消毒飲
Cầm-liên tiêu-độc ẩm

黄芩二ソ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	川黄連一ソ Hoàng-liên 1 đồng	連翹二ソ Liên-kiều 2 đồng
枳壳一ソ炒 Chỉ-xác 1 đồng	柴胡二ソ Sài-hồ 2 đồng	桔更二ソ Kết-cánh 2 đồng
防風二ソ Phòng-phong 2 đồng	姜活一ソ Khương-hoạt 1 đồng	荆芥一ソ Kinh-giới 1 đồng
白芷一ソ Bạch-chỉ 1 đồng	川芎一ソ Xuyên-khung 1 đồng	射干一ソ Sạ-can 1 đồng
生草七ヂ Sinh-thảo 7 phân.		

神朮散
Thần-truật tán

蒼朮二月製 Xương-truật 2 lạng	陳皮二月炒 Trần-bì 2 lạng	厚樸二月炒 Hậu-phác 2 lạng
炙草五ソ Chích-thảo 5 đồng	藿香五ソ Hoắc-hương 5 đồng	沙仁五ソ炒 Sa-nhân 5 đồng

共末毎服二三ソ生姜湯下
Tán bột, mỗi bận uống 2, 3 đồng. Thang bằng gừng.

治疫清凉散

Trị - dịch - thanh - lương tán

秦艽一リ Tần-dao 1 đồng	赤芍一リ Xích-thược 1 đồng	知母一リ Tri-mẫu 1 đồng
土貝母 - リ姜炒 Thổ-bối-mẫu 1 đồng	連翹一リ Liên-kiều 1 đồng	薄荷七分 Bạc-hà 7 phân
柴胡一リ半 Sài-hồ 1 đồng rưỡi	丹参五リ Đan-sâm 5 đồng	石羔二リ煅 Thạch-cao 2 đồng.

瘴氣

24. —Chướng - khí

Bịnh chướng khí là bịnh ngã nước bởi vì rừng, núi, cỏ, cây có nhiều khí độc; những người làm quan và người buôn bán đi lại đó, thủy thổ bất phục, đất, nước không quen đều có bịnh ấy. Bịnh này có 3 thứ gọi là : Lãnh-chướng, Nhiệt-chướng, Á-chướng.

1) Bịnh Lãnh-chướng như âm khí ẩm thấp thời mình mẩy nặng nề, bụng dầy, đi tiểu không lợi dùng bài *Ngũ-linh-tán* ở số 8 THƯƠNG-THẤP. Nhược bằng sốt rét dùng bài *Bất-hoán-kim-chính-khí* cũng ở số 8 THƯƠNG-THẤP hoặc bài *Tiểu-sài-hồ*. Như nguyên-khí suy yếu dùng *Phụ-tử thang* như bụng tức dầy, nôn mửa dùng bài *Gia-hòa-tán*. Như bụng dầy buồn bực, mê mẩn trên nóng dưới lạnh dùng bài *Sinh-khương-phụ-tử-thang*.

2) Bịnh nhiệt-chướng thời nóng sốt lim lịm đêm ngày như nằm trong than lửa phải dùng phép *Khiêu-thảo-tử* lại dùng đậu-xanh, bột sắn uống cho mát để giải độc không nên dùng thuốc hàn-lương công hạ. Khi đã bớt nên dùng thang *Lý-tỳ-khước-chướng* để thường uống cho khỏi.

3) Bịnh Á-chướng là nhiệt-chướng nặng quá hóa ra cấm khẩu, mặt đỏ, bụng nóng, lưỡi nứt đồ máu cam phải dùng phép *Khiêu-thảo-tử* rồi cho uống bài *Cục-phương-hắc-thần-tán* thời khỏi.

列 方

Liệt các bài thuốc

小柴胡湯

Tiểu - sài - hồ thang

党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng	柴胡三リ Sài-hồ 3 đồng	法夏二リ Pháp-hạ 2 đồng
黄芩二リ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	生姜五片 Sinh-khương 5 nhát
大棗二枚 Đại-tảo 2 quả.		

附子湯

Phụ - tử thang

洋参三リ姜炒 Dương-sâm 3 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	製附五分 Chế-phụ 5 phân	

嘉禾散

Gia - hòa tán

党参姜炒 Đảng-sâm,	白朮土炒 Bạch-truật,	茯苓 Phục-linh	炙草 Chích-thảo	薏苡炒 Ý-dĩ,
桑白皮炒 Tang-bạch-bì,	大腹皮炒 Đại-phúc-bì,	石斛 Thạch-hộc,	檳榔 Binh-lang,	法夏 Pháp-hạ,
神曲炒 Thần-khúc,	杜仲盐炒 Đỗ-trọng,	麥芽炒黑 Mạch-nha,	藿香 Hoắc-hương,	枇杷葉 Tỳ-bà-diệp

各一リ *(đều 1 đồng)*

沙仁炒 Sa-nhân,	沈香 Trầm-hương,	五味炒 Ngũ-vị,	白豆蔻炒 Bạch-đậu-khấu,

丁香 Đinh-hương,	木香 Mộc-hương,	青皮炒 Thanh-bì,	陳皮炒 Trần-bì,	隨風子 Tùy-phong-tử

各六分 *(đều 6 phân)*

共末每服一匙約二リ

Tán bột, mỗi bận uống 1 thia. chừng 2 đồng.

生姜附子湯
Sinh-khương phụ-tử thang

生附子一月 Sinh-phụ-tử 1 lạng	生姜十片 Sinh-khương 10 nhát

Sắc thang để nguội uống.

挑草子法
Khiêu-thảo-tử pháp

Dùng mũi kim nhể trên trán và môi trên môi dưới 5, 3 mũi, nặn cho chảy máu, lại dùng lá dướng xát vào lưỡi cho chảy máu ra.

理脾却瘴湯
Lý-tỳ khước-chướng thang

薏以五リ炒 Ý-dĩ 5 đồng	茯神三リ Phục-thần 3 đồng	蒼朮二リ製 Xương-truật 2 đồng
梔子二リ炒 Chi-tử 2 đồng	神曲二リ炒 Thần-khúc 2 đồng	山查二リ炒黑 Sơn-tra 2 đồng
陳皮一リ炒 Trần-bì 1 đồng	法夏一リ Pháp-hạ 1 đồng	前胡一リ Tiền-hồ 1 đồng
川黃蓮一リ Hoàng-liên 1 đồng	黃芩一リ炒 Hoàng-cầm 1 đồng	生艸七分 Sinh-thảo 7 phân.

局方黑神散
Cục-phương hắc-thần tán

黑豆一月炒 Hắc-đậu 1 lạng	熟地六リ Thục-địa 6 đồng	當歸二リ Đương-quy 2 đồng
白芍三リ炒 Bạch-thược 3 đồng	蒲黃二リ炒 Bồ-hoàng 2 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng
肉桂三分 Nhục-quế 3 phân.		

水煎服
Sắc nước uống.

瘧疾

25. — Ngược-tật

Ngược-tật là bịnh sốt rét, vì cảm gió lạnh mà hóa ra. Khi mới phải dùng mình sởn gai ốc, đau lưng cứng xương sống, vừa sốt vừa rét ; hoặc sốt trước rét sau, hoặc rét trước sốt sau, khi sốt khỏi rồi khát nước chứng ấy thuộc về kinh-thiếu-dương, trái mật là chứng nửa trong nửa ngoài.

Một thứ rét hơn sốt dùng bài *Nhị-sài-hồ*. Nhược bằng rét lắm buốt đến xương dùng bài *Đại-ôn-trung*, hai bài này đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Như tỳ vị hư hàn bụng đầy ăn không tiêu dùng bài *Ngũ-quân-tử* ở số 18 THỰC-QUYẾT, như khi hư nhọc mệt quá dùng bài *Bổ-trung-ích-khí* ở số 10 CHƯ-HƯ, bằng khí hư lại kiêm âm huyết hư dùng bài *Bổ-âm-ích-khí* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Một thứ sốt hơn rét dùng bài Nhất-sài-hồ, bằng nóng lắm khát nước nhiều dùng bài *Sài-hồ-Bạch-hổ* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nhược bằng âm hư huyết ít dùng thang *Tứ-vật gia Sài hồ* hoặc bài *Tam-âm-tiên*, hai bài này đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG, như khi sốt rét lạnh như nước đá, nóng như hòn than, mặt đỏ, khát nước, lúc khỏi sốt rồi, không khát nước nữa dùng bài *Hòa-can-tư-thận gia Sài-hồ*. Hoặc như yếu đuối mà già cả nguyên khí hư lắm dùng bài *Đại-bổ-nguyên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

一柴胡飲
Nhất-sài-hồ ẩm

柴胡二ゾ	生地三ゾ	白芍二ゾ炒
Sài-hồ 2 đồng	Sinh-địa 3 đồng	Bạch-thược 2 đồng
黄芩一ゾ半炒	陳皮一ゾ半炒	生草一ゾ
Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi	Trần-bì 1 đồng rưỡi	Sinh-thảo 1 đồng

和肝滋腎湯
Hòa-can tư-thận thang

熟地八ゾ	淮山四ゾ炒	牡丹三ゾ炒
Thục-địa 8 đồng	Hoài-sơn 4 đồng	Mẫu-đơn 3 đồng

茯苓三リ Phục-linh 3 dồng	澤左一リ鹽炒 Trạch-tả 1 dồng	當歸三リ Đương-quy 3 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 dồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 dồng	

加　柴胡二リ
Gia : Sài-hồ 2 dồng

經驗方
Kinh-nghiệm phương

休瘧飲
Hưu-ngược ẩm

洋参三リ姜炒 Dương-sâm 3 dồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 dồng	當歸三リ Đương-quy 3 đồng
何首烏五リ製 Hà-thủ-ô 5 dồng	炙草一リ Chích-thảo 1 dồng	

何人飲
Hà-nhân ẩm

何首烏五リ製 Hà-thủ-ô 5 dồng	洋参三リ姜炒 Dương-sâm 3 dồng	當歸三リ Đương-quy 3 dồng
陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng	煨姜五片 Ổi-khương 5 nhát	

追瘧飲
Truy-ngược ẩm

何首烏一刄製 Hà-thủ-ô 1 lạng	當歸三リ Đương-quy 3 đồng	柴胡三リ Sài-hồ 3 dồng
陳皮二リ炒 Trần-bì 2 dồng	法夏二リ Pháp-hạ 2 dồng	青皮一リ炒 Thanh-bì 1 dồng
炙草一リ Chích-thảo 1 dồng		

木賊煎
Mộc-tặc tiên

木賊三ツ Mộc-tặc 3 đồng	厚樸三ツ炒 Hậu-phác 3 đồng	法夏二ツ Pháp-hạ 2 đồng
檳榔二ツ Binh-lang 2 đồng	青皮一ツ炒 Thanh-bì 1 đồng	蒼朮一ツ煨 Xương-truật 1 đồng

鱉甲飲子
Biết-giáp-ẩm-tử

鱉甲二ツ醋炙 Biết giáp 2 đồng	川芎一ツ Xuyên-khung 1 đồng	黄芪一ツ炙 Hoàng-kỳ 1 đồng
草果一ツ Thảo-quả 1 đồng	檳榔一ツ Binh-lang 1 đồng	白朮一ツ土炒 Bạch-truật 1 đồng
橘紅皮一ツ炒 Quất-hồng-bì 1 đồng	白芍一ツ炒 Bạch-thược 1 đồng	炙艸一ツ Chích-thảo 1 đồng
厚樸一ツ炒 Hậu-phác 1 đồng	大棗一枚 Đại-táo 1 quả	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát

Xét xem vị thường-sơn trị sốt rét như thánh dược, không biết phép chế thời hay nôn mửa, phải dùng giấm thanh tẩm 3 bận phơi khô lại sao nhỏ lửa cho chín; không cứ bài gì nên thêm vào một hai đồng, khát nước gia Thạch-cao 2 đồng, ghê rét gia Thảo-quả 1 đồng, Binh-lang 2 đồng.

寒熱
26. — Hàn-nhiệt

Bịnh hàn nhiệt bởi tại khí âm khí dương hơn kém nhau.

Lấy âm dương mà bàn: phần dương hơn thời nóng, phần âm hơn thời lạnh, phát sốt sợ lạnh là dương, không sốt mà sợ lạnh là thuộc âm.

Lấy sự trong ngoài mà bàn: cái khí lạnh, nóng ở ngoài lại là chứng ngoại cảm, khí lạnh nóng ở trong tạng phủ sinh ra là chứng Nội-thương.

Lấy sự chân giả mà bàn thời lạnh quá hóa nóng, nóng quá hóa lạnh.

Lấy việc hư thực mà bàn: dương thịnh sinh ngoài nóng, dương hư sinh ngoài lạnh. Âm thịnh sinh ngoài lạnh, âm hư sinh trong nóng.

Một thứ bịnh hàn bởi ở trong như bẩm sinh yếu duối, hoặc là tửu sắc tổn tinh thần hóa ra bịnh hàn, chân tay thường mát con tì vị không khỏe nên dùng thuốc ôn bổ bằng yếu vừa dùng bài *Ngũ-quân-tử*, bài *Ôn-vị-âm*. Bằng yếu lắm dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, bài *Lục-vị-hồi-dương*.

Một thứ bịnh hàn bởi ở ngoài như là gió lạnh thương hình thể ăn uống đồ sống lạnh, thương trong tạng phủ thời hóa ra chứng nôn mửa, chứng đầy bụng, chứng tiết tả, thời theo các môn ấy mà chữa.

Một thứ bịnh nhiệt bởi ở ngoài như là chứng phong hàn, truyền hóa ra nóng, và chứng thời khí, hỏa thịnh nhiệt độc phải theo các môn mà chữa.

Một thứ bịnh nhiệt bởi ở trong hoặc nhân ăn uống, no, đói quá; hoặc nhân nhọc mệt quá; hoặc nhân sự tửu sắc; hoặc nhân uống thuốc men mà hóa ra chứng nội nhiệt Nóng vừa dùng bài *Tỉ-tân-âm* nóng lắm dùng bài *Trừu-tân-âm*, bài *Tam-bổ-hoàn*.

Chứng nhiệt uất nên sơ thông ra dùng bài *Hóa-can-tiên*, bài *Gia-vị-tiêu-dao-tán*.

Chứng nhiệt kết nên thông lợi đi dùng bài *Tiểu thừa-khí*, *Đại thừa-khí*. Bịnh nhiệt bởi tại âm hư dùng bài *Lục-vị-hoàn* Bịnh nhiệt bởi tại hỏa hư dùng *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu quy-âm*.

Còn như bịnh nhiệt thuộc về tạng phủ xét xem nóng lắm nóng vừa mà chữa.

Quả tim nóng vừa dùng bài *Nhị-âm-tiên* nóng lắm dùng bài *Hoàng-liên-giải-độc*.

Buồng phổi nóng vừa dùng bài *Mạch-môn-đông* thang, nóng lắm dùng bài *Hoàng-cầm thanh-phế*.

Buồng gan nóng vừa dùng bài *Hóa-can*, nóng lắm dùng bài *Long-đảm-tả-can*.

Con tỳ nóng vừa dùng bài *Thanh-hóa* Con vị nóng lắm dùng bài *Bạch-hổ*, bài *Đại-thanh*. Bổ dục nóng vừa dùng bài *Nhất âm* nóng lắm dùng thang *Chinh-khí*, bài *Đan-khê bổ-âm*. Bong-bóng nóng vừa dùng bài *Ngũ-lâm-tán* nóng lắm dùng thang *Đại-phân-thanh*.

Bọc-tam-tiêu nóng vừa dùng bài *Tỉ-tân* nóng lắm dùng thang *Trừu-tân*.

Ruột già nóng vừa dùng bài *Tư-âm* bát vị, nóng lắm dùng thang *Đại, tiện thừa-khí*.

Một thứ chứng hàn nhiệt vãng lai ghê nóng ghê lạnh tựa như sốt rét mà không phải bệnh sốt rét, lại chia làm hai thứ: một thứ ngoại tà bất giải; một thứ dương thịnh âm hư. Hàn tà phục ở mạch máu mà ghê nóng ghê lạnh, huyết hư thì dùng bài *Tam-sài-hồ*, bài *Bổ-âm-ích-khí*. Nhược bằng khí hư dùng bài *Ngũ-sài-hồ*, bài *Bổ-trung-ích-khí*. Âm hư dương thắng mà ghê nóng ghê lạnh dùng bài *Nhất-âm*, bài *Lục-vị*, như nóng lắm dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*. Nhược bằng âm dương điều hư dùng bài *Bát trân*, bài *Ngũ-phúc*, bài *Thập-toàn*; nhược bằng tỳ thổ hư không nạp được dương khí hóa ra nóng dùng bài *Ngũ-quân-tử* bài *Ôn-vị*, bài *Lý-trung*.

列 方
Liệt các bài thuốc

五君子煎
Ngũ - quân - tử tiên

党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng	乾姜二リ炒 Can-khương 2 đồng
炙艸一リ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi	茯苓三リ Phục-linh 3 đồng	

溫胃飲
Ôn - vị ẩm

党参四リ姜炒 Đảng-sâm 4 đồng	扁豆三リ炒 Biển đậu 3 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng
乾姜一リ半炒 Can-khương 1 đồng rưỡi	當歸二リ Đương-quy 2 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng

---

大補元煎
Đại - bổ - nguyên tiên

党参三リ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	熟地五リ Thục-địa 5 đồng	淮山三リ炒 Hoài-sơn 3 đồng
杜仲二リ塩炒 Đỗ-trọng 2 đồng	當歸二リ Đương-quy 2 đồng	山茱二リ酒炒 Sơn-thù 1 đồng
杞子二リ Khởi-tử 2 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	

六味囬陽飲
Lục-vị hồi-dương ẩm

熟地五ソ Thục-địa 5 đồng	當歸三ソ Đương-quy 3 đồng	洋参三ソ姜炒 Dương-sâm 3 đồng
乾姜二ソ炒 Can-khương 2 đồng	製附一ソ Chế-phụ 1 đồng	炙草一ソ Chích-thảo 1 đồng

徙薪飲
Tỷ-tân ẩm

黄芩二ソ Hoàng cầm 2 đồng	麥門二ソ炒 Mạch-môn 2 đồng	白芍二ソ Bạch-thược 2 đồng
茯苓二ソ Phục-linh 2 đồng	牡丹一ソ半炒 Mẫu-đơn 1 đồng rưỡi	陳皮八分炒 Trần-bì 8 phân
黄伯一ソ炙 Hoàng-bá 1 đồng		

三補丸
Tam-bổ hoàn

黄芩二ソ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	黄伯二ソ炙 Hoàng-bá 2 đồng	川黄連二ソ Hoàng-liên 2 đồng

抽薪飲
Trừu-tân ẩm

黄芩二ソ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	石斛二ソ Thạch-hộc 2 đồng	木通二ソ Mộc-thông 2 đồng
梔子二ソ炒 Chi-tử 2 đồng	黄伯二ソ炙 Hoàng-bá 2 đồng	枳殼一ソ半炒 Chỉ-xác 1 đồng rưỡi
澤左一ソ半炒 Trạch-tả 1 đồng rưỡi	生草一ソ Sinh-thảo 1 đồng	

化肝煎
Hóa-can tiên

土貝母二ソ炒 Thổ-bối-mẫu 2 đồng	丹皮二ソ Đan-bì 2 đồng	白芍二ソ Bạch-thược 2 đồng
澤左一ソ半炒 Trạch-tả 1 đồng rưỡi	梔子一ソ半炒 Chi-tử 1 đồng rưỡi	青皮一ソ炒 Thanh-bì 1 đồng
陳皮一ソ炒 Trần-bì 1 đồng		

加味逍遥散
Gia vị tiêu-dao tán

當歸三リ Đương-quy 3 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	柴胡一リ Sài-hồ 1 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng
薄荷七分 Bạc-hà 7 phân		

加 丹皮一リ半 梔子一リ半炒
Gia : Đan-bì 1 đồng rưỡi Chi-tử 1 đồng rưỡi

大承氣湯
Đại-thừa-khí thang

大黄五リ煨 Đại-hoàng 5 đồng	厚樸八リ炒 Hậu-phác 8 đồng	枳實二リ炒 Chỉ-thực 2 đồng
芒硝三リ Mang-tiêu 3 đồng		

小承氣湯
Tiểu-thừa-khí thang

即大承氣湯 去芒硝
Là bài ĐẠI-THỪA-KHÍ bỏ vị mang-tiêu đi).

六味丸
Lục-vị hoàn

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	淮山四リ炒 Hoài-sơn 4 đồng	山茱二リ酒炒 Sơn-thù 2 đồng
澤瀉一リ半鹽炒 Trạch-tả 1 đồng rưỡi	牡丹三リ炒 Mẫu-đơn 3 đồng	茯苓三リ Phục-linh 3 đồng

八味丸
Bát-vị hoàn

即 六味丸 加
Là bài LỤC-VỊ-HOÀN gia :

肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	製附一リ Chế-phụ 1 đồng

右歸飲
Hữu-quy ẩm

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	淮山四リ炒 Hoài-sơn 4 đồng	山茱二リ酒炒 Sơn-thù 2 đồng
杞子二リ Khởi-tử 2 đồng	杜仲三リ盬炒 Đỗ-trọng 3 đồng	炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng
肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng	製附一リ Chế-phụ 1 đồng	

二陰煎
Nhị-âm tiên

生地五リ Sinh-địa 5 đồng	麥門三リ炒 Mạch-môn 3 đồng	玄参二リ Huyền-sâm 2 đồng
棗仁二リ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng	茯苓二リ Phục linh 2 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng
黃連一リ半 Hoàng-liên 1 đồng rưỡi	木通一リ半 Mộc-thông 1 đồng rưỡi.	

黃連觧毒湯
Hoàng-liên giải-độc thang

黃芩 Hoàng-cầm,	黃伯炙 Hoàng-bá,	黃連 Hoàng-liên,	杞子炒 各二リ Chi-tử *(Đều 2 đồng)*

麥門冬湯
Mạch-môn-đông thang

桑白皮二リ炒 Tang-bạch bì 2 đồng	天門二リ炒 Thiên-môn 2 đồng	麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng
土貝母一リ半 Thổ-bối-mẫu 1 đồng rưỡi	紫菀一リ半 Tử-uyển 1 đồng rưỡi	生地三リ Sinh-địa đồng
桔更一リ半 Kết-cánh 1 đồng rưỡi	竹葉廿片 Trúc-diệp 20 lá	生草五分 Sinh-thảo 5 phân
五味七粒炒 Ngũ-vị 7 hột		

黃芩清肺飲
Hoàng-cầm thanh-phế ẩm

黃芩二ゾ半炒 Hoàng-cầm 2 đồng rưỡi
梔子五ゾ炒 Chi-tử 5 đồng

龍膽瀉肝湯
Long-đảm-tả-can thang

生地五ゾ Sinh-địa 5 đồng
歸尾三ゾ Quy-vĩ 3 đồng
龍胆二ゾ Long-đảm 2 đồng
車前二ゾ炒 Xa-tiền 2 đồng
梔子二ゾ炒 Chi-tử 2 đồng
木通一ゾ Mộc-thông 1 đồng
澤左一ゾ炒 Trạch-tả 1 đồng
黃芩一ゾ炒 Hoàng-cầm 1 đồng
生草一ゾ Sinh-thảo 1 đồng

清化飲
Thanh-hóa ẩm

白芍二ゾ炒 Bạch-thược 2 đồng
麥門二ゾ炒 Mạch-môn 2 đồng
牡丹二ゾ Mẫu-đơn 2 đồng
茯苓二ゾ Phục-linh 2 đồng
生地四ゾ Sinh-địa 4 đồng
黃芩一ゾ炒 Hoàng-cầm 1 đồng
石斛一ゾ Thạch-hộc 1 đồng

白虎湯
Bạch-hổ thang

生草一ゾ半 Sinh-thảo 1 đồng rưỡi
石羔八ゾ煆 Thạch-cao 8 đồng
知母三ゾ Tri-mẫu 3 đồng
糯米一撮 Gạo-nếp 1 dúm

大清飲
Đại-thanh ẩm

石羔七ゾ煆 Thạch-cao 7 đồng
知母三ゾ Tri-mẫu 3 đồng
石斛二ゾ Thạch-hộc 2 đồng
木通二ゾ Mộc-thông 2 đồng

正氣湯
Chính - khí thang

生艸一リ半 Sinh-thảo 1 đồng rưỡi
知母五リ Tri-mẫu 5 đồng
黃伯二リ炙 Hoàng-bá 2 đồng

一陰煎
Nhất -âm tiên

熟地六リ Thục-địa 6 đồng
生地二リ Sinh-địa 2 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng
丹参二リ Đan-sâm 2 đồng
牛膝二リ Ngưu-tất 2 đồng
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng

丹溪補陰丸
Đan - khê bổ - âm hoàn

熟地三㕥 Thục-địa 3 lạng
龜板三㕥炙 Quy-bản 3 lạng
知母二㕥 Tri-mẫu 2 lạng
黃伯二㕥炙 Hoàng-bá 2 lạng

(Tán bột luyện mật viên, mỗi bận uống 3 đồng.)

五淋散
Ngũ - lâm tán

赤苓二リ Xích-phục-linh 2 đồng
梔子二リ炒 Chi-tử 2 đồng
赤芍二リ Xích-thược 2 đồng
木通一リ半 Mộc-thông 1 đồng rưỡi
生艸一リ半 Sinh-thảo 1 đồng rưỡi
茵陳一リ Nhân-trần 1 đồng
滑石一リ半 Hoạt-thạch 1 đồng rưỡi
竹葉一リ Trúc-diệp 1 đồng

大分清飲
Đại - phân-thanh ẩm

茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
澤泻二リ炒 Trạch-tả 2 đồng
木通二リ Mộc-thông 2 đồng

猪苓一リ
Chư-linh 1 đồng

梔子一リ炒
Chi-tử 1 đồng

枳壳一リ炒
Chỉ-xác 1 đồng

車前一リ炒
Xa-tiền 1 đồng

滋陰八味煎
Tư-âm bát-vị tiên

即六味丸 加
Là bài LỤC-VỊ-HOÀN gia:

知母二リ
Tri-mẫu 2 đồng

黃伯二リ炙
Hoàng-bá 2 đồng

三柴胡飲
Tam-sài-hồ ẩm

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng

白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng

陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

生姜五片
Sinh-khương 5 nhát

補陰益氣煎
Bổ-âm ích-khí tiên

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng

党参三リ姜炒
Đẳng-sâm 3 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

淮山三リ炒
Hoài-sơn 3 đồng

升麻一リ
Thăng-ma 1 đồng

柴胡一リ
Sài-hồ 1 đồng

陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

五柴胡飲
Ngũ-sài-hồ ẩm

熟地五リ
Thục-địa 5 đồng

當歸三リ
Đương-quy 3 đồng

白朮二リ土炒
Bạch-truật 2 đồng

白芍二リ炒
Bạch-thược 2 đồng

柴胡二リ
Sài-hồ 2 đồng

陳皮一リ炒
Trần-bì 1 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

補中益氣湯
Bổ-trung ích-khí thang

党参四リ姜炒 Đảng-sâm 4 đồng	黄芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng	當歸二リ Đương-quy 2 đồng
白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	升麻一リ Thăng-ma 1 đồng	柴胡一リ Sài-hồ 1 đồng
陳皮一リ炒 Trần-bì 1 đồng	炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng	

加減一陰煎
Gia-dảm nhất-âm tiên

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	生地二リ Sinh-địa 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	知母一リ半 Tri-mẫu 1 đồng rưỡi	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng
地骨皮一リ半 Địa-cốt-bì 1 đồng rưỡi		

八珍湯
Bát-trân thang

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	党参四リ姜炒 Đảng-sâm 4 đồng	當歸二リ Đương-quy 2 đồng
白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng
川芎一リ Xuyên-khung 1 đồng	炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng	

十全大補湯
Thập-toàn-đại-bổ thang

即八珍湯加
Là bài BÁT-TRÂN gia:

黄芪二リ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng	肉桂一リ Nhục-quế 1 đồng

五福飲
Ngũ-phúc ẩm

熟地六リ 党参四リ姜炒 當歸三リ
Thục-địa 6 đồng — Đảng-sâm 4 đồng — Đương-quy 3 đồng
白朮三リ土炒 炙草一リ半
Bạch-truật 3 đồng — Chích-thảo 1 đồng rưỡi

理中湯
Lý-trung thang

党参五リ姜炒 白朮三リ土炒 乾姜二リ炒
Đảng-sâm 5 đồng — Bạch-truật 3 đồng — Can-khương 2 đồng
炙艸一リ半
Chích-thảo 1 đồng rưỡi

痙病
27. — Kính-bịnh

Bịnh kính nhân tại gió máy, hoặc có ra nhiều bồ-hôi, hoặc cho hạ nhiều và chứng thất huyết mất cả tân dịch, âm hư, huyết ráo hóa ra cứng gân, uỡn lưng như uốn ván, lắc đầu cấm khẩu mắt trợn lên, gáo cổ cứng đờ, chân tay co quắp, sốt không có bồ-hôi mà sợ lạnh gọi là cương-kính. Nóng sốt có bồ-hôi không sợ lạnh gọi là nhu-kính.

Chữa bịnh này phải dùng bổ khí huyết làm chủ, nếu mà quá dùng thuốc phát tán, thời khô ráo tân dịch đi mà bịnh khó khỏi được.

Một thứ bịnh cương-kính không có bồ-hôi, sợ lạnh dùng thang *Cát-căn*, thang *Qua-lâu quế chi*, bằng có ẩm thấp dùng bài *Thần-truật thang* gia Khương-hoạt, Độc-hoạt.

Một thứ bịnh nhu-kính nóng sốt dâm dấp bồ-hôi không sợ lạnh dùng thang *Quế-chi-cát-căn*, thang *Quế chi-phòng-khung*, nhược bằng kiêm ẩm thấp dùng thang *Bạch truật* gia Hoàng-kỳ Quế-tâm.

Một thứ nhân ra nhiều bồ-hôi hoặc cho hạ quá, thành ra bịnh kính thời âm huyết hư dùng bài *Tam-âm-tiễn*, bài *Lục-vị-quy-thược*. Nhược bằng yếu quá mà mạch trầm tế, dùng bài *Đại-doanh-tiễn*, thang *Thập-toàn-đại bổ* ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ bịnh kinh mà lại ra nhiều bồ-hôi dùng thang *Sâm-quy*, thang *Nhân-sâm-kiện trung*, nhược bằng dương khí hư lắm mà bồ-hôi ra, hoặc là vong dương chân tay lạnh dùng thang *Sâm phụ*, bài *Kỳ-phụ* hoặc thang *Tứ-vị-hồi-dương*.

Một thứ bịnh kinh lại kiêm lửa nóng mạch thời hồng hoạt, bịnh thêm phiền nhiệt dùng bài *Nhất-âm*, bài *Gia-dảm-nhất-âm*; hai bài này đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ bịnh kinh nhiều đờm mà nóng sốt dùng bài *Thanh-cách-tiên*, hoặc dùng *Bảo-long-hoàn* ở hiệu khách có bán.

列方
Liệt các bài thuốc

葛根湯
Cát-căn thang

葛根四リ Cát-căn 4 đồng	麻黃一リ Ma-hoàng 1 đồng	桂枝二リ Quế-chi 2 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	大棗二枚 Đại-tảo 2 quả
生姜七片 Sinh-khương 7 nhát		

瓜蔞桂枝湯
Qua-lâu quế-chi thang

花粉四リ Hoa-phấn 4 đồng	桂枝一リ半 Quế-chi 1 đồng rưỡi	白芍三リ炒 Bạch-thược 3 đồng
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	大棗二枚 Đại-tảo 2 quả	生姜七片 Sinh-khương 7 nhát

---

神朮湯
Thần-truật thang

藁本一リ半 Cảo-bản 1 đồng rưỡi	獨活一リ半 Độc-hoạt 1 đồng rưỡi	蒼朮二リ製 Xương-truật 2 đồng
川芎一リ Xuyên-khung 1 đồng	羌活一リ Khương-hoạt 1 đồng	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng

---

桂枝葛根湯
Quế-chi cát-căn thang

葛根三ゾ Cát-căn 3 đồng	桂枝一ゾ半 Quế-chi 1 đồng rưỡi	白芍二ゾ炒 Bạch-thược 2 đồng,
炙草一ゾ Chích-thảo 1 đồng	大棗二枚 Đại-tảo 2 quả	生姜七片 Sinh-khương 7 nhát

桂枝防芎湯
Quế-chi phòng-khung thang

桂枝二ゾ Quế-chi 2 đồng	白芍三ゾ炒 Bạch-thược 3 đồng	防風二ゾ Phòng-phong 2 đồng
大棗二枚 Đại-tảo 2 quả	炙草一ゾ Chích-thảo 1 đồng	生姜七片 Sinh-khương 7 nhát
川芎一ゾ半 Xuyên-khung 1 đồng rưỡi		

白朮湯
Bạch-truật thang

白朮三ゾ土炒 Bạch-truật 3 đồng	防風二ゾ Phòng-phong 2 đồng	黄芪二ゾ炙 Hoàng-kỳ 2 đồng
桂心一ゾ Quế-tâm 1 đồng	炙草一ゾ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi	

三陰煎
Tam-âm tiên

熟地六ゾ Thục-địa 6 đồng	當歸三ゾ Đương-quy 3 đồng	白芍二ゾ炒 Bạch-thược 2 đồng
党参三ゾ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng	棗仁二ゾ炒黑 Tảo-nhân 2 đồng	炙草一ゾ Chích-thảo 1 đồng

六味歸芍湯
Lục-vị quy-thược thang

熟地八ゾ Thục-địa 8 đồng	山茱二ゾ酒炒 Sơn-thù 2 đồng	淮山四ゾ炒 Hoài-sơn 4 đồng
茯苓三ゾ Phục-linh 3 đồng	牡丹三ゾ炒 Mẫu-đơn 3 đồng	當歸三ゾ Đương-quy 3 đồng
白芍二ゾ炒 Bạch-thược 2 đồng	澤瀉一ゾ半盐炒 Trạch-tả 1 đồng rưỡi	

大營煎
Đại - doanh tiên

熟地六ㄌ Thục-địa 6 đồng
當歸三ㄌ Đương-quy 3 đồng
杜仲二ㄌ盬炒 Đỗ-trọng 2 đồng
杞子二ㄌ Khởi-tử 2 đồng
牛必二ㄌ Ngưu-tất 2 đồng
炙艸一ㄌ Chích-thảo 1 đồng
肉桂一ㄌ Nhục-quế 1 đồng

人参建中湯
Nhân - sâm kiến - trung thang

党参三ㄌ姜炒 Đảng-sâm 3 đồng
桂枝一ㄌ半 Quế-chi 1 đồng rưỡi
白芍六ㄌ炒 Bạch-thược 6 đồng
炙艸一ㄌ Chích-thảo 1 đồng
大棗二枚 Đại-tảo 2 quả
生姜七片 Sinh-khương 7 nhát
膠飴五ㄌ Kẹo-mạch-nha 5 đồng

参附湯
Sâm - phụ thang

洋参八ㄌ姜炒 Dương-sâm 8 đồng
製附二ㄌ Chế-phụ 2 đồng

芪附湯
Kỳ - phụ thang

黄芪八ㄌ炙 Hoàng-kỳ 8 đồng
製附二ㄌ Chế-phụ 2 đồng

四味回陽飲
Tứ - vị hồi - dương ẩm

洋参五ㄌ姜炒 Dương-sâm 5 đồng
乾姜三ㄌ炒 Can-khương 3 đồng
製附一ㄌ Chế-phụ 1 đồng
炙草一ㄌ半 Chích-thảo 1 đồng rưỡi

清膈煎
Thanh-cách tiên

土貝母三リ姜炒 Thổ-bối-mẫu 3 đồng	陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng	胆星二リ Đảm-tinh 2 đồng
海石二リ Hải-thạch 2 đồng	白芥子一リ炒 Bạch-giới-tử 1 đồng	木通一リ Mộc-thông 1 đồng

---

痰飲
28. — Đàm-ẩm

Bịnh đàm ẩm, đờm đặc như hồ là đàm, loãng như nước là ẩm đều là tân-dịch trong mình người ta, có khi huyết thì có đàm duyên để tẩm nhuận cho xương thịt, nhược bằng dùng thuốc tiêu hết đờm đi thời hao tổn khí huyết mà hình thể gầy gò.

Ông Cảnh-Nhạc nói rằng: đờm không sinh ra bịnh nhân có bịnh sinh ra đờm. Nhược bằng chỉ biết trị đàm mà không biết bởi tại đâu sinh ra đàm thời đờm càng nhiều, xét xem chỉ ở hai kinh : tỳ, thận mà thôi.

Một thứ đờm ở tỳ-vị thời có hư có thực như là tỳ thổ phần ẩm thấp hơn, hoặc ăn uống qúa thường, không có bịnh khác hư tổn mà sinh đờm thế là bịnh ở con tỳ ẩm thấp dùng thang *Nhị-trần*, bài *Bình-vị*, bằng như con vị hàn mà sinh đờm thời phải có đầy bụng dùng bài *Hòa-vị-nhị trần*, bài *Linh-truật-nhị-trần* Nhược bằng con tỳ-vị yếu, không hay vận hóa mà sinh nhiều đờm thời ăn uống kém ít và tinh thần mỏi mệt dùng thang *Lục-quân-tử*, bài *Lục vị-dị-công*. Nhược bằng tỳ-vị hư tổn quá mà có nôn mửa nhiều đờm dùng thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị*.

Một thứ đờm ở kinh thận bởi vì nhọc mệt hóa ra đờm. Con thận hư không áp chế được thủy mà nước ửa lên hóa ra đờm thời đờm loãng mà nhiều bọt trắng, dùng bài *Bát-vị*, bài *Lý-âm*. Nhược bằng âm hư hỏa dộng mà nước sôi thành đờm thời đờm đặc mà đục; hoặc có đái huyết dùng bài *Lục-vị*, bài *Nhất-âm-tiên*.

Một thứ đờm ở kinh phế ho bằng có đờm bởi vì ngoại cảm gió lạnh dùng bài *Lục-an-tiên*. Nhược bằng cảm nặng khí lạnh vào sâu đờm nhiều dùng thang *Tiểu-thanh-long*.

Một thứ đờm ở trên hoành-cách đờm dặc dính như keo phải cho thổ ra dùng bài *Hy duyên-tán, Trà điều-tán.*

Một thứ đờm ở trong ruột phải cho hạ đi dùng bài Cổn-đàm-hoàn. Như đờm cắn ở bên vạng sườn phải thêm vị Bạch-giới-tử 2 đồng (白芥子二ㄌ炒)

Như đờm ở màng mỡ dùng nước Trúc-lịch 1 chén (竹瀝一盃) hòa nước gừng nửa chén.

如熱痰用 Như Nhiệt-đàm dùng	黄芩 Hoàng-cầm,	知母 Tri-mẫu
風痰用 Phong-đàm dùng	南星 Nam-tinh,	白附 Bạch-phụ
寒痰用 Hàn-đàm dùng	肉桂 Nhục-quế,	龍涎香 Long-duyên-hương
燥痰用 Táo-đàm dùng	麥門 Mạch-môn,	花粉 Hoa-phấn
欝痰用 Uất-đàm dùng	丹皮 Đan-bì,	梔子 Chi-tử
老痰用 Lão-đàm dùng	土貝母炒 Thổ-bối-mẫu,	青礞石煆 Thanh mông-thạch
痰帶血用 Đàm-đái-huyết dùng	阿膠 A dao,	韭汁 Cửu-trấp

一次消痰降火用 硝石 青礞石煆
Một thứ tiêu đàm đáng hỏa dùng Tiêu-thạch, Thanh mông-thạch

Mỗi vị đều và phân, cùng tán bột, hòa với đường cát trắng để gan bàn tay lấy lưỡi nếm rất hiệu lắm.

列方
Liệt các bài thuôc

二陳湯
Nhị-trần thang

茯苓四ㄌ Phục-linh 4 đồng	陳皮二ㄌ炒 Trần-bì 2 đồng	炙草一ㄌ Chích thảo 1 đồng
法夏二ㄌ Pháp-hạ 2 đồng	大棗二枚 Đại-tảo 2 quả	生姜五片 Sinh-khương 5 nhát

和胃二陳煎
Hòa-vị nhị-trần tiên

茯苓三リ	陳皮一リ半炒	炙草七分
Phục-linh 3 đồng	Trần-bì 1 đồng rưỡi	Chích-thảo 7 phân
法夏一リ半	乾姜一リ炒	砂仁七分炒
Pháp-hạ 1 đồng rưỡi	Can-khương 1 đồng	Sa-nhân 7 phân

六味異功散
Lục-vị dị-công tán

党参三リ姜炒	白朮二リ土炒	茯苓二リ
Đảng-sâm 3 đồng	Bạch-truật 2 đồng	Phục-linh 2 đồng
炙草一リ	陳皮一リ炒	乾姜一リ炒
Chích-thảo 1 đồng	Trần-bì 1 đồng	Can-khương 1 đồng

理陰煎
Lý-âm tiên

熟地八リ	當歸三リ	乾姜二リ炒
Thục-địa 8 đồng	Đương-quy 3 đồng	Can-khương 2 đồng
炙草一リ半		
Chích-thảo 1 đồng rưỡi		

六安煎
Lục-an tiên

杏仁二リ	白芥子一リ炒	茯苓三リ
Hạnh-nhân 2 đồng	Bạch-giới-tử 1 đồng	Phục-linh 3 đồng
陳皮一リ半	法夏一リ半	炙草一リ
Trần-bì 1 đồng rưỡi	Pháp-hạ 1 đồng rưỡi	Chích-thảo 1 đồng

Còn bài *Hy-duyên-tán*, *Trà-điều tán*, *Linh-truật-nhị-trần*, *Lục-quân-tử* đều ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, *Lý-trung-thang*, *Ôn-vị-âm*, *Bát-vị-hoàn*, *Nhất-âm-tiên* đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Bình-vị-tán ở số 18 THỰC-QUYẾT.

小青龍湯

Tiểu - thanh - long thang

麻黃五分
Ma-hoàng 5 phân

桂枝二リ
Quế-chi 2 đồng

白芍三リ炒
Bạch-thược 3 đồng

乾姜二リ炒
Can-khương 2 đồng

細辛一リ
Tế-tân 1 đồng

法夏一リ
Pháp-hạ 1 đồng

炙草一リ
Chích-thảo 1 đồng

五味七粒炒
Ngũ-vị 7 hột

CỒN-ĐÀM-HOÀN *(hiệu khách có bán)*

停飲

29. — Đình - ẩm

Chứng đình-ẩm là nước óc ách trong bụng như có túi đựng, bởi vì con tỳ vị hư hàn, ăn uống đồ sống lạnh không tiêu hóa được và rượu chè quá sức cho nên đình tích lại phải dùng thuốc bổ tỳ cho lợi tiểu tiện dùng thang *Ngũ-linh-tán.*

或用 白朮一両土炒 澤左二両鹽炒
Hoặc dùng Bạch-truật 1 lạng Trạch-tả 2 lạng

(Sắc nước cho uống.)

或用 白朮一両土炒 桂心五リ 乾姜五リ炒
Hoặc dùng Bạch-truật 1 lạng Quế-tâm 5 đồng Can-khương 5 đồng

(Tán bột luyện mật viên, mỗi bận uống 2 đồng.)

Một thứ chứng đình ẩm hóa ra nôn khan hoặc nôn đờm rãi, hoặc khi đau mà có sôi bụng dùng thang *Tiểu-bán-hạ gia Phục-linh.*

五苓散

Ngũ - linh tán

澤左五リ炒
Trạch-tả 5 đồng

猪苓三リ
Chư-linh 3 đồng

白朮三リ土炒
Bạch-truật 3 đồng

茯苓三リ
Phục-linh 3 đồng

肉桂一リ
Nhục-quế 1 đồng

小半夏加茯苓湯
Tiểu-bán-hạ gia phục-linh thang

法夏五ゾ　　生姜二ゾ　　茯苓三ゾ
Pháp-hạ 5 đồng　Sinh-khương 2 đồng　Phục-linh 3 đồng

再加　蒼朮二ゾ製　　名倒蒼法
Lại gia: Xương-truật 2 đồng　(Gọi là phép Đảo-xương)

咳嗽
30. — Khái-thấu

Khái-thấu là bịnh ho hằng thuộc về buồng phổi, tiếng ho không đờm gọi là khái, tiếng ho có đờm gọi là thấu. Chứng này có hai thứ: một là Ngoại-cảm hai là Nội-thương.

Chứng ho Ngoại-cảm, từ chân lông vào phổi là dương tà dùng thuốc cay nóng phát tán mới khỏi.

Chứng ho Nội-thương ở các tạng mà chuyền vào phổi ấy là bịnh âm dùng thuốc cam-bình bổ âm thời mới khỏi.

Một thứ nhân Ngoại-cảm phát sốt mà ho dùng bài *Sâm tô-ẩm*, bài *Lục an-tiễn*, nhược bằng âm hư dùng bài *Kim-thủy lục-quân*, hoặc bài *Tam-tài-hoàn* gia Sinh-thảo, Kết-cánh, Tử-tô bằng như ho mà nôn ra là trong dạ dầy có phục hỏa dùng bài *Thanh-vị-ẩm*, bài *Tứ-âm-tiễn.*

Một thứ nhân Nội-thương mà ho, buồng phổi hư thời thở có tiếng dùng thang *Bổ phế*, thang *Ninh-phế*; phế nhiệt gia Hoàng-cầm 1 đồng. Nhược bằng tỳ hư ăn uống chẳng tiêu mà ho dùng thang *Lục-quân-tử*.

Một thứ là hỏa thịnh khắc kim mà ho, tâm hỏa thịnh thời lúc ho trong ngực đau và cổ đau dùng bài *Nhị âm tiễn* gia Kết-cánh 2 đồng. Can hỏa thịnh thời lúc ho hai bên vạng sườn đau và nôn ra, mật xanh dùng bài *Tam-âm-tiễn* gia Mẫu-đơn, Chi-tử, Hoàng-cầm đều 2 đồng. Nhược bằng ho lâu mà đau đến xương sống lưng hoặc có són đái, phải bổ kinh thận, âm hư dùng bài *Lục-vị*, chân dương hư dùng bài *Bát-vị-hoàn* đều gia A-giao, Mạch-môn, ngưu-tất, ngũ-vị; hoặc dùng thang *Toàn-chân-nhất-khí.*

Một thứ ho mất tiếng khi mới cảm phải thanh hỏa dùng bài *Sâm-tô ẩm* gia Hoàng-cầm, Hoàng-liên. Bằng như ho lâu mà mất tiếng dùng bài *Thông-âm-tiễn* hoặc bài *Lục-vị-hoàn*

cho Thục-địa gấp hai gia A-giao, Mạch-môn, Ngưu-tất; nhược bằng hỏa hư sợ lạnh gia Nhục-quế.

Một thứ bo ra máu dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiên* đều gia A-giao Bạch-thược sao đen đều 2 đồng, nước ngó sen một chén.

Một thứ ho khan không có đờm dùng bài *Nhuận-phề-ẩm*, bài *Tam-tài-hoàn* phải thêm sữa người, nước quả lê, nhân Hồ-đào, mật ong, A-giao những vị ấy.

Một thứ ho lâu không khỏi lúc đói thời trong bụng dau quá xem môi trên có nốt trắng như mốc là có con trùng cắn buồng phổi thời khiến người bịnh ho mãi mà tiếng khàn, dùng 1 cân *Bách-bộ* nấu cao thêm Ô-mai, Binh-lang mỗi thứ 3 lạng ngày uống ba lần, mỗi lần 2 thìa thời con trùng hạ xuống mới khỏi. Như người vẫn có bịnh ho đến mùa đông lại phát dùng phép *Thấu-yên-đồng*.

列方
Liệt các bài thuốc

金水六君煎
Kim-thủy lục-quân tiên

當歸二リ半 Đương-quy 2 đồng rưỡi	熟地六リ Thục-địa 6 đồng	茯苓三リ Phục-linh 3 đồng
陳皮二リ炒 Trần-bì 2 đồng	法夏一リ半 Pháp-hạ 1 đồng rưỡi	炙草一リ Chích-thảo 1 đồng

三才丸
Tam-tài hoàn

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	沙参六リ姜炒 Sạ-sâm 6 đồng	麥門四リ炒 Mạch-môn 4 đồng
加 桔更二リ Gia: Kết-cánh 2 đồng	蘇葉一リ Tô-diệp 1 đồng	炙艸一リ Chích-thảo 1 đồng

清胃飲
Thanh-vị ẩm

生地三リ Sinh-địa 3 đồng	牡丹二リ Mẫu-đơn 2 đồng	白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng

石羔一リ煆 Thạch-cao 1 đồng	黄芩一リ Hoàng-cầm 1 đồng	生草一リ Sinh-thảo 1 đồng

補肺湯
Bổ-phế thang

沙参六リ姜炒 Sa-sâm 6 đồng	熟地五リ Thục-địa 5 đồng	黄芪三リ炙 Hoàng-kỳ 3 đồng
桑白皮二リ炒 Tang-bạch-bì 2 đồng	紫菀二リ Tử-uyển 2 đồng	五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột

寧肺湯
Ninh-phế thang

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	沙参四リ姜炒 Sa-sâm 4 đồng	當歸二リ Đương-quy 2 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	白朮二リ土炒 Bạch-truật 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng	桑皮二リ炒 Tang-bì 2 đồng	阿膠二リ炒 A-giao 2 đồng
炙草一リ Chích-thảo 1 đồng	五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột	

全真一氣湯
Toàn-chân-nhất-khí thang

熟地一刃 Thục-địa 1 lạng	党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 đồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 đồng
麥門三リ炒 Mạch-môn 3 đồng	牛膝二リ Ngưu-tất 2 đồng	製附一リ Chế-phụ 1 đồng
五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột		

通音煎
Thông-âm tiên

欵冬花一刃 Khoản-đông-hoa 1 lạng	土貝母一刃姜炒 Thổ-bối-mẫu 1 lạng	胡桃一刃 Hồ đào 1 lạng

Tán bột hòa mật ong 8 lạng, hấp cơm cho chín rồi ngậm.

潤肺飲
Nhuận-phế âm

生地三リ Sinh-địa 3 đồng	土貝母二リ姜炒 Thổ-bối-mẫu 2 đồng	麥門二リ炒 Mạch-môn 2 đồng
橘紅皮一リ Quất-hồng-bì 1 đồng	花粉一リ Hoa-phấn 1 đồng	桔梗一リ Kết-cánh 1 đồng
茯苓一リ Phục-linh 1 đồng	知母一リ Tri-mẫu 1 đồng	炙草七分 Chích-thảo 7 phân

---

Nhất-âm-tiên ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG

Tứ-âm-tiên, Tam-âm-tiên, Nhị âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Lục-quân-tử ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Lục-an-tiên ở số 28 ĐÀM-ẨM

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn đều ở số 26 HÀN - NHIỆT

嗽煙筒
Thấu-yên-đồng

款冬花二リ Khoản-đông-hoa 2 đồng	鵝管石二リ Nga-quản-thạch 2 đồng	雄黄二リ Hùng-hoàng 2 đồng

Cùng tán bột, lấy 1 nắm lá ngải-cứu vò nát ra; dùng 1 mảnh giấy, dàn 1 mồi ngải-cứu rắc thuốc bột lên, châm lửa hút nuốt khói vào, uống 1 hụm nước để hãm lại.

Lại còn phương nữa

佛耳草二リ Phật-nhĩ-thảo 2 đồng	款冬花二リ Khoản-đông-hoa 2 đồng	雄黄五分 Hùng-hoàng 5 phân
鵝管石五分 Nga-quản-thạch 5 phân		

Cùng tán bột, hòa lòng trắng trứng gà phiết vào tờ giấy phơi khô, quấn lại châm lửa hút nuốt khói, hãm bằng nước chè.

喘促
31. — Suyễn-súc

Chứng suyễn-súc thở ra hút vào đều ngắn. Nhiệt suyễn phát về mùa hạ. Hàn-suyễn phát về mùa đông.

Những khi làm lụng khó nhọc thời càng thở lắm; ngồi im thời bớt; trong ngực tức đầy, ăn no thời khó chịu bởi vì nguyên khí suy hư hóa ra bịnh ấy khi mới phát dùng *Hấp-yên-phương* để thông hơi trong buồng phổi rồi sau tùy chứng mà cho thuốc.

Một thứ nhiệt suyễn phải cho thuốc mát dùng bài *Nhân-sâm-cáp-giới, Nhân-sâm bại-độc*.

Một thứ hàn suyễn phải cho thuốc nóng dùng bài *Gia-vị quê-chi*.

Một thứ âm hư phát suyễn dùng bài *Trinh-nguyên-ẩm*

Một thứ dương hư phát suyễn dùng bài *Toàn-chân-nhất-khí* ở số 30.

Một thứ khí hư phát suyễn dùng Dương-sâm 2 đồng tán bột hòa 1 cái lòng trắng trứng gà, 1 chén nước lã rồi uống.

列方

Liệt các bài thuốc

吸煙方

Hấp-yên phương

Bột cà dộc-dược 4 đồng. Da vàng trong mề-gà 2 đồng, xương-truật 1 đồng cùng tán bột, lại dùng hoa cà độc-dược phơi khô thái nhỏ lấy mảnh giấy rải hoa cà rắc thuốc bột cuốn lại châm lửa mà hút, hoặc dùng cái điếu thuốc lào, lấy hoa cà dịt vào nõ rắc thuốc bột lên trên châm lửa mà hút nuốt khói vào, uống hụm nước chè để hãm thời khỏi ngay.

Hoặc dùng một thứ hoa cà hút cũng được.

人参蛤蚧散

Nhân-sâm cáp-giới tán

蛤蚧一對酒炙 Cáp-giới 1 đôi, (bỏ đầu chân)		沙参一両姜炒 Sa-sâm 1 lạng
杏仁五リ Hạnh-nhân 5 đồng	土貝母五リ姜炒 Thổ-bối-mẫu 5 đồng	知母五リ Tri-mẫu 5 đồng
桑皮五リ炒 Tang-bì 5 đồng	茯苓五リ Phục-linh 5 đồng	炙艸二リ Chích-thảo 2 đồng

Tán bột, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng nước chè.

人參敗毒散
Nhân-sâm bại-độc tán

沙参姜炒	茯苓	川芎	柴胡	前胡
Sa-sâm,	Phục-linh,	Xuyên-khung,	Sài-hồ,	Tiền-hồ
獨活	枳殼炒	羌活	桔梗	甘草
Độc-hoạt,	Chỉ-xác,	Khương-hoạt,	Kết-cánh	Cam-thảo

加 黄芩炒 (各一リ)
Gia : Hoàng-cầm (*Đều* 1 *đồng*).

Tán bột, mỗi bận uống 3 đồng; thang bằng gừng.

加味桂枝湯
Gia vị quế-chi thang

桂枝二リ	白芍三リ炒	杏仁二リ
Quế-chi 2 đồng	Bạch-thược 3 đồng	Hạnh-nhân 2 đồng
防風二リ	川芎一リ	炙草一リ
Phòng-phong 2 đồng	Xuyên-khung 1 đồng	Chích-thảo 1 đồng
大棗二枚	生姜七片	
Đại-tảo 2 quả	Sinh-khương 7 nhát	

貞元飲
Trinh-nguyên ẩm

炙草一リ半	熟地一両	當歸三リ
Chích-thảo 1 đồng rưỡi	Thục-địa 1 lạng	Đương-quy 3 đồng

氣虛 加 洋参三リ姜炒
Khí-hư gia : Dương-sâm 3 đồng

火虛 加 肉桂一リ
Hỏa-hư gia : Nhục-quế 1 đồng

定喘驗方
Định-suyễn-nghiệm phương

人乳一碗	童便半碗
Sữa-người 1 chén	Đồng-tiện 5 phần chén
姜汁廿滴	橙汁十滴
Nước-gừng 3 phần chén	Nước-quả-chanh 1 phần chén

Hâm nóng uống, 2, 3 bận thời khỏi.

又方

Lại bài nữa

Cứt dê trắng phơi khô, rêu cây cau. Lấy 3 dóng tre non bỏ vào cho nước ngâm một đêm bỏ bã đi lấy nước thổi cơm nếp mà ăn thời khỏi.

哮吼

32. — Háo-hống

Háo-hống là bịnh kéo hen; trong cổ hẹp nhỏ thở có tiếng đờm. Mỗi khi phát bịnh ba ngày mới khỏi, không nằm được, không ăn được thở như kéo cưa, so vai mờ mắt, bụng lóm, ngực lồi, những người nhân xương hàn mà phát còn rễ chữa, những người thành cố tật thời khó chữa.

Những khi mới phát dùng bài *Hấp-yên-phương* hoặc bài *Chỉ-suyễn-hoàn* đều là thần hiệu cả, hoặc là có ngoại cảm phát sốt dùng bài *Định-suyễn-thang*. Khi khỏi rồi tùy bịnh mà dùng thuốc bổ. Như dương hư dùng thang *Lục-quân tử-tiên* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT, thang *Lý-trung* ở số 26 HÀN-NHIỆT. Âm hư dùng bài *Nhất-âm-tiên* ở số 26 HÀN-NHIỆT hoặc bài *Lục-vị-quy-thược-thang* ở số 27 KÍNH-BỊNH.

Một thứ trong hoành-cách có ngoan đàm gặp khi lạnh thời bọc nóng ở trong nên trước khi chưa lạnh; tháng tám tháng chín nên uống nhiều bài *Cổn-đàm hoàn* ở số 28 ĐÀM-ẨM gia Huyền-minh-phấn 3 đồng; hoặc thang *Tiểu-thừa-khí* ở số 3 THƯƠNG-HÀN cho hạ cái nhiệt đàm đi. Đến mùa đông không có nhiệt đàm mà bao được thời bịnh hen không phát lên nữa.

Một phép chữa bịnh hen thần hiệu lắm: khi bịnh sắp phát trước 1 giờ dùng cây hoa móng-nước cả lá dễ bỏ vào nồi sắc nước cho đặc, lấy cái khăn vải chấm nước ấy xát vào xương sống lưng chỗ gần vai lạnh thì lại chấm nước nóng. Xát mãi bao giờ thấy nóng quá mới thôi. Lại dùng:

白芥子三両	輕粉三ゾ	白芷三ゾ
Bạch-giới-tử 3 lạng	Kinh-phấn 3 đồng	Bạch-chỉ 3 đồng

cùng nghiền nhỏ hòa mật ong làm bánh như đồng bạc độ 4,5 cái hơ lửa nóng dán vào đốt xương sống thứ ba nguội lại dán miếng khác, phải cố sức chịu nóng, bịnh nhẹ dán một hai ngày, bịnh nặng dán bốn năm ngày. Bánh khô lại cho

mật luyện lại không cứ là bịnh tân cựu, lâu chóng, hàn, nhiệt đều khỏi cả thật là thần hiệu phương thứ nhất. Những vị thuốc phải y như thế không được thêm vào bớt ra.

止喘丸
Chỉ-suyễn hoàn

Thạch-tín 1 lạng tán bột, thịt thăn lợn 4 lạng dã nhỏ trộn vào với thạch-tín, bỏ vào nồi đất đậy vung, lấy bùn trát vào cho kỹ đốt lửa nung đỏ, bao giờ thấy hết khói đen thời thôi, lấy ra để nguội thêm 4 lạng đậu-xanh cùng tán cho nhỏ luyện hồ làm viên bằng hột đậu. Người nhớn mỗi bận uống 4 viên; 10 tuổi 2 viên 5 tuổi 1 viên, từ 3 tuổi giở xuống không được uống.

定喘湯
Định-suyễn thang

白果廿一枚炒 — Bạch-quả 21 quả (sao vàng)

麻黃一リ — Ma-hoàng 1 đồng

桑皮三リ炒 — Tang-bì 3 đồng

蘇子二リ炒 — Tô-tử 2 đồng

杏仁二リ — Hạnh-nhân 2 đồng

欵冬花二リ — Khoản-đông-hoa 2 đồng

法夏二リ — Pháp-hạ 2 đồng

黃芩一リ — Hoàng-cầm 1 đồng

陳皮一リ炒 — Trần-bì 1 đồng

生草一リ — Sinh-thảo 1 đồng

癆瘵
33. — Lao-sái

Chứng lao-sái các sách gọi là hư lao, hư tổn, hư khiếp, lao thương các tên ấy đều bởi là lao tâm, lao lực và sự tửu sắc quá đa, hao tổn tinh huyết mà âm hư hỏa động, bịnh hóa ra nhiều thứ, nhưng mà hỏa thịnh khắc phế kim, ho lâu chẳng khỏi gọi là bịnh ho lao. Lâu ngày sinh trùng, cũng có chứng lao truyền. Chứng này có năm bịnh lao, sáu bịnh cực, bảy bịnh thương.

Chứng Ngũ-lao. — Phế lao thời thở ngắn, ho dờm, ho ra huyết, tiếng nói khản, mũi không ngửi thấy gì. Chứng can lao thời mặt mũi khô đen, mắt hoa, tai ù. Chứng tâm lao thời hoảng hốt hay quên, không ngủ được, dổ bồ-hôi trộm. Chứng tỳ lao thời ăn uống không tiêu, da thịt gầy mòn. Chứng thận lao thời phiền táo khát nước, đi tiểu vàng đỏ, hoặc lại trắng đục và di-tinh.

Chứng Lục-cực. — Một là khí cực thời người yếu đuối, trong bụng hư tổn nguyên khí kém, rễ cảm phong hàn. Hai là huyết cực thời người nhan sắc xấu xa, lông tóc hay dụng. Ba là cân cực hay có chuột rút, móng chân tay đều đau. Bốn là cốt cực thời người ốm yếu hay đau răng, rức xương không đứng được lâu. Năm là cơ cực thời người gầy mòn, ăn nhiều không thấy béo. Sáu là tinh cực thời người ít hơi sức, trong ngũ tạng đều suy cả.

Chứng Thất-thương. — No đói thương tỳ, dận dữ thương can, cố sức thương thận, khí lạnh thương phế, lo nghĩ thương tâm, sợ hãi thương trí, rét nực thương hình.

Phép chữa bịnh này phải bổ thận thủy, dưỡng tâm huyết, phù nguyên khí, kiện tỳ vị làm chủ như bài *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn*, *Đại-bổ-nguyên*, *Ngũ-phúc-ẩm*, *Quy-tỳ-thang*, *Thập-toàn-đại-bổ* và những vị *Lộc-nhung*, *Lộc-giao*, sữa người, sữa bò. Muốn dùng cho dáng hỏa nhuận phế, tiêu đàm như bài *Lao-khái-tư-cao*, bài *Bồi-dưỡng-vinh-vệ-cao*.

Chỉ có chứng ho lao âm hư, đi rửa lỏng thực là khó chữa, phải dùng pho Lãn-ông bài *Bổ-dương-tiếp-âm*, bài *Bổ-âm-tiếp-dương*. Xét xem chứng lao-sái này mỗi ngày dần dần tăng lên, không phải ngày một ngày hai hóa nên bịnh ấy, cho nên dùng thuốc không nên dán đoạn, mà chữa không chóng khỏi được. Duy người bịnh phải kiên tâm tiếc lấy tính mệnh, phải tuyệt đường dâm dục ăn uống phải kiêng khem, nhịn sự dận dữ, bỏ sự phiền não, cẩn thận khi gió lạnh, tĩnh dưỡng vài ba năm phải uống nhiều thuốc để bồi căn bản, nhược bằng một tí gì bất cẩn thời các bịnh nổi lên.

Bằng đến chứng thanh á nói khản trong cổ đau ra nhiều đờm, đi rửa lỏng, đổ nhiều bồ-hôi và thoát-nhục, dẫu có thuốc tiên cũng không chữa được. Như thế thì có nên cẩn thận không???

列 方
Liệt các bài thuốc

Lục-vị-hoàn. Bát-vị-hoàn. Đại-bổ-nguyên, Quy-tỳ-thang. Thập toàn-đại-bổ-thang (đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG).

Ngũ-phúc ẩm (ở số 26 HÀN-NHIỆT).

勞咳滋膏
Lao-khái-tư-cao

熟地十刄 Thục-địa 10 lạng — 生地四刄炒 Sinh-địa 4 lạng — 薏苡六刄炒 Ý-dĩ 6 lạng

麥門五刄炒 Mạch-môn 5 lạng — 丹参三刄 Đan-sâm 3 lạng — 牛必三刄 Ngưu-tất 3 lạng

欵冬花 地骨皮 紫宛 (每味二刄)
Khoản-đông-hoa, Địa-cốt-bì, Tử-uyển, (mỗi vị 2 lạng)

乾姜六ン
Can-khương 6 đồng

Sắc 3 nước cách thủy đúc thành cao nếu mà không cách thủy thời có hỏa độc uống thời ho lên phải vất thuốc đi.

Lại dùng:

茯苓二刄 Phục-linh 2 lạng — 土貝母二刄姜炒 Thổ-bối-mẫu 2 lạng

Cùng tán bột. lại thêm mật ong 8 lạng hòa lẫn vào. mỗi bận dùng 1, 2 thìa, hòa nước sôi uống.

培養榮衛膏
Bồi-dưỡng vinh-vệ cao

熟地十二刄 Thục-địa 12 lạng — 生地六刄 Sinh-địa 6 lạng — 麥門五刄炒 Mạch-môn 5 lạng

天門三刄炒 Thiên-môn 3 lạng — 牡丹三刄 Mẫu-đơn 3 lạng — 白芍三刄炒 Bạch-thược 3 lạng

地骨皮二刄 Địa-cốt-bì 2 lạng — 牛必二刄 Ngưu-tất 2 lạng

煎三汁 隔水𤎅膏
Sắc 3 nước cách thủy, đúc thành cao

又加 薏苡六刃炒 党参姜炒 茯苓 茯神
Lại gia: Ý-dĩ 6 lạng Đẳng-sâm. Phục-linh, Phục-thần,
阿膠炒 各三刃
A-giao (*Đều 3 lạng*)

Tán bột, mật-ong 6 lạng, luyện làm viên mỗi bận uống 3 đồng, nhai nhỏ.

補陽接陰方
Bổ-dương tiếp-âm phương

布正参五リ姜炒 冬朮五リ土炒 熟地五リ炙
Bố-chính-sâm 5 đồng Đông-truật 5 đồng Thục-địa 5 đồng
炙草一リ 製附五分
Chích-thảo 1 đồng. Phụ-tử-chế 5 phân.

補陰接陽方
Bổ-âm tiếp-dương phương

熟地一刃 布正参五リ姜炒 冬朮五リ土炒
Thục-địa 1 lạng Bố-chính-sâm 5 đồng Đông-truật 5 đồng
白芍三リ炒 乾姜一リ炒
Bạch-thược 3 đồng Can-khương 1 đồng

二方加減法
Phép gia dảm hai bài

汗多加
Bồ-hôi nhiều thời gia:
黄芪二リ炙 防風一リ 五味七粒炒
Hoàng-kỳ 2 đồng Phòng-phong 1 đồng Ngũ-vị 7 hột.
泄瀉多加
Đi-rửa nhiều gia:
淮山四リ炒 肉豆蔻五分煨
Hoài-sơn 4 đồng Nhục-đậu-khấu 5 phân
不寐加
Không ngủ được gia:
棗仁二リ炒黑 大棗二枚
Táo-nhân 2 đồng Đại-tảo 2 quả

咳血加 側栢葉三ㄌ炒 阿膠三ㄌ炒
Ho có máu gia: Trắc-bách-diệp 3 đồng A-dao 3 đồng

渴多加 麥門三ㄌ炒
Khát nước nhiều gia: Mạch-môn 3 đồng

火虛加 肉桂一ㄌ磨
Hỏa hư gia: Nhục-quế 1 đồng

驗勞虫法
Phép nghiệm lao-trùng

Dùng 1 vị Nhũ-hương (乳香) đốt khói hun lưng bàn tay người bịnh, giai tay trái, gái tay phải; lấy khăn mặt lụa trùm trên lòng bàn tay, hun chừng nửa giờ có lông mọc trong bàn tay, sắc trắng rễ chữa; lông đỏ khó chữa, lông đen không chữa được. Không có lông thời không có trùng.

灸勞虫法
Phép cựu lao-trùng

Lấy giấy bản giấp nước dán vào suốt xương sống xem chỗ nào khô trước thời trùng ở đó lấy mực dánh giấu cắt miếng tỏi dán vào vê mồi ngải-cứu bằng bột đậu đề lên trên, châm lửa đốt 20 bận tỏi nát rồi lại thay miếng khác Phải để sẵn cái hỏa lò lửa, khi lao trùng ra lấy kìm cặp bỏ vào lò lửa hoặc đem chôn đi không sợ bay vào mồm mũi người khác.

除勞虫法
Phép trừ lao-trùng

雄黃一ㄌ 硃砂一ㄌ 硫黃一ㄌ
Hùng-hoàng 1 đồng Chu-sa 1 đồng Lưu-hoàng 1 đồng

射香一分
Xạ-hương 1 phân

Cùng tán bột hòa với rượu dùng củ tỏi nhón cắt bỏ dễ đi chấm thuốc xát vào xương sống từ dưới sát lên trên phải lần từng đốt một như có chỗ nào đau lắm hoặc chỗ nào sưng lên thời trùng ở chỗ ấy, chấm thuốc xát mãi vào cho đến khi hết thuốc thời con lao trùng chết.

童子癆

Trẻ con lao

Dùng cứt mèo ở trên mái nhà đã mốc ra lấy đất bao lại đốt ra than, đem ra lấy bát úp lại để nguội bỏ đất đi rồi tán bột hòa đường cát làm viên mỗi bận uống 3 đồng.

Một thứ lao truyền khi mới phải dùng bài **Thần - thụ tán** (神授散) Xuyên-tiêu 3 lạng 川椒三刄炒) sao cho chẩy dựa. Tán bột: mỗi bận uống 2 đồng hoặc lấy rượu quấy hồ làm viên bằng hột đậu xanh mỗi bận uống 20 viên thêm lên đến 40 viên, thang bằng rượu.

肺癰

34. — Phế - ung

Bịnh phế ung là trong phổi mọc nhọt bởi khi cảm gió lạnh vào trong phổi, hoặc là làm lụng khó nhọc hóa ho, tiếng nặng trong ngực hơi đau, cổ khô miệng khát. Bịnh ấy rức xương ống cả hai chân hoặc không rức, như mà ở dưới lưỡi mọc một nốt bằng hột đậu thế là trong phổi mọc nhọt đó, dùng Kết-cánh 3 đồng (桔 更 三 ゾ) Sinh-thảo 3 đồng (生 草 三 ゾ) sắc cho uống bằng như bịnh bớt thời là chứng phế ung không sai nữa dùng một liều thuốc *Tê-hoàng-hoàn* thời khỏi ấy là biết ngay mà chữa đi, một trăm người đều khỏi cả, thường có chứng phế ung đã vỡ thổ ra mủ trắng cũng dùng bài *Tê-hoàng-hoàn* được khỏi cả. Nhược bằng nhà nghèo thời dùng nước dưa cải đã cũ lâu năm cạng hay. Mỗi sớm ngày uống nửa chén thêm nước đậu hủ lẫn vào, uống năm bẩy hôm thời trong ngực có một cục đưa lên đưa xuống vài ba bận rồi nôn ra mủ độc, độ vài ngày nôn hết thời khỏi.

驗肺癰法

Phép nghiệm phế - ung

Như chúng phế ung cùng chứng tràng ung đều thổ ra đờm thối dùng bông cuốn vào đầu mảnh gỗ tẩm dầu châm lửa

đốt để người bịnh trông, như chứng phế ung thời trông thấy hóa ra hai ngọn lửa, nhược bằng chứng tràng ung thời chỉ thấy một ngọn lửa thôi.

Như chứng phế ung đã vỡ, ho nhổ đờm mủ tanh hôi, trong ngực đau ngầm, cổ khô, suyễn mà khát nước gân cổ cứng không chuyển được phải dùng thuốc bổ khí huyết mà kiêm bài nung dùng thang *Kết-cánh*, bài *Tử-uyển-tán*. *Tạo-dác-hoàn*

犀黃丸
Tê-hoàng hoàn

乳香一月炒 Nhũ-hương 1 lạng	没藥一月炒 Một-dược 1 lạng	射香三分 Xạ-hương 3 phân
牛黃三分 Ngưu-hoàng 3 phân		

Tán bột luyện cơm, viên. Mỗi bận uống 2 đồng, thang bằng rượu.

桔更湯
Kết - cánh thang

桔更 Kết-cánh,	土貝母姜炒 Bối-mẫu,	當歸 Đương-quy,	瓜蔞仁 Qua-lâu-nhân
桑皮炒 Tang-bì,	防風 Phòng-p ong,	杏仁 Hạnh-nhân,	百合炒 Bách-hợp,
黃茋炙 Hoàng-kỳ,	枳壳炒 Chỉ-xác,	意苡炒 Ý-dĩ,	生草 Sinh-thảo

(各二ㄌ)
(*Đều 2 đồng*)

加 白芷二ㄌ
Gia : Bạch-chỉ 2 đồng

紫菀散
Tử - uyển tán

沙參三ㄌ姜炒 Sa-sâm 3 đồng	桔更三ㄌ Kết-cánh 3 đồng	茯苓三ㄌ Phục-linh 3 đồng
阿膠二ㄌ炒 A-dao 2 đồng	生艸二ㄌ Sinh-thảo 2 đồng	紫菀二ㄌ Tử-uyển 2 đồng
土貝母一ㄌ半姜炒 Bối-mẫu 1 đồng rưỡi	五味十粒炒 Ngũ-vị 10 hột	知母一ㄌ半 Tri-mẫu 1 đồng rưỡi

加 白芷二ㄌ
Gia : Bạch-chỉ 2 đồng

皂角丸
Tạo - dác hoàn

Tạo-dác 2 lạng sao cháy (皂角二两炒焦)
Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu nhỏ. Mỗi bận uống 3 viên. Thang bằng táo-tàu sắc nước.

肺癰神方
Phế - ung thần phương

蛤蚧一双酒炙 Cáp-dới 1 dôi(bỏ đầu chân) 阿膠炒 A-dao, 鹿膠炒 Lộc-dao, 犀角磨 Tê-dác,
羚羊角磨 Linh-dương-dác· (各二リ半) (*Đều 2 đồng rưỡi*)

Sắc bằng nước sông; hai thứ sừng phải mài.

又方
Lại bài nữa

玄参八リ Huyền-sâm 8 đồng 天門四リ炒 Thiên-môn 4 đồng 桔梗二リ Kết-cánh 2 đồng
炙草一リ Chich-thảo 1 đồng
Đồ nước dầy đun cạn một nửa thêm:
蒲公英二リ Bồ-công-anh 2 đồng 金銀花二リ Kim-ngân-hoa 2 đồng

Lại cùng sắc nước uống. Như mới phải thời tiêu vỡ rồi thời khỏi.

又方
Lại bài nữa

黄芪一リ炙 Hoàng-kỳ 1 đồng 白芨一リ Bạch-cập 1 đồng 金銀一リ Kim-ngân 1 đồng
陳皮一リ二分炒 Trần-bì 1 đồng 2 phân 桔梗一リ Kết-cánh 1 đồng 薏苡五リ炒 Ý-dĩ 5 đồng

甘草節一ㄌ二分
Cam-thảo-tiết 1 đồng 2 phân

亭藶八分
Đình-lịch 8 phân

土貝母一ㄌ六分姜炒
Thổ-bối-mẫu 1 đồng 6 phân

生姜三片
Sinh-khương 3 nhát

Mới phải bỏ Hoàng-kỳ (黃芪).

Đã vỡ, gia : Dương-sâm 2 đồng (洋参二ㄌ姜炒).

Lâu không khỏi, gia : Vỏ cây Hồng-bụt 1 đồng (槿樹皮一ㄌ) hoặc dùng vỏ cây Dạ-hợp cũng được (夜合樹皮)

又方

Lại bài nữa

Ý-dĩ 4 lạng tán bột, sắc gạo nếp làm thang hòa uống. Hoặc nấu cháo Ý-dĩ mà ăn.

又方

Lại bài nữa

Vỏ cây Dạ-hợp (夜合樹皮) Bạch-liễm (白蔹)
Hai vị bằng nhau sắc nước uống.

肺痿

35. — Phê-nuy

Chứng phế nuy là buồng phổi khô héo, bởi vì phế ung vỡ rồi, lâu mãi không khỏi, ho ra máu mủ tanh hôi trong ngực chướng đầy hóa ra thở lắm, ăn uống kém đi, không ngủ được, đổ nhiều bồ-hôi, ghê sốt, ghê rét, hình thể gầy mòn cổ đau, mất tiếng là chứng nguy lắm dùng Qua-lâu-nhân 20 hột, (瓜蔞仁廿粒) Hạnh-nhân 20 hột (杏仁廿粒). Bao đất ngoài nung đỏ cho hết khói lấy ra để nguội bỏ đất ngoài đi thêm Xuyên-bối-mẫu 20 hột (川貝母廿粒).

Cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng hòa mật ong, thang bằng bấc.

薏苡散

Ý - dĩ tán

當歸 Đương-quy	白芍炒 Bạch-thược	沙参炒 Sa-sâm	黄芪炙 Hoàng-kỳ
黄芩 Hoàng-cầm	麥門炒 Mạch-môn	桑皮炒 Tang-bì	薏苡炒 Ý-dĩ
百部 Bach-bộ	(各二リ) (*Đều 2 đồng*).		
五味九粒炒 Ngũ-vị 9 hột	生姜三片 Sinh-khương 3 nhát		

人参養肺湯

Nhân - sâm dưỡng phế thang

沙参三リ炒 Sa-sâm 3 dồng	阿膠二リ炒 A-dao 2 dồng	桑皮二リ炒 Tang-bì 2 dồng
茯苓二リ Phục-linh 2 dồng	五味九粒炒 Ngũ-vị 9 hột	桔梗二リ Kết-cánh 2 dồng
杏仁二リ Hạnh-nhân 2 dồng	前胡一リ Tiền-hồ 1 dồng	炙草一リ Chích-thảo 1 dồng
枳實五分炒 Chỉ-thực 5 phân	土貝母二リ姜炒 Bối-mẫu 2 dồng	

Một thứ phế nuy thuộc hàn, mạch thời trầm yếu, chóng mặt mà không khát nước dùng thang *Lý-trung.*

理中湯

Lý - trung thang

党参五リ姜炒 Đảng-sâm 5 dồng	白朮三リ土炒 Bạch-truật 3 dồng	乾姜二リ炒 Can-khương 2 dồng
炙草一リ半 Chích-thảo 1 dồng rưỡi		

血症論治
Huyết chứng luận trị

Hết thầy các chứng thất huyết thời không giống nhau mà phép chữa cũng chẳng khác. Khi huyết động lên mà đi trái đường kinh mạch là nhân tại hỏa cùng khí mà thôi. Song mà hỏa có thịnh suy khí có hư thực phải sét kỹ mà dùng thuốc bổ tả. Khi mới phải bởi vì nhọc mệt động hỏa khí nghịch huyết theo trước phải dùng thuốc thanh giáng để chấn áp rồi lại sét xem như âm hư thì phải bổ dùng những vị thuần hòa, khí hư thời phải bổ dùng những vị cam ôn, còn những vị cay đắng quá thời không nên dùng như thế mới là ổn đáng.

吐血
36. — Thổ-huyết

Chứng thổ huyết đều bởi hỏa thịnh mà bức máu đưa ngược lên ; hỏa thịnh vừa dùng thang *Tê-dác địa-hoàng* ở số 21 THI-QUYẾT hoặc bài *Thanh-hỏa-ẩm* ở số 26 HÀN-NHIỆT ; hỏa thịnh lắm dùng bài *Trừu tân-ẩm* cũng ở số 26, bài *Hoàng-liên-giải-độc* cũng ở số 26 nhược bằng vị hỏa nóng lắm, thì khát nước, rức đầu dùng thang *Bạch-hổ* ở số 26 HÀN-NHIỆT bài *Ngọc-nữ-tiên* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nhược bằng thổ huyết nhiều quá ra cả mũi, chẩy như nước suối thì nguy lắm dùng *Độc-sâm-thang* ở số 4 TRÚNG-PHONG, hoặc là dùng Dương-sâm 1 lạng tán nhỏ thêm bột ngó-sen 3 đồng, hoặc là bột sắn 3 đồng quấy như hồ loãng cho uống nhược bằng thổ huyết mãi không thôi cho uống nước tiểu trẻ con 1 chén, hoặc dùng bài *Hoa-nhị thạch-tán* ; hoặc dùng lá Trắc-bách-diệp cho đồng tiện vắt lấy nước, thêm 3 giọt rượu cho uống.

Một thứ thổ huyết phiền táo muốn mát, lại khát nước, đau cổ tiểu-tiện đỏ, đại-tiện rắn dùng bài *Nhị-âm-tiên* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, bài *Gia-giảm-nhất-âm* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Một thứ thổ huyết nhân có lao thương không phải hỏa động, không phải khí nghịch ấy là chân âm hư dùng bài *Nhất-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Một thứ uống rượu nhiều quá mà thổ huyết dùng thang *Tì-tân-ẩm* ở số 26 HÀN-NHIỆT, bài *Cát-hoa-giải-tỉnh* gia Hoàng-liên 2 đồng Mẫu-đơn 2 đồng ở số 16 TỬU-QUYẾT.

Một thứ dận uất thương can mà thổ huyết dùng bài *Hóa-can-tiên*, bài *Thanh-hóa-ẩm* gia Chi-tử 2 đồng ; hai bài này đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Một thứ lo nghĩ quá sức thương tổn tâm tỳ mà thổ huyết dùng bài *Ngũ-âm-tiên*, thang *Quy-tỳ* đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Một thứ dâm dục quá lắm âm thịnh cách dương mà thổ huyết, mạch trầm, chân tay lạnh dùng bài *Chấn-âm-tiên* ở số 17 SẮC-QUYẾT bài *Bát-vị-hoàn* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Một thứ nhân nắng lắm mà thổ huyết dùng bài *Sinh-mạch-tán*, bài *Hoàng-liên-hương-nhu* ở số 7THƯƠNG-THỬ.

Một thứ thổ ra huyết đen, tỳ dương hư dùng thang *Lý-trung* ở số 1 NỘI-THƯƠNG, tỳ âm hư dùng bài *Lý-âm-tiên* ở số 3 THƯƠNG-HÀN. Nhược bằng huyết đen thành cục dùng thang *Tứ-vật* ở số 1 NỘI-THƯƠNG gia Hương-phụ, Nhục-quế, Tô-mộc, Hồng-hoa. Những chứng thổ huyết lâu không khỏi dùng bài *Ngẫu-tiết-tán*, *Thập-hôi-tán*, bài *Hoa-nhị-thạch-tán*, bài *Huyết-chứng-thần-phương*.

列 方

Liệt các bài thuốc

花蕊石散

Hoa-nhị-thạch tán

花蕊石三月煆

Hoa-nhị-thạch 3 lạng, nung cho đỏ để nguội, tán bột mỗi bận uống 3 đồng ; hòa đồng tiện (là nước tiểu trẻ con) hâm nóng uống. Đàn ông thêm 5 giọt rượu. Đàn bà thêm 10 giọt giấm thanh.

藕節散

Ngẫu-tiết tán

藕汁　生地汁　大薊汁　各一碗

Nước ngó sen, nước sinh-địa, nước đại-kế (*Đều 1 chén* (3 vị ấy đâm ra cho thêm nước vào vắt lấy nước) Mật ong 5 thìa hòa lẫn hâm nóng, mỗi bận uống 1 chén nhỏ.

十灰散
Thập-hôi tán

大薊 小薊 栢葉 荷葉 茅根 茜根
Đại-kế, Tiểu-kế, Bách-diệp, Hà-diệp, Mao-căn, Thiến-căn,
梔子 牡丹 川大黃 棕櫚皮
Chi-tử, Mẫu-đơn, Đại-hoàng, Tung-lư-bì

Các vị bằng nhau sao cháy tán bột, mỗi bận uống 2 đồng dùng Ngẫu trấp (là nước ngó sen), La-bặc-trấp (là nước củ cải) và nước mực tàu hòa lẫn mà uống. Mùa không củ cải lấy bột đâm ra cho nước vào vắt lấy nước.

血症神方
Huyết chứng thần phương

Lá hẹ tươi, ngó sen, lá sen tươi, lá trắc-bách diệp tươi, củ sinh-địa 5 thứ bằng nhau dã cho nhỏ, thêm nước vào rồi vắt lấy nước, hâm nóng cho thêm hai ba mươi giọt nước mực tàu, uống độ 1 chén.

Như khi thổ huyết sắc thuốc chửa kịp dùng quy-thân 3 đồng nhai nhỏ mà nuốt, thời cũng chỉ được huyết.

衄血
37. — Nục-huyết

Chứng nục huyết là chứng đổ máu mũi thường gọi là đổ máu cam bởi vì trong bụng lửa nóng phần nhiều ở kinh dương-minh (dạ-dầy) phải giáng hỏa thanh nhiệt làm chủ, như nóng ít dùng bài *Thanh-hóa-ẩm* thang *Tê-dác-địa-hoàng* nóng lắm dùng bài *Trừu tân-ẩm*, bài *Thiên-căn-thang*, bằng có rức dầu khát nước dùng thang *Bạch hổ*, bài *Ngọc-nữ-tiên* hoặc nóng quá mà đại tiện táo kết dùng thang *Bạt-tụy-tê-dác địa-hoàng*.

Một thứ máu cam nhân ngoại cảm thời có phát sốt tà ở kinh thái-dương dùng thuốc phát tán cho ra bồ-hôi thời máu cam khỏi, phải theo mục Thương-hàn số 3 mà chữa.

Một thứ máu cam nhân nội-thương bởi vì nhọc mệt quá và sự tửu sắc điều là chứng âm hư dùng bài ***Nhất-âm-tiên***, bài ***Lục-vị-hoàn***.

止衄法
Phép chỉ nục

Như máu cam ra nhiều quá dùng củ tỏi dâm ra nặn bằng đồng tiền dầy 1 phân, dán vào gan bàn chân. Lỗ mũi bên tả chảy máu thời dán vào bên hữu; lỗ mũi bên hữu chảy máu thời dán bên tả. Hai lỗ cùng chảy dán cả vào hai bên.

Lại dùng hoa thạch lựu và rêu tường, nút lỗ mũi, nước ngó sen hoặc nước củ cải, nước lá xa-tiền rỏ vào lỗ mũi, vị long-cốt nung đỏ, hương sen khô đốt cháy đều tán bột thổi vào lỗ mũi; hoa cỏ danh sắc nước uống; than nhọ chảo hòa nước uống.

Hoặc dùng sợi chỉ buộc ngón tay giữa, đốt thứ hai chỗ khớp, lỗ mũi bên tả buộc tay bên hữu lỗ mũi bên hữu buộc tay bên tả. Hai bên cùng chảy thì buộc cả hai. Hoặc dùng một nắm rêu tường dịt vào trên thóp, ấn thóp vào vách một chốc thời khỏi ngay.

Hoặc lấy máu cam người bịnh, về giấy chấm máu rồi chấm vào dầu con mắt tả lưu điểm hữu, hữu lưu điểm tả, hai bên điểm cả hai.

Hoặc dùng lá hẹ một nắm dâm vắt lấy nước, hâm nóng cho uống.

Hoặc dùng nồi dái cũ hơ lửa cho ngửi.

衄血不止
Nục huyết bất chỉ

Như chứng đổ máu mũi mãi không cầm dược dùng một sợi bấc tẩm dầu châm lửa đốt vào huyệt *Thiếu-thương* cầm lập tức. Huyệt ấy ở bên trong đầu ngón tay cái chỗ cạnh móng. Bên tả chảy đốt tay bên tả; bên hữu chảy đốt tay bên hữu phép này bên nào đốt bên ấy. Hai bên cùng chảy đốt cả hai. Nhược bằng nửa giờ lại chảy lại cứ huyệt ấy đốt lại, nhược bằng nồi phồng bọc nước, nhể nước ra lại đốt sau cho uống bài *Ngải-bách-ẩm*, bài này uống 2, 3 thang khỏi tiệt hẳn không bao giờ phát nữa, thực là hiệu nghiệm lắm; hoặc dùng bài *Tứ-sinh-hoàn* cũng hiệu lắm.

七竅出血
Thất khiếu xuất huyết

Như tai, mắt, mồm, mũi đều chảy máu cả, bịnh ấy gọi là: thượng hư hạ kiệt, một chốc thời nguy, không kịp dùng thuốc; lấy nước lã phun vào mặt vài ba hụm, lại rẽ tóc ra phun vào đầu, nhược bằng không có tóc lấy giấy dơm dấp nước dắp vào thóp, khỏi rồi cho uống bài *Bổ-huyết-thang*, nhược bằng trúng độc mà thất khiếu xuất huyết dùng Thích-vị-bì (刺蝟皮) là da con dím đốt chảy tán bột hòa rượu uống 3 đồng.

列 方
Liệt các bài thuốc

Tê-dác địa-hoàng ở số 21 THI-QUYẾT.

Thanh-hóa ẩm Bạch-hổ thang, Nhất-âm tiên, Lục-vị hoàn đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Ngọc-nữ tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

茜根散
Thiến-căn tán

茜根二ㄌ Thiến-căn 2 đồng	阿膠二ㄌ炒 A-dao 2 đồng	生地二ㄌ Sinh-địa 2 đồng
栢葉二ㄌ Trắc-bách-diệp 2 đồng	黄芩二ㄌ炒 Hoàng-cầm 2 đồng	生草七分 Sinh-thảo 7 phân

---

拔萃犀角地黃湯
Bạt tụy tê-dác-địa-hoàng thang

犀角二ㄌ磨 Tê-dác 2 đồng	生地三ㄌ Sinh-địa 3 đồng	黄芩一ㄌ Hoàng-cầm 1 đồng
川黄連一ㄌ Hoàng-liên 1 đồng	川大黄三ㄌ煨 Đại-hoàng 3 đồng	

艾栢飲
Ngải - bách ẩm

艾葉一ソ半 Ngải-diệp 1 đồng rưỡi
淮山二ソ炒 Hoài-sơn 2 đồng
生地五ソ Sinh-địa 5 đồng
牡丹一ソ半炒 Mẫu-đơn 1 đồng rưỡi
山茱一ソ半酒炒 Sơn-thù 1 đồng rưỡi
蓮肉二ソ炒 Liên-nhục 2 đồng
栢子仁一ソ半去油 Bách-tử-nhân 1 đồng rưỡi
澤瀉一ソ鹽炒 Trạch-tả 1 đồng
生荷葉一張(枯不用) Lá-sen-tươi 1 tàu (Khô không dùng)

四生丸
Tứ - sinh hoàn

生地 Sinh-địa, 生艾葉 Lá-ngải tươi, 生栢葉 Lá-trắc-bách-diệp tươi, 生荷葉 Lá-sen tươi
(各五ソ) *(Đều 5 đồng)* Đâm làm viên, mỗi bận uống 3 đồng.

補血湯
Bổ - huyết thang

黄芪一兩炙 Hoàng-kỳ 1 lạng
當歸五ソ Đương-quy 5 đồng
沈香五分磨 Trầm-hương 5 phân
水煎服 加童便一盃
Sắc nước uống, hòa đồng tiện 1 chén

咳血
38. — Khái - huyết

Chứng khái-huyết là ho ra máu, máu ấy ở trong tạng cho nên ho mãi mới ra máu, thực là bịnh nội-thương đã quá lắm. Song mà chứng khái huyết với thấu huyết thực không giống nhau phải chia ra làm hai thứ mà chữa.

Một thứ khái huyết ít đờm bởi vì tân dịch khô mà ho lâu mới thấy huyết nên bổ thận nhuận phế dùng bài *Tứ-âm-tiên*, bài *Lục-vị-hoàn* cho uống.

Một thứ thấu huyết đờm nhiều bởi vì nước ứa lên thời ho chóng thấy huyết ngay. Phải ôn thận bổ tỳ dùng bài *Song-bổ-tỳ-thận-hoàn*, thang *Toàn-châu-nhất-khí*.

Xét xem chứng khái huyết cũng là bịnh lao bởi vì sự tửu sắc quá lắm cho nên đờm có khái huyết, phải nên khi mới ho trị trước đi như dùng bài *Nhất-âm-tiên*, *Tam-tài-hoàn*, bài *Tứ-âm tiên*, bài *Lục-vị-hoàn*. Hoặc như có lửa nóng thời thêm một ít Hoàng-cầm, Hoàng-liên ; phải ăn uống kiêng khem cẩn thận mới khỏi được

---

列方

Liệt các bài thuốc

四陰煎

Tứ - âm tiên

熟地五リ Thục-địa 5 đồng	麥門三リ炒 Mạch-môn 3 đồng	沙参三リ姜炒 Sa-sâm 3 đồng
白芍二リ炒 Bạch-thược 2 đồng	百合二リ炒 bách-hợp 2 đồng	茯苓二リ Phục-linh 2 đồng
炙草一リ Chích - thảo 1 đồng		

加 牛膝 桑皮炒 阿膠 (各二リ)
Gia : Ngưu-tất Tang-bì A-dao (*Đều 2 đồng*).

六味丸

Lục - vị hoàn

熟地八リ Thục-địa 8 đồng	淮山四リ炒 Hoài sơn 4 đồng	牡丹三リ炒 Mẫu đơn 3 đồng
茯苓三リ Phục-linh 3 đồng	澤瀉一リ鹽炒 Trạch-tả 1 đồng	(去山茱) (bỏ Sơn-thù đi)

加 麥門三リ炒 牛膝 白芍炒黑 阿膠炒
Gia : Mạch-môn 3 đồng Ngưu-tất Bạch-thược A-dao
(各二リ)
(*Đều 2 đồng*)

双補脾腎丸
Song bổ tỳ thận hoàn

熟地六リ	淮山四リ炒	山茱五分炒
Thục-địa 6 đồng	hoài-sơn 4 đồng	Sơn-thù 5 phân
牡丹二リ炒	茯苓三リ	澤左一リ盐炒
Mẫu-đơn 2 đồng	Phục-linh 3 đồng	Trạch-tả 1 đồng
兎絲三リ製	破故一リ炒	
Thỏ ty 3 đồng	Phá-cố 1 đồng	

加 杜仲三リ盐炒 續斷二リ炒 阿膠二リ炒
Gia Đỗ-trọng 3 đồng Tục-doạn 2 đồng A-dao 2 đồng

全真一氣湯
Toàn-chân-nhất-khí thang

熟地六リ	白朮三リ土炒	党参五リ姜炒
Thục-địa 6 đồng	Bạch-truật 2 đồng	Đảng-sâm 5 đồng
麥門三リ炒	牛必二リ	製附五分
Mạch-môn 3 đồng	Ngưu tất 2 đồng	Chế-phụ 5 phân
五味十粒		
Ngũ-vị 10 hột		

加 破故一リ炒 栢葉二リ炒
Gia: Phá-cố 1 đồng Trắc-bách-diệp 2 đồng

一陰煎
Nhất âm tiên

熟地五リ	生地二リ	白芍二リ炒
Thục-địa 5 đồng	Sinh-địa 2 đồng	Bạch-thược 2 đồng
麥門二リ炒	丹参二リ	牛必二リ
Mạch-môn 2 đồng	Đan-sâm 2 đồng	Ngưu-tất 2 đồng
炙草一リ		
Chích-thảo 1 đồng		

三才丸
Tam-tài hoàn

熟地八リ	沙参六リ姜炒	麥門四リ炒
Thục-địa 8 đồng	Sa-sâm 6 đồng	Mạch môn 4 đồng

加 梨漿一盃 藕汁一盃
Gia Lê-tương 1 chén Ngẫu-trấp 1 chén

咯 血

39. — Khác-huyết

Chứng khác huyết là khạc ra máu bởi máu ở trong cổ khạc một cái ra ngay, không có sự ho thở nóng sốt thời là bịnh nhẹ.

Một thứ nhân lửa nóng mà khạc ra máu nên thanh lý phế dùng bài *Thanh-hóa-ẩm*, hoặc bài *Tứ-âm-tiên* thêm hoàng-cầm hoàng-liên đều 1 đồng. Nhược bằng mỏi mệt mà khạc ra huyết dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiên* gián phục thang *Quy-tỳ* thêm những vị chỉ huyết.

Một thứ sáng ngày mới dậy có nhổ ra máu, hoặc thành hòn, thành cục, bởi vì lo nghĩ uất kết hoặc tửu sắc quá độ, như mà không ho hằng thời không sợ, dùng bài *Thiên-vương-bổ-tâm* hoặc bài *Nhị-âm-tiên* sắc cho uống.

Quy-tỳ thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Nhị-âm tiên, Thiên-vương-bổ-tâm ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thanh-hóa ẩm ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Nhất-âm tiên, Tứ-âm tiên, Lục-vị hoàn đều ở số 38 KHÁI-HUYẾT.

止 血 藥

Chỉ huyết dược

阿膠炒 白芍炒黑 地楡 荆芥炒黑 續断 栢葉 白芨 蓮藕.

A-dao, Hắc-thược, Địa-du, Kinh-giới, Tục-đoạn, Bách-diệp, Bạch-cập, Liên-ngẫu

---

溺 血

40. — Niệu-huyết

Chứng niệu-huyết là đi tiểu ra máu, huyết ấy ra có ba thứ: hai thứ ở niệu không ra, một thứ ở tinh không ra.

Một thứ huyết ở niệu-khổng từ bong-bóng mà ra thì gần lúc đi tiểu thì tức mà đau, nước tiểu đỏ có máu ấy là hạ tiêu hỏa thịnh hóa ra thế phải thanh hỏa ở bàng-quang dùng bài *Thanh-niệu tán* hoặc dùng bài *Thất-chinh tán*, bài *Đại-phân-thanh ẩm*, bài *Ngũ-lâm tán*.

Một thứ huyết ở niệu-khổng từ ruột non mà xuống thì xa khi đi tiểu không đau mà máu theo nước tiểu ra hoặc có đau âm ỷ ở trên rốn hoặc có nóng ở trong tạng phủ dùng bài *Lục-đậu ẩm* hoặc bài *Trừu-tân ẩm* bỏ hoàng-bá, thêm hoàng-liên hoặc dùng bài *Bát-chính tán*

Một thứ huyết ở tinh-khổng, từ tinh cung huyết hải mà ra, gốc ở mịnh-môn bởi vì lao thương mà động huyết thời huyết ở tinh-khổng mà ra, phải biện bạch cho rõ Bịnh ở bàng-quang thì Thuyết theo niệu-khổng mà ra, đau ở ngọc-hành là đau ở ngoài, bịnh ở mịnh-môn thời huyết theo tinh-khổng mà ra đau ở bụng dưới chỗ tinh xuất là đau ở trong. Nhược bằng hỏa thịnh dùng bài *Tư-âm bát-vị* gia thiến-căn, hòe-hoa, cốt-bì, sinh-địa đều 2 đồng Nhược bằng hỏa suy thời sợ lạnh mà đi rửa lỏng dùng bài *Bát-vị hoàn* hoặc bài *Hữu-quy-ẩm* đều thêm tục-đoạn, bách-diệp đều 2 đồng, ngũ-vị 10 hột.

列 方

Liệt các bài thuốc

清溺散

Thanh-niệu tán

生地三リ 白芍二リ炒 牛必二リ 梔子二リ炒
知母二リ 麥牙二リ炒 竜胆一リ 黄伯一リ炙
木通一リ 左澤一リ炒

加 防已二リ

Sinh-địa 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Tri-mẫu 2 đồng, Mạch-nha 2 đồng, Long-đởm 1 đồng, Hoàng-bá 1 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Trạch-tả 1 đồng.

Gia: Phòng-kỷ 2 đồng

七正散
Thất-chính- tán

車前 木通 赤苓 梔子炒 龍胆 扁蓄 生草稍
(各二リ) 加 燈心一束 竹葉十片

Xa-tiền, Mộc-thông, Xích-linh, Chi-tử, Long-đởm, Biền-súc, Sinh-thảo sao (*Đều 2 đồng*).

Thêm 1 con bấc, 10 lá Trúc-diệp

五淋散
Ngũ-lâm tán

赤芍二リ 赤苓二リ 梔子二リ炒黑 木通一リ半
滑石一リ半 生草一リ半 茵陳一リ 竹葉十片

Xích-thược 2 đồng, Xích-linh 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Mộc-thông 1 đồng rưỡi, Hoạt-thạch 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng rưỡi, Nhân-trần 1 đồng, Trúc-diệp 10 lá.

八正散
Bát-chính tán

車前炒 木通 活石 梔子炒黑 麥芽炒黑 扁蓄
生草 大黃煨 (各二リ)

Xa-tiền, Mộc-thông, Hoạt-thạch, Chi-tử, Mạc-nha, Biền-súc, Sinh-thảo, Đại-hoàng (*Đều 2 đồng*).

Đại-phân thanh, Trừu-tân-ẩm, Hữu-quy-ẩm, Tư-âm-bát-vị đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Lục-đậu-ẩm : (luộc đậu xanh mà ăn).

便血
41. — Tiện-huyết

Chứng tiện-huyết là đi đại-tiện ra huyết; phần nhiều lửa nóng ở trong ruột huyết ra trước gọi là tràng-phong, huyết ra sau gọi là tạng-độc.

Những chứng huyết vọng hành phần nhiều thuộc về hỏa, cũng có tỳ, vị hư tổn mà không nhiếp được huyết, lại có khí hư hãm mà huyết cũng hãm, cũng có bịnh đi đường tiết mãi không khỏi mà động đến huyết, cũng có phong-tà kết vào âm-phận mà tiện-huyết, phải xét xem các chứng hư thực thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ nhân lửa nóng mà hạ huyết, dùng bài *Ước-doanh-tiên* hoặc bài *Địa-du tán*, bài *Hòe-hoa tán*; nhược bằng nóng quá dùng bài *Trừu-tân ẩm*, bài *Hoàng-liên giải độc thang*.

Một thứ đại tràng phong nhiệt mà hạ huyết không khỏi dùng bài *Phòng-phong hoàng-cầm*, nhược bằng chứng tạng độc mà hạ huyết lâu không khỏi dùng bài *Tạng-liên hoàn*, bài *Chư-tạng hoàn*.

Một thứ tỳ, vị khí hư mà hạ huyết, hoặc có lợm dọng nôn mửa dùng bài *Thọ-tỳ tiên*, bài *Dưỡng-trung-tiên*, nhược bằng khí hư hạ hãm mà huyết không khỏi, dùng thang *Bổ-trung-ích-khí* bài *Cử-nguyên tiên.*

Một thứ đau ốm đã lâu, già cả yếu đuối mà hạ huyết không khỏi dùng bài *Thắng-kim hoàn*, bài *Hương-mai hoàn*

Một thứ kết âm mà tiện - huyết bởi cảm gió lạnh kết vào âm-phận không phải như chứng thương hàn dùng bài *Bình-vị-địa-du.*

Một thứ nhân uất nộ thương can mà tiện-huyết dùng bài *Hóa-can tiên* thang *Hoàng-cầm thược-dược*.

Một thứ nhân tửu độc thấp nhiệt kết vào đại-tràng mà tiện huyết dùng bài *Tụ-kim hoàn*, bài *Hòe-giác hoàn*, nhược bằng hàn thấp trong bụng lạnh mà tiện huyết dùng bài *Nhị-truật-tiên* hoặc thang *Tứ-quân-tử* hay là thang *Cát - hoa - giải - tỉnh* càng tốt lắm.

Một thứ nhân nội -thương nhọc mệt mà tiện huyết thời có nôn mửa. đau bụng đi rửa, ghê sốt ghê rét, ăn uống chẳng ngon, hoặc uống nhầm thuốc hàn lương thời nguyên khí hư mà hạ huyết đen thời nguy lắm phải cho ôn bổ dùng thang *Tứ-vị-hồi-dương* hoặc bài *Lục-vị hồi-dương* để cứu đó.

列 方
Liệt các bài thuốc

約營煎

Ước - doanh - tiên

生地三ﾘ　白芍二ﾘ　續斷二ﾘ炒　地榆二ﾘ
槐花一ﾘ半　荆芥一ﾘ炒黑　黃芩一ﾘ半
生草八分　烏梅二菓

Sinh-địa 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Tục-đoạn 2 đồng, Địa-du 2 đồng, Hòe-hoa 1 đồng rưỡi, Kinh-giới 1 đồng Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 8 phân, Ô-mai 2 quả.

地榆散

Địa - du tán

地榆　黃連　茜根　黃芩炒　茯苓　梔子炒黑
(各二ﾘ)

Địa-du, Hoàng-liên, Thiến-căn, Hoàng-cầm, Phục-linh, Chi-tử đều 2 đồng.

槐花散

Hòe - hoa tán

槐花炒　栢葉炒　荆芥炒黑　枳殼炒　(各三ﾘ)

Hòe hoa, Bách-diệp, Kinh-giới, Chỉ-xác (đều 3 đồng).

Tán bột mỗi bận uống 2 đồng.

防風黃芩丸

Phòng - phong hoàng - cầm hoàn

防風二刃　黃芩二刃

Phòng-phong 2 lạng　Hoàng-cầm 2 lạng

Tán bột luyện hồ làm viên mỗi bận uống 3 đồng.

臟連丸

Tạng-liên hoàn

黃連四刃　槐花一刃　枳殼五ﾘ炒　防風　粉甘艸
槐角炙　牙皂角燒　木香　(各二ﾘ半)

Hoàng-liên 4 lạng, Hòe-hoa 1 lạng, Chỉ-xác 5 đồng, Phòng-phong, Cam-thảo, Hòe-dác, Nha-tạo-dác, Mộc-hương (đều 2 đồng rưỡi).

Cùng tán bột để riêng ra; Lại dùng gạo trần-mễ 2 lẻ, Hương-phụ 3 đồng (陳米二合炒 香附三リ炒) Đều tán bột, dùng ruột già lợn 1 thước rửa sạch bỏ trần-mễ, hương-phụ vào thắt chặt lại, bỏ nồi ninh rừ đem ra giã nhỏ hợp với các vị kia, luyện làm viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng nước cơm.

猪臟丸
Chư-tạng hoàn

Dùng một khúc ruột già lợn thổi phồng lên rồi phơi khô; lấy hòe-hoa 4 lạng (槐花四两) sao vàng tán bột bỏ vào cái ruột già ấy rồi thắt hai đầu lại cho vào nồi đồ giấm thanh vào ninh rừ đem ra giã nhỏ luyện bột bánh khảo làm viên, mỗi bận uống 3 đồng.

壽脾煎
Thọ-tỳ tiên

党参三リ姜炒 白朮二リ土炒 當歸二リ
淮山二リ炒 棗仁一リ半炒黑 乾姜一リ炒
炙艸一リ 遠志五分製 蓮肉十粒炒
加 烏梅二果 地榆二リ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Tảo-nhân 1 đồng rưỡi, Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Viễn-chí 5 phân, Liên-nhục 10 hột.

Gia: Ô-mai 2 quả, Địa-du 2 đồng.

舉元煎
Cử-nguyên tiên

党参五リ姜炒 黃芪三リ炙 白朮二リ土炒
升麻一リ 炙草一リ

Đảng-sâm 5 đồng, Hoàng-kỳ 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

勝金丸

Thắng-kim hoàn

Bách-dược-tiên 3 lạng (百藥煎三两) 1 lạng để sống, 1 lạng sao vàng, 1 lạng sao đen. Tán bột luyện hồ làm viên, mỗi bận uống 3 đồng. Sắc Dương-sâm 3 đồng làm thang.

香梅丸

Hương-mai hoàn

百藥煎炒焦 烏梅 白芷 (各一两)

Bách-dược-tiên, Ô-mai, Bạch-chỉ (đều 1 lạng)

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng. Sắc Dương-sâm 3 đồng làm thang.

平胃地榆湯

Bình-vị-địa-du thang

蒼朮製 厚樸炒 陳皮炒 炙艸 党参姜炒
白朮土炒 茯苓 白芍炒 當歸 升麻 葛根
神曲 乾姜炒 香附 (各一リ) 地榆二リ 生姜三片

Xương-truật, Hậu-phác, Trần-bì, Chích-thảo, Đảng-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược, Đương-quy, Thăng-ma, Cát-căn, Thần-khúc, Can-khương, Hương-phụ (đều 1 đồng). Địa-du 2 đồng, Sinh-khương 3 nhát. (Sắc nước uống)

二朮煎

Nhị-truật tiên

白朮三リ土炒 蒼朮製 白芍炒 茯苓 (各二リ)
陳皮一リ半炒 澤左一リ半盬炒 厚樸一リ
乾姜一リ炒 炙草一リ 木香五分

Bạch-truật 3 đồng, Xương-truật, Bạch-thược, Phục-linh (đều 2 đồng), Trần-bì 1 đồng rưỡi, Trạch-tả 1 đồng rưỡi, Hậu-phác 1 đồng Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Mộc-hương 5 phân. (Sắc nước uống)

黄芩芍藥湯

Hoàng-cầm thược-dược thang

黄芩二リ炒　白芍六リ　生草一リ

Hoàng-cầm 2 đồng, Bạch-thược 6 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

聚金丸

Tụ-kim hoàn

黄芩二両　防風二両　黄連四両

Hoàng-cầm 2 lạng Phòng-phong 2 lạng, Hoàng-liên 4 lạng (2 lạng để sống, 2 lạng tẩm rượu sao vàng).

Cùng tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

槐角丸

Hòe-dác hoàn

槐角炙 黄芩 地榆 當歸 防風 枳殻炒 (各五リ)

Hòe-dác, Hoàng-cầm, Địa-du, Đương-quy, Phòng-phong, Chỉ-xác (đều 5 đồng).

Tán bột luyện hồ vien, mỗi bận uống 2 đồng.

Dưỡng trung-tiên, Bổ-trung-ích-khí, Tứ-quân-tử thang đều ở số 10 Chư-hư chứng.

Cát-hoa giải tỉnh ở số 16 Tửu-quyết.

Hóa-can-tiên, Lục-vị-hồi dương đều ở số 26 Hàn nhiệt

Tứ-vị-hồi dương ở số 27 Kính-bịnh.

齒衄

42. — Xỉ-nục

Chứng xỉ nục là chân răng chẩy máu, lại gọi là nha-tuyên, chứng này có phong ủng, vị nhiệt, thận hư 3 thứ:

Một thứ phong-ủng thời máu ra ít dùng bài *Tiêu-phong-tán* ngoài lấy Tế-tân, Ngũ-bội dảm-phèn đều 3 phân (細辛, 五倍 胆礬 (各三分) Tán bột xát vào.

Một thứ vị nhiệt thời huyết ra nhiều quá, chỉ người hay uống rượu thường có bịnh ấy dùng bài *Thanh-vị-tán.*

Một thứ thận hư thời thỉnh-thoảng huyết ra một vài giọt mà răng thì đau. Những người nhiều dâm dục hay có bịnh ấy dùng bài *An-thận-hoàn*, nhược bằng âm hư cực nhiệt, máu ra mãi không thôi, bằng không trị ngay thời nguy dùng bài *Lục-vị-hoàn* khử Sơn-thù, thật là thần phương, ngoài dùng bã-đậu-phụ đắp vào.

Một thứ tất cả hai hàm răng cùng chẩy máu,—3 chứng trước chỉ có một hai cái răng chẩy máu mà thôi, chứng này là mãn sàng xuất huyết, lúc có lúc không, phải dùng Cam-châu Khởi-tử (甘州杞子)

Tán bột sắc làm thang, súc miệng rồi nuốt đi, nhược bằng chưa khỏi lại dùng bã-đậu đắp vào. Hoặc dùng củ cải ngậm vào mồm nhai, nóng thời lại nhả ra thay miếng khác.

消風散
Tiêu phong tán

沙参姜炒　炙草　防風　川芎　姜活　荊芥
薄荷　蟬蛻　姜蚕　茯苓　(各二リ)
皮陳一リ炒　厚樸一リ炒

Sa-sâm, Chích-thảo, Phòng-phong, Xuyên-khung, Khương-hoạt, Kinh-giới, Bạc-hà, Thuyền-thuế, Khương-tàm Phục linh (đều 2 đồng) Trần-bì 1 đồng, Hậu-phác 1 đồng.

清胃散
Thanh-vị tán

生地三リ　川黃連二リ　升麻一リ　當歸一リ
牡丹一リ炒
加　白芍　梔子炒黑　石羔煆　(各二リ)

Sinh-địa 3 đồng, Hoàng-liên 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng Đương-quy 1 đồng, mẫu-đơn 1 đồng.

Gia; Bạch-thược, Chi-tử, Thạch-cao (đều 2 đồng)

安腎丸
An - thận hoàn

淮山三リ炒 白朮三リ土炒 茯苓三リ 肉桂
川烏 蓯蓉製 巴戟 破故炒 萆薢 石斛
白蒺藜 (各一リ) 桃仁十粒

Hoài-sơn 3 đồng Bạch-truật 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế, Xuyên ô, Thong-dong, Ba-kích, Phá-cố, Tỳ-giải, Thạch-hộc, Bạch-tật-lê (đều 1 đồng), Đào-nhân 10 hột.

Tán bột luyện làm viên, mỗi bận uống 3 đồng, thang bằng nước muối.

Lục vị hoàn ở số 26 HÀN-NHIỆT.

舌衄
43. — Thiệt-nục

Chứng thiệt-nục là lưỡi chẩy máu, trên lưỡi tự nhiên chẩy máu như sợi chỉ hoặc như lỗ dùi dùng Hương-nhu tươi dầm vắt lấy 1 chén nước ngày uống ba bận, không có tươi dùng Hương-nhu khô 5 đồng sắc lấy 1 chén.

Bằng như trên lưỡi chẩy máu phun ra nhiều, bởi tâm-hỏa bốc lên dùng bài *Lục-vị-hoàn*, khử Sơn-thù, gia Hòe-hoa 3 đồng, bài này ở số 26 HÀN-NHIỆT. Ngoài dùng nhọ chảo nghiền nhỏ bôi vào. Hoặc dùng Mao-căn (茅根), Xa-tiền (車前), Loạn-phát 亂髮) đốt cháy, cùng tán bột xát vào. Hoặc dùng Hoa-hòe sao khô tán bột rắc vào, hay dùng tóc rối đốt cháy tán bột hòa dấm thanh bôi vào.

肌衄
44. Cơ - nục

Chứng cơ-nục là ngoài da thịt có chẩy máu, những chỗ chân lông chẩy máu bởi vì lửa nóng uất ở trong nên khai uất thanh nhiệt, tư âm giáng hỏa dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*

thêm Hoàng-cầm, Hoàng-liên đều 1 đồng, bài này ở số 10 Chư-hư-chứng-biện; ngoài dùng miếng thịt lợn nạc dán vào, bì lợn cũng được, hoặc dùng vẩy tê-tê sao vàng, tán bột rắc vào lấy vải buộc lại, rồi lại uống bài *Bổ-huyết* ở số 37 Nục-huyết Hoặc dùng giấy bịt hũ rượu xé nhỏ đắp vào, hay dùng giấy rơm đốt ra than rắc vào.

Một thứ trước ngực có một lỗ thuờng chẩy máu gọi là tâm-lậu dùng: Lộc-nhung 1 lạng 鹿茸一ㄌ酒炙 Phụ-tử-chế 3 đồng (製附三ㄌ)

Cùng tán bột, thêm tí muối, dâm táo-tàu luyện làm viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Một thứ trong tai chẩy máu gọi là nhĩ huyết, dùng Long-cốt (龍骨) nung đỏ tán bột rắc vào hoặc là xác rắn đốt chảy tán bột rắc vào.

Một thứ trong rốn chẩy máu dùng bài *Lục-vị hoàn* ở số 26 hàn-nhiệt khử Sơn-thù (去山茱, gia Cốt-toái 2 đồng (加骨碎二ㄌ蜜炙) Lại dùng bấc tẩm dầu đốt huyệt thiếu-thương.

Một thứ đánh dập hoặc ngã chẩy máu bị thương quá phải uống ngay một chén đồng tiện, ngoài dùng thịt lợn, vẩy tê-tê hai phương ấy. Nhược bằng trong mồm có thổ huyết ra, dùng lá sen khô tán bột thang bằng nước chè, uống 1 đồng; lại dùng 1 bát nước dường trắng uống vào càng hay lắm, rồi lại dùng *Tứ-vật-thang* ở số 1 Nội-thương; Gia: Hồng-hoa, Đào-nhân, Tô mộc (đều 1 đồng).

加 紅花 桃仁 蘇木 (各一ㄌ)

汗症

45. — Hãn-chứng

Hãn chứng là đổ bồ-hôi. Bồ-hôi là nước trong quả tim cũng là huyết đó. Những khi thức mà ra bồ-hôi gọi là tự-hãn, những khi ngủ mà ra bồ-hôi gọi là đạo hãn (bồ-hôi trộm).

Tự hãn thuộc dương hư, đạo hãn thuộc âm hư ấy là phép dậy đại khái, đến như bịnh biến thời không nhất định phải xét xem trong mình hỏa thịnh đổ nhiều bồ-hôi là âm hư, trong mình lạnh mà có bồ-hôi là dương hư, như thế mới phải.

Một thứ chứng âm hư tự hãn hoặc đạo hãn có bịnh nóng sốt phiền khát hoặc đại-tiện táo, yêu lạnh, ghét nóng dùng

bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiễn*. Nhược bằng tâm hỏa động mà phiền táo dùng bài *Chu-sa-an-thần hoàn* bài *Thiên-vương-bổ tâm*.

Một thứ dương hư đạo hãn hoặc tự hãn trong mình không có chứng gì nhiệt mà mạch cũng không hồng xác dùng: Dương-sâm 3 đồng Hoàng-kỳ 2 đồng, Bạch-truật 3 đồng Ngũ-vị 10 hột.

洋参三ㄌ姜炒 黃芪二ㄌ炙 白朮三ㄌ土炒 五味十粒炒

Nhược bằng lạnh lắm thêm Chế-phụ 5 phân (製附五分) Hoặc dùng thang *Hoàng-kỳ-kiến-trung*. Nhược bằng khí hư hỏa suy dùng bài *Đại-bổ-nguyên* bài *Lục-vị-hồi-dương*.

Một thứ tâm khí bất túc, tỳ khí cũng hư, nằm ngủ chẳng yên, ăn uống nhạt nhẽo thường đổ bồ-hôi dùng thang *Quy-tỳ* bỏ Mộc-hương, (木香) gia Ngũ-vị 10 hột (五味十粒炒).

Một thứ vệ khí hư chân lông rão mà bồ-hôi rỉ đổ cũng là âm hư dùng thang *Hoàng-kỳ-lục-nhất*, bài *Ngọc-bình-phong-tán*, thang *Đương-quy-lục-hoàng*, thang *Kỳ-phụ*, bài *Chỉ-hãn-tán*, phương *Phác-hãn*, bài *Độc-thắng-tán*, chọn lấy mà dùng.

止汗諸味
Các vị chỉ hãn

麻黃根 烏梅 浮小麥 五味 龍骨 牡蠣 黃芪 防風 肉桂

Ma-hoàng-căn, Ô-mai, Phù-tiểu-mạch, Ngũ-vị, Long-cốt, Mẫu-lệ, Hoàng-kỳ, Phòng-phong, Nhục-quế.

Những bịnh gần nguy đổ bồ-hôi mà thở lắm: bồ-hôi như dầu, bồ-hôi trán như hạt châu đều là chứng bất trị.

列方
Liệt các bài thuốc

黄芪建中湯
Hoàng - kỳ kiến trung thang

黄芪三リ炙 桂枝二リ 白芍六リ炒 大棗二枚
炙草一リ 生姜十片 膠飴五リ

Hoàng-kỳ 3 đồng. Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 6 đồng, Đại-táo 2 quả, Chích-thảo 1 đồng. Sinh-khương 10 nhát, Kẹo mạch-nha 5 đồng.

黄芪六一湯
Hoàng - kỳ lục nhất thang

黄芪六リ炙 炙草一リ

Hoàng-kỳ 6 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

玉屏風散
Ngọc - bình - phong tán

黄芪五リ炙 白朮三リ土炒 防風三リ

Hoàng-kỳ 5 đồng, Bạch-truật 3 đồng, Phòng-phong. 3 đồng

當歸六黄湯
Đương-quy lục - hoàng thang

當歸二リ 黄芪二リ炙 生地 熟地 黄芩炒
黄柏炙 川黄連 (各一リ)

Đương quy 2 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng Sinh-địa, Thục địa Hoàng-cầm, Hoàng-bá, Hoàng-liên (đều 1 đồng).

止汗散
Chỉ hãn tán

炙草一リ 党参姜炒 白朮土炒 茯苓 黄芪炙
當歸 (各二リ)

Chích-thảo 1 đồng, Đảng-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Hoàng-kỳ, Đương quy, (đều 2 đồng).

撲汗方

Phác - hãn phương

牡蠣煆　麻黄根　赤石脂煆　竜骨煆　糯米粉 (各二リ)

Mẫu-lệ, Ma-hoàng-căn, Xích-thạch chi, Long-cốt, Cám gạo-nếp (đều 2 đồng).

Tán bột, bọc lụa dập vào soa vào.

獨勝散

Độc - thắng tán

五倍二リ炒　加枯礬五分

Ngũ-bội 2 đồng, (tán bột) gia Khô-phèn 5 phân.

Hòa nước bọt dắp vào rốn, lấy thắt lưng buộc vào cho khỏi rơi.

Lục-vị-hoàn, Nhất-âm tiên Lục-vị-hồi-dương đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Kỳ-phụ-thang ở số 27 KINH BỊNH.

Chu-sa-an-thần-hoàn ở số 22 TÀ-TỲ.

Đại-bổ-nguyên, Thiên-vương-bổ-tâm, Quy-tỳ-thang đều ở số 1 NỘI THƯƠNG.

飲食

46. — Ẩm - thực

Sự ăn uống mà sinh bịnh bởi ăn cho thích khẩu, chẳng biết kiêng khem cho nên con tỳ, vị thụ thương, những thương về các vị nóng thành ra hỏa chứng, thương về các vị lạnh hóa ra ngưng trệ, chữa bịnh này xem mới phải hay là dã lâu và hư thực thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ đình trệ ở trung tiêu phát chướng mà đau ăn vào càng đau lắm là chứng thực dùng bài *Đại-hòa trung* cho tiêu đi hoặc thang *Bài-khí-ẩm* cũng hay lắm. Nhược bằng ngưng

ở thượng tiêu phải dùng *Thổ-pháp* cho nôn ra như bài *Trà-điều-tán*. Nhược bằng ở hạ tiêu bụng dưới đau mà tức lắm phải cho hạ đi. Như trong bụng nóng dùng bài *Tiểu-thừa-khí*, trong bụng lạnh dùng thang *Cảm-ứng-hoàn* hoặc *Bị-cấp-hoàn*.

Một thứ thương về những vị sống lạnh hóa ra đau bụng nôn mửa đi rửa lỏng dùng bài *Ức-phù-tiên* hoặc bài *Hòa-vị-ẩm*, nhược bằng tức dầy mà đau lắm dùng bài *Thần-hương-tán*.

Một thứ vị thực tích đã tiêu hết mà tỳ vị hãy còn thụ thương, hoặc có nôn oẹ dùng bài *Hương-sa-lục-quân* hoặc thang *Lý-trung*.

Một thứ ăn nhiều mà đói luôn là can mộc thái quá lăng khắc tỳ thổ phải dùng vẩy sắt là vị *Sinh-thiết-lạc* 1, 2 đấu (生鐵落) đun lấy nước để mà sắc thuốc dùng bài *Ngũ-vị-dị-công*, thang *Tứ-quân-tử*. Nhược bằng ăn nhiều mà gầy là vị hỏa xát cốc dùng bài *Thanh-vị-ẩm* gia Tri-mẫu 2 đồng Nhược bằng vị hỏa nóng quá lắm ăn buông miệng lại đói, uống buông mồm lại khát, hoặc là da thịt nóng, đại, tiểu-tiện táo kết cũng dùng bài *Thanh-vị-ẩm* gia Đại hoàng 3 đồng.

Một thứ tửu thấp thương tỳ sinh ra đờm rãi, nôn mửa, đi rửa mãi không khỏi phải nên trừ thấp lợi thủy dùng thang *Cát-hoa giải-tỉnh* hoặc *Ngũ-linh-tán*, *Vị-linh-thang*

Một thứ tửu nhiệt thương âm hóa ra phiền táo dùng thang *Hoàng-cầm-thược-dược*, thang *Thanh-hỏa*, bài *Tỷ-lân ẩm*.

Một thứ ăn những vị nóng thành ra hỏa chứng dùng bài *Lục-đậu ẩm* hoặc thang *Hoàng-cầm thược-dược*.

各味消食
Các vị tiêu thực

山查炒黑 麥芽炒黑 神曲姜炒 沙仁炒
厚樸姜炒 萊菔炒 蒼朮製 枳寔炒 陳皮炒

Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc, Sa-nhân, Hậu-phác, La-bặc Xương-truật, Chỉ-thực, Trần-bì.

列方
Liệt các bài thuốc

感應丸
Cảm-ứng hoàn

木香　丁香　肉豆蔻煨　百草霜（各三リ）
杏仁三十粒　乾姜二リ炒　巴豆十五粒去油

Mộc-hương, Đinh-hương, Nhục-đậu-khấu, Bách-thảo-xương (đều 3 đồng), Hạnh nhân 30 hột, Can-khương 2 đồng, Ba-đậu 15 hột.

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu. Mỗi bận uống 3 viên.

備急丸
Bị-cấp hoàn

巴豆去油　大黄煨　乾姜炒　（各三リ）

Ba-đậu, Đại-hoàng, Can-khương (đều 3 đồng).

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu Mỗi bận uống 2 viên.

神香散
Thần-hương tán

白豆蔻炒　砂仁炒　丁香　（各五リ）

Bạch-đậu khấu, Sa-nhân, Đinh-hương, (đều 5 đồng).

Tán bột, mỗi bận uống 5 phân, hòa nước sôi.

和胃飲
Hòa-vị ẩm

厚樸四リ姜炒　陳皮二リ炒　乾姜二リ炒
炙草一リ半

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

香砂六君湯
Hương-sa lục-quân thang

党参三リ姜炒　白朮二リ土炒　茯苓二リ
法夏二リ　陳皮二リ　藿香一リ　沙仁一リ炒
炙草一リ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Hoắc-hương 1 đồng, Sa-nhân 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng

---

五味異功散
Ngũ-vị dị-công tán

党参四リ姜炒　白朮二リ土炒　茯苓二リ
陳皮一リ半炒　炙艸一リ

Đảng-sâm 4 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì 1 đồng rưỡi, Chích thảo 1 đồng.

胃苓湯
Vị-linh thang

蒼朮製　厚樸炒　陳皮炒　白朮土炒　猪苓
澤左炒　茯苓　(各二リ　炙草一リ　肉桂一リ

Xương-truật, Hậu-phác Trần-bì, Bạch-truật, Chư-linh, Trạch-tả, Phục-linh (đều 2 đồng Chích-thảo 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

黄芩芍藥湯
Hoàng-cầm thược-dược thang

黄芩二リ炒　白芍五リ炒　生艸一リ

Hoàng-cầm 2 đồng Bạch-thược 5 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

Ức-phù-tiên ở số 7 THƯƠNG-THƯ.

Ngũ-linh tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Tiểu-thừa khí ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bài-khí-ẩm ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Cát hoa giải tỉnh ở số 16 TỬU QUYẾT.

Đại-hòa-trung ẩm ở số 18 THỰC QUYẾT

Tứ quân-tử ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lý-trung-thang, Thanh hóa-thang Tỷ-tân-ẩm đều ở số 26 HÀN-NHIỆT

Thanh-vị-ẩm ở số 30 KHÁI-THẤU.

Trà-điều-tán ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

脾 胃

47. — Tỳ-vị

Con tỳ vị là cái bể chứa cơm nước sinh ra khí huyết, được mạnh khỏe cho nên người ta từ trẻ đến già đều nhờ công tỳ vị bồi dưỡng. Trong ngũ-tạng lục-phủ cũng đều được nhờ cả, thế thời con tỳ vị rất can hệ cho người ta lắm, đến khi có bịnh thời ăn uống kém ít và không tiêu hóa, chân tay mỏi mệt hoặc nôn mửa đi rửa và các bịnh khác sinh ra phải phân hư thực mà dùng thuốc.

Một thứ con vị hư ăn uống nhạt nhẽo không ngon miệng và không thấy đói, không muốn ăn dùng thang *Tứ-quân-tử* như trong bụng lạnh dùng thang *Ngũ-quân-tử*.

Một thứ tỳ dương hư mà ăn không vận hóa được dùng thang *Gia giảm-lục-quân* hay thang *Quy-tỳ*, bằng như hỏa hư ăn uống không tiêu thường hay đi rửa lỏng mà sợ lạnh dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu quy ẩm*.

Một thứ tỳ âm hư thời ăn uống đều hòa, trong bụng không lạnh và không thấy lợm nôn chua cồ, chỉ những lúc ăn cơm rồi, dần dần đầy tức, hoặc có hơi khát nước và đi rửa thời lành, hoặc hơi táo nên dùng bài *Bổ-tỳ-âm*.

Một thứ nhân tích trệ mà khí hư hạ hãm; mỏi mệt hay nằm dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*, hoặc tỳ âm hư mà đầy bụng dùng thang *Bổ-âm-ích-khí*.

Một thứ ăn nhiều vị nướng và rán cho nên vị khẩu khô ráo dùng thang *Bồi-thổ-cố trung*, nhược bằng trong con vị có lửa nóng thời ăn vào lại nôn ngay ra dùng bài *Thanh-vị-ẩm* Nhược bằng con tỳ ẩm thấp mà đi rửa lỏng dùng bài *Vị-linh-thang*. Nhược bằng có thực tích bụng đầy mà đau dùng bài *Đại-hòa-trung*. Nhược bằng con vị hư hàn mà có nôn oẹ dùng bài *Hương-sa-lục-quân*.

列方
Liệt các bài thuốc

加減六君湯
Gia giảm lục-quân thang

党参三リ姜炒　白朮二リ土炒　陳皮一リ炒
茯苓二リ　炙草一リ　熟地三リ　乾姜一リ炒

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Phục-linh 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Thục-địa 3 đồng, Can-khương 1 đồng.

補脾陰方
Bổ-tỳ-âm phương

党参三リ姜炒　冬朮二リ土炒　淮山三リ炒
炙草一リ　熟地五リ炙　當歸二リ

Đảng-sâm 3 đồng, Đông-truật 2 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Thục-địa 5 đồng, Đương-quy 2 đồng.

培土固中湯
Bồi-thổ cố-trung thang

熟地六リ　白朮一両土炒　乾姜二リ炒
炙草一リ半

Thục-địa 6 đồng, Bạch-truật 1 lạng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

Tứ-quân-tử. Quy-tỳ-thang. Bát-vị-hoàn, Bổ-trung-ích khí. Bổ-âm-ích-khí, Hữu-quy-ẩm dều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-quân-tử. Đại-hòa-trung đều ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Thanh-vị-ẩm ở số 30 KHÁI-THẤU.

Vị-linh-thang, Hương sa-lục-quân dều ở số 46 ẨM-THỰC.

胃風

48. — Vị-phong

Chứng vị-phong bởi vì gió vào trong tràng vị cho nên đi rửa nguyên hột cơm không tiêu hóa dùng bài *Vị-phong-thang*. Ông Dụ-gia-Ngôn nói rằng: «gió vào trong dạ dầy như là thuận gió giương buồm»; chẳng đợi vận hóa ăn vào ra ngay dùng *Quế-chi-thang*.

胃風湯

Vị-phong thang

党参三ゾ姜炒　白朮二ゾ土炒　茯苓二ゾ
白芍二ゾ炒　當歸二ゾ　肉桂一ゾ　川芎一ゾ

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng Phục-linh 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

桂枝湯

Quế-chi thang

桂枝二ゾ　白芍三ゾ　炙艸一ゾ　生姜一ゾ
大棗二果

Quế chi 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 1 đồng, Đại-táo 2 quả

惡 心

49 — Ố-tâm

Chứng ố-tâm lợm nôn ở trong dạ-dầy đùn lên, muốn nôn mà không nôn ra được. Nhược bằng hàn, thấp, ngưng, trệ dùng bài *Ôn vị-ẩm*, bài *Hòa-vị-nhị-trần*, hoặc như có ăn vị gì độc mà tanh hôi phải dùng *Thổ-pháp* cho nôn ra Nhược bằng hỏa thịnh phiền táo dùng thang *Trúc-diệp thạch-cao*.

Thổ-pháp (dùng *Trà-điều-tán* ở số 15 ĐÀM-QUYẾT).

和味二陳湯

Hòa vị nhị-trần thang

茯苓三ㄌ 法夏二ㄌ 陳皮二ㄌ炒 乾姜一ㄌ炮
砂仁一ㄌ炒 炙草一ㄌ

Phục-linh 3 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng Can-khương 1 đồng Sa-nhân 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.
Trúc-diệp-thạch-cao thang ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

噯 氣

50. — Ải-khí

Ải khí là ợ hơi. Hơi ấy ở trong dạ-dầy ra những khi ăn no mà ợ thời không ngại gì, nhược bằng con vị hàn trệ thường có ợ dùng thang *Thập vị-bảo-hòa*, bằng có thực tích dùng bài *Ôn-vị-ẩm* ở số 5 TRÚNG-HÀN. Nhược bằng tỳ thận hư hàn thỉnh thoảng ợ luôn, trong bụng tức dầy dùng bài *Lý-âm-tiễn* ở số 28 ĐÀM-ẨM, bài *Bát-vị-hoàn* ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

十味保和湯

Thập vị bảo hòa thang

党参三リ姜炒 白朮二リ土炒 茯苓二リ
陳皮炒 法夏 砂仁炒 藿香 香附炒(各一リ半)
炙草七分 木香五分 加 生姜三片

Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì Pháp-hạ, Sa-nhân, Hoắc-hương, Hương-phụ (đều 1 đồng rưỡi). Chích-thảo 7 phân, Mộc-hương 5 phân. Gia Sinh-khương 3 nhát.

呑酸

51. — Thôn-toan

Chứng thổ toan là nhổ ra chua, ăn uống vào trong dạ-dầy khi hư không vận hóa được, đình tích đã lâu, trong âm thấp sinh ra nóng khí thấp nhiệt huân chưng cho nên thổ ra chua.

Chứng thôn toan cũng bởi cơm nước không tiêu mà ứa lên cổ thổ ra không được phải nuốt vào thời thấy chua cho nên gọi là *thôn-toan*.

Chứng này phải xét hư thực mà dùng thuốc

Một thứ người it tuổi, khỏe mạnh, con tỳ vị chưa suy, hoặc nhân gió lạnh, phạm vào con vị hoặc là ăn uống dình tích mà hóa ra chua dùng bài *Hòa-vị-âm*, hoặc bài *Hoắc-hương-an-vị*. Nhược bằng thấp nhiệt quá dùng bài *Thù-liên-hoàn*, hoặc là hàn thấp hơn dùng bài *Ngô-thù-du-hoàn*, thang *Nhị-trần-ngô-thù*

Một thứ người nhiều tuổi yếu đuối. tỳ vị khí hư ăn uống kém it thường có chứng chua cổ phải ôn bổ tỳ vị dùng thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị-âm*, bài *Thành-truật*. Nhược bằng hạ tiêu hỏa suy dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Lý-âm-tiễn*.

和胃飲

Hòa - vị ẩm

厚樸四リ姜炒 陳皮二リ炒 乾姜二リ炒
炙草一リ

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

藿香安胃散

Hoắc-hương an-vị tán

藿香二ゾ　党参五ゾ姜炒　陳皮二ゾ炒
丁香二ゾ　生姜十片

Hoắc-hương 2 đồng, Đẳng-sâm 5 đồng, Trần-bì 2 đồng, Đinh-hương 2 đồng, Sinh-khương 10 nhát.

茱連丸

Thù-liên hoàn

川黃連一刄酒炒　黃芩土炒　陳皮炒　吳茱酒炒
蒼朮製（各五ゾ）　加　茯苓五ゾ

Hoàng-liên 1 lạng. Hoàng-cầm, Trần-bì, Ngô thù, Xương-truật, (đều 5 đồng). Gia : Phục-linh 5 đồng.

Tán bột quấy hồ thần-khúc, viên, mỗi bận uống 2 đồng.

二陳吳茱湯

Nhị-trần ngô-thù thang

吳茱五ゾ酒炒　茯苓三ゾ　法夏二ゾ　陳皮二ゾ炒
炙草一ゾ

Ngô-thù 5 đồng, Phục-linh 3 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

吳茱萸丸

Ngô-thù-du hoàn

吳茱一刄酒炒　麥牙炒黑　神曲　蒼朮製　陳皮炒
肉桂（各五ゾ）

Ngô-thù 1 lạng Mạch-nha, Thần-khúc, Xương truật, Trần-bì, Nhục-quế (đều 5 đồng).

Tán bột quấy hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

Lý trung thang, Bát-vị-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Ôn-vị ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.
Lý âm-tiên ở số 28 ĐÀM-ẨM.

聖朮煎

Thánh-truật tiên

冬朮八リ土炒　乾姜二リ炒　陳皮二リ炒
肉桂一リ

Đông-truật 8 đồng, Can-khương 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

嘈雜

52. — Tào-tạp

Chứng tào-tạp tưởng như trong bụng trống không như là không có vật gì, tựa hồ đói mà không đói; như là đau mà không phải đau; buồn bực không ra bịnh gì lúc phát lên chốc lại khỏi. Cổ phương có dùng những thuốc tiêu đàm giáng hỏa, tôi trộm nghĩ rằng: trong bụng không khoáng có đờm đâu mà tiêu; như đói như đau thực là tỳ hư nên bổ, chứng này bởi vì khi huyết tiêu háo tỳ vị hư tổn hóa ra thế nên dùng thang *Quy-tỳ* ở số 1 Nội-thương hoặc thang *Bát-trân* ở số 26 Hàn-nhiệt, bằng có kiêm chứng gì nên xét xem mà chữa.

呃逆噦氣辨

Ách-nghịch uế-khí biện

Xét xem một chứng ách-nghịch đời xưa không có tên ấy, ở pho nội-kinh vua Hoàng-đế thời gọi là uế, xem phép chữa lấy cỏ dâm vào lỗ mũi thời biết là khác nhau, về sau các ông hiền-y nhân thấy ách ách liền tiếng mới gọi là chứng ách-nghịch. Nay tôi xem pho Phùng-thị bàn chứng ách và chứng uế chia làm hai chứng; mà trị chứng ách thì dùng Đinh-hương thị-đế, trị chứng uế thời chê cổ phương dùng Đinh-hương thị đế, mà không có bài khác để chữa Pho Lãn-ông quyển Y-trung-quan-kiện cũng chia ách uế làm hai chứng mà dùng thuốc thời một thứ như nhau, khiến cho người học thuốc chẳng biết thế nào là ách, thế nào là uế, hình dáng hai bịnh ra làm sao, vậy nên tôi không được đừng, phải biện

bạch cho tường hoặc có rộng phép trông, phép nghe ở môn thuốc chăng Xin biện rằng: nay ôi! chứng uế thời gọi là oẹ phải há mồm ra tức là lợm dọng nôn khan đó, như đàn bà có nghén thời cũng ậm oẹ hoặc khi ngửi phải mùi hôi tanh cũng hóa ra oẹ. Đến như chứng ách thời gọi là nấc, dẫu ngậm miệng lại cũng nghe thấy tiếng, không có sự chi nôn mửa cả, dẫu ngửi phải hơi mắm tôm cũng không phát nấc được. Nay tôi kính biện đề mà dùng thuốc.

呃逆

53. — Ách-nghịch

Ách-nghịch là bịnh nấc bởi hơi đưa ngược lên cũng có nhân hàn ngưng nhiệt uất, cũng có nhân thực trệ, khi trệ phải xét mà chữa. Nhược bằng ngẫu nhiên mà nấc, khí thuận xuống thời khỏi. Chỉ có bịnh nấc mãi không khỏi ắt là tỳ thận nguyên khí hư tổn lắm hóa ra thế

Một thứ nhân khí lạnh mà nấc, hoặc nhân gió lạnh ở ngoài, hoặc nhân ăn lạnh ở trong dùng thang *Quất-bì*, bài *Tam-nhân-đinh-hương*, thang *Quất-bì-can-khương*. Nhược bằng lạnh lắm dùng bài *Tương-thủy-tán*, thang *Tứ-nghịch-nhân-sâm*.

Một thứ vị hỏa xông lên nóng quá mà nấc, mạch thời hoạt thực, người khỏe mạnh, đại-tiện can táo dùng bài *An-vị-ẩm*.

Một thứ khí nghịch mà nấc, trên ngực chướng đầy dùng thang *Gia dảm-nhị-trần*, gia Ô-dược 2 đồng, bài *Bảo-dảm-đinh-hương thị-đế*, hoặc bài *Khương-hoạt-phụ-tử*, hoặc *Thần-hương tán*.

Một thứ nhân ăn không tiêu mà nấc dùng bài *Đại-hòa-trung*, gia Can-khương 1 đồng Mộc-hương 5 phân, hoặc thang *Gia-dảm-nhị-trần*, thêm Sơn-tra Ô-dược (đều 2 đồng), Bạch-giới-tử 1 đồng.

Một thứ trung-tiêu tỳ vị hư hàn mà nấc, dùng thang *Lý-trung* gia Đinh-hương, hoặc *Ôn-vị-ẩm* gia Đinh-hương.

Một thứ hạ-tiêu can thận hư hàn mà nấc, dùng bài *Quy-khí-ẩm*, hoặc *Lý-âm-tiễn* gia Đinh-hương 5 phân.

Một thứ sau khi đại bịnh hoặc yếu đuối quá mà nấc, dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, hoặc bài *Bát-vị-hoàn* gia Ngũ vị 10 hột, Ngưu-tất 2 đồng. Nhược bằng đại bịnh đương khi muốn thoát, chân tay hơi lạnh dùng *Sâm-phụ-thang* gia Ngũ-vị 15 hột

Một thứ cổ-phương trị bịnh nấc, bịnh ở trên thời trong ngực chướng đầy, dùng *Trà-điều-tán* cho nôn ra, bịnh ở dưới, tiểu-tiện bất lợi, dùng bài *Tiểu phân-thanh Đại-phân thanh*. Đại-tiện bất thông dùng thang *Tiểu-thừa-khí, Đại-thừa-khí*. Những phép ấy chữa bịnh nấc thực nhiệt thời hay, nhược bằng bịnh nấc hư hàn hẳn không dùng được.

列 方
Liệt các bài thuốc

橘皮湯
Quất-bì thang

陳皮一両炒　生姜二両

Trần-bì 1 lạng, Sinh-khương 2 lạng

Sắc nước uống.

三因丁香散
Tam nhân đinh-hương tán

丁香一リ　柿蔕（男八七个女八九个）

炙草五分　高良姜五分

Đinh-hương 1 đồng, Thị-đế : (đàn ông 7 cái đàn bà 9 cái), Chích-thảo 5 phân, Cao-lương-khương 5 phân.

Tán bột hòa nước sôi uống.

橘皮乾姜湯
Quất-bì can-khương thang

洋參姜炒　乾姜炒　肉桂（各一リ）陳皮炒

木通（各一リ半）　炙草五分

Dương-sâm, Can-khương, Nhục-quế đều 1 đồng), Trần-bì Mộc-thông đều 1 đồng rưỡi) Chích-thảo 5 phân

---

漿水散

Tương-thủy tán

法夏一月 製附 乾姜炒 肉桂 (各五ㄌ)
高良姜三ㄌ炒

Pháp-hạ 1 lạng Chế-phụ Can-khương, Nhục-quế (đều 5 đồng)
Cao-lương-khương 3 đồng.

Tán bột hòa nước sôi, mỗi bận uống 2 đồng

四逆人参湯

Tứ nghịch nhân-sâm thang

洋参五ㄌ姜炒 乾姜三ㄌ炒 製附二ㄌ 炙草一ㄌ半

Dương-sâm 5 đồng, Can khương 3 đồng, Chế-phụ 2 đồng,
Chích-thảo 1 đồng rưỡi.

安胃飲

An-vị ẩm

陳皮炒 山查炒黑 麥牙炒黑 木通 澤左炒
黄芩炒 石斛 (各二ㄌ)

Trần-bì, Sơn-tra, Mạch nha, Mộc-thông, Trạch-tả, Hoàng-cầm,
Thạch-hộc (đều 2 đồng).

加減二陳湯

Gia giảm nhị trần thang

茯苓三ㄌ 陳皮二ㄌ炒 法夏二ㄌ 炙草一ㄌ
丁香一ㄌ 加烏藥二ㄌ

Phục-linh 3 đồng, Trần-bì 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Chích-
thảo 1 đồng, Đinh-hương 1 đồng. Gia Ô dược 2 đồng.

寶鑑丁香柿蒂散

Bảo dám đinh-hương thị-đế tán

丁香 柿蒂 青皮炒 陳皮炒 (各二ㄌ) 生姜五片

Đinh-hương, Thị-đế, Thanh-bì, Trần-bì (đều 2 đồng), Sinh-
khương 5 nhát.

姜活附子湯

Khương-hoạt phụ-tử thang

姜活　製附　乾姜　大茴　各一ﾘ
木香五分　大棗二枚

Khương-hoạt, Chế-phụ, Can-khương, Đại-hồi (đều 1 đồng)
Mộc-hương 5 phân Đại-táo 2 quả.

小分清

Tiểu-phân-thanh

茯苓　澤左炒　猪苓　(各三ﾘ)　薏苡二ﾘ炒
枳殼一ﾘ炒　厚樸二ﾘ

Phục-linh, Trạch-tả, Chư-linh (đều 3 đồng), Ý-dĩ 2 đồng,
Chỉ-xác 1 đồng, Hậu-phác 2 đồng

Đại-hòa-trung ở số 18 THỰC-QUYẾT.
Ôn-vị-ẩm, Quy-khí-ẩm đều ở số 5 TRÚNG-HÀN.
Lý-trung, Lý-âm-tiên đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Đại bổ-nguyên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Thần-hương tán ở số 46 ẨM-THỰC.
Bát vị-hoàn, Đại phân-thanh đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.
Trà-điều tán ở số 15 ĐÀM QUYẾT.

簡易方

Giản dị phương

Nước gừng 1 chén thêm nửa chén mật ong, đun sôi uống.

Hoặc dùng Lưu-hoàng (硫黄) Nhũ-hương (乳香) đều 3 đồng). Gia: Ngải-diệp 1 đồng. (艾葉一ﾘ)

Tán bột sắc bằng rượu để ngửi.

Hoặc dùng Hùng-hoàng 3 đồng. Cũng tán bột sắc bằng rượu để ngửi.

Hoặc dùng *Thông-quan-tán* thổi vào mũi cho hắt hơi thời khỏi, bài này ở số 4 TRÚNG-PHONG.

嘔吐

54. — Ẩu-thổ

Bịnh ẩu thổ là nôn mửa. Có tiếng có thực-vật gọi là ẩu, có thực vật mà không có tiếng gọi là thổ, có tiếng mà không có thực-vật gọi là uế tức là nôn khan. Chứng này có hư thực không giống nhau. Chứng thực như là cảm khí hàn lãnh, hoặc thương ẩm thực, hoặc vị hỏa bốc lên, hoặc can uất khí nghịch, hoặc đờm rãi tích tụ. Chứng hư là con vị yếu, hoặc nhân khí lạnh, sự khó nhọc, ăn uống chẳng điều, hóa ra nôn mửa, nhược bằng tỳ vị khỏe mạnh ăn uống tiêu ngay, không có bịnh gì nữa.

Một thứ nhân khí lạnh mà nôn mửa hoặc là hàn thấp ở ngoài, đồ sống lạnh ở trong, dùng thang *Lý-trung*, thang *Hương-sa-lục-quân*.

Một thứ nhân sự ăn uống mà hóa nôn hoặc là cơm thịt chửa tiêu bụng đầy và đau dùng bài *Đại-hòa-trung*, bài *Thần-hương-tán*. Nhược bằng thực vật đã tiêu mà vẫn nôn mửa chưa khỏi dùng bài *Ôn-vị-ẩm*. Bằng như ăn uống phải vị độc mà nôn mửa phải xem thứ độc nóng lạnh mà giải đi, thứ nóng giải bằng *Lục đậu-ẩm* thứ lạnh dùng *Thần-hương-tán*.

Một thứ hỏa ở trung-tiêu mà nôn mửa thời bàn chân bàn tay đều nóng cả, hoặc có khát nước phiền táo người thời khỏe mà nôn cũng nhiều dùng bài *Trừu-tân-ẩm*, bài *Đại-phân-thanh*, bằng như nóng quá mà nôn không khỏi lại kiêm rức đầu dùng thang *Bạch hổ*, bài *Đại-thanh-ẩm*, bài *Ngọc-toàn-tán*.

Một thứ nhân đờm rãi lưu tích ở trong bụng mà hóa ra nôn mửa dùng bài *Hòa-vị-nhị-trần*, bài *Linh-truật-nhị-trần*.

Một thứ uất nộ thương can, khí đưa ngược lên mà nôn có vị chua, đằng trước dùng *Thù-liên-hoàn*, lại uống bài *Tiêu-dao-tán*, khỏi rồi dùng bài *Lục-vị hoàn* gia Đương-quy, Bạch-thược (đều 2 đồng).

Một thứ con vị hư hàn thường có nôn mửa phải dùng ôn bổ như thang *Lý-trung*, bài *Ôn-vị-ẩm*, bài *Thánh-truật-tiên*, bài *Hoàng-nha-hoàn*, nhược bằng con vị hàn lắm dùng thang *Phụ-tử-lý trung*, hoặc bài *Tứ-vị hồi-dương*.

Một thứ nôn mửa mãi không khỏi hoặc nhân đại-tiện bí kết dùng phép mật đạo thông khoan cho dưới thông thời trên không tắc.

Một thứ nôn mửa, trăm thứ thuốc đều không khỏi, hễ ngửi thấy thuốc lại nôn, phải lấy đất ở bụng ông dàu-rau bếp hòa nước gừng làm viên dút nút hai lỗ mũi rồi uống thuốc mới được.

Một thứ nôn mửa không uống được thuốc bởi có con giun ở trong bụng dùng Xuyên tiêu 20 hột sao, sắc cho uống hoặc là trong bài thuốc phải gia Xuyên-tiêu 1, 2 đồng. Ông Tôn-trân-Nhân nói rằng: «gừng sống trị nôn là thuốc thánh, Tiều-biền giáng hỏa thực phương tiện».

列 方

Liệt các bài thuốc

加味逍遥散

Gia vị tiêu-dao tán

白朮土炒　茯苓　白芍炒　(各二ㄌ)
當歸三ㄌ　柴胡一ㄌ　炙草一ㄌ　薄荷七分
加　牡丹二ㄌ炒　梔子二ㄌ炒黑

Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược (đều 2 đồng), Đương-quy 3 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạc-hà 7 phân.
Gia Mẫu-đơn 2 đồng, Chi-tử 2 đồng

黄牙丸

Hoàng-nha hoàn

洋参二月姜炒　乾姜五ㄌ炒

Dương-sâm 2 lạng, Can-khương 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên, bỏ túi áo thỉnh thoảng ngậm 1 viên bằng hột nhãn.

Lý-trung thang, Trừu tân ẩm, Bạch-hổ thang, Ngọc toàn-tán, đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Phụ-tử-lý-trung, Tứ-vị-hồi-dương, dều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Đại hòa trung ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Linh-truật nhị-trần ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Đại-phân-thanh, Đại-thanh-ẩm, Lục vị-hoàn đều ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Hòa-vị-nhị-trần ở số 28 ĐÀM-ẨM.

Hương sa-lục quân, Thần hương-tán đều ở số 46 ẨM-THỰC.

Thù liên hoàn, Thánh-truật-tiên đều ở số 51 THÔN-TOAN.

蜜導法

Mật-đạo pháp

Phép thông khoan, dùng 2 bát mật mía nấu cho đặc lại thành kẹo, nặn bằng ngón tay chấm dầu thông vào cốc-đạo hoặc dùng cái vật gì mềm cũng được, hoặc dùng bạch-lạp, sà-phòng cũng được.

嘔吐清水

55. — Ẩu-thổ-thanh-thủy

Chứng ẩu thổ thanh thủy là nôn ra nước trong. Phép đời xưa dùng thang *Nhị-truật-nhị-trần*, hoặc thang *Lục-quân-tử*. Ông Cảnh-nhạc nói rằng: «thận thủy hư mà nước ứa lên từ dưới rốn vọt ra như vòi rồng phun nước dùng bài *Lý-âm-tiễn* cho uống khỏi ngay.

唾津

Thóa-tân

Thóa-tân là nhổ nước bọt luôn mồm. Chứng nhổ nước bọt bởi vì trong mồm bọt rãi dùn ra luôn luôn không nuốt xuống, trong một giờ đồng-hồ, nhổ hơn một trăm bận. Ông Phó thanh Chủ bảo rằng: «chứng này là thổ ra bạch huyết, để phơi sương một đêm thời hóa ra đỏ, chữa bịnh này phải bổ thận thủy hoặc bổ tỳ thổ thời mới khỏi.

Một thứ nhân thận thủy hư, nước không chẩy xuôi mà dùn ngược lên hóa ra nhổ nước bọt dùng bài *Thận-khí-hoàn* như kiêm hỏa hư dùng *Bát-vị-hoàn*, hoặc bài *Lý-âm-tiễn* đều thêm Ngưu-tất 2 đồng, Ngũ-vị 15 hột.

Một thứ nhân con tỳ thấp trệ không áp chế được nước cho nên hay nhổ nước bọt dùng thang *Lục-quân-tử*. Như con tỳ hàn gia Phá-cố 1 đồng, Can-khương 1 đồng, Hậu-phác 2 đồng. Như con tỳ nhiệt gia Hoàng cầm 1 đồng Chi tử 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng. Dùng Hoài-sơn thay Bạch-truật.

二朮二陳湯

Nhị-truật nhị-trần thang

蒼朮製 白朮土炒 陳皮炒 法夏 苓茯
(各二リ) 炙艸一リ

Xương truật, Bạch-truật. Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh(đều 2 đồng) Chích-thảo 1 đồng

---

Lục quân tử thang ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Lý-âm tiễn ở số 26 HÀN-NHIỆT

Thận-khí hoàn là bài *Lục-vị hoàn* gia Phá-cố 1, 2 đồng.

吐蚘

56. — Thổ-vưu

Chứng thổ-vưu là nôn ra giun:

Một thứ nhân dạ-dầy nóng mà nôn ra giun, nôn vừa dùng bài *Trừu tân-ẩm*; nôn lắm dùng bài *Vạn-ứng-hoàn*.

Hai là nhân con vị hàn mà nôn ra giun dùng bài *Ô-ma -hoàn*.

Ba là con vị hư yếu dùng bài *Ôn-vị*, thang *Lý-trung*, bài *Thánh-truật* bằng như giun ra chẳng khỏi thêm Ô-mai 3 quả, (烏梅三菓) hoặc là rễ cây soan 3 đồng, (苦楝根三リ) hoặc là Hoàng-liên 1 đồng (川黃連一リ)

萬應丸
Vạn-ứng hoàn

川大黃一兩半 檳榔一兩 苦楝根六ゾ
黑丑八ゾ炒 皂角二菓炒焦

Đại-hoàng 1 lạng rưỡi, Binh-lang 1 lạng, Khổ-luyện-căn 6 đồng, Hắc-sửu 8 đồng, Tạo-dác 2 quả

Tán bột luyện hồ viên, mọi bận uống 2 đồng.

Ô-mai-hoàn ở số 20 Hồi-quyết
Trừu-tân-ẩm, Lý-trung-thang đều ở số 26 Hàn-nhiệt
Ôn-vị-ẩm ở số 5 Trúng-hàn.
Thánh-truật ở số 51 Thôn-toan.

噦氣
57. — Uế-khí

Chứng uế-khí là oẹ là nôn khan bởi hơi nóng xông lên dạ-dầy hóa ra oẹ. Chữa bịnh nôn khan phải cho lợi tiểu tiện làm chủ dùng bài *Ngũ-linh-tán*, hoặc bài *Thanh-kim đạo-khí*, nhược bằng trong dạ-dầy lạnh mà nôn oẹ dùng bài *Thần hương-tán*, bài *Hương-sa lục-quân.*

Một thứ nôn khan mãi không khỏi dùng 2 chén nước mía, nước gừng 1 chén đun nóng uống.

淸金導氣湯
Thanh-kim đạo-khí thang

麥門四ゾ炒 澤左二ゾ炒 車前二ゾ炒
牛必二ゾ 赤苓三ゾ 肉桂一ゾ磨
五味十五粒炒 木香五分

Mạch-môn 4 đồng, Trạch-tả 2 đồng, Xa-tiền 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng Xích-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Ngũ-vị 15 hột, Mộc-hương 5 phân.

Ngũ-linh tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Thần-hương-tán, Hương-sa-lục-quân đều ở số 46 ẨM-THỰC.

反胃

58. — Phiên-vị

Chứng phiên-vị là dạ-dầy lật trái lại, hoặc là tối ăn, sớm mai nôn, hoặc là sớm ăn, tối nôn phải mửa cho hết mới thôi, ngày nào cũng như thế không có khác. Chứng này là con vị hư hàn hoặc hay ăn đồ sống lạnh hoặc hay uống rượu, hoặc nhân sự lo nghĩ, cho nên dạ-dầy hư quá, xét xem bịnh mới phải hay là đã lâu mà dùng thuốc.

Một thứ mới phải khí lạnh ở trung-tiêu dùng bài *Ôn-vị-ẩm*, bài *Thánh-truật*, thang *Phụ tử-lý-trung*.

Một thứ bịnh đã lâu thời khí lạnh ở hạ-tiêu dùng thang *Định-vị*, bài *Bá-vị-hoàn* gia Phá-cố 1 đồng, Ngũ-vị 10 hột, hoặc bài *Hữu-quy-ẩm*. Nhược bằng đại-tiện táo kết các bài nên đều thêm Ngưu-tất, Thong-dong Lộc-dao, Đương-quy đều 2 đồng.

定胃湯

Định-vị thang

熟地一两 山茱五リ酒炒 茯苓三リ 肉桂一リ另磨

Thục địa 1 lạng, Sơn-thù 5 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng. (Sắc nước uống).

Ôn-vị ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Phụ-tử lý-trung, Hữu-quy-ẩm, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Thánh-truật-tiên ở số 51 THÔN-TOAN.

簡易方

Giản-dị phương

Mật-ong 2 thìa, Nước gừng 1 thìa, hòa nước sôi uống.

Hoặc dùng nước mía 1 bát, nước gừng 1 chén, đun sôi uống dần.

噎膈

59. — Ê-cách

Chứng ế cách là bịnh nghẹn, bởi vị khẩu ủng tắc chẳng thông, ăn không xuống được Chứng này có hai thứ phải chia ra mà chữa.

Một thứ nhân lo nghĩ nhiều phần, hoặc là say mê tửu sắc mà âm huyết hư tổn, nước bọt khô ráo, cho nên ăn cơm thời nghẹn lâu mới xuống được dùng bài *Sinh-khương-trấp*, bài *Đại doanh-tiên* bài *Lý âm.*

Một thứ nhân con tỳ vị hư yếu vận hóa không mạnh mà sinh ra đờm cho nên lúc ăn cơm, hoặc trước, hoặc sau ngộ chợt có ngang trái thời đàm hỏa xung lên, ăn không xuống được tất phải thổ ra, mà trong dạ-dầy dùn dùn đờm rãi vận lên lại phải thổ ra, bữa cơm ấy phải bỏ dùng bài *Ngũ-cách-khoan-trung*, bài *Nhị-trần* gia Hậu-phác, Can-khương đều 2 đồng, hoặc thang *Lục-quân-tử*

Một thứ nghẹn mà đại-tiện táo kết dùng bài *Ngọc-trúc*, bài *Nhân-sâm-lợi-cách.*

列方

Liệt các bài thuốc

生姜汁煎

Sinh-khương trấp tiên

沙参五リ姜炒 百合五リ炒 生姜汁 蜂蜜 牛乳 (各一刃)

Sa-sâm 5 đồng, Bách-hợp 5 đồng, Nước gừng, Mật-ong, Sữa-bò (đều 1 lạng). Hai vị khô sắc thang rồi hòa 3 vị nước

五膈寬中散

Ngũ cách khoan trung tán

青皮五リ炒 陳皮五リ炒 香附 厚樸炒

(各六ソ) 炙艸 白豆蔻 砂仁炒 丁香
木香 (各一ソ)

Thanh-bì 5 đồng, Trần-bì 5 đồng, Hương-phụ, Hậu-phác, (đều 6 đồng), Chích-thảo, Bạch-đậu-khấu, Sa-nhân, Đinh-hương, Mộc-hương (đều 1 đồng).

Tán bột, mỗi bận uống 1 thìa, thang bằng nước gừng.

玉燭散

Ngọc chúc tán

熟地三ソ 當歸二ソ 白芍二ソ炒 川芎
生草 大黃 芒硝 (各一ソ)

Thục-địa 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Xuyên-khung, Sinh-thảo, Đại-hoàng, Mang-tiêu (đều 1 đồng)

人參利膈丸

Nhân-sâm lợi cách hoàn

党參一刃姜炒 當歸一刃 木香七ソ 梹榔七ソ
枳寔八ソ炒 炙草八ソ 厚樸二刃姜炒
川大黃二刃

Đảng-sâm 1 lạng, Đương-quy 1 lạng, Mộc-hương 7 đồng Binh lang 7 đồng, Chỉ-thực 8 đồng, Chích-thảo 8 đồng, Hậu-phác 2 lạng, Đại-hoàng 2 lạng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Đại-doanh-tiên ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.
Lý-âm-tiên ở số 26 HÀN-NHIỆT.
Nhị-trần thang ở số 28 ĐÀM-ẨM.
Lục-quân-tử thang, ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

驗方

Nghiệm phương

代赭旋覆湯

Đại giả toàn phú thang

党參三钱 姜炒 炙草三钱 法夏五钱 生姜五钱
旋覆花三钱 大棗三果 代赭石三钱 醋煅三次

Đảng-sâm 3 đồng, Chích-thảo 3 đồng, Pháp-hạ 5 đồng, Sinh-khương 5 đồng, Toàn-phú-hoa 3 đồng, Đại-táo 3 quả, Đại-giả-thạch 3 đồng (nung đỏ tưới giấm-thanh 3 bận, tán bột bỏ vào sau.)

牛涎丸

Ngưu-duyên hoàn

Gạo nếp tán bột lấy rãi trâu luyện làm viên, bỏ chõ đồ chín mà ăn, hoặc dùng rãi trâu hòa nước uống cũng được.

Phép lấy rãi trâu

Rửa mồm con trâu cho sạch, lấy muối xát vào thời chẩy rãi ra.

又方最驗

Lại bài nghiệm nữa

鹿趾草 陳米炒 灶心土 (各三钱)

Lộc-đồ-thảo, Trần-mễ, Táo-tâm, (đều 3 đồng.)
Sắc nước uống.

關格

60. — Quan-cách

Chứng quan-cách là trong bụng ngăn cách, khí dương ngăn khí âm, khiến trên không được vào, cho nên ăn uống phải nôn ra; khí âm ngăn khí dương, khiến dưới không được xuống cho nên đại tiểu-tiện đều bí, trong bụng như có ngăn cách, muốn lên không được, muốn xuống không xong, trên

dưới không thông ấy là âm dương ly tuyệt, trong sách bảo rằng: « chứng quan-cách không được hết tuổi giời cho, thời sợ lắm.» Lại nói rằng: « phong lao cổ cách, tứ chứng nan y ».

Những khi mới phải mà dần dần sinh ra bịnh quan cách dùng thang *Quy-tỳ*, bỏ Hoàng-kỳ, gia Chích-thục 3 đồng. Như thượng-tiêu có đờm ủng tắc mà ăn uống khó vào được dùng thang *Chỉ-súc-nhị-trần*, để khai đờm ra.

Một thứ phần dương thịnh hơn mà chân tay mình mẩy đều nóng dùng bài *Thận-khí-hoàn*, lại dán phục thang *Quy-tỳ*, bỏ Hoàng-kỳ gia Thục-địa.

Một thứ phần âm thịnh hơn mà chân tay mình mẩy đều mát cả dùng bài *Thông-quan-dao-thái-thang*. cũng dán phục thang *Quy-tỳ*, bỏ Hoàng-kỳ đi. Nhược bằng tiểu-tiện bế sáp một ngày không đi mà bụng dưới tức đau dùng *Thần-mộng-phương*, hoặc *Chuyển-bào-pháp*.

Bằng như đại-tiện táo kết năm sáu ngày không đi, trong bụng chướng đầy, như nhiệt kết dùng thang *Tiểu-thừa khí*, nhược bằng hàn ngưng dùng bài *Bị-cấp-hoàn*, *Thiên-kim-phương*

列方

Liệt các bài thuốc

歸脾湯

Quy-tỳ thang

党参二リ姜炒　當歸一リ半　冬术一リ半土炒
茯神一リ半　棗仁一リ半炒黑　龍眼一リ半
炙草五分　遠志五分製　沉香二分磨　紅棗一果
生姜三分　(去黃芪)　加　熟地二リ酒炙

Đẳng sâm 2 đồng (tẩm gừng sao) Đương-quy 1 đồng rưỡi, đông-truật 1 đồng rưỡi (tẩm hoàng thổ sao), Phục-thần 1 đồng rưỡi, Tảo-nhân 1 đồng rưỡi (sao đen), Long-nhãn 1 đồng rưỡi Chích-thảo 5 phân, Viễn-chí 5 phân (chế) Trầm-hương 2 phân mài), Táo-đỏ 1 quả, Gừng sống 3 phân. Bỏ Hoàng-kỳ. Gia: Thục-địa 2 đồng (tẩm rượu nướng).

枳縮二陳湯

Chỉ - súc nhị - trần thang

枳壳一リ炒 沙仁炒 茯苓 法夏 陳皮 蘇子
瓜蔞仁 厚樸炒 香附炒 (各七分) 炙草五分
木香二分 沉香二分

Chỉ-xác 1 đồng. Sa-nhân, Phục-linh, Pháp-bạ Trần-bì, Tô-tử, Qua-lâu-nhân, Hậu-phác, Hương-phụ (đều 7 phân), Chích-thảo 5 phân. Mộc-hương 2 phân, Trầm-hương 2 phân.

Dùng nước trúc-lịch, mài mộc-hương, trầm-hương cho vào sau.

腎氣丸

Thận - khí hoàn

熟地四リ (浸洗香飯上蒸) 山茱一リ酒炒
牡丹一リ炒 淮山二リ米炒 茯苓一リ
澤左六分盐炒 牛必六分 麥門一リ炒
沉香二分磨 破故五分炒

Thục-địa 4 dồng (lấy cái giữa, giữa 1 phân trầm-hương ra bột tẩm thục dịa hấp cơm), Sơn-thù 1 dồng (tẩm rượu sao), Mẫu-đơn 1 dồng (sao, Hoài-sơn 2 dồng sao với gạo nếp), Phục-linh 1 dồng, Trạch-tả 6 phân (tẩm muối sao, Ngưu-tất 6 phân, Mạch-môn 1 dồng (sao), Phá-cố 5 phân (sao), Trầm-hương 2 phân (mài riêng ra sắc thuốc xong rồi mấy cho vào sau.

通關交泰湯

Thông - quan - giao - thái thang

熟地三リ (浸沉香飯上蒸) 山茱九分九厘酒炒
淮山一リ八分糯米炒 茯苓五分 牡丹九分酒炒
澤左六分盐炒 麥門一リ炒 牛必六分
製附二分 肉桂三分磨 沉香二分磨

Thục-địa 3 đồng (tầm trầm-hương hấp cơm), Sơn-thù 9 phân 9 ly (tầm rượu sao), Hoài-sơn 1 đồng 8 phân (sao gạo nếp), Phục-linh 5 phân, mẫu-đơn 9 phân (tầm rượu sao), Trạch-tả 6 phân (tầm muối sao), Mạch-môn 1 đồng (sao vàng). Ngưu-tất 6 phân, Chế-phụ 2 phân, Nhục-quế 3 phân (mài), Trầm hương 2 phân (mài).

Quan đã khai rồi, ăn không nôn bỏ Quế-Phụ đi. Gia: Hồ-đào 8 phân, Phá-cố 8 phân (sao).

Uống luôn 10 thang.

神夢方
Thần - mộng phương

Lấy con dế có hai tay, độ 3, 4 con sao cháy, tán bột hòa rượu uống. Đi tiểu ngay lập tức.

轉胞法
Chuyển - bào pháp

Dùng Cam-toại 3 đồng (甘 遂 三 ﾘ)

Tán bột hòa nước đắp vào bên dưới rốn.

Lại dùng Thảo-tiết 3 đồng (草 節 三 ﾘ) Sắc nước uống. Uống rồi một chốc hơi thuốc đến dưới rốn, hai vị ấy phản nhau, cái bọc chuyền ngay, nước tiểu ra như suối thực là phép cứu cấp rất hay lắm.

小承氣湯
Tiểu - thừa - khí thang

厚樸六ﾘ姜炒　川大黄三ﾘ煨　枳實二ﾘ炒

Hậu-phác 6 đồng Đại-hoàng 3 đồng, Chỉ-thực 2 đồng.

備急丸
Bị cấp hoàn

巴豆去油　大黄煨　乾姜炒　木香　(各二ﾘ)

Ba-đậu, Đại-hoàng, Can-khương, Mộ-hương (đều 2 đồng).

Tán bột luyện mật, viên bằng hột đậu nhớn, mỗi bận uống 2 viên hòa nước

---

千金方
Thiên kim phương

猪脂 姜汁 (各二升)

Nước mỡ lợn, nước gừng đều 2 chén, đun nấu cạn non nửa thêm 1 chén rượu hòa vào chia ra làm 3, 4 bận mà uống.

痞滿
61. — Bĩ - mãn

Chứng bĩ-mãn là bụng tức đầy, trong bụng tức mà ngoài da không phềnh gọi là bĩ. Trong bụng đầy mà ngoài da phềnh gọi là mãn. Chứng này có hư thực, hai thứ không giống nhau.

Một thứ nhân sự ăn uống mà bụng đau tức đầy dùng bài *Đại-hòa-trung*, gia Thần-khúc 1 đồng; đau lắm dùng bài *Thần hương-tán*.

Một thứ chứng thực trệ phải xét xem lại ở đâu hóa ra tức đầy, bằng như ẩm thấp nhiều thì khí trệ dùng bài *Bình-vị-tán*, thang *Lương-phương-hậu-phác*, hoặc bài *Ngũ-linh-tán*. Nhược bằng hàn trệ mà tức đầy đau đớn dùng thang *Hậu-phác-ôn-trung*, bài *Hòa-vị-ẩm*. Nhược bằng dận dữ mà hóa ra tức đầy dùng bài *Giải-can-tiễn*. Nhược bằng đại-tiện bất thông mà tức đầy dùng thang *Hà-gian-hậu-phác*.

Một thứ chứng bĩ mãn thuộc về hư hàn, hoặc là truyện lo nghĩ, việc nhọc mệt, hoặc nhiều khi ăn uống thất thường hoặc uống nhầm thuốc công phạt hóa ra chứng hư bĩ hư mãn dùng thang *Tứ-quân-tử*, thang *Lý-trung*, thang *Quy-tỳ*, bài *Thánh-truật*. Nhược bằng tỳ thận hư hàn, hạ tiêu thường lạnh dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Lý-âm-tiễn*, lại còn một thứ âm hư huyết ít mà bụng cũng tức đầy lấy thuốc bổ huyết chữa bịnh đầy dùng thang *Tứ-vật*, bài *Thăng-thanh-giáng-trọc*.

良方厚樸湯
Lương - phương hậu - phác thang

厚樸八リ姜炒

Hậu-phác 8 đồng. (Sắc nước uống).

和胃飲
Hòa-vị ẩm

厚樸四リ姜炒　陳皮二リ炒　乾姜二リ炒
炙艸一リ

Hậu-phác 4 đồng, Trần-bì 2 đồng, Can-khương 2 đồng Chích-thảo 1 đồng.

厚樸温中湯
Hậu-phác ôn-trung thang

橘紅　茯苓　乾姜炒（各二リ）厚樸三リ姜炒
炙艸一リ　白豆蔻一リ　木香五分

Quất-hồng, Phục-linh, Can-khương (đều 2 đồng), Hậu-phác 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-đậu khấu 1 đồng, Mộc-hương 5 phân.

觧肝煎
Giải-can tiên

陳皮炒　法夏　茯苓　厚樸姜炒（各二リ）
蘇葉一リ　白芍一リ炒　砂仁七分

Trần-bì, Pháp-hạ, Phục linh, Hậu phác (đều 2 đồng), Tô-diệp 1 đồng, Bạch-thược 1 đồng, Sa-nhân 7 phân.

河間厚樸湯
Hà-gian hậu-phác thang

厚樸三リ姜炒　白朮二リ土炒　法夏二リ
陳皮二リ炒　枳壳一リ炒　生草七分
加　川大黄一リ

Hậu-phác 3 đồng Bạch-truật 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Sinh-thảo 7 phân
Gia Đại-hoàng 1 đồng.

升清降濁方

Thăng - thanh giáng - trọc phương

肉蓯蓉五リ製　党参三リ姜炒　茯苓二リ
白芍二リ炒　澤左一リ炒　吳茱八分酒炒
升麻一リ半　沉香三分磨　葛根一リ

Nhục-thong-dong 5 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Phục-linh 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Trạch-tả 1 đồng, Ngô-thù 8 phân Thăng-ma 1 đồng rưỡi, Trầm-hương 3 phân, Cát-căn 1 đồng.

Đại-hòa-trung, Bình-vị-tán đều ở số 18 Thực-quyết.

Thần-hương tán ở số 46 Ẩm-thực.

Ngũ-linh-tán ở số 8 Thương-thấp.

Nhị trần-thang ở số 28 Đàm-ẩm.

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ, Bát vị-hoàn đều ở số 10 Chư-hư-chứng.

Lý-trung-thang, Lý-âm-tiên đều ở số 3 Thương hàn.

Thánh-truật-tiên ở số 51 Thôn-toan.

Tứ-vật-thang ở số 1 Nội-thương.

積聚

62 — Tích - tụ

Tích-tụ là bịnh hòn. Trong pho Nạn-kinh nói rằng: «chứng ngũ tích ở ngũ tạng sinh ra, buồng gan gọi rằng phì khí ở dưới vạng sườn tay trái; quả tim gọi rằng: phục lương phát ở trên rốn; lá lách gọi rằng: bĩ khí ở chỗ vị oản; buồng phổi gọi rằng: bí tức ở dưới vạng sườn bên phải; bồ dục gọi rằng bôn đồn phát ở bụng dưới».

Chứng lục tụ ở trong lục phủ sinh ra Chứng tích là dần dà mới thành, rắn chắc mà không di dịch.

Bịnh tụ là tạm hợp hoặc tụ hoặc tán.

Chứng tích thuộc về huyết phận, có hình thời khó tiêu.

Bịnh tụ thuộc về khí phận không hình thời rễ tan.

Chứng này bởi vì khí huyết đều hư, gió lạnh cảm ở ngoài, ăn uống tích trệ ở trong, đờm rãi ngưng kết lâu mà thành bịnh : chưng, hà, bĩ, tích bốn chứng.

Bịnh chưng là bụng có hòn, sờ thấy rắn như hình con trai ở trong thịt nguyên một chỗ không di dịch, thường khi trên ngực tức đầy, ăn uống không hạ lợm dọng nôn mửa.

Bịnh hà bụng cũng có hòn như là vật giả không thật, lúc có lúc không, trong ngực thường tức đầy mà đau dẫn xuống bụng dưới, hoặc lại đau xông lên quả tim không có sự lợm nôn gì.

Chứng bĩ là tức bụng hiện ra ở ngoài, da thời dầy, bụng, rốn thời to, thỉnh thoảng vẫn đau nhoi nhói, mặt thời vàng người thì gầy.

Chứng tích là có tích kết tụ ẩn ở trong thường hay đi rửa luôn luôn tựa như đi ly mà không phải ly, như có giun quấy mà không phải giun, hoặc hạ máu tươi, trong bụng thường đau âm ỷ. Đại khái chữa bịnh này tích ở trong tràng vị thời dễ tiêu, tích ở ngoài mạng mỡ thời khó tan phép chữa chỉ có công, tiêu, bổ, tán 4 thứ mà thôi.

Một thứ bịnh hòn rắn chắc mà người khỏe, khí thực phải dùng công phạt chữa cho chóng như bài : *Bí-phương-hóa trệ, Hóa-thiết-đan*, hai bài này là công phạt nặng lắm. Còn như là bài *Tam-lăng-hoàn, Trợ-khí-hoàn* hai bài này là công phạt vừa vừa.

Như người yếu đuối khí hư không dám công kích phải dùng ôn bổ, mà dán phục thuốc tiêu đạo như bài: *Hòa-trung-hoàn, Đại-hòa-trung-ẩm*. Các bài thuốc bổ như muốn bổ tỳ vị dùng bài *Ôn-vị-ẩm, Dưỡng-trung-tiễn*.

Một thứ bổ can thận dùng bài *Lý-âm-tiễn, Thận-khí-hoàn*.

Một thứ bịnh hòn khí tụ không có hình p ải dùng tán mới khỏi như phương *Bài-khí-ẩm, Thập-hương-hoàn*.

Một thứ bịnh hòn rắn chắc ở trong da thịt phải dùng nội ẩm ngoại dồ thời mới chóng khỏi dùng *Hổ-phách-cao*, hoặc *Tam-thánh-cao*.

列 方
Liệt các bài thuốc

化滯丸
Hóa trệ hoàn

木香 丁香 靑皮炒 橘紅 黄連 (各二リ半)
三棱五リ醋炒 莪朮五リ醋炒 法夏三リ (八味共研)
巴豆六リ醋爽炒 烏梅肉五リ焙乾

Mộc-hương, Đinh-hương, Thanh-bì, Quất-hồng, Hoàng-liên (đều 2 đồng rưỡi), Tam-lăng 5 đồng, Nga-truật 5 đồng, Pháp hạ 3 đồng, (tám vị cùng tán bột), Ba-đậu-nhân 6 đồng (tầm giấm-thanh đun cạn khô tán bột), Thịt Ô-mai 5 đồng.

Sao khô tán bột hòa giấm-thanh nấu thành cao cho tất cả thuốc bột vào, thêm hồ luyện làm viên bằng hột lú-bú; người khỏe uống 10 viên, người yếu, trẻ con uống 5 viên.

化鉄丹
Hóa thiết đan

烏梅八果 巴豆十六粒 川椒四十八粒 靑皮炒
丁香 木香 (各五リ)

Ô-mai 8 quả, Ba-đậu 16 hột Xuyên-tiêu 48 hột, Thanh-bì, Đinh-hương, Mộc-hương (đều 5 đồng).

Cùng tán bột tầm giấm-thanh luyện hồ viên bằng hột gạo; người khỏe uống 5 phân, người yếu, trẻ con uống 3 phân.

三棱丸
Tam lăng hoàn

陳米一両 巴豆五粒

Trần-mễ 1 lạng, Ba-đậu 5 hột cùng sao cháy bỏ ba-đậu đi,

陳皮炒 三棱醋炒 沙仁炒 麥芽炒 黑木香 (各二リ)

Trần-bì Tam-lăng, Sa-nhân, Mạch-nha Mộc-hương (đều 2 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

助氣丸

Trợ-khí hoàn

三棱一両醋炒 莪朮一両醋炒 青皮炒 橘紅 白朮土炒（各五ゾ） 木香 檳榔 枳殼炒（各三ゾ）

Tam-lăng 1 lạng, Nga-truật 1 lạng, Thanh bì, Quất-hồng, Bạch-truật (đều 5 đồng), Mộc-hương, Binh-lang, Chỉ-xác (đều 3 đồng).

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

和中丸

Hòa-trung hoàn

白朮二両四ゾ土炒 厚樸二両姜炒 陳皮一両半炒 法夏一両 兵榔五ゾ 枳實五ゾ炒 炙草四ゾ 木香三ゾ

Bạch-truật 2 lạng 4 đồng, Hậu phác 2 lạng, Trần-bì 1 lạng rưỡi, Pháp-hạ 1 lạng, Binh-lang 5 đồng, Chỉ-thực 5 đồng, Chích-thảo 4 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột quấy hồ nước gừng viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Đại-hòa-trung-ẩm ở số 1 NỘI THƯƠNG.
Ôn-vị-ẩm ở ố 5 TRÚNG-HÀN.
Dưỡng-trung tiễn ở số 10 CHƯ HƯ CHỨNG.
Lý-âm-tiễn ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Bài-khí-ẩm ở số 13 KHÍ-QUYẾT

腎氣丸

Thận-khí hoàn

即六味丸 加 破故二ゾ炒

Là bài Lục vị-hoàn gia Phá-cố 2 đồng.

十香丸

Thập hương hoàn

木香 沈香 丁香 小茴 香附 陳皮炒 澤左炒
烏藥 皂角燒 荔核炒 (各五リ)

Mộc-hương Trầm-hương Đinh-hương, Tiểu-hồi, Hương-phụ, Trần-bì, Trạch-tả, Ô-dược, Lệ hạch (đều 5 đồng).

Tán bột quấy hồ bằng rượu, luyện làm viên, mỗi bận uống 2 đồng

---

琥珀膏

Hổ-phách cao

琥珀一刄 丁香 桂心 硃砂 木香 松香 (各五リ)
白芷 防風 當歸 木鱉 木通 (各一刄)
麻油二斤

Hổ-phách 1 lạng, Đinh-hương, Quế-tâm, Chu-sa, Mộc-hương, Tòng-hương, (đều 5 đồng), Bạch-chỉ, Phòng-phong, Đương-quy, Mộc-biết, Mộc-thông (đều 1 lạng), Dầu-vừng 2 cân.

Đem Hổ-phách, Chu-sa, Tòng-hương cùng tán bột để riêng ra. Còn tám vị kia thái nhỏ bỏ vào nồi đồng đun lẫn với dầu vừng, khi thuốc đen thì vớt bỏ ra, lấy vải lọc cho sạch bỏ hoàng-đơn độ hơn 10 lạng, lấy đũa sắt quấy vừa thời thôi như đồng phải cho thêm hoàng-đơn lại cho 3 vị thuốc bột trước vào, quấy thành cao.

三聖膏

Tam-thánh cao

石灰二刄 肉桂二刄六リ 川大黃四リ生用

Thạch-hôi 2 lạng, Nhục-quế 2 lạng 6 đồng, Đại-hoàng 4 đồng.

Trước đem thạch-hôi tán bột sao đỏ, cho giấm-thanh vào nấu thành cao. Đại-hoàng, nhục-quế tán bột rắc vào quấy cho đều mà giản, giản rồi lấy hòn lốc đốt nóng thỉnh thoảng chườm vào cho chóng tan.

水 腫

63. — Thủy-sủng

Chứng thủy-sủng là bịnh phù nước, bịnh này thuộc âm, tính âm chậm chạp cho nên bịnh lên dần dần, thân thể chân tay đều sủng, mà sủng có phân địa giới, ấn vào thịt như bùn mà lõm xuống bởi vì tỳ thổ hư không chế được thủy cho nên thận thủy đầy rẫy khắp cả tam-tiêu ủng tắc mạch máu, phế khí cũng hư nên nước tiểu ít mà vàng; bịnh này thuộc cả 3 kinh tỳ, phế, thận, phải xét hình thể người bịnh khỏe yếu thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ bịnh phù hình thể khỏe mạnh và tuổi còn trẻ nên dùng tiêu đạo như bài *Ngũ-bì-tán*, *Vị-linh-thang* và bài *Trầm-hương-hổ-phách*, bằng có tức đau, đại-tiện táo kết phải cho thuốc hạ như dùng bài *Xích-kim-đậu*, *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ bịnh phù mà người yếu đuối và đã có tuổi nên lấy bổ làm tiêu dùng *Kim-quỹ-thận-khí* dán phục với thang *Quy-tỳ*, hoặc là thang *Bổ-trung* gia Xích-linh, Hậu-phác, La-bặc, Chỉ-thực (đều 2 đồng).

赤苓 厚樸 羅蔔 枳實 (各二り)

Một thứ người bản tạng nhiệt đa hỏa mà phát ra bịnh phù thường vẫn khát nước muốn mát, mặt thời đỏ đại-tiện thì táo hoặc có ho thở, hoặc đầu mặt đều sủng, mạch thời hoạt thực chạy khỏe là chứng thấp nhiệt dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bội Phục-linh, Trạch-tả. Gia Xa-tiền, Ngưu-tất. Nhược bằng nóng lắm dùng bài *Gia-dảm-nhất-âm* cũng gia Phục-linh, Trạch-tả, Xa-tiền; nhược bằng bình sinh không ưa thục-địa lấy sinh-địa thay vào.

Một thứ người ít tuổi uống rượu nhiều quá hóa ra bịnh phù, mạch chạy có sức, nguyên khí còn vượng, chữa nên dùng bổ phải cho tiêu di dùng bài *Vũ-công-tán*, *Đạo-thủy-hoàn*, *Tuấn-xuyên-tán*.

Một thứ bịnh phù bởi tại hai kinh: tỳ, phế hư tổn, ăn uống không ngon, đại-tiện không lành, tiểu-tiện không lợi, dùng thang *Tứ-quân-tử*, thang *Bổ-trung*, thang *Quy-tỳ* gia những vị lợi tiểu như: Chư-linh, Trạch-tả, Xa-tiền, Xích-linh.

猪苓 · 澤左炒 車前炒 赤苓

Bịnh phù các chứng nguy:

Mình nóng như lửa. Nóng lạnh như sốt rét, mồm môi đen sám, mỏ ác đầy phẳng, rốn to lồi lên, gan bàn chân bàn tay đều phẳng, đại-tiện đường tiết, ngọc-hành sưng to, đầu gối to bằng cái đấu. Nam kỵ túc là mai bàn chân sũng, nữ kỵ mục ở dưới mắt ngọa tàm sũng; trước khởi ở bụng sau chạy ra chân tay thời rễ chữa, trước khởi sũng ở chân tay sau chạy vào bụng gọi rằng: tứ chi quy phúc thời khó chữa.

列 方

Liệt các bài thuốc

五皮散

Ngũ-bì tán

陳皮炒　茯苓皮　大腹皮炒　薑皮

桑白皮炒（各二ソ）

Trần-bì, Phục-linh-bì, Đại-phúc-bì (là bẹ mèo cau), Khương-bì, Tang-bạch-bì (đều 2 đồng).

Vị-linh thang ở số 46 ẨM-THỰC.

Quy tỳ-thang, Lục-vị hoàn, Tứ-quân tử, Bổ trung-ích-khí, Gia-dảm-nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

沉香琥珀丸

Trầm-hương hổ-phách hoàn

沉香五ソ　郁李仁五ソ　亭藶五ソ炒

橘紅二ソ半　防已二ソ半　琥珀　杏仁

紫蘇　赤苓　澤左（各二ソ）

Trầm-hương 5 đồng, Úc-lý-nhân 5 đồng, Đình-lịch 5 đồng, Quất-hồng 2 đồng rưỡi, Phòng-kỷ 2 đồng rưỡi, Hổ-phách, Hạnh-nhân, Tử tô, Xích-linh, Trạch-tả (đều 2 đồng).

Tán bột luyện mật viên, xạ-hương làm áo, mỗi bận uống 2 đồng, sắc dương-sâm làm thang.

赤 金 豆
Xích - kim - đậu

巴豆一ヲ半去油 生附子二ヲ 皂角二ヲ炒焦
輕粉一ヲ 丁香 天竺黄 木香（各三ヲ）

Ba-đậu 1 đồng rưỡi, Sinh-phụ-tử 3 đồng, Tạo-dác 2 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Đinh-hương, Thiên-trúc-hoàng, Mộc-hương (đều 3 đồng).

Tán bột tầm giấm-thanh luyện hồ rồi viên bằng hột thóc. Chu-sa 2 đồng （朱砂二ヲ）

Tán bột làm áo, mỗi bận uống 5 viên. Muốn chóng uống nhiều hơn, nhược bằng đi rửa không chỉ, phải uống 1 hụm nước lã thì chỉ.

百 順 丸
Bách - thuận hoàn

川大黄四ヲ煨 皂角四ヲ炒焦

Xuyên-đại-hoàng 4 đồng, Tạo-dác 4 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

金 匱 腎 氣 丸
Kim - quỹ - thận - khí hoàn

熟地六ヲ 淮山四ヲ炒 赤苓四ヲ 牡丹一ヲ半炒
澤左三ヲ盬炒 車前二ヲ炒 牛必二ヲ
肉桂一ヲ磨 製附五分

Thục địa 6 đồng, Hoài-sơn 4 đồng, Xích-linh 4 đồng, Mẫu-đơn 1 đồng rưỡi, Trạch-tả 3 đồng, Xa-tiền 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 1 đồng, Chế-phụ 5 phân. (bỏ sơn-thù đi).

禹 功 散
Vũ - công tán

黒丑二両炒 小茴五ヲ炒 木香三ヲ

Hắc-sửu 2 lạng, Tiểu-hồi 5 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng.

導水丸

Đạo-thủy hoàn

川大黃二𠀧煨　黄芩二𠀧酒炒　活石四𠀧
黑丑四𠀧

Đại-hoàng 2 lạng, Hoàng-cầm 2 lạng. Hoạt-thạch 4 lạng, Hắc-sửu 4 lạng.

Tán bột luyện hồ viên mỗi bận uống 3 đồng.

濬川散

Tuấn-xuyên tán

甘遂二リ煨　郁李仁一リ　川大黃三リ煨
黑丑三リ炒　芒硝二リ

Cam-toại 2 đồng, Úc-lý-nhân 1 đồng, Đại-hoàng 3 đồng, Hắc-sửu 3 đồng, Mang-tiêu 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 1 đồng.

簡易方

Giản dị phương

Dùng thổ cẩu là con dế có 2 tay độ 6, 7 con sao khô tán bột uống 1 đồng hòa với rượu. Hoặc dùng điền-loa là con ốc nhồi 1 rổ, dựng vào chậu đổ đầy nước thêm 1 chén dầu vừng thì ốc nhả nhiều rãi; vớt lấy rãi phơi khô tán bột hòa rượu uống 3 phân.

又方

Lại bài nữa

Nhái-xanh 2 con, con giế có hai tay 7 con vỏ quả bầu-khô 5 đồng. Đều sấy khô cùng tán bột. mỗi bận uống 2 đồng Thang bằng rượu.

氣腫

64. — Khí-sũng

Chứng khí-sũng là bịnh phù hơi bịnh này thuộc dương, tính dương nhanh chóng vậy nên bịnh phát lên mau chân tay đều sũng, hoặc liền cả ngực sườn, hoặc suốt cả thân thể, hoặc dau vào trong tạng phủ, ấn vào da như bong-bóng, ấn xuống lại lên, bởi vì khí huyết chẳng hòa ăn uống ngưng trệ, ngoài thời mưa gió chẳng thuận, nóng lạnh trái tiết, cho nên hóa ra bịnh sũng, phải xét hư thực thế nào mà chữa; như tiểu-tiện vàng đỏ, đại-tiện táo kết, người mạnh khỏe, hoặc ít tuổi mạch thời hoạt, chạy có sức là nhiều phần thực. Như nước tiểu trong, đại-tiện lỏng, người thời yếu đã có tuổi mạch chạy chậm là nhiều phần hư.

Một thứ ăn uống tích trệ mà phù sũng dùng bài *Khuếch-thanh-ầm*, như có đau bụng dùng phương *Bài-khí-ầm*, *Thần hương-tán*, hoặc có tức dầy, bụng rắn mà đau dùng thang *Đại-thừa-khí*, *Bách-thuận-hoàn* cho hạ đi, bằng như khí tức ở trong mà ngoài cũng dầy, dùng củ-tỏi nướng qua, chấm muối thường ăn cơm thời khỏi. Nhược bằng khí chướng mà tiểu-tiện không lợi dùng bài *Ngũ-linh-tán*, lấy mấy củ-tỏi nướng qua luyện làm viên mà uống.

Một thứ con tỳ vị hư hàn, ăn uống chậm tiêu mà dầy bụng dùng *Lý-trung-thang*, *Ôn-vị-ầm*. *Ngũ quân-tử*. Nhược bằng hạ-tiêu hư hàn không hay vận hóa dùng bài *Lý-âm-tiễn*, bài *Kim-quỹ-thận-khí*.

Một thứ nhân ngoại cảm gió độc mà tự nhiên hóa bịnh sũng dùng bài *Chính-sài-hồ* bài *Bại-độc-tán*. Nhược bằng nhân gió mà lửa bốc lên trong ngoài đều nóng dùng bài *Thược dược-thanh-can*, hoặc bài *Long-đảm-tả-can*.

Nhược bằng nóng chạy vào trong mà khát nước, uống nhiều dùng thang *Bạch-hổ*, bằng như tức dầy nóng quá không thấy lui dùng thang *Đại-thừa-khí*, bài *Bách-thuận-hoàn* cho hạ đi.

———

列方

Liệt các bài thuốc

廓清飲

Khuếch-thanh ẩm

茯苓三ㄌ　澤左三ㄌ炒　白芥子二ㄌ炒
腹皮二ㄌ　枳殼二ㄌ炒　厚樸一ㄌ半
萊菔一ㄌ炒　陳皮一ㄌ炒

Phục-linh 3 đồng, Trạch-tả 3 đồng, Bạch-giới-tử 2 đồng, Phúc-bì 2 đồng, Chỉ-xác 2 đồng, Hậu-phác 1 đồng rưỡi, La-bặc 1 đồng, Trần-bì 1 đồng.

Bài-khí-ẩm ở số 13 KHI-QUYẾT

Thần-hương tán ở số 46 ẨM-THỰC.

Đại-thừa-khí. Lý-âm-tiên, Lý-trung thang Bạch-hổ-thang đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Ngũ-quân tử ở số 26 HÀN-NHIỆT.

Kim-quỹ-thận-khí ở số 63 THỦY-SŨNG.

正柴胡飲

Chính-sài-hồ ẩm

柴胡二ㄌ　白芍三ㄌ　防風一ㄌ　陳皮一ㄌ炒
炙草一ㄌ　生姜五片

Sài-hồ 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

敗毒散

Bại - độc tán

党参姜炒　茯苓　川芎　柴胡　前胡　姜活
獨活　枳壳炒　桔更　生草（各三ｿ）

Đảng-sâm, Phục-linh, Xuyên-khung, Sài-hồ, Tiền-hồ, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Chỉ-xác, Kết-cánh, Sinh-thảo (đều 3 đồng).

Tán bột, mỗi bận uống 2 đồng, thang bằng nước gừng.

芍藥清肝湯

Thược - dược thanh - can tán

白朮土炒　川芎　防風　姜活　桔更　滑石
石羔煆　芒硝（各六分）　黃芩炒　荷荷　荆芥
前胡　灸艸　白芍（各三分）　川大黃八分煨
柴胡四分　知母四分　梔子四分炒黑

Bạch-truật, Xuyên-khung, Phòng-phong Khương-hoạt Kết-cánh, Hoạt - thạch Thạch - cao, Mang-tiêu (đều 6 phân), Hoàng-cầm, Bạc-hà, Kinh-giới, Tiền-hồ, Chích-thảo, Bạch-thược (đều 3 phân), Xuyên-đại-hoàng 8 phân, Sài-hồ 4 phân Tri-mẫu 4 phân, Chi-tử 4 phân.

七味龍膽瀉肝湯

Thất vị long - đảm - tả - can thang

柴胡　澤左炒　車前炒　木通　龍胆
歸尾　生地（各二ｿ）

Sài-hồ, Trạch-tả, Xa-tiền, Mộc-thông, Long-đảm, Quy-vĩ, Sinh-địa (đều 2 đồng).

Bách-thuận-hoàn ở số 62 Tích-tụ

Hựu giản phương

La-bặc 1 lạng tán nhỏ hòa nước, vắt lấy nước; lấy sa-nhân 1 lạng tẩm một đêm, rồi sao khô như thế 7 bận, rồi tán bột uống 1 đồng hòa nước cơm.

鼓脹

65. — Cổ-chướng

Bịnh cổ thời mặt, mũi, chân, tay không sũng, chỉ có bụng to như cái trống, bởi vì nguyên khí đại hư, tỳ vị tổn thương quá lắm, hoặc bịnh phù sũng không khỏi thu vào trong bụng. Pho nội-kinh nói rằng: «đất phẳng thành ruộng nương, bất cập thành hồ ao, thái quá thành gò đống», người đời xưa nói: phong, lao, cổ, cách tứ chứng nan y, thật là chứng ấy rất khó chữa, trị bịnh này nên bồi bổ khí huyết, điều hòa tỳ vị làm chủ, nhược bằng dùng thuốc công phạt mà không giữ lấy nguyên khí thời không cứu được.

Một thứ tỳ âm huyết hư thời ít ngủ mà đại tiện táo dùng phương *Bổ-tỳ-âm*, gián phục bài *Bát-vị-hoàn*.

Một thứ vị dương khí kém ít thời ăn uống không tiêu mà đại-tiện đường tiết dùng thang *Gia-dảm-lục-quân*, gián phục với thang *Quy-tỳ*.

補脾陰方

Bổ-tỳ-âm phương

熟地八刃 冬朮一斤土炒 洋参四刃姜炒 乾姜二刃炒

Thục-địa 8 lạng, Đông-truật 1 cân Dương-sâm 4 lạng, Can-khương 2 lạng.

Thái nhỏ bỏ vào nồi sắc 3 nước cách thủy đúc thành cao mỗi bận uống 1, 2 thìa. Sắc hạt sen làm thang mỗi ngày uống 3 bận

---

加減六君湯

Gia dảm lục-quân thang

洋参三リ姜炒 冬朮二リ土炒 茯苓三リ
炙草 陳皮炒 厚樸炒 蘇梗 各一リ
白豆蔻一リ 大棗一枚 生姜五片

Dương-sâm 3 đồng, Đông truật 2 đồng. Phục-linh 3 đồng, Chích-thảo, Trần bì, Hậu-phác, Tô ngạnh (đều 1 đồng), Bạch-đậu-khấu 1 đồng Đại-táo 1 quả Sinh-khương 5 nhát.

簡易方

Giản dị phương

Kê-thỉ-lễ là cứt gà trắng khô 1 lẻ sao vàng đựng vào túi, lấy rượu sắc uống 3 chén.

又傳方

Hựu truyền phương

Vỏ quả bầu mới mà khô thái nhỏ, 1 lẻ là 3 bát nước sắc uống, thêm nửa chén rượu. Uống luôn 7 ngày,

---

氣皷方

Khí-cổ phương

La-bặc-tử 5 đồng dâm nhỏ hòa nước, vắt lấy nước, dùng Sa-nhân 1 lạng tầm 1 đêm sao khô như thế 7 bận, tán bột mỗi bận uống 1 đồng, thang bằng nước cơm.

水皷方

Thủy-cổ phương

Nhái-xanh 2 con, thổ-cẩu là con dế có 2 tay lấy 7 con, vỏ quả bầu khô mới, sấy khô 5 đồng, cùng tán bột, mỗi bận uống 2 đồng thang bằng rượu.

Quy-tỳ-thang, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

黄疸

66. — Hoàng-đản

Chứng hoàng-đản là da vàng, bủng như thị dụng. Trong sách có chia làm 5 thứ :

Một thứ là suốt người cả trong con mắt cũng vàng như nghệ, nước tiểu cũng vàng gọi là hoàng-đản.

Một thứ bồ-hôi vàng thấm ra áo như ruộm nghệ gọi là hãn-đản.

Một thứ ăn uống thương tỳ mà vàng gọi là cốc-đản.

Một thứ uống rượu thương thấp mà vàng gọi là tửu-đản;
Một thứ dâm dục thương âm mà vàng gọi là sắc-đản.

Gồm 5 thứ đản ấy chẳng qua âm dương, biểu, tà, táng, đảm bốn chứng mà thôi phải chia ra mà dùng thuốc.

Một thứ chứng dương đản bởi nhân thấp nhiệt thời mình nóng, khát nước, ăn nhiều đói luôn, nước tiểu ít mà đỏ, đại-tiện táo kết, mạch thời hồng xác có sức, nhiệt vừa dùng bài *Nhân-trần-ẩm*, *Đại-phân-thanh*, *Chi-tử-nghiệt-bì*, nóng lắm thời dùng bài *Nhân-trần-hao*, bài *Chi-tử-đại-hoàng*.

Một thứ chứng âm đản bởi vì khí huyết hư, hoặc có sự thất tình thương ngũ tạng, hoặc có việc khó nhọc thương hình thể mạch thời trầm trì, chạy yếu phải dùng thuốc bổ tỳ thận, bổ khí huyết. Khí huyết sung túc thời sắc vàng nhạt dần mà khỏi, như tỳ hư dùng thang *Ngũ-quân-tử*, bài *Thọ-tỳ-tiên*, bài *Ôn-vị-ẩm*, như thận hư dùng *Thận-khí-hoàn*, *Bát-vị-hoàn*, *Lý-âm-tiên*, *Hữu-quy-ẩm*, *Lục-vị hồi-dương*. Nhược bằng có kiêm hàn thấp dùng bài *Ngũ-linh-tán*, bài *Nhân-trần-ngũ-linh-tán*, để dần phục các bài ôn bổ.

Một thứ chứng thương hàn phát hoàng mà nóng sốt chưa khỏi, dùng thang *Sài-linh*, bài *Quế-chi-gia-hoàng-kỳ*, bài *Nhân-trần-ngũ-linh*. Nhược bằng trong bụng nóng lắm dùng bài *Nhất-sài-hồ*, hoặc bài *Sài-cầm-tiễn*.

Một thứ kinh khủng phát hoàng ắt là sợ hãi mất mật thời quả tim trái cật đều bị thương phải dùng thuốc đại bổ như bài *Đại-bổ-nguyên*, *Thất-phúc-ẩm*, *Lục-vị-hồi-dương*, lại thêm những vị an thần là: Chu-sa 5 phân, Thần-sa 5 phân, liễm khi dùng Phá-cố 1 đồng, Ngũ-vị 15 hột, lại phải khai đạo những sự lợi hại để cho giải những việc nghi hoặc, ngờ vực.

列方

Liệt các bài thuốc

Nhân-trần-ẩm, Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Đại-bổ-nguyên, Ngũ-quân tử, Thất-phúc-ẩm, Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-ẩm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Nhất-sài-hồ, Lý-âm-tiên, Lục-vị-hồi dương đều ở số 3 THƯƠNG HÀN.

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Thận-khí-hoàn ở số 62 TÍCH-TỤ.

梔子蘗皮湯
Chi-tử nghiệt-bì thang

梔子五リ炒黑 黄伯二両炙 生草一両
Chi-tử 5 đồng. Hoàng-bá 2 lạng. Sinh-thảo 1 lạng.

茵陳蒿湯
Nhân-trần-hao thang

茵陳九リ 川大黄三リ煨 梔子二リ炒黑
Nhân-trần 9 đồng Đại-hoàng 3 đồng. Chi-tử 2 đồng.

梔子大黄湯
Chi-tử đại hoàng thang

梔子五リ炒黑 川大黄五リ煨 枳實二リ炒
豆豉五リ炒
Chi-tử 5 đồng, Đại-hoàng 5 đồng, Chỉ-thực 2 đồng, Đậu-xị 5 đồng.

壽脾煎
Thọ-tỳ tiên

党参三リ姜炒 白朮土炒 當歸 淮山炒
棗仁炒黑（各二リ） 乾姜一リ炒 炙草一リ
遠志一リ製 蓮肉十粒炒 大棗二枚 生姜五片
Đảng-sâm 3 đồng, Bạch-truật, Đương-quy, Hoài-sơn, Tảo-nhân (đều 2 đồng), Can-khương 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Viễn-chí 1 đồng, Liên-nhục 10 hột, Đại-táo 2 quả, Sinh-khương 5 nhát.

因陳五苓散
Nhân-trần ngũ-linh tán

因陳一両散末 五苓散五リ
Nhân-trần 1 lạng (tán bột), bài Ngũ-linh-tán 5 đồng.
Hòa lẫn uống 2 đồng.

桂枝加黃芪湯
Quế-chi gia hoàng-kỳ thang

桂枝二リ　白芍二リ　黃芪二リ炙　炙草一リ
生姜一リ　大棗二枚

Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Sinh-khương 1 đồng Đại-tảo 2 quả.

柴苓飲
Sài-linh ẩm

澤瀉三リ炒　柴胡　猪苓　茯苓　白朮土炒
(各二リ)　肉桂一リ磨

Trạch-tả 3 đồng, Sài-hồ, Chư-linh Phục-linh, Bạch truật (đều 2 đồng), Nhục quế 1 đồng.

柴芩煎
Sài-cầm tiên

柴胡　黃芩炒　澤瀉炒　白朮土炒　梔子炒黑
(各二リ)　枳殼一リ炒

Sài-hồ, Hoàng-cầm, Trạch-tả Bạch truật. Chi-tử (đều 2 đồng), Chỉ xác 1 đồng.

驗方
Nghiệm phương

Trị chứng âm-đản dùng giấy rơm lấy quản bút to quấn 3 lần, làm cái ống dài 3 tấc một đầu bịt kín, lấy sáp nguyên nấu cho chẩy ra, phiết vào chung quanh cái ống, khiến người bịnh nằm ngửa đem cái ống úp vào rốn lại lấy bột hòa nước luyện cho giẻo nặn làm cái khuyên, để giữ lấy chân ống cho khỏi đổ và cho khỏi hở hơi ra, châm lửa đốt đầu ống, cháy đến gần hết thời bỏ ra lại thay đốt ống khác xem trong rốn có nước vàng sẽ lấy giấy mà thấm đi, bịnh nhẹ lấy 7, 8 ống, bịnh nặng đốt vài chục ống, ngày đốt hai lần, lấy hết nước vàng trong rốn mới thôi, 3 ngày thì khỏi thực là tiên phương.

Trị chứng dương-đản dùng Mãn thiên-tinh 1 nắm cả rễ, lá thời nhỏ mà bóng hay mọc ở chậu cây hoặc dưới thềm nhà, là cây cóc-mẵn, đem rửa sạch giã nhỏ nấu canh thịt lợn độ 2 lạng mà ăn, ăn hai ba bận thời khỏi, rất là thần hiệu lắm

---

眩暈

67 — Huyễn-vựng

Chứng huyễn-vựng là sâm tối mặt quay chuyền. Pho nội-kinh nói: khí trên không đủ, mắt hóa ra mờ, tai hóa ra ù, đầu hóa ra nghiêng, người ta khi đứng ngồi tự nhiên sâm tối mặt mà quay chuyền bởi vì gió hay quạt lửa, lửa động sinh đờm thực là bịnh âm hư huyết thiếu. Trị bịnh này tâm can huyết hư dùng bài *Nhân-sâm-dưỡng-vinh*, thang *Quy-tỳ*, *Đại-doanh-tiên*, *Tiểu-doanh-tiên* Thận thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn Tả-quy-ẩm*. Nhược bằng chân hỏa hư dùng bài *Bát-vị-hoàn*, *Hữu-quy-ẩm* đều là phép vương-đạo trị chứng huyễn vựng đó vậy.

Một thứ huyễn-vựng nặng quá không ngồi lên được, dùng Đại-hoàng 1, 2 đồng tẩm rượu sao, tán bột hòa nước sôi uống thời khỏi ngay.

人參養榮湯

Nhân-sâm-dưỡng-vinh thang

熟地六リ	党參三リ姜炒	黄芪二リ灸
當歸二リ	白朮二リ土炒	白芍二リ炒
茯苓二リ	陳皮一リ炒	炙草一リ
桂心一リ	遠志一リ製	五味十粒炒

Thục-địa 6 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Hoàng-kỳ 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Bạch-truật 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Trần-bì 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Quế-tâm 1 đồng, Viễn-chí 1 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

Còn bầy bài nữa đều ở số 10 Chư-hư-chứng.

虛煩
68. — Hư-phiền

Chứng hư phiền là trong bụng bồn chồn, tâm thần chẳng yên như có công việc rối rít, bởi vì tân-dịch khô ráo, hoặc là bịnh mới khỏi mà âm huyết chửa sung túc, trong bụng nóng mà sinh phiền muộn, phải dùng thuốc thanh nhiệt an tâm, tư âm bổ huyết, ninh tâm dùng *Viễn-chí-thang*, thanh nhiệt dùng *Nhị-âm-tiễn*, bổ huyết dùng *Tam-âm-tiễn*.

遠志湯
Viễn-chí thang

遠志一リ製　生草七分　當歸　黃芪炙
石斛　棗仁炒黑　沙參姜炒　茯神
麥門炒（各二リ）

熱多加：知母二リ　竹葉廿片

Viễn-chí 1 đồng, Sinh-thảo 7 phân, Đương-quy, Hoàng-kỳ, Thạch-hộc, Tảo-nhân, Sa-sâm, Phục-thần, Mạch-môn (đều 2 đồng).

Nóng lắm gia : Tri-mẫu 2 đồng, Trúc-diệp 20 lá.

Nhị-âm-tiễn, Tam-âm-tiễn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

不寐
69. — Bất-my

Chứng bất-my là không ngủ được, như mười hôm suốt đêm không ngủ, hoặc một tháng mỗi đêm chỉ ngủ 1, 2 giờ, hoặc là bịnh mới khỏi hình thể còn yếu, hoặc là nhiều tuổi âm hư đều thuộc chứng khuy tổn phải nên dùng thuốc bổ âm tinh làm chủ, bằng như có bịnh khác đau đớn mà không ngủ được phải theo chứng ấy mà chữa, hoặc trong bụng có nghĩ ngợi việc gì và buổi tối uống chè lạ thường dần-dọc mà không ngủ đều thuộc sự ngẫu nhiên.

養心湯

Dưỡng-tâm thang

熟地五リ　党参三リ姜炒　生地二リ　當歸二リ
麥門二リ炒　棗仁二リ炒黑　茯神二リ
炙草一リ　川黄連五分　栢子仁五分去油
蓮肉十粒炒　燈心十根

Thục-địa 5 đồng, Đảng-sâm 3 đồng, Sinh-địa 2 đồng, Đương-quy 2 đồng Mạch-môn 2 đồng, Tảo-nhân 2 đồng. Phục-thần 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Hoàng-liên 5 phân, Bách-tử-nhân 5 phân Liên nhục 10 hột. Đăng-tâm 10 sợi.

安神復睡湯

An thần phục-thụy thang

熟地六リ　淮山三リ炒　白芍二リ炒
當歸二リ　棗仁二リ炒黑　龍眼二リ
川芎五分　益智五分　遠志五分製

Thục-địa 6 đồng, Hoài-sơn 3 đồng. Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng. Tảo-nhân 2 đồng, Long-nhãn 2 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Ích-trí 5 phân, Viễn chí 5 phân

---

秘傳棗仁湯

Bí truyền tảo-nhân thang

棗仁炒黑　茯神　党参姜炒　黄芪炙
當歸　(各二リ)　茯苓一リ　炙草一リ
陳皮五分炒　遠志五分製　蓮肉十粒炒

Tảo-nhân, Phục thần, Đảng-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy (đều 2 đồng) Phục-linh 1 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Trần-bì 5 phân Viễn-chi 5 phân. Liên-nhục 10 hột.

Quy-tỳ-thang ở số 10 Chư hư-chứng. (Bỏ vị mộc-hương đi, gia thục-địa 5 đồng).

健忘

70. — Kiện-vong

Chứng kiện-vong là vụt chốc quên mất, nghĩ mãi cũng không ra, thực là nói trước quên sau, bởi vì trong lòng hay lo nghĩ lắm cho nên thương tổn tâm tỳ, âm hư huyết ráo mà kém sự thông minh ; trong Nội-kinh nói : quả tim biết việc về sau, trái cật còn ghi truyện trước. Chứng kiện-vong này phải trách ở tâm thận dùng thuốc an thần bổ huyết như thang *Quy-tỳ*, bài *Thiên-vương bổ-tâm*, lại phải dùng thuốc an thần bổ huyết như bài *Lục-vị-hoàn*, *Tả-quy-ẩm* khiến âm tinh trên phụng dưỡng tâm quân thời trong lòng sáng suốt mà chẳng có quên sự gì cả

Lục vị-hoàn Tả-quy-ẩm, Quy tỳ-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Thiên-vương bổ-tâm ở số 1 NỘI THƯƠNG.

簡易方

Giản dị phương

孔聖桃中湯

Khổng-thánh chẩm-trung thang

龜板醋炙 遠志製 龍骨煅 石昌蒲 (各五リ)

Quy-bản, Viễn-chí, Long-cốt, Thạch-xương-bồ (đều 5 đồng).

Tán bột hòa rượu uống 1 đồng, 1 ngày uống 3 bận ; (sáng, trưa, tối).

開心散

Khai-tâm tán

石昌蒲一月 茯神一月 沙参五リ姜炒 遠志三リ製

Thạch xương-bồ 1 lạng, Phục-thần 1 lạng, Sa-sâm 5 đồng, Viễn chí 3 đồng.

Tán bột hòa nước gạo, rang cháy mỗi bận uống 1 đồng.

怔 忡

71. — Chinh-sung

Chứng chinh-sung là hoảng hốt bịnh tại quả tim cho nên hay thấy đánh trống ngực trong lòng sợ hãi chẳng lúc nào yên, hư vừa động ít hư lắm động nhiều ; bởi vì âm huyết khô ráo phải dùng thuốc bổ tinh huyết, nhược bằng bảo tại đàm hỏa mà dùng thuốc công phạt thời sinh ra các bịnh khác.

Một thứ tâm huyết hư dùng bài *Đại-doanh-tiên*, bài *Lý-âm-tiên* nhược bằng tâm thần chẳng yên dùng bài *Ninh-chí-cao*, *Viễn-chí-hoàn*

Một thứ thận thủy hư mà hoảng-hốt không khỏi dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-ẩm*, nhược bằng mệnh-môn hỏa suy dùng bài *Bát-vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-ẩm*. Bằng như phiền uất lo quá, bảo thương tâm huyết mà hoảng-hốt không khỏi dùng bài *Tiêu-dao-tán*, bài *Ích-doanh-thang*.

寧志膏

Ninh-chí cao

沙参五リ炒　棗仁五リ炒黑　硃砂五リ
乳香一リ

Sa-sâm 5 đồng, Tảo-nhân 5 đồng, Chu-sa 5 đồng, Nhũ-hương 1 đồng.

Tán bột luyện mật ong viên bằng hột nhãn, mỗi bận uống 2 viên, thang bằng bấc với hột sen sắc nước

益營煎

Ích-doanh tiên

沙參姜炒　當歸　黃芪炙　茯神（各二リ）
棗仁炒黑　紫石英煆　白芍炒　栢子仁去油
（各一リ）遠志製　木香　炙草（各五分）

Sa-sâm, Đương-quy, Hoàng-kỳ, Phục-thần (đều 2 đồng), Tảo-nhân, Tử-thạch-anh, Bạch-thược, Bách-tử-nhân (đều 1 đồng), Viễn-chí, Mộc-hương, Chích-thảo (đều 5 phân).

Lục-vị-hoàn, Tả-quy-ẩm, Bát vị-hoàn, Hữu quy-ẩm, Đại-doanh-tiên đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tiêu-dao-tán ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Viễn chí-hoàn ở số 22 TÀ-TÝ.

驚悸

72 — Kinh-quý

Chứng kinh-quý là khiếp sợ bởi can huyết hư không chứa được thần hồn, vậy nên khi ngủ hay có bóng đè, nhân sự sợ hãi mà thành bịnh như là có người đến bắt mình, run sợ chẳng yên phải dùng thuốc bổ huyết an thần, bằng như có đờm cũng phải tiêu đi mới k ỏi.

Một thứ sợ lắm thần hồn mê mẩn dùng bài *Thất-phúc-ẩm*. bài *Đại-bổ-nguyên*, bằng như hỏa t ịnh phiền táo chẳng yên dùng bài *Nhị-âm-tiên*, bài *G a-đảm-nhất-âm*. Nhược bằng huyết nhiệt mà hay sợ dùng bài *Chu-sa-an-thần*.

Một thứ đờm mê lấp quả tim hóa ra sợ dùng thang *Ôn-đảm*, hoặc bài *Phục-linh ẩm-tử*, như đờm nhiều quá dùng bài *Chu-sa-tiêu-đàm*.

列方

Liệt các bài thuốc

温胆湯

Ôn -đảm thang

枳實三リ炒　竹茹三リ　茯苓三リ　陳皮四リ炒

法夏二リ　炙草一リ

Chỉ-thực 3 đồng, Trúc-như 3 đồng. Phục-linh 3 đồng, Trần-bì 4 đồng, Pháp-hạ 2 đồng. Chích-thảo 1 đồng.

茯苓飲子
Phục - linh - ẩm - tử

陳皮炒 法夏 茯苓 茯神 麥門炒 (各一钱半)
生草三分 沉香一分磨

Trần-bì, Pháp-hạ, Phục-linh, Phục-thần, Mạch-môn (đều 1 đồng rưỡi), Sinh-thảo 3 phân, Trầm-hương 1 phân.

硃砂消痰飲
Chu - sa tiêu đàm ẩm

胆星五钱 朱砂一钱半 射香二分

Đảm-tinh 5 đồng, Chu-sa 1 đồng rưỡi, Xạ-hương 2 phân.
Tán bột mỗi bận uống 1 đồng, thang bằng gừng.

Thất-phúc-ẩm, Đại-bổ-nguyên, Nhị-âm-tiên đều ở số 1 Nội-thương.

Gia-đảm-nhất-âm ở số 10 Chư-hư-chứng.

Chu-sa an-thần ở số 23 Tà-tý

Những chứng hư-phiền, bất-mỵ, kiện-vong, chinh-sung, kinh quy, 5 chứng ấy tên khác nhau mà bịnh giống nhau đều bởi tâm, tỳ, can, thận 4 kinh hiện ra chứng nặng nhẹ thời phép chữa phải tham dùng các bài thuốc

Chỉ có thang *Quy-tỳ* gồm trị cả năm chứng.

消渴
73. — Tiêu - khát

Chứng tiêu-khát là bọc tam-tiêu bị bịnh.

Thượng-tiêu bịnh ở buồng phổi; miệng thời khát nước, đi tiểu luôn luôn đêm ngày không có chừng gọi là chứng tiêu-khát.

Trung-tiêu bịnh ở dạ-dầy; ăn nhiều đói luôn, tân dịch khô ráo mà sinh khát nước gọi là chứng tiêu-trung.

Hạ-tiêu bịnh ở bồ-dục thời đi tiểu luôn luôn, nước đục như hồ, nóng khát uống nhiều, mặt thời đen, tai thời khô, gọi là chứng thận-tiêu.

Ba chứng ấy đều bởi tại sự tửu sắc quá độ, hoặc hay ăn gỏi, chả nướng, hoặc hay uống đan-sa cho nên thận thủy khô kiệt, tâm hỏa bùng lên mà hóa ra khát nước lợi tiểu quá. Chữa bịnh này xem thực nóng phải tả hỏa mới yên, nhược bằng chân thủy hư phải bổ thận mới khỏi.

Một thứ chứng thượng-tiêu thời hay khát nước lắm dùng nước ươm tơ cho uống hoặc là sắc kén lấy nước cho uống rất là thần hiệu, hoặc dùng bài *Ngọc-toàn-hoàn*, thang *Nhân-sâm-thạch-cao*. Nhược bằng khát nước mà nóng lắm dùng thang *Bạch-hổ* gia Sa-sâm 5 đồng, nhược bằng hỏa thịnh mà kiêm thủy khuy dùng *Ngọc-nữ-tiên*, hoặc *Gia-dảm-nhất-âm*.

Một thứ bịnh trung-tiêu thì ăn nhiều đói luôn lại hay khát, dùng bài *Trừu-tân-ẩm*, bài *Mạch-đông-ẩm-tử* nhược bằng đại-tiện táo kết dùng thang *Điều-vị-thừa-khí*. Nhược bằng đại-tiện táo thuộc hư chứng dùng bài *Nhân sâm-cố-bản*.

Một thứ chứng hạ-tiêu thì khát nước mà đi tiểu đục, phải chia ra hàn, nhiệt mà chữa, như thận thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-ẩm*, thận hỏa hư dùng *Bát-vị hoàn Hữu-quy-ẩm*, bằng như hỏa nhiệt thịnh dùng bài *Tư-âm-bát-vị-tiên*

列方

Liệt các bài thuốc

玉泉丸

Ngọc - toàn hoàn

麥門　沙參　茯苓　黄芪　烏梅
生草　(各一𠄏)　花粉八ッ　葛根八ッ

Mạch-môn, Sa-sâm, Phục linh, Hoàng-kỳ Ô-mai, Sinh thảo (đều 1 lạng) Hoa phấn 8 đồng Cát căn 8 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn ngậm 2 viên.

人参石羔湯

Nhân-sâm thạch-cao thang

沙参五リ　石羔一另煅　生草二リ　知母三リ
黄芩二リ　杏仁卄粒搗　粳米二撮炒

Sa-sâm 5 đồng, Thạch-cao 1 lạng, Sinh-thảo 2 đồng, Tri-mẫu 3 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Hạnh-nhân 20 hột, Cánh-mễ 2 dúm.

麥冬飲子

Mạch-đông-ẩm-tử

麥門　生地　沙参炒　茯神　葛根　花粉
知母　生艸（各一リ）五味七粒　竹葉十四片

Mạch-môn, Sinh-địa, Sa-sâm, Phục-thần, Cát-căn, Hoa-phấn, Tri-mẫu, Sinh-cam thảo (đều 1 đồng), Ngũ-vị 7 hột, Trúc-diệp 14 lá.

調胃承氣湯

Điều-vị thừa-khí thang

川大黄三リ　芒硝二リ　生艸一リ

Đại-hoàng 3 đồng, Mang tiêu 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

人参固本丸

Nhân-sâm cố-bản hoàn

洋参姜炒　天門炒　麥門炒　熟地　生地
（各三リ）

Dương-sâm, Thiên-môn, Mạch-môn, Thục địa, Sinh-địa (đều 3 đồng).

Bạch-hổ-thang, **Ngọc nữ-tiên**, **Trừu-tân-ẩm**, **Tư-âm-bất-vị-tiên** đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Gia-dảm-nhất-âm, **Lục-vị-hoàn**, **Tả-quy-ẩm**, **Bát-vị-hoàn**, **Hữu-quy-ẩm** đều ở số 10 CHƯ HƯ-CHỨNG.

鬱病

74. — Uất-bịnh

Chứng ngũ-uất là thuộc về ngũ tạng: kim, mộc, thủy, hỏa thổ. Chứng lục-uất là: khí, huyết, đàm, thấp, nhiệt, thực; những chứng uất ấy kết tụ lại mà không được phát tán ra. Muốn lên không được lên, muốn xuống không được xuống mà sinh ra bịnh uất; xét xem các bịnh uất chỉ có can uất là nhiều hơn, tâm tỳ uất thời ít.

Một thứ uất dận dữ thương can mà thành uất dùng bài *Giải-can-tiên, Việt-cúc-hoàn, Lục-uất-thang, Hóa-can-tiên.*

Một thứ uất lo nghĩ thương tổn tâm tỳ dùng bài *Tiêu dao-tán, Trầm-hương-giáng-khí, Đại-doanh-tiên, Quy-tỳ-thang.*

觧肝煎
Giải-can tiên

陳皮炒　法夏　厚樸炒　茯苓　(各一リ半)
蘇葉一リ　白芍一リ炒　砂仁七分

Trần bì, Pháp-hạ, Hậu-phác, Phục-linh (đều 1 đồng rưỡi), Tô-diệp 1 đồng, Bạch-thược 1 đồng Sa-nhân 7 phân.

越鞠丸
Việt-cúc hoàn

蒼术製　香附炒　川芎　神曲炒　梔子炒黑
(各二リ)

Xương-truật, Hương-phụ, Xuyên-khung, Thần-khúc, Chi-tử (đều 2 đồng.

六鬱湯
Lục-uất thang

香附炒　蒼术製　神曲炒　梔子炒黑　連翹
川芎　陳皮炒　法夏　枳殼炒　茯苓
生艸　蘇梗　(各一リ)

Hương-phụ, Xương-truật, Thần-khúc, Chi-tử, Liên-kiều, Xuyên-khung, Trần-bì Pháp-hạ, Chỉ-xác, Phục-linh, Sinh-thảo, Tô-ngạnh (đều 1 đồng).

沈香降氣散
Trầm-hương giáng-khí tán

沉香一リ半 沙仁一月 香附六月炒 炙草五リ

Trầm-hương 1 dồng ruỡi, Sa-nhân 1 lạng, Hương-phụ 6 lạng, Chích-thảo 5 dồng.

Tán bột uống 1 thìa, hòa nước sôi.

Tiêu-dao-tán ở số 1 Nội-thương.

Hóa-can-tiên ở số 26 Hàn-nhiệt.

Quy-tỳ-thang, Đại-doanh-tiện đều ở số 10 Chư hư-chứng

六鬱症
Lục-uất chứng

Khí uất thời ngực dau tức dầy dùng *Mộc-hương-điều-khí-tán.*

Một thứ huyết uất thời thổ huyết tiện huyết, đau mãi một chỗ dùng thang *Đương-quy-hoạt-huyết.*

Một thứ thực uất thời lợm dọng chua cổ, ngực bụng tức dầy dùng *Hương sa-bình-vị-tán.*

Một thứ đàm uất phát suyễn, tức ngực, ho xát dờm dùng thang *Qua-lâu-chỉ xác.*

Một thứ nhiệt uất mồm dắng lưỡi khô, tiểu-tiện đỏ mà ít dùng *Hỏa-uất-thang.*

Một thứ thấp uất thời hay rức xương, ngộ ẩm thấp, khi giời mưa thời lại rức dùng thang *Thăng-dương-trừ-thấp.*

木香調氣散
Mộc-hương điều-khí tán

木香五分 沙仁五分炒 炙草三分 肉桂三分
烏藥 香附炒 枳殼炒 青皮炒 陳皮炒
川芎 厚樸炒 蒼朮製 (各一リ)

Mộc-hương 5 phân, Sa-nhân 5 phân, Chích-thảo 3 phân, Nhục-quế 3 phân. Ô-dược, Hương-phụ Chỉ-xác, Thanh-bì, Trần-bì, Xuyên-khung, Hậu-phác, Xương-truật (đều 1 đồng).

當歸滑血湯
Đương-quy hoạt-huyết thang

當歸三リ　白芍二リ炒　牡丹二リ炒
香附二リ炒　烏藥二リ　川芎一リ
桃仁一リ　枳殼五分炒　紅花五分
青皮炒　肉桂　乾姜炒　炙草　(各三分)

Đương quy 3 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Mẫu-đơn 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Ô dược 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Đào-nhân 1 đồng, Chỉ-xác 5 phân, Hồng-hoa 5 phân, Thanh-bì, Nhục-quế, Can-khương, Chích-thảo (đều 3 phân).

香砂平胃散
Hương-sa bình-vị tán.

蒼朮二リ製　厚樸二リ姜炒　陳皮炒　香附炒
山查炒黑　麥芽炒黑　神曲　(各一リ)
砂仁炒　木香　乾姜炒　炙草　(各五分)
枳殼三分炒　蘿葡三分炒

Xương-truật 2 đồng, Hậu-phác 2 đồng, Trần-bì, Hương-phụ, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc (đều 1 đồng), Sa-nhân, Mộc-hương, Can-khương, Chích-thảo (đều 5 phân), Chỉ-xác 3 phân, La-bặc 3 phân.

瓜蔞枳殼湯
Qua-lâu chỉ-xác thang

瓜蔞仁一リ　木香五分　沙仁五分炒
陳皮炒　枳實炒　桔梗　川芎　蒼朮製
香附炒　杏仁　黃芩炒　貝母姜炒　(各一リ)

Qua-lâu-nhân 1 đồng, Mộc-hương 5 phân, Sa-nhân 5 phân, Trần-bì, Chỉ-thực Kết-cánh, Xuyên-khung, Xương-truật, Hương-phụ, Hạnh-nhân, Hoàng-cầm, Bối-mẫu (đều 1 đồng).

火鬱湯

Hỏa - uất - thang

梔子炒黑　柴胡　葛根　川芎　白芍
連翹　地骨皮（各一リ）　生草五分

Chi-tử, Sài-hồ, Cát-căn, Xuyên-khung, Bạch-thược, Liên-kiều, Địa-cốt-bì (đều 1 đồng), Sinh-thảo 5 phân

升陽除濕湯

Thăng - dương trừ - thấp thang

蒼朮二リ製　升麻　柴胡　防風　陳皮炒
澤瀉炒　猪苓　神曲　麥牙炒黑（各一リ）
炙草五分

Xương-truật 2 đồng, Thăng-ma, Sài-hồ, Phòng-phong Trần-bì, Trạch-tả, Chư-linh, Thần-khúc, Mạch-nha (đều 1 đồng), Chích-thảo 5 phân.

癲狂

75. — Điên - cuồng

Bịnh điên-cuồng là dở-dại, có âm, dương hư thực 2 thứ:

Chứng điên thuộc âm ngẩn ngơ như say rượu sạch bần không biết như là thẹn thò, khi hát khi khóc ăn nói thất thường, liếc mắt trông trộm như là thấy ma

Chứng cuồng thuộc dương lấy mình tôn trọng, nhưng-nháo, nói càn chẳng cứ gì ai trèo cao, hát, cười, vứt áo mà chạy. Bịnh cuồng là hỏa thịnh lắm, phải dùng thuốc hạ mới khỏi. Bịnh điên là ưu sầu lắm, phải khai uất mới khỏi

Một thứ chứng điên bởi ước ao không được thỏa lòng, lo nghĩ uất kết nên trước dùng bài *Tiêu-dao-tán*, thang *Lục-uất*, rồi cho uống thang *Quy-tỳ* gian phục với bài *Hòa-can-tư-thận*.

Một thứ chứng cuồng bởi vì hỏa thịnh nóng nảy qua, trước phải dùng bài *Trừu-tân-ẩm* bài *Hoàng-liên-giải-độc*, nhược bằng đại tiện táo kết dùng thang *Đại-thừa-khí*. Nhược bằng thủy khuy hỏa thắng tâm thận lưỡng hư dùng bài

Chu-sa-an-thần, bài *Phục man tiên*, bài *Nhị-âm-tiên*, nhược bằng vị hỏa thịnh, khát nước nhiều dùng thang *Bạch-hổ*, *Ngọc-toàn-tán*, như có đờm nhiều dùng *Cổn-đàm-hoàn*, *Thanh-cách-ẩm*, *Bão-long-hoàn*. Bằng như tâm tỳ nhiệt quá, kêu gào luôn luôn dùng bài *Sinh-thiết-lạc-ẩm*, *Thanh-tâm-thang*, *Lương-cách-tán* hoặc bài *Đương-quy-long-hội-hoàn*.

列 方

Liệt các bài thuốc

服蠻煎

Phục - man tiên

生地　麥門炒　白芍　昌蒲　石斛　牡丹
茯神（各二ㄌ）　知母一ㄌ半　木通一ㄌ半
陳皮一ㄌ炒

Sinh-địa, Mạch-môn, Bạch-thược, Xương-bồ, Thạch hộc, Mẫu-đơn, Phục-thần (đều 2 đồng), Tri-mẫu 1 đồng rưỡi, Mộc-thông 1 đồng rưỡi, Trần-bì 1 đồng.

生鉄落飲

Sinh - thiết - lạc ẩm

鉄落六斗

Thiết-lạc (vẩy sắt ở lò-rèn) 6 đấu đun lấy nước để sắc thuốc:

石羔六ㄌ煅　竜歯三ㄌ煅　茯苓三ㄌ
防風　玄参　秦艽（各二ㄌ）

Thạch-cao 6 đồng, Long-xỉ 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Phòng-phong, Huyền-sâm, Tần-dao (đều 2 đồng).

清心湯

Thanh tâm thang

黄連　黄芩　梔子炒黑　連翹　薄荷
生艸　芒硝　大黄（各二ㄌ）

Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Chi-tử, Liên-kiều, Bạc-hà, Sinh-thảo, Mang-tiêu, Đại-hoàng (đều 2 đồng).

凉膈散
Lương-cách tán

大黄二リ 樸硝二リ 石羔二リ煨 連翹一リ半
梔子一リ炒黑 黄芩一リ 生艸五分 薄荷五分

Đại-hoàng 2 đồng, Phác-tiêu 2 đồng, Thạch-cao 2 đồng, Liên-kiều 1 đồng rưỡi, Chi-tử 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Bạc-hà 5 phân.

當歸龍薈丸
Đương-quy long-hội hoàn

當歸 龍胆草 梔子炒黑 黄連 黄伯炙
黄芩炒 (各一リ) 蘆薈五リ 大黄五リ煨
青黛五リ 木香二リ半 麝香一分

Đương-quy, Long-đảm-thảo, Chi-tử Hoàng-liên, Hoàng-bá, Hoàng-cầm (đều 1 đồng), Lô-hội 5 đồng, Đại-hoàng 5 đồng, Thanh-đại 5 đồng, Mộc-hương 2 đồng rưỡi, Xạ-hương 1 phân.

Tán bột luyện hồ viên, mỗi bận uống 3 đồng.

Tiêu-dao-tán, Nhị âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Bạch hổ-thang, Ngọc-toàn-tán, Đại-thừa-khí, Trừu tân-ẩm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Hoàng-liên-giải-độc ở số 10 HỎA-CHỨNG.

Thanh-cách-ẩm ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Cổn-đàm-hoàn, Bảo-long-hoàn (ở hiệu khách đều có bán).

Hòa-can-tư-thận là bài (*Lục-vị-quy-thược*) ở số 27 KINH-BỊNH.

癡獃
76. — Xi-ngai

Xi-ngai là chứng xi ngốc, tâm-tính u-mê, nói-năng nhầm lẫn, hết đứng lại ngồi, ngẩn-ngơ, ngơ-ngẩn, bởi vì có sự

gì trái ý, hoặc có việc gì kinh hoảng, hoặc nhân truyện gì ngờ vực mà hóa ra ngây ngô, phải xét xem hình thể còn khỏe, mạch chạy điều hòa dùng bài *Phục-man-tiên*, nếu đã hôn mê như người mất vía, phải dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, bài *Thất-phúc-ẩm*. Bịnh này tham với bịnh điên mà chữa thuốc.

Phục man tiên ở số 75 ĐIÊN-CUỒNG.

Thất-phúc ẩm Đại bổ-nguyên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

癎症

77. — Dản - chứng

Dản chứng là bịnh động kinh hoặc gọi là kinh-dản, hoặc gọi là điên dản bởi vì khí nghịch đàm trệ, lấp tia quả tim, cho nên hơi thấy gió ngọn ngọt thời ngã ra, chân tay co kéo lưng thời cứng, mắt thời trợn, hoặc có nhấm nháy miệng đùn bọt rãi. hoặc có kêu như tiếng dê, lợn một chốc lại tỉnh, chứng này mới phải thì còn dễ chữa, nếu mà đã lâu thời thành cố tật. Khi tỉnh rồi phải dùng *Qua-đề-tán*, cho thổ hết đờm ra lại dùng *Cổn-đàm-hoàn*, cho tiêu đờm đi rồi uống bài *Long-não-an-thần-hoàn*, *Ngũ-dản-hoàn*, *Uất-kim đan* để trừ bịnh đi.

Qua-đế-tán ở số 3 THƯƠNG-HÀN

Cổn-đàm-hoàn ở hiệu khách có bán.

龍腦安神丸

Long - não an - thần hoàn

党參姜炒	地骨皮	生草	麥門炒
犀角磨	硃砂	(各二リ)	
茯神三リ	桑白皮二リ蜜炒		牛黃五分
龍腦三分	馬牙硝三分		射香二分

Đảng-sâm, Địa-cốt-bì, Sinh-thảo Mạch-môn, Tê-dác, Chu-sa (đều 2 đồng), Phục thần 3 đồng, Tang-bạch-bì 2 đồng, Ngưu-hoàng 5 phân· Long-não 3 phân Mã-nha-tiêu 3 phân, Xạ-hương 2 phân.

Tán bột luyện hồ viên bằng hột đậu. Lá vàng bạc 6, 7 tờ làm áo uống 10 viên.

五癎丸
Ngũ-giản hoàn

烏蛇肉一両炙	白礬冠一両	南星一両製
姜蚕一両半炒	全蝎二リ炒	雄黄一リ半
蜈蚣半條炙焦	辰砂二リ半	白附五リ煨
皂角二両炒焦	法夏一両	射香三分

Ô-sà-nhục 1 lạng, Bạch phàn 1 lạng, Nam-tinh 1 lạng, Khương-tàm 1 lạng rưỡi, Toàn-yết 2 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng rưỡi, Ngô công nửa con, Thần sa 2 đồng rưỡi, Bạch-phụ 5 đồng Tạo dác 2 lạng sao cháy), Pháp-hạ 1 lạng, Xạ-hương 3 phân

Tán bột lấy nước gừng quấy hồ viên bằng hột đậu uống 10 viên.

欝金丹
Uất-kim đan

川芎 防風 欝金炒 皂角炒焦 白附煨 (各一両)
蜈蚣一條炙焦

Xuyên khung, Phòng-phong, Uất-kim, Tạo-dác, Bạch-phụ đều 1 lạng, Ngô-công 1 con,

Tán bột luyện hồ viên bằng hột đậu, mỗi bận uống 10 viên

驗方
Nghiệm phương

Dùng quả chám xanh 10 cân bỏ vào nồi đun rừ, bỏ hột đi nấu lại 3 nước hễ thấy bã nhạt thời thôi, bỏ bã nấu thành cao, gia phèn-phi 8 đồng hòa đều, mỗi ngày sớm, tối lấy 3 đồng cao hòa nước sôi uống. Uống 1 tễ thời khỏi.

Trị giản thần phương

Bồ-kết 1 cân, hột lú-bú 1 cân, cùng bỏ vào nồi đổ đầy nước đun cho cạn, bỏ bồ-kết đi
Phục-linh 8 lạng, Long-não 2 lạng, (2 vị này sao lẫn, cho não thấm vào linh).

Bạch-phàn 4 lạng (sao khô), Thanh-mộc-hương 1 lạng, Chu sa 1 lạng.

Hợp cả 6 vị lại cùng tán bột, quấy hồ nước gừng luyện làm viên bằng hạt đậu mỗi ngày sáng chiều uống 50 viên một bận, ước chừng nặng 3 đồng cân. Uống 1 tháng thời khỏi rức.

頭痛

78. — Đầu-thống

Đầu-thống là rức đầu thực đau ở trong óc có rức ở giữa đầu, có rức ở hai bên, có rức ở hai bên thái-dương, rức nhẹ thời như người đấm, rức nặng thời như dùi xiên, như búa bổ khổ sở khó chịu bởi vì gió lạnh cảm ở ngoài hư hỏa bốc nóng ở trong, hoặc có âm hư, dương hư mà hóa ra rức đầu. Phép chữa bịnh này phải tán phong hàn thanh nội nhiệt, dương hư thời bổ khí, âm hư thời bổ huyết, lại còn chứng rức đầu kinh niên phải dùng thuốc bổ thủy hỏa thời mới khỏi được.

Một thứ nhân gió lạnh mà rức đầu thời mũi ngạt tiếng nặng phải theo chứng thương hàn các bài thuốc gia Bạch-chỉ, Tế-tân, Mạn-kinh, Xuyên-khung 4 vị này trị rức đầu.

Một thứ nhân lửa nóng mà rức đầu phải có khát nước dùng *Bạch-hổ-thang* gia Sinh-địa, Mộc-thông (đều 2 đồng). Bằng như lửa nóng quá, rức đầu như búa bổ gia Đại-hoàng 2 đồng (tẩm rượu sao).

Nhược bằng hỏa vượng rức đầu mà không khát nước dùng bài *Gia-giảm-nhất-âm*, bài *Tư-âm bát-vị*.

Một thứ âm hư mà rức đầu hoặc tiểu-tiện đỏ, đại-tiện táo thời phải bổ huyết dùng bài *Tam-âm*, bài *Nhất-âm tiễn*.

Một thứ dương hư mà rức dầu, hoặc có sợ lạnh, ăn uống không ngon, thời phải bổ khi dùng bài *Tứ-quân-tử*, thang *Lý-trung*.

Một thứ rức dầu kinh niên, bởi vì thủy hỏa hư ; chứng thủy suy thời đại-tiện thường tao, trong mình thường nóng mùa hạ thời rức hơn dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-ẩm*, như hỏa hư thời hay sợ lạnh, mùa đông rức hơn dùng bài *Bát vị-hoàn*, bài *Hữu-quy-ẩm* dều gia Ngưu-tất 2 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

Gia-dảm-nhất âm, Nhất-âm-tiên, Tứ-quân-tử, Lục-vị-hoàn, Tả-quy-ẩm, Bát-vị hoàn Hữu quy-ẩm đều ở số 10 Chư-hư-chứng.

Lý-trung thang, Tam-âm-tiên đều ở số 1 Nội-thương.

Bạch-hổ-thang, Tư-âm-bát-vị đều ở số 3 Thương-hàn.

簡易方

Giản dị phương

硝石三分　　八中白三分　　氷片三厘

Tiêu-thạch 3 phân, Nhân-trung-bạch 3 phân, Băng-phiến 3 ly.

Tán bột thồi vào hai lỗ mũi

Hoặc dùng nước củ cải nầm ngửa giỏ vào hai lỗ mũi.

Hựu phương

硫黄一リ　　川椒三分

Lưu-hoàng 1 đồng, Xuyên-tiêu 3 phân

Tán bột luyện hồ viên, đút nút lỗ mũi ; rức bên tả, nút bên tả, rức bên hữu nút bên hữu, rức giữa dầu nút hai bên.

Hựu phương

Dùng lá lốt vò ra mà ngửi ; rức bên tả ngửi bên tả rức bên hữu ngửi bên hữu, rức giữa dầu ngửi cả hai bên, trước ngậm 1 hụm nước lã, ngửi 15 phút đồng-hồ nhổ nước đi thời khỏi

---

頭風

79. — Đầu-phong

Chứng đầu-phong là trong óc có tiếng ù ù như sấm, hoặc có kết hạch trên đầu, bởi vì phong nhiệt nóng quá phải dùng *phép-thổ*, *phép-hạ*, hoặc có người tạng hàn không dùng hạ được thời dùng bài *Thanh-chấn-thang*, nhược bằng đầu ù tại về đàm hỏa dùng *Đàm hỏa phương*.

Thổ-pháp dùng **Trà điều-tán** ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

Hạ-pháp dùng **Thần-khung-hoàn**

神芎丸

Thần-khung hoàn

大黃一兩煨　黃芩一兩炒　黑丑二兩炒　滑石二兩

Đại-hoàng 1 lạng, Hoàng cầm 1 lạng, Hắc-sửu 2 lạng, Hoạt-thạch 2 lạng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột đậu, mỗi bận uống 20 viên.

清震湯

Thanh chấn thang

升麻　蒼朮製　薄荷　(各一兩)

Thăng-ma, Xương-truật, Bạc-hà (đều 1 lạng).

Tán bột uống 3 đồng, dùng lá sen khô tán nhỏ hòa với thuốc điều nước sôi.

痰火方

Đàm-hỏa phương

殭蠶五分炒　生艸二分　法夏一兩　陳皮五分炒
黃芩七分炒　蓮喬五分　白芷二分　大黃二兩煨
桔梗五分　天麻五分　菖蒲二分　青礞石二分煅

Khương-tàm 5 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Pháp-hạ 1 lạng, Trần-bì 5 đồng Hoàng-cầm 7 đồng, Liên-kiều 5 đồng, Bạch-chỉ 2 đồng, Đại-hoàng 2 lạng, Kết-cánh 5 đồng, Thiên-ma 5 đồng, Bạc-hà 2 đồng, Thanh-mông-thạch 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng hột đậu, mỗi bận uống 2 đồng.

須髮

80. — Tu-phát

Tóc gọi là huyết dư thuộc về phần máu Xem như phần máu ít thời tóc khô phần máu nhiều thời tóc mỡ, tinh huyết hư tổn thời tóc hay rụng cho nên những người bịnh hậu, sản-hậu tóc hay rụng nhiều. Song mà râu thuộc thận, thận thủy suy thời râu bạc sớm; tóc thuộc tâm, tâm huyết hư thời tóc sớm bạc, tuy rằng thuộc thời khác nhau, muốn cho tóc xanh râu đen phải bổ tinh huyết mới được, dùng bài *Đại-bổ-nguyên, Đại-doanh, Tiểu-doanh, Tam-âm, Lục-vị*, gia Đỗ-trọng Khởi-tử, Lộc-nhung, Lộc-dao, sữa người, sữa bò.

Đại-bổ-nguyên, Tam-âm-tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tiểu-doanh-tiên, Đại-doanh tiên, Lục-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

治髮落方

Trị phát lạc phương

Dùng cẳng cây vừng, cành cây liễu hai thứ bằng nhau, nấu nước gội đầu.

Hoặc dùng lá nhọ-nồi đâm lấy nước soa vào đầu.

Hoặc cành táo non một bó dài 1 thước cắm vào lọ đứng cắm sát đến đáy, châm lửa đốt đầu trên để cho đầu dưới chảy nước ra, trước dùng nước nóng gội đầu sau đem nước táo soa vào đầu.

Lại bài trị tóc rụng như trút

榧子三果　胡桃二果　側栢葉一𠄡炒

Phỉ-tử 3 quả. Hồ-đào 2 quả, Trắc bách-diệp 1 lạng sao).

Đâm nhỏ ngâm nước thấm lược chải dầu.

Lại bài trị tuổi trẻ bạc tóc

Phải nhổ tóc bạc đi lấy mật ong bôi vào, bằng như tóc trắng nhiều quá dùng Hồng-tầu 3 lạng, Khởi-tử 3 lạng.

Đâm làm viên, mỗi ngày uống 6 đồng.

Hoặc dùng Hà-thủ-ô 3 lạng (chế), Thục-địa 1 lạng.

Sắc nước uống, uống nhiều mới hay.

Hoặc dùng bài *Thảo-linh-đan* :

草靈丹
Thảo-linh đan

川椒一𠄡炒　杞子二𠄡　小茴三ﾘ茯神三𠄡

川烏三ﾘ煨　炙草一𠄡　熟地八𠄡淮山四𠄡炒

蒼朮五ﾘ製　鹿茸一𠄡酥炙

Xuyên tiêu 1 lạng, Khởi-tử 2 lạng, Tiểu-hồi 3 đồng, Phục-thần 3 lạng, Xuyên-ô 3 đồng, Chích-thảo 1 lạng, Thục-địa 8 lạng, Hoài-sơn 4 lạng, Xương-truật 5 đồng, Lộc-nhung 1 lạng.

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng ngày ba bận.

面病
81. — Diện-bịnh

Diện bịnh là mặt có bịnh. Mặt người ta là tinh hoa ở trong ngũ tạng hiện ra, các dương khi họp lại thực là cái bộ vị rất trong sạch, hoặc khi ở trong dạ-dầy có phong nhiệt mà mặt mũi đỏ, hoặc có hơi nặng sì sị ra, hoặc có mọc mụn, hoặc có trứng cá, hoặc sinh nóng mặt và hoặc sinh ra lạnh mặt phải tùy bịnh mà chữa.

Một thứ mặt nặng sì sị phải cho lợi tiểu-tiện dùng bài *Tứ-linh-tán*, bài *Đại-phân-thanh*.

Một thứ mặt mọc mụn là thượng tiêu lửa nóng dùng bài *Thanh-thượng-phòng-phong*.

Một thứ mặt đỏ tía là trong dạ-dầy có bịnh dùng thang *Thăng-ma bạch-chỉ*

Một thứ mặt mọc trứng cá là bởi buồng phổi có lửa nóng dùng *Thanh-phế-thang*.

Một thứ mặt nóng là dạ dầy có phong nhiệt dùng thang *Thăng-ma-hoàng-liên*.

Một thứ mặt thường hay lạnh là bởi dạ-dầy hư hàn dùng thang *Thăng-ma-phụ-tử*.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tứ linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

淸上防風湯

Thanh thượng phòng-phong thang

風防二り 連翹 白芷 桔梗 (各一り半)
梔子炒黑 荊芥 黃芩炒 黃連 (各一り)
枳殼炒 川芎 薄荷 (各七分) 生草五分

Phòng-phong 2 đồng, Liên-kiều, Bạch-chỉ, Kết-cánh đều 1 đồng rưỡi, Chi-tử, Kinh-giới, Hoàng-cầm, Hoàng-liên đều 1 đồng, Chỉ-xác, Xuyên-khung, Bạc-hà, đều 7 phân, Sinh-thảo 5 phân.

升麻白止湯

Thăng-ma bạch-chỉ thang

升麻二り 白芷二り 葛根一り半
防風 沙參炒 黃芪炙 白芍炒 (各一り)
生草五分 蒼朮三分製

Thăng-ma 2 đồng, Bạch chỉ 2 đồng, Cát-căn 1 đồng rưỡi, Phòng-phong, Sa-sâm, Hoàng kỳ, Bạch-thược, đều 1 đồng, Sin.. thảo 5 phân, Xương-truật 3 phân.

清肺湯

Thanh phế thang

梔子炒黑 草生 川芎 白止 黃連
桑皮蜜炒 黃芩炒 苦参 荆芥 蓮翹
貝母姜炒 (各一リ

Chi-tử, Sinh-thảo, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Hoàng-liên, Tang-bì, Hoàng-cầm, Khổ-sâm, Kinh-giới, Liên-kiều, Bối mẫu (đều 1 đồng).

升麻黃連湯

Thăng-ma hoàng-liên thang

白芍一リ炒 犀角五分磨 生艸五分 葛根二リ
黃芩八分炒 黃連五分 升麻二リ 白止一リ
蒼朮一リ製 川芎五分 薄荷五分 荆芥五分

Bạch-thược 1 đồng, Tê-dác 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Cát-căn 2 đồng, Hoàng-cầm 8 phân, Hoàng-liên 5 phân, Thăng-ma 2 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Xương-truật 1 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Bạc-hà 5 phân, Kinh-giới 5 phân.

升麻附子湯

Thăng-ma phụ-tử thang

黃芪一リ炙 葛根一リ 白止一リ 益智五分
白豆蔻五分 升麻一リ 製附五分 炙艸五分
党参三リ 姜炒

Hoàng-kỳ 1 đồng, Cát-căn 1 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Ích chí 5 phân, Bạch-đậu-khấu 5 phân, Thăng-ma 1 đồng, Chế phụ 5 phân, Chích thảo 5 phân, Đảng-sâm 3 đồng.

簡易方

Giản-dị phương

Mặt mọc mụn dùng *Liên-bách tán*:

連栢散

Liên-bách tán

胡粉　黄栢皮　黄連　(各一リ)

Hồ-phấn, Hoàng-bá, Hoàng-liên (đều 1 đồng).

Tán bột hòa mỡ lợn bôi.

Hoặc dùng ốc, sên, 2, 3, con dầm nhỏ phiết giấy dán vào.

Hoặc dùng sừng hươu đốt cháy tán bột hòa mỡ lợn bôi vào.

Mặt mọc trứng cá dùng Đại-hoàng 1 đồng, **Lưu-hoàng** 1 đồng.

Tán bột hòa nước bôi.

目痛

82. — Mục-thống

Mục thống là đau mắt. Hai con mắt là cái báu ngọc ở trong thân thể người, ví như mặt giời, mặt giăng hoặc khi nhân gió mây u ám, hóa ra đau mắt gọi là ngoại chướng, hoặc có tinh huyết hư tổn mà đau mắt gọi là nội-chướng, trong con mắt có chia làm 5 thứ thuộc vào ngũ tạng: lòng trắng thuộc buồng phổi; lòng đen thuộc buồng gan, hai khoé mắt thuộc quả tim, mi trên, dưới thuộc lá-lách, con ngươi thuộc bồ-dục gọi là ngũ luân, nhưng mà chủ ở can thận 2 kinh; pho Nội-kinh nói: con mắt có âm huyết thời mới trông được, lại nói: khi thoát mất thời mắt cũng không sáng, cho nên đau, mắt đỏ là thủy suy, đau mắt trắng là hỏa hư ví như đèn lửa to soi mới sáng, dầu cạn, bấc ra than.

Một thứ nhân gió mà đau mắt thời có rức đầu ngạt mũi, hoặc có ghê sốt, ghê rét, hoặc chẩy nước mắt nhiều, hoặc có đau mình đau xương dùng bài *Khung-tân-tán*, bài *Minh-mục-tế-tân*.

Một thứ nhân nóng mà đau mắt nên thanh hỏa không nên tán như vị Phòng-phong, Tế-tân, Kinh-giới, Thăng-ma, Bạch-chỉ, Xuyên-khung, Bạc-hà Khương-hoạt những vị này không nên dùng phải uống bài *Thược-dược-thanh-can-tán*, bài *Dương-quy-long-đảm*, bài *Thuyền-hoa-tán* để thanh hỏa đi.

Một thứ mắt đỏ đau dữ thuộc can hỏa, hoặc sưng mà không mở được chói mắt sợ sáng, nóng lắm dùng bài *Long-đảm-tả-can*, bài *Trừu-tân-ẩm*, nóng vừa dùng bài *Tĩ-tân-ẩm* bài *Hoàng-cầm Hoàng-liên*. Nhược bằng bịnh lâu không khỏi thường đau luôn mà phần nóng nhiều dùng bài *Hoàng liên-dương can* *Cô-bản-hoàn-tinh*.

Một thứ âm hư không có hỏa chứng nóng nẩy, mắt trông không sáng, hoặc lờ mờ khó trông dùng bài *Tê-âm-địa-hoàng* *Tả-quy-hoàn*. Nhược bằng âm hư hỏa thịnh dùng bài *Gia dảm-nhất-âm*, bài *Tư-âm-địa-hoàng*. Nhược bằng âm hư hỏa ít dùng bài *Minh mục-địa hoàng*, bài *Cô-bản hoàn tinh*.

Một thứ đau mắt trắng như người không đau là chứng hỏa hư, trông không thấy sáng phải dùng thuốc tuấn bổ thời mới sáng được như bài *Đại-bổ-nguyên*, *Hữu-quy-hoàn*, *Thập-toàn-đại-bổ*, đều gia lộc-nhung, khởi-tử, sữa bò đều 2 đồng.

Một thứ nhân lạnh mà đau mắt thời buốt như kim châm. Sáu bộ mạch chạy chậm, mình mẩy chân tay hơi mát là chứng dương hư phải dùng thuốc nóng không dùng thuốc mát được. Dùng thang *Phụ-tử-lý-trung* hoặc bài *Tứ-vị-hồi-dương* thời mới khỏi.

Một thứ đau mắt có màng không nên quá dùng vị thuốc lạnh sợ màng khó tiêu dùng bài *Thuyền-hoa-tán* bài *Bát-vị-hoàn-tinh*.

Một thứ màng dầy phải dùng thuốc điểm mà đánh màng đi, trong uống thuốc tiêu màng đi như vị:

石决明煅　夜明沙　草决明　蒺藜　木賊
青葙子　蜜蒙花

Thạch-quyết-minh, Dạ-minh-sa, Thảo quyết-minh, Tật-lê, Mộc-tặc, Thanh-tương-tử, Mật-mông-hoa.

Nhược bằng đồng-tử lòe to và đồng-tử nổi thịt con ngươi hóa trắng màng trắng chùm kín thời không chữa được.

列 方

Liệt các bài thuốc

芎辛散

Khung - tân tán

白止一リ半　防風二リ　川芎一リ　細辛五分
蔓荆一リ半　生草七分

Bạch-chỉ 1 đồng rưỡi, Phòng-phong 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Mạn-kinh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 7 phân

明目細辛湯

Minh - mục tế - tân thang

生地三リ　歸尾二リ　茯苓二リ　防風一リ
藁本一リ　蔓荆一リ　川芎一リ　細辛五分
姜活五分　荆芥五分　萡荷五分　花椒十五粒

Sinh-dịa 3 đồng, Quy-vĩ 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Cảo-bản 1 đồng, Mạn-kinh 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Khương-hoạt 5 phân, Kinh-giới 5 phân, Bạc-hà 5 phân, Hoa-tiêu 15 hột.

芍藥清肝散

Thược - dược thanh - can tán

梔子一リ炒黑　石羔一リ煅　白芍三リ　桔更二リ
黄芩一リ炒　大黄五分煨　前胡一リ　柴胡一リ
滑石一リ　生草一リ　芒硝三分　薄荷五分
荆芥五分

Chi-tử 1 đồng, Thạch-cao 1 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Kết-cánh 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Đại-hoàng 5 phân, Tiền-hồ 1 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Hoạt-thạch 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Mang-tiêu 3 phân, Bạc-hà 5 phân, Kinh-giới 5 phân.

當歸龍胆湯

Đương - quy long - đảm thang

龍胆一リ半 黄芪一リ半 當歸二リ 生草五分
石羔一リ煅 黄芩一リ炒 黄連一リ 防風七分
黄伯一リ灸 白芍二リ炒 柴胡七分 升麻七分
羌活七分

Long-đảm 1 đồng rưỡi, Hoàng-kỳ 1 đồng rưỡi, Đương-quy 2 đồng, Sinh-thảo 5 phân Thạch-cao 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng Phòng-phong 7 phân, Hoàng-bá 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sài-hồ 7 phân, Thăng-ma 7 phân, Khương-hoạt 7 phân.

蟬花散

Thuyền - hoa tán

荊芥 木賊 防風 川芎 梔子炒黑 蜜蒙花
蒺藜 蟬蛻 菊花 穀星 黄芩炒 艸决明
羌活 生草 蔓荆 (各一リ)

Kinh-giới, Mộc-tặc, Phòng-phong, Xuyên-khung, Chi-tử, Mật-mông-hoa, Tật-lê, Thuyền-thuế, Cúc-hoa, Cốc-tinh, Hoàng-cầm, Thảo-quyết-minh, Khương-hoạt, Sinh-thảo, Mạn-kinh đều 1 đồng).

Tán bột uống một thìa.

龍膽瀉肝湯

Long - đảm tả - can thang

黄芩二リ炒 天門一リ半炒 黄連一リ半
龍胆一リ半 沙参一リ半炒 柴胡二リ
知母一リ半 麥門一リ半炒 生草一リ
梔子一リ半炒黑

Hoàng-cầm 2 đồng, Thiên-môn 1 đồng rưỡi, Hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Long-đảm 1 đồng rưỡi, Sa sâm 1 đồng rưỡi, Sài-hồ 2 đồng, Tri-mẫu 1 đồng rưỡi, Mạch-môn 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng, Chi-tử 1 đồng rưỡi.

黃芩黃連湯

Hoàng-cầm hoàng-liên thang

黃芩炒　黃連　竜胆　生地　(各二リ)

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Long-đởm, Sinh-địa (đều 2 đồng).

黃連羊肝丸

Hoàng-liên dương-can hoàn

黃連一両　羊肝一具

Hoàng-liên 1 lạng, Gan dê 1 buồng.

Sấy khô cùng tán bột luyện mật viên mỗi bận uống 2 đồng.

固本還睛丸

Cố-bản hoàn-tình hoàn

羚羊角一リ半磨	麥門五リ炒	熟地五リ
青葙子一リ半	天門五リ炒	杞子五リ
淮山五リ炒	草決明三リ	茯苓五リ
蒺藜一リ半	川芎一リ半	五味一リ
防風一リ半	甘草一リ半	生地五リ
犀角一リ半磨	沙参五リ炒	牛膝三リ
黃連一リ半	兎絲三リ	石斛三リ
菊花三リ		

Linh-dương-dác 1 đồng rưỡi, Mạch môn 5 đồng Thục-địa 5 đồng, Thanh-tương-tử 1 đồng rưỡi, Thiên môn 5 đồng, Khởi-tử 5 đồng, Hoài-sơn 5 đồng Thảo-quyết-minh 3 đồng, Phục-linh 5 đồng, Tật-lê 1 đồng rưỡi, Xuyên-khung 1 đồng rưỡi, Ngũ-vị 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng rưỡi, Cam-thảo 1 đồng rưỡi, Sinh-địa 5 đồng, Tê-dác 1 đồng rưỡi, Sa-sâm 5 đồng, Ngưu-tất 3 đồng, Hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Thỏ-ti 3 đồng, Thạch-hộc 3 đồng, Cúc-hoa 3 đồng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.

濟陰地黃丸
Tế - âm địa - hoàng hoàn

淮山四リ炒 五味十粒炒 杞子二リ 巴戟二リ
山茱一リ酒炒 麥門二リ炒 熟地八リ 當歸二リ
蓯蓉二リ製 菊花一リ

Hoài-sơn 4 đồng, Ngũ-vị 10 hột, Khởi-tử 2 đồng, Ba-kích 2 đồng, Sơn-thù 1 đồng, Mạch-môn 2 đồng, Thục-địa 8 đồng, Đương-quy 2 đồng, Thong-dong 2 đồng, Cúc-hoa 1 đồng.

滋陰地黃丸
Tư - âm địa - hoàng hoàn

沙参三リ姜炒 黃芩二リ炒 當歸二リ 柴胡一リ
枳壳一リ炒 生地三リ 熟地五リ 地骨二リ
天門二リ炒 黃連一リ 生艸一リ

Sa-sâm 3 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Thục-địa 5 đồng, Địa-cốt 2 đồng, Thiên môn 2 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

明目地黃丸
Minh - mục địa - hoàng hoàn

生地五リ 熟地五リ 牛膝二リ 杏仁二リ
防風二リ 石斛二リ 枳壳一リ炒

Sinh-địa 5 đồng, Thục-địa 5 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Hạnh-nhân 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Thạch-hộc 2 đồng, Chỉ-xác 1 đồng.

八味還睛散
Bát - vị hoàn - tình tán

艸决明一月 蒺藜七リ 防風七リ 木賊七リ
梔子七リ炒黑 生草五リ 蝉蜕二リ 青葙子三リ

Thảo-quyết-minh 1 lạng, Tật-lê 7 đồng, Phòng-phong 7 đồng, Mộc-tặc 7 đồng, Chi-tử 7 đồng. Sinh thảo 5 đồng, Thuyền-thuế 2 đồng, Thanh-tương-tử 3 đồng.

Tán bột hòa nước sôi uống 1 thìa.

點 眼 方

Điềm-nhãn phương

金 露 散

Kim-lộ tán

爐甘石二リ　梅花片一分　硃砂五分　硼砂五分
海螵蛸一リ　人中白五分　珍珠二分　天竺黄一リ

Lô-cam-thạch 2 đồng, (nung đỏ tui đồng tiện 7 bận, Mai-hoa-phiến 1 phân, Chu-sa 5 phân, Bằng-sa 5 phân, Hải-phiêu-tiêu 1 đồng, Nhân-chung-bạch 5 phân, Chân-châu 2 phân, Thiên-chúc-hoàng 1 đồng.

Tán bột phúc cho nhỏ chấm vào mắt.

蠐 螬 酒

Tề-tào tửu

蠐螬三子　川黄連三リ　丁香三丅

Sâu-dâu 3 con, Hoàng liên 3 đồng, Đinh-hương 3 cái.

Sắc 3 nước bỏ bã đi, thêm nước mía 1 chén lại dúc cho cạn hòa 5 chén rượu ngon.

加　梅花五厘　熊胆三厘

Gia : Mai-hoa 5 li, Mật-gấu 3 li

Hòa cho đều giỏ vào mắt luôn luôn, một giờ thì bớt.

Các bài thuốc đánh màng

熖硝一刄　紅丹二分　梅花二分

Diềm-tiêu 1 lạng, Hồng-dan 2 phân, Mai hoa 2 phân.

Lấy cái bát bằng đồng nấu cho tan quấy đều bỏ lọ nút chặt, mỗi bận chấm một tí.

Hoặc dùng muối trắng đun sôi lọc cho sạch để một năm chấm đánh màng.

Phép đút nút tai

射香一分　梅花二分

Xạ-hương 1 phân, Mai-hoa 2 phân.

Trộn lẫn dùng lụa bọc đút nút tai, mắt bên nào đau nút tai bên ấy.

Phép dịt móng tay

Dễ cây Xích-hoa-xà (hoặc gọi Nhạn-lai-hồng) giã nhỏ dịt chân móng tay cái chỗ giáp thịt, bên mắt nào có màng dịt bên ấy.

Hai mắt quáng gà

蒼朮一リ製　石決明二リ火煆童便淬　蒺藜二リ

Xương-truật 1 đồng, Thạch-quyết-minh 2 đồng (nung đỏ), Tật-lê 2 đồng.

Tán bột dùng 1 buồng gan dê khía ra cho thuốc vào buộc lại, bỏ chõ đồ chia làm 3, 4 bận ăn

---

Hựu phương

黄蠟一リ　蛤粉一リ

Sáp-nguyên 1 đồng, Cáp-phấn 1 đồng.

Nấu sáp hòa đều, gan-dê 2 lạng, khía ra cho thuốc vào buộc lại bỏ chõ đồ cho chín lấy ra xông mắt một nhát rồi ăn, ngày làm 2 bận.

Mắt có lông cặm

Nhân bột gấc 1 cái nghiền nhỏ bọc lụa nút lỗ mũi. Mắt bên nào nút bên ấy, hai mắt nút cả hai. Nút 3 đêm mới khỏi.

Hựu phương

Ngũ-bội-tử tán bột hòa mật ong bôi trên mi mắt thời lông đâm ra.

Hựu phương

Mùa đông ở trên vách, lấy con nhặng khô tán bột để vào lỗ mũi hít thời lòng đàm ra lập tức.

Mắt trông thấy sao bay

棗仁一両 青相花一両 玄明粉一両

Tảo-nhân 1 lạng, Thanh-tương hoa 1 lạng, Huyền minh-phấn 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước chè.

My mắt đỏ toét

蛤粉二リ 黄連二リ 防風二リ 荊芥二リ
苦參三リ 銅綠三分

Cáp-phấn 2 đồng, Hoàng-liên 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Kinh-giới 2 đồng, Khổ-sâm 3 đồng, Đồng-lục 3 phân.

Tán bột sắc nước bạc-hà làm viên bằng hột nhãn, khi dùng nghiền 1 viên hòa nước nóng rửa mắt ngày 3 bận.

Hựu phương

Lá đào non đâm nhỏ, tối ngủ đề cách lần giấy bản đắp vào mắt ba bận thời khỏi.

Bụi vào mắt

Dùng nước ngó-sen rỏ vào ra ngay, hoặc dùng con sâu dâu sát vào mắt cũng ra ngay. Hoặc dùng mực tầu kinh niên mài ra lấy bút chấm vào kẽ mắt bên trong cũng được.

Gia-dảm-nhất-âm ở số 10 Chư-hư-chứng.

Đại-bổ-nguyên tiên, Thập-toàn đại-bổ, Tả quy-hoàn, Hữu quy-hoàn đều ở số 1 Nội-thương

Trừu tân-ẩm, Tỷ-tân-ẩm đều ở số 3 Thương-hàn.

眉病

83. — My-bịnh

My bịnh là bịnh đau lông mày.

Lông mày người ta là quan báo thọ làm văn hoa cho mặt

mũi người ta; không có lông mày thời mặt không dẹp cho nên từ 40 tuổi giở lên lông mày dài thời được sống lâu, bộ vị ấy thuộc về hai kinh can, thận, hoặc có bịnh gì phải cứ kinh ấy mà dùng thuốc.

Một thứ xương lông mày dau là can huyết uất dùng bài **Tiêu-dao** ở số 1 NỘI-THƯƠNG gián phục bài **Lục vị hoàn** ở số 10 CHƯ HƯ-CHỨNG-BIỆN.

Một thứ lông mày rụng, bởi có lở nát dùng lá trắc bách-diệp phơi khô tán bột luyện mật viên, sớm tối đều uống 1 đồng cân, đến khỏi thời thôi. Lại dùng Thỏ-ti nghiền bột hòa dầu vừng bôi. Hoặc dùng rơm rạ cũ lợp mái nhà đốt ra than hòa dầu vừng bôi

Trên lông mày mọc ghẻ lở dùng Bồ-kếp 5 phân sao cháy, Phèn-khô 5 phân.

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Lông mày không mọc dùng hoa cây vừng phơi khô tán bột hòa dầu vừng bôi. Hoặc dùng lá dâu vò nát ngày ngày xát vào. Hoặc dùng:

旋覆花 天麻 防風 (各一ゾ)

Toàn-phủ hoa, Thiên-ma Phòng phong (đều 1 đồng.)

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Hoặc dùng hồng hoàng tán bột hòa giấm-thanh bôi.

Hoặc dùng lá nhọ-nồi giã nhỏ dịt vào 3 ngày thời mọc.

耳病

84. — Nhĩ-bịnh

Nhĩ bịnh là đau tai.

Tai là quan thám thính, chủ ở kinh thận mà thông vào óc, hợp cả nam bắc hai phương để giữ quyền thông minh hoặc khi nhân gió và lửa nóng ngăn lấp mà hóa ra ù tai, hoặc có sưng đau chảy mủ, phép chữa bịnh này phải xét trong ngoài hư thực thế nào mà dùng thuốc.

Một thứ nhân lửa nóng mà ù tai phải xét lửa nóng nhiều ít và hình thể người mạnh yếu. Lửa nóng lắm dùng bài *Trừu tân*, bài *Đại-phân-thanh*, nóng vừa dùng bài *Tỷ-tân-ẩm*, bằng như có kiêm âm hư dùng bài *Gia-dim nhất-âm*, bài *Thanh hóa ẩm*

Một thứ khí sung ngược lên mà tai ù bởi có dận dữ lo nghĩ dùng bài *Thông-khi tán*, bài *Giải-can-tiễn*, nhược bằng

khí sung lại kiêm lửa nóng gia Mâu-đơn 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Long-đảm 2 đồng, Hoa phấn 2 đồng

Một thứ nhân cảm gió lạnh mà ù, tai điếc tai át có phát sốt rức đầu, nên xem mục Thương-hàn mà dùng thuốc.

Một thứ nhân khí huyết hư tồn mà tai ù, tai điếc hoặc là bịnh mới khỏi, hoặc là nhiều tuổi già yếu, hoặc làm khó nhọc cùng sự tửu sắc quá độ đến nỗi âm tinh kiệt hết phải dùng đại bổ mới được nhưng mà bịnh mới điếc thời dễ chữa, điếc đã lâu thời khó chữa lắm, như nguyên khí hư tồn dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, bài *Nhục-thong-dong-hoàn*, thận hư thời dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Bát-vị-hoàn* gia 五味十粒、牛必二リ Ngũ-vị 10 hột Ngưu-tất 2 đồng,

Tâm, thận hai kinh cùng hư dùng bài *Cố-bản-nhi-thông*, bằng như khí hư dùng thang *Bổ-chủng-ích-khí*, khí huyết lưỡng hư dùng thang *Bát-chân*, thang *Thập-toàn*.

Một thứ lỗ tai lấp mà điếc, hoặc nhân ngoáy tai, hoặc nhân tiếng sấm, tiếng súng, hoặc nhân sưng đau chẩy mủ nên dùng phép *Khai-thông*.

列 方

Liệt các bài thuốc

Lục-vị-hoàn, Bổ-trung-ích-khí, Gia-dảm-nhất-âm, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 Chư hư-chứng-biện.

Đại bổ nguyên, Bát-chân thang Thập-toàn đại-bổ, đều ở số 1 Nội-thương.

Tỷ-tân ẩm, Trừu tân-ẩm đều ở số 3 Thương-hàn.

Đại phân-thanh, Thanh hóa-ẩm đều ở số 26 Hàn-nhiệt.

Giải-can tiễn ở số 74 Uất bịnh.

通氣散

Thông khí tán

穿山甲二リ炒　玄胡索二リ　菖蒲三リ　川芎三リ
党参五リ姜炒　陳皮二リ炒　蟬蛻三リ　小茴二リ
炙草一リ半　羌活一リ　木香一リ　姜蚕二リ

Xuyên-sơn-giáp 2 đồng, Huyền-hồ-sách 2 đồng, Xương-bồ 3 đồng, Xuyên-khung 3 đồng. Đảng-sâm 5 đồng, Trần-bì 2 đồng, Thuyền-thuế 3 đồng, Tiểu hồi 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng rưỡi. Khương-hoạt 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, Khương-tàm 2 đồng. (Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.)

肉蓯蓉丸

Nhục - thong - dong hoàn

山茱五り酒炒　姜活二り半　茯苓五り
党参一両姜炒　黄芪五り炙　防風五り
澤瀉二り半炒　白芍五り炒　熟地二両
兎絲五り製　製附一り　肉桂一り磨
肉蓯蓉五り製　羊腎一對

Sơn thù 5 đồng, Khương-hoạt 2 đồng rưỡi, Phục-linh 5 đồng, Đảng-sâm 1 lạng, Hoàng kỳ 5 đồng, Phòng-phong 5 đồng, Trạch tả 2 đồng rưỡi, Bạch-thược 5 đồng, Thục-địa 2 lạng Thỏ-ti 5 đồng, Chế-phụ 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Nhục-thong dong 5 đồng, Bồ-dục-dê 1 đôi.

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng.

固本耳聰丸

Cố bản nhĩ thông hoàn

党参二両姜炒　淮山二両炒　熟地四両
茯神一両半　五味二り炒　菖蒲五り
遠志五り製　柏子仁五り去油

Đảng sâm 2 lạng, Hoài sơn 2 lạng, Thục-địa 4 lạng, Phục-thần 1 lạng rưỡi, Bách-tử nhân 5 đồng, Sương-bồ 5 đồng, Viễn-chí 5 đồng, Ngũ-vị 2 đồng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.

Phép khai thông

Phương thận hư tai điếc

全蝎四十九子　生姜四十九片

Toàn-yết 49 con, Sinh-khương 49 miếng, (nhỏn bằng Toàn-yết)

Cùng sao khô tán bột hòa rượu uống một bận cho hết; say lắm mới thôi. Sáng ngày mai trong tai nghe như có tiếng đàn sáo. Dù điếc mười năm uống hai bận phải khỏi.

Phương điếc đã lâu

Dùng 1 nhánh tỏi khoét 1 lỗ cho 1 nhân ba đậu hơ nóng nhét vào trong củ tỏi lấy lụa bọc nút lỗ tai ba bận thời khỏi. (Phải chọc thủng cho thông hơi)

Hoặc dùng 1 nhân ba đậu, Ban-miêu 1 con cùng đâm nhỏ bọc sáp dút nút tai hai bận thời khỏi hẳn (Cũng chọc thủng cho thông hơi)

Hoặc dùng 1 nhân ba-đậu bóc bỏ màng lấy sáp bọc ngoài lấy kim dùi thủng 1 lỗ cho suốt nút vào tai chớ quay ngang.

Hoặc dùng đá nam-châm 1 cục bọc lụa nút bên tai điếc lại dùng sắt vụn bọc lụa nút bên tai sáng tự nhiên thông hơi sang thời khỏi điếc.

Hoặc dùng đá nam-châm một nửa, vẩy tê-tê sao cháy 1 nửa cùng tán bột bọc lụa dút nút tai, trong mồm ngậm 1 cục sắt mới thời trong tai nghe ù-ù như mưa thời khỏi.

Hoặc dùng Cốt-toái-bổ gọt như đầu đũa hơ nóng nút tai.

Các bài phải làm 10 hôm mới được.

Phương tai ù

Xạ-hương 2 phân, Hùng-hoàng 2 phân.

Tán bột bọc lụa dút nút tai thời khỏi ù.

Phương tai bế tắc

Bạch-giới-tử 3 phân, dâm nhỏ hòa sữa người bọc lụa dút nút tai ngày thay dăm bận thời khỏi tắc.

Ngoáy tai hóa đau

Dùng con dết sao cháy nghiền nhỏ thổi vào trong tai thời khỏi.

Một thứ trong tai đau lắm dùng nước mài dao rỏ vào rất là thần hiệu; nếu có sưng dùng mật gấu hòa nước rỏ vào.

Một thứ trong tai như là có sâu chạy đau lắm dùng xác rắn sao cháy tán bột lấy lòng ngỗng thổi vào.

Hoặc dùng củ nghệ dâm vắt lấy nước rỏ vào trong tai, rồi nguiêng cho nước chảy ra thời khỏi.

Hoặc dùng nước cây chuối rỏ vào.

Hoặc mài nhân hột đào rỏ vào.

Một thứ trong tai chảy mủ dùng :

紅丹一リ半 枯礬一リ 龍骨一リ 射香三厘 粉胭脂七分

Hồng-đơn 1 đồng rưỡi, Phèn-khô 1 đồng, Long-cốt 1 đồng, Xạ hương 3 li, Phấn-yên chi 7 phân.

Tán bột, trước lấy giấy ngoáy vào trong tai để cho sạch mủ lại dùng giấy chấm thuốc ngoáy vào.

Hoặc dùng khô phèn, phấn yên-chi, xạ-hương 3 vị thôi, phép rửa chấm như bài trên.

Hoặc dùng quả cà muối ép lấy nước rỏ vào trong tai rất hay lắm.

Hoặc dùng nhân hồ đào ép lấy dầu hòa 1 tí băng-phiến rỏ vào tai rất hay.

Hoặc dùng thạch-xương-bồ tươi đâm lấy nước rỏ vào. Như trong tai có mủ phải lấy giấy ngoáy cho sạch mủ rồi mới rỏ thuốc.

Một thứ trong tai sưng đau gọi là lên dẳng-dẳng lấy lá hẹ dâm lấy nước rỏ vào, hoặc rỏ mật gấu hòa nước rất là thần hiệu.

Hoặc dùng lá hoa kim-ngân dã nhỏ dịt bên trên rốn, thấy khỏi đau phải bỏ ngay đi lập tức nếu để lâu lại đau.

Một thứ ngoài vành tai ghẻ lở dùng hoàng-bá tán bột đâm rau sam lấy nước hòa bôi.

Hoặc vò lá hổ-nhĩ lấy nước bôi, hoặc đâm lá lồm dịt vào

Các thứ sâu vào trong tai

Lấy dầu-vừng rỏ vào trùng ra ngay, hoặc dùng nước dái mèo rỏ vào trùng cũng ra ngay rất thần hiệu.

Dùng gừng sống xát vào mũi mèo thời nó đái ; lấy lá khoai hoặc lá sen hứng lấy.

鼻病

85. — Tỵ-bịnh

Tỵ-bịnh là mũi có bịnh. cái Mũi là quan thẩm biện thuộc về buồng phổi thở hơi ra hít hơi vào, kể phần mạch máu thời thuộc về dạ-dày mà mạch đốc liền với kinh thái-dương

lại thông lên óc chớ nên thanh khí hòa bình thời lỗ mũi thông mà ngửi biết thơm tho, nhược bằng có cảm gió lạnh, hoặc nhân lửa nóng mà hóa ra hắt hơi, ngạt mũi hoặc chẩy nước trong, hoặc sinh mũi đỏ, hoặc sinh tức nhục, hoặc đổ máu cam, phép chữa bịnh này phải chia hai thứ trong ngoài mà dùng thuốc.

Một thứ nhân gió lạnh mà mũi ngạt thời hắt hơi nhiều hoặc chẩy nước trong dùng *Xuyên-khung-tán*, bài *Thần-dũ-tán*.

Một thứ nhân lửa nóng bốc lên mà mũi ngạt có nhiều nước đặc phải thanh hỏa. Lửa nóng lắm có kiêm rức đầu dùng thang *Trúc-diệp-thạch-cao*, bài *Lương cách-tán*. Bằng như lửa nóng vừa dùng bài *Thanh-hỏa-ẩm*, thang *Hoàng-cầm-chi-mẫu*. Nhược bằng ngoài gió lạnh kiêm trong lửa nóng dùng bài *Phòng-phong-thông-thánh-tán*.

Một thứ ngoại cảm đã khỏi mà mũi không biết mùi gì bởi vì chính khí thụ thương dùng thang *Tứ-quân-tử*, thang *Quy-tỳ* đều gia Ích-chí 1 đồng, Phá-cố 1 đồng.

Hoặc dùng bài *Lục-vị-hoàn* cũng gia Ích-chí, Phá-cố.

Một thứ trong mình lửa nóng đã khỏi mà mũi vẫn chẩy nước dùng bài *Xương-nhĩ-tán*, hoặc bài *Phòng-phong-tán*, nhược bằng đã lâu không khỏi là dương khí hư dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*, hoặc thang *Thập-toàn-đại-bổ*. Nhược bằng thấp nhiệt xông lên mà mũi chẩy nước thối dùng bài *Não-lậu-bí-phương*, hoặc dùng *Phòng-phong-thông-thánh-tán* 1 lạng gia Bạc-hà 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, hoặc dùng bài *Tân-di-tán*.

列方

Liệt các bài thuốc

川芎散

Xuyên-khung tán

川芎 藁本 姜活 細辛 白芷 炙草 (各五ソ)
蒼朮一両製 加 蘇葉三ソ

Xuyên-khung, Cảo bản, Khương-hoạt, Tế-tân, Bạch-chỉ, Chích-thảo (đều 5 đồng), Xương-truật 1 lạng. Gia: Tô-diệp 3 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

神愈散

Thần dũ tán

防風　細辛　白芷　羗活　當歸　法夏
陳皮　茯苓　川芎　桔梗　(各二り)

Phòng-phong, Tế tân, Bạch-chỉ, Khương-hoạt, Đương-quy, Pháp-hạ, Trần-bi, Phục-linh, Xuyên-khung, Kết-cánh, (đều 2 đồng).

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng.

黄芩知母湯

Hoàng-cầm tri-mẫu thang

梔子炒黑　花粉　杏仁　知母　黄芩　桑皮炒
貝母姜炒　桔梗　生草　(各一り)

Chi tử, Hoa-phấn, Hạnh nhân, Tri-mẫu. Hoàng-cầm, Tang-bì, Bối-mẫu, Kết-cánh, Chích thảo (đều 1 đồng).

防風通聖散

Phòng-phong thông thánh tán

梔子二り炒黑　石羔六り煆　桔梗二り　當歸三り
黄芩五り炒　川芎三り　防風三り　連翹三り
白芍三り炒　生草一り　荆芥一り

Chi-tử 2 đồng, Thạch-cao 6 đồng, Kết cánh 2 đồng, Đương-quy 3 đồng, Hoàng cầm 5 đồng, Xuyên-khung 3 đồng, Phòng-phong 3 đồng, Liên-kiều 3 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Kinh-giới 1 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

蒼耳散

Xương-nhĩ tán

蒼耳子三り炒焦　辛夷五り　薄荷五り　白芷一両

Xương-nhĩ-tử 3 đồng, Tân di 5 đồng, Bạc-hà 5 đồng, Bạch-chỉ 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng thang bằng gừng.

防風散

Phòng - phong tán

沙參三ヮ姜炒 麥門三ヮ炒 川芎二ヮ 防風五ヮ
黃芩二ヮ炒 炙艸一ヮ

Sa-sâm 3 đồng, Mạch-môn 3 đồng, Xuyên-khung 2 đồng, Phòng-phong 5 đồng, Hoàng cầm 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

辛夷散

Tân - di tán

沙參二ヮ姜炒 白芍一ヮ炒 當歸一ヮ 辛夷二ヮ
黃芪一ヮ炙 黃芩一ヮ炒 白芷一ヮ 川芎五分
細辛五分 生艸五分

Sa sâm 2 đồng, Bạch thược 1 đồng, Đương-quy 1 đồng, Tân-di 2 đồng, Hoàng-kỳ 1 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Bạch-chỉ 1 đồng, Xuyên-khung 5 phân, Tế-tân 5 phân, Sinh-thảo 5 phân.

腦漏秘方

Não - lậu bí - phương

Dùng dây mướp 3 thước đến tận gốc, sao cháy tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

Trúc diệp thạch-cao ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIÊN-CUỒNG

Tứ-quân-tử, Quy-tỳ-thang, Lục-vị-hoàn, Bổ-trung ích-khí, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Thập toàn-đại-bổ ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thanh-hóa-ẩm ở số 26 HÀN-NHIỆT

Bịnh rượu mũi đỏ

四物芩伯湯

Tứ - vật cầm - bá thang

黃伯二ヮ炙 黃芩二ヮ炒 川芎一ヮ 當歸二ヮ

白芍三リ炒　　生地五リ

Hoàng bá 2 đồng, Hoàng-cầm 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Đương quy 2 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-địa 5 đồng.

Hoặc dùng bài Lục vị-hoàn gia:

苦参三リ　　當歸二リ

Khổ-sâm 3 đồng, Đương quy 2 đồng.

荊芥散

Kinh-giới tán

荊芥八リ　防風二リ　杏仁二リ　姜蚕二リ
蒺藜二リ　生草二リ

Kinh-giới 8 đồng, Phòng phong 2 đồng, Hạnh-nhân 2 đồng Khương-tàm 2 đồng, Tật-lê 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng,

Tán bột uống 2 đồng hòa nước chè.

Phương phế phong mũi đỏ

桑皮三リ蜜炒　　連翹四リ　　枇杷葉八リ
梔子八リ炒黑　　玄参四リ

Tang-bì 3 đồng, Liên-kiều 4 đồng, Tỳ-bà-diệp 8 đồng, Chi-tử 8 đồng, Huyền-sâm 4 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, thang cam-thảo.

Hựu phương

苦参四両　　當歸二両

Khổ-sâm 4 lạng, Đương-quy 2 lạng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Hựu phương

白礬　　硫黄　　乳香炒　（各二リ）

Bạch-phàn, Lưu-hoàng, Nhũ-hương (đều 2 đồng).

Tán bột dầm quả cà lấy nước hòa bôi

Hựu phương

硫黄一リ　　輕粉一リ　　杏仁五分

Lưu-hoàng 1 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Hạnh-nhân 5 phân.

Tán bột hòa rượu với mật, đêm bôi sáng rửa đi.

Hựu phương

雄黃五分　枯礬一リ　法夏二リ　硫黃一リ
射香一分

Hùng-hoàng 5 phân, Khô-phèn 1 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Lưu-hoàng 1 đồng, Xạ-hương 1 phân.

Tán bột hòa nước đêm bôi sáng rửa.

Trong mũi mọc thịt

黃白散

Hoàng - bạch tán

雄黃　枯礬　細辛　瓜蒂　(各五分)

Hùng-hoàng, Khô-phèn, Tế-tân, Qua-dế (đều 5 phân).

Tán bột, hòa với nước mật con chó dực luyện làm viên nút lỗ mũi.

細辛散

Tế - tân tán

細辛一リ　瓜蒂一リ

Tế tân 1 đồng, Qua-dế 1 đồng.

Tán bột bọc lụa nút lỗ mũi.

雄黃散

Hùng - hoàng tán

雄黃五分　瓜蒂二个　綠礬一リ　射香三厘

Hùng-hoàng 5 phân, Qua-dế 2 cái, Lục-phèn 1 đồng, Xạ-hương 3 ly.

Cùng tán bột thổi vào trong mũi.

簡易方

Giản dị phương

Khô-phèn tán bột hòa mỡ lợn bọc lụa nút lỗ mũi 3 ngày thịt rụng ra. Hoặc dùng mấu ngó-sen tươi liền cả rễ, sấy khô tán bột thổi vào trong mũi. Nhược bằng thịt thò ra ngoài lấy băng-phiến hòa nước lã bôi.

Trong mũi mọc mụn

Dùng lá đào non dâm nhỏ lấy lụa bọc nút lỗ mũi, không có lá dùng vỏ đào cũng dược Hoặc dùng huyền-sâm giã nhỏ bọc lụa nút lỗ mũi.

Trong mũi sinh trùng

Dùng bột bẹ đốt khói ngửi trùng ra ngay. Hoặc dùng hồng-hoàng tán bột, thỉnh-thoảng ngửi luôn.

Trĩ ăn trong mũi

輕粉一リ　　枯礬二リ　　杏仁四粒

Khinh-phấn 1 đồng, Khô-phèn 2 đồng, Hạnh-nhân 4 hột.

Đập bỏ dầu, cùng tán bột thổi vào trong mũi trĩ hóa ra nước.

Hoặc dùng:

螺亮五分燒灰　　草烏五分燒灰　　枯礬五分

甘遂一リ煨　　瓜蒂四リ

Vỏ ốc 5 phân dốt ra gio). Thảo ô 5 phân (đốt ra gio) Khô-phèn 5 phân. Cam-toại 1 đồng, Qua-dế 4 dồng.

Tán bột hòa dầu vừng làm viên nút lỗ mũi, ngày thay 1 bận, trĩ hóa ra nước. Lại dùng Ý-dĩ sao vàng, Bí-dao sắc nước thay chè uống rất hay.

Mũi chảy nước thối

Lấy vo quả bầu khô mới, tán bột bọc lụa thỉnh thoảng lại ngửi hoặc hòa vào cháo ăn càng hay.

Mũi chảy nước không khỏi

Bỏ lạc sống vào nồi rang, người có bịnh phải cho cát vào rang lấy vải 3 bận, ngửi khói mới khỏi.

腦漏神方

Não lậu thần phương

Lông chim bồ-câu trắng 3 đồng, vải vặn sơn sống một mảnh, cùng đốt ra than tán bột thêm một tí băng-phiến khiến người bịnh nằm ngửa lấy quản-bút chấm thuốc thổi vào lỗ mũi 3, 4 bận thời khỏi

Mũi ngạt tắc không khỏi

Lấy nửa nhân ba-đậu tán nhỏ dùng một miếng gừng sống bằng đốt ngón tay, khoét thủng cho ba-dậu vào trong, tiêm thủng cho thông khí, nút lỗ mũi để 1 đêm thời khỏi.

Lấy giấy quấn gừng kẻo cay lỗ mũi.

口舌

86. — Khẩu-thiệt

Khẩu thiệt là miệng, lưỡi. — Lưỡi là mầm quả-tim sinh ra nhời nói khôn ngoan. Miệng là cửa dạ-dầy ăn uống thêm phần khỏe mạnh. đến khi có bịnh nhân ngoại cảm mà lưỡi mọc rêu, miệng khô, hoặc lưỡi vàng miệng đắng. lửa nóng mà lưỡi đen, miệng nứt thực bởi tại trong ruột gan thụ bịnh mà vạ lây đến miệng lưỡi.

Bịnh này tại phần nóng nhiều mà phần lạnh thời ít phải xem mạch và các chứng gì biện cho thực đích hàn, nhiệt mà dùng thuốc

Một thứ miệng đắng bởi vì nhân có ngoại cảm phát sốt. Miệng chua là buồng gan nóng mà dạ dầy lạnh: miệng ngọt là tỳ hư nhiệt; miệng mặn là thận hư nhiệt: miệng nhạt là thuộc chứng hư hoặc mới ốm khỏi. Miệng khát là có lửa nóng, miệng khô là âm hư, khát mà muốn uống nước nóng là hỏa hư

Một thứ trong mồm khô như là mọc mụn dùng:
Hoàng-liên 5 phân, Hoàng-bá 5 phân.

Tán bột hòa mật ong mà ngậm

Hoặc dùng Huyền-sâm thái miếng mà ngậm

Một thứ ngoài mép sinh ghẻ, lở bởi vì vị hỏa nóng quá dùng *Thanh-vị-thang*, hoặc bài *Trúc-diệp-thạch-cao*. Nhược bằng lâu mà không khỏi phải dùng bài *Lý-âm*, thang *Lý-trung*.

淸胃湯
Thanh-vị thang

生地三リ　升麻一リ　黄連一リ　當歸二リ
牡丹二リ炒

Sinh-địa 3 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Đương-quy 2 đồng, Mẫu-đơn 2 đồng Sắc nước uống.

Trúc-diệp-thạch-cao ở số 7 THƯƠNG-THỬ.
Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Lý-trung-thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thuốc bôi chốc mép

陰陽散
Âm dương tán

黃連三リ　乾姜一リ炒焦
Hoàng-liên 3 đồng, Can-khương 1 đồng.
Tán bột bôi

綠雲散
Lục-vân tán

黃伯二リ　青黛二リ
Hoàng-bá 2 đồng, Thanh-dại 2 đồng.
Tán bột để bôi.

Hựu phương

黃伯二リ　細辛二リ
Hoàng-bá 2 đồng, Tế-tân 2 đồng. Tán bột bôi

Hựu phương

黃伯二リ　姜蚕二リ
Hoàng-bá 2 đồng, Khương-tàm 2 đồng. Tán bột để bôi.

Hựu phương

梹榔炒焦　加　輕粉少許
Binh-lang sao cháy, Gia khinh-phấn 1 ti. Tán bột bôi.

Hựu phương

砂仁炒焦
Sa-nhân sao cháy. tán bột bôi.

Các bài thuốc bột để bôi lở, như chỗ lở ướt thời rắc thuốc bột hoặc hòa nước bọt mà bôi, nhược bằng nốt chốc khô hòa dầu vừng bôi.

Một thứ mồm thối phải phân hàn, nhiệt, thối mà cay là nhiệt. thối mà chua như cơm thiu là hàn Như nhiệt thì dùng Liên-kiều tán bột, mỗi bận uống 2 đồng, hòa nước chè, hoặc dùng hương-nhu sắc nước mà ngậm rất hay. hoặc dùng bắc-sửu tán bột xát răng, súc miệng, hoặc dùng Ô-mai ngậm. Như hàn thời dùng Ích-trí 1 lạng, Sinh-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng, nuốt khô.

Hoặc dùng mật sà-tăng tán bột hòa giấm thanh súc miệng. Hoặc dùng đại-hồi thỉnh thoảng nhấm một tí.

Một thứ miệng chẩy nước rãi ấy là tỳ hàn, dùng:

白朮五分炒焦 法夏一ㄌ 青皮五分炒 丁香一ㄌ
乾姜五分炒 木香一ㄌ

Bạch-truật 5 phân, Pháp-hạ 1 đồng, Thanh-bì 5 phân, Đinh-hương 1 đồng, Can-khương 5 phân, Mộc-hương 1 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng hột gạo. Trẻ con 2 tuổi uống 5 viên, người nhớn uống 1 đồng.

Nhược bằng không kiến hiệu là tỳ nhiệt, dùng:

白朮一ㄌ炒焦 滑石一ㄌ 茯苓六分 石斛六分
扁豆六分炒 黄連四分 生艸四分 葛根五分

Bạch-truật 1 đồng, Hoạt-thạch 1 đồng, Phục-linh 6 phân, Thạch-hộc 6 phân, Biển-đậu 6 phân, Hoàng-liên 4 phân, Sinh thảo 4 phân, Cát-căn 5 phân.

Tán bột, trẻ con uống 1 đồng, người lớn uống 2 đồng, sắc bấc làm thang.

Một thứ trong miệng trên hàm mọc giọt dùng muối sao đỏ, phèn sao khô, 2 vị bằng nhau tán bột chấm vào.

Một thứ trong mồm mọc thịt như cái nấm dùng Xạ-hương 1 phân. Tán bột chấm vào Hoặc đốt tóc tán bột cho uống.

Một thứ lưỡi trắng không rêu cả mồm, môi đều trắng là tỳ vị hư hàn dùng thang *Lý-trung*, lạnh lắm gia Phụ-tử 1 đồng, Nhục-quế 1 đồng.

Một thứ đầu lưỡi đỏ hoặc có gai là tâm hỏa nóng dùng bài *Nhị-âm-tiên*, bài *Thanh-tâm-liên-tử*.

Một thứ giữa lưỡi mọc rêu vàng là vị nhiệt dùng bài *Trúc-diệp-thạch-cao* gia Hoàng-cầm, Thạch-hộc, Tri-mẫu, Hoa-phấn đều 1 đồng.

Một thứ cả lưỡi đỏ tía mà không có rêu, hoặc dưới lưỡi cũng đỏ gọi là giáng-thiệt thuộc thận hư, dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia Sinh-địa 2 đồng, Mạch-môn 2 đồng.

Một thứ lưỡi đỏ sẫm và đen, hoặc mọc nhiều gai lại khát nước là trong bụng nóng lắm dùng bài *Lương-cách-tán*, bài *Tê-dác-địa-hoàng*, nhược bằng lưỡi đỏ đen mà mềm ướt không phải là nhiệt bởi là tại hỏa hư, dùng bài *Lý-âm-tiễn*, thang *Lý-trung*.

Một thứ lưỡi tự nhiên chẩy máu gọi là thiệt-nục, bởi tâm hỏa nóng dùng bài *Kim-hoa-tán*, *Thánh-kim-tán*, *Hoàng-nghiệt-tán*, hoặc bài *Thiên-kim-khẩu-sú*.

Một thứ chủng thiệt là dưới lưỡi mọc lưỡi con; mộc thiệt là lưỡi dắn như gỗ bởi vì huyết nhiệt phải lấy kim châm cho chẩy máu ra trong uống thuốc thanh vị giáng hỏa như những vị này :

生地 石羔 黃芩 石斛 知母 麥門
花粉 梔子 生草

Sinh-địa, Thạch-cao, Hoàng cầm, Thạch-hộc, Tri-mẫu, Mạch-môn, Hoa-phấn, Chi-tử, Sinh-thảo. Ngoài dùng nhọ-nồi bôi vào Hoặc dùng Bồ-hoàng sắc nước ngậm rất hay.

Một thứ lưỡi tự nhiên sưng to đầy miệng là chứng nguy quá phải xem chỗ nào sưng hơn lấy kim châm cho chẩy máu ra, dùng nhọ-nồi hòa giấm-thanh bôi cho dầy, nhược bằng lưỡi sưng không nhớn lắm chỉ dùng nhọ-nồi hòa giấm-thanh đắp cả trên, dưới lưỡi lại dùng nhọ-nồi 2 đồng tán bột hòa nước với rượu cho uống.

Hoặc dùng phèn-đen 3 đồng, để trên hòn ngói nung đỏ tán bột lấy cái thìa cậy mồm ra, hoặc dùng Ô mai xát chân răng làm cho há mồm ra, lấy thuốc bột bôi trên lưỡi thì khỏi, lại dùng nhọ-nồi tán bột 2 đồng, hòa nước với rượu uống.

Hoặc dùng máu mào-gà sống xát vào trên lưỡi nuốt vào khỏi ngay.

Hoặc dùng Mai-hoa, Băng-phiến, tán bột bôi vào thời tiêu ngay

Hoặc dùng dầu bạc-hà thật bôi vào trên lưỡi. Hoặc dùng Hoàng-liên 3 đồng, sắc nước cho uống.

Một thứ đầu lưỡi vỡ nát dùng Ngô-thù 4 đồng, tán bột hòa giấm-thanh dịt 2 gan bàn chân buộc chặt 1 giờ lại thay.

Một thứ lưỡi khô quắt nhỏ dùng phân khô người đốt ra than hòa mật ong bôi vào.

Một thứ lưỡi rụt tiếng ngọng dùng rau răm 7 ngọn, đàn bà 9 ngọn, nghiền nhỏ hòa 1 cái lòng trắng trứng-gà và mật ong đổ vào cho uống.

列方

Liệt các bài thuốc

Lý-trung-thang, Nhị-âm tiên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Trúc-diệp-thạch-cao thang ở số 7 THƯƠNG-THỬ
Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.
Lương-cách-tán ở số 75 DIÊN-CUỒNG.
Tê-dác địa-hoàng ở số 21 THI QUYẾT.

清心蓮子飲
Thanh-tâm-liên-tử ẩm

麥門二ㄌ炒　石蓮肉二ㄌ　柴胡五分　茯苓一ㄌ半
黄芩一ㄌ半　黄芪一ㄌ炙　地骨一ㄌ　車前一ㄌ炒
生草一ㄌ　沙参三ㄌ姜炒

Mạch-môn 2 dồng, Thạch-liên-nhục 2 dồng, Sài-hồ 5 phân, Phục-linh 1 dồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 dồng rưỡi, Hoàng-kỳ 1 dồng, Địa-cốt 1 dồng, Xa-tiền 1 dồng, Sinh-thảo 1 dồng, Sa-sâm 3 dồng.

金花散
Kim-hoa tán

黄伯三ㄌ炙　黄連一ㄌ　梔子二ㄌ炒黑

Hoàng-bá 3 dồng, Hoàng-liên 1 dồng, Chi-tử 2 dồng.
Cùng tán bột, uống 1 thìa

聖金散
Thánh-kim tán

黄伯一月炙　青黛二ㄌ

Hoàng bá 1 lạng, Thanh-dại 2 dồng.
Cùng tán bột, uống 1 thìa.

黃蘗散
Hoàng - nghiệt tán

Hoàng-bá tầm mật nướng cháy tán bột uống 2 đồng.

千金口臭方
Thiên - kim - khẩu - sú phương

Hương-nhu một nắm sắc nước ngậm rồi nuốt đi.

唇病
87. — Thần - bịnh

Thần bịnh là đau môi. — Môi là cánh cửa ngoài mồm để che cho hàm răng thịt dầy mỏng hiện ra đó, chủ ở hai kinh tỳ vị cho nên khí huyết vượng thời môi tươi hơn hớn, tỳ vị hàn thời môi trắng nhợt, hoặc môi thâm sì; trong bụng nóng thời môi khô, bụng có trùng thời môi đỏ, nóng quá thời môi nẻ, bằng như có tích độc thời mọc đinh-râu phải xét xem lạnh nóng các thứ mà dùng thuốc.

Một thứ môi đỏ là có trùng tích, cam tích phải xem môn ấy mà dùng thuốc.

Một thứ môi xanh trắng nhợt, hoặc có nhân mất máu phải nên bổ huyết, dùng bài *Ngũ-vật*, bài *Tam-âm tiễn*, bài *Đại-doanh*

Một thứ môi sám đen là tỳ vị hư hàn ắt có nôn mửa đầy bụng đi rửa, dùng thang *Lý-trung*, bài *Hương-sa-lục-quân*.

Một thứ môi khô, môi nẻ bởi vì trung-tiêu lửa nóng dùng bài *Đại-thanh-ẩm*, *Ngọc-nữ-tiễn*, *Tỷ-tân-ẩm*.

Một thứ nhân-trung sưng to dùng:

蒲黃二リ　　黃連一リ　　氷片一リ

Bồ-hoàng 2 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Băng-phiến 1 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng bôi.

Một thứ mùa đông môi nẻ chẩy máu lấy nhân hột đào nghiền nhỏ hòa lẫn mỡ lợn bôi

Một thứ môi sưng đen đau ngứa khó chịu lấy 4 đồng tiền đồng cũ, rót mỡ lợn vào hòn đá, mài tiền lấy nước đặc bôi

Một thứ chung quanh môi sinh ghẻ, lở dùng Toàn-phủ hoa sao cháy tán bột hòa dầu vừng bôi.

Một thứ môi, mồm chúm nhỏ lại không ăn uống được lấy vải trắng mấy cuốn bằng ngón tay châm lửa để trên lưỡi dao, hễ chẩy nhựa chấm lấy bôi vào môi, lại dùng vải chàm cũ đốt ra gio nghiền nhỏ hòa rượu uống.

Hoặc dùng :

橊子一ㄌ　五倍一ㄌ

Kha-tử 1 đồng, Ngũ-bội 1 đồng.

Tán bột hòa dầu vừng bôi,

Hoặc dùng :

五倍二ㄌ　蜜陀僧二ㄌ　生甘草二分

Ngũ-bội 2 đồng, Mật-sà-tăng 2 đồng, Sinh-cam-thảo 2 phân

Cùng tán bột, lại lấy 1 miếng Hoàng bá đem thuốc bột hòa nước bôi vào miếng Hoàng-bá nướng than cho khô lại bôi thuốc rồi lại nướng cho hết bột thuốc; lấy dao cạo miếng Hoàng-bá ra bột rồi hòa dầu vừng bôi.

Một thứ môi mọc đinh-râu, dùng:

紫花地丁一刄　白果廿个　桔更三ㄌ
金銀花一刄　知母三ㄌ　生草三ㄌ

Lá Tử-hoa-địa đinh 1 lạng Ngân-hạnh 20 quả, Kết-cánh 3 đồng, Hoa kim-ngân 1 lạng, Tri-mẫu 3 đồng, Sinh-thảo 3 đồng.

Sắc nước uống, ví bằng nặng lắm uống đến 3 thang thời khỏi.

Hoặc dùng máu mào-gà sống bôi vào, hoặc dùng gan-cóc dâm nhỏ hòa Băng sa, Đinh-hương dịt vào, hoặc dùng cánh hoa-hồng vò nát hòa mắm-tôm bôi vào.

疔瘡神方

Đinh-sang thần phương

Không cứ mọc ở đâu, gần chết cũng khỏi dùng hoa kim-cúc trắng lấy cả lá giã nhỏ vắt lấy một chén nước, hòa thêm rượu đun nóng uống. Bã hoa dịt vào đinh; nhược bằng không có cúc tươi dùng hoa cúc trắng khô 4 lạng, Sinh-thảo 4 đồng, sắc nước hòa rượu uống. Hoặc dùng :

Hồng-nha-đại-kích (紅牙大戟) Lấy nước chè nóng rửa sạch bỏ lõi nhai nhỏ dịt vào, nhai xong phải súc miệng ngay chớ có nuốt nước.

列 方
Liệt các bài thuốc

五 物 煎
Ngũ - vật tiên

白芍三リ酒炒 當歸三リ 川芎二リ 肉桂一リ 熟地六リ

Bạch-thược 3 đồng, Đương-quy 3 đồng, Xuyên-khung 2 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Thục-địa 6 đồng.

Lý-trung-thang, Tam-âm-tiên đều ở số 1 Nội-thương.
Ngọc-nữ-tiên, Tỷ-tân-ẩm đều ở số 3 Thương-hàn.
Đại-doanh-tiên, ở số 10 Chư-hư-chứng-biện.
Đại-thanh ẩm ở số 26 Hàn nhiệt.
Hương-sa-lục-quân ở số 46 Ẩm thực.

齒 痛
88. — Xỉ-thống

Xỉ thống là đau răng. — Răng cũng là xương thuộc về thận thủy mà cái lợi thuộc về vị thổ, nhược bằng thận hư vị nhiệt thời răng đau mà lung lay, nói đại khái: răng ví như cây, lợi như đất. Đất nước hòa bình thời gốc vững bền, đất khô thời cây héo mà hoặc sinh ra mọt. Trị bịnh này phải thanh hỏa, bổ thủy, xát trùng ba thứ mà thôi

Một thứ trong dạ-dầy nóng mà đau răng, sưng lợi dùng bài *Thanh-vị-tán*, nhược bằng lửa nóng dùng bài *Trừu-tân-ẩm*, bài *Đại-thanh-ẩm*. bài *Ngọc-toàn-tán*, nhược bằng thận hư kiêm cả vị hỏa mà nóng khát sưng đau dùng bài *Ngọc-nữ-tiên*.

Một thứ nhân phong nhiệt mà chân răng sưng đau dùng bài *Định-thống-khương-hoạt*.

Một thứ đau răng quá rức cả lên óc, muốn mát sợ nóng, mạch thời hồng xác dùng *Lương-cách-tán*, bài *Thạch cao-thang*.

Một thứ răng đau dữ quá sợ lạnh yêu nóng dùng bài *Lý-âm-tiên*, bài *Bát-vị hoàn.*

Một thứ nguyên khi vốn hư nhân sự khó nhọc mà đau răng, phần dương hư dùng bài *Bồ-trung-ích-khí*, phần âm hư dùng bài *Bổ-âm ích-khí.*

Một thứ răng lung lay mà đau âm ỷ là trong âm phận mà dương hư dùng bài *An-thận hoàn.*

Một thứ thận hư mà răng lung lay nồi lên, thủy hư dùng bài *Lục-vị-hoàn*, *Tả-quy hoàn*; hỏa hư dùng *Bát-vị-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn* đều gia Cốt-toái 2 đồng.

列方

Liệt các bài thuốc

清胃散

Thanh-vị tán

青皮六分炒　牡丹二リ炒　生地三リ　防風一リ
石羔二リ煆　荆芥一リ　生艸五分

Thanh-bì 6 phân, Mẫu đơn 2 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Thạch-cao 2 đồng, Kinh-giới 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân

Bốn răng cửa hàm trên thuộc tâm, gia:

黄連八分　麥門一リ半炒

Hoàng-liên 8 phân, Mạch-môn 1 đồng rưỡi

Bốn răng cửa hàm dưới thuộc thận, gia:

知母一リ　黄伯八分炙

Tri-mẫu 1 đồng, Hoàng-bá 8 phân.

Hai bên răng nanh hàm trên thuộc về dạ-dầy, gia:

川芎八分　白芷八分

Xuyên-khung 8 phân, Bạch-chỉ 8 phân

Hai bên răng nanh hàm dưới thuộc về ruột-non, gia:

白芍一リ半炒　白朮八分土炒

Bạch-thược 1 đồng rưỡi, Bạch-truật 8 phân.

Ba cái răng nhớn hàm trên tay phải thuộc về ruột già, gia:

川大黃一リ煨　枳壳五分炒

Đại-hoàng 1 đồng, Chỉ-xác 5 phân.

Ba cái răng nhớn hàm dưới tay phải thuộc về buồng phổi, gia: 黄芩一リ炒　桔梗一リ

Hoàng-cầm 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng.

Ba cái răng nhớn hàm trên tay trái thuộc về chái mật, gia:

姜活一リ　龍胆八分

Khương-hoạt 1 đồng, Long-đảm 8 phân.

Ba cái răng nhớn hàm dưới tay trái thuộc về buồng gan, gia: 柴胡一リ　梔子一リ炒黑

Sài-hồ 1 đồng, Chi-tử 1 đồng.

定痛姜活湯

Định-thống khương-hoạt thang

石羔二リ煨　荆芥七分　薄荷七分　獨活七分
升麻一リ半　細辛五分　生草五分　生地三リ
防風一リ　姜活一リ　川芎一リ

Thạch-cao 2 đồng, Kinh-giới 7 phân. Bạc-hà 7 phân, Độc-hoạt 7 phân, Thăng-ma 1 đồng rưỡi, Tế-tân 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Sinh-địa 3 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

石羔湯

Thạch-cao thang

梔子八分炒黑　薄荷八分　茯苓八分　連翹八分
川大黃二リ煨　升麻一リ　知母一リ　樸硝六分
石羔二リ煨　生草五分

Chi tử 8 phân, Bạc-hà 8 phân, Phục-linh 8 phân, Liên-kiều 8 phân, Đại-hoàng 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Tri-mẫu 1 đồng, Phác-tiêu 6 phân. Thạch-cao 2 đồng, Sinh-thảo 5 phân.

安腎丸
An-thận hoàn

肉蓯蓉二兩製 石斛一兩 茯苓一兩 破故一兩
杜仲一兩鹽炒 兔絲一兩 巴戟一兩 青鹽一兩
白蒺藜二兩 淮山一兩炒

Nhục-thong-dong 2 lạng, Thạch-hộc 1 lạng, Phục-linh 1 lạng, Phá cố 1 lạng, Đỗ trọng 1 lạng, Thỏ-ty 1 lạng, Ba-kích 1 lạng, Thanh-diêm 1 lạng, Bạch-tật-lê 2 lạng, Hoài-sơn 1 lạng.

Tán bột, luyện mật viên, mỗi bận uống 2 đồng.

Trừu-tân-ẩm, Ngọc-toàn-tán, Lý-âm-tiên đều ở số 3 THƯƠNG HÀN.

Bổ âm ích khí, Tả-quy-hoàn, Hữu-quy hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Bổ-trung-ích-khí đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lương-cách-tán ở số 75 ĐIÊN-CUỒNG.

Giản-dị phương

Thạch-cao 1 lạng, Tế-tân 3 đồng sắc nước ngậm.

Hoặc dùng: Hương-phụ, Ngải-diệp sắc nước ngậm.

Hoặc dùng: Ngải-diệp, Tổ-ong sắc giấm-thanh ngậm.

Hoặc dùng: Đinh-hương 5 phân, Xuyên-tiêu 5 phân, Băng-phiến 1 phân tán bột chấm vào.

Hoặc dùng: rễ giây lá-lốt dâm nhỏ dịt vào.

Hoặc dùng: Thăng-ma, Thạch-cao, Đại-hoàng, Tri-mẫu đều 1 đồng sắc nước ngậm.

Hoặc dùng: Thanh-diêm, Tế-tân, Tất-bát, Xuyên tiêu tán bột chấm vào.

Hoặc dùng. Tổ-kén 2 đồng (đốt ra than), Ngũ bội, Phèn-phi, Hoàng-bá đều 1 đồng tán bột chấm vào rất là thần hiệu.

Hoặc dùng 2 nhánh tỏi, Khinh-phấn 1 đồng dâm lẫn dịt vào huyệt *kinh-cừ* lấy cái hến để úp lên trên rồi buộc lại, huyệt ấy ở chân ngón tay cái, ngón tay chỏ chỗ khlu sau mạch bộ thốn, giai tay trái gái tay phải; một chốc thấy đau, cậy ra bỏ đi; thấy mọc lên một cái bọng nước, nhể chẩy nước ra, khỏi đau lập tức.

Răng có sâu

Dùng Ngũ-bội 3 đồng, sắc nước ngậm sâu chết ngay.

Hoặc dùng hột hẹ 3 đồng sắc nước ngậm.

Hoặc dùng Ba-đậu 1 nhân Xuyên-tiêu 5 hột, tán bột luyện cơm viên, nhét vào chỗ đau.

Hoặc dùng con nhái lột da chỉ lấy 1 miếng thịt đùi, bỏ xương đi, giần cho mềm để vào chỗ đau, một chốc con sâu ra ăn lấy ra thả vào nước mà xem, vài bận thời khỏi.

Hoặc dùng đầu, cánh gà đốt ra than chấm vào chỗ sâu, một chốc súc miệng có sâu ra.

Cố-xỉ pháp

Thường khi răng hơi có ý lồi lên thời sẽ cắn cho chặt thỉnh thoảng lại cắn luôn, những khi đi tiểu thời trước cắn cho chặt hàm răng lại, rồi sau mới phóng giải.

Trẻ con cam răng

青黛一リ 硃砂五分 生草五分 人中白一リ
硼砂一リ 雄黄一リ 冰片一リ

Thanh-dại 1 đồng, Chu sa 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Nhân-trung-bạch 1 đồng Bằng-sa 1 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng, Băng-phiến 1 đồng.

Tán bột chấm vào.

Cam tẩu-mã

人中白 五倍 黄連 青黛 胆礬 黄伯
柑䃥葉 (各一リ)

Nhân trung-bạch, Ngũ bội. Hoàng-liên. Thanh-dại Đảm-phèn, Hoàng-bá, Lá cam-xành (đều 1 đồng).

Tán bột chấm vào

Chứng cam tẩu-mã phải dùng đậu-xanh cho ăn luôn luôn.

Hoặc dùng lông đuôi trâu trắng, hoàng-bá, 2 vị đốt ra than, tán bột hòa mật-ong chấm vào; nếu không khỏi lấy thán-khương thay hoàng-bá.

頰車

89. — Giáp-xa

Bịnh giáp-xa là sưng quai-hàm, đau một bên gọi là sưng hàm trâu, sưng cả hai bên gọi là lên quai-bị. Bịnh này có ba thứ phải chia ra mà dùng thuốc

Một thứ nhân thượng-tiêu, hoành-cách nóng mà sưng hàm dùng bài *Lương-cách-tán* gia Kết-cánh, Phòng-phong.

Một thứ nhân gió lạnh vào kinh Thiếu-âm mà gân xương đau, dùng bài *Khương-hoạt-thắng-thấp* gia Hoàng-cầm, Kết-cánh.

Một thứ nhân thận thủy hư mà sưng hàm, dùng bài *Lục-vị* gia Huyền sâm, Ngưu-tất.

Lương-cách-tán ở số 75 Điên-cuồng
Lục-vị-hoàn ở số 10 Chư-hư-chứng.

羗活勝濕湯

Khương-hoạt-thắng-thấp thang

藁本一ｿ半　獨活二ｿ　羗活二ｿ　蔓荆五分
防風一ｿ半　川芎五分　生草五分
加　黄芩一ｿ炒　桔更一ｿ

Cảo-bản 1 đồng rưỡi Độc-hoạt 2 đồng, Khương-hoạt 2 đồng. Mạn kinh 5 phân. Phòng-phong 1 đồng rưỡi. Xuyên khung 5 phân, Sinh-thảo 5 phân.

Gia: Hoàng-cầm 1 đồng. Kết-cánh 1 đồng.

Thuốc bôi ngoài

1•) Xích-tiểu-đậu 5 đồng tán bột hòa lòng trắng trứng-gà bôi, hoặc hòa giấm-thanh

2•) Hạnh-nhân 5 đồng dâm nhỏ như cao đắp vào

3•) Tế-tân 3 đồng, Thảo-ô 3 đồng tán bột hòa mỡ lợn bôi, lại dùng quả Ô-mai dề vào trong hàm chẩy rãi ra thì khỏi sưng

4) Sưng hàm-trâu dùng xương hàm con trâu đốt ra than tán bột hòa nước bôi.

5) Lên quai-bị lấy cái quai-bị cũ của ăn-mày đốt ra than hòa nước bôi vào.

咽喉

90. — Yết-hầu

Yết-hầu là đau trong cổ. — Hầu là cuống-họng hơi thuộc buồng phổi, ở ngoài làm cái ống hút vào thở ra. Yết là cuống-họng cơm thuộc dạ-dầy, ở trong làm cái cửa ăn uống. Quả hội-áp là cái nút ở giữa, chủ việc đóng mở để cho ăn uống vào ống cơm mà không lẫn, vậy nên đức thánh Khổng-tử khi ăn không nói sợ ống hơi mở ra mà rơi cơm nước vào. Cái yết-hầu là chốn ách-yếu trong mình người ta lại làm cái cửa cho các tạng phủ như có bịnh gì ngăn trở thời tính mệnh người ta quan hệ lắm. Cổ-phương có chia làm 18 chứng như mà chỉ tại đàm hỏa sinh ra, hoặc sưng sũng, hoặc tê đau, ăn uống không được thực là sợ lắm. Trị bịnh này phải xét âm, dương lạnh nóng thế nào và chứng hầu-phong; chứng hầu-tý; chứng hầu-nga các bịnh mà chữa.

Một thứ hỏa chứng hầu tý trong cổ tê đau là lửa tam-tiêu bốc lên kết ở trong cổ, nóng ra dầu mặt dùng bài *Tỷ-tân-ẩm* nóng lắm dùng bài *Trừu-tân ẩm* nhược bằng can hỏa thịnh thời mắt đỏ phải gia Chi-tử, Long đảm-thảo. Bạch-thược làm chủ, nhược bằng kinh dương-minh dạ-dầy lửa nóng thời có rức đầu khát nước phải gia thạch-cao làm chủ. Nhược bằng đại-tiện táo kết phải gia Đại-hoàng 2 đồng, Mang-tiêu 2 đồng.

Một thứ âm hư hầu-tý trong cổ đau, miệng khát, cổ khô, môi hồng, mắt đỏ, đờm rãi nhiều. mạch thời phù xác mà không khỏe; hoặc nhân tửu sắc hóa ra âm hư dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Gia-giảm-nhất-âm*. nhược bằng lửa nóng ít. đi tiểu không nóng cũng không muốn mát, dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Nhất-âm-tiễn*, hoặc là có lo nghĩ động đến tâm hỏa dùng bài *Nhị-âm*.

Một thứ cách dương hầu-tý đau trong cổ là lửa vô căn bốc lên trên cổ thời trên nóng dưới lạnh. mạch thời vi

nhược là hỏa bất quy nguyên bởi nhân sắc dục tổn tinh, hoặc nhân tiết tả thương thận, hoặc quá dùng thuốc lạnh, cho nên dương khí hư, dùng bài *Chấn âm tiễn*, bài *Bát-vị-hoàn*. Hoặc dùng phụ-tử tẩm mật nướng mà ngậm, hoặc dùng *Khương-quế-thang*.

Một thứ dương hư hầu-tý nhân tại dương hư vì uống nhiều thuốc công phạt hóa ra ăn uống kém ít hình thể gầy yếu, mà hóa dương hư, dùng *Độc-sâm-thang*, cho uống luôn. Hoặc có đờm gia Trúc-lịch, Khương trấp.

Một thứ chứng tỏa-hầu-phong. Người ta bảo rằng: cổ đau không ăn uống được gọi là tỏa-hầu-phong thực là chứng hầu tý. Nhược bằng thật đích chứng tỏa-hầu phong thời người ấy không có bịnh gì chỉ tự nhiên cổ nhỏ bé lại mà thở không được Không có đau sưng gì mà đến nỗi hơi như sợi chỉ, tiếng như muỗi kêu kíp dùng *Tạo-dác-phương*, hoặc dùng *Đồng-du-phương*, cho thổ đờm ra, rồi lại dùng *Độc-sâm-thang* cho uống hoặc là có cứu được chăng.

Trẻ con tỏa - hầu - phong

Dùng lá phù dung dâm vắt lấy nước độ nửa chén hòa với một cái trứng-gà nấu lên; một nửa dịt lên trên thóp, một nửa dịt vào rốn thời khỏi.

Những khi mới phải chứng hầu tý thời nuốt đau ở trong cổ dùng *Cam kết-thang*, hoặc nước đậu-xanh, nước quả lê, hoặc nước củ cải không củ dùng một đâm hòa lấy nước; đều gia Huyền-minh-phấn quấy đều cho uống. Nhược bằng trong cổ đau lắm uống một tí nước ăn một tí cơm không thể nuốt được dùng Sơn-đậu-căn và lá Khô-mộc nhai nhỏ nuốt nước thời khỏi; hoặc dùng nhân hột-chám khô vài ba mươi nhân nghiền nhỏ hòa mật-ong nuốt dần dần vào rất là thần hiệu.

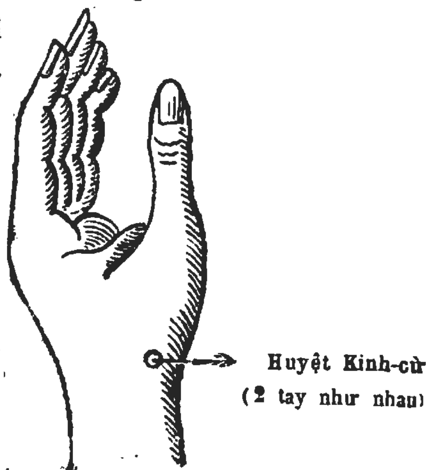
Một thứ trong cổ sinh nhũ-nga, mọc ở hai bên gọi là song nga, mọc một bên gọi là đan-nga, hình nó thời tròn như hạt trai cũng là loài ung dọt. Nhược bằng dộc còn it sưng còn nhỏ chưa có mủ thời dùng thuốc khoẳng vào, hoặc thổi vào cũng tiêu đi được. Nhược bằng sưng to nguy quá phải chích cho chẩy máu ra mới khỏi được. Nhược bằng chứng tỏa-hầu-phong thời sưng cả mảng mà không có mủ; không dùng châm thích phải dùng thuốc giáng hỏa thời mới khỏi sưng.

針刺法
Phép châm-thích

Dùng cái đũa chẻ một ti dề cái kim vào vừa rồi thò mũi kim ra độ hai li; lấy chỉ buộc chặt ngoài lại; dùng giấy bọc kín không cho người bịnh biết, nói dối rằng chấm thuốc, xem trúng giữa cái nốt mà thích vào.

Một thứ hầu-nga dã thành, đàn ông thời từ giữa sống mũi tìm lên dến đỉnh đầu, dàn bà thời từ giữa sau gáy tìm lên dến đỉnh đầu, trẻ con thời xem hổ-khẩu 2 tay như có bọc nước đỏ dùng kim khêu vỡ ra thời trong cổ hầu-nga cũng vỡ.

Hoặc dùng 2 nhánh tỏi giã nhỏ dịt vào huyệt **Kinh-cừ**. Huyệt ấy ở cổ-tay, chân ngón tay cái, ngón tay chỏ, chỗ khủu tay hơi trũng xuống bên sau mạch **Bộ-thốn**, giai tay trái, gái tay phải, lấy cái vỏ hến úp lên trên rồi buộc chặt, một chốc nầy ra thấy mọc lên cái bọc nước; lấy kim khêu chầy nước ra thời khỏi, rồi lại dùng *Cam-kết-thang* cho uống.



Một thứ yết-hầu sưng đầy tắc cổ xem thế nguy quá, đem 2 tay người bịnh tuốt xuống 20 cái dề cho máu tụ xuống ngón tay cái, lấy chỉ buộc chặt lại rồi lấy kim đâm vào huyệt thiếu-thương đâm cả 2 tay thời trong cổ khai ra được. Huyệt **thiếu-thương** có vẽ ở số 4 TRÚNG-PHONG.

Hựu phương

Nhân ba-dậu độ 10 nhân đâm nhỏ thêm một ti tế-tân tán bột lấy giấy quấn lại cắt dôi ra nút vào lỗ mũi, trong cổ sưng bên tả nút bên hữu, sưng bên hữu nút bên tả, sưng hai bên nút cả hai, thay dổi nút luôn thời cổ khai ra dược.

Một thứ trong cổ sưng lấp hàm răng cắn chặt nói không ra tiếng dùng:

雄黃一刃 巴豆二粒 鬱金五分

Hùng-hoàng 1 đồng, Ba-dậu 2 nhân, Uất-kim 5 phân.

Tán bột hòa nước lấy quản bút thổi nước vào trong lỗ mũi, nước chầy xuống cổ thời người bịnh nôn ọc, thời hàm răng há ra trong cổ thông được.

Một thứ trong cổ sưng quả-châu, ông Đan-Khê bảo rằng: «chứng này không phải hầu-nga, cho nên các thứ thuốc không khỏi, ấy là trong mũi sinh ra một sợi chỉ đỏ treo một cái bọc đen, nhớn bằng quả-châu dủ xuống đến giữa cổ, nhược bằng châm kim thời chết, kíp dùng rễ cây thổ-ngưu-tất là cỏ-sước dầm lấy nước hòa giấm-thanh 5, 3 giọt rỏ vào trong mũi 3 bận thời sợi chỉ đứt quả-châu vỡ thổ ra máu độc thời khỏi, lại dùng phép thích huyệt thiếu-thương cả hai tay bỏ máu độc đi càng hay.

列方

Liệt các bài thuốc

甘桔湯

Cam-kết thang

金銀二リ 生艸二リ 黑丑一ソ半 桔梗一リ

Kim ngân 2 đồng Sinh-thảo 2 đồng, Hắc-sửu 1 đồng rưỡi. Kết-cánh 1 đồng. Sắc nước uống.

姜桂湯

Khương-quế thang

乾姜炒 炙草 肉桂磨 (各一リ)

Can-khương, Chích-thảo. Nhục-quế đều 1 đồng. Sắc uống.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Gia-dảm nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Nhị-âm-tiễn ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tỷ-tân-ẩm. Trừu tân ẩm. Tư-âm-bát vị đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Độc-sâm-thang ở số 4 TRÚNG-PHONG

Chấn âm tiên ở số 17 SẮC-QUYẾT

掃吹諸方

Tảo suy chư phương

皂角方
Tạo - dác phương

Nha-tạo-dác 5 đồng sao chảy tán bột hòa giấm-thanh cho uống 7 phân, hoặc dùng lông cánh ngỗng chấm thuốc hòa giấm-thanh khoắng trong cổ, lại lấy thuốc bôi ngoài cổ, khô lại bôi, một chốc thổ đờm ra thời khỏi. Bài này trị hầu-phong thần hiệu thứ nhất.

桐油方
Đồng - du phương

Dùng nửa bát nước sôi gia đồng-du 2 thìa, lấy lông cánh ngỗng chấm dầu khoắng vào trong cổ ba bốn bận cho nôn đờm ra, lại chấm lại khoắng đến khỏi thì thôi, sau sắc nước cam-thảo uống cho giải độc.

Hựu phương

Đảm-phèn 5 phân, Mộc-hương 3 phân, tán bột, lấy nửa nhân hột gấc mài với nước hòa Mộc-hương, Đảm-phèn, thêm 3 ly mật gấu lấy lông cánh gà chấm thuốc khoắng trong cổ.

Hựu phương

鷄內金一分半炒　　枯礬一分半　　胆礬二分
百艸霜三分　　硼砂三分

Kê-nội-kim 1 phân rưỡi, Khô-phèn 1 phân rưỡi, Đảm-phèn 2 phân, Bách-thảo xương 3 phân, Bằng sa 3 phân.

Cùng tán bột hòa giấm-thanh thêm một ti mật-gấu lấy lông gà chấm thuốc khoắng trong cổ.

Hựu phương

Dùng một thứ nhân hột-gấc mài với giấm-thanh, lấy lông gà chấm khoắng trong cổ.

Năm bài thuốc này dùng lông-gà khoắng trong cổ, bảo người bịnh phải đằng-hắng ho khạc ra không nên nuốt vào, rồi sau lại dùng các bài thuốc thổi.

七寶散
Thất - bảo tán

牙皂角一菓　姜蚕十个　全蝎十个　硼砂一リ
雄黃一リ　枯礬一リ　胆礬五分

Nha-tạo-dác 1 quả, Khương-tàm 10 con, Toàn-yết 10 con, Bằng-sa 1 đồng, Hùng-hoàng 1 đồng, Khô-phèn 1 đồng, Đảm-phèn 5 phân.

Cùng tán bột lấy quản bút chấm thuốc bảo người bịnh há mồm để gần vào trong cổ mà thổi.

Hựu phương

硼砂五分　雄黃二分　芽硝一リ半
氷片二厘　姜蚕二分

Bằng-sa 5 phân, Hùng-hoàng 2 phân, Nha-tiêu 1 đồng rưỡi, Băng-phiến 2 ly, Khương-tàm 2 phân.

Tán bột thổi vào trong cổ.

Hựu phương

Dùng móng-tay người sao cháy tán bột thổi vào trong cổ thời bầu-nga vỡ.

Hựu phương

Dùng móng tay người, 10 sợi bấc cùng sao cháy thêm 10 con rệp sao cho khô cùng tán bột thổi vào trong cổ, thổ huyết ra thời khỏi.

梅核
91. — Mai - hạch

Chứng mai-hạch khi như có cái hột mơ ở trong cổ, khạc không ra mà nuốt không xuống bởi vì nhân thất tình uất kết, hoặc khi đương ăn uống mà có phạm những sự phiền não, truyện dận dữ gì đó. Chứng này chỉ đàn bà hay có nhiều. Phép chữa thời phải khai uất thuận khí tiêu đàm thời khỏi.

Một thứ mai-hạch thuộc hàn thời có tức dầy lợm nôn dùng *Gia-vị-tứ-thất-thang*.

Một thứ mai-hạch thuộc nhiệt phải thanh dàm giáng hỏa dùng *Đàm-khí-hạch-phương*.

加味四七湯

Gia vị tứ thất thang

厚樸 蘇梗 法夏 橘紅 沙仁 南星
神曲 檳榔 (各一リ)
白豆蔻五分 枳實五分 益智五分 茯苓二リ
青皮五分炒 生姜五片

Hậu-phác Tô-ngạnh, Pháp hạ, Quất-hồng, Sa-nhân, Nam-tinh, Thần-khúc, Binh-lang (đều 1 đồng),

Bạch-dậu-khấu 5 phân, Chỉ thực 5 phân, Ích-chí 5 phân, Phục-linh 2 đồng, Thanh-bì 5 phân, Sinh-khương 5 nhát.

Sắc uống.

痰氣核方

Đàm khí hạch phương

黄芩一リ半炒 蓮翹一リ半 海帶七分
白芥子八分炒 蘇子一リ炒 桔更七分
貝母一リ姜炒 枳實五分炒 生草五分
香附七分炒

Hoàng-cầm 1 đồng rưỡi, Liên-kiều 1 đồng rưỡi, Hải-dái 7 phân, Bạch-giới tử 8 phân, Tô tử 1 đồng, Kết-cánh 7 phân, Bối mẫu 1 đồng, Chỉ-thực 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Hương-phụ 7 phân. Sắc uống.

含化丸

Thuốc ngậm

山豆根一刄 硼砂二リ 龍腦三厘 射香三厘

Sơn-dậu-căn 1 lạng, Bằng-sa 2 đồng, Long-não 3 ly, Xạ-hương 3 ly.

Tán bột luyện với mật cá-trắm viên bằng hột dậu-xanh, mỗi bận ngậm 3 viên, hoặc dùng Ô-mai, Chám-khô dể ngậm.

咽 硬
92. — Yết - nganh

Yết-nganh là bịnh hóc. — Những khi ăn uống không xét, nhai xương không kỹ. hoặc vội vàng nuốt ngay, xương dâm ngang trong cổ. nuốt không xuống được phải dùng thuốc gì thuộc vào vật ấy thời mới chóng khỏi, hóc thời xương cắm vào là nghịch dùng phép thổ thời xương ra theo là thuận.

Một thứ hóc xương cá dùng mỏ chim cốc mài uống. Hoặc treo chân con vịt lấy rãi cho uống. Hoặc dùng bàn tay con rái-cá cào ngoài cổ. cào ngược thời ra, cào xuôi thời vào. Hoặc dùng hột chám mài cho đặc hòa nước sôi cho uống.

Một thứ hóc xương loài thú dùng móng tay con gấu cào ngoài cổ. cào ngược thời ra, cào xuôi thời vào Hoặc dùng ngà voi mài đặc cho uống.

Một thứ hóc xương cầm thú. treo chân con chó hứng lấy rãi cho uống. Hoặc dùng đầu con lươn chấm rãi chó khoắng vào trong cổ.

治硬諸方
Các bài thuốc chữa hóc

勝金方
Thắng - kim phương

Mùa đông lấy mật cá rô, treo mái danh cho khô. Mỗi bận dùng một cái sắc nước uống, một chốc nôn ra đờm. xương cũng theo ra, nhược bằng chửa nôn cho uống thêm rượu nóng, hoặc cũng không nôn lại sắc cái nữa cho uống

Hựu phương

Sa-nhân, Thảo-quả, Uy-linh tiên đều đồng, đường trắng 1 lạng, sắc cho uống luôn 2 bát xương tan mất

Hựu phương

Lấy một cục bằng-sa ngậm nuốt nước vào thời khỏi

Hựu phương

Mộc-tặc tán bột độ 1 đồng hòa lòng trắng trứng-gà cho uống khỏi ngay.

Hoặc dùng móng tay người đốt ra than tán bột thổi vào trong cổ.

Hoặc dùng rau hẹ luộc qua gần chín đến, nuốt vào một miếng to.

Hoặc dùng một cục kẹo mạch-nha nuốt xuống.

Hoặc dùng củ tỏi nút kín hai lỗ mũi không cho thở hơi ra, hóc xương phải xuống.

Hoặc dùng vẩy lưng cá chép, sao khô tán bột hòa nước cho uống.

Hoặc dùng cao sơn-tra ngậm.

Hoặc dùng sơn-tra 8 đồng sắc nước cho uống nhấm-nhấp.

Hoặc dùng 1 cục hàn-the ngậm nuốt nước, xương tiêu xuống.

Phép đọc chú chữa hóc

Lấy một chén nước đứng ngoảnh vào vách để chén nước trước miệng đọc một hơi rằng: « gần thì ra, xa thì vào, » không cứ mấy lượt hết hơi thời thôi; lại hà vào chén nước cho uống thời khỏi

Các thứ hóc

1·) Hóc vỏ ốc dùng rãi vịt cho uống.
2·) Hóc trấu, thóc dùng rãi ngỗng.
3·) Hóc lá tre dùng rãi trâu.
4·) Hóc cái tóc dùng lược cũ đốt ra than tán nhỏ hòa nước uống
5·) Hóc tre, gỗ dùng sơ-mướp đốt ra than hòa rượu uống
6·) Hóc kim, chặt đầu con cóc treo lên hứng lấy máu cho uống.

Nuốt nhầm phải các thứ

1·) Nuốt phải sắt, lấy vỏ than tán bột hòa cháo cho ăn

2·) Nuốt phải tiền đồng, ăn vị bột-tề cho nhiều thời tan.

3·) Nuốt phải vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm, lấy xương dùi chân trước con dê chỗ khủu đốt khô tán bột hòa nước cơm uống 3 đồng.

Hoặc dùng hột chám đốt ra than tán bột hòa nước uống.

4·) Nuốt phải cái đanh, dùng từ-thạch (đá nam-châm) 1 đồng, Phác-tiêu 2 đồng, tán bột hòa mỡ lợn thêm mật-ong cho uống (Bài này của ông Cảnh-Nhạc).

5·) Nuốt phải cái kim, dùng đậu tầm nấu với rau hẹ mà ăn; kim theo đại-tiện ra, không đậu-tầm dùng trứng muối.

Hoặc lấy một đôi mắt con cóc xóng đều nhau nuốt vào thời kim sóc vào hai mắt cóc mà ra.

頸項

93. — Cảnh-hạng

Cảnh-hạng là đau ngoài cổ. — Cổ là tóm các gân, vốn nhờ âm huyết nuôi nứng thuộc về hai kinh: can, thận, hoặc khi ngoài nhân gió lạnh, trong mình nhân huyết ráo mà hóa ra gân cứng đau không ngoảnh đi ngoảnh lại được.

Chữa bịnh này phải tư âm bổ huyết và thêm vị khư phong thì gân được nhuận hoạt mà không đau nữa.

Một thứ can huyết hư tổn mà gân cổ cứng đau dùng thang *Gia-vị-tứ-vật.*

Một thứ thận thủy suy, mà đau cả sau gáy dùng bài *Lục-vị-gia-dảm*. Như có đàm hỏa dùng thang *Gia-vị-nhị-trần*.

加味四物湯

Gia vị tứ-vật thang

川芎一リ半 紅花一リ半 獨活二リ 赤芍二リ
桃仁十五粒 防風二リ 當歸三リ 生地五リ

Xuyên-khung 1 đồng rưỡi, Hồng-hoa 1 đồng rưỡi, Độc-hoạt 2 đồng, Xích-thược 2 đồng, Đào-nhân 15 hột, Phòng-phong 2 đồng, Đương-quy 3 đồng, Sinh-địa 5 đồng.

六味加減

Lục-vị gia-dảm

澤左一リ塩炒 牡丹三リ炒 茯苓三リ 熟地八リ
杜仲二リ鹽炒 淮山四リ炒 當歸三リ 秦艽二リ

續斷二ソ炒　赤芍二ソ　牛膝二ソ

Trạch-tả 1 đồng, Mẫu-đơn 3 đồng Phục-linh 3 đồng, Thục-địa 8 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Hoài-sơn 4 đồng, Đương-quy 3 đồng. Tần-giao 2 đồng Tục-đoạn 2 đồng, Xích-thược 2 đồng, ngưu-tất 2 đồng.

加味二陳湯

Gia vị nhị-trần thang

陳皮一ソ半炒　茯苓三ソ　生草一ソ　法夏一ソ半
黄芩一ソ炒　紅花一ソ　姜活一ソ

Trần-bì 1 đồng rưỡi, Phục-linh 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Pháp-hạ 1 đồng rưỡi, Hoàng-cầm 1 đồng, Hồng-hoa 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng.

Hoặc dùng lá hẹ dầm nhỏ, cho tí muối sào nóng, lấy vải bọc mà chườm cho dãn gân.

結核

94. — Kết-hạch

Kết-hạch là bịnh mọc hạch, kết lại rắn chắc như là cái hột ở trong quả hoặc mọc ở sau tai, hoặc sinh bên cổ, hoặc ở dưới hàm, hoặc ở trong nách, hoặc sinh dưới bẹn, bởi vì đàm hỏa tụ lại chẳng đỏ chẳng sưng, hoặc cũng có phát sốt mà đau. Phàm những chứng hạch sinh ở trên là bịnh nặng, mọc ở dưới là bịnh nhẹ. Chữa bịnh này phải cho hoạt huyết, tiêu đàm để tan khí nóng, thời hạch tự nhiên tiêu đi.

列方

Liệt các bài thuốc

解毒滑血湯

Giải-độc hoạt-huyết thang

厚樸二ソ炒　生地五ソ　當歸二ソ　赤芍三ソ
連喬三ソ　葛根二ソ　紅花二ソ　柴胡一ソ
生草一ソ　桃仁廿粒

Hậu-phác 2 đồng, Sinh-địa 5 đồng, Dương-quy 2 đồng, Xích-thược 3 đồng, Liên-kiều 3 đồng, Cát-căn 2 đồng Hồng-hoa 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Đào-nhân 20 hột.

消核方

Tiêu - hạch phương

大黃一リ煨 黃芩八分炒 法夏七分 玄參七分
梔子八分炒焦 牡蠣七分煅 花粉七分 桔梗七分
瓜蔞仁七分 姜蚕五分炒 橘紅一リ 赤苓一リ
連翹一リ 生草四分

Đại-hoàng 1 đồng, Hoàng-cầm 8 phân, Pháp-hạ 7 phân, Huyền-sâm 7 phân, Chi-tử 8 phân, Mẫu-lệ 7 phân, Hoa-phấn 7 phân, Kết-cánh 7 phân, Qua-lâu-nhân 7 phân, Khương-tàm 5 phân, Quất-hồng 1 đồng, Xích-linh 1 đồng, Liên-kiều 1 đồng, Sinh-thảo 4 phân.

治核傳方

Trị hạch truyền phương

黃芪 生草 桔梗 党參姜炒 川芎 桂枝
厚樸炒 防風 白芷 歸尾 (各二リ)
加 金銀四リ

Hoàng-kỳ, Sinh-thảo, Kết-cánh, Đảng-sâm, Xuyên-khung, Quế-chi, Hậu phác, Phòng-phong, Bạch-chỉ, Quy-vĩ (đều 2 đồng).
Gia Kim-ngân 4 đồng.
Có câu ca rằng: « Hoàng-kỳ, cam, kết, sâm, khung, quế; Hậu-phác, phòng-phong, bạch-chỉ, quy; gia kim-ngân tứ tiền ».

內托白蘞散

Nội-thác - bạch - liễm tán

乳香七分炒 花粉七分 川芎五分 蒺藜五分
黃芩五分炒 柴胡五分 白芷八分 白蘞八分
瓜蔞仁八分 防風五分 桔梗五分 當歸一リ
甘草節四分 連翹一リ 赤芍一リ

Nhũ-hương 7 phân, Hoa-phấn 7 phân, Xuyên-khung 5 phân, Tật-lê 5 phân, Hoàng-cầm 5 phân, Sài-hồ 5 phân, Bạch-chỉ 8 phân, Bạch-liễm 8 phân, Qua-lâu-nhân 8 phân, Phòng-phong 5 phân, Kết-cánh 5 phân, Đương-quy 1 đồng, Cam-thảo-tiết 4 phân, Liên-kiều 1 đồng, Xích-thược 1 đồng.

Tán bột, mỗi bận uống 2 đồng

治核內消散

Trị - hạch - nội - tiêu tán

歸尾　連翹　赤芍　(各五ㄌ)
獨活　白芷　防風　川芎　(各二ㄌ半)
桂枝　荆芥　藁本　生草　細辛
薄荷　(各一ㄌ半)

Quy-vĩ, Liên-kiều, Xích-thược (đều 5 đồng); Độc-hoạt, Bạch-chỉ, Phòng-phong, Xuyên-khung (đều 2 đồng rưỡi); Quế-chi, Kinh-giới, Cảo-bản, Sinh-thảo, Tế-tân Bạc-hà (đều 1 đồng rưỡi).

Tán bột, mỗi bận uống 2 đồng.

Hạch mọc dưới cằm dùng con rện nhớn độ 5, 3 con dâm nhỏ sắc bằng rượu lọc bỏ bã; đi ngủ thì uống.

Các bài dịt hạch

Dùng mật gấu bằng bột dậu xanh hòa rượu vừa uống, vừa bôi.

Hoặc dùng: Hoài-sơn sống 2 đồng, hột dầu-dầu tía 20 hột, cùng dâm nhỏ dịt vào.

Hoặc dùng lá rau sam dâm nhỏ vắt lấy nước uống một nửa, còn dịt vào chỗ đau

Hoặc dùng cà-độc-dược 1 quả (không có quả dùng 2 đồng hột, hột dầu tía 10 hột, phác-tiêu, long-não đều 1 đồng, cùng dâm nhỏ hòa giấm-thanh dịt vào

Hoặc dùng lá bồ-công-anh 1 nắm, long-não 1 phân, hột-gấc 1 nhân, dâm nhỏ dịt vào

---

聲瘖

95. — Thanh-âm

Thanh-ấm là tiếng nói khàn, tiếng nói thời chủ ở quả tim, phát ra ở buồng phổi, mà gốc ở bổ-dục, hoặc có ngoài nhân gió lạnh, trong nhân khí hư tổn cho nên hóa ra nói khàn; bịnh nặng thời nói không nghe tiếng. Buồng phổi ví như cái chuông đặc thời cũng không kêu, vỡ thời mất tiếng, phong hỏa ngoại tà, bế tắc là chứng thực tinh huyết trong mình suy bại là chứng hư. Phép chữa phải phân hư thực và mới, hay lâu mà dùng thuốc.

Một thứ gió lạnh cảm ở ngoài, khí nóng uất ở trong, ống còi bế tắc, ho bằng nhiều lắm mà tiếng khàn dùng bài *Sâm-tô-ẩm*, bài *Tiểu-thanh-long*.

Một thứ hỏa tà sâm vào buồng phổi, thượng-tiêu nóng lấp, mà tiếng khàn dùng bài *Tứ-âm tiên*, bài *Mạch-môn-đông*. Nhược bằng tâm hỏa nóng quá dùng bài *Nhị-âm-tiên*. Vị hỏa nóng quá dùng bài *Trúc diệp-thạch-cao*. Can hỏa nóng quá dùng bài *Tiểu-giáng-khí*. Nhược bằng chứng ho lao hiệp hỏa mà tiếng khàn dùng bài *Trúc-y-mạch-đông-thang*.

Một thứ nhân sắc dục kiệt âm mà nói khàn dùng bài *Tư-kim-tráng-thủy*, bài *Đại-bổ-nguyên*.

Một thứ nhân sự sợ hãi quá mà mất tiếng dùng bài *Thất-phúc-ẩm*, thang *Quy-tỳ* khứ mộc-hương, gia Thục-địa 3 đồng.

Một thứ ho lâu mà mất tiếng, bởi vì nguyên khí đại hư, phế, thận 2 kinh đều bị bịnh dùng bài *Tam-tài-hoàn*, bài *Lao-khái-tư-cao*, *Thông-âm-tiên*.

Một thứ nhân gió mà cấm khẩu không nói được, dùng đồng-tiện 1 chén, lấy củ xạ-can mài, lại lấy một nắm lá tre vò nát tầm vào nước tiểu, hâm nóng uống, một chốc thời nói được. Bằng như có co gân lấy lá hẹ dâm nhỏ sào nóng mà chườm.

Một thứ cấm khẩu, câm đã lâu dùng Thạch-xương-bồ sắc nước với nước đái rùa-rùa mới khai thanh được. Lấy kính soi vào con rùa-rùa thời nó đái, hoặc dùng lông gáy lợn xỏ vào lỗ mũi con rùa-rùa thời nó đái, lấy lá khoai, lá sen, hứng cho uống.

列 方

Liệt các bài thuốc

Sâm-tô-ẩm ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Tứ-âm-tiên, Nhị-âm tiên, Đại-bổ-nguyên, Thất-phúc-ẩm, Tam-tài-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Thông-âm-tiên ở số 30 KHÁI-THẤU.

Lao-khái-tư-cao ở số 33 LAO-SÁI.

Quy-tỳ-thang ở số 60 QUAN-CÁCH.

小青龍湯

Tiểu-thanh-long thang

細辛三分　白苟二リ　桔更二リ　陳皮五分炒
生草一リ　防風一リ　桂枝五分

Tế-tân 3 phân, Bạch-thược 2 đồng, Kết-cánh 2 đồng, Trần-bì 5 phân, Sinh-thảo 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Quế-chi 5 phân.

麥門冬湯

Mạch-môn-đông thang

麥門二リ炒　天門二リ炒　生地三リ　紫菀一リ
桑皮一リ炒　桔更一リ半　生草七分　竹葉十片
五味七粒炒　土貝母一リ姜炒

Mạch-môn 2 đồng, Thiên-môn 2 đồng. Sinh-địa 3 đồng, Tử-uyển 1 đồng, Tang-bì 1 đồng, Kết cánh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 7 phân, Trúc-diệp 10 lá, Ngũ-vị 7 hột, Bối-mẫu 1 đồng.

竹葉石羔湯

Trúc-diệp thạch-cao thang

竹葉廿片　石羔五リ煨　薄荷五分　桔更二リ
木通一リ　生艸一リ

Trúc-diệp 20 lá, Thạch-cao 5 đồng, Bạc-hà 5 phân, Kết-cánh 2 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

小降氣湯

Tiểu-giáng-khí thang

紫蘇三リ　烏藥三リ　陳皮一リ炒
白芍三リ　生艸一リ

Tử-tô 3 đồng, Ô-dược 3 đồng, Trần-bì 1 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Sinh-thảo 1 đồng. Sắc uống.

竹衣麥冬湯

Trúc-y-mạch-đông thang

竹衣一リ　竹茹一リ　竹瀝一盃　竹葉十四片
杏仁七粒　橘紅五分　生艸五分　麥門二リ炒
茯苓一リ　桔更一リ

Trúc-y 1 đồng (màng trắng trong cây tre), Trúc-nhự 1 đồng (bì xanh tre), Trúc-lịch 1 chén, Trúc-diệp 14 lá, Hạnh-nhân 7 hột, Quất-hồng 5 phân, Sinh-thảo 5 phân, Mạch-môn 2 đồng, Phục-linh 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng.

滋金壯水方

Tư-kim-tráng-thủy phương

(là bài Lục-vị-hoàn) gia :

麥門三リ炒　牛必二リ

Mạch-môn 3 đồng (sao), Ngưu-tất 2 đồng. (bỏ sơn-thù)

簡易方

Giản dị phương

Trị bịnh mới phải mất tiếng. Đâm củ-cải vắt lấy 1 chén nước, thêm 10 giọt nước gừng cho uống.

Hoặc dùng củ-cải 3 củ, bồ-kép 1 quả, bỏ hột đốt ra than sắc cho uống.

Hoặc dùng hạnh-nhân 2 lạng, quế tốt 1 đồng đâm làm viên bằng hột nhãn mà ngậm.

Hoặc dùng mật sà-tăng tán bột độ 5 phân, hòa nước chè uống.

肩背
96. — Kiên bối

Kiên bối thống là đau vai lưng, bởi ngoài nhân gió lạnh, hoặc trong nhân khí huyết hư, hoặc có đàm thấp khí trệ, hoặc khiêng vác khó nhọc mà hóa đau vai lưng, hoặc đau cả xương sống, hoặc đau không ngoảnh lại được, hoặc đau cả gân cổ. Trị bịnh này phải khu phong tiêu đàm, trừ thấp bổ hư lại kiêm bánh khí hoạt huyết thời mới khỏi

Một thứ nhân phong thấp đau vai lưng không ngoảnh lại được dùng bài *Khương-hoạt-thắng-thấp*.

Một thứ nhân phong nhiệt vào phổi mà vai, lưng cứng thẳng đau đớn dùng bài *Đề-kiên-thang*, *Thông khí-phòng-phong-thang*.

Một thứ đàm khí ngưng tụ mà vai, lưng đau dùng *Tam-hợp-thang*, *Khoát-đàm-thang*.

Một thứ nhân thấp nhiệt mà vai lưng đau, kịp đến cả chân tay dùng thang *Đương-quy-niêm-thống*

Một thứ nhân tam tiêu khí ủng, ngũ tạng bất hòa, mà vai lưng đau dùng bài *Lưu-khí-ẩm*.

Một thứ ghính vác khó nhọc và ngồi lâu cúi xem, dương khí hư mà vai lưng đau dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*.

Một thứ thận thủy hư, âm hỏa bốc lên mà vai, lưng đau dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Gia-dảm-nhất-âm*.

列方
Liệt các bài thuốc

姜活勝濕湯
Khương-hoạt-thắng-thấp thang

槀本一リ 防風一リ 姜活一リ 川芎一リ
獨活二リ 蔓荊六分 甘草六分 加 葳靈仙一リ

Cảo bản 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Độc-hoạt 2 đồng, Mạn-kinh 6 phân, Cam-thảo 6 phân. Gia uy-linh-tiên 1 đồng.

提肩湯

Đề - kiên thang

黄芩五分炒 生艸四分 川黄連五分
防風 姜活 藁本 川芎 白芍 (各七分)
加 威靈仙一リ

Hoàng cầm 5 phân, Sinh-thảo 4 phân, Hoàng-liên 5 phân, Phòng-phong, Khương-hoạt, Cảo-bản, Xuyên-khung, Bạch-thược (đều 7 phân).

Gia Uy-linh-tiên 1 đồng. Sắc nước uống.

通氣防風湯

Thông - khí - phòng - phong thang

沙参三リ姜炒 白豆蔻二分 藁本一リ 防風一リ
黄芪一リ半炙 黄芩一リ炒 升麻五分 柴胡五分
青皮二分炒 陳皮五分 姜活五分

Sa sâm 3 đồng, Bạch-đậu-khấu 2 phân, Cảo-bản 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Hoàng kỳ 1 đồng rưỡi Hoàng-cầm 1 đồng, Thăng-ma 5 phân, Sài-hồ 5 phân, Thanh bì 2 phân, Trần-bì 5 phân, Khương-hoạt 5 phân. Sắc uống.

三合湯

Tam - hợp thang

陳皮炒 枳壳炒 法夏 炙草 茯苓 烏藥
乾姜炒 香附炒 姜蚕 川芎 白芷 麻黄
蒼术製 姜活 桔更 紫蘇 (各五分)

Trần-bì, Chỉ-xác, Pháp-hạ, Chích-thảo, Phục-linh, Ô dược, Can-khương, Hương-phụ, Khương-tàm, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Ma-hoàng, Xương truật, Khương-hoạt, Kết-cánh, Tử tô, (đều 5 phân). Sắc uống

---

豁痰湯
Khoát-đàm thang

梔子炒黑　法夏　桔更　赤芍　生草　陳皮炒
枳壳炒　茯苓　香附　川芎　姜黃　海桐皮
蒼朮製　(各一リ)

Chi-tử, Pháp-hạ, Kết-cánh, Xích-thược, Sinh-thảo, Trần-bì, Chỉ-xác, Phục-linh, Hương-phụ, Xuyên-khung, Khương-hoàng, Hải-đồng-bì, Xương-truật (đều 1 đồng). Sắc uống.

當歸拈痛湯
Đương-quy-niêm-thống thang

党參三リ姜炒　當歸二リ　知母一リ　猪苓一リ
白朮一リ土炒　苦參一リ　防風一リ　葛根一リ
蒼朮五分製　姜活五分　炙草五分　茵蔯一リ
黃芩五分炒　澤左一リ炒

Đảng-sâm 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Tri-mẫu 1 đồng, Chư-linh 1 đồng, Bạch-truật 1 đồng, Khổ-sâm 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Cát căn 1 đồng, Xương-truật 5 phân, Khương-hoạt 5 phân, Chích-thảo 5 phân, Nhân-trần 1 đồng, Hoàng-cầm 5 phân, Trạch-tả 1 đồng. Sắc uống

---

流氣飲子
Lưu-khí-ẩm-tử

青皮炒　木香　兵榔　烏藥　腹皮　枳壳炒
只寔炒　茯苓　紫蘇　桔更　防風　黃芪
陳皮炒　當歸　川芎　白芍　生草　法夏
(各三分)

Thanh-bì, Mộc-hương, Binh-lang, Ô-dược, Phúc-bì, Chỉ-xác, Chỉ thực, Phục-linh, Tử-tô, Kết-cánh, Phòng-phong, Hoàng-kỳ, Trần-bì, Đương-quy, Xuyên-khung Bạch-thược, Sinh thảo, Pháp-hạ, (đều 3 phân). Sắc uống.

Bổ-trung-ích khí, Gia-dảm-nhất-âm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Tư âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Nghiệm phương

背痛方

Bối thống phương

白朮一ゾ半土炒　薑黃六リ　羌活一リ半
生艸一ゾ半

Bạch-truật 1 đồng rưỡi, Khương-hoàng 6 đồng, Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 1 đồng rưỡi. Sắc uống.

肩痛方

Kiên thống phương

白朮二ゾ土炒　香附二ゾ炒　茯苓二リ
黃芩二リ炒　陳皮一リ炒　法夏一リ
蒼朮一ゾ製　威靈仙八リ　生艸一リ

Bạch-truật 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Phục linh 2 đồng, Hoàng cầm 2 đồng, Trần bì 1 đồng, Pháp-hạ 1 đồng, Xương-truật 1 đồng, Uy-linh-tiên 8 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

舒筋湯

Thư-cân thang

(*Trị cả vai lưng*)

白朮二ゾ土炒　羌活一ゾ　生艸一ゾ沉香三分麻
海同皮二ゾ　當歸三リ　薑黃五ゾ

Bạch-truật 2 đồng, Khương-hoạt 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Trầm-hương 3 phân, Hải-đồng-bì 2 đồng Đương quy 3 đồng, Khương hoàng 5 đồng. Sắc uống.

外揉方

Bài thuốc bóp

風姜三リ　血竭三ゾ　蒼朮三ゾ　桂枝二ゾ
大茴二ゾ　丁香一ゾ

Phong khuong 3 dòng, Huyết-dác 3 đồng, Xương-truật 3 đồng, Quế-chi 2 đồng - Đại-Lòi 2 đồng Đinh-hương 1 đồng
Đâm nhỏ sào với rượu mà bóp

臂痛

97. — Tý-thông

Tý thống là đau cánh tay, hoặc có nhân phong thấp, hoặc có mang xách nặng thương gân. Đau mà có sưng thời bịnh ở thịt, đau mà không sưng thời bịnh ở gân, xương, đều bởi huyết chẳng dưỡng cân mà hóa ra đau. Phép chữa thời phải khu phong tán thấp, bổ huyết thư cân, chỉ có vị Khương-hoàng hay vào cánh tay và vị Tòng-tiết, vị Quế-chi hay dẫn ra hai cánh tay, ba vị này không có thiếu được

Một thứ nhân phong hàn mà cánh tay đau dùng thang *Quê-chi* gia dương-quy 2 đồng, hoặc bài *Ngũ-tích* gia khương-hoạt 1 đồng.

Một thứ nhân phong thấp mà cánh tay đau dùng thang *Quyên-tý* gia xương-truật 1 đồng, hoặc dùng bài *Khương-hoạt-thắng-thấp.*

Một thứ cánh tay đau không cất lên được, dùng *Thư-cân-thang*, hoặc *Tứ-vật-thang* gia Tần-dao, Khương-hoàng đều 2 đồng.

Một thứ cánh tay đau như dao chém, đêm ngày kêu khóc dùng bài *Dưỡng-huyết-khư-phong*.

Một thứ huyết khô, khí trệ mà cánh tay đau là thuộc tỳ hư không mấy người biết dùng thang *Quy-tỳ* gia Quế-chi 1 đồng.

Những chân tay đau người ta bảo rằng: tỳ kinh chủ chân tay mà không biết can mộc khắc thổ hóa ra chân tay đau, dùng bài *Tiêu-dao-tán* gia Mẫu-đơn, Chi-tử, Bạch-giới đều 2 đồng.

列方

Liệt các bài thuốc

桂枝湯

Quế-chi thang

桂枝二リ　白芍二リ　生姜二リ　生草一リ
大棗二枚　加當歸二リ

Quế-chi 2 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Sinh-khương 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Đại-táo 2 quả. Gia Đương-quy 2 đồng.

蠲痺湯
Quyên - tý thang

姜活　當歸　赤芍　黃芪炙　姜黃　(各二ㄌ)
生草七分　加　蒼朮一ㄌ製

Khương-hoạt, Đương-quy, Xích-thược Hoàng-kỳ, Khương-hoàng (đều 2 đồng), Sinh-thảo 7 phân. Gia Xương-truật 1 đồng Sắc uống.

舒筋湯
Thư - cân thang

當歸　玄胡索　桂心　(各五ㄌ)

Đương-quy, Huyền-hồ-sách, Quế-tâm (đều 5 đồng.)
Tán bột lấy 2 đồng hòa rượu uống.

養血袪風方
Dưỡng huyết - khư - phong phương

杜仲二ㄌ鹽炒　金銀一ㄌ　桂枝一ㄌ　松節一ㄌ
續断二ㄌ炒　秦艽二ㄌ　牛膝二ㄌ　當歸三ㄌ
白芍三ㄌ炒　熟地一兩

Đỗ-trọng 2 đồng, Kim-ngân 1 đồng, Quế chi 1 đồng, Tùng-tiết 1 đồng, Tục-đoạn 2 đồng Tần-giao 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Đương-quy 3 đồng, Bạch-thược 3 đồng, Thục-địa 1 lạng.

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.
Khương hoạt-thắng-thấp ở số 96 KIÊN-BỐI.
Tứ-vật-thang, Tiêu-dao-tán đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Giản dị phương

Cành cây dâu 3 lạng bẻ nhỏ sao vàng, sắc nước uống thời khỏi rức.

Như sưng đau dùng bột dầu-dầu tía, đâm nhỏ dịt vào một đêm thời khỏi, hoặc dùng lá cây ké dâm nhỏ dịt, hoặc dùng lá phèn-đen, lá soan, lá cà độc-dược 3 thứ dâm lẫn dịt vào khỏi sưng.

腋臭

98. — Dịch-sú

Dịch-sú là bịnh hôi-nách, hoặc gọi là hồ-sú, gọi là thề-khí bởi vì hơi ở trong thịt theo chân lông phát ra không phải truyền nhiễm ở ngoài lấy vào, bịnh hôi vừa thời rửa xát chân lông cũng khỏi, nếu mà hơi hôi lắm phải dùng thuốc cho hạ đi thời mới chiệt căn được.

Một thứ chứng nhẹ hôi vừa dùng cái bánh-chưng nóng cắt làm hai, lấy mật-sà-tăng tán bột rắc vào, mỗi bên một đồng; đương nóng ấp vào nách cả hai bên nằm ngủ qua một chốc lạnh thời bỏ đi.

Hoặc dùng con rện nhớn 2 con, lấy đất bọc lại, đốt cháy thêm khinh phấn 1 đồng tán bột, ngày xát 3 bận, 2, 3 hôm thời khỏi.

Hoặc dùng:

白止 枯礬 黃丹 (各一リ) 花椒五分

Bạch-chỉ, Khô-phèn, Hoàng-đơn (đều 1 đồng), Hoa-tiêu 5 phân.

Tán bột xát vào.

Hoặc dùng:

蜜陀僧二リ 龍腦二リ 枯礬一リ 輕粉一分半

Mật-sà-tăng 2 đồng, Long-não 2 đồng, Khô-phèn 1 đồng, Khinh-phấn 1 phân rưỡi.

Tán bột xát vào.

Một thứ chứng nặng hôi lắm, dùng thịt lợn nạc 2 miếng to lấy cam-toại 2 đồng tán bột rắc trên miếng thịt ấp vào 2 nách lại dùng cam-thảo 5 đồng sắc nước uống, 1, 2 giờ thời hạ uế vật, phải đào đất lấp đi, sợ người khác ngửi thấy thời rức đầu. Dùng 3 bận như thế thời chiệt căn.

Hoặc dùng xạ-hương 1 phân, đảm phèn 2 phân, nhân ba-đậu 3 phân, tán nhỏ, lấy ốc-nhồi 2, 3 con cậy miệng ra cho thuốc vào lấy giấy buộc lại dựng vào cái bát để một đêm hóa ra nước, dùng nước ấy xát vào hai nách luôn luôn, xát mãi thấy muốn đi đại tiện thời thôi. Đi đại-tiện

phải lấy đất lấp đi. Nhược bằng hơi hôi chưa hết lại dùng thô-phèn, cáp-phấn đều 3 đồng. long-não 1 đồng, tán bột lại xát vào.

Những khi xát thuốc thời trước phải rửa nách cho sạch đã, để khô rồi sau mới xát thuốc vào.

胸脇
99. — Hung hiệp

Hung là ngực, hiếp là sườn. Ở trên ngực là địa phận tim, phổi, như có khí dục vận lên hóa ra tức đầy, phải dùng thuốc thuận khí tiêu đàm. Hai bên sườn thuộc mạch lạc buồng gan cho nên gió rung, cây động, thừa cơ lấn vào, nên dùng thuốc hóa huyết, khai uất, dẫu rằng ngực với sườn bộ thuộc thời khác nhau, nhưng mà xương thịt cùng liền. Phép chữa cũng thông trị được cả.

Một thứ nhân ngoại tà phát ra lạnh nóng, trong ngực tức đầy, đau dọn dùng bài *Sâm-tô-ẩm*, *Tứ-sài-hồ-ẩm*. Nhược bằng đau hai bên sườn dùng *Tam-sài-hồ-ẩm*, hoặc *Hà-gian-cát-cân-thang*.

Một thứ nhân khí nghịch, khí trệ mà ngực đau dùng bài *Phân-khí-tử-tô-ẩm*, hoặc *Trầm-hương-giáng-khí*. Nhược bằng hai sườn đau dùng bài *Mộc-hương-thuận-khí*, *Sài-hồ-sơ-can-tán*.

Một thứ nhân thực tích mà ngực sườn tức đầy, dùng bài *Đại-hòa-trung*, hoặc bài *Bảo-hòa-hoàn*.

Một thứ nhân đờm rãi ngưng tụ mà ngực, sườn chướng đầy, dùng *Đạo-đàm-thang* gia bạch-giới-tử 1 đồng, hoặc bài *Hóa-đàm-hoàn*, hoặc *Cổn-đàm-hoàn*.

Một thứ nhân huyết ứ, huyết trệ mà hai bên sườn đau dùng bài *Đào-nhân-hóa-trệ*. Nhược bằng đàn-bà dùng bài *Quyết tán tiễn*, *Thược-dược-tán*.

Một thứ trong mình hỏa uất, đại, tiểu-tiện chẳng thông mà ngực, sườn đau dùng bài *Đương-quy-long-hội*

Một thứ chứng nội thương khí huyết hư hoặc dâm dục thương thận mà ngực sườn đau âm ỷ dùng bài *Tiểu-doanh-tiễn*, bài *Đại-bổ-nguyên*.

Mộc thứ đau bên sườn mà đau cả ngang lưng không nghiêng mình được dùng bài *Lục-vị-hoàn*, hoặc bài *Bát-vị-hoàn*, đều gia:

Đỗ-trọng 3 đồng, Tục-đoạn 2 đồng, Tiểu hồi 1 đồng.

杜仲三リ鹽炒 續斷二リ炒 小茴一リ炒

列方

Liệt các bài thuốc

四柴胡飲

Tứ-sài-hồ ẩm

當歸三ㄌ 柴胡二ㄌ 炙草一ㄌ 党参五ㄌ姜炒 生姜五片

Đương-quy 3 đồng, Sài-hồ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng. Đảng-sâm 5 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

三柴胡飲

Tam-sài-hồ ẩm

白芍三ㄌ炒 當歸三ㄌ 柴胡二ㄌ 炙草一ㄌ 陳皮一ㄌ半炒

Bạch-thược 3 đồng, Đương-quy 3 đồng, Sài-hồ 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng Trần-bì 1 đồng rưỡi.

河間葛根湯

Hà-dan-cát-căn thang

白芍二ㄌ炒 葛根二ㄌ 桂枝一ㄌ 防風一ㄌ 枳壳五分炒 細辛五分 炙草五分 川芎一ㄌ 党参三ㄌ姜炒

Bạch-thược 2 đồng. Cát-căn 2 đồng, Quế-chi 1 đồng. Phòng-phong 1 đồng, Chỉ-xác 5 phân, Tế-tân 5 phân, Chích-thảo 5 phân, Xuyên-khung 1 đồng, Đảng sâm 3 đồng.

分氣紫蘇飲

Phân-khí-tử-tô ẩm

桑皮炒 紫蘇 桔梗 草果 茯苓 陳皮炒 腹皮 炙草 (各一ㄌ半)

Tang-bì, Tử-tô, Kết-cánh, Thảo quả, Phục-linh, Trần-bì, Phúc-bì, Chích thảo (đều 1 đồng rưỡi). Sắc uống.

Sâm-tô-ầm ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Đại-bổ-nguyên ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tiểu-doanh-tiên, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG

Đại-hòa-trung-ẩm ở số 18 THỰC-QUYẾT.

Trầm hương-giáng khí ở số 74 UẤT-BỊNH

Đương quy-long-hội ở số 75 ĐIÊN CUỒNG.

柴胡疎肝散

Sài-hồ-sơ-can tán

香附一リ半炒　柴胡二リ　陳皮二リ炒
枳殻一リ半炒　炙艸一リ　白芍二リ炒
川芎一リ半

Hương-phụ 1 đồng rưỡi Sài-hồ 2 đồng, Trần-bì 2 đồng, Chỉ-xác 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 đồng Bạch-thược 2 đồng, Xuyên-khung 1 đồng rưỡi. Sắc uống.

木香順氣散

Mộc-hương-thuận-khí tán

香附炒　青皮炒　陳皮炒　枳殻炒　炙草　木香
砂仁炒　厚樸炒　蒼朮𤓰　檳榔（各一リ）

Hương-phụ, Thanh-bì, Trần-bì, Chỉ xác, Chích-thảo, Mộc-hương, Sa-nhân, Hậu-phác Xương-truật, Binh-lang (đều 1 đồng). Sắc uống.

保和丸

Bảo-hoà hoàn

山查三両炒黒　神曲一両炙　茯苓一両　法夏一両
陳皮一両炒　蘿蔔五リ炒　連翹五リ

Sơn-tra 3 lạng, Thần-khúc 1 lạng, Phục-linh 1 lạng, Pháp-hạ 1 lạng, Trần bì 1 lạng, La-bặc 5 đồng, Liên-kiều 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, uống 2 đồng

導痰湯

Đạo - đàm thang

白芥子一ㄌ炒 陳皮炒 枳壳炒 法夏 茯苓 炙草
土貝母姜炒 (各一ㄌ半) 生姜五片

Bạch-giới-tử 1 đồng. Trần-bì, Chỉ-xác, Pháp-hạ, Phục-linh, Chích-thảo, Thổ-bối-mẫu (đều 1 đồng rưỡi), Sinh-khương 5 nhát. Sắc uống.

化痰丸

Hóa - đàm hoàn

天門一㓎炒 海粉一㓎 橘紅一㓎 連翹五ㄌ
黃芩一㓎炒 桔梗五ㄌ 青黛三ㄌ 芒硝三ㄌ
瓜蔞仁一㓎 香附五ㄌ炒

Thiên-môn 1 lạng, Hải-phấn 1 lạng, Quất-hồng 1 lạng, Liên-kiều 5 đồng, Hoàng-cầm 1 lạng, Kết-cánh 5 đồng, Thanh-đại 3 đồng, Mang-tiêu 3 đồng, Qua-lâu-nhân 1 lạng, Hương-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn, ngậm 1, 2 viên.

滾痰丸

Cổn - đàm hoàn

青礞石一㓎煅 黃芩三㓎炒 沉香五ㄌ
川大黃三㓎煨

Thanh-mông-thạch 1 lạng, Hoàng-cầm 3 lạng, Trầm-hương 5 đồng, Đại-hoàng 3 lạng.

Tán bột luyện hồ viên Dùng Thần-sa 2 đồng làm áo. Mỗi bận uống 1 đồng.

桃仁化滯湯

Đào - nhân - hóa - trệ thang

白芍二ㄌ炒 香附二ㄌ炒 紅花一ㄌ 川芎一ㄌ
青皮一ㄌ炒 桃仁十五粒 柴胡一ㄌ 歸尾三ㄌ

Bạch-thược 2 đồng, Hương-phụ 2 đồng, Hồng-hoa 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Thanh bì 1 đồng, Đào-nhân 15 hột, Sài-hồ 1 đồng, Quy-vĩ 3 đồng Sắc uống.

决津煎

Quyết-tân tiên

熟地六リ　當歸三リ　澤左一リ半鹽炒
牛膝二リ　肉桂二リ　烏藥二リ

Thục-địa 6 đồng, Đương-quy 3 đồng, Trạch-tả 1 đồng rưỡi, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 2 đồng, Ô-dược 2 đồng. Sắc uống.

芍藥散

Thược-dược tán

白芍一月　玄胡索一月　肉桂一月　香附二月炒

Bạch thược 1 lạng, Huyền-hồ-sách 1 lạng, Nhục quế 1 lạng, Hương-phụ 2 lạng

Tán bột, uống 2 đồng hòa nước sôi.

Giản-dị phương

吳茱三リ炒

Ngô-thù 3 đồng sao). Tán bột hòa giấm thanh đắp vào.

Hoặc dùng:

Lá hẹ dâm nhỏ, sào nóng chườm vào ngực, sườn.

Hoặc dùng:

Gừng sống giã nhỏ quấy hồ, phiết giấy dán vào chỗ nào đau.

Hoặc dùng:

白芥子三リ炒

Bạch giới-tử 3 đồng Tán bột quấy hồ phiết giấy dán vào.
Hoặc: Bạch-giới-tử 2 đồng, tán bột hòa nước sôi uống.

Hoặc dùng:

石菖蒲　高良姜　香附　(各一リ)

Thạch xương-bồ, Cao-lương-khương, Hương-phụ đều 1 đồng.
Tán bột uống, thang bằng gừng, muối.

Hoặc dùng

小茴一月炒　只殼五リ炒

Tiểu-hồi 1 lạng, Chỉ-xác 5 đồng.
Tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng, rượu.

Đau sườn, huyết ráo dùng:

瓜蔞仁一个　生草二リ　紅花七分

Qua-lâu-nhân 1 cái, Sinh-thảo 2 đồng, Hồng-hoa 7 phân.
Sắc nước uống.

心 痛

100. — Tâm-thống

Tâm thống là bịnh đau tim. Quả tim là ngôi vua chúa ở trong cung, có màng bọc ở ngoài, hộ-vệ gọi là tâm-bào-lạc. Nhưng bịnh đau tim thật là đau bào-lạc trong mỏ-ác, hoặc nhân đàm hỏa khí trệ mà sinh đau đớn, phải xét xem nóng lạnh thế nào mà dùng thuốc

Một thứ khí trệ mà đau dùng bài *Tứ-ma-ẩm*, hoặc bài *Mộc-hương-thuận-khí*, hoặc thang *Bài-khí-ẩm*.

Một thứ đờm rãi ủng tắc có kiêm ho hắng dùng *Cổn-đàm-hoàn*, *Hóa-đàm-hoàn*, hoặc bài *Tô-tử giáng-khí*.

Một thứ tà hỏa nất kết mà chợt cái đau ngay dùng *Tả-tâm-thang* bài *Tam-hoàng-hoàn*, hoặc bài *Trừu-tân-ẩm*.

Một thứ khí lạnh xung vào tim mà đau như xiên vào, dùng bài *Đại trầm-hương hoàn*, *Đinh-hương-chỉ-thống-tán*, hoặc bài *Thắng-kim-tán*, hoặc dùng *Thảo-đậu-khấu* nhai nhỏ mà ăn.

Một thứ mỏ ác đau như xiên vào nhân đàm trệ dùng thuốc hành tán mà không khỏi nên dùng *Thổ-pháp* cho nôn ra.

Một thứ tâm thống liên miên, hoặc đau, hoặc không, mà lâu không khỏi dùng bài *Thất-tiếu-tán*, hoặc bài *Thủ-niêm-tán*.

Một thứ thật quả tim đau móng chân, tay xanh xám, bồ-hôi toát ra, lưỡi cứng không nói được, bốn chân tay lạnh dùng mật-gấu bằng hột đậu hòa rượu cho uống. hoặc dùng quế tốt 2 đồng mài cho uống, họa là muôn phần có được một ti chăng!

列 方

Liệt các bài thuốc

Tứ-ma-ẩm. **Bài khí ẩm** đều ở số 13 KHÍ-QUYẾT

Cổn-đàm-hoàn, **Hóa đàm-hoàn**. **Mộc hương-thuận khí** đều ở số 9 HUNG-HIẾP

Trừu tân-ẩm ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Thổ-pháp dùng **Trà-điều-tán** ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

蘇子降氣湯
Tô - tử giáng - khí thang

貝母姜炒 蘇子炒 前胡 當歸 厚樸炒 (各一リ)
陳皮炒 桂心 炙草 (各五分)

Bối-mẫu, Tô-tử, Tiền-hồ, Đương-quy, Hậu-phác (đều 1 đồng). Trần-bì, Quế-tâm, Chích-thảo (đều 5 phân) Sắc uống.

瀉心湯
Tả - tâm thang

川黃連一リ
Xuyên-hoàng-liên 1 đồng; tán bột hòa nước sôi uống.

三黃丸
Tam - hoàng hoàn

川黃連 黃芩炒 川大黃煨 (各五リ)
Xuyên-hoàng-liên, Hoàng-cầm, Xuyên-đại-hoàng (đều 5 đồng). Tán bột, luyện hồ viên uống 2 đồng.

大沉香丸
Đại - trầm - hương hoàn

乾姜五リ炒 沉香五リ 姜黃五リ 桂心五リ
香附四リ炒 桉香五リ 甘松二リ 白芷二リ
白豆蔻六リ 烏藥二リ 炙草二リ

Can khương 5 dồng, Trầm-hương 5 dồng, Khương-hoàng 5 đồng, Quế-tâm 5 dồng, Hương-phụ 4 dồng. Đàn-hương 5 đồng, Cam-tòng 2 dồng, Bạch-chỉ 2 đồng. Bạch dậu-khấu 6 đồng, Ô-dược 2 dồng, Chích-thảo 2 đồng.

Tán bột luyện mật viên bằng hột nhãn, uống 2 viên.

丁香止痛散
Đinh - hương chỉ - thống tán

高艮姜二丙 小回一丙半 丁香五リ 炙草一丙半
Cao-lương-khương 2 lạng, Tiểu-hồi 1 lạng rưỡi, Đinh-hương

5 đồng, Chích-thảo 1 lạng rưỡi.

Tán bột hòa nước sôi, uống 2 đồng.

勝金散

Thắng-kim tán

桂枝 玄胡索 當歸 五靈脂 (各五ﾘ)

Quế-chi, Huyền-hồ-sách, Đương-quy, Ngũ-linh-chi (đều 5 đồng).

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng thang bằng nước gạo rang.

失笑散

Thất-tiếu tán

五靈脂五ﾘ 蒲黃五ﾘ炒

Ngũ-linh-chi 5 đồng, Bồ-hoàng 5 đồng.

Tán bột lấy 2 đồng hòa giấm thanh nấu thành cao, cho 1 chén nước hòa ra mà uống.

手拈散

Thủ-niêm tán

草果 玄胡索 沒藥 五靈脂 (各三ﾘ)

Thảo-quả, Huyền-hồ-sách, Một-dược, Ngũ-linh-chi (đều 3 đồng).

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu.

簡易方

Giản dị phương

荔核五ﾘ炒焦 木香二ﾘ

Lệ-hạch 5 đồng, Mộc-hương 2 đồng.

Tán bột hòa nước sôi uống 1 đồng. Uống mãi chiệt căn.

Hoặc dùng Bồ-kếp đốt ra than, tán bột hòa rượu uống 5 phân.

Đau kinh niên dùng củ-tỏi nhỏ sắc bằng giấm-thanh cho chín mà ăn thời khỏi hẳn.

獨步散

Độc-bộ tán

香附一刄醋炒 高良姜二ﾘ酒炒 製附二ﾘ

乾姜二ﾘ炒

Hương-phụ 1 lạng (tẩm giấm-thanh sao), Cao-lương-khương 2 đồng (tẩm rượu sao), Chế-phụ 2 đồng, Can-khương 2 đồng.

Cùng tán bột uống 2 đồng, thang bằng gừng, muối. Uống bẩy tám bận thì triệt căn.

腰痛

101. — Yêu-thống

Bịnh yêu thống là đau ngang thắt-lưng. Lưng là cung phủ kinh thận, chống đỡ ở trên, chuyển bát ở dưới, làm một cái rất khỏe ở trong mình người ta, hoặc nhân tửu sắc thương tinh, sự khó nhọc tổn huyết, hoặc nhân khí lạnh, hoặc nhân thấp nhiệt mà hóa ra đau lưng, phải xét bịnh trong ngoài và hư thực thế nào chia ra mà chữa, nhưng mà phần hư tổn thời nhiều nên trọng dụng ôn bổ làm chủ.

Một thứ nhân gió lạnh ngoại cảm, hoặc khó nhọc khí trệ mà đau lưng, như kiêm dương hư dùng thang *Bổ-trung-ích-khí*. Bằng kiêm âm hư dùng bài *Bổ-âm-ích-khí*.

Một thứ nhân trong mình tinh huyết khuy tổn, hoặc là tửu sắc, hoặc nhân lo nghĩ cho nên thận hư mà đau lưng, dùng bài *Dương-quy-địa-hoàng*, hoặc *Tả-quy-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị hoàn*. Nhược bằng bịnh nhẹ đau vừa, dùng *Thanh nga-hoàn*, *Ổi-thận-tán*, *Bổ-tỳ-đan*, *Nhị-chí hoàn*.

Một thứ nhân thấp mà đau lưng, hoặc phải nước mưa, hoặc nằm ngồi chỗ ướt dùng bài *Dọc-hoạt-ký-sinh*. Nhược bằng thấp trệ di tiểu không lợi dùng bài *Ngũ-linh*, thang *Vị-linh* đều gia xương-truật 1 đồng. Nhược bằng thấp mà kiêm nhiệt dùng bài *Dương-quy-niêm-thống*, bằng thấp mà kiêm hàn, dùng bài *Tế-sinh-truật-phụ*, bài *Ngũ-tích tán*, ngoài đốt hòn lốc mà chườm mấy ngải-cứu, hoặc dùng đậu-đen sao với muối cho vào ruột-tượng mà thắt lưng.

Một thứ âm hư hỏa động mà đau lưng dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, hoặc thang *Tứ-vật* gia:

黄伯一リ炙　　知母二リ　　梔子二リ炒黑
黄芩一リ炒

Hoàng bá 1 đồng, Tri mẫu 2 đồng, Chi-tử 2 đồng, Hoàng cầm 1 đồng.

Nhược bằng hỏa tà chưa kết lại, đau quá mà khát nước lắm, dại, tiểu-tiện bế kết dùng bài *Đại-phân-thanh* gia :

黄伯一リ炙 龍胆一リ

Hoàng-bá 1 đồng, Long-đởm 1 đồng

Hoặc dùng bài *Ngọc-loàn-tán*.

Một thứ bị ngã hay bị đánh mà đau lưng, dùng bài *Tứ-vật* gia :

桃仁十五粒 紅花一リ 乳香一リ炒
没藥一リ炒 牛膝二リ 肉桂五分

Đào-nhân 15 hột, Hồng-hoa 1 đồng, Nhũ-hương 1 đồng, Một dược 1 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Nhục quế 5 phân.

列方
Liệt các bài thuốc

當歸地黄飲
Đương-quy-địa-hoàng ẩm

山茱二リ酒炒 淮山三リ炒 熟地六リ 當歸三リ
杜仲二リ塩炒 牛膝二リ 炙草一リ

Sơn-thù 2 đồng, Hoài-sơn 3 đồng, Thục-địa 6 đồng, Đương-quy 3 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng.

青娥丸
Thanh-nga hoàn

胡桃五両 杜仲四両塩炒 破故二両炒

Hồ-đào 5 lạng, Đỗ-trọng 4 lạng, Phá-cố 2 lạng.

Tán bột luyện mật viên, uống 3 đồng.

煨腎散
Ổi-thận tán

洋参姜炒 茯苓製 破故炒 當歸 巴戟
杜仲塩炒 鹿角膠 秋石椒 (各一リ

Dương-sâm Thong-dong, Phá-cố, Đương-quy, Ba-kích, Đỗ-trọng, Lộc-dác-xương, Thu-thạch (đều 1 đồng).

Cùng tán bột, dùng quả bồ-dục lợn, thái nhỏ, trộn một nửa thuốc bột bỏ vào cái liễn nhỏ thêm 1 chén rượu, nấu cách thủy cho chín mà ăn, uống thêm vài chén rượu nữa.

補髓丹

Bổ tỷ đan

杜仲五両盬炒 破故五両炒 鹿茸二両酥炙

Đỗ-trọng 5 lạng, Phá-cố 5 lạng, Lộc nhung 2 lạng.

Cùng tán bột.

胡桃十五丁

Hồ-đào 15 quả dầm nhỏ cùng luyện hồ viên, mỗi bận uống 2 đồng.

二至丸

Nhị-chí hoàn

杜仲二両盬炒 破故二両炒 製附五ゾ 桂心五ゾ

鹿角霜五ゾ 鹿茸五ゾ炙 青盬三ゾ

Đỗ-trọng 2 lạng, Phá-cố 2 lạng, Chế-phụ 5 đồng, Quế-tâm 5 đồng, Lộc-dác-xương 5 đồng, Lộc-nhung 5 đồng, Thanh-diêm 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, uống 2 đồng.

獨活寄生湯

Độc-hoạt ký-sinh thang

党参二ゾ姜炒 熟地三ゾ 當歸二ゾ 茯苓二ゾ

杜仲二ゾ盬炒 獨活一ゾ 川芎一ゾ 牛膝一ゾ

桑寄生一ゾ 防風一ゾ 秦艽一ゾ 炙草五分

白芍二ゾ炒 細辛五分 桂心五分

Đảng-sâm 2 đồng, Thục-địa 3 đồng, Đương-quy 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Độc-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng. Ngưu-tất 1 đồng, Tang-ký-sinh 1 đồng, Phòng-phong 1 đồng, Tần-giao 1 đồng, Chích-thảo 5 phân, Bạch-thược 2 đồng, Tế-tân 5 phân, Quế-tâm 5 phân. Sắc uống.

濟生朮附湯
Tế sinh truật phụ thang

白朮三リ土炒 杜仲二リ鹽炒 製附一リ
Bạch-truật 3 đồng, Đỗ-trọng 2 đồng, Chế-phụ 1 đồng.

Bổ trung-ích-khí, Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Bổ-âm ích-khí, Tả-quy-hoàn, Hữu-quy-hoàn, Tứ-vật-thang đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG

Ngọc-toàn-tán, Tư-âm-bát-vị đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngũ-linh-tán, Đại-phân-thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Vị linh-thang ở số 46 ẨM-THỰC.

Đương-quy-niêm-thống ở số 96 KIÊN-BỐI.

簡易方
Giản dị phương

Xuyên-ô 3 củ để sống giã nhỏ thêm tí muối, phiết giấy dán vào lưng.

Hoặc dùng:

Bồ-dục 1 quả, Tiểu-hồi 2 đồng, tán bột. Bổ đôi bồ-dục cho thuốc vào bọc giấy nướng cho chín, bỏ thuốc bột đi rồi ăn.

Hoặc dùng:

Uy-linh-tiên là thuốc thánh trị đau gân xương, lấy 2 đồng tán bột, dùng 1 quả bồ-dục cho thuốc vào quấn giấy ướt, lùi vào gio nóng cho chín mà ăn cả thuốc.

Những chứng yêu-thống ai cũng bảo là thận hư, mà không biết tỳ thấp cũng đau lưng như deo đá nặng, dùng:

白朮五リ土炒 蒼朮三リ製 薏苡一両半炒
Bạch-truật 5 đồng, Xương-truật 3 đồng, Ý-dĩ 1 lạng rưỡi.

Sắc nước uống

腹 痛

102. — Phúc-thống

Phúc-thống là đau bụng Bụng vốn là đất trung-châu bốn phương họp tập, muôn vật chứa đầy, chủ ở hai kinh tỳ, vị, hoặc nhân sự gì mà trong bụng chẳng yên, hoặc có thực tích, hoặc có trùng tích, hoặc nhân nhiệt uất, hàn ngưng mà hóa ra trong bụng tức dầy, hoặc nôn mửa, hoặc đi ngoài. Phép chữa bịnh này phải phân hư thực và lạnh nóng thế nào mà dùng thuốc, bụng đau rữ rội là thực nhiệt đau âm ỷ là hư hàn, ấn vào thời tức là thực, ấn vào dễ chịu là hư, ăn nơ mà khó chịu là thực, ăn no dễ chịu là hư, đau ở trong ruột là thực, đau ran ra lưng là hư. Đời xưa có nói: đau bụng mà hạ được thời bớt, lại nói: thông lợi được thời không đau ấy là nói về bịnh thực nhiệt, nếu mà chứng hư hàn thì sự thông lợi càng không nên dùng lắm.

Một thứ nhân thực tích mà đau bụng thời có tức dầy, nên tiêu đi dùng bài *Hòa-vị-ẩm*, bài *Đại-hòa-trung*.

Một thứ nhân trùng tích mà đau bụng, thời lúc đau lúc khỏi, mắt trắng môi đỏ dùng bài *Tảo-trùng-tiên*, hoặc *Tiêu-mai-thang*, bài *Hóa-trùng-tán*. Nhược bằng trùng tích kiên cố dùng bài *Lạp-trùng-hoàn*, *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ hàn trệ mà đau bụng, có ăn uống vật sống lạnh phải dùng *Thổ-pháp* cho nôn ra bằng như thực vật đã tiêu mà khí lạnh ấy còn, hoặc là ngoài nhân mưa gió lạnh mà tâm phúc đau như thắt ruột lại, hoặc thổ, hoặc tả dùng bài *Hoắc-hương-chính-khí*, bài *Hương-sa-lục-quân*. Nhược bằng trên không nôn được, dưới không hạ được, bụng đau rối-rít, gọi là chứng can hoắc loạn, xem đau ở thượng-tiêu thời dùng *Phép-thổ*, lấy khô-phèn và muối đều 5, 7 phân hòa nước uống một vài bận, lấy tay móc cổ cho nôn ra, bằng như đau ở trung-tiêu, hoặc ở hạ-tiêu dùng thang *Bài-khí-ẩm*, *Thập-hương-hoàn*, nhược bằng khí lạnh đau lắm mà giá cả chân tay dùng bài *Phụ-tử-lý-trung*.

Một thứ nhân hỏa tà nhiệt uất mà đau bụng, như lửa nóng ở thượng-tiêu phải có khát nước, muốn cho mát dùng bài *Lục-nhất-tán*, bài *Trừu-tân-ẩm*, bài *Tỳ-tân-ẩm*, ngoài dùng đồng, sắt, vật lạnh chườm vào, hoặc chườm nước đá. Nhược bằng lửa nóng ở hạ-tiêu nước tiểu ít mà đỏ dùng bài *Đại-phân-thanh*, bài *Nhân-trần-ẩm*. Nhược bằng đại-tiện táo kết dùng bài *Đại, tiểu-thừa-khí*.

Một thứ nhân trong mình khí huyết hư hàn không ôn dưỡng được tâm tỳ mà đau bụng, hoặc có sự phạm khí lạnh, hoặc ăn uống không được điều hòa, hóa ra chứng hư-thống liên miên mãi chẳng khỏi, dùng bài *Đại-doanh-tiên*, *Lý-âm-tiên* lại phải trọng dụng dương-sâm để bổ khí, gia quế, phụ để trợ dương khí chớ có câu nệ các bịnh đau không dùng thuốc bổ.

Một thứ âm hư can phúc thống lúc đau lúc khỏi. Đau bụng kinh niên dùng *Bát-vị-hoàn* gia tiểu-hồi 1, 2 đồng, trầm-hương 5, 3 phân.

Một thứ âm hàn phúc thống, nhân khi dâm dục lại cảm khí lạnh mà bụng đau quá lắm kíp dùng gừng với hành đốt hòn lốc chườm vào rốn, lại dùng bài *Lý-âm-tiên*, thang *Lý-trung* sắc cho uống.

Một thứ khí thống xung ngược lên đau lắm, hoặc thở hơi lạnh, bồ hôi lạnh dùng :

烏藥 小回炒 青皮炒 高良姜 (各三ゟ)

Ô dược, Tiểu-hồi, Thanh-bì, Cao-lương-khương (đều 3 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu hay đồng-tiện mà uống. Hoặc dùng chế-phụ 3 đồng sắc nước, mài trầm-hương 5 phân hòa cho uống.

Một thứ huyết thống như là ứ huyết, không thông hành được mà đau bụng, và đàn-bà huyết trệ, huyết tích mà đau bụng dùng bài *Thông-ứ-tiên*, hoặc thang *Tứ-vật* gia đào-nhân, hồng-hoa, xích-thược đều 2 đồng. Hoặc dùng nước lá-hẹ hòa rượu cho uống, nhược bằng đau đớn quá mà đại-tiện bí kết dùng bài *Ngọc-trúc-tán*, bài *Đào-nhân-thừa khí*, bài *Bách-thuận-hoàn*.

Một thứ tâm phúc đều tức đầy, đau đớn nguy quá dùng nhục-quế 2, 3 đồng mài tí nước lã, không có quế dùng can-khương 1 lạng sắc nước uống.

Một thứ ngực, bụng đau như thắt, và chứng can hoắc-loạn đau quá gần nguy, thuốc nước không vào miệng được phải dùng phép *Quát-xa* thì mới khỏi.

括痧法
Quát-xa pháp

Dùng 1 bát nước nóng cho vài thìa dầu vừng vào, chọn 1 cái bát nhỏ miệng cho nhẵn dúng vào nước nóng, dùng 2 tay cầm bát úp vào trên giữa lưng người bịnh, sè-sẽ cạo xuống, dần dần mạnh tay, chén lạnh hoặc khô lại tầm vào nước nóng lại cạo một chốc lâu lâu thời thấy trong bụng bớt đau như có hạ xuống được thời khỏi.

列方

Liệt các bài thuốc

掃虫煎

Tảo-trùng tiên

青皮一リ炒　小茴一リ炒　吳茱一リ炒
兵榔一リ半　烏藥一リ半　榧子肉三リ
烏梅二菓　炙草八分

Thanh-bì 1 đồng, Tiểu-hồi 1 đồng, Ngô-thù 1 đồng, Binh-lang 1 đồng rưỡi, Ô-dược 1 đồng rưỡi, Phỉ-tử-nhục 3 đồng, Ô-mai 2 quả, Chích-thảo 8 phân.

硃砂五分　雄黃五分

Chu-sa 5 phân Hùng-hoàng 5 phân.

Hai vị này tán bột, sắc thuốc xong rồi cho vào mà uống.

椒梅湯

Tiêu-mai thang

川椒炒　枳實炒　砂仁炒　烏梅　梹榔　木香
香附炒　厚樸炒　乾姜炒　川楝　肉桂　炙草
(各一リ)　生姜三片

Xuyên-tiêu, Chỉ-thực, Sa-nhân, Ô-mai, Binh-lang, Mộc-hương. Hương-phụ, Hậu-phác, Can-khương, Xuyên-luyện, Nhục-quế, Chích-thảo (đều 1 đồng), Sinh-khương 3 nhát. Sắc uống.

化虫散

Hóa-trùng tán

雷丸二个　梹榔二个　鶴虱一リ　使君七个
輕粉三厘

Lôi-hoàn 2 hột, Binh-lang 2 hột, Hạc-xắt 1 đồng, Xử-quân 7 quả, Khinh-phấn 3 ly.

Cùng tán bột chia làm 2 bận, dùng thịt lợn nạc 1 lạng, thái nhỏ trộn thuốc, nướng chả ăn, phải nhịn bữa cơm sáng, 13 giờ mới ăn chả.

獵虫丸
Lạp trùng hoàn

乾漆燒灰　蕪荑　雷丸　桃仁　雄黃
皂角炒焦　錫灰　檳榔　使君　(各一リ)
細榧肉三リ　輕粉一分

Can-tất, Vu-di, Lôi-hoàn Đào-nhân, Hùng-hoàng, Tạo-dác, Tích-hôi, Binh-lang, Xử-quân (đều 1 dồng), Tế-phỉ-nhục 3 đồng, Khinh-phấn 1 phân.

Cùng tán bột, luyện hồ viên, uống 5 phân.

百順丸
Bách-thuận hoàn

川大黃二両煨　牙皂角三リ炒焦

Xuyên-đại-hoàng 2 lạng, Nha-tạo dác 3 đồng.

Tán bột, luyện mật viên, uống 2 đồng.

藿香正氣湯
Hoắc-hương-chính-khí thang

腹皮炒　藿香　紫蘇　桔梗　白芷　(各一リ)
陳皮炒　法夏　茯苓　炙草　白朮土炒
厚樸炒　(各八分　大棗一枚　生姜三片

Phúc-bì, Hoắc-hương, Tử tô, Kết cánh, Bạch-chỉ (đều 1 đồng), Trần-bì, Pháp hạ, Phục-linh, Chích-thảo, Bạch-truật, Hậu-phác (đều 8 phân), Đại-táo 1 quả, Sinh-khương 3 nhát.

Sắc uống.

十香丸
Thập-hương hoàn

荔核炒焦　陳皮炒　小茴　丁香　烏藥　沈香
皂角炒焦　香附炒　木香　(各三リ)

Lệ-hạch, Trần-bì, Tiểu-hồi, Đinh-hương, Ô-dược, Trầm-hương, Tạo-dác, Hương-phụ, Mộc-hương (đều 3 dồng).

Cùng tán bột, luyện hồ viên bằng bột nhãn, mài rượu uống 3 viên.

六一散

Lục-nhất tán

滑石一𠄡二リ　　生草二リ

Hoạt-thạch 1 lạng 2 đồng, Sinh-thảo 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi.

通瘀煎

Thông-ứ tiên

香附二リ炒　紅花二リ　烏藥二リ
青皮七分炒　歸尾五リ　木香七分
山査二リ炒黑　澤瀉一リ半鹽炒

Hương-phụ 2 đồng, Hồng-hoa 2 đồng, Ô-dược 2 đồng. Thanh-bì 7 phân, Quy-vĩ 5 đồng. Mộc-hương 7 phân, Sơn-tra 2 đồng, Trạch-tả 1 đồng rưỡi.

玉燭散

Ngọc-trúc tán

生艸　川芎　生地　當歸　白芍炒
芒硝　川大黃煨　(各二リ)

Sinh-thảo, Xuyên-khung, Sinh-địa, Đương-quy, Bạch-thược Mang-tiêu, Xuyên-đại-hoàng đều 2 đồng. Sắc uống.

Hòa vị ẩm, Hương-sa-lục-quân thang đều ở số 46 Ẩm-thực.

Đại-hòa trung-ẩm ở số 18 Thực-quyết.

Bài-khí-ẩm ở số 13 Khí-quyết

Phụ tử-lý-trung-thang, Đại-doanh-tiên, Bát-vị-hoàn đều ở số 10 Chư-hư-chứng

Tỷ-tân ẩm, Trừu-tân ẩm, Đại-phân-thanh-ẩm đều ở số 26 Hàn-nhiệt.

Nhân-trần ẩm ở số 8 Thương-thấp.

Tiểu thừa-khí, Lý-âm tiên, Đào-nhân-thừa-khí đều ở số 3 Thương-hàn.

Lý trung thang ở số 1 Nội-thương.

Giản-dị phương

Hồ-tiêu, Can-khương (sao), Đinh-hương đều 3 đồng.
Tán bột uống 7 phân, thang bằng nước muối.

Hoặc dùng: Ngải-cứu 3 đồng, vỏ-dừa 5 đồng, sắc nước uống.

Hoặc dùng: Cao-lương-khương, Binh-lang (đều 5 đồng). Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước gạo rang

Hoặc dùng: Ô-dược mài cho đặc, độ 1 chén hâm nóng uống.

Hoặc dùng: Hương-phụ 1 lạng (sao), Ô-dược 5 đồng, Chích-thảo 2 đồng.
Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước muối.

Hoặc dùng: Tô-tử, Cao-lương-khương, Thanh-bì (đều 4 đồng). Tán bột uống 2 đồng, thang bằng rượu.

Hoặc dùng: Cáp-phấn, Hương-phụ (sao) đều 1 lạng.
Tán bột uống 2 đồng hòa nước sôi

Hoặc dùng: Mẫu-lệ (nung đỏ), tán bột hòa với rượu, uống 2 đồng.

腹 鳴

103. — Phúc-minh

Phúc-minh là sôi bụng.

Một thứ nhân lửa nóng quanh trong ruột mà sôi bụng dùng bài *Nhị-trần* gia:

黄芩五分炒　黄連五分　梔子一リ炒黒

Hoàng-cầm 5 phân, Hoàng-liên 5 phân, Chi-tử 1 đồng
Bằng có kiêm uất trệ dùng *Tiêu-dao tán.*

Một thứ nhân trong ruột trống không mà sôi bụng dùng *Ngũ vị-dị-công-tán, Lục-quân-tử.*

Một thứ hạ-tiêu hư hàn có tiếng nước róc rách dùng bài *Bát-vị-hoàn, Hữu quy-ẩm.*

Nhị trần-thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Tiêu-dao-tán ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Ngũ-vị-dị công ở số 46 ẨM-THỰC.
Lục quân-tử ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.
Bát-vị-hoàn, Hữu-quy-ẩm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG

腹狹

104. — Phúc-hiệp

Phúc-hiệp là bụng hẹp nhỏ — Những khi trong bụng hẹp nhỏ như quắt lại, bởi lo nghĩ, buồn rầu cho nên âm huyết khuy tổn, nên dùng thuốc nhuận bổ cho khoan khoái. Nhược bằng có đàm thấp khí không thăng giáng mà bụng bé nhỏ, phải dùng tiêu đàm hành khí cho thông lợi mới khỏi.

Một thứ người gầy âm huyết hư tổn mà lo nghĩ tưởng trong bụng khô nhỏ dùng *Tứ-vật-thang* hoặc bài *Lục-vị-hoàn.*

Một thứ người dẫy nhân có đàm thấp, khí trệ mà trong bụng hẹp nhỏ dùng *Nhị-trần-thang* gia xương-truật 1 đồng (chế), Hương-phụ 1 đồng (sao). Nhược bằng tỳ hư tức dầy dùng *Lục-quân-tử-thang.*

Tứ-vật thang ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Lục-vị-hoàn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.
Nhị-trần thang ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Lục-quân-tử thang ở số 15 ĐÀM-QUYẾT

吐瀉

105. — Thổ-tả

Thổ tả là miệng nôn, trôn tháo, bởi đau hoắc-loạn trong bụng đau như quấy loạn, rối rít chẳng yên, trên nôn, dưới tả bởi vì ngoài nhân gió lạnh, trong có thương thực, hoặc nhân mưa nắng thương tỳ mà đau, hoặc nhân trúng độc sa khí mà hóa ra thế; tóm lại xem chỉ là khí lạnh cảm vào trong tạng phủ mà thôi. Chữa bịnh này phải dùng ôn hòa tỳ vị làm chủ, dẫu có khát nước cũng cấm dụng thuốc hàn lương.

Một thứ đau hoắc-loạn thổ tả mới phải dương khi âm dương rối rít, tà chính chửa phân, trước dùng *Thông-quan-tán*: Bồ-kếp đốt cháy bỏ hột, Tế-tân cùng tán bột thổi vào mũi cho hắt hơi, rồi cho uống *Đạm riêm-thang*: lấy một rúm muối để vào lưỡi dao đốt cho đỏ hòa với âm dương thủy (là nước nửa nóng nửa lạnh 1 chén cho uống dần dần

lại dùng thang *Hoắc-hương-chính-khí*, cấm không được cho ăn cơm, cháo, sợ tà khí tụ lại, nhược bằng nôn chưa khỏi dùng *Hòa-vị-ẩm*, *Thần-hương-tán*. Nhược bằng di tả chưa khỏi dùng bài *Ngũ-linh-tán*, *Vị-linh-thang*, *Linh-truật-nhị-trần-tiễn*.

Một thứ thổ-tả mà bụng không chướng đầy chỉ nôn mửa mãi không khỏi ấy là tỳ, vị hư hàn, dùng bài *Hương-sa-lục-quân* bài *Ôn-vị-ẩm*. Nhược bằng âm-phận hư hàn nhân di tả mà nôn mửa không khỏi, ngực bụng chướng đầy dùng bài *Lý-âm-tiễn*, khử đương-quy, gia đương-sâm 3 đồng.

Một thứ thổ tả gân bị chuột rút, phải lấy vị mộc-qua làm chủ, bởi nhân vị khí thương mà can huyết ráo hỏa ra co gân. Nhược bằng tà trệ chưa khỏi dùng bài *Hòa-vị-ẩm* gia mộc-qua 5 đồng, nhục-quế 1 đồng. Nhược bằng khí hư dùng thang *Tứ-quân-tử* gia mộc-qua 5 đồng, đương-quy 2 đồng, nhục-quế 1 đồng, hậu-phác 2 đồng. Nhược bằng âm hư huyết ít dùng bài *Lý-âm-tiễn* gia mộc-qua 5 đồng, nhục-quế 1 đồng, hoặc bài Đại-doanh gia mộc-qua 5 đồng.

Phép chữa co gân chuột rút

Đàn-ông lấy tay nắm dương-vật mà kéo, đàn-bà thời lấy hai tay nắm vú mà kéo thật là phép hay lắm.

列方

Liệt các bài thuốc

Hoắc hương-chính-khí ở số 102 PHÚC-THỐNG.

Hòa-vị ẩm, Thần-hương-tán, Vị-linh-thang, Hương sa lục-quân, đều ở số 46 ẨM-THỰC.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Linh-truật-nhị-trần ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Ôn-vị ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Đại-doanh-tiễn ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

理陰煎

Lý-âm tiên

乾姜二リ 炒　　熟地五リ　　炙草一リ

加 洋参三ㄌ姜炒 (去當歸)

Can-khương 2 đồng, Thục-địa 5 đồng, Chích-thảo 1 đồng,
Gia : Dương-sâm 3 đồng, bỏ Đương-quy đi

和胃飲
Hòa-vị ẩm

陳皮二ㄌ炒　厚樸三ㄌ姜炒　炙草一ㄌ
乾姜二ㄌ炒　加　肉桂一ㄌ　木瓜五ㄌ

Trần-bì 2 đồng, Hậu-phác 3 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Can-khương 2 đồng. Gia : Nhục-quế 1 đồng, Mộc-qua 5 đồng.

四君子湯
Tứ-quân-tử thang

党参四ㄌ姜炒　白朮二ㄌ土炒　茯苓三ㄌ　炙草一ㄌ
加　木瓜五ㄌ　當歸二ㄌ　厚樸二ㄌ炒　肉桂一ㄌ

Đảng sâm 4 đồng. Bạch truật 2 đồng, Phục linh 3 đồng, Chích thảo 1 đồng.

Gia : Mộc-qua 5 đồng, Đương-quy 2 đồng, Hậu-phác 2 đồng, Nhục quế 1 đồng.

Giản dị phương

藿香五ㄌ　陳皮五ㄌ炒

Hoắc-hương 5 đồng, Trần-bì 5 đồng, lấy 2 lạng hoàng-thổ dâm nhỏ hòa nước để lắng trong lấy nước sắc thuốc.

Dùng muối để vào rốn cho đầy lấy lá ngải-cứu vê bằng hột nhãn để trên muối mà đốt, đốt mươi lăm bận thấy khỏi đau thời thôi.

Hoặc dùng :

Củ-tỏi nhỏn dâm nhỏ dịt hai gan bàn chân

Hoặc dùng :

藿香三ㄌ　蘇梗三ㄌ

Hoắc-hương 3 đồng, Tô-ngạnh 3 đồng sắc nước uống.

Hoặc dùng:

胡椒　綠豆　燈心　(各七丁)

Hồ tiêu, Lục-đậu, Đăng tâm (đều 7 cái), đàn-bà 9 cái, sắc nước, thêm một nửa nước lã rồi uống.

Bằng như có khát nước dùng:

葛根五ｿ　生草二ｿ

Cát căn 5 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, sắc nước uống.

Lại xem kỹ trên lưng người bịnh như có nốt chấm đen lấy kim nhể cho hết, chẩy máu ra thời khỏi.

家傳治吐瀉法

Gia truyền trị thổ tả pháp

Một thứ dương chứng thổ nhiều, tả nhiều đòi uống nước lã, uống rồi lại nôn, nôn như vòi rồng, thuốc thang không chịu, miệng thời khát nước uống nhiều, dưới thời đi tả luôn luôn, chân tay lạnh giá, mạch thời trầm vi, trong bụng nóng ráo, nằm ngồi dẫn dọc chẳng yên dùng:

熟地三ｿ炙乾　洋参一ｿ姜炒　麥門一ｿ炒黃
牛必五分

Thục-địa 3 đồng (tẩm gừng rượu nướng khô), Dương-sâm 1 đồng (tẩm gừng sao khô), Mạch-môn 1 đồng (sao vàng), Ngưu-tất 5 phân, cùng sắc nước cho uống Mỗi bận uống 5, 7 giọt để cho ướt cổ, một chốc lại rỏ luôn luôn phải khuyên bảo người bịnh cố nhịn đừng uống nước, độ 1 giờ đồng-hồ thời khát cũng bớt mà tả cũng khỏi, lại uống thêm 1 thang hoặc 2 thang nữa, bớt dần dần thêm nhiều lên, cho uống cũng thêm nhiều lên. Nhược bằng tả chưa bớt gia: hoài-sơn 3 đồng; bằng có chuột rút gân, gia: mộc-qua 2 đồng

Một thứ âm chứng thượng thổ, hạ tả vừa vừa không mạnh lắm; chỉ có khát nước, muốn uống nước nóng uống nước lạnh lại nôn ra, bốn chân tay lạnh, sáu bộ mạch tịt mất, nôn mửa lợm dọng, phiền táo chẳng yên dùng:

洋参二ｿ姜炒　生姜五片　或加　胡椒一粒研

Dương-sâm 2 đồng (tẩm gừng sao khô), sinh-khương 5 nhát. Hoặc gia: Hồ tiêu 1 hột, sắc nước uống. Dùng 1, 2 thang thấy bớt lại dùng:

洋參一リ姜炒　淮山二リ炒　茯苓一リ
杜仲一リ鹽炒　乾姜三分炒　五味五粒炒
炙熟三リ

Dương-sâm 1 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Phục-linh 1 đồng, Đỗ-trọng 1 đồng, Can-khương 3 phân, Ngũ-vị 5 hột, Chích-thục 3 đồng.

Như vị hàn, dạ-dầy lạnh gia: Chế-phụ 2 phân.

Như bụng dưới đau gia : Khởi-tử 1 đồng. Sắc nước uống. Hai phép ở bên trên này đều dùng thang thuốc nhỏ ít, bởi vì sự nôn mạnh quá vậy nên phải dùng 5, 7 giọt thuốc để ướt cổ khiến cho khỏi khát mà không nôn được, nếu mà uống 1 chén thời lại nôn ra hết không có ích gì.

Như thấy khát đã bớt nôn cũng yên mà tả cũng chỉ, lại xem trong mình được ôn hòa, mạch dần hiện ra thời mới là khỏi Nhược bằng mạch hiện ra mau quá mà chạy mạnh có sức, hơi thở thời to, ấy là khỏi giả chưa khỏi thực ; lại định hai phương để cứu như sau này :

Như phần âm hư hơn dùng bài *Tư-âm liễm dương*.

Như phần dương hư hơn dùng bài *Tàng-dương nạp âm*. Bớt rồi dùng bài *Đại-bổ-nguyên*, *Quy-tỳ-thang*, bài *Ngũ-phúc ẩm*

滋陰歛陽方

Tư-âm liễm-dương phương

洋參一リ姜炒　麥門一リ炒　炙熟三リ
淮山二リ炒　山茱五分炒　牛必五分
五味五粒炒　炙草三分

Dương-sâm 1 đồng, Mạch-môn 1 đồng, Chích-thục 3 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Sơn-thù 5 phân, Ngưu-tất 5 phân, Ngũ-vị 5 hột, Chích-thảo 3 phân.

藏陽納陰方

Tàng-dương nạp-âm phương

洋參二リ姜炒　淮山二リ炒　炙熟三リ
杜仲一リ鹽炒　麥門一リ炒　牛必五分
五味七粒炒　乾姜三分炒　製附二分

Dương-sâm 2 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Chích-thục 3 đồng, Đỗ-trọng 1 đồng, Mạch-môn 1 đồng, Ngưu-tất 5 phân, Ngũ-vị 7 hột Can-khương 3 phân, Chế-phụ 2 phân.

Đại bổ-nguyên, Ngũ-phúc-ẩm ở số 1 NỘI THƯƠNG.
Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

霍亂

106. — Hoắc-loạn

Chứng can hoắc-loạn rất là nguy quá, trên muốn thổ mà không ra, dưới muốn hạ mà không đi được, trong bụng đau như loạn-xạ rối-rít, bởi trong bụng có ăn uống tích tụ, ngoài nhân gió lạnh ngăn lấp phải dùng ngay nước muối nhạt thêm khô phèn cho uống lấy tay móc cho thổ ra thời thanh khí được lên, trọc âm cũng xuống, lại dùng thang *Bài-khí-ẩm*, hoặc dùng thang *Thần-hương-tán*, hoặc dùng bài *Cục-phương-thất-khí*. Nhược bằng kháng-cự uống không vào mà thế nguy quá, phải dùng phép *Quát-xa* thời mới khỏi được.

Bài-khí-ẩm ở số 13 KHÍ QUYẾT.
Thần-hương-tán ở số 46 ẨM-THỰC.
Quát-xa-pháp ở số 102 PHÚC-THỐNG.

局方七氣湯

Cuộc-phương-thất-khí thang

党参姜炒　厚樸炒　白芍炒　法夏　茯苓（各二リ）
肉桂　橘紅　紫蘇（各一リ）

Đảng-sâm, Hậu-phác, Bạch-thược, Pháp-hạ, Phục-linh (đều 2 đồng), Nhục-quế Quất-hồng, Tử-tô (đều 1 đồng).

膝腫

107. — Tất-sũng

Tất-sũng là sưng đầu-gối, bởi vì trong nhân huyết ráo, ngoài nhân phong thấp mà hóa ra sưng đau, phần gió nhiều hơn thời cái đau nó chạy đi chạy lại, hoặc chạy lên chạy

xuống, phần lạnh nhiều hơn thời đau như xiên vào, phần thấp nhiều hơn thời sưng to, bịnh ở gân thời không co duỗi được Bịnh ở xương thời không động cựa được. Nhược bằng lâu mãi không khỏi thời ngày ngày to lên, mà đùi trên đùi dưới ngày dần bé đi, chỉ có sưng đau mà sắc không biến thì thành ra chứng Hạc-tất.

Chữa bịnh này phải tán phong hàn, tiêu thấp nhiệt mà phải dùng dưỡng khí huyết, bổ gân xương làm chủ.

Một thứ mới sưng dùng *Thông uất-pháp* cho tiêu đi, hoặc dùng bài *Cam-tiêu-căn* dịt vào.

Một thứ phần gió nhiều mà cái đau nó chạy dùng bài *Đại-phòng-phong*, bài *Ngũ-tích tán*. Nhược bằng phần lạnh hơn thời đau như búa bổ, dùi xiên dùng bài *Tam-khí-âm*. Nhược bằng phần thấp nhiều hơn thời sưng đỏ dùng bài *Ngũ-linh-tán*, thang *Lý-trung*, như phần nóng nhiều hơn dùng bài *Bảo-âm-tiên*, thang *Đại-tần-giao*. Nhược bằng dương khí hư mà đau bại chân tay dùng *Bát-vị-hoàn*, *Hữu quy-hoàn* gia:

杜仲盐炒 續斷炒 秦艽 木瓜 牛必 (各二ㄌ)

Đỗ-trọng, Tục-đoạn, Tần-dao, Mộc-qua, Ngưu-tất (đều 2 đồng).

Một thứ tỳ, vị hư tổn mà ăn uống kém ít dùng bài *Bổ-trung-ích-khí*.

列 方

Liệt các bài thuốc

葱熨法

Thông - uất pháp

Dùng hành khô dâm nhỏ thêm ít muối để vào khăn vải đốt hòn lốc để lên trên tỏi rồi chườm.

甘蕉根方

Cam - tiêu - căn phương

Dùng củ-chuối 1 nắm, hành-khô 1 củ, tỏi-khô 2 nhánh, gừng 10 nhát, dâm nhỏ cho giấm-thanh 1 chén sào lên cho nóng mà dịt vào ngoài lấy lá bọc lại.

大防風湯
Đại-phòng phong thang

白朮土炒　杜仲鹽炒　防風　羌活　各二リ)
白芍炒　黄芪炙　川芎　牛膝　(各一リ)
肉桂　製附　炙艸　(各五分)
党參三リ姜炒　熟地五リ　加　當歸二リ

Bạch-truật, Đỗ-trọng, Phòng-phong, Khương-hoạt đều 2 đồng), Bạch-thược, Hoàng-kỳ, Xuyên-khung, Ngưu-tất (đều 1 đồng), Nhục quế, Chế phụ, Chích-thảo (đều 5 phân), Đảng-sâm 3 dồng, Thục-địa 5 dồng, Gia: Đương-quy 2 đồng.

三氣飲
Tam-khí ẩm

杜仲二リ鹽炒　熟地六リ　當歸二リ　杞子二リ
白芍一リ半炒　白芷一リ　細辛一リ　肉桂一リ
牛膝一リ半　茯苓一リ半　炙草一リ　製附五分

Đỗ-trọng 2 dồng, Thục dịa 6 dồng, Đương-quy 2 dồng. Khởi-tử 2 dồng, Bạch-thược 1 dồng rưỡi, Bạch-chỉ 1 đồng, Tế-tân 1 đồng, Nhục-quế 1 dòng, Ngưu-tất 1 đồng rưỡi, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Chích-thảo 1 dồng, Chế-phụ 5 phân.

保陰煎
Bảo âm tiên

黄柏一リ半炙　白芍二リ炒　生地三リ
續斷一リ半炒　淮山二リ炒　熟地三リ
黄芩一リ半炒　生艸一リ

Hoàng-bá 1 dồng rưỡi, Bạch thược 2 dồng, Sinh-dịa 3 dồng, Tục-doạn 1 đồng rưỡi, Hoài-sơn 2 đồng, Thục-địa 3 đồng, Hoàng-cầm 1 dồng rưỡi, Sinh-thảo 1 dồng.

大秦艽湯
Đại-tần-giao thang

秦艽一リ　石羔一リ煆　細辛五分

白芍炒 生地 熟地 當歸 川芎 茯苓
黄芩炒 白芷 炙草 防風 羗活 獨活
白朮土炒 (各七分)

Tần-giao 1 đồng, Thạch-cao 1 đồng, Tế-tân 5 phân, Bạch-thược, Sinh-địa, Thục-địa, Đương-quy, Xuyên-khung, Phục-linh, Hoàng-cầm, Bạch-chỉ, Chích-thảo. Phòng-phong, Độc-hoạt, Khương-hoạt, Bạch-truật, (đều 7 phân).

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Lý-trung, Hữu-quy-hoàn đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Bát-vị-hoàn, Bổ-trung-ích-khí-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

鶴膝驗方

Hạc-tất nghiệm-phương

土茯苓六ㄌ炒 南參三ㄌ炒 防己三ㄌ 血角三ㄌ
白粉根三ㄌ炒 蒼朮三ㄌ製 千年健三ㄌ 生草二ㄌ
骨氣五ㄌ炒 車前四ㄌ炒

Thổ-phục-linh 6 đồng, Nam-sâm 3 đồng, Phòng-kỷ 3 đồng, Huyết-dác 3 đồng, Bạch-phấn-căn 3 đồng (là củ Thìa-vôi), Xương-truật 3 đồng, Thiên-niên-kiện 3 đồng, Sinh-thảo 2 đồng, Cốt-khí 5 đồng, Xa-tiền 4 đồng.

Cùng cho vào lọ xành đổ hai chai rượu nấu cách thủy chắt ra một nửa trên nước trong gia :

熟地一両 大棗十菓

Thục-địa 1 lạng, Đại-táo 10 quả.
Ngâm vào mà uống còn nửa rượu dưới đục soa bóp chỗ đau.

脚氣

108. — Cước-khí

Cước-khí là bịnh đau chân, hoặc sưng chân đau đến đầu gối hoặc rật gân, hoặc co gân, đau như búa bổ, hoặ

phát sốt, phát rét, hoặc có khi sung ngược lên trên mỏ-ác gọi là cước-khí sung-tâm, nhược bằng đau mà không sưng gọi là can cước-khí thời tê lạnh, mỗi ngày thịt dần dần gầy đi mà khô nhỏ chân lại đều bởi vì ngoài nhân hàn thấp, trong nhân uống rượu, hoặc ăn vị độc hóa ra đau chân, có bồ-hôi mà sưng đau, chạy lên, chạy xuống là phần phong nhiều, bằng không có bồ-hôi, co gân cứng gân là phần hàn nhiều, sưng sũng là thấp, khô nóng là nhiệt. Chữa bịnh này phải phân hàn, nhiệt, phong, thấp, nhưng mà phải tuấn bổ can huyết làm chủ.

Một thứ sưng chân khi mới phải sưng đau nặng nề nên phân lợi tiểu-tiện dùng bài *Tiểu-phân-thanh*, *Trừ-thấp-thang*, bằng có kiêm hàn dùng *Ngũ-linh-tán*, như có kiêm nhiệt dùng bài *Đại-phân-thanh-ẩm*.

Một thứ nhân hàn thấp, hoặc mưa ướt mà sưng chân, đau khó chịu lắm dùng bài *Kê-minh-tán*, nhược bằng hàn thấp chạy vào trong hóa ra phù sũng hoặc cứng rắn, đau đớn không động cựa được dùng bài *Độc-hoạt-thang*, nhược bằng hàn thấp ngưng tụ, mạch máu chẳng hòa, mà gân xương mềm yếu, hoặc co quắp đau đớn dùng bài *Tam-khí-ẩm*, bài *Tửu-tẩm-ngưu-tất*. Nhược bằng hàn thấp ủng sũng, khí trệ chẳng thông dùng bài *Lập-hiệu-tán*, bài *Hoạt-lạc-ẩm*.

Một thứ nhân rượu chè ăn uống chẳng có tiết độ hóa ra sưng chân không khỏi dùng bài *Phòng-kỷ*, hoặc *Nhị-diệu-tán*, *Gia-vị-nhị-diệu-hoàn* Nhược bằng khí thấp nhiệt sung ngược lên trên ngực, bụng phiền muộn khát nước, rức đầu miệng khô dùng bài *Hoạt-nhân-tê-dác*, nhược bằng khí thấp nhiệt chạy khắp kinh lạc, mạch chạy mau mà chân tay mình mẩy đau đớn sưng nóng dùng thang *Đương-quy-niêm-thống*. Nhược bằng can, thận âm hư huyết nhiệt, hai chân gầy mòn đau đớn, đi lại dan nan dùng bài *Tục-đoạn-hoàn*.

Một thứ cước-khí sung tâm rất là bịnh nguy, khí sung ngược lên không thở được, hoặc có nôn mửa dùng bài *Binh-lang*, bài *Tứ ma-ẩm*. Nhược bằng khí lạnh vào bụng bất tỉnh nhân sự, dùng thang *Thù-du-mộc-qua*, hoặc *Cứu-dương-thang*, thời mới khỏi được Bịnh đã lui phải dùng bài *Bát-vị-hoàn*, *Toàn-chân-thang*, gia Đỗ-trọng 3 đồng.

Một thứ sưng chân có thực tà hoặc chướng đầy bế kết dùng thang *Khương-hoạt-đạo-trệ-th.ng*, *Chỉ-thực-đại-hoàng*.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tiểu phân thanh, Ngũ-linh-tán, Đại phân thanh đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Tam-khí-ẩm ở số 107 TẤT-SŨNG

Đương-quy-niêm-thống, ở số 96 KIÊN-BỐI.

Tứ-ma-ẩm, ở số 13 KHÍ-QUYẾT.

Bát-vị-hoàn, ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG BIỆN.

除濕湯

Trừ-thấp thang

陳皮一リ半炒　厚樸二リ炒　法夏二リ　茯苓二リ
霍香一リ半　蒼朮二リ製　炙草一リ

Trần-bì 1 đồng rưỡi, Hậu-phác 2 đồng, Pháp-hạ 2 đồng, Phục-linh 2 đồng, Hoắc-hương 1 đồng rưỡi, Xương-truật 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng,

---

鷄鳴散

Kê-minh tán

吳茱三リ炒　檳榔七枚　橘紅一月　木瓜一月
蘇葉三リ　桔梗五リ　生姜五リ

Ngô-thù 3 đồng, Binh-lang 7 hột, Quất-hồng 1 lạng, Mộc-qua 1 lạng, Tô-diệp 3 đồng, Kết-cánh 5 đồng, Sinh-khương 5 đồng,

Sắc hai nước dồ lẫn vào cái bát để đầu giường, chia làm 3, 4 bận độ 3 giờ sáng uống nguội, uống không hết để đến hôm sau lại uống.

獨活湯

Độc-hoạt thang

党參姜炒　黄芪炙　牛膝　川芎　獨活　麻黄
白朮土炒　乾姜炒　肉桂　茯苓　當歸　木香
杜仲鹽炒　白芍炒　炙草　製附　(各五分)

Đảng-sâm, Hoàng-kỳ, Ngưu-tất, Xuyên-khung, Độc-hoạt, Ma-hoàng, Bạch-truật, Can-khương, Nhục-quế, Phục-linh Đương-quy, Mộc-hương, Đỗ-trọng, Bạch-thược, Chích-thảo, Chế-phụ (đều 5 phân)

酒浸牛必丸
Tửu-tẩm ngưu-tất hoàn

牛必三丙 川椒五リ 虎骨五リ 附子一枚

Ngưu-tất 3 lạng, Xuyên-tiêu 5 đồng, Hổ-cốt 5 đồng, Phụ-tử 1 củ,

Cùng nấu rượu cách thủy mà uống còn bã đâm ra làm thuốc viên lại uống.

立效散
Lập-hiệu tán

陳皮炒 吳茱炒 紫蘇 木瓜 (各一丙)
檳榔七粒 生姜二丙

Trần-bì, Ngô-thù, Tử-tô, Mộc-qua (đều 1 lạng), Binh-lang 7 hột, Sinh-khương 2 lạng.

Tán bột uống 2 đồng hòa với rượu

滑絡飲
Hoạt-lạc ẩm

炙草一リ 當歸 川芎 姜活 獨活
白术土炒 (各一リ半)

Chích-thảo 1 đồng, Đương-quy, Xuyên-khung, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Bạch-truật, (đều 1 đồng rưỡi).

防已飲
Phòng-kỷ ẩm

甘草炙 黄伯炙 犀角 生地 川芎 防已
白术土炒 蒼术製 檳榔 木通 (各一リ)

Cam-thảo, Hoàng-bá, Tê-dác, Sinh-địa, Xuyên-khung, Phòng-kỷ, Bạch-truật, Xương-truật, Binh-lang, Mộc-thông, (đều 1 đồng).

二妙散
Nhị-diệu tán

蒼朮製一両　　黄伯炙一両

Xương-truật 1 lạng, Hoàng-bá 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng, thang bằng nước gừng.

加味二妙丸
Gia-vị-nhị-diệu hoàn

蒼朮四両製　當歸一両　牛必一両　黄伯二両炙
萆薢一両炒　龜板一両　防已一両

Xương-truật 4 lạng Dương quy 1 lạng, Ngưu-tất 1 lạng, Hoàng-bá 2 lạng, Tỳ-dải 1 lạng, Quy-bản 1 lạng, Phòng-kỷ 1 lạng. Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

活人犀角散
Hoạt-nhân-tê-dác tán

犀角七分磨　沉香七分　兵榔一リ　枳壳七分炒
麥門一リ炒　赤苓一リ　紫蘇一リ　生石羔二リ
木香五分　防風五分

Tê-dác 7 phân, Trầm-hương 7 phân, Binh-lang 1 đồng, Chỉ-sác 7 phân, Mạch-môn 1 đồng, Xích-linh 1 đồng, Tử-tô 1 đồng, Sinh-thach cao 2 đồng, Mộc-hương 5 phận, phòng-phong 5 phân. điều tán nhỏ, mỗi bận uống 2 đồng

續斷丸
Tục-đoạn-hoàn

防風　薏苡　五加皮　羌活　續斷炒
牛必　(各一両半)
生地二両半　仲杜二両半盐炒　木瓜四両
萆薢二両

Phòng-phong, Ý-dĩ, Ngũ-gia-bì, Khương-hoạt, Tục-đoạn, Ngưu tất (đều 1 lạng rưỡi) Sinh-dịa 2 lạng rưỡi, Đỗ-trọng 2 lạng rưỡi, Mộc qua 4 lạng, Tỳ-dải 2 lạng.

Rượu ngon 2 bát nấu với Thanh-diêm 1 lạng rưỡi (青盐一両半) thành cao, các vị trên đều tán bột, luyện cao làm viên uống 2 đồng.

梹榔湯

Binh-lang thang

陳皮炒 兵榔 蘇葉 木瓜 炙草 香附炒
五加皮 (各一リ)

Trần-bì, Binh-lang, Tô-diệp, Mộc-qua, Chích-thảo, Hương-phụ, Ngũ-gia-bì, (đều 1 đồng)

吳茱木瓜湯

Ngô-thù mộc-qua thang

吳茱二リ炒 木瓜四リ 梹榔四リ 生姜五片

Ngô-thù 2 đồng, Mộc-qua 4 đồng, Binh-lang 4 đồng, Sinh-khương 5 nhát.

救陽湯

Cứu-dương thang

洋参五リ姜炒 乾姜二リ炒 炙草一リ
白朮四リ土炒 五味三分炒

Dương-sâm 5 đồng, Can-khương 2 đồng, Chích-thảo 1 đồng, Bạch-truật 4 đồng, Ngũ-vị 3 phân.

全真湯

Toàn-chân thang

白朮三リ土炒 熟地一片 牛膝二リ 麥門三リ炒
洋参四リ姜炒 五味七粒 製附五分

Bạch-truật 3 đồng, Thục địa 1 lạng, Ngưu-tất 2 đồng, Mạch-môn 3 đồng, Dương-sâm 4 đồng, Ngũ-vị 7 hột, Chế-phụ 5 phân.

姜活導滞湯

Khương-hoạt đạo-trệ thang

羗活一リ半 獨活一リ半 防己一リ 當歸二リ
枳實七分炒 川大黄一リ煨

Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Độc-hoạt 1 đồng rưỡi, Phòng-kỷ 1 đồng, Đương-quy 2 đồng, Chỉ-thực 7 phân, Xuyên-đại-hoàng 1 đồng.

枳實大黃湯

Chỉ-thực đại-hoàng thang

羌活一リ半　當歸二リ　枳實五分
川大黃二リ煨

Khương-hoạt 1 đồng rưỡi, Đương-quy 2 đồng, Chỉ-thực 5 phân, Xuyên-đại-hoàng 2 đồng.

驗方

Nghiệm phương

1° *Cam-tiêu-căn-phương* ở số 107 TẤT-SŨNG.

2° Hai chai rượu thuốc thấp đổ vào chậu đồng hâm nóng ngâm chân nguội thì hâm lại, 1 ngày thì khỏi.

Một thứ cước khí xung tâm thở gấp sắp nguy dùng:

松節二リ　桑皮二リ　紫蘇二リ　兵榔一リ
生草一リ　燈心廿根　生姜三片

Tòng-tiết 2 đồng, Tang-bì 2 đồng, Tử-tô 2 đồng, Binh-lang 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Đăng-tâm 20 sợi, Sinh-khương 3 nhát.

Sắc nước uống thêm 1 chén đồng-tiện, lại dùng 3 con gà sống lấy dao mổ đằng lưng ấp ngay vào ngực để hút khí độc ra; một chốc lại đổi con khác, ước chừng 2 giờ đổi luôn 3 con thời khỏi, gà ấy phải vất đi chớ có ăn kẻo độc lắm.

Một thứ cước khí sung ngược lên tức đầy lắm, bên sườn mọc một cục rắn như đá, mê mẩn không biết gì sắp nguy dùng: Tòng-tiết 1 lạng, Lá-quít 12 lá, Binh-lang 2 hột, sắc nước uống thêm 1 chén đồng-tiện.

Một thứ cước khí sung tâm bất tỉnh nhân sự dùng Binh-lang 3 phân, Lá-quít 2 phân sắc nước uống thêm Xạ-hương 3 li, đồng-tiện 1 chén hòa lẫn uống.

風 痺

109. — Phong-tý

Phong-tý là bịnh tê hoặc gọi là Thống-phong bởi vì phong hàn, thấp ba khi bế lại mà mạch máu không lưu thông, hóa ra tê; bịnh tê có năm thứ:

1 là bì-tê, gãi vào da không biết, lấy quế-chi, sinh-khương giã nhỏ hòa rượu soa.

2 là nhục-tê, như kiến cắn trong thịt.

3 là mạch-tê, các mạch máu không thông được.

4 là cân-tê thời gân lỏng lẻo không bấm xuống được.

5 là cốt-tê thời xương rức như gà mổ không động cựa được.

Chữa bịnh này phải phân hàn, nhiệt dùng thuốc bổ khí dưỡng huyết, nhược bằng quá dùng thuốc phong. thấp thời sợ háo huyết mà bịnh lâu khỏi.

Một thứ chứng tê phần gió nhiều hơn dùng bài *Bại-độc-tán, Ô-dược-thuận-khí-tán*; nhược bằng gió kiêm lửa nóng dùng *Đại-tần-giao-thang. Cửu vị-khương-hoạt-thang*, nhưng mà gió hay quạt lửa, lại hay ráo chỗ ướt nên gia:

生地五リ　當歸三リ　黄芩一リ炒

Sinh-địa 5 đồng, Đương-quy đồng, Hoàng-cầm 1 đồng.

Một thứ bịnh tê phần lạnh nhiều hơn dùng *Ngũ-tích-tán, Tiểu-tục-mịnh-thang*; nhược bằng lạnh lắm dùng *Cam-thảo-phụ-tử-thang, tam-nhân-phụ tử-thang*; nhưng mà khí lạnh thì đọng lại mà không tan phải gia Quế-chi 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng.

Một thứ tê phần thấp nhiều hơn nên cho lợi tiểu-tiện dùng *Ngũ-linh-tán*, bằng có đàm thấp dùng *Lục-quân-tử-thang* như có phong thấp dùng *Khương-hoạt-thắng-thấp-thang*. Như hàn thấp dùng *Chân-vũ-thang*. Muốn cho hành khí tiêu thấp dùng *Điều-khí-bình-vị-tán*. nhưng mà phần thấp có chia lạnh, nóng hai thứ: như chứng thấp nhiệt dùng *Đương-quy-niêm-thống-thang*, hoặc *Nhị-diệu-tán Gia-vị nhị-diệu hoàn*.

Những các chứng tê nên dùng thuốc bổ, có đau như hùm cắn cho nên có tên rằng: Bạch hổ lịch tiết phong thống dùng *Tam-khí-ẩm, Đại-phòng-phong-thang* thời mới chóng khỏi.

列方

Liệt các bài thuốc

敗毒散

Bại-độc tán

党参姜炒 茯苓 羌活 獨活 柴胡 前胡
枳殼炒 川芎 桔梗 甘艸 (各一リ)

Đẳng-sâm, Phục-linh, Khương-hoạt, Độc-hoạt Sài-hồ Tiền-hồ, Chỉ-xác, Xuyên-khung, Kết-cánh, Cam-thảo (đều 1 đồng).

烏藥順氣散

Ô-dược thuận-khí tán

枳殼分五炒 烏藥一リ 川芎一リ 橘紅一リ
姜蚕五分炒 白芷一リ 桔梗一リ 生草五分
乾姜五分炒 麻黄五分

Chỉ-sác 5 phân, Ô-dược 1 đồng, Xuyên-khung 1 đồng, Quất-hồng 1 đồng, Khương-tàm 5 phân, Bạch-chỉ 1 đồng, Kết-cánh 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Can-khương 5 phân, Ma-hoàng 5 phân.

甘草附子湯

Cam-thảo phụ-tử thang

甘草二リ 製附二リ 桂枝三リ 白朮三リ土炒

Cam-thảo 2 đồng, Phụ-tử chế 2 đồng, Quế chi 3 đồng, Bạch-truật 3 đồng.

三因附子湯

Tam-nhân phụ-tử thang

党参姜炒 白芍炒 生草 製附 茯苓
白朮土炒 乾姜炒 桂心 (各一リ)

Đẳng-sâm, Bạch-thược, Sinh-thảo, Phụ-tử-chế, Phục-linh, Bạch-truật, Can-khương, Quế-tâm (đều 1 đồng).

真武湯

Chân - vũ thang

白芍三リ炒　茯苓三リ　生姜三リ　製附一リ
白朮二リ土炒

Bạch-thược 3 dồng, Phục-linh 3 dồng, Sinh-khương 3 dồng. Chế-phụ 1 dồng, Bạch-truật 2 dồng.

調氣平胃散

Điều - khí bình - vị tán

厚樸一リ炒　陳皮一リ炒　木香一リ　烏藥一リ
白豆蔻一リ　白檀香一リ　炙草七分　藿香一リ半
砂仁一リ炒　蒼朮一リ半製

Hậu-phác 1 dồng, Trần-bì 1 dồng, Mộc-hương 1 dồng, Ô-dược 1 dồng, Bạch-dậu-khấu 1 dồng, Bạch-dàn-hương 1 dồng, Chích-thảo 7 phân, Hoắc hương 1 dồng rưỡi, Sa-nhân 1 dồng, Xương-truật 1 dồng rưỡi.

Đại-tần-dao-thang, Tam-khí-ẩm, Đại-phòng-phong đều ở số 107 TẤT-SŨNG.

Cửu-vị-khương-hoạt, Ngũ-tích-tán, đều ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Tiểu-tục-mệnh-thang, ở số 4 TRÚNG-PHONG.

Ngũ-linh-tán, ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Lục-quân-tử-thang, ở số 15 ĐÀM-QUYẾT.

Khương-hoạt-thắng thấp, Đương-quy-niêm-thống đều ở số 96 KIÊN BỐI.

Nhị-diệu-tán, Gia-vị-nhị diệu-hoàn, đều ở số 108 CƯỚC-KHÍ.

風濕酒

Phong - thấp tửu

當歸四リ	千年健	牛必	續斷	獨活
杜仲鹽炒	威靈仙	木瓜	防風	(各二リ)
蒼朮炒	五加皮	川芎	白止	姜活
桑寄生	細辛	桂枝	秦艽	(各一リ)

Đương-quy 4 đồng, Thiên-niên-kiện, Ngưu-tất, Tục-đoạn, Độc-hoạt, Đỗ-trọng, Uy-linh-tiên, Mộc-qua, Phòng-phong (đều 2 đồng) Xương-truật, Ngũ-gia-bì, Xuyên-khung, Bạch-chỉ, Khương-hoạt Tang-ký-sinh, Tế-tân, Quế-chi, Tần-dao, (đều 1 đồng).

Không có Tang-ký-sinh dùng cành dâu 2 đồng. Ngâm rượu nấu cách thủy để 10 hôm vừa uống vừa soa.

神傳酒

Thần-truyền tửu

Triều nhà Lê niên hiệu *Chính-hòa* nhà vua phải bịnh tê thấp có người dưng phương thuốc ngâm rượu uống khỏi vua thưởng 50 lạng bạc truyền cho thiên-hạ biết bài thuốc này:

Vương-tôn là rễ-gắm 6 đồng.
Ngũ gia-bì là cây chân-chim 5 đồng.
Nam-dằng là giây lung-lúc 4 đồng.
Hoàng-chỉ-dằng 4 đồng.
Nam-đương-quy là quy-bàn 3 đồng.
Kim-anh dằng là chiêng-chiếng 3 đồng.
Ô-dược 2 đồng.
Nam-ngưu-tất là rễ cỏ-sước.
Bạch-đồng-nam là rễ bấn-trắng
Xích-đồng-nữ là rễ bấn-đỏ
Cát bối-căn là rễ bưởi-bung.
Tang-ký-sinh là tầm-gửi cây giâu.
Hồ-điệp-căn là rễ bươm-bướm
Tỳ-giải là củ kim-cương.
Mã-tiên-thảo là cỏ-roi-ngựa
Tiền-hồ là cây-chỉ-thiên (đều 2 đồng).

兩手麻痺方

Lưỡng-thủ ma-tí phương

香乳三ソ炒　玄参三ソ　天麻二ソ　鈎藤二ソ
葳靈仙三ソ　昌蒲二ソ　防風二ソ　丹参二ソ
何首烏一ソ　荆芥一ソ　苦参一ソ　杞子一ソ
白菊花一ソ

Nhũ-hương 3 đồng. Huyền-sâm 3 đồng. Thiên-ma 2 đồng, Câu-đằng 2 đồng, Uy-linh-tiên 3 đồng, Xương-bồ 2 đồng, Phòng-phong 2 đồng, Đan-sâm 2 đồng, Hà-thủ-ô 1 đồng, Kinh-giới 1 đồng, Khổ-sâm 1 đồng, Khởi-tử 1 đồng, Bạch-cúc-hoa 1 đồng,

Sắc nước uống 3 thang thời khỏi.

足痿

140. — Túc-nuy

Túc-nuy là chân héo dũ bởi bịnh tê nặng mà hai chân mềm yếu không đi được; ngón chân cũng không cựa được hoặc cả hai tay không cầm được bởi vì khí, huyết hư tổn cho nên mưa lạnh cảm vào. Những người đàn-bà mới sinh nở, khi ra vào gặp phải mưa gió hay có bịnh tê đến khi đã mắc phải thời nửa năm hoặc 1 năm, nằm ngồi liệt ở giường không phải năm mười hôm mà chữa khỏi ngay được.

Trị bịnh này phải phân hàn, nhiệt mà dùng thuốc, lại nên dùng rượu thuốc trong uống ngoài soa thời mới chóng khỏi được. Chứng nuy cùng với bịnh tê dùng thuốc cũng thông trị được cả.

Một thứ hàn thấp mà chân tê dại thời mạch chạy chậm yếu dùng bài *Khởi-nuy-đan*, bài *Hữu-quy-ẩm* gia Đương-quy 3 đồng, Ngưu-tất, Mộc qua (đều 2 đồng).

Một thứ thấp nhiệt mà chân tê dại thời mạch chạy hồng hoạt trong bụng nóng nẩy dùng bài *Tư-âm-bát-vị*, bài *Đan-khê-bổ-âm-hoàn*.

Một thứ chứng nuy bởi can thận âm huyết hư tổn dùng bài *Tả-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn* đều gia Đỗ-trọng, Khởi-tử, Mộc-qua, Ngưu-tất (đều 2 đồng) phải gián phục với thang *Bổ-trung* và thang *Quy-tỳ* thời mới chóng khỏi.

Một thứ phép chườm túc-nuy

Dùng một hòn gạch mới nung đỏ tưới rấm thanh vào, lấy vải bọc chườm vào chân nguội thời nung lại.

Một thứ phép xông chân tê

Đào một cái hố sâu 1 thước, rộng 1 thước để vừa hai chân lấy củi giàu đốt trong hố cho đỏ, dùng giấm-thanh hoặc nước tiểu tưới xuống hố lại lấy lá soan rải xuống hố rồi bỏ hai chân lên trên lá soan mà xông thấy nguội thời thôi, làm ba bận thế mới khỏi.

列方

Liệt các bài thuốc

起痿丹

Khởi-nuy đan

兎絲二两　桂枝八ソ　沙苑　蒺藜　萆薢
杜仲鹽炒　肉蓯蓉裂　牛必　防風　杞子
破故帋　胡蘆巴　(各一两)

Thỏ-ty 2 lạng, Quế-chi 8 đồng, Sa-uyền, Tật-lê, Tỳ-giải, Đỗ-trọng, Nhục-thong-dong, Ngưu-tất, Phòng-phong, Khởi-tử, Phá-cố, Hồ-lô-ba, đều 1 lạng)

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng.

丹溪補陰丸

Đan-khê bổ-âm hoàn

白芍二两炒　當歸二两　牛必二两　熟地四两
陳皮一两炒　瑣陽一两　知母一两　龜板四两
黃柏一两炙　虎骨一两

Bạch-thược 2 lạng, Đương-quy 2 lạng, Ngưu-tất 2 lạng, Thục-địa 4 lạng, Trần-bì 1 lạng, Tỏa-dương 1 lạng, Tri-mẫu 1 lạng, Quy-bản 4 lạng, Hoàng-bá 1 lạng, Hổ cốt 1 lạng.

Tán bột, lại dùng 4 lạng thịt dê dâm nhỏ, hòa rượu làm viên, uống 2 đồng.

Hữu-quy-ẩm, Lục-vị-hoàn, Quy-tỳ-thang, Bổ trung-ích-khi-thang đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG-BIỆN.

Tư âm bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Tả-quy-hoàn ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

手足自搖方

Thủ-túc tự-dao phương

(là bịnh gân tê, chân, tay rung động)

鹿茸四リ炙	胡麻仁三リ	丹参三リ
桑寄生三リ	威靈仙三リ	蒺藜三リ
乳香二リ炒	天蔴一リ半	續断三リ
虎骨一リ半	肉桂一リ半	茯神二リ
川烏一リ半	牛必一リ半	木瓜二リ
獨活一リ半	没藥二リ	

Lộc-nhung 4 đồng, Hồ-ma-nhân 3 đồng, Đan sâm 3 đồng, Tang-ký-sinh 3 đồng, Uy-linh tiên 3 đồng, Tật-lê 3 đồng, Nhũ-hương 2 đồng, Thiên-ma 1 đồng rưỡi, Tục-đoạn 3 đồng, Hổ-cốt 1 đồng rưỡi, Nhục quế 1 đồng rưỡi, Phục-thần 2 đồng, Xuyên-ô 1 đồng rưỡi, Ngưu-tất 1 đồng rưỡi, Mộc-qua 2 đồng, Độc-hoạt 1 đồng rưỡi, Một-dược 2 đồng.

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng. Nhược bằng âm hư bỏ Nhục-quế, Xuyên-ô; gia: Đương-quy 3 đồng, Ngũ-gia-bì, Xuyên-khung đều 2 đồng.

陽痿

111. — Dương-nuy

Dương-nuy là bịnh luyệt dương những người con giai ngọc-hành héo dũ bởi vì cung-mệnh môn-hỏa suy, tinh khí hư lạnh, hoặc nhân sự thất tình nhọc mệt hóa ra bịnh luyệt dương.

Ông Khải Huyền-Tử nói rằng: Không có dương khí thời âm huyết không sinh được; không có âm huyết thời dương khí không hóa được, xem như thế thời sức dương cường phải nhờ âm huyết làm lượng; phép chữa bịnh này trong phương Cháng-dương-bổ-khí phải thêm vị bổ huyết tư âm mới thực là rất phải.

Một thứ nhân hỏa hư mà luyệt dương dùng bài *Hữu-quy-hoàn*, *Tán-dục-đan*, nhược bằng hỏa chửa suy lắm mà chỉ vì khí huyết bạc nhược dùng *Tả-quy-hoàn*, *Ban-long-hoàn*.

Một thứ nhân lo nghĩ sợ hãi, hóa ra tỳ thận tổn thương mà luyệt dương dùng bài *Thất-phúc-ẩm*, *Quy-tỳ-thang*.

Nhược bằng lo sợ quá thời phải bổ hỏa dùng *Thất-phúc-ẩm* gia :

杞子二ゞ 肉桂五分 製附五分

Khởi-tử 2 đồng, Nhục-quế 5 phân, Chế-phụ 5 phân.

Một thứ can thận thấp nhiệt cho nên lỏng gân hóa ra luyệt dương phải xem mạch và chứng bịnh thực là nóng dùng bài *Tư-âm-bát-vị-hoàn, Đan-khê-bổ-âm-hoàn* Nhược bằng can kinh thấp nhiệt dùng thang *Long-đảm-tả-can*.

列 方

Liệt các bài thuốc

贊育丹

Tán - dục đan

冬朮四刄土炒 熟地四刄 當歸三刄 韭子二刄炒
杜仲二刄鹽炒 巴戟二刄 杞子三刄 淫羊藿二刄
肉蓯蓉二刄製 仙茅二刄 肉桂五ゞ 蛇床一刄炒
山茱一刄酒炒 製附五ゞ

Đông-truật 4 lạng, Thục-địa 4 lạng, Đương-quy 3 lạng, Cửu-tử 2 lạng, Đỗ-trọng 2 lạng, Ba-kích 2 lạng, Khởi-tử 3 lạng, Dâm-dương-hoắc 2 lạng, Nhục-thông-dong 2 lạng, Tiên-mao 2 lạng, Nhục-quế 5 đồng, Sà-sàng 1 lạng, Sơn-thù 1 lạng, Chế-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện mật viên uống 3 đồng.

斑龍丸

Ban - long hoàn

鹿膠二刄炒 破故一刄炒 兎絲二刄 熟地二刄
鹿角霜二刄 茯苓一刄 栢子仁二刄去油

Lộc-giao 2 lạng, Phá-cố 1 lạng, Thỏ-ty 2 lạng, Thục-địa 2 lạng, Lộc-dác-xương 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Bách-tử-nhân 2 lạng

Tán bột luyện mật viên uống 2 đồng.

Hữu quy-hoàn, Tả-quy hoàn, Thất phúc ẩm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Quy-tỳ-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.
Tư-âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Đan-khê-bổ-âm ở số 110 TÚC-NUY.
Long-đảm-tả-can ở số 82 MỤC-THỐNG.

簡易方

Giản dị phương

兎絲四刄　蛇床二刄炒　五味七リ

Thỏ-ty 4 lạng, Sà-sàng 2 lạng, Ngũ-vị 7 đồng.

Tán bột luyện mật viên, uống 2 đồng thang bằng rượu.

Thịt chim sẻ nấu ăn rất hay

Hoặc Tổ-ong đốt cháy tán bột uống 2 đồng, trong uống ngoài bôi mới hay.

Hoặc dùng : Con ngài 1 lạng bỏ đầu, chân, cánh sao khô tán bột luyện mật làm viên bằng hột đậu xanh, đi ngủ uống 1 viên ; nhược bằng cường quá phải dùng thạch-xương-bồ ngâm rượu uống 1 chén thời không cường nữa.

Hựu phương

高麗参或花棋参五リ姜炒　乾荔枝七枚
淫羊藿三リ　熟地五リ　杞子五リ　丁香三リ

Cao-ly-sâm hoặc Hoa-kỳ-sâm 5 đồng, Vải-khô 7 quả, Dâm-dương-hoắc 3 đồng, Thục-địa 5 đồng, Khởi-tử 5 đồng, Đinh-hương 3 đồng.

Dùng rượu ngon 1 chai ngâm ba ngày rồi nấu cách thủy độ 2 giờ lấy ra ngâm nước một ngày, uống 1 chén chia làm vài mươi hụm dần dần tí một rất thần hiệu.

陽強

112. — Dương-cường

Dương cường bất đảo là ngọc hành cứng mãi không ngả, bởi vì tướng hỏa vọng động phải nên đi mới được dùng:

黄伯炙　龍骨煆　生地　知母　川大黄煨
殻枳炒　(各一リ半)

Hoàng-bá, Long-cốt, Sinh-địa, Chi-mẫu, Xuyên-đại-hoàng, Chỉ-xác (đều 1 đồng rưỡi).

Sắc nước uống.

Nhược bằng tỳ vị hư, ăn uống kém ít thời dùng:

黄伯炙　砂仁炒　炙草　(各一リ)

Hoàng-bá, Sa-nhân, Chích-thảo (đều 1 đồng)

Sắc nước uống.

疝氣

113. — Sán-khí

Sán-khí là đau âm-nang hoặc gọi hạ-nang có sưng sũng mà đau cả hai hòn và dẫn vào trong bụng dưới

Chứng này có bầy thứ:

1 là Hàn-sán thời âm-nang lạnh rắn như đá, ngọc-hành không cất được, hai hòn đều đau.

2 là Thủy-sán thời hạ-nang trong như thủy-tinh, ngứa gãi mà chẩy ra nước vàng.

3 là Cân-sán thời gân co lại hoặc buông chễ ra, nước tiểu trắng đục.

4 là Khí-sán thời âm-nang sưng đau, khí xung ngược lên đau cả hai quả bồ-dục.

5 là Huyết-sán hình như quả chuối ở bên bụng dưới, sần sẫn mà không tiêu, kết làm cái nhọt.

6 là Hồ-sán hình như hòn ngói ở trong âm-nang, nằm thời chạy vào trong bụng, đứng lên lại ra.

7 là Đồi-sán âm-nang sưng to bằng cái đấu, chẳng ngứa mà cũng chẳng đau mà khó chữa cho nhỏ lại được.

Bởi vì nhân sự tửu, sắc, hoặc nhân dận dữ, nhân việc khó nhọc hoặc nhân phong thấp, hàn nhiệt mà phát ra. Phép chữa phải xem tại cái gì mà dùng thuốc thời mới khỏi.

Một thứ khí-sán, khí nghịch lên mà đau, nhược bằng đau dữ quá dùng bài *Lệ-hương-tán*, khí thực trệ nhiều dùng bài *Bảo-đám-xuyên-luyện-tán*, hoặc *Thiên-thai-ô-dược-tán*. Nhược bằng khí hư kiêm hàn dùng bài *Noãn-can-tiên*. Như khí nghịch đau quá, không chịu được dùng bài *Ngũ-tích-tán* gia:

生姜五片　呉茱一リ塩炒　小茴一リ炒
葱白一頭

Sinh-khương 5 nhát, Ngô-thù 1 đồng (tầm muối sao), Tiểu-hồi 1 đồng (sao), Hành 1 củ.

Một thứ hàn-sán rất hay đau, nhân cảm khí lạnh hoặc ăn vật lạnh; yêu nóng sợ lạnh, đại, tiểu tiện bình thường dùng bài *Thần-ứng-tán* hoặc *Thận-khí-hoàn*. Nhược bằng lạnh lắm dùng bài *Hồ lô-ba hoàn*, bài *Trầm-hương-quế-phụ hoàn*.

Một thứ nhiệt-sán cũng hay đau lắm, nhân hỏa tà mà đau thời khát nước muốn lạnh, đại-tiện bí, tiểu-tiện đỏ; hoặc có tức đầy dùng bài *Đại-phân-thanh-ẩm*, bài *Nhân-trần-ẩm* đều gia:

小茴一リ　川練一リ

Tiểu-hồi 1 đồng, Xuyên-luyện 1 đồng

Hoặc dùng bài *Gia-vị-thông-tâm-ẩm*, bài *Quỳ-tử-thang* Nhược bằng can kinh thấp nhiệt, ngọc-hành sưng đau gân co quắp, hạ-nang sưng, nước tiểu đục là chứng Cân-sán dùng bài *Long-đảm-tả-can-thang*.

Một thứ thấp-sán hay sa nặng sưng to như có đau thời theo chứng hàn-sán, nhiệt-sán mà chữa.

Nhược bằng không đau mà hạ-nang to nhởn là chứng đồi-sán dùng *Gia-vị-ngũ-linh-tán*, *Xương-truật-tán*, *Tam-tằng-hồi-hương-hoàn*, lại phải kiêng sự tửu sắc mới khỏi được.

Một thứ bịnh sán khí ngộ uống rượu mà phát là tại thấp nhiệt dùng bài *Đại-phân-thanh-ẩm* gia:

小茴一リ　川練一リ

Tiểu hồi 1 đồng, Xuyên-luyện 1 đồng.

Nhược bằng hàn thấp dùng bài *Ngũ-linh-tán* hoặc *Cát-hoa-giải-tỉnh* thang.

Một thứ sán-khí ngộ sắc dục mà phát là chứng âm hư. Nhược bằng âm hư hỏa động dùng bài *Lục-vị-hoàn* gia:

知母　黄伯炙　梔子炒黒　小回　川練　(各一リ)

Tri-mẫu, Hoàng-bá, Chi-tử, Tiểu-hồi, Xuyên-luyện, (đều 1 đồng).

Nhược bằng âm hư vô hỏa mà đau lạnh dùng *Lý-âm-tiên, Bát-vị-hoàn* gia :

小 茴　杞 子　(各 一 リ)
Tiêu-hồi　Khởi-tử　(đều 1 đồng)

Hoặc dùng bài *Noãn-can-tiên.*

Một thứ huyết-sán là máu kết ở bụng dưới rắn mà có hình, đại-tiện táo mà đen, tiểu thủy thông lợi, hẳn là chứng huyết tích dùng bài *Ngọc-trúc-tán*

Một thứ bịnh sán-khí đã lâu tất nhiên thuộc hư phải lấy mạch chứng mà xét, như âm hư dùng bài *Lý âm tiên,* bài *Noãn-can tiên,* bài *Bổ-âm-ích khí thang*

Nhược bằng dương hư dùng bài *Ôn-vị ẩm,* bài *Bổ-trung-ích-khí-thang.* Nhược bằng dương hư lắm dùng bài *Lục-vị-hồi-dương-ẩm* gia : Nhục-quế 1 đồng.

Một thứ chứng đồi-sán cao hoàn nhớn nhỏ, thiên-trụy đau lắm dùng thang *Hòa-can ôn-thận.*

列 方

Liệt các bài thuốc

荔 香 散

Lệ-hương tán

荔核五リ炒焦　小茴炒五リ
Lệ-hạch 5 đồng, (sao hơi cháy) Tiểu-hồi 5 đồng (sao).

Tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

川 練 散

Xuyên-luyện tán

木香一両　小回一両　川煉一両
Mộc-hương 1 lạng, Tiểu hồi, 1 lạng (sao với muối,) Xuyên-luyện 1 lạng, sao với 15 bột ba-đậu đập rập sao vàng bỏ ba-đậu đi.

Tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

烏藥散

Ô-dược tán

小茴炒　烏藥　木香　良姜　青皮炒　(各五リ)
檳榔二枚　川𬙊十果

Tiều hồi, Ô-dược, Mộc-hương, Lương-khương, Thanh-bì, (đều 5 đồng) Binh-lang 2 hột, Xuyên-luyện 10 quả

Ba-đậu 70 hột đập rập sao lẫn với Xuyên-luyện thêm ít bột sao đen bỏ ba-đậu với bột đi.

Cùng tán bột hòa rượu uống 1 đồng.

神應散

Thần-ứng tán

玄胡索　胡椒　小回炒　(各五リ)

Huyền-hồ-sách, Hồ-tiêu, Tiều-hồi (sao) (đều 5 đồng).

Cùng tán bột hòa rượu uống 2 đồng.

腎氣丸

Thận-khí hoàn

小茴五リ炒　破故五リ炒　吳茱五リ炒
胡蘆巴八リ　木香三リ

Tiều-hồi 5 đồng, Phá-cố 5 đồng, Ngô-thù 5 đồng, Hồ-lô-ba 8 đồng, Mộc-hương 3 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng, thang bằng nước muối.

葫蘆巴丸

Hồ-lô-ba hoàn

胡蘆巴一月半　大戟五リ　川烏五リ
小茴二月炒　吳茱一月炒　川練二月

Hồ-lô-ba 1 lạng rưỡi, Đại-kích 5 đồng, Xuyên-ô 5 đồng, Tiều-hồi 2 lạng, Ngô-thù 1 lạng, Xuyên-luyện 2 lạng.

Cùng tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng thang bằng rượu.

沉香桂附丸

Trầm-hương quế phụ hoàn

乾姜炒 良姜炒 沉香 製附 肉桂
小茴炒 吳茱炒 川烏 (各一リ)

Can-khương, Lương-khương, Trầm-hương, Chế-phụ, Nhục-quế, Tiểu-hồi, Ngô-thù, Xuyên-ô (đều 1 đồng).

Tán bột, quấy hồ bằng giấm-thanh luyện làm viên uống 2 đồng.

加味通心飲

Gia-vị thông-tâm ẩm

梔子炒黑 黃芩炒 木通 連翹 川練
瞿麥炒黑 枳壳炒 生草 (各一リ)

Chi-tử, Hoàng-cầm, Mộc-thông, Liên-kiều, Xuyên luyện, Cồ-mạch, Chỉ-xác, Sinh-thảo, (đều 1 đồng).

葵子湯

Quỳ-tử thang

生草五分 葵子炒 只實炒 猪苓 赤苓 木通
瞿麥炒黑 黃芩炒 車前炒 滑石 (各一リ)

Sinh-thảo 5 phân, Quỳ-tử, Chỉ-thực, Chư-linh, Xích-linh, Mộc-thông, Cồ-mạch, Hoàng-cầm, Xa-tiền, Hoạt-thạch, (đều 1 đồng).

加味五苓散

Gia-vị ngũ-linh tán

澤左五リ炒 猪苓三リ 茯苓三リ 肉桂一リ
白朮三リ土炒 加 羌活二リ

Trạch-tả 5 đồng, Chư-linh 3 đồng, Phục-linh 3 đồng, Nhục-quế 1 đồng, Bạch-truật 3 đồng. Gia: Khương-hoạt 2 đồng.

Tán bột uống 2 đồng.

蒼朮散

Xương - truật - tán

Xương-truật 1 cân (蒼朮一斤)

Thái dầy ngâm nước gạo 3 ngày mỗi ngày một lần thay nước, phơi khô rồi chia ra làm sáu phần : 1 phần sao mấy gạo; 1 phần tẩm rượu sao; 1 phần tẩm muối sao, 1 phần tẩm nước quả giâu sao; 1 phần sao với đại-hồi; 1 phần sao với tiểu-hồi; cùng tán bột uống 2 đồng chiêu hụm rượu.

三層茴香丸

Tam - tàng hồi - hương hoàn

Đại-hồi 1 lạng rưỡi (大茴一兩半) lấy 5 đồng muối cùng sao vàng cháy cân lấy một lạng cả muối lẫn hồi và

川楝 党参姜炒 木香 (各一兩)

Xuyên-luyện, Đảng-sâm, Mộc hương (đều 1 lạng), tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng mỗi ngày 2 bận thang bằng rượu.

Nhược bằng chưa khỏi lại dùng liều thứ hai cũng như bài trước thêm :

蓽茇一兩 兵榔五リ

Tất-bát 1 lạng, Binh-lang 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên phép uống như bài trước.

Nhược bằng chưa khỏi lại dùng liều thứ ba như bài thứ hai lại thêm :

茯苓四兩 製附五リ

Phục-linh 4 lạng, Chế-phụ 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên, phép uống cũng như bài trước hoặc thêm lên 1 ít, bịnh lâu lắm cũng khỏi, rất là thần hiệu.

和肝温腎

Hòa - can ôn - thận

白朮一リ土炒 白芍二リ炒 當歸二リ 柴胡一リ
梔子一リ炒黑 牡丹一リ炒 獨活一リ 川芎七分
吳茱七分炒 小回五分炒 橘核七分 烏藥五分

Bạch-truật 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Sài-hồ 1 đồng, Chi tử 1 đồng, Mẫu-đơn 1 đồng, Độc-hoạt 1 đồng, Xuyên-khung 7 phân, Ngô-thù 7 phân, Tiểu-hồi 5 phân, Quất-hạch 7 phân, Ô-dược 5 phân.

Noãn-can-tiên ở số 62 TÍCH-TỤ

Ngũ-tích-tán ở số 2 THƯƠNG-PHONG.

Đại-phân-thanh, Nhân-trần-ẩm, Ngũ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Long-đảm-tả-can ở số 82 MỤC-THỐNG.

Cát-hoa-giải-tỉnh ở số 16 TỬU-QUYẾT.

Lục-vị-hoàn, Bát-vị-hoàn, Bổ-trung-ích-khí đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Ngọc trúc-tán ở số 59 Ế-CÁCH.

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.

Bổ âm-ích-khí ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lục-vị-hồi-dương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

簡易方
Giản dị phương

Muối trắng sào nóng bọc vải mà chườm.

Củ-hành dâm nhỏ sào nóng bọc vải mà chườm.

Sán khí co gân, khí xung lên ngực hơi tắc gần chết, dùng:

荔核七枚炒焦　陳皮二ゾ炒　硫黄一ゾ製

Lệ-hạch 7 hột, Trần-bì 2 đồng, Lưu-hoàng 1 đồng.

Tán bột, nước muối quấy hồ luyện làm viên bằng hột đậu xanh, uống chín viên thang bằng rượu, uống 3 bận thời khỏi.

Sán-khí hạ nang sưng và thiên chụy dùng:

荔核一刄炒焦　小茴一刄炒　檳榔五ゾ　益智七ゾ
梔子一刄炒黑　青皮五ゾ炒　橘核一刄醋炒

Lệ-hạch 1 lạng (sao cháy), Tiểu-hồi 1 lạng (tẩm muối sao), Binh-lang 5 đồng, Ích-trí 7 đồng, Chi-tử 1 lạng (sao đen), Thanh-bì 5 đồng (sao), Quất-hạch 1 lạng tẩm giấm-thanh sao).

Tán bột uống 2 đồng thang bằng rượu, muối.

Hựu phương

小茴炒　青皮炒　荔核炒焦　(各五リ)

Tiểu-hồi, Thanh-bì, Lệ-hạch đều 5 đồng.

Tán bột lấy 1 đồng hòa rượu uống.

Chứng Sán-khí đau quanh rốn xung lên ngực, lấy xơ-mướp sao cháy tán bột uống 2 đồng thang bằng rượu.

Chứng Sán-khí đau rội lên chạy vào thận-kinh, bồ-dục, dùng Đại-hồi dâm nhỏ sao nóng, chia làm 2 bọc thay đồi mà chườm.

Sán-khí thiên-chụy co gân chạy vào bụng, dùng giây tơ-hồng, vỏ cây xoan 2 thứ bằng nhau dâm nhỏ cho một tí long-não dịt vào.

Sán-khí thiên chụy đau ở ngoài dẫn vào trong bụn dùng Đại-hồi 1 lạng, Tiểu-hồi 1 lạng.

Tán bột lấy 1 cái bong-bóng lợn dực dể vậy cả nước cho thuốc bột vào buộc chặt lại, nấu bằng rượu cho chín rồi dâm nhỏ luyện làm viên bằng hột dậu, uống 30 viên thang bằng nước sôi, rất hay.

Hạ nang sưng dau dùng lá phù dung tươi hoàng-bá đều 3 đồng, hột gấc 1 nhân cùng dâm nhỏ hòa giấm-thanh dịt vào.

Hựu phương

Mã-tiên-thảo.　(馬鞭草)

Đâm nhỏ hòa giấm-thanh sao nóng bọc vải mà chườm.

Hựu phương

Lá nhọ-nồi 5 đồng sắc bằng rượu uống.

Hoặc dùng : Hùng-hoàng 5 phân (雄黃五分)

Tán bột hòa nước gừng uống.

Hoặc dùng : Thuyền thuế 5 đồng (蟬蛻五リ)

Sắc nước rửa.

Hoặc dùng : Bằng-sa 5 đồng (硼砂五リ)

Sắc nước rửa.

Chứng đôi-sán nhớn bằng cái dấu dùng :

Ý-dĩ 4 lạng, (薏苡四刄炒) lấy đất vách cũ sao lẫn, rồi bỏ đất đi nấu dừ như cao uống luôn thời khỏi.

Nhược bằng âm-nang to đau lắm dùng :

雄黃二刄 白礬二刄 生草一刄

Hùng-hoàng 2 lạng, Bạch-phèn 2 lạng, Sinh-thảo 1 lạng.

Sắc nước ngâm rửa luôn luôn.

Âm-nang, ngọc-hành cả giang-môn, ngứa gãi không nhịn được, dùng vỏ quả bầu cũ sao cháy tán bột xát vào thời khỏi ; hoặc dùng vỏ ốc đốt ra than 1 lạng, hột chám đốt ra than 2 đồng, Hàn-thủy-thạch 2 đồng 寒水石二ゾ)

Cùng tán bột, bỏ lọ nút chặt, khi dùng lấy 2 đồng hòa 1 phân băng-phiến với dầu-vừng bôi vào.

房 室

114. — Phòng-thất

Phòng-thất là bịnh phạm-phòng bởi vì đàn-ông, đàn-bà có bịnh chưa thật khỏi, khi huyết chưa bằng cũ mà đi lại với nhau, dục hỏa động lên hóa ra phạm-phòng. Nhược bằng bịnh phát rữ lắm thời đầu nặng, hoặc cấm khẩu, chân tay co quắp bụng dưới tức đầy mà nóng, hoặc mình cũng nóng, bí tiểu-tiện mê mẩn không tỉnh. Như bịnh phát chậm thời hơi thở ngắn, sức yếu, da vàng, bụng to, ăn ít phải dùng thuốc chữa ngay cho khỏi sinh ra chứng khác.

Một thứ phạm phòng phát rữ lấy một nắm lá chàm, cứt chuột dực 21 hột, (2 đầu nhọn là chuột dực) sao cháy, sắc nước uống, đổ mồ hôi ra thời khỏi.

Hựu phương

Hoặc rễ rau hẹ 1 nắm, phân chuột-dực 14 hột sao cháy, sắc nước uống đổ mồ-hôi thời khỏi, nếu chưa đổ mồ-hôi lại uống thang nữa.

Một thứ chứng phòng-thất bụng dưới tức đau, thận-nang rụt lại, mồ-hôi lạnh, chân tay đều lạnh dùng thang *Phụ-tử-lý-trung* lại dùng hành củ giã nhỏ sao nóng, lấy 2 cái khăn vải thay đổi bọc hành mà chườm ; lại dùng 21 củ hành giã nhỏ sắc bằng rượu uống.

Một thứ bịnh phòng-thất âm - nang sưng đau, bụng dưới tức dầy, lấy năm củ hành dâm nhỏ hòa giấm-thanh cho uống 1 chén. Hoặc dùng hột cải nghiền nhỏ hòa nước đắp vào rốn.

Một thứ bịnh phòng-thất phát rũ sắp nguy dùng:

梔子一ㄌ炒黑　葛根一ㄌ　生草五分
南参一ㄌ姜炒　韭子五分

Chi-tử 1 đồng, Cát-căn 1 đồng, Sinh-thảo 5 phân, Nam-sâm 1 đồng, Hột-hẹ 5 phân. phân chuột dực (2 dầu nhọn là chuột dực) 10 hột sao cháy sắc nước uống hễ đổ bồ-hôi thời khỏi.

Hoặc dùng lá hẹ Chi-tử, phân chuột dực 3 vị cũng hay.

Một thứ chứng phòng chậm phát dùng *Bình-vị-tán*; khi hư dùng *Tứ-quân-tử-thang*; huyết hư dùng *Tứ-vật-thang* dều gia:

五靈脂二ㄌ炒　茵陳二ㄌ

Ngũ linh-chi 2 đồng, Nhân-trần 2 dồng.

Hựu phương

Lá cối-say 1 lạng sao vàng. bẹ mèo cau 5 dồng sao vàng, cùng sắc nước uống.

Phụ-tử-lý-trung ở số 4 Trúng-phong
Bình-vị-tán ở số 3 Thương-hàn.
Tứ-quân-tử ở số 10 Chư-hư chứng.
Tứ-vật-thang ở số 1 Nội-thương.

遺精

115. — Di-tinh

Di-tinh là bịnh chẩy tinh khí ra, lúc ngủ mà chẩy ra là mộng-di, lúc thức mà chẩy ra gọi là tự-di. Chứng thời không giống nhau mà tổn hại cũng thế bởi vì tơ tưởng mà di-tinh. hoặc nhân khó nhọc lo nghĩ mà di-tinh, những người ít tuổi khỏe mạnh thời cũng không sợ, bằng như người yếu đuối mảnh mớt mà di tinh thật là tổn thọ.

Chữa bịnh này, tâm hỏa thịnh phải thanh dáng, tướng hỏa viêm thời phải bổ thủy, khí hư phải thăng đề, tinh hoạt phải cố sáp mà lại phải dùng bổ ích làm chủ, không nên dùng vị hàn lương thời bại thận nên phải dăn đó.

Một thứ mộng-di, tự-di bởi tại tinh hoạt dùng *Linh-truật-thỏ-ty-hoàn* và *Tiểu-thỏ-ty-hoàn*.

Một thứ tâm hỏa thịnh mà di-tinh dùng *Nhị-âm-tiễn* hoặc *Thiên-vương-bổ-tâm-đan*.

Một thứ tướng hỏa động mà di-tinh bởi can thận đa nhiệt dùng *Cố-tinh-hoàn*, *Tứ-âm-bát-vị hoàn*.

- Một thứ lo nghĩ hoặc khó nhọc mà di-tinh dùng *Quy-tỳ-thang* khử Mộc-hương, gia Ngũ-vị 7 hột Hoặc dùng bài *Bí-nguyên-tiễn*.

Một thứ tiên thiên bất túc bẩm sinh yếu đuối nguyên dương bất cố, thường nhiều di-tinh dùng *Tả-quy-hoàn*, *Hữu-quy-hoàn*, *Lục-vị-hoàn*, *Bát-vị-hoàn* đều gia Phá-cố 1 đồng.

Một thứ nhân thấp nhiệt có phục hỏa mà di-tinh dùng *Tứ-linh-tán*, *Tiểu-phân-thanh-ẩm*; nóng nhiều dùng *Đại-phân-thanh*

Một thứ uống nhiều thuốc lạnh cho nên dương khí bất cố mà di-tinh dùng *Ngũ quân-tử-tiễn*, *Gia-cửu-tử-hoàn*.

列方

Liệt các bài thuốc

苓朮兎絲丸

Linh-truật thỏ-ty hoàn

白朮二両土炒　蓮肉二両炒　茯苓二両
淮山一両半炒　五味二錢炒　炙草三錢
杜仲一両半鹽炒　兎絲五両製

Bạch-truật 2 lạng, Liên-nhục 2 lạng Phục linh 2 lạng, Hoài-sơn 1 lạng rưỡi, Ngũ-vị 2 đồng, Chích-thảo 3 đồng Đỗ-trọng 1 lạng rưỡi, Thỏ-ty 5 lạng

Cùng tán bột quấy hồ hoài sơn luyện làm viên uống 3 đồng thang bằng nước chè

小兎絲丸

Tiểu thỏ-ty hoàn

兎絲五両製　石蓮肉二両炒　茯苓三両
淮山三両炒

Thỏ-ty 5 lạng chế, Thạch-liên-nhục 2 lạng, Phục-linh 3 lạng, Hoài-sơn 3 lạng.

Tán bột quấy hồ hoài-sơn luyện làm viên uống 2 đồng thang nước chè.

固精丸

Cố-tinh hoàn

牡蠣煅　龍骨煅　蓮須　芡寔炒　山茱炒　遠志製
茯苓　(各三リ)　知母一両　黄伯一両炙

Mẫu-lệ, Long-cốt, Liên-tu, Khiếm-thực, Sơn-thù, Viễn-chí, Phục-linh (đều 3 đồng). Tri mẫu 1 lạng, Hoàng-bá 1 lạng.

Tán bột, quấy hồ hoài-sơn luyện làm viên uống 2 đồng.

秘元煎

Bí-nguyên tiên

党参三リ姜炒　淮山二リ炒　芡實二リ炒
棗仁二リ炒黒　茯苓一リ半　遠志五分製
白朮一リ半土炒　五味十粒炒　炙草一リ
金櫻二リ

Đảng sâm 3 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Khiếm-thực 2 đồng, Tảo nhân 2 đồng, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Viễn-chí 5 phân, Bạch-truật 1 đồng rưỡi, Ngũ-vị 10 hột, Chích thảo 1 đồng, Kim-anh 2 đồng. Sắc uống.

家韭子丸

Gia cửu-tử hoàn

韭子三両炒　鹿茸一両炙　巴戟二両
肉蓯蓉二両製　兎絲三両製　熟地大両

杜仲二两盐炒 續斷一两炒 當歸二两
桂心五リ 乾姜五リ炒

Cửu tử 3 lạng, Lộc-nhung 1 lạng. Ba-kích 2 lạng, Nhục-thong-dong 2 lạng, Thỏ-ty 3 lạng, Thục-địa 6 lạng, Đỗ-trọng 2 lạng, Tục-đoạn 1 lạng, Đương-quy 2 lạng, Quế-tâm 5 đồng, Can-khương 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Nhị-âm-tiên, **Thiên-vương-bổ-tâm đan**, **Tả-quy-hoàn**, **Ngũ-quân-tử**, **Hữu-quy-hoàn** đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Tư-âm-bát-vị ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Quy-tỳ-thang, **Lục-vị-hoàn**, **Bát-vị-hoàn**, đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Tứ-linh-tán, **Tiểu-phân-thanh**, **Đại phân-thanh** đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

驗方

Nghiệm phương

加減地黃丸

Gia-dảm địa-hoàng hoàn

淮山四两炒 山茱二两炒 熟地八两 連須一两
牡丹二两炒 芡實二两炒 魚鰾四两 茯苓二两

Hoài-sơn 4 lạng, Sơn-thù 2 lạng, Thục-địa 8 lạng, Liên-tu 1 lạng, Mẫu-đơn 2 lạng, Khiếm thực 2 lạng, Ngư phiêu 4 lạng, Phục-linh 2 lạng.

Tán bột luyện mật viên uống 3 đồng.

益腎湯

Ích-thận thang

白芍二リ炒 熟地一两 茯苓二リ 生棗仁五リ
山茱二リ炒 當歸二リ 茯神二リ 五味三分炒
白芥子一リ炒 肉桂三分 黃連三分 白朮五リ土炒

Bạch-thược 2 đồng, Thục-địa 1 lạng, Phục-linh 2 đồng, Tảo-nhân sống 5 đồng, Sơn-thù 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Phục-thần 2 đồng, Ngũ-vị 3 phân, Bạch-giới-tử 1 đồng, Nhục-quế 3 phân, Hoàng-liên 3 phân, Bạch-truật 5 đồng.

Uống 1 thang thời chỉ. Uống 10 thang thời triệt căn.

保精湯
Bảo-tinh thang

棗仁二リ炒黑　　芡蓮一月炒　　淮山一月炒
党参一リ姜炒　　蓮肉五リ炒　　茯神二リ

Tảo-nhân 2 đồng, Khiếm thực 1 lạng, Hoài-sơn 1 lạng, Đẳng-sâm 1 đồng, Liên-nhục 5 đồng, Phục-thần 2 đồng.

Sắc 1 nước uống rồi thêm đường trắng 5 đồng nấu ăn cả bã. Mỗi ngày một thang, 10 ngày thật khỏi hẳn.

白濁
116. — Bạch-trọc

Chứng bạch-trọc là nước tiểu như hồ loãng, hoặc như nước cơm, ở tinh cung khi quản theo lẫn với nước tiểu mà ra, như có dái-huyết hơi đỏ gọi là Xích-trọc. Xích-trọc ở tâm kinh mà ra, bởi có sự lo nghĩ. Bạch-trọc ở thận kinh mà ra bởi tại sự dâm-dục, như mà trọc cũng là tinh không có đặc lắm. Trị chứng bạch-trọc nên tham với chứng di-tinh mà dùng thuốc.

Một thứ bạch-trọc đi tiểu không đau; trong thùng tiểu lắng xuống như keo dùng bài *Bí-nguyên-tiễn*, bài *Thổ-ty-tiễn*, hoặc như khí hàn ngưng trệ mà không khỏi dùng bài *Tỳ-giải-phân-thanh-ẩm*.

Một thứ xích-trọc đi tiểu có đau ắt nhân hỏa động dùng bài *Đại-phân-thanh ẩm*, hoặc bài *Trừu-tân ẩm* gia: Xuyên-hoàng-liên 1 đồng (川黃連一リ) Khử Hoàng-bá (去黃伯)

兎絲煎

Thỏ-ty tiên

棗仁一ㄌ半炒黑　兎絲四ㄌ製　怀山二ㄌ炒
党参三ㄌ姜炒　當歸一ㄌ半　茯苓一ㄌ半
遠志四分炒　炙草一ㄌ

Tảo-nhân 1 đồng rưỡi, Thỏ ty 4 đồng, Hoài-sơn 2 đồng, Đảng-sâm 3 đồng Đương-quy 1 đồng rưỡi, Phục-linh 1 đồng rưỡi, Viễn-chi 4 phân, Chích-thảo 1 đồng.

Sắc nước uống, mỗi bận uống thêm Lộc-dác-xương tán bột 2 thìa.

萆薢分清飲

Tỳ-giải phân-thanh ẩm

川萆薢　益志仁　石昌蒲　烏藥　(各二ㄌ)

Xuyên-tỳ-giải, Ích-tri-nhân, Thạch-xương-bồ, Ô-dược (đều 2 đồng.

Bí nguyên-tiên ở số 115 Di-tinh.
Đại-phân-thanh ở số 8 Thương-thấp.
Trừu-tân-ẩm ở số 3 Thương-hàn

溺白

117. — Niệu-bạch

(là nước tiểu trắng)

Một thứ nước tiểu trắng như vôi ở bàng-quang niệu-quản mà ra hoặc có đau buốt là bịnh nhiệt thời phải có hỏa chứng, hỏa mạch mới thực là nhiệt; nhược bằng đi tiểu xong rồi mới phóng ra một tí phấn trắng không đau dớn gì là chứng hư hàn phải dùng thuốc nóng.

Một thứ nước tiểu đỏ như nước nâu đi ít mà đau phải có nhiệt chứng, nhiệt mạch mới thực là nhiệt Nhược bằng đương có bịnh mà thấy nước tiểu đỏ ít như không đau dớn, xét xem không có nhiệt chứng, nhiệt mạch là bịnh hư hàn phải dùng thuốc ôn bổ.

Một thứ tiểu-tiện hoặc đỏ hoặc trắng nhân chứng nhiệt dùng bài *Lục-đậu-ẩm* rất hay ; hoặc bài *Lục-nhất-tán*, bài *Đạo-xích-tán*, bài *Đại-phân-thanh-ẩm*.

Một thứ nước tiểu hoặc trắng hoặc đỏ nhân bịnh hàn dùng bài *Ngũ-linh-tán* hoặc bài *Kim-quỹ-thận-khí-hoàn*.

綠豆飲

Lục-đậu ẩm

Nấu đậu-xanh mà ăn.

導赤散

Đạo-xích tán

麥門三ㄌ炒 生地三ㄌ 木通一ㄌ 車前一ㄌ半炒
赤苓一ㄌ半 生草五分 竹葉十片

Mạch-môn 3 đồng, Sinh-địa 3 đồng, Mộc-thông 1 đồng, Xa-tiền 1 đồng rưỡi, Xích-linh 1 đồng rưỡi, Sinh-thảo 5 phân, Trúc-diệp 10 lá

Lục-nhất-tán ở số 102 PHÚC-THỐNG.

Đại-phân-thanh, Ngũ-linh-tán đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Kim-quỹ-thận-khí ở số 63 THỦY-SŨNG.

淋病

118. — Lâm-bịnh

Lâm bịnh là đi tiểu buốt, một điểm một giọt, ri-rỉ không dứt, đau khổ khó chịu, muốn đi không đi, muốn thôi không thôi Chứng này có năm thứ :

1° Khí-lâm đi tiểu ít mà đau đi rồi lại còn sót vài giọt

2°) Huyết-lâm ngộ nóng thời phát nước tiểu có giọt máu, tia máu, đau lắm thời ra nhiều máu, xem thấy hiệu sắc vàng ở đầu mũi thời biết đi tiểu khó.

3°, Xa-lâm thời nước tiểu có cát hoặc có đá. Nghe ở trong mình cung mịnh-môn có lửa phun xuống bàng quang nước tiểu khó lại hóa ra đá

4°) Cao-lâm nước tiểu như dầu như mỡ.

5°) Lao-lâm như có lao lực hoặc phòng sự thời phát đau dẫn vào bụng dưới, nước tiểu trắng như vôi. Những các chứng ấy bởi vì tích nhiệt hoặc ăn những vị nóng, uống rượu; nhập phòng uất kết thành bịnh. Phép chữa chứng này khi mới phải đều thuộc nhiệt, bằng đã lâu thời hoặc có hàn phải xem mạch cùng chứng mà chữa mới khỏi nhầm.

Một thứ bịnh lâm mới phải bởi vì tích nhiệt dùng bài *Bát-chính-tán* hoặc bài *Đại-phân-thanh* gia Hồ-phách, Đăng-tâm.

Một thứ bởi can-kinh thấp nhiệt ngọc-hành, âm nang đau gân dùng *Long-đảm-tả-can-thang*. Nhược bằng tỳ phế táo n iệt hoặc có ho đờm mà đi tiểu đau dùng *Hoàng-cầm-thanh-phế-thang* Nhược bằng lao lực mà đi tiểu đau là thuộc tỳ hư dùng *Bồ-trung-ích-khí-thang* gia Hoài-sơn 3 đồng, Ngũ-vị 7 hột.

- Nhược bằng bàng-quang kết nhiệt uống thuốc bổ lại đau hơn dùng bài *Ngũ-lâm tán*. Nhược bằng thận hư âm nuy lại k êm đau lưng dùng bài *Tư-thận-hoàn* hoặc bài *Lục-vị-hoàn* gia Xa-tiền, Ngưu-tất (đều 2 đồng.

Nhược bằng thận kinh dương hư mà sợ lạnh dùng bài *Lý-âm-tiên*, bài *Hữu quy ẩm* hoặc bài *Kim quỹ-thận-khí-hoàn*.

列 方

Liệt các bài thuốc

黄芩清肺湯

Hoàng-cầm thanh phế thang

梔子二リ炒黑　　黄芩一リ炒

Chi-tử 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng.

Nhược bằng chưa được khoan khoái gia đậu xị muối 20 hột.

滋腎丸

Tư-thận hoàn

黄伯一月炙　　知母一月　　肉桂一リ

Hoàng-bá 1 lạng, Tri-mẫu 1 lạng, Nhục-quế 1 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Bát-chính-tán, Ngũ-lâm-tán đều ở số 40 NIỆU-HUYẾT

Dại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG-THẤP

Long đảm tả-can-thang ở số 82 MỤC THỐNG.

Bổ-trung ích-khí, Lục vị-hoàn, Hữu-quy-ẩm đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Lý-âm-tiễn ở số 3 THƯƠNG HÀN.

Kim-quỹ-thận-khí ở số 63 THỦY-SŨNG.

驗 方
Nghiệm phương

Chứng *Lao-lâm* dùng bài :

玉 鎖 丹
Ngọc tỏa đan

五倍八兩 茯苓二兩 龍骨一兩煅

Ngũ-bội 8 lạng, Phục-linh 2 lạng, Long-cốt 1 lạng

Tán bột luyện hồ viên thang bằng nước muối uống 2 đồng

牛 必 湯
Ngưu tất thang

牛必一兩 乳香一刂炒

Ngưu tất 1 lạng, Nhũ-hương 1 đồng

Sắc nước uống thêm chén rượu trị cả bịnh huyết lâm.

Chứng *Khí-lâm* dùng: ngọn cây mía sắc nước uống thêm chén rượu

---

Chứng *Nhiệt-lâm* dùng bài :

Lục nhất-tán ở số 102 PHÚC-THỐNG.

Chứng *Huyết-lâm* dùng :

Đạm dậu-xị 5 đồng. 淡豆豉五刂

Sắc nước uống rất hay.

Hoặc dùng tóc rối đốt ra than hòa với nước ngó-sen uống.

Hoặc dùng hột binh-lang nhọn dầu sắc nước hòa mật ong uống.

Chứng *Thạch-lâm* dùng :

Ngân-tiêu 1 lạng (銀硝一两)

Bỏ vào nồi rang lót giấy dưới sao cháy giấy mới được tán bột dùng 2 đồng. Gia :

Hoạt thạch 2 đồng (滑石二ㄌ) hòa nước sôi uống rất hay.

五淋通治

Ngũ lâm thông trị

Ngân-tiêu 1 đồng (銀硝一ㄌ)

Sao, tán bột thang Mộc-thông.

Hoặc dùng Thiên-môn, dâm lấy nước nửa chén uống khỏi ngay

遺溺

119. — Di-niệu

Di-niệu là vãi đái. Khi đái ra mà không biết, trách tại quả tim u-mê. Đái ra mà không nhịn được, trách tại thận kinh bất cố, khi ngủ mà đái rầm, trẻ con thường nhiều.

Năng đi mà ít là nhiệt, đi luôn mà nhiều là hàn.

Chữa bịnh này phải xét các tạng mà dùng thuốc chỉ chủ ở phế, thận 2 kinh.

Một thứ đái mà không biết dùng bài *Cố-phao-hoàn*, trách ở tâm kinh vì bằng người ấy có bịnh phải theo bịnh ấy mà chữa, kiêm dùng thuốc trị tâm kinh như là các vị này :

棗仁 遠志 昌蒲 黃連

Tảo-nhân, viễn chí, Xương-bồ, Hoàng-liên.

Một thứ vãi đái không giữ được hoặc đi nhiều quá phải trách ở thận kinh dùng bài *Lục vị-hoàn* (khử Trạch-tả) gia :

益志一ㄌ 破故一ㄌ炒 五味十粒炒

Ích chí 1 đồng, Phá-cố 1 đồng, Ngũ-vị 10 hột

Như hỏa hư sợ lạnh gia :

肉桂五分　　附子製五分

Nhục quế 5 phân, Phụ tử chế 5 phân.

Hoặc dùng bài *Gia cửu-tử-hoàn*, bài *Củng đê-hoàn.*

Một thứ đương ngủ vãi đái là hạ tiêu hư hàn, khí không cấm ngăn được dùng bài *Ngũ-tử-hoàn*, bài *Súc-toàn-hoàn*

Một thứ nhân khiếp sợ mà vãi đái là tâm khí bất túc liên cập can thận dùng bài *Đại-bổ-nguyên-tiên*, bài *Thất-phúc-ẩm.*

Một thứ tỳ phế khí hư không nhịn được mà vãi đái dùng bài *Bổ-trung-ích-khí-thang* Gia :

淮山三ゾ炒　　五味十粒炒

Hoài-sơn 3 đồng, Ngũ-vị 10 hột.

列方

Liệt các bài thuốc

固脬丸

Cố - phao hoàn

兎絲三ㄢ製　　小回五ゾ炒　　製附五ゾ

桑螵蛸五ゾ　　戎鹽一ゾ

Thỏ-ty 3 lạng, Tiểu-hồi 5 đồng, Chế-phụ 5 đồng, Tang-phiêu-tiêu 5 đồng, Nhung-diêm 1 đồng.

Tán bột quấy hồ bằng rượu luyện làm viên uống 1 đồng.

鞏隄丸

Củng - đê hoàn

白朮二ㄢ土炒　　熟地四ㄢ　　益智一ㄢ

兎絲二ㄢ製　　茯苓一ㄢ　　製附三ゾ

破故一ㄢ炒　　韭子一ㄢ炒　　五味二ゾ

Bạc -truật 2 lạng, Thục-địa 4 lạng, Ích-trí 1 lạng, Thỏ-ty 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Chế-phụ 3 đồng, Phá-cố 1 lạng, Cửu-tử 1 lạng, Ngũ-vị 2 đồng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

五子丸
Ngũ-tử hoàn

兎絲二两製　韭子五ゾ炒　益智五ゾ
蛇床五ゾ炒　小茴五リ炒

Thỏ-ty 2 lạng, Cửu-tử 5 đồng, ích-trí 5 đồng, Sà-sàng 5 đồng, Tiểu-hồi 5 đồng, .

Tán bột luyện hồ viên uống 1 đồng thang bằng nước muối

縮泉丸
Súc-toàn hoàn

烏藥二两　益智一两

Ô-dược 2 lạng, Ích-trí 1 lạng.

Tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

Gia cửu-tử hoàn ở số 115 DI-TINH.
Lục-vị-hoàn, Bổ-trung-ích khí đều ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG
Đại bổ-nguyên, Thất phúc-ẩm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

簡易方
Giản dị phương

益智廿四粒

Ích-trí 24 hột. Sắc nước uống thêm tí muối.

Hoặc dùng :

萆薢四两

Tỳ-giải 4 lạng, Sắc nước uống thay chè.

Hoặc dùng :

胡桃三个

Hồ-đào 3 quả, lúc đi ngủ sẽ ăn.

Hoặc dùng :

萆薢二两

Tỳ-giải 2 lạng, sao với muối, bỏ muối đi rồi tán bột uống 2 đồng,

Hoặc dùng :

Bong-bóng dê, hoặc bong-bóng lợn, luộc chín mà ăn.

癃閉

120. — Long-bế

Long-bế là bí tiểu-tiện, hoặc nhân lửa nóng kết tụ mà không thông, hoặc nhân tinh huyết ủng tắc mà không thông, hoặc nhân khí thực, hoặc khí hư. Chữa bịnh này phải phân các thứ mà dùng thuốc thời mới chóng khỏi.

Một thứ nhiệt kết bàng-quang, hoặc tinh huyết ngăn lấp mà tiểu thủy không thông, phải xét có hỏa chưng, hỏa mạch hoặc ngọc-hành đau buốt mới thực là nhiệt, dùng bài *Lục-dậu-ẩm*, bài *Ngọc-toàn-tán*, bài *Lục-nhất-tán*, hoặc bài *Đại-phân-thanh-ẩm*.

Một thứ khí thực mà ngăn lấp tiểu-tiện không thông. Nhược bằng dận dữ uất kết, can kinh, khí nghịch nên hành khí, phá khí, dùng bài *Tứ-linh-tán* gia :

香附一ꟷ炒 枳壳一ꟷ炒 烏藥一ꟷ 沉香三分

Hương-phụ 1 đồng, Chỉ-xác 1 đồng, Ô-dược 1 đồng, Trầm-hương 3 phân.

Nhược bằng khí hãm ở dưới mà bí tiểu-tiện dùng bài *Bổ-trung-ích-khí* như lực thuốc chưa đến phải móc tay vào cổ cho thổ ra đem khí lên thời nước mới xuống được. Nhược bằng khí bế, khí nghịch dùng bài *Đại-phân-thanh*, uống rồi móc cổ cho thổ ra, nhược bằng huyết hư dùng thang *Tứ-vật*, uống rồi lại mọc cổ cho thổ ra, nhược bằng đàm khí trệ nghịch dùng thang *Nhị-trần*, uống rồi móc cổ cho thổ ra. Như thế là có thăng thời mới giáng, trên thông thời dưới cũng thoát là lẽ thế vậy.

Một thứ khí hư mà tiểu-tiện bế bởi vì nhiều sự chác táng hoặc già yếu, khí kiệt mà không hóa được rất là chứng nguy, như thủy suy dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-ẩm*, đều gia :

車前二ꟷ炒 牛必二ꟷ

Xa-tiền 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Như hỏa hư dùng bài *Kim quỹ-thận-khí-hoàn*, hoặc bài *Hữu-quy-ẩm* gia :

車前二ꟷ炒 牛必二ꟷ

Xa-tiền 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Vì bằng bẩm sinh trong tạng phủ nóng không ưa thuốc ôn

bổ, thủy suy thời dùng bài *Hóa-âm-tiễn*, hỏa hư dùng bài *Tư-thận-hoàn*.

Phàm chứng đại, tiểu đều bí cả trước phải thông đại-tiện rồi tiểu-tiện cũng thông, dùng bài *Bát-chính-tán*.

Một thứ đàn-bà có mang vì thai khí đè xuống mà tiểu-tiện không thông, dùng thang *Bổ-trung* để nưng lên.

列方

Liệt các bài thuốc

Lục đậu-ẩm ở số 117 Niệu bạch.

Ngọc toàn-tán ở số 3 Thương-hàn.

Lục nhất tán ở số 102 Phúc-thống

Đại phân-thanh, Tứ-linh-tán đều ở số 8 Thương-thấp

Bổ trung-ích khí, Lục-vị-hoàn, Tả-quy ẩm, Hữu-quy-ẩm đều ở số 10 Chư-hư chứng-biện.

Kim quỹ-thận-khí ở số 63 Thủy-sũng

Tư-thận-hoàn ở số 118 Lâm bịnh.

Bát-chinh-tán ở số 40 Niệu-huyết.

Nhị trần thang ở số 3 Thương-hàn.

化陰煎

Hóa-âm tiễn

生地二リ 熟地二リ 澤瀉二リ炒 黃伯二リ炙
牛膝二リ 猪苓二リ 龍胆一リ半 車前一リ炒
知母二リ 綠豆三リ

Sinh-địa 2 đồng Thục-địa 2 đồng, Trạch-tả 2 đồng, Hoàng-bá 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng, Chư-linh 2 đồng, Long đảm 1 đồng rưỡi, Xa tiền 1 đồng, Tri-mẫu 2 đồng, Lục-đậu 3 đồng

---

Thông niệu bế pháp

Dùng bong-bóng lợn bỏ nước đi, lấy xe điếu thổi phồng lên, buộc lại, dùng cuống lông-ngỗng 1 đầu cắm vào cái bong-bóng, 1 đầu cắm vào chỗ đi tiểu rồi cởi buộc ra lấy tay bóp cho hơi thông vào thời tiểu-tiện thông ngay.

(Đàn-ông dùng cuống lông-ngỗng. Đàn-bà dùng ống-sậy).

Một thứ phép thông, tinh huyết kết lại, ngăn lấp đường đi tiểu, bảo người bịnh nằm ngửa dùng cuống lông-ngỗng cắm vào mã-khẩu, lấy thủy-ngân 1, 2 đồng dần dần giót vào lấy tay vuốt xuống thời chỗ ngăn lấp phải thông, nước tiểu ra được, thủy-ngân cũng theo ra.

Một thứ phép ngâm rửa thông tiểu-tiện dùng Tạo-dác bồ-kếp), Thông-bạch (hành-khô), Vương-bất-lưu-hành đều 3 lạng.

Sắc 1 nồi đổ ra chậu lớn, khiến người bịnh ngồi vào mà ngâm và lấy tay rửa, một chốc thời tiểu-tiện thông. Nhược bằng đàn-bà lấy mấy củ-hành lấp âm-hộ lại rồi ngâm rửa càng chóng thông.

Lấy tía-tô sắc 1 nồi ngồi lên trên mà xông. Lại lấy muối sao ấp vào rốn buộc chặt lại.

Một thứ bí tiểu tiện các thứ thuốc không khỏi dùng rễ cây cúc trắng đâm nhỏ hòa rượu lọc bỏ bã rồi uống 1 chén. Nhược bằng không có rễ cây cúc nhỏ trắng dùng rễ cúc nào cũng được.

Hựu phương

Cam-toại 1 đồng. (甘 遂 一 ㇃)

Tán bột hòa nước bôi dưới rốn 1 tấc, lại lấy cam-thảo 3 đồng sắc nước uống. Một chốc 2 thứ thuốc gặp nhau thời tiểu tiện thông.

Hựu phương

(*Thần mộng*)

Bắt con giế 3, 4 con sao cháy tán bột hòa rượu uống

Hựu phương

La Xa-tiền dâm vắt lấy 1 chén nước hòa tí mật-ong uống hoặc thêm nước bí dao, nước lá dâu đều là hay cả.

秘結

121. — Bí-kết

Bí kết là đại-tiện không thông bí kết lại, hoặc nhân lửa nóng mà tân-dịch khô kiệt, hoặc nhân tửu sắc mà tinh huyết khô ráo, hoặc nhân ăn uống vị nóng, hoặc nhân thời tiết táo hỏa; chứng này dẫu rằng nhiệt kết, nhưng mà cũng có hàn ngưng. Phép chữa phải phân âm dương hư thực mà dùng thuốc.

Một thứ dương kết là bạo bịnh bí kết hoặc nhân lửa nóng, những người mạnh khỏe phải có nhiệt chứng nhiệt mạch mới thực là bịnh dương kết. Lửa nóng lắm dùng: *Đại-thừa-khí-thang* hoặc bài *Bách-thuận-hoàn*; bằng như kết ít nóng vừa dùng bài *Thanh-lương ẩm-tử*, bài *Nguyên-nhung-tứ-vật-thang* Nhược bằng hỏa thịnh quá không giải ra được dùng bài *Lương-cách-tán* bài *Đại-hoàng tiêu-thạch-thang*.

Bằng như hỏa thịnh thủy suy âm hư mà đại-tiện táo dùng bài *Tư-âm-bát-vị-hoàn*, bài *Đan-khê-bổ-âm-hoàn*.

Một thứ chứng âm kết, là dần dần bí kết, là chứng thuộc hư, hoặc là yếu đuối, yêu nóng sợ lạnh, lại xét không có hỏa chứng, hỏa mạch mới thực là âm kết phải phân làm hai mà chữa.

Một là âm thủy suy thời tinh huyết khô ráo mà bế kết dùng bài *Lục-vị-hoàn*, bài *Tả-quy-ẩm* đều gia: Thong-dong 2 đồng, Ngưu-tất 2 đồng.

Một là âm trung dương hư, thì dương khí không hành, không truyền tống lược, hóa ra ngưng kết dùng bài *Hữu-quy-ẩm*, bài *Bát-vị-hoàn* đều gia: Thong-dong Ngưu-tất.

Một thứ đại tiện không táo kết mà ba bốn hôm không đi hoặc có đi mà ít cũng không khô rắn ấy là xáp tràng không có thông hoạt bởi vì nhân sự thất tình nhọc mệt hóa ra thế xem tỳ hư dùng bài *Lý-trung-thang*, bài *Quy-tỳ-thang*, thận hư dùng bài *Lý âm-tiễn*, bài *Đại-bổ-nguyên-tiễn*.

Một thứ người già mà đại tiện táo kết nhiều, về phần âm hư, huyết ráo dùng bài *Đạo-trệ-thông-u-thang* bài *Chỉ-cao* rất thần hiệu.

Một thứ những người yếu đuối, nguyên khí hư nhược, hoặc mới ốm khỏi, dẫu 10 hôm không đi ngoài cũng không sao, bằng như có tức tối khó chịu dùng bài *Tế-xuyên-tiễn* mới được.

列方

Liệt các bài thuốc

清凉飲子

Thanh-lương ẩm-tử

川大黃煨 當歸 白芍炒 甘草 (各一リ半)

Xuyên-đại-hoàng, Đương-quy, Bạch-thược, Cam-thảo (đều 1 đồng rưỡi)

元戎四物湯

Nguyên nhung tứ-vật thang

熟地 川大黃煨 川芎 白芍炒 當歸
桃仁 (各一リ半)

Thục-địa, Xuyên đại-hoàng, Xuyên-khung, Bạch-thược, Đương-quy, Đào-nhân, (đều 1 đồng rưỡi).

大黃硝石湯

Đại-hoàng tiêu-thạch thang

川大黃三リ煨 芒硝三リ 黃伯三リ炙
梔子二リ炒黑

Xuyên đại hoàng 3 đồng, Mang-tiêu 3 đồng, Hoàng-bá 3 đồng, Chi-tử 2 đồng.

導滯通幽湯

Đạo trệ thông u thang

熟地五リ 當歸三リ 生地二リ 升麻一リ
炙草五分 紅花五分 桃仁十五粒

Thục-địa 5 đồng Đương-quy 3 đồng, Sinh địa 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng, Chích-thảo 5 phân, Hồng-hoa 5 phân, Đào-nhân 15 hột.

濟川煎

Tế-xuyên tiên

澤左一リ炒　當歸五リ　蓯蓉三リ
枳殼七分炒　牛膝二リ　升麻一リ

Trạch-tả 1 đồng, Đương-quy 5 đồng, Thong dong 3 đồng, Chỉ-xác 7 phân Ngưu-tất 2 đồng, Thăng-ma 1 đồng. Sắc uống

---

Đại-thừa-khí, Tư-âm bát-vị-hoàn Lý-âm-tiễn đều ở số 3 Thương-hàn.

Bách-thuận-hoàn ở số 102 Phúc-thống.

Đan-khê-bổ-âm ở số 110 Túc nuy.

Lục-vị-hoàn, Tả-quy-ẩm, Bát-vị hoàn, Hữu-quy-ẩm, Quy tỳ-thang đều ở số 10 Chư-hư chứng-biện.

Đại bổ nguyên Lý-trung-thang đều ở số 1 Nội-thương.

Chỉ-cao ở số 9 Táo-chứng

簡易方

Giản dị phương

Tô-tử, (蘇子) Chi-ma (芝麻) đều nửa lẻ nghiền nhỏ, cho nước vào lại nghiền lại rồi lọc lấy 1 chén nước đặc nấu cháo ăn.

Hựu phương

苦練子八分　穿山甲八分炙　小茴八分炒
黑丑一リ半炒

Khổ luyện-tử 8 phân, Xuyên-sơn-giáp 8 phân, Tiểu-hồi 8 phân, Hắc-sửu 1 đồng rưỡi.

Sao với muối. Cùng sắc nước uống.

Phép thông đại-tiện: lấy 1 cái mật-lợn hòa ít giấm thanh cho vào trong cốc-đạo.

Hoặc dùng bồ-kếp đốt cháy tán bọt hòa dầu vừng dùng cái vật mềm chấm dầu thông vào cốc-đạo.

Lại có một chứng đại-tiện bế, các thứ thuốc không hiệu dùng thông khoan cũng chẳng hiệu, uống thuốc hạ thời bụng dực lên, phải dùng Thủy-ngân 1 lạng hoặc 5 đồng cho uống ấm ngồi lên thời thông ngay được cũng giống như phép thông tiểu-tiện thực là diệu lắm.

泄 瀉

122. — Tiết-tả

(là bịnh di tả)

Nội-kinh gọi là san-tiết, nhu-tiết.

Các sách có chia làm 8 chứng: gọi là thấp, đàm, hàn hỏa, khí uất, thực-tích, tỳ-tiết, thận-tiết. Nhưng mà ngoài nhân mưa nắng, trong nhân ăn uống vật sống lạnh, hóa ra di tả thì nhiều hơn, bởi vì tỳ hư, không vận hóa được, ruột-non không lắng ra trong, dục mà nước dồn về dại-tràng. Chữa bịnh này xét xem hàn, nhiệt thế nào mà phải cho lợi tiểu-tiện làm chủ.

Một thứ nhân lạnh mà đau bụng di tả, hẳn có ăn uống vật sống lạnh hoặc nhân mưa ướt, mạch thời trầm tế chạy không khỏe, nói năng tiếng nhỏ, mỏi mệt biếng lười, yêu nóng, ghét lạnh thực là chứng hàn dùng bài *Ngũ-linh-tán*, bài *Vị-linh-thang*, như có đau bụng đều phải gia các vị này:

砂仁炒　藿香　木香　白豆蔻　香附炒
乾姜炒　(各一リ)

Xa nhân, Hoắc-hương, Mộc-hương, Bạch-đậu-khấu, Hương-phụ, Can-khương (đều 1 đồng).

Nhược bằng hàn trệ mà đau bụng lắm dùng bài *Ức-phù-tiên*, bài *Ôn-vị-ẩm*.

Một thứ nhân nóng mà di tả hoặc có đau bụng từng cơn, đau như xiên vào, hẳn trong có uất hỏa hoặc có khí nghịch, thực trệ, mạch thời cường vượng, tiếng nói khỏe mạnh, muốn lạnh ghét nóng, thực là chứng nhiệt tả dùng bài *Đại-phân-thanh-ẩm*, bài *Tứ-linh tán*, như có khát nước dùng bài *Ích-nguyên-tán*, bài *Nhân trần-ẩm*, hoặc như di tả như giót nước, khí xung ngược lên dùng thang *Bài-khí-ẩm*.

Một thứ tỳ hư tiết tả bịnh ở trung-tiêu, tỳ khí hư nhược vận hóa không mạnh, như không kiêng khem hóa ra tiết tả hoặc lâu không khỏi dùng bài *Ôn-vị-ẩm* (khử Đương-quy), hoặc dùng bài *Dưỡng-trung-tiễn*, bài *Ngũ-quân-tử*. Nhược bằng tỳ khi hư hàn lắm dùng bài *Truật-phụ-thang* bài *Tứ-vị-hồi-dương*.

Một thứ thận hư mà tiết tả, bịnh ở hạ-tiêu, bởi là âm hư; dưới rốn thường đau âm ỷ hoặc sớm ngày đi tả vài bận, hoặc ăn không tiêu, hay nôn mửa, thường có mấy tháng hoặc một năm không khỏi dùng bài *Vị-quan-tiễn*, bài *Cửu-khí đan*. Nhược bằng mịnh môn hỏa suy lâu mãi chẳng khỏi dùng bài *Bát-vị hoàn*

Một thứ đại tả, nhiều như giội nước, nguyên khí gần thoát, chân tay hơi lạnh kíp dùng bài *Tứ vị-hồi-dương-ẩm* hoặc bài *Cửu-thoát-phương*.

Một thứ bịnh rượu mà hay đi tả phải phân hàn nhiệt 2 thứ: nhiệt thời dùng bài *Đại-phân-thanh-ẩm* bài *Tửu-chưng-hoàng-liên-hoàn*; hàn thời dùng bài *Lục-quân-tử-thang*, bài *Lý-trung-thang* đều phải gia:

葛花 二 岁 枳椇 二 岁

Cát hoa 2 đồng Chỉ-cụ 2 đồng, để giải tửu độc.

列方

Liệt các bài thuốc

Ngũ linh-tán, *Đại-phân-thanh* *Tứ-linh-tán*, *Nhân-trần-ẩm* đều ở số 8 THƯƠNG-THẤP.

Vị-linh-thang ở số 46 ẨM-THỰC

Ức-phù-tiễn, *Vị quan-tiễn*, *Cửu-khí-dan* đều ở số 7 THƯƠNG-THỬ

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Bài-khí-ẩm ở số 13 KHÍ QUYẾT.

Ngũ-quân-tử, *Lý-trung-thang* đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Dưỡng-trung-tiễn, *Tứ-vị-hồi-dương*, *Bát-vị-hoàn* đều ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.

Ích-nguyên-tán là bài (*Lục-nhất-tán*) ở số 102 PHÚC THỐNG.

Cửu-thoát-phương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

Lục-quân-tử ở số 15 ĐÀM QUYẾT.

酒蒸黄連丸
Tửu chưng hoàng-liên hoàn

Hoàng-liên 8 lạng tán bột, Rượu ngon 2 bát tầm vào bỏ chõ dồ cho chín, phơi khô tán bột luyện hồ viên uống 2 đồng.

朮附湯
Truật-phụ thang

白朮五ㄅ土炒　製附二ㄅ　炙草一ㄅ
Bạch truật 5 đồng, Chế-phụ 2 đồng, Chích thảo 1 đồng.

簡易方
Giản dị phương

Ngải-cứu sào với rượu nặn làm bánh dịt vào rốn buộc lại.

Hoặc dùng: 2 củ tỏi đâm nhỏ dịt hai gan bàn chân buộc lại.

Hoặc dùng nửa nhân hột gấc, 4 hột đinh-hương, 1 tí xạ-hương cùng tán bột hòa nước bọt làm viên dịt vào rốn ngoài dùng thuốc cao dán đè lên; chữa cả bịnh ly.

Hoặc dùng:

白朮一月土炒　車前五ㄅ炒
Bạch-truật 1 lạng, Xa-tiền 5 đồng.
Sắc nước uống khỏi ngay.

Hoặc dùng: hồ-tiêu tán bột luyện cơm làm bánh dán vào rốn.

Hoặc dùng: muối sao nóng ấp vào rốn lấy thắt-lưng buộc lại.

痢疾
123. — Ly-tật

Bịnh đi ly là trong bụng quặn dau, giang-môn bắt rặn đi ra những máu mủ, trắng đỏ lẫn lộn; nội kinh gọi là tràng-tích bởi vì ngoài nhân thấp nhiệt, trong nhân thực tích hóa ra đi ly. Phép chữa phải phân hàn nhiệt mà dùng thuốc. Bằng không chữa khỏi ngay hóa ra ngũ-sắc ly; hưu-

tức lỵ; khẩu-cấm lỵ, trong bụng sôi như sấm và hạ những máu cục thời khó chữa khỏi.

Những bịnh lỵ phải kiêng, cấm không được ăn các thứ cá; các thứ thịt chim, muông và các thứ thanh bòng hoa quả.

Bằng như xáp trệ rặn lắm cấm dùng Thục địa, Hoài-sơn, Bạch-truật, Liên-nhục, Khiếm-thực.

Nhược bằng hoạt thoát đi luôn tuột cấm dùng Sinh-địa, Đương-quy, Binh-lang, Chỉ xác, Ngưu-tất, Đại-hoàng, Ba-đậu.

Một thứ cấp-lỵ là thực nhiệt thời đi luôn luôn không có chừng, ngày 3, 4 mươi bận đi ra đỏ nhiều; mạch thời hoạt xác người thời nóng dùng bài *Tiêu-trệ-bí-phương*, bài *Thược-dược-thang*, bài *Hương-liên-hoàn*.

Một thứ hoãn-lỵ là hư hàn, mỗi ngày chỉ đi 2, 3 bận đi ra nhiều trắng mạch thời hoãn nhược, thân thể thì mát dùng bài *Bổ-trung-ích khí-thang*, bài *Ngũ-quân tử-tiễn*, bài *Lục-quân-tử thang*. Như có thực tích ăn sống lạnh dùng bài *Ức-phù-tiễn*, bài *Đại-hòa-trung ẩm*. Nhược bằng lạnh lắm bụng đau âm ỷ dùng bài *Vị-quan-tiễn*, bài *Ôn-vị ẩm*, bài *Lục-vị hồi-dương-ẩm*.

列 方

Liệt các bài thuốc

消滞秘方

Tiêu-trệ-bí phương

黄芩一リ炒　厚樸一リ炒　黄連一リ　檳榔一リ
白芍二リ炒　枳殼二リ炒　當歸二リ　地榆一リ
青皮六分炒　南木香二リ　紅花八分　木香六分
生草一リ　桃仁一リ　山查三リ炒黑

Hoàng-cầm 1 đồng, Hậu-phác 1 đồng, Hoàng-liên 1 đồng, Binh-lang 1 đồng, Bạch-thược 2 đồng, Chỉ xác 2 đồng, Đương-quy 2 đồng, Địa-du 1 đồng, Thanh-bì 6 phân, Nam-mộc-hương 2 đồng, Hồng-hoa 8 phân, Mộc-hương 6 phân, Sinh-thảo 1 đồng, Đào-nhân 1 đồng, Sơn-tra 3 đồng.

Đàn-bà có mang, bỏ Đào-nhân, Hồng-hoa đi, không uống được.

芍 藥 湯

Thược - dược thang

當歸二ㄌ　黃芩一ㄌ　白芍五ㄌ炒
梹榔二ㄌ　生草一ㄌ　川黃連一ㄌ半
肉桂五分　木香五分　大黃五分

Đương-quy 2 đồng, Hoàng-cầm 1 đồng, Bạch-thược 5 đồng, Binh-lang 2 đồng, Sinh-thảo 1 đồng, Xuyên-hoàng-liên 1 đồng rưỡi, Nhục-quế 5 phân, Mộc-hương 5 phân, Đại-hoàng 5 phân.

香 連 丸

Hương - liên hoàn

木香二ㄌ半　川黃連一両

Mộc-hương 2 đồng rưỡi, Xuyên-hoàng-liên 1 lạng thái bằng hột đậu sao lẫn với Ngô-thù 5 đồng, rồi bỏ ngô-thù đi.

Cùng tán bột luyện hồ viên uống một đồng thang bằng nước chè vối.

Bổ-trung ích-khí-thang ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG-BIỆN.
Ngũ quân-tử-tiễn, Đại hòa-trung-ẩm đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG
Ức phù-tiễn, Vị-quan-tiễn đều ở số 7 THƯƠNG-THỬ
Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN.
Lục-vị-hồi-dương ở số 11 HÀN-QUYẾT.

驗 方

Nghiệm phương

Một thứ trị cấp-ly dùng :

蘿蔔子二ㄌ炒　白芍五ㄌ炒　當歸五ㄌ　梹榔一ㄌ
枳殼一ㄌ炒　車前一ㄌ炒　生草一ㄌ

La-bặc-tử 2 đồng, Bạch-thược 5 đồng, Đương-quy 5 đồng, Binh-lang 1 đồng, Chỉ-xác 1 đồng. Xa-tiền 1 đồng, Sinh-thảo 1 đồng.

Một thứ trị hoạt-ly dùng bài *Tứ-quân-tử thang* ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG gia:

赤石脂二リ 醋煅 禹餘粮二リ 醋煅

Xich-thạch-chi 2 đồng, Vũ-dư-lương 2 đồng

Một thứ trị ly tật kiêm thủy tả đàn bà có mang không uống được

杏仁廿四粒 蒼朮二刄製 羌活一刄
大黃三リ炒 㷔烏三リ炒

Hạnh-nhân 24 hột, Xương-truật 2 lạng, Khương-hoạt 1 lạng, Đại-hoàng 3 đồng, Thảo-ô 3 đồng.

Cùng tán bột bỏ lọ nút chặt.

3, 4 tuổi uống 1 phân
8, 9 tuổi uống 1 phân rưỡi,
15 16 tuổi uống 2 phân.
20, 30 tuổi uống 3 phân,
40, 50 tuổi uống 2 phân rưỡi,
60, 70 tuổi uống 1 phân rưỡi.

Thang bằng nước gừng

Hựu phương

巴豆一粒 綠豆三粒 胡椒三粒

Ba-đậu 1 nhân, Đậu-xanh 3 hột, Hồ-tiêu 3 hột

Bọc vải dập nhỏ dùng Hồng-tảo 2 quả (紅棗二枚) đâm làm viên dịt vào rốn

Hựu phương

胎糞三分 雄黃一分 梅花片二厘

Cứt chẻ con mới đẻ sấy khô) 3 phân, Hùng-hoàng 1 phân, Mai-hoa-phiến 2 li.

Cùng nghiền cho thật nhỏ hòa nước lấy cái bút mới chấm thuốc điểm vào 2 đầu con mắt dẫn nguy cũng khỏi.

Hựu phương

Sinh-phụ-tử 1 củ (生附子一頭)

Thái từng miếng dán vào trên vô-căn-hỏa, đợi nóng, lấy dán vào rốn lạnh lại đổi miếng khác 9 bận thời khỏi.

Phép lấy vô-căn-hỏa dùng một cục vôi lớn để lên trên nước lạnh thời có khí nóng bốc lên.

Hựu phương

雄黃三分　硃砂三分　巴荳十粒　萆蔴子十粒

Hùng-hoàng 3 phân, Chu sa 3 phân tán bột, Ba-đậu 10 hột, Tỳ-ma-tử 10 hột

Đâm làm viên nặn làm bánh bằng đồng su, dán vào huyệt ấn-đường, huyệt ấy ở trên xống mũi khoảng giữa, lòng mày hai bên. Dùng một tí xạ-hương hòa nước bôi vào trước rồi mới dịt, ngoài dùng thuốc cao dán chùm lên, không cứ cao gì, dán hồ cũng được. Chừng 1 giờ đồng-hồ thì trong bụng sôi, biết đói muốn ăn.

Hựu phương

細辛一ﾘ　皂角一ﾘ炒焦　葱白一頭
酒麯半ケ　田螺一子

Tế-tân 1 đồng, Bồ-kếp 1 đồng, Hành-khô 1 củ, Men-rượu nửa bánh, Ốc-nhồi 1 con.

Cùng đâm nhỏ dịt vào rốn.

Hựu phương

Ngô-thù 3 đồng (吳茱三ﾘ酒炒)

Tán bột hòa giấm-thanh dịt 2 gan bàn chân lấy vải buộc lại.

至聖丹
Chí-thánh đan

Nha-đảm-tử (鴉胆子)

Bỏ vỏ lấy nhân, nhân nào dập vỡ không dùng, khô cũng không lấy. Dùng long-nhãn bọc lấy, người nhớn mỗi bọc 7 nhân, ly nặng nuốt 7 bọc, ly nhẹ nuốt 5 bọc; trẻ con mỗi bọc 5 nhân, ly nặng uống 5 bọc, ly nhẹ uống 3 bọc. Khi uống thì nuốt chửng chớ có nhai, uống rồi ăn cơm, hoặc ăn cháo đè lên, chỉ uống một lần thì khỏi

Một thứ trị ngũ sắc ly dùng:

乳香一ﾘ炒研　金銀花三ﾘ　川黃連二ﾘ
木香五分炒研　白芍五ﾘ炒　當歸五ﾘ

Nhũ-hương 1 đồng, Kim-ngân-hoa 3 đồng Xuyên-hoàng-liên 2 đồng, Mộc-hương 5 phân, Bạch-thược 5 đồng, Đương-quy 5 đồng　Sắc nước uống

Một thứ trị khẩu cấm ly (không ăn được cơm) dùng:
洋参三ゾ姜炒 川黄連二ゾ
Dương-sâm 3 đồng, Xuyên-hoàng-liên 2 đồng.

Xuyên-hoàng-liên sao lẫn với ngô-thù rồi bỏ ngô-thù đi; nhu-mễ 2 dúm, cùng sắc nước uống thêm mươi giọt nước gừng

---

Một thứ trị hưu tức ly (lâu năm không khỏi) dùng một con lươn mổ bỏ ruột, xắt khúc để lên trên hòn ngói đốt ra than lấy 2 đồng cân tán bột hòa với đường-cát uống thang bằng rượu.

Một thứ trị thủy ly (đi ra nước nâu) Thủy-ly thì sắc đỏ. Thủy-tả thì sắc vàng dùng lá kim-ngân sắc nước uống.

腸風

124. — Tràng-phong

Chứng tràng-phong là đi ra máu tươi, bởi tà khí cảm vào mạch máu trong bụng không đau mà mạch thời phù phải dùng thuốc khu phong chỉ huyết. Nhược bằng nhân nhiệt thì phải thanh hỏa. Chứng tạng-độc thì đi ra huyết đen bởi vì tửu sắc hoặc nhân khó nhọc hoặc đi xa xôi, bịnh đã lâu ngày, khi nóng tích lại thành ra xào huyệt cho nên máu tím đen trong bụng có đau mà mạch thời trầm, phải dùng thuốc thanh nhiệt hương huyết

Một thứ tràng-phong thời máu đỏ tươi dùng bài *Ước-doanh-tiên* gia: Hoàng-liên, Chi-tử (đều 1 đồng)

Nhược bằng lửa nóng lắm dùng bài *Trừu-tân-ẩm.*

Một thứ tạng-độc thời huyết tím đen dùng bài *Cử-nguyên-tiên* gia Địa-du 2 đồng.

Nhược bằng khí hư dùng bài *Bổ-trung-ích-khí thang* gia Tục-đoạn, Địa-du (đều 2 đồng).

Hoặc hư hàn gia Ngũ-vị 10 hột, Tiêu-khương 1 đồng.

Nhược bằng lâu ngày âm hư dùng *Bổ-âm-ích-khí thang*
Nhược bằng hạ tiêu can thận hư tổn dùng bài *Vị quan-tiên*

列方

Liệt các bài thuốc

Ước-doanh-tiễn, Cử-nguyên-tiễn đều ở số 11 TIỆN-HUYẾT.
Trừu-tân-ẩm ở số 3 THƯƠNG-HÀN.
Bổ-trung-ích-khí ở số 10 CHƯ-HƯ CHỨNG.
Bổ-âm-ích-khí ở số 1 NỘI-THƯƠNG.
Vị-quan-tiễn ở số 7 THƯƠNG-THỬ.

驗方

Nghiệm phương

Trị chứng tràng-phong dùng bài :

黃連散

Hoàng-liên tán

川黃連　烏梅　鷄冠花　貫衆　大黃煨（各六リ）炙草三リ

Xuyên-hoàng-liên, Ô-mai, kê-quan-hoa, Quán-chúng, Đại-hoàng (đều 6 đồng), Chích-thảo 3 đồng.

Cùng tán bột, uống 2 đồng thang bằng nước gạo rang.

Hựu phương

樗皮一刄　党参一刄姜炒

Hu-bì 1 lạng, Đẳng-sâm 1 lạng.

Tán bột uống 2 đồng thang nước gạo-rang.

Trị chứng tạng-độc dùng : Xa-tiền cả lá, cẳng, rễ một nắm, gừng sống 7 nhát cùng dâm nhỏ thêm nước vào lọc bỏ bã lấy nước hâm nóng uống.

Hựu phương

Hoàng-liên 2 lạng thái nhỏ tẩm rượu 3 ngày rồi phơi khô, tán bột. Ô-mai 3 lạng, dâm, luyện làm viên bằng hột dậu uống 20 viên.

交腸

125. — Giao-tràng

Chứng giao-tràng là đại, tiểu-tiện đổi chỗ mà phóng ra: tiểu ra đằng đại; đại ra đằng tiểu, bởi vì có sự dận dữ quá, hoặc khi no say quá, cho nên trong ruột lẫn lộn chẳng theo lối thường.

Phép chữa phải dùng *Thổ pháp* cho thông khí hoặc dùng bài *Bổ-trung* để đem khí lên, hoặc dùng bài *Ngũ-linh-tán* cho thông lối bàng-quang hoặc dùng bài *Nguyên-nhung tứ-vật* cho thông đường cốc-đạo.

Thổ-pháp ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Bổ trung-ích-khí ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Ngũ-linh-tán ở số 8 THƯƠNG THẤP.

Nguyên-nhung-tứ-vật ở số 121 BÍ-KẾT.

脫肛

126. — Thoát-giang

Chứng thoát-giang là lòi tỳ, hoặc nhân tả lỵ, thương tỳ, khí hư, hạ hãm mà thoát ra, hoặc nhân tửu sắc tổn tinh, thận hư bất cố thoát ra, hoặc nhân trung khí hư hàn mà thoát ra, hoặc nhân hạ-tiêu thấp nhiệt mà thoát ra, hoặc nhân đại-tiện táo kết dặn mãi mà thoát ra. Phép chữa phải xét tại cái gì mà dùng thuốc phải kiêm lấy thăng để làm chủ.

Một thứ tỳ dương hư, hạ hãm mà thoát ra dùng *Bổ-trung-ích-khí-thang* bội Thăng-ma, hoặc dùng *Cử-nguyên-tiên*.

Nhược bằng tỳ âm hư dùng *Bổ-âm-ích khí-thang*.

Một thứ trung khí hư hàn mà thoát ra dùng bài *Ngũ-quân-tử*, bài *Ôn-vị-ẩm* gia Thăng-ma 2 đồng, Ngũ-vị 15 hột.

Một thứ hạ-tiêu can, thận hư hàn mà thoát ra dùng bài *Đại-bổ-nguyên-tiễn* bài *Lý âm-tiễn*.

Một thứ thấp nhiệt xa xuống mà đau dùng bài *Trừu-tân-ẩm*, bài *Đại-phân-thanh-ẩm*

Bổ-trung-ích-khí ở số 10 CHƯ-HƯ-CHỨNG.

Cử-nguyên-tiễn ở số 41 TIỆN-HUYẾT.

Bổ-âm-ích-khí thang, Ngũ-quân-tử, Đại bổ-nguyên đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG

Ôn vị-ẩm ở số 5 THỨNG-HÀN.

Lý-âm-tiễn, Trừu-tân-ẩm đều ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

Đại-phân-thanh ở số 8 THƯƠNG THẤP.

簡易方

Giản dị phương

五倍三リ炒　　枯礬二リ

1o) Ngũ-bội 3 đồng, Phèn-phi 2 đồng sắc nước nóng rửa thời thu ngay.

2o) Lá giầu, lá đào sắc nước cho ít phèn phi vào; ngâm rửa thời kéo ngay lên.

3o) Hột dầu-dầu tía 15 hột đâm nhỏ dịt trên đỉnh đầu thì kéo lên.

4o) Con ốc sên sấy khô tán bột hòa mỡ-lợn bôi vào.

5o) Con ốc-nhồi bỏ 1 phân băng-phiến vào miệng nó để chảy nước ra lấy nước mà bôi.

6o) Con rện nhớn bỏ đầu chân đi, sấy khô tán bột hòa dầu-vừng bôi vào.

7o) Thuyền-thuế tán bột hòa dầu-vừng bôi rất hay lắm.

8o) Mộc-tặc sao cháy tán bột rắc vào ấn lên thời khỏi.

9o) Vôi bột sao nóng lấy vải bọc ngồi gác lên trên, nguội thời sao lại.

10o) Đầu cá-riếc sấy khô tán bột hòa dầu-vừng bôi, lấy giấy nưng lên diệu lắm.

11o) Hai cân sắt, sắc nước nóng mỗi ngày rửa vài, ba bận, kinh niên cũng khỏi.

12o) Nhược bằng giài hai ba tấc dùng Xích-thạch-chi nung đỏ tui giấm-thanh ba bận, tán bột rắc vào, lấy giấy dầu nưng lên.

13o) Hành sống nửa cân sắc nước để trong thùng ngồi lên trên mà xông.

14o) Ngũ-bội tán bột rắc vào giấy cuốn lại, châm lửa đốt bỏ vào thùng ngồi trên mà hơ.

15o) Cây vòi-voi phơi khô tẩm giấm thanh để trên lò than đốt khói quạt vào.

Âm hư thoát giang

熟地 一 刃　　烏梅 三 ㇒

Thục-địa 1 lạng (nướng khô nỏ), Ô-mai 3 đồng (sao khô nỏ).

Cùng nghiền cho rõ nhỏ lại dùng Phòng-phong, Thăng-ma đều 3 đồng, sắc nước đặc hòa thuốc bột bôi vào lập tức thu lên.

虫 病

127. — Trùng-bịnh

Trùng bịnh là trong người có sâu, như ngửi phải khí độc hoặc bịnh lao truyền thời trùng vào trong phổi hóa ra ho lao ; bằng như ngửi hoa, hoặc vật đã mục nát như là Lộc-nhung thời trùng vào trong óc hóa ra chĩ mũi, lại khi ăn uống sinh trùng, như ăn tiết-canh, ăn gỏi sống, ăn thịt tái ; trùng sinh ở trong dạ dầy hóa run hóa sán, như mà những người tì vị khỏe mạnh ăn thì tiêu ngay. Những người tì vị yếu ăn uống chậm tiêu thời dễ sinh trùng cho nên yêu trẻ-con phải giữ gìn việc ăn uống mới khỏi cam.

Một thứ lao-trùng và chĩ-mũi tìm ở mục Lao-sái và Tỵ-bịnh mà chữa.

Một thứ chứng trùng tích hay đau bụng ăn uống kém ít, gầy gò hoặc hay nôn mửa, hoặc đau mà đứng ngồi không yên, mặt xanh trắng nhợt, nhưng mà môi đỏ mới thực là bịnh trùng tích

Phàm những bịnh trùng phải ôn dưỡng tỳ vị khiến cho tạng khí cường thịnh, trùng không ở được cũng không sinh ra được dùng bài *Ôn-tạng-hoàn*.

Một thứ trùng-tích, khí đưa ngược lên, tâm phúc đau lắm dùng bài *Tảo-trùng-tiễn*. Nhược bằng trùng tích kiên cố lắm dùng bài *Lạp-trùng hoàn*, bài *Ngộ-tiên-đan*, bài *Mộc-hương-binh-lang hoàn*, bài *Bách thuận hoàn*. Nhược bằng trùng tích thế hoãn mà người yếu dùng bài *Vu-gi tán*. bài *Hóa-trùng-tán*.

Những khi uống thuốc trị trùng phải nhịn bữa cơm chiều cho trùng đói sáng hôm sau, hoặc lấy vị thơm, hoặc nướng chả ăn một chút để kéo trùng lên rồi sau bác chứng gà hòa với thuốc uống một chốc lại uống thêm thang nước hành hoặc uống nước lã để tống thuốc xuống, độ hơn 1 giờ đồng-hồ thời ăn cháo đậu-xanh để giải đi rồi sau mới ăn cơm.

Xét xem trong một tháng có ba tuần : thượng tuần dầu trùng hướng lên, trung tuần dầu trùng quay ngang, hạ tuần dầu trùng cúi xuống thử nghiệm như trâu, bò đẻ thượng tuần con đi trước mẹ; trung tuần con đi ngang mẹ; hạ tuần con đi sau mẹ; như thế thời dùng thuốc trị trùng phải uống chừng mồng ba mồng bốn tháng âm-lịch :

Một thứ vưu-trùng là hồi-trùng như con giun, các thứ trùng thời vưu nhiều hơn dùng thuốc sát trùng rồi mà nó lại sinh ra không phải phép hay chỉ có ôn dưỡng tỳ vị như bài *Ôn-vị-âm*, bài *Ngũ-quân-tử*, bài *Lý-trung-thang*, *Lý-âm-tiễn* gia những vị sát trùng như :

使君　兵榔　川椒　烏梅

Sử-quân, Binh-lang. Xuyên-tiêu, Ô-mai

thời tỳ vị khỏe, trùng không sinh ra được nữa hoặc dùng bài *Ôn-tạng-hoàn* càng diệu lắm. Chứng này phải tham khán với mục *Hồi-quyết* số 20.

Ông Ngoại-đài dùng *Khổ-luyện-thang* trị vưu-trùng thần phương thứ nhất.

Một thứ bạch thốn trùng dài 1 tấc là con xán; mẹ đẻ, con đẻ ra lâu thời dài 1, 2 trượng dùng *Phỉ-tử-tiễn* hoặc dùng :

錫灰　蕪荑　兵榔

Tích-hôi, Vu-gi, Binh-lang.

Tán bột sắc thang rễ lựu; uống 2 đồng hoặc dùng Hồng-dằng-căn ngâm nước 3 ngày rồi uống.

Một thứ cam trùng trẻ-con hay ăn cá thịt hóa ra cam-tích thời minh nóng bụng to, mặt vàng, my mắt đỏ, lỗ mũi đỏ, lợi chẩy máu, hơi mồm hôi, môi đỏ dùng bài *Cửu-vi-lô-hội-hoàn*, bài *Truy-trùng-hoàn*, bài *Tứ-vị-phì-nhi-hoàn*, bài *Thất-vị-phì nhi-hoàn*.

Một thứ ứng-thanh trùng người bịnh nói gì thì trong bụng con trùng cũng nói theo như thế. Có vị đạo sĩ bảo lấy pho Bản-thảo đọc tên các vị thuốc, vị nào mà trùng không nói theo thời dùng mà uống, người bịnh đọc đến vị *Lôi-hoàn* trùng nín mất bèn lấy vị ấy uống rồi khỏi.

九類蟲

Cửu - loại trùng

1º) Phục trùng dài 4 phân đứng đầu các thứ trùng.

2º) Vưu-trùng dài 1 thước hình như con giun.

3o) Bạch-trùng là con xán dài 1 tấc; con cháu đẻ ra, mẹ dài 4, 5 trượng

4o) Can-trùng hình như quả mận nát khiến người ta phiền đầy.

5o) Phế-trùng dáng như con tằm thời người hay ho

6o) Vị-trùng dáng như con nhái khiến người hay nôn oẹ.

7o) Nhược-trùng hình như hột dưa khiến người hay nhổ vặt.

8o) Xích-trùng hình như miếng thịt khiến người hay sôi bụng.

9o) Nghiêu trùng nhỏ bé li ti ở trong ruột-già.

列 方

Liệt các bài thuốc

Tảo trùng-tiên, **Lạp trùng-hoàn**, **Bách-thuận-hoàn**, **Hoá trùng-tán** đều ở số 102 PHÚC THỐNG.

Ôn-vị-ẩm ở số 5 TRÚNG-HÀN

Ngũ quân-tử, **Lý-trung-thang** đều ở số 1 NỘI-THƯƠNG.

Lý-âm-tiên ở số 3 THƯƠNG-HÀN.

温臓丸

Ôn - tạng hoàn

党参三両姜炒	當歸二両	白芍一両炒
白朮二両土炒	茯苓一両	細榧肉一両
使君子一両	檳榔一両	吳茱五リ炒
川椒一両	乾姜五リ	

Đảng-sâm 3 lạng, Đương quy 2 lạng, Bạch-thược 1 lạng, Bạch-truật 2 lạng, Phục-linh 1 lạng, Tố-phỉ nhục 1 lạng. Sử quân-tử 1 lạng, Binh-lang 1 lạng, Ngô thù 5 đồng, Xuyên-tiêu 1 lạng Can-khương 5 đồng

Tán bột, quấy hồ thần-khúc, luyện làm viên, uống 2 đồng

遇僊丹

Ngộ - tiên đan

三棱五リ醋炒	木香三リ	川大黃一リ
莪朮五リ醋炒	黑丑二リ	檳榔二リ

Tam-lăng 5 đồng, Mộc-hương 3 đồng. Xuyên-đại-hoàng 1 đồng, Nga-truật 5 đồng, Hắc-sửu 2 đồng, Binh-lang 2 đồng.

Tán bột, sắc nước bồ-kếp quấy hồ luyện làm viên uống 1 đồng.

木香檳榔丸

Mộc-hương binh-lang hoàn

檳榔一刃 木香五リ 鶴虱五リ 貫衆五リ
錫灰五リ 使君五リ 輕粉一リ 雷丸二リ
巴豆二リ 乾漆五リ燒

Binh-lang 1 lạng, Mộc-hương 5 đồng. Hạc-sắt 5 đồng Quán-chúng 5 đồng, Tích-hôi 5 đồng Sử-quân 5 đồng, Khinh-phấn 1 đồng, Lôi-hoàn 2 đồng, Ba-đậu 2 đồng Can-tất 5 đồng.

Tán bột luyện hồ viên bằng hột vừng mỗi bận uống 20 viên thang bằng rễ lựu Trước ăn chả nướng để dẫn trùng lên rồi sau uống thuốc.

蕪荑散

Vu-di tán

檳榔二リ 蕪荑二リ 木香一リ

Binh-lang 2 đồng, Vu-di 2 đồng Mộc hương 1 đồng.

Tán bột uống cả một bận thang bằng rễ lựu, trước uống nước thịt để kéo đầu trùng lên rồi sau uống thuốc.

苦練湯

Khổ-luyện thang

Lấy rễ cây soan cạo vỏ bỏ đi; dùng vỏ trắng 2 lạng, sắc nước, trước ăn thịt nướng chả để kéo đầu trùng lên rồi mới uống thuốc.

榧子煎

Phỉ-tử tiên

Tế-phỉ-tử 49 hột (細榧子四十九粒)
dùng nửa chén nước đường, nấu cạn mà ăn, mỗi ngày ăn 7 hột, chín ngày sán hóa ra nước

---

Hựu phương

Dùng Tế-phỉ tử 100 hột ăn hết cả thời tốt bằng không ăn hết chỉ ăn 50 hột cách một đêm thời sán tiêu hết.

九味蘆薈丸
Cửu-vị lô-hội hoàn

川黃連 蘆薈 撫夷 木香 白雷丸
胡黃連 龍胆 鶴虱 (各五リ)

Xuyên-hoàng-liên, Lô-hội, Vu-di, Mộc-hương, Bạch-lôi-hoàn (đập ra thấy trong đỏ thì không dùng), Hồ-hoàng-liên, Long-đảm, Hạc-sắt, (đều 5 đồng.

Tán bột luyện hồ bánh-chưng làm viên bằng hột vừng, mỗi bận uống 1 đồng. (Ông Lập-Trai lấy long-đảm thay thanh-bì bỏ xạ-hương mới hay).

追虫丸
Truy-trùng hoàn

黑丑八リ 兵榔八リ 雷丸一リ 木香一リ

Hắc-sửu 8 đồng, Binh-lang 8 đồng, Lôi-hoàn 1 đồng, Mộc-hương 1 đồng, cùng tán bột, lại dùng:

苦練根一両 茵陳二両 皂角一両炒焦

Khổ-luyện-căn (Vỏ rễ-soan) 1 lạng, Nhân-trần 2 lạng, Tạo-dác (Bồ-kếp) 1 lạng, sắc nước đặc.

Luyện làm viên; người nhớn uống 2 đồng; trẻ con uống 1 đồng thang bằng nước đường

---

四味肥兒丸
Tứ-vị phì-nhi hoàn

麥芽炒黑 撫夷 黃連 神曲炒 (各一両)

Mạch-nha, Vu di, Hoàng-liên Thần-khúc đều 1 lạng)

Cùng tán bột lấy nước mật-lợn, luyện làm viên bằng hột gạo uống 20 viên, sắc mộc-hương làm thang.

七味肥兒丸
Thất-vị phì-nhi hoàn

肉豆蔻一両煨 川黃連七リ 木香七リ 檳榔十粒
麥芽二両炒焦 神曲七リ炒 使君 両

Nhục-dậu-khấu 1 lạng Xuyên-hoàng-liên 7 đồng Mộc-hương 7 đồng, Binh-lang 10 hạt, Mạch-nha 2 lạng Thần-khúc 7 đồng, Sử quân 2 lạng.

Cùng tán bột luyện hồ viên bằng hột vừng uống 30, 40 viên thang bằng nước gạo rang

---

詐病

128. — Trá-bịnh

Trá bịnh, giả cách ốm để cho người ta sợ bởi vì hoặc nhân sự danh lợi, hoặc nhân việc kiện cáo đánh nhau và truyện vợ cả, vợ lẽ ghen tuông mà giả làm bịnh tật. Nhược bằng thầy thuốc không xét kỹ thời mắc người ta nói dối; chỉ có cái mưu dối lại dối giả lại người bịnh thời tình thực lộ ngay ra mà bịnh giả cách tự nhiên khỏi.

Ông Trọng-Cảnh có nói: người bịnh nằm ngoảnh mặt vào vách nghe thầy thuốc đến không rở dậy mà lại liếc mắt nhìn. Nói một câu thì nghỉ ba bận, khi xem mạch thời nuốt nước giãi, lại hay nhổ ra, hoặc có ngáp, đều là không bịnh.

Một phép trông hai mắt dẫu ti-bi nhưng có tinh thần; hai là phép nghe tiếng thở, dẫu có rền-rĩ rồi sau nghe có ý rộng rãi khoan hòa; ba là phép xem mạch, sàu bộ điều hòa thật là không bịnh.

Thầy thuốc phải bảo rằng: bịnh này cảm nặng lắm, tà khí đã vào sâu phải dùng: trong uống thuốc hạ ngoài phải châm cứu 20, 30 huyệt thời mới khỏi, nay tôi mới chế một thứ thuốc viên (cho thuốc gì cũng được) hãy thử uống xem bằng như không khỏi rồi uống thuốc hạ và dùng phép châm cứu.

反畏

129. — Phản-úy

Những vị này kỵ nhau :

Nhân-sâm, Huyền-sâm, Sa-sâm, Khổ-sâm, Đan-sâm, Tử-sâm, Tế-tân, Thược-dược Tám vị này kiêng không được dùng với vị Lê-lư.

Bạch-cập, Bán-hạ, Bạch-liễm Qua-lâu, Thổ bối-mẫu Xuyên-bối-mẫu Năm vị này không được dùng chung với hai vị : Ô-dầu và Ô-chủy.

Đại-kích Nguyên-hoa, Hải-tảo; Cam-toại. Bốn vị này không được uống chung với vị Cam-thảo.

Mật-ong, Sáp-vàng, Sáp-trắng. Ba vị này kiêng không được dùng lẫn với củ Hành.

Lưu-hoàng kỵ Phác-tiêu.

Thủy-ngân kỵ Phê sương.

Lang-độc kỵ Mật-xà-tăng.

Ba-đậu kỵ Khiên-ngưu.

Đinh-hương kỵ Uất-kim (củ-nghệ).

Nha tiêu kỵ Tam-lăng.

Xuyên-ô, Thảo ô kỵ Tê dác.

Nhân-sâm kỵ Ngũ linh-chi.

Quan-quế kỵ Thạch-chi

Ca cấm kỵ

Có thai cấm những vị nào :
Ngưu-tất, Quế Phụ, Nhân-đào Can-khương.
Mang-tiêu, Ba-đậu, Xạ-hương,
Mạch-nha, Thông-thảo cùng phường Hòe-hoa.
Tam-lăng, Đại-giả, Bằng-sa,
Bìm-bìm, Bồ-kếp vốn là trụy thai.
Mẫu-đơn, Bán-hạ chớ nài,
Sản tầu, Ý-dĩ một loài như nhau.

藥 性

130. — Dược-tính

炮 製 法

Phép bào chế

Những các vị thuốc truớc phải rửa sạch ; như vị Đỗ-trọng có vỏ dày phải cạo di. Như vị Tri-mẫu, Hương-phụ có lông phải nhổ di hoặc dốt di, như vị gì rắn phải ngâm cho mềm, có lõi phải bỏ di. Các vị dều thái nhỏ phơi khô dễ dùng. Như vị gì lông tó ; thời phải dốt ra than hoặc sao cháy, vị gì da có vẩy thời phải nướng, vị xương sừng phải mài ; các thứ dá phải nung ; nhân thì phải dã ; hột thì phải nghiền.

Một thứ tẩm rượu sao dể cho hành huyết, cho dẫn lên và cho dảm tính lạnh di như :

黃芩 黃連 大黃 白芍 赤芍 牡丹
吳茱 生地 車前 五味 川芎 續斷

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Đại-hoàng, Bạch-thược Xích-thược, Mẫu-dơn, Ngô-thù, Sinh-dịa, Xa tiền, Ngũ-vị, Xuyên-khung, Tục-doạn.

Một thứ tẩm gừng sao dể cho tiêu dờm như :

参高麗 党参 砂参 参花棋 洋参
布政参 南参 厚樸 貝母 神曲

Sâm-cao ly, Dẳng-sâm, Sa-sâm, Sâm-hoa-kỳ, Dương-sâm, Bố chính sâm, Nam-sâm, Hậu phác, Bối-mẫu, Thần-khúc.

Một thứ tẩm muối sao dể cho nhập thận như :

杜仲 澤左 巴戟

Đỗ-trọng, Trạch-tả Ba-kích.

Một thứ tẩm dồng-tiện sao dể cho dáng hỏa như :

梔子 乾姜 白芍

Chi-tử, Can-khương, Bạch-thược.

Một thứ tẩm giấm thanh sao dể cho thu liễm lại như :

常山 地榆 三稜 莪朮 荊芥 鱉甲 雷丸 白芍

Thường-sơn, Dịa du, Tam-lăng, Nga-truật, Kinh-giới. Biết-dáp Lôi-hoàn Bạch-thược.

Một thứ tẩm mật-ong nướng hoặc sao như :

黃芪 甘艸 桑皮 骨碎 黃伯

Hoàng-kỳ. Cam thảo, Tang-bì, Cốt-toái, Hoàng-bá.

Một thứ sao với gạo nếp để cho nhập tỳ như:

淮山 麥門

Hoài-sơn Mạch-môn.

Như các thứ sâm trước tẩm gừng sau sao với gạo.

Một thứ sao với bột, hoặc bột lộc-dác-xương, để cho khỏi dính như:

阿膠 鹿膠

A-dao, Lộc-dao.

Một thứ sao đen như:

荔核 棗仁 山查 麥牙 炭姜 梔子 皂角 乾漆

Lệ-hạch (Hột-vải) Tảo-nhân, Sơn-tra, Mạch-nha, Thán-khương, Chi-tử, Tạo-dác (Bồ-kếp), Can-tất (Sơn-khô).

Một thứ sao vàng như:

薏苡 扁豆 陳皮 青皮 乾姜 淮山 麥門

Ý-dĩ, Biển-đậu, Trần-bì, Thanh-bì Can-khương, Hoài-sơn, Mạch-môn.

Một thứ sao khô như:

天門 百合 砂仁 破故 枳殼 枳實 五味 車前

Thiên-môn, Bách-hợp Sa-nhân, Phá-cố, Chỉ-xác, Chỉ-thực, Ngũ-vị, Sa-tiền

Một thứ nung đỏ như:

代赭石 (火煆醋淬七次) 禹餘粮 (火煆醋淬七次)

赤石脂 (火煆醋淬三次) 石信 (爲末和蚓糞煆)

石羔 牡蠣 石决明 龍骨 青礞石 石甘爐 (火煆童便九次)

Đại-dả-thạch, nung đỏ tui giấm-thanh 7 lần.

Vũ-dư-lương nung đỏ tui giấm-thanh 7 lần.

Xích-thạch-chi, nung đỏ tui giấm-thanh 3 bận.

Thạch-tín tán bột luyện với dất cứt-dun nung cho hết khói đen.

Thạch-cao, Mẫu lệ, Thạch quyết-minh, Long-cốt, Thanh-mông-thạch, Thạch-cam-lồ, nung đỏ tui đồng-tiện 9 lần.

Một thứ mài với nước như:

沉香 肉桂 木香 犀角 虎骨 象牙 羚羊角

Trầm-hương, Nhục-quế, Mộc hương, Tê-dác, Hổ-cốt, Tượng-nha (ngà-voi), Linh-dương-dác.

Một thứ nấu với rượu như:

山茱 肉蓯蓉

Sơn-thù, Nhục-thong-dong.

Một thứ bọc giấy đập bỏ dầu như:

栢子仁 巴豆 肉豆蔻

Bách-tử-nhân, Ba-dậu Nhục dậu-khấu.

Một thứ bọc giấy ướt lùi bếp do như:

川大黄 肉豆蔻

Xuyên-dại hoàng, Nhục-dậu-khấu.

製蒼朮
Chế xương - truật

Thái dầy ngâm nước gạo năm ngày mỗi ngày một lần thay nước, phơi khô sao vàng.

製白朮
Chế bạch - truật

Ngâm nước gạo 2 ngày, thái mỏng tầm hoàng-thổ phơi khô sao vàng.

製乳香并没藥
Chế nhũ-hương và một-dược

Thái nhỏ sao với bấc thời mới khô, tán bột.

製遠志
Chế viễn - chí

Dùng dậu-đen cam-thảo sắc lấy nước bỏ viễn-trí vào đun cho cạn; bỏ lõi phơi khô, tầm gừng sao vàng.

製附子
Chế phụ - tử

Thái dầy, lấy nước nóng rửa qua để khô, dùng nước dậu-đen, cam-thao bỏ vào nấu cho cạn, phơi khô.

製香附
Chế hương - phụ

Trước tầm đồng-tiện sao khô lại tầm giấm-thanh sao khô, lại tầm nước muối sao khô lại tầm rượu sao khô.

製何首烏
Chế hà - thủ - ô

Sắc đỏ là giống dực, sắc hơi trắng là giống cái, phải hợp hai thứ mới hay, ngâm nước gạo 3, 4 ngày, lại đồ cho mềm thái mỏng, phơi khô lấy nước dậu-đen cùng nấu cho cạn rồi phơi khô để dùng.

製肉蓯蓉
Chế nhục-thong-dong

Tầm rượu, cạo bỏ vỏ, bỏ lõi trắng đun với rượu phơi khô để dùng :

製熟地
Chế thục-địa

Chọn sinh-địa nhỏ da mà mềm rửa sạch đất để khô tầm rượu bỏ vào đỏ để vào trong chõ, dưới đỏ để chậu hứng tiết, bắc chõ lên trên miệng nồi, chát kín cho khỏi phì hơi, trên đậy nắp kín, vai nồi phải khoan 1 lỗ để xem nước và giỏt nước cho khỏi cạn. Đêm nấu ngày phơi đủ chín ngày mới chín.

製半夏
Chế bán-hạ

Thái dầy dùng nước sôi, ngâm rửa chất bỏ nhựa đi đem phơi khô, hôm sau lại rửa lại phơi; 9 ngày phơi rửa, mới hết nhựa độc: tán bột luyện hồ viên bằng quả ổi, lấy rơm, rạ dặt mốc ủ 6, 7 ngày, mọc lông ra phơi khô tầm gừng và nước trúc-lịch sao khô. Bán-hạ chế rồi gọi là pháp-hạ sau lại tầm sữa bò gọi là tô-hạ.

製胆星
Chế đảm-tinh

Dùng nam-tinh tán bột, hòa với mật bò, gói giấy dần đan phên ép 2 mặt, treo mái danh cho khô tán bột bỏ lọ dựng.

製玄明粉
Chế huyền-minh-phấn

Mùa đồng lấy phác-tiêu 1 cân, củ-cải 1 cân bỏ vào nồi đun rừ lấy ra lọc bỏ bã, phơi sương một đêm, kết thành băng.

制神曲
Chế thần-khúc

Mồng sáu tháng sáu, hoặc trong tam phục ngày dần:

蓼草三月　青蒿六月　蒼耳六月

Lục-thảo (nghề dăm 3 lạng, Thanh-hao 6 lạng, Xương-nhĩ (quả Ké 6 lạng ; cùn đâm nhỏ vắt lấy nước lại lấy:

杏仁一两　　白麵二斤　　赤小荳一鉢

Hạnh-nhân 1 lạng dâm nhỏ, Bột-mỳ 2 cân, Xích-tiểu đậu 1 bát nấu chin bỏ vỏ dâm nhỏ

Hợp tất cả lại, luyện thành bánh nặn từng miếng bằng nửa cái bao diêm, lấy rơm rạ đặt móc ủ 5, 6 ngày mọc rêu trắng phơi khô để dùng.

製硫黃

Chế lưu-hoàng

Lưu-hoàng 1 cân tán bột, đậu-đen 1 cân, bỏ nồi cho nước, đun cho rừ lấy ra dãi cho sạch đậu; lại dùng củ cải 2 cân thái nhỏ cùng nấu thấy lưu-hoàng đen đổ ra dãi sạch củ-cải đi. Nấu với đậu 2 lần, nấu với củ cải cũng hai lần. Lại dùng bèo-tía sống 3 cân dâm vắt lấy nước bỏ lưu-hoàng vào lại nấu cho cạn đem rửa sạch, như lưu-hoàng có dóng lại, phải đem tán bột lại dùng đậu-xanh 2 cân bỏ nồi cùng nấu cho rừ, lại dãi sạch đậu đi; lại dùng thạch-xương-bồ 1 cân thái nhỏ bỏ nồi cùng nấu lại dãi xương-bồ đi, lại dùng lá thông, lá trắc-bách-diệp đều 1 cân bỏ nồi cùng nấu, lại dãi lá thông và lá trắc bách-diệp đi, lại dùng ngó-sen 2 cà thái nhỏ cùn nấu cho rừ rồi lại bỏ ngó-sen đi, rửa sạch tán bột bỏ vào ruột-già lợn buộc lại nấu cho rừ rồi lấy ra rửa sạch để âm can dừng phơi nắng rồi để mà dùng.

製人中黃

Chế nhân-trung-hoàng

Tháng một, tháng chạp lấy ống-tre đem cưa để một mấu, tước hết cật tre ngoài đi cho một khúc cam-thảo vào trong ống-tre nút cho chặt lại đem để dưới đáy thùng sia ngâm 1 tháng lấy ra treo mái danh.

燒燈心炭

Phép đốt than bấc

Dùng ống-tre tươi cho bấc vào tong cho chặt, lấy mấu tre nút lại rấm trấu 1 đêm thời thành ra than.

性藥
Tính dược

人参 Nhân-sâm như hình người tính nóng khí thơm vị ngọt và đắng đại bổ dương khí, bổ cả ngũ tạng, yên hồn vía, khỏi khát nước trị băng huyết. Tẩm gừng sao khô kỵ phơi nắng. Chỉ có chứng niệu-huyết, đau bụng nhiệt và trẻ con lên sởi không nống được sâm.

高麗参 Sâm-cao ly thời trong trẻo sáng suốt như thịt khô giáp cuống có hoành-văn mới thực là tốt.

花旗参 Sâm-hoa-kỳ phải có nhiều hoành-văn, cắt ra có mắt ngông thịt đỏ thì ngọt, nếu thịt trắng thì chua.

洋参 Dương-sâm tức là sâm hoa-kỳ.

須参 Sâm-tu là rễ sâm-cao-ly.

二紅参 Sâm-nhị-hồng là rễ dương-sâm.

防党参 Sâm-phòng-đảng chủ giải cảm, khư phong và kiêm bổ huyết.

明党参 Sâm-minh-đảng thời bình bổ tỳ vị, phải như gân hươu mới tốt.

布政参 Sâm bố-chính ở Nghệ an khí thời thơm vị thì nhạt phải thêm hoàng-kỳ mới hay.

南参 Sâm-nam thời khí vị đều nhạt phải bội dụng mới được.

Các thứ sâm đều phải tẩm gừng sao Sâm cao-ly hơ lửa thời mềm, sâm hoa-kỳ phải hấp cơm mới mềm.

Bằng như trị bịnh băng huyết và chứng vong dương chân tay lạnh giá phải dùng sâm cao-ly hoặc sâm hoa-kỳ đều 1 lạng hay là tạm dùng sâm bố-chính 3 lạng thêm hoàng-kỳ 1 lạng, cũng được.

黄芪 Hoàng-kỳ tính ôn, bổ khí liễm bồ-hôi, trị ung nhọt, sinh ra thịt nhưng mà tính trệ; ăn ít cơm chớ dùng; tẩm mật ong nướng cho chín.

茯苓 Phục-linh tính bình, vị nhạt, thẩm thấp, tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

赤茯苓 Xích-phục-linh thời phá khí, lợi tiểu-tiện hơn, vỏ phục linh càng lợi tiểu-tiện lắm.

白朮 Bạch-truật tính ôn và táo sác, đại bổ tỳ vị, ăn được nhiều cơm, trừ thấp, tiêu đàm, an thai, cố thai tẩm hoàng-thổ sao mà dùng; chỉ có chứng ngoại cảm và đại-tiện táo với bịnh lỵ không dùng bạch-truật được.

甘草 Cam-thảo vị ngọt, tính ôn, điều hòa các vị thuốc, nướng thời bổ tỳ, để sống thời tả hỏa giải độc.

當歸 Đương-quy tính ôn, vị cay, ngọt, đại bổ can huyết. Quy-vỹ chục ứ huyết; chứng tiết-tả chớ dùng đương-quy.

白芍 Bạch-thược vị hàn, tính hay thu liễm, để sống thì bình can, sao đen thời bổ huyết; sao vàng thì bổ tâm.

赤芍 Xích-thược lạnh vừa, phá huyết tích, trị đau bụng, đàn-bà sản hậu chớ dùng

生地 Sinh-địa tính lạnh, vị ngọt, bổ âm huyết, nhuận đại-tràng, trừ nóng nẩy; bịnh tiết-tả chớ dùng.

熟地 Thục-địa tính ôn, vị ngọt, đại bổ thận thủy, trợ âm huyết, bổ tinh khí, nhuận da thịt, ích gân xương; bằng như nhiều đờm phải tẩm gừng rượu nướng khô; nhưng mà tính trệ, bịnh lỵ chớ dùng.

川芎 Xuyên-khung tính ôn vị cay, hành trệ khí, tiêu ứ huyết, tính dẫn, đưa lên trên khỏi rức đầu và trị bịnh tê thấp.

麥門 Mạch-môn tính bình, vị ngọt, bổ phế, khỏi ho, thanh tâm khỏi khát, rút bỏ lõi sao vàng.

天門 Thiên-môn tính lạnh, vị ngọt, tiêu đàm trị chứng phế ung và chứng nhiệt suyễn, bỏ lõi sao khô

黃連 Hoàng-liên vị đắng tính lạnh, tả tâm hỏa, trừ thượng tiêu nóng, trị bịnh đau mắt đỏ và bịnh di lỵ, trẻ con bịnh cam tẩm rượu sao.

黃芩 Hoàng-cầm vị đắng tính lạnh, tả phế hỏa, tiêu đàm, trừ dạ-dầy nóng và ngoài da thịt nóng, cả dưới bàng quang nóng, tẩm rượu sao.

黃柏 Hoàng-bá vị đắng, tính lạnh, tả thận hỏa trừ hạ tiêu thấp nhiệt. giải cả ngũ tạng nóng nẩy, tẩm mật nướng.

梔子 Chi-tử vị đắng, tính mát, tả phế hỏa, giải phiền uất, dáng hỏa thông tiểu-tiện, tẩm đồng-tiện sao đen.

石羔 Thạch-cao lạnh lắm, tả vị hỏa, giải nóng khát, khỏi rức dầu lưỡi nứt, răng đau và trúng thử đi tiểu đau buốt.

滑石 Hoạt-thạch lạnh vừa, giải nóng khát, thông hoạt cả tạng phủ, lợi tiểu-tiện bế và dàn-bà khó sinh.

知母 Tri-mẫu đắng, lạnh, bổ huyết mẫu, tả thận hỏa, nhuận phế, tiêu đàm, khỏi ho, trừ nóng nẩy, đốt bỏ lông.

貝母 Bối-mẫu vị đắng, dáng hỏa, tiêu đàm, thanh phế nhiệt khỏi ho hắng, giải phiền uất.

土貝母 Thổ-bối-mẫu lạnh vừa.

川貝母 Xuyên-bối-mẫu lạnh hơn tẩm gừng sao khô

大黃 Đại-hoàng tính lạnh lắm, trừ trong dạ-dầy nóng, phá tích tụ, tiêu ứ huyết, bụng phát trướng, thông đại-tiện.

芒硝 Mang-tiêu tính lạnh lắm, trong bụng nóng quá, phát trướng kết hung, hạ đại-tiện rất mạnh.

柴胡 Sài-hồ tính mát, tả can hỏa, trị chứng thương-hàn, ra được bồ hôi, trị bịnh sốt rét và ghê sốt ghê rét.

前胡 Tiền-hồ tính mát, dẹp khí xuống, tiêu đàm khỏi ho, trừ trong ngực tức dầy và rức đầu hoặc ghê sốt ghê rét.

升麻 Thăng-ma tính lạnh vừa, mát trong dạ-dầy, giải khí độc, trị chứng thương hàn phát sốt, chứng dương hư hãm ở dưới, không thăng lên được và trị bịnh đau răng.

桔梗 Kết-cánh vị đắng ít, trừ phế nhiệt và trong cổ sưng đau, đem các vị thuốc thăng lên, khai thông đờm tắc ở trên ngực

蘇葉 Tô-diệp là lá tía-tô vị cay, đổ bồ-hôi, khỏi phát sốt.

蘇梗 Tô-ngạnh là cành tía-tô, dẹp khí xuống, thông trên ngực.

蘇子 Tô tử là hột tía-tô tiêu đàm khỏi thở.

麻黃 Ma-hoàng tính ôn, trị bịnh trúng phong thành tê, bịnh kéo hen nhân cảm hàn, chứng thương hàn sốt nặng ra được bồ hôi, nhưng mà nhiều quá như mưa ra mãi năm sáu ngày, áo quần ướt như rặt, gầy mất cả thịt cho nên cụ Lãn-Ông không dùng.

麻黃根 Ma-hoàng-căn (Rễ ma-hoàng) thời hay liễm được bồ-hôi lại.

葛根 Cát-căn vị ngọt, tính bình, trị chứng ngoại cảm ra được bồ-hôi khỏi sốt, lại hay khỏi khát nước.

Cát-hoa rã men rượu, giải tửu độc.

薄荷 Bạc-hà vị cay, trừ gió lạnh, ra bồ-hôi, mát trên đầu khỏi đau bụng.

防風 Phòng-phong tính ôn, trị các thứ gió, phát sốt, rức đầu, đau mình trừ bịnh thấp, liễm bồ-hôi, giải các vị độc.

荆芥 Kinh-giới tính ôn trị các chứng nhọt, ghẻ ngoài da ngứa gãi, trừ gió lạnh, ra bồ-hôi, sao đen thời chỉ huyết, bịnh khát nước không nên dùng.

細辛 Tế-tân tính ôn, trị chứng thương hàn, rức đầu, trừ bịnh phong thấp, thông lỗ mũi, hắt hơi.

羗活 Khương-hoạt tính ôn, trừ chứng thương phong rức đầu, trị bịnh tê thấp, mình mẩy gân xương đau rức.

獨活 Đọc-hoạt vị đắng, ngọt, trừ chứng phong hàn tê thấp, gân cồ cứng đau và trị ai chân không đi được.

白芷 Bạch-chỉ tính ôn, trị phong tà khỏi rức đầu, ngoài da ngứa gãi, các thứ ung nhọt, hay hút mủ, mọc thịt khỏi đau.

藁本 Cảo-bản tính ôn, trừ rức trên đỉnh đầu, kiêm trị cả chứng phong hàn thấp.

香附 Hương-phụ tính ôn, tán hàn, giải uất, khoan khoái, tiêu cơm, điều-kinh huyết.

烏藥 Ô-dược tính ôn, trừ đau bụng lạnh, dẹp hơi xuống lợi tiểu-tiện.

枳實 Chỉ-thực vị hàn, tính mãnh liệt, tiêu đàm, phá tích mạnh như bắn súng.

枳殼 Chỉ-xác tính mát, trên ngực khoan khoái, tiêu đàm, lợi thủy, trừ bụng trướng đầy.

青皮 Thanh-bì vị đắng, phá khí trệ, tiêu thực tích, bình can khí, trị bụng dưới đau sán.

陳皮 Trần-bì vị ôn tiêu đàm hành trệ, khoan khoái trong bụng, khỏi nôn mửa, chỉ tiết-tả.

蒼朮 Xương-truật tính ôn, kiện tỳ thấm thấp, trên bụng trướng đầy, tiêu đàm, trừ lam sơn trướng khí và ôn dịch.

厚樸 Hậu-phác tính ôn, trừ bụng tức đầy, hạ đàm, dáng khí, khỏi đau bụng, trị chứng tả-ly.

南星 Nam-tinh tính nhiệt, trị bịnh trúng phong, nhiều đờm, và trẻ con kinh phong hàm răng cắn chặt

半夏 Bán-hạ tính ôn, trừ bịnh đàm thấp tráng kiện tỳ vị, trị chứng đàm-quyết rức đầu và bịnh ho hằng nôn mửa.

藿香 Hoắc-hương tính ôn, tán khí lạnh, khỏi nôn mửa, trị đau bụng hoắc-loạn

檳榔 Binh-lang tính ôn, phá khí trệ, sát trùng, trị bịnh ly,

大腹皮 Đại-phúc-bì vị ôn, hạ khí trong ngực, yên tỳ vị, lợi tiểu-tiện, tiêu chứng phù sũng.

香薷 Hương-nhu vị ôn, thanh phế hỏa, giải nóng nực, lợi tiểu, trị mồm thối, khỏi đau bụng.

扁豆 Biển-đậu tính bình, bổ tỳ vị, giải khí giời nắng, rã men rượu độc, trị chứng hoắc-loạn.

猪苓 Chư-linh tính bình, lợi tiểu-tiện, tiêu bịnh phù sũng, trừ chứng thấp-nhiệt.

澤瀉 Trạch-tả tính mát, thông tiểu-tiện và nước dọng ở tam-tiêu, trừ bịnh phù sũng

木通 Mộc-thông tính hàn, tả tâm hỏa, trị phiền nhiệt, thông tiểu-tiện bế.

通艸 Thông-thảo tính bình, lợi tiểu-tiện, thông hành các kinh ra nhiều nước, sữa.

車前 Xa-tiền tính hàn, lợi tiểu-tiện, trị tiết-tả, trừ can phong, trị đau mắt đỏ.

地骨皮 Địa-cốt-bì tính hàn, bổ âm, trừ xương thịt nóng, quá chưa hấp sốt.

木瓜 Mộc qua tính ôn, bổ gân xương, trừ bịnh thấp, gối mỏi, chân sưng, trị chứng đau bụng hoắc-loạn.

葳靈仙 Uy-linh-tiên tính ôn, trị chứng tê thấp, đau các gân xương, chân tê không đi được.

牡丹 Mẫu-đơn vị hàn, bổ tinh thần, dưỡng khí huyết, tả âm hỏa, thông ứ huyết.

玄 參 Huyền-sâm vị bàn, tả hư hỏa, tiêu hạch trên cổ, tan hòn trong bụng lại kiêm bổ thận.

沙 參 Sa-sâm tính mát, trừ ngoài da nóng, buồng phổi nóng, trị ung nhọt, ghẻ lở.

丹 參 Đan-sâm tính lạnh, bổ huyết điều kinh, tiêu ung nhọt sang độc.

苦 參 Khổ-sâm tính lạnh, trị ung nhọt, ghẻ lở, nóng nẩy sưng đau và chứng tiện-huyệt.

龍 胆 Long-đảm tính lạnh, giải buồng gan nóng, trị đau mắt đỏ, giải hạ tiêu nóng và sát trùng.

五 加 皮 Ngũ-gia-bì tính bình, trị bịnh tê thấp, lưng đau gối mỏi, chân không đi được và trị chứng âm sang, lở ngứa.

防 巳 Phòng-kỷ tính bình, trị chứng phong thấp, sưng chân, dưới bàng quang kết nóng, tiểu tiện không thông.

地 榆 Địa-du tính lạnh vừa, trị các chứng huyết, tiện huyết, băng huyết, thổ huyết, nục huyết.

茯 神 Phục-thần tính bình, bổ tâm thần, yên hồn vía, khỏi sợ hãi, tính hay quên và lợi tiểu-tiện ; (trong ruột có nhiều thớ ngang dọc như sợi tơ mới thật phục-thần).

遠 志 Viễn-trí tính ôn, bổ tâm hỏa, an thần, khỏi sợ hãi, nhớ lâu không quên.

棗 仁 Tảo-nhân tính bình, liễm bồ-hôi vào, bổ tâm can, yên giấc ngủ ; ngủ nhiều để sống, it ngủ sao đen.

石 昌 蒲 Thạch-xương-bồ tính ôn, khai tâm khiếu, trừ bịnh câm có thể nói ra tiếng, trừ gió lạnh tê thấp.

栢 子 仁 Bách tử nhân tính bình, bổ tâm, chỉ huyết, khỏi sợ hãi, tráng dương khí ; (bọc giấy dập bỏ dầu)

益 智 Ích-trí tính ôn, an thần bổ khí, khỏi nôn mửa, cố tinh khí, khỏi vãi đái.

甘 松 Cam tòng mùi thơm, trị chứng đau bụng, lại trừ uế khí, tắm gội thơm tho.

小 茴 Tiểu-hồi tính ôn, làm cho nóng trong dạ-dầy trị đau bụng, đau lưng và trừ sán-khí, cước khí, dưới bàng-quang âm-nang sưng đau.

大茴 Đại-hồi (tám cánh) tính ôn, mùi hắc lắm, chuyên trị chứng đau lưng nặng, lại trừ bịnh dồi-sán to bằng cái đấu.

乾姜 Can-khương tính nóng để sống tán phong hàn, sao vàng ôn tỳ vị, sao đen chỉ huyết.

附子 Phụ-tử nóng lắm trừ hàn thấp, trị chứng đau bụng lạnh, trị chứng vong dương chân tay lạnh giá.

烏頭 Ô-đầu nóng lắm trừ gió vào xương, bán thân bất toại, trị bịnh hàn thấp tê đau và phá tích tụ, hòn cục.

木香 Mộc-hương vị ôn, tan khí trệ, hòa tỳ vị khỏi đau bụng, trị sán-khí và hạ đàm.

沉香 Trầm-hương tính ôn, dáng khí bổ dương, trị đau bụng, thổ tả, tiêu khí trệ khắp trong mình người

丁香 Đinh-hương tính nóng, trừ dạ-dầy lạnh, khỏi nôn mửa, và trị chứng đau bụng lạnh, lại khỏi bịnh nấc

沙仁 Sa-nhân tính ôn, làm cho nóng dạ-dầy, tiêu ăn uống trừ đau bụng khỏi thổ tả, lại khai nất và an thai.

肉桂 Nhục-quế tính nóng mùi thơm, vị ngọt, bổ mịnh môn-hỏa, thông các mạch máu, trị đau bụng lạnh, kiêm trừ bách bịnh Quế ở Thanh-hóa ở Trịnh-vạn là bực nhất; quế ở Yên-tử, ở Quỳ-châu là bực nhì còn như quế xứ khác, hôi như bọ suýt, mùi cay xé không dùng được. Dùng quế mới phải gọt lấy dầu thái nhỏ giót nước sôi lấy giấy thấm bọt bỏ đi, thời mới uống được.

桂心 Quế-tâm trị tâm thống, trứng sán-khí chỉ có chứng vong dương chân tay lạnh giá không uống được.

桂枝 Quế-chi tính nóng, giải tan gió lạnh, dẫn lên cánh tay, trị bịnh tê thấp lại liễm bồ-hôi vào

吳茱 Ngô-thù tính ôn, trong bụng đau lạnh nuốt chua nhổ chua, ôn hạ tiêu trừ sán-khí.

玄胡索 Huyền hồ-sách tính ôn trị tâm khí thống, hoạt huyết điều kinh nguyệt.

白豆蔻 Bạch-đậu-khấu tính ôn, trừ khí lạnh trên ngực; làm cho nóng trong dạ-dầy, khỏi nôn mửa và trị đau bụng.

肉豆蔻 Nhục-đậu-khấu tính ôn, tiêu đàm dáng khí, trừ đau bụng hoắc-loạn và chứng tiết-tả

草豆蔻 Thảo-đậu-khấu tính ôn, trừ dạ-dầy đau lạnh, khỏi nôn mửa và ăn được ngon cơm.

蓮肉 Liên-nhục tính bình, bổ tỳ vị, trị tiết-tả.

蓮須 Liên-tu sáp tinh khí.

石蓮肉 Thạch-liên-nhục tính lạnh, thanh tâm an thần,

薏苡 Ý-dĩ tính bình, trừ bịnh thấp, gân xương đau rức, bổ khí, ăn ngon cơm, trừ chứng phế ung.

淮山 Hoài-sơn tính ôn bình, bổ tỳ, khỏi đi tả, bổ thận, chỉ di-tinh bổ cả ngũ tạng.

山茱 Sơn-thù tính ôn, bổ can, ích thận cố tinh khí tai ù lưng đau đều khỏi; bịnh ngoại cảm chớ dùng.

何首烏 Hà-thủ-ô tính bình bổ tinh khí đen râu tóc khỏe gân xương thêm tuổi thọ.

黃精 Hoàng-tinh tính bình đại bổ, thanh tâm phế, hòa tỳ vị, ăn luôn mười năm thì sống lâu.

杞子 Khởi-tử tính ôn, đại bổ tinh khí, sáng tai mắt, khỏe gân xương hưng dương đạo; uống lâu nhẹ mình thêm tuổi thọ.

杜仲 Đỗ-trọng tính ôn, mạnh gân, khỏe xương, lưng đau, gối mỏi, trị đi tiểu còn sót lại.

兎絲 Thỏ-ty tính bình trị thận hư, chỉ di-tinh nhuận tâm phế, bổ tỳ vị.

牛膝 Ngưu-tất tính bình, bổ thận, khỏe gân xương, giáng hỏa, lợi tiểu, bịnh di-tinh cấm dùng.

肉蓯蓉 Nhục-thong-dong tính ôn, bổ mịnh-môn-hỏa, đại bổ tinh huyết, trị chứng âm-nuy đại tiện táo kết.

續斷 Tục-đoạn tính ôn, chỉ huyết khỏi di-tinh, an thai, nối xương tiếp gân, (ngã què đánh gẫy).

破故 Phá-cố tính ôn, bổ thận hưng dương, lưng đau, gối mỏi, cố sáp tinh khí.

巴戟 Ba-kích tính ôn, đại bổ dương khí cứng mạnh gân xương, khỏi chứng di tinh.

鹿茸 Lộc nhung tính nóng, đại bổ tinh huyết, ích khí, tráng dương, những người yếu đuối và người già nên dùng, chứng tiện-huyết cấm dụng.

鹿膠 Lộc dao là cao ban-long tính ôn, bình bổ tinh huyết những người yếu đuối, những bịnh thất huyết nên thường dùng.

鹿角霜 Lộc-dác-xương chỉ bịnh di-tinh.

阿膠 A-dao tính ôn đại bổ phế khí, trị bịnh ho-lao và ho ra máu an thai, cố thai trị bịnh kéo hen

膃肭臍 Ột-nột-tề, là rái chó bể bổ tỳ thận, tráng dương khí, trừ ma quỉ, trị bịnh ho lao truyền thi.

芡實 Khiếm thực tính bình, bổ tỳ vị ích tinh khí trị chứng tê thấp, lưng mỏi chân đau.

龍眼 Long-nhãn tính ôn, bổ tỳ, an tâm thần, thêm khôn ngoan, uống nhiều càng thông minh.

人乳 Nhân-nhũ là sữa người tính bình, bổ âm huyết, ích tinh khí, nhuận da thịt, người gầy gò nên dùng.

牛乳 Ngưu-nhũ là sữa bò tính nóng, bổ ích cũng như sữa người.

大棗 Đại-tảo là táo tầu tính bình, điều hòa các vị thuốc, bổ tỳ vị, hòa tâm phế.

生姜 Sinh-khương là gừng sống tính ôn, trừ gió lạnh, ôn tỳ vị, khỏi đau bụng, trị nôn nữa khỏi ngay.

訶子 Kha-tử tính ôn tiêu đàm, khỏi ho, dáng hỏa, khỏi thở và chỉ tả-ly.

艸果 Thao-quả tính ôn, trừ hàn thấp, khỏi sốt rét, giải ôn dịch, chướng khí.

常山 Thường-sơn tính hơi lạnh, trị bịnh sốt rét, tiêu đàm trừ chứng thủy sũng.

高良姜 Cao-lương-khương tính ôn, trị nôn mửa, tiết tả, tiêu thực tích, rã men rượu.

山查 Sơn-tra tính bình, tiêu các thứ thịt, trừ bụng đầy, chỉ bịnh ly, đàn-bà đau dạ-con.

神曲 Thần-khúc tính ôn, hoà tỳ vị, ăn nhiều cơm, tiêu đờm rãi, khỏi đau bụng đi rửa.

麥牙 Mạch-nha tính bình, tiêu cơm khoan khoái trong bụng, trụy thai và cạn sữa, đàn-bà có thai phải kiêng.

白芥子 Bạch-dới-tử tính ôn, tiêu đờm ở trên ngực và đờm ở trong da thịt, trị chứng nôn mửa.

甘遂 Cam-toại tính hàn có độc, tiêu bịnh phù trừ bịnh hòn trong bụng, trị chứng kết hung.

大戟 Đại-kích tính hàn có độc, tiêu cả mười hai chứng phù sũng, phá bịnh hòn, đuổi ứ huyết, trừ ôn dịch.

芫花 Nguyên-hoa tính hàn có độc, tiêu phù sũng, trị ho hắng trừ đờm rãi, phá bịnh hòn.

海藻 Hải-tảo tính hàn, lợi tiểu tiện, tiêu phù sũng trừ chứng mọc hạch, phá bịnh hòn.

牽牛 Khiên-ngưu là hạt bìm bìm lợi tiểu-tiện, tiêu phù sũng hạ khí xuống, trừ ruột già nóng.

葶藶 Đình-lịch tính lạnh vừa, tả buồng phổi nóng, khỏi ho thở tiêu đàm và tiêu bịnh phù.

五靈脂 Ngũ-linh-chi tính ôn, trị ngực bụng đau như xiên, để sống thời hành khí, sao cháy thời chỉ huyết.

瞿麥 Cồ-mạch tính lạnh, trị chứng bế tiểu-tiện và phá huyết tích thông kinh nguyệt, trụy thai, đàn-bà có mang phải kiêng.

三棱 Tam-lăng tính bình, phá ứ huyết, tiêu bịnh hòn trong bụng, trị chứng khí trệ, bụng đau tức đầy.

莪朮 Nga-truật tính ôn, tiêu máu dọng, phá bịnh hòn thôn, kinh nguyệt tán khí trệ.

乾漆 Can-tất là sơn-sống khô tính ôn, trừ máu dọng dã lâu năm, sát trùng mạnh lắm, kiêm trừ tích, thông kinh-nguyệt.

蒲黄 Bồ-hoàng là cỏ nến tính bình, tiêu máu dọng thì để sống, bổ huyết, chỉ huyết thời phải sao khô.

蘇木 Tô-mộc là gỗ vang tính bình, trị chứng sản-hậu, máu dọng, thông kinh-huyết và trị chứng bị ngã, bị đòn.

桃仁 Đào-nhân tính lạnh, nhuận đại-tràng, thông kinh nguyệt, phá máu cục.

紅花 Hồng-hoa tính ôn, tiêu máu nóng dùng nhiều thì thông huyết, dùng ít thời hoạt huyết, trẻ con thối tai hòa nước dỏ vào.

薑黃 Khương-hoàng tính lạnh, phá huyết tiêu ung nhọt bụng đau nồi cục, hạ khí mạnh lắm

鬱金 Uất-kim là củ-nghệ tính hàn, phá huyết tụ, mọc da thịt, trừ bệnh uất và đi tiểu ra máu.

金銀花 Kim-ngân hoa tính bình, trị ung nhọt, ghẻ lở hay thứ nhất, lá nó trị bịnh ly.

漏蘆 Lậu-lư tính ôn, trừ nhọt, ghẻ, hút mủ mọc da thịt.

白蒺藜 Bạch-tật-lê tính mát, trừ ghẻ lở, sưng ngứa, trẻ con chốc đầu, đau mắt có màng.

白芨 Bạch-cập tính bình, thu miệng nhọt lại và chỉ huyết bị ngã bị đòn, ngoài da nứt nẻ vị này chỉ dùng để bôi bên ngoài.

蛇牀子 Sà-sàng-tử tính ôn trừ ghẻ lở, trị âm nang đau lạnh và chứng âm-nuy, dùng bôi ngoài.

天麻 Thiên-ma tính ôn, trừ các chứng phong, chân tay tê dại, gối mỏi, lưng đau, co gân.

白附 Bạch-phụ tính ôn, trị dầu, mặt hắc-lào, chân tay tê lạnh và đau bụng lạnh.

全蝎 Tuyền-yết tính bình, trị trúng phong, đờm lấp cổ, trẻ con kinh phong, lại trừ thận hư tai điếc.

蟬蛻 Thuyền-thuế là xác con ve sầu tính mát, trị dầu ù, mắt có màng, ngoài da gãi ngứa, trẻ con khóc dạ-đề.

姜蚕 Khương-tàm là tầm khô, trị chứng trúng phong đờm lấp cổ, chứng hầu-tí và tiểu-nhi kinh phong.

蜈蚣 Ngô công là con rết có độc, giải các chứng sang độc, tre con lở mồm, đốt cháy hòa dầu-vừng bôi.

木鱉 Mộc-biết là bột gấc tính ôn, trừ nhọt độc tiêu sưng sũng, rửa hậu-môn, bịnh trĩ sưng đau.

蜂房 Phong-phòng là tổ ong trị đau răng và tràng-ung, nhũ-ung, trị bịnh tràng-nhạc dễo vỏ đốt cháy, hòa mỡ-lợn bôi.

白花蛇 Bạch-hoa-sà là rắn hổ-mang-hoa tính ôn, trị bịnh trúng phong, bán thân bất toại và bịnh tê thấp, trị bịnh hủi.

蛇退 Sà-thoái là xác rắn không độc, trị trẻ-con các thứ sài, trị chứng ghẻ lở và bịnh trĩ, đốt cháy tán bột rắc vào

槐花 Hoè-hoa tính bình, thanh phế, nhuận tràng, da thịt ghẻ ngứa, đại tiện có huyết.

牛蒡 Ngưu-bàng tính ôn, tiêu đờm rãi, trừ ghẻ ngứa lở khắp mình mẩy, và giải đậu độc trẻ con.

茵陳 Nhân-trần tính lạnh, trừ chứng da vàng bủng, tiêu thấp nhiệt, lợi tiểu-tiện, phải kiêng sao lửa.

蔓荊子 Mạn-kinh-tử tính mát, trừ rức đầu, khỏi đau mắt và nhiều nước mắt trị chứng tê thấp co gân.

馬兜零 Mã-đâu-linh tính lạnh, trừ buồng phổi nóng, khỏi ho thở, tiêu đờm rãi và đốt khói hun bịnh trĩ.

百合 Bách-hợp tính bình, thanh phế nhiệt, an tâm thần trừ bụng đầy, lợi tiểu-tiện, tiêu phù sũng và trị ung nhọt.

五味 Ngũ-vị tính ôn, liễm phế khí, khỏi ho thở, bổ thận giải khát; chứng ngoại cảm chớ dùng.

紫菀 Tử-uyển tính ôn, bổ phế, khỏi ho thở, tiêu dờm rãi và trị chứng phế ung nhổ ra máu mủ.

欵冬花 Khoản-đông-hoa tính ôn, nhuận tâm phế trị chứng ho - lao, tiêu đàm giải khát.

旋覆花 Toàn-phú-hoa tính hàn, tiêu đàm chỉ nôn mửa, lợi tiểu tiện, tiêu phù sũng.

桑白皮 Tang-bạch-bì tính mát, thanh phế nhiệt, khỏi ho hắng, tiêu dờm và ho đờm có máu.

杏仁 Hạnh-nhân tính ôn, nhuận phế, khỏi ho khản tiếng trị chứng thương phong dỗ được bồ-hôi ra thông lợi đại tiện.

烏梅 Ô mai tính bình liễm phế khí, chỉ khát khỏi ho, tiêu dờm, trị chứng đau bụng nôn ra giun và chỉ tả lỵ.

花粉 Hoa-phấn tính hàn, trừ nóng giải khát, thông kinh huyết nhiều sữa và trị chứng ung nhọt.

瓜蔞仁 Qua-lâu-nhân tính lạnh, nhuận phế, giải khát, tiêu đam, khỏi ho hắng, khoan khoái trong bụng.

蜜蒙花 Mật-mông-hoa tính bình trị đau mắt và nhiều nước mắt hoặc mắt có màng và trẻ con cam mắt.

菊花 Cúc-hoa tính ôn, trừ phong, trị tróng mặt, trị đau mắt đỏ và nhiều nước mắt.

木賊 Mộc-tặc tính bình, đổ bồ hôi rất mau, trị mắt có màng, trị chứng tiện-huyết và lậu huyết.

草決明 Thảo quyết minh tính bình, trị rức đầu và đau mắt đỏ, tiêu màng mắt và khỏi đổ máu cam.

秦艽 Tần-giao tính bình, trị phong hàn tê thấp, gân xương đau đớn; bổ huyết dãn gân.

犀角 Tê-dác tính lạnh, trị nóng nẩy phát cuồng, trị rức dầu và thổ huyết, giải các thứ dộc, trị ung dọt, hóa mủ ra nước và trị trẻ con dậu dộc.

羚羊角 Linh-dương-dác tính lạnh, trị chứng thời khí nóng ở ngoài da, thanh phế nhiệt, chỉ huyết ly, trừ khi ngủ bóng đè.

龜板 Quy-bản tính lạnh, đại bổ âm huyết khỏe mạnh gân xương, trị bịnh đau lưng, và trẻ con không kín thóp.

鱉甲 Biết-giáp là mai ba-ba tính bình, trị xương nóng gầy gò chỉ bịnh sốt rét, phá bịnh hòn tiêu máu dọng.

海螵蛸 Hải-phiêu-tiêu hoặc gọi 烏賊骨 Ô-tặc-cốt là mai măm mực, tính bình, trị tai điếc mắt có màng và dọt ghẻ không có mủ tán bột rắc vào.

桑寄生 Tang ký-sinh là tầm-gửi cây giâu tính bình, trị chứng phong thấp rức xương, chỉ băng huyết, an thai và nhiều sữa.

火麻仁 Hỏa-ma-nhân tính bình nhuận đại-tràng táo kết, thông tiểu-tiện phá huyết tích dễ dẻ ra nhiều sữa

山豆根 Sơn-dậu-căn tính mát, trong cổ sưng đau dùng mà nhai rồi nuốt nước, trên dầu có vẩy trắng mài nước bôi vào.

益母草 Ích-mẫu-thảo tính ôn tiêu huyết dọng, sinh huyết mới, dàn bà có thai và sản hậu uống vào rất hay.

紫草 Tử thảo tính mát, thông các tia lỗ suốt trong lục phủ, tiêu bụng chướng dầy và lợi tiểu-tiện trị trẻ con dậu không mọc dược.

澤蘭 Trạch-lan là mần tưới tính ôn tiêu phù sũng, lợi tiểu tiện trừ huyết cũ sinh huyết mới, trị các bịnh dàn-bà.

皂角 Tạo-dác là quả bồ-kếp tính ôn, sao cháy tán bột thổi lỗ mũi dễ hắt hơi, hòa nước bôi khỏi sưng dau và cho thổ dàm ra rất mau

蕪荑 Vu-di tính bình, sát trùng, tiêu tích, trị đau bụng sôi bụng, trẻ-con cam tích ngoài bôi ghẻ lở

雷丸 Lôi-hoàn tính lạnh, sát trùng mạnh lắm, trị trẻ-con cam tích, nhiệt tích, phải tẩm nước cam-thảo một ngày rồi đun với rượu, sấy khô để mà dùng.

胡麻仁 Hồ-ma-nhân tính bình, bổ cả ngũ tạng, cứng gân khỏe xương, yên thần, bổ khí.

蒼耳子 Sương-nhĩ-tử là quả ké, tính ôn, trừ chứng phong thấp, trị bịnh ghẻ ngứa. (sao cháy, dâm bỏ gai, mà dùng)

青葙子 Thanh-tương tử là hạt mào gà dại, tính mát trừ buồng gan nóng, trị đau mắt đỏ, tiêu màng mộng

穀精草 Cốc-tinh-thảo tính bình, trị đau răng, màng mắt và chứng hầu-tý.

青蒿 Thanh-hao tính mát, trị xương nóng và chứng tả lỵ trị đổ bồ-hôi trộm rất hay.

茅根 Mao-căn tính bình, chỉ các chứng huyết trừ trong ruột nóng và lợi tiểu-tiện.

大薊 Đại-kế 小薊 Tiểu-kế tính bình, trị các bệnh huyết, tiêu huyết cũ, sinh huyết mới.

枇杷葉 Tỳ-bà-diệp tính bình, thanh buồng phổi, trị chứng ho lâu gần thành lao và chứng nôn mửa mãi không khỏi

胡桐淚 Hồ-đồng lệ đại hàn, trị đau răng và trong ngực bụng nóng nẩy.

射干 Sạ-can là củ lưỡi-đòng hoặc gọi cây rẻ quạt tính lạnh; tiêu vị ăn nóng, phá huyết, khỏi sưng đau, trừ mọc hạch và trị trong cổ đau ăn uống không được.

夏枯草 Hạ-khô-thảo là cây cải-rừng tính lạnh, trị chứng tràng-nhạc, chứng anh-lựu, mọc thịt ; phá bịnh hòn trong bụng, trị đau chân tê-thấp.

馬鞭草 Mã-tiên-thảo là cỏ roi-ngựa, tính mát, phá huyết thông kinh, trừ bịnh hòn, chứng mọc hạch đau và chứng âm sũng, dâm nhỏ dịt vào).

鶴虱 Hạc-sắt tính bình, trừ khí trệ và trẻ-con có bịnh giun cắn bụng đau, tán bột hòa nước thịt cho uống.

白頭翁 Bạch-đầu-ông tính ôn, chỉ đổ máu-cam và đi lỵ ra máu, trị bịnh sốt rét và chứng sán-khí, trị các đầu xương đau đớn.

旱蓮艸 Hạn-liên thảo hoặc gọi 鯉腸艸 Lý-tràng-thảo là lá nhọ-nồi tính bình, chỉ chứng huyết lỵ và dao đâm chẩy máu vắt nước bôi đầu cho tóc đen.

山慈菇 Sơn-từ cô có độc ít, trị chứng ung nhọt, bịnh tràng nhạc, trong uống ngoài bôi và da mặt đen sạm.

鈎藤 Câu-đằng tính mát, trị trẻ con mười hai thứ sài-kinh và khi nóng sốt rật mình.

豨薟草 Hy-thiêm-thảo là lá chó đẻ tính lạnh, trị chứng phong thấp chân tê, mạnh gân khỏe xương, đàn-bà dùng hay lắm

辛夷 Tân-di là búp da-lông trị đầu rức mặt sưng, trị da mặt đen, thông lỗ mũi hay ngạt.

側柏葉 Trắc bách-diệp tính ôn, chỉ các chứng huyết đầu không mọc tóc tán bột hòa dầu - vừng bôi.

椶櫚子 Tung-lư-tử là hột cây móc tính bình, chỉ các thứ bịnh huyết và trị đi tả.

淫羊藿 Dâm-dương -hoắc tính bình, bổ thận, trị chứng âm-nuy luyệt dương, cứng gân mạnh xương và thêm sức khỏe.

覆盆子 Phú-bồn-tử tính ôn, chỉ tiểu-tiện đi nhiều, bổ thận ích tinh, trị chứng đau mắt có màng.

合歡 Hợp-hoan tính bình, vui vẻ lòng người, yên trong ngũ tạng, sáng con mắt, bớt lo nghĩ.

金櫻子 Kim anh-tử tính bình bổ thận, trị chứng di-tinh, trị bịnh tả lỵ

密陀僧 Mật-sà-táng tính bình trị ghẻ lở và bịnh trĩ bịnh hôi nách, tán bột bôi vào.

伏龍肝 Phục-long-can là đất bụng dầu-dau tính ôn, trị chứng đau bụng nôn mửa và chỉ huyết; khi thiên thời đàn bà thai không yên

石灰 Thạch-hôi là vôi-bột tính ôn, bôi nhọt độc và dao đâm chẩy máu, hòa nước lấy nước trong rửa chứng thoát-sang và chứng âm-sũng; giải cả các thứ độc.

穿山甲 Suyên-sơn-giáp trị các chứng ung dọt, trong uống ngoài tán bột bôi và trị tà ma yêu quái.

蚯蚓 Khâu-dẫn hoặc gọi là:

土龍 Thổ-long là con giun tính mát, trừ nóng nẩy, trị chứng ngã-nước; cứt giun bôi mụn nhọt sưng nóng.

蜘蛛 Chi-thù là con rện tính mát, trị các chứng ung nhọt và chứng lòi tỳ, bịnh hôi-nách, (đốt ra than tán bột bôi vào).

蟾蜍 Thiềm-thừ hoặc gọi là:

蝦蟆 Lại hà-mô là con cóc tính mát, trị chứng ung thư nhọt độc mọc đằng lưng và trị trẻ-con bịnh cam. Gan cóc dâm nhỏ dịt dinh-râu rất hay.

刺蝟皮 Thích-vị-bì là da con rím tính bình, chỉ chứng nôn mửa, tiêu bụng đầy; khoan khoái trong bụng, trị chứng trĩ lậu chứng âm-sũng và kiêm chỉ huyết.

蛤蚧 Cáp-giới là con cặp-kè tính bình, dại bổ phế khí, trị chứng ho-lao; khỏi kéo hen và thông huyết mạch lợi tiểu-tiện.

螻蛄 Lâu-cô là con dế có hai tay bơi, trị chứng phù-sũng lợi tiểu-tiện và mũi gai dâm ở trong thịt, (dã nhỏ dịt vào thì gai ra).

蝸牛 Oa-ngưu là con ốc-sên, trị chứng thoát-giang, đốt cháy hòa mỡ lợn bôi và lấy nước bôi chỗ con rết cắn.

田螺 Điền-loa là con ốc-nhồi tính lạnh, trị chứng đau mắt đỏ, trừ trong bụng nóng nẩy lợi cả đại, tiểu-tiện.

水蛭 Thủy-diệt hoặc gọi là:

螞蟥 Mã-hoàng là con dỉa để hút ung nhọt. Lấy quản bút dựng vào rồi để trên miệng nhọt phải dùng dỉa-dói thì hút mới mạnh.

海粉 Hải-phấn là bọt bể tính mát, trị buồng phổi nóng tiêu dờm đặc; khỏi ho thở (Chim yến ngậm lên làm tổ gọi là yến sào không phải là rãi cọn chim yến dâu).

海石 Hải-thạch là đá bọt, trị chứng ho đờm nóng. Tán bột hòa mật-ong ngậm.

青礞石 Thanh-mông thạch tiêu đờm nóng và tiêu thực tích rất thần hiệu, (nung lửa nửa ngày để dùng).

磁石 Từ-thạch là đá nam-châm tính lạnh, chuyên hút sắt; trị bịnh tai điếc. bổ thận tráng dương, (nung lửa mà dùng).

花蕊石 Hoa-nhị thạch tính lạnh, trị dao đâm chảy máu; tán bột rắc vào, chỉ huyết rất hay và trị chứng sản-hậu huyết vựng

代赭石 Đại giả-thạch tính lạnh, trị các chứng huyết; trấn bịnh kinh trẻ-con và bịnh cam; đàn-bà có thai chớ dùng.

骨碎補 Cốt-toái-bổ tính ôn, hay phá huyết lại hay chỉ huyết, trị chứng rập gẫy; bổ thận, khỏi ù tai, đau răng.

茜根 Thuyến-căn tính lạnh, mát quả tim, buồng phổi, chỉ các bịnh huyết, trừ da vàng bủng, trị chứng tê thấp.

蓖麻子 Tỳ-ma-tử là hạt dầu dầu tía, hay hút khí độc rút ngòi đinh nhọt Bịnh thoát giang dịt trên đỉnh đầu thời thu lên, đàn-bà đẻ rau chậm ra dịt gan bàn chân thời ra.

蓽撥 Tất-bát là lá lốt tính ôn, hạ khí, tiêu đàm, trị chứng đau bụng đi tả; nút lỗ-mũi khỏi rức đầu.

百部 Bách-bộ tính bình, trừ buồng phổi nóng và xương nóng, khỏi ho hắng, sát trùng gội đầu thì không có chấy nữa.

京墨 Kinh-mặc là mực-tầu, chỉ các bịnh huyết và trị bịnh đau tim và sưng lưỡi.

女貞子 Nữ-trinh-tử tính bình, bổ âm huyết yên ngũ tạng, trừ gió máy khỏi các bịnh.

瓜帝 Qua-dế là cuống quả dưa tính hàn hay nôn mửa, trị bịnh động-kinh, chứng hầu-tý và đàm-tích, thực-tích ở trong ngực phải dùng để cho thổ ra.

罌粟殼 Cổ-túc-xác là vỏ quả thuốc-phiện tính ôn, trị chứng ho lâu và bịnh tả-ly đã lâu lại trị bịnh di-tinh;

巴豆 Ba-đậu tính nóng, mùi cay thông lợi đại-tiện, trừ trong dạ-dầy lạnh và tức đầy, phá bịnh hòn, thông kinh nguyệt (bọc giấy đập bỏ dầu mà dùng).

斑描 Ban-miêu là con sâu cây đậu-xanh có độc; phá huyết thông kinh, trị các sang độc, bịnh tràng-nhạc, trị lâm-bịnh di tiểu đau buốt.

胡黃連 Hồ hoàng-liên tính bình, bổ can, sáng mắt, trừ xương nóng, trị trẻ-con cam ly.

使君子 Sử-quân tử là quả-dun tính ôn, sát trùng, trị trẻ con bịnh cam; chỉ đi tả và tiểu-tiện trắng đục.

赤石脂 Xích-thạch-chi tính ôn, sáp tràng, chỉ đi ly và trị chứng di-tinh, trị dọt vỡ, hút mủ, mọc thịt.

青黛 Thanh-đại tính mát, giải buồng gan nóng, tiêu cơm, giải các thứ độc, trị trẻ-con bịnh cam.

白礬 Bạch phàn là phèn-chua, tính lạnh, giải nóng tiêu đàm và trị răng đau, thối tai, trong mũi mọc thịt.

五倍 Ngũ-bội tính bình, trị ghẻ lở, trẻ con cam răng, cam mũi, mắt đỏ, lở mồm trong uống ngoài bôi.

玄明粉 Huyền-minh-phấn tính lạnh phá kết, tiêu đàm, khoan khoái trong ngực, tiêu rơ bẩn trong ruột.

石斛 Thạch-hộc tính mát, trừ trong bụng nóng ngoài da nóng, trị hai chân tê-thấp.

牡蠣 Mẫu-lệ là vỏ con hầu tính mát, liễm bồ-hôi lại chỉ bịnh di-tinh và đàn-bà bịnh xích, bạch-đái.

川練子 Xuyên-luyện-tử tính mát, trị chứng thương hàn sốt rữ; trong bụng đau rữ và trị chứng sản-khí, lợi tiểu, sát trùng.

萆薢 Tỳ giải là củ kim-cương tính bình, trị bồ-dục lạnh, chứng dương-nuy di tiểu nhiều và trị chứng tê-thấp

龍骨 Long cốt tính bình, trị chứng tràng-ung, các dọt vỡ không thu miệng, trị bịnh di-tinh và chỉ huyết, chỉ hãn lại an hồn vía khỏi chiêm bao mơ màng.

血餘 Huyết-dư là tóc, chỉ các chứng huyết, đàn-bà sản hậu, chứng huyết vựng, trẻ con thai kinh nóng sốt.

楓香 Phong-hương tính bình, trị chứng ung dọt, ghẻ ngứa và trị đau răng.

檀香 Đàn-hương là trầm-bạch tính ôn, hòa tỳ vị, ăn ngon cơm khỏi đau bụng, trừ mùi hôi tanh.

安息香 An-tức hương tính bình, trừ tà sát quỉ, chỉ bịnh di-tinh, chiêm bao mơ màng.

蘇合香 Tô-hợp hương tính ôn, trị bịnh trúng phong, chứng khí-quyết, đàm-quyết, trừ ma quỉ nằm ngủ bóng đè

熊胆 Hùng-đảm là mật-gấu tính lạnh, thông kinh tán huyết, trừ màng mắt, bôi dọt độc ; khỏi chứng da vàng, trị trẻ-con kinh phong và khi ngã đánh máu tụ lại.

硼砂 Bằng-sa tính nóng, phá huyết, tiêu đàm, trừ các ung dọt, thối thịt ; hóc xương ngậm nuốt thời khỏi.

硃砂 Chu-sa tính mát, thanh quả tim nhuận buồng phổi, yên thần hồn, trừ tà khí giải lên đậu độc.

硫黃 Lưu-hoàng tính nóng có độc sát dọt ghẻ có trùng, bổ thận hỏa, tráng dương khí, trừ lãnh khí.

龍腦 Long-não tính ôn, trị đau mắt và chứng hầu-tý trừ phong, tiêu đàm.

蘆薈 Lô-hội gọi là mật-voi tính lạnh, trị trẻ-con bịnh cam và chứng kinh-dản và trị sâu răng ngứa mũi.

天竺黃 Thiên-chúc-hoàng là phấn-nứa tính bình, trị chứng phong nhiệt, mát quả tim, sáng con mắt, trị trẻ con sài kinh.

麝香 Sạ-hương tính ôn, sát trùng, trừ khí độc, thông các tia lỗ vào trong xương tỷ, thôi sinh, trụy thai rất mạnh.

乳香 Nhũ-hương tính ôn, trị các chứng ung dọt, khỏi sưng đau, trị chứng đau bụng ; sao với bấc nghiền nhỏ dùng.

没藥 Một-dược tính bình, trị các chứng ung nhọt, tán huyết khỏi đau và trị khi bị ngã bị đánh hay dao đâm, sao với bấc nghiền nhỏ dùng.

阿魏 A-ùy tính ôn, sát trùng tiêu cơm thịt, phá bịnh hòn, trừ ma quỉ.

水銀 Thủy-ngân tính lạnh, trị ghẻ ngứa, sát trùng và trị bịnh tiêm-la.

輕粉 Khinh-phấn tính lạnh, có độc sát trùng, ghẻ lở, nghiền nhỏ bôi vào, lại bôi bịnh tràng-nhạc và bịnh mũi đỏ.

靈砂 Linh-sa hoặc gọi là 靈丹 Linh-đan tính ôn, trị trong ngũ tạng lạnh lẽo, yên thần hồn, thông mạch máu thêm sức khỏe.

砒霜 Phê-sương là thạch-tín hoặc gọi là nhân ngôn rất độc lắm trị ung nhọt độc, tràng-nhạc, hòa thuốc để bôi. Luyện cứt giun nung đỏ cho hết khói, trị chứng kéo hen và mọc nhiều dọt.

雄黃 Hùng hoàng tính bình trừ tà giải độc, trị ghẻ lở sát trùng.

珍珠 Trân-châu tính mát, trị đau mắt có màng, nút lỗ tai khỏi điếc, trị trẻ-con sài kinh, nóng sốt.

牛黃 Ngưu-hoàng tính mát trị chứng trúng phong đờm tắc cổ và trị trẻ-con ho đờm sốt nóng.

琥珀 Hổ-phách tính bình, yên hồn vía trừ tron bụng tích tụ; thông lợi tiểu-tiện rất mạnh.

血竭 Huyết-kiệt tính bình, trị chứng ung dọt, thu miệng lại, mọc thịt ra, trị ngã đánh tán huyết khỏi đau, trị đàn-bà chứng bạch-đái.

石鍾乳 Thạch-trung-nhũ tính ôn, bổ phế, khỏi ho và bổ thận ra nhiều sữa

陽起石 Dương-khởi-thạch tính ôn, trị đàn-ông chứng âm nuy, luyệt dương rất hay; Đàn bà ấm áp trong dạ-con.

蒲公英 Bồ-công-anh tính bình trị vú mọc dọt và lên đinh sưng đau; trị mũi gai đâm vào ở trong thịt, vắt nước bôi vào.

扁蓄 Biển-súc là thài lài, trị ghẻ mủ bịnh trĩ, trẻ-con giun cắn trong bụng; đàn-bà chứng âm sang.

鷄內金 Kê-nội-kim là da vàng trong mề-gà tính mát, trị chứng di-tinh và vãi đái, chỉ chứng băng-lậu, trừ nóng nẩy, chỉ đi ly.

蓮藕 Liên-ngẫu là ngó-sen tính mát, trừ nón giải khát, chỉ thổ huyết, ho ra huyết; vắt lấy nước uống, nấu chín bổ tỳ tiêu cơm.

乾柿 Can-thị là hồng-tầu tính bình, nhuận tim, mát phổi khỏi ho, tiêu đờm, bổ tỳ vị.

石榴皮 Thạch-lựu-bì là vỏ quả lựu tính bình, xáp tràng chỉ bịnh ly và chỉ lậu tinh lại trị gân co chân đau.

陳米 Trần-mễ là gạo để lâu năm tính bình, hòa tỳ vị chóng tiêu hóa, giải nóng khỏi khát, chỉ tả lỵ; (sao cháy dùng).

羅蔔子 La-bặc-tử là hột lú-bú tính ôn, thồ phong đàm khỏi ho thở, trừ tức đầy, lợi đại tiểu-tiện.

萊菔根 La-bặc-căn là củ cải tính bình, hoan-khoái trong bụng, nhuận buồng phổi, hóa đàm, tiêu cơm, chỉ ho ra máu.

蔴油 Ma-du hoặc gọi là 香油 Hương du tính mát, giải nóng trừ độc, trừ đau cổ thông lợi đại-tràng.

白果 Bạch-quả tức là vị 銀杏 Ngân-hạnh tính lạnh, mát buồng phổi tiêu đờm khỏi ho, yên thở kéo hen.

胡桃 Hồ-đào tính ôn, bổ phế khỏi ho hắng, bổ thận, khỏi đau lưng, đen râu tóc.

榧子 Phỉ tử tính bình, trừ các bịnh trĩ, trị bụng có sán hóa ra nước và tiêu cơm ăn được nhiều

竹茹 Trúc như là tinh tre tính mát, chỉ nôn mửa và chỉ bịnh huyết, yên buồn bã, không ngủ được.

竹葉 Trúc-diệp tính bình, trừ nóng giải khát, khỏi ho, tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

竹瀝 Trúc-lịch là nước măng-vòi tính mát, bổ âm khỏi khát giải nóng, tiêu đàm trị trẻ con nóng sốt nhiều đờm.

燈心 Đăng-tâm là bấc tính lạnh, mát quả tim, lợi tiểu-tiện, nhai nhỏ dịt đứt tay, đốt ra than thổi chứng đau cổ.

艾葉 Ngải-diệp là lá ngải-cứu tính nóng trị trong bụng đau lạnh, đau hoắc-loạn, chỉ băng huyết, lậu huyết, an thai, ấm dạ-con.

綠荳 Lục-đậu là đậu-xanh tính mát, giải các thứ độc, trừ nóng, khỏi khát, nghiền sống hòa nước uống, trị đau bụng nhiệt, lợi tiểu-tiện.

川椒 Xuyên-tiêu là hột đăng-cay, tính nóng, trị đau răng đau mắt, trong bụng đau lạnh, trị trẻ-con bụng có giun.

胡椒 Hồ-tiêu tính nóng, trừ dạ-dầy lạnh ngực bụng đau lạnh nóng trong ngũ tạng tiêu cơm hóa đờm, chớ nên ăn nhiều.

蜂蜜 Phong-mật là mật-ong tính bình, bổ tỳ nhuận phế, trừ nóng, khỏi khát, trị các bịnh trong mồm lưỡi giải các thứ độc, nhuận đại-tràng, trị bỏng nước bỏng lửa.

馬齒莧 Mã-sỉ-nghiễn là rau-sam tính lạnh, giải khát lợi tiểu, dịt chứng ung dọt.

葱白 Thông-bạch là củ hành tính bình, trị chứng thương phong rức đầu phát sốt, ra được bồ-hôi, dịt dọt sưng đau.

胡荽 Hồ-tuy là hột-mùi tính ôn, khỏi rức đầu, tiêu cơm rượu, nhai nhỏ phun trẻ-con cho mọc đậu được tốt.

韭菜 Cửu-thái là lá hẹ tính nóng, ấm trong bụng, trừ đau bụng lạnh, vắt nước uống tiêu máu đọng.

韭子 Cửu-tử là hột-hẹ, trị bịnh di-tinh.

大蒜 Đại-toán là củ-tỏi tính ôn, tiêu ung dọt, giải bịnh trúng thử, tiêu ăn cá thịt, chỉ chứng hoắc loạn, trừ sơn lam chướng khí.

食鹽 Thực-diêm là muối tính bình, hay nôn đờm ra hay mềm chỗ sưng rắn, bền răng sáng mắt.

茶茗 Trà-dính là chè.

烏龍 Ô-loug tính bình.

蓮心 Liên-tâm tính lạnh, điều hay mát quả tim, tỉnh con mắt, nhuận buồng phổi tiêu đàm lợi tiểu-tiện.

松圓 Tòng-viên là chè-hột tính bình Lá chè tươi tính mát.

漫後 Mạn-hậu là chè mạn-hảo tính ôn, tiêu cơm, trừ đầy bụng ráo huyết, chỉ tả.

酒 Tửu là rượu tính hay bốc nóng, có độc, hành khí, tán huyết, uống ít tiêu cơm, uống nhiều sinh bịnh.

醋 Thố là giấm-thanh tiêu sưng sũng, phá bịnh bòn cục đàn bà sản-hậu, chứng huyết vựng, tưới vào than lửa xông lấy khói.

淡荳豉 Đạm-dậu-sị tính mát trị chứng thương-hàn rức dầu phát sốt, trị trong lòng phiền não. Bã đậu dịt ung dọt sưng đau.

童便 Đồng-tiện là nước tiểu trẻ con tính lạnh, giáng hỏa rất mau, trị chứng thổ-huyết, nục-huyết, và trị ngã dánh, trị đàn-bà sản hậu hay tiêu ứ huyết.

枳椇子 Chỉ-cụ-tử tính bình vị ngọt, giải độc rượu, (các nhà nấu rượu, vườn có cây ấy, thì rượu nhạt).

三七 Củ-tam-thất khí lạnh, vị đắng, tán huyết hóa ra nước, gái đẻ thì uống, dánh đâm chẩy máu thì bôi dịt.

虎骨 Hổ-cốt tính ôn, trừ chứng phong thấp thần hiệu và mạnh gân khỏe xương.

白前 Bạch-tiền tính bình, bổ phế, trị ho lâu, tiêu đàm khỏi thở.

葛花 Cát-hoa và 豆花 Đậu-hoa hai vị liền lẫn uống một thìa bao nhiêu rượu cũng không say.

蠐螬 Tề-tào là con sâu-giâu, dựa nó chấm khỏi màng mắt mũi gai dâm mắc ở trong thịt, dâm nó dịt vào thì hút ra được.

椰菓 Gia-quả là quả dừa, nước dừa giải khát, cùi dừa bổ tỳ, dầu dừa bôi tóc.

萱花 Huyên-hoa là hoa-hiên vị ngọt, nhẹ mình sáng mắt vui vẻ khỏi phiền, mát mẻ khỏi nóng

蚕蛾 Tàm-nga con ngài, trị bịnh di-tinh, nón quả bồ-dục, tráng dương thần hiệu.

活鹿草 Hoạt-lộc-thảo là cây xương-xông xát ghẻ trừ dộc, bột nó trừ giun cẩn trong bụng.

蘆甘石 Lô-cam-thạch trị các thứ đau mắt, (nung đỏ tui dồng-tiện bẩy bận tán bột dùng).

飴糖 Gi dường là kẹo mạch-nha tính ôn, bổ phế khí, hòa tỳ-vị tiêu đàm khỏi ho.

甘蔗 Cam-giá là cây mía tính bình, nhuận phế tiêu đàm, điều hòa tỳ vị.

冬瓜 Đông-qua là quả bi-dao tính mát trừ nóng nẩy lợi tiểu-tiện, người nào ốm dã lâu chớ dùng.

竹 笋 Trúc-duẩn là mang-tre, lợi tiểu-tiện mang-khô thời trệ tỳ, trong bụng có bịnh hòn và chứng đau chân không nên ăn.

荔 枝 Lệ-chi là quả vải tính bình sinh tân-dịch kiện tỳ vị hột vải trị bịnh sán - khí

栗 子 Lật-tử là hột dẻ tính ôn, bổ thận trị đau lưng dầu gối mỏi, cứng gân khỏe xương.

橄 欖 Cảm-lãm là quả chám tiêu cơm dã rượu khỏi hóc xương cá, nhà -chám bôi mỏi nẻ.

菱 角 Lăng-dác là củ ấu tính mát không bổ ích gì, tổn dương hại âm bụng dầy hóa ly.

榠 樝 Quân-tiên là quả hồng đỏ tính mát dã rượu và khỏi khát.

梨 果 Lê-quả tính mát rã rượu khỏi khát, tiêu đàm khỏi ho, lại trừ nóng nẩy.

猪 肉 Chư nhục là thịt lợn tính bình, bốn móng-giò rất bổ, ruột-lợn lâu tiêu, thủ-lợn có độc.

水 牛 肉 Thủy-ngưu-nhục là thịt trâu tính mát, bổ tỳ lợi tiểu.

黃 牛 肉 Hoang-ngưu-nhục là thịt bò tính nóng, ôn tỳ vị, những người tính nóng bịnh nóng chớ dùng.

羊 肉 Dương-nhục thịt dê nóng lắm, đại bổ dương khí mạnh gân khỏe xương những người yếu đuối nên dùng.

狗 肉 Cẩu-nhục là thịt chó có độc, tính nóng bổ dương, những người âm hư và đàn-bà có mang phải kiêng.

熊 掌 Hùng-chưởng là bàn-tay con gấu rất là vị ngon, không sợ gió máy, mật-gấu tán huyết bị ngã bị đòn uống thực hay.

鹿 肉 Lộc-nhục là thịt hươu tính nóng, bổ các bịnh hư. tiết hươu trị chứng phế-ung và trị bịnh âm-nuy dương tuyệt.

兔 肉 Thỏ-nhục là thịt thỏ tính bình, nhạt nhẽo chẳng bổ ích gì, hại dương tổn khí, hóa vàng da hại tinh thần.

香 狸 Hương-ly là cầy-hương thịt ăn ngon lắm, dưới rốn thịt thơm gọi là xạ-nam.

狐肉 Hồ-nhục là thịt cáo, bổ các bịnh hư, những chứng hay quên và sợ hãi, bịnh ghẻ lở; thịt ăn rất ngon khỏi cả các bịnh

雞肉 Kê nhục là thịt gà tính ôn, bổ khí, những bịnh nóng phải kiêng. thịt gà già rất độc.

雞卵 Kê-noãn là trứng-gà tính ôn, lòng-đỏ bổ khí huyết lòng trắng thì mát, hay tiêu nóng nẩy.

鵝肉 Nga-nhục là thịt ngỗng tính mát, nóng nẩy nên ăn, ngỗng trắng ngỗng xanh đều có độc cả; người yếu phải kiêng.

鴨肉 Áp-nhục là thịt vịt tính lạnh bình, bổ lợi tiểu chứng hàn thấp không nên ăn, trứng-vịt thời lạnh

斑鳩 Ban-cưu là chim gáy, bổ âm bổ dương, những người gầy gò yếu đuối nên ăn.

白鴿 Bạch-cáp là chim bồ câu trắng tính bình, bổ tinh khí, giải các thứ độc, bịnh ghẻ lở nên dùng.

竹雞 Trúc-kê là gà-ác, thịt lành không độc, bổ các bịnh hư đàn-bà nên dùng.

雀肉 Tước-nhục là thịt chim sẻ tính ôn, đại bổ dương khí, cứt chim sẻ gọi là bạch-đinh-hương; trị mắt có màng trị chứng ung dọt

鯉魚 Lý ngư là cá chép tính bình. an thai tiêu sũng, những chứng ho thở bịnh dọt ghẻ không nên ăn.

鱧魚 Lễ ngư là cá chuối có độc, người có bịnh phải kiêng, mật nó trị chứng hầu-tý đau cổ.

鯽魚 Tức-ngư là cá riếc bổ tỳ; (nhồi phèn vào bụng nó đốt ra than trị chứng tiện-huyết).

鯖魚 Thanh-ngư là cá chầm tính bình, ngon lành không độc, bổ tâm trừ thấp tạng nóng nên dùng.

鰱魚 Liên-ngư là cá mè tính bình bổ tỳ vị hòa khí huyết; cá tươi thực ngon.

鱖魚 Quý-ngư là cá rô rất lành không độc, có phần bổ ích cho người yếu đuối. mật cá rô trị bịnh hóc xương; nấu rượu cho uống nôn ra khỏi ngay.

鮎 魚 Niêm-ngư là cá nheo tính lành không độc, lợi tiều-tiện.

魴 魚 Phương-ngư là cá vền, tính lành không độc, hòa tỳ vị, tiêu cơm.

鰷 魚 Điêu-ngư là cá dầu tính bình không độc.

比 目 魚 Tỳ-mục-ngư là cá lờn-bơn tính lành, bình, bổ.

鱭 魚 Tề-ngư là cá lành-canh, tuy rằng sạch sẽ không bổ ích gì.

鰕 Hà là con tôm có độc ít chứng phong thấp, bịnh ho phải kiêng.

田 雞 Điền-kê là con ếch, hoặc gọi gà-đồng, nấu ăn rất ngon; người có bịnh phải kiêng.

善 鳴 Thiện minh là con chẫu tính mát mà lành, và giải nhiệt.

田 蟹 Điền-hãi là cua đồng, giải uất kết thông mạch máu (gạch cua hòa vào sơn sống hóa ra nước).

海 蟹 Hải-hãi là cua bề tính lạnh, hay động thấp khí người máu lạnh phải kiêng.

黄 鱔 Hoàng-thiện là con lươn tính lạnh, bổ âm, người tạng hàn chớ dùng.

蚌 蛤 Bạng-cáp là con trai tính mát, trừ phiền tiêu nóng.

蚶 蛝 Cam-ngõa là con sò tính ôn, bổ khí huyết, kiện tỳ vị tiêu cơm.

臟 腑 要 藥

131. — Tạng-phủ-yèu-dược

心 部

Tâm - bộ

補 心

Bổ tâm

棗仁 遠志 丹參 龍眼 當歸 茯神 麥門 五味

Táo-nhân, Viễn-chí, Đan-sâm, Long-nhãn, Đương-quy, Phục-thần, Mạch-môn, Ngũ vị.

瀉 心

Tả tâm

黃連 苦參 木通 犀角 菖蒲 梔子 車前 連翹

Hoàng-liên, Khổ-sâm, Mộc-thông, Tê-dác, Sương-bồ, Chi-tử, Xa-tiền Liên-kiều

溫 心

Ôn tâm

肉桂 吳茱 藿香 蘇子

Nhục-quế, Ngô-thù, Hoắc-hương, Tô-tử.

凉 心

Lương tâm

生地 白芍 燈心 牛黃 竹葉 通草 蓮子心 竹捲心

Sinh-địa, Bạc thược Đăng-tâm Ngưu-hoàng, Trúc-diệp, Thông-thảo Liên-tử-tâm, Trúc-quyền-tâm

肝 部

Can - bộ

補 肝

Bổ can

當歸 生地 山茱 瓜 杞子 五味 烏梅

兎絲 白芍 川芎 鱉甲 龍骨 何首烏

Dương-quy, Sinh-địa, Sơn-thù, Mộc-qua, Khởi-tử, Ngũ-vị, Ô-mai, Thỏ-ty, Bạch-thược, Xuyên-khung, Biết-giáp, Long-cốt Hà-thủ-ô.

瀉肝
Tả can

青皮 白芍 柴胡 前胡 青黛 鬱金 川楝子 白蒺藜
桃仁 莪朮 沉香 梔子 赤芍 鈎藤 玄胡索

Thanh bì, Bạch-thược, Sài-hồ, Tiền-hồ, Thanh-đại, Uất-kim, Xuyên luyện tử, Bạch tật-lê, Đào-nhân, Nga-truật, Trầm-hương, Chi-tử, Xích-thược, Câu-đằng, Huyền-hồ-sách.

溫肝
Ôn can

木香 肉桂 陳皮 檳榔 吳茱 蓽茇 肉豆蔻
細辛 胡椒 艾葉 香附 骨碎 小茴

Mộc-hương, Nhục-quế, Trần-bì, [illegible]inh-lang Ngô-thù Tất-bát, Nhục-đậu khấu, Tế-tân, Hồ-tiêu Ngải-diệp Hương-phụ, Cốt-toái Tiểu hồi.

涼肝
Lương can

胡黃連 龍胆 菊花 夏枯艸 石决明
艸决明 青蒿 車前

Hồ-hoàng liên, Long-đảm, Cúc-hoa Hạ-khô-thảo, Thạch-quyết minh, Thảo-quyết minh, Thanh-hao, Xa-tiền.

脾部
Tỳ - bộ

補脾
Bổ tỳ

白朮 黃精 淮山 扁荳 薏苡 大棗
甘草 芡實 人參 黃芪 茯苓 蓮肉

Bạch-truật Hoàng tinh Hoài-sơn, Biển-đậu, Ý-dĩ, Đại-tảo, Cam-thảo, Khiếm-thực, Nhân-sâm Hoàng-kỳ, Phục-linh, Liên-nhục.

瀉脾
Tả tỳ

大黄　枳實　蘿蔔　山查　麥芽　枳殼
腹皮　使君　白芷　陳皮　檳榔

Dại-hoàng, Chỉ thực, La-bặc, Sơn-tra Mạch-nha, Chỉ-xác, Phúc-bì, Sử-quân, Bạch-chỉ, Trần-bì, Binh-lang.

溫脾
Ôn tỳ

製附　乾姜　草菓　蒼朮　胡椒　木香　煨薑　白豆蔻
藿香　益智　砂仁　川椒　蕪荑　神曲　厚樸

Chế-phụ, Can-khương, Thảo quả, Xương-truật Hồ-tiêu, Mộc-hương Ổi-khương Bạch-đậu-khấu, Hoắc-hương, Ích-tri, Sa-nhân, Xuyên-tiêu Vu-di Thần-khúc, Hậu-phác.

涼脾
Lương tỳ

黄芩　黄伯　梔子　知母　金銀　連翹　白芍　滑石

Hoàng-cầm Hoàng-bá Chi-tử, Tri-mẫu, Kim-ngân Liên-kiều, Bạch-thược, Hoạt-thạch.

肺部
Phế bộ

補肺
Bổ phế

沙参　百合　黄芪　阿膠　麥門　五味　訶子　蛤蚧

Sa-sâm, Bách hợp, Hoàng-kỳ, A-dao, Mạch môn, Ngũ-vị, Kha-tử, Cáp dới.

瀉肺
Tả phế

葶藶　桔梗　蘇子　牛蒡　杏仁　前胡
升麻　貝母　竹茹　桑皮　白芥子

Đình-lịch, Kết-cánh, Tô-tử, Ngưu-bàng. Hạnh-nhân, Tiền-hồ, Thăng-ma, Bối-mẫu, Trúc-nhự, Tang-bì Bạch-giới-tử.

溫肺
Ôn phế

蘇梗 生姜 乾姜 肉桂 白豆蔻 欵冬花

Tô-ngạnh, Sinh khương, Can-khương, Nhục-quế, Bạch-đậu-khấu, Khoản-đông-hoa.

凉肺
Lương phế

石羔 黄芩 竹瀝 知母 花粉 天門
玄参 梔子 蒲荷 海石 地骨皮

Thạch-cao, Hoàng-cầm, Trúc-lịch, Tri-mẫu, Hoa-phấn, Thiên-môn, Huyền-sâm, Chi-tử, Bạc hà, Hải-thạch, Địa-cốt-bì.

腎部
Thận - bộ

補腎
Bổ thận

熟地 杞子 巴戟 杜仲 龜板 女貞 海参 何首烏
鹿茸 麋茸 鹿膠 牛必 續斷 虎骨 麋膠 骨碎補

Thục-địa, Khởi-tử, Ba-kích, Đỗ-trọng, Quy-bản, Nữ-trinh, Hải-sâm, Hà-thủ-ô, Lộc nhung, Mi-nhung, Lộc dao, Ngưu-tất Tục-đoạn Hổ-cốt, Mi-dao, Cốt-toái-bổ.

瀉腎
Tả thận

猪苓 澤左 知母 黄伯 白苓 赤苓

Chư-linh, Trạch-tả, Tri-mẫu, Hoang-bá, Bạch-linh, Xích-linh.

温腎
Ôn thận

破故 兎絲 小茴 艾葉 沈香 製附 肉桂 烏藥

Phá-cố, Thỏ-ty, Tiểu-hồi, Ngải-diệp, Trầm-hương, Chế-phụ, Nhục quế, Ô-dược.

凉腎
Lương thận

樸硝 苦參 生地 牡丹 地骨 玄參 知母 玄明粉

Phác-tiêu, Khổ-sâm, Sinh địa, Mẫu-đơn, Địa-cốt Huyền-sâm, Tri-mẫu, Huyền-minh phấn

---

胃部
Vị-bộ

補胃
Bổ vị

人參 白朮 黄芪 紅棗 大棗 扁豆 淮山 炙草 龍眼 芡實 蓮肉 山査 麥芽 神曲 百合 陳皮

Nhân-sâm, Bạch-truật, Hoàng-kỳ Hồng-tảo, Đại-tảo, Biển-đậu, Hoài-sơn, Chích thảo Long-nhãn, Khiếm-thực, Liên-nhục, Sơn-tra, Mạch-nha, Thần-khúc, Bách-hợp, Trần-bì

瀉胃
Tả vị

大黄 芒硝 巴荳 枳實 枳壳 白芥子 羅蔔子 蘇梗

Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-đậu Chỉ-thực, Chỉ-xác, Bạch-dới-tử La-bặc-tử, Tô-ngạnh.

温胃
Ôn vị

丁香 豆蔻 香附 煨姜 木香 藿香 厚樸 益智 吳茱 乾姜 艸果 胡椒 川椒 良姜 砂仁 烏藥

Dinh-hương, Đậu khấu, Hương-phụ Ổi-khương, Mộc-hương, Hoắc-hương, Hậu-phác, Ích-trí Ngô-thù, Can-khương, Thảo-quả Hồ-tiêu, Xuyên-tiêu, Lương-khương, Sa-nhân, Ô-dược.

凉胃
Lương vị

石羔 葛根 犀角 石斛 連翹 萆薢 花粉 知母 竹葉 滑石 黄芩 梔子 茅根 升麻

Thạch-cao, Cát-căn, Tê-dác, Thạch-hộc, Liên-kiều Tỳ-dải, Hoa-phấn, Tri-mẫu, Trúc-diệp, Hoạt-thạch, Hoàng-cầm, Chi-tử, Mao-căn, Thăng-ma.

胆部
Đảm - bộ

補胆
Bổ đảm

烏梅 棗仁 龍胆 木通 胡黄連
Ô-mai, Tảo-nhân, Long-đảm, Mộc-thông Hồ-hoàng-liên

瀉胆
Tả đảm

青皮 香附 柴胡 秦艽 桔梗 川芎
Thanh-bì, Hương-phụ, Sài-hồ, Tần-dao, Kết-cánh Xuyên-khung.

温胆
Ôn đảm

陳皮 生姜 肉桂 山茱 細辛 川芎
Trần-bì, Sinh-khương, Nhục-quế Sơn-thù, Tế-tân, Xuyên-khung.

凉胆
Lương đảm

竹茹 黄連 青蒿 槐實
Trúc-nhự, Hoàng-liên, Thanh-hao, Hòe-thực.

心胞絡
Tâm - bào - lạc

補胞絡
Bổ bào - lạc

人参 黄芪 肉桂 蓯蓉 兎絲 破故 沉香
Nhân sâm, Hoàng-kỳ, Nhục quế, Thong dong, Thỏ-ty, Phá-cố, Trầm-hương.

瀉胞絡
Tả bào - lạc

大黄 芒硝 只殼 梔子 黄伯 烏藥
Đại-hoàng, Mang-tiêu, Chỉ xác, Chi-tử, Hoàng-bá, Ô-dược

溫胞絡
Ôn bào-lạc

製附 乾薑 川芎 益智 豆蔻 小茴
Chế phụ, Can-khương, Xuyên khung, Ích-trí, Đậu-khấu, Tiểu-hồi.

凉胞絡
Lương bào-lạc

黄芩 知母 黄連 梔子 石羔 滑石
Hoàng-cầm, Tri-mẫu, Hoàng-liên, Chi-tử, Thạch-cao, Hoạt-thạch.

命門
Mạnh-môn

補命門
Bổ mạnh-môn

肉桂 製附 沉香 硫黄 蓯蓉 黄芪 胡蘆巴
Nhục-quế, Chế-phụ, Trầm-hương, Lưu-hoàng, Thong-dong, Hoàng-kỳ, Hồ-lô-ba.

瀉命門
Tả mạnh-môn

知母 黄伯 大黄 只殼
Tri-mẫu, Hoàng-bá, Đại-hoàng, Chỉ-xác.

溫命門
Ôn mạnh-môn

川芎 破故 膃肭臍
Xuyên-khung, Phá-cố, Ột-nột-tề.

凉命門
Lương mạnh-môn

黄連 梔子 黄伯 石羔
Hoàng-liên, Chi-tử, Hoàng-bá, Thạch-cao.

三焦
Tam-tiêu

補三焦
Bổ tam-tiêu

淫羊藿 Dâm dương-hoắc, 黄芪 Hoàng-kỳ.

瀉三焦
Tả tam-tiêu

青皮 木香 柴胡 香附
Thanh-bì, Mộc-hương, Sài-hồ, Hương-phụ.

溫三焦
Ôn tam-tiêu

烏藥 胡桃 白豆蔻 肉豆蔻
Ô-dược, Hồ-đào, Bạch-đậu-khấu, Nhục-đậu-khấu.

涼三焦
Lương tam-tiêu

梔子 麥門 黃伯 地骨 青蒿 連翹
Chi-tử, Mạch-môn, Hoàng-bá, Địa-cốt, Thanh-hao, Liên-kiều.

小腸
Tiểu-tràng

補小腸
Bổ tiểu-tràng

沉香 肉桂 生地 牡蠣 石斛 草稍
Trầm-hương, Nhục-quế Sinh-địa Mẫu-lệ, Thạch-hộc, Thảo-sao.

瀉小腸
Tả tiểu-tràng

木通 荔核 川練 赤芍 燈心 蘇葉 赤苓
Mộc-thông, Lệ-hạch, Xuyên-luyện, Xích-thược, Đăng-tâm, Tô diệp, Xích-linh.

溫小腸
Ôn tiểu-tràng

巴戟 烏藥 大茴 小茴
Ba-kích, Ô-dược, Đại-hồi, Tiểu-hồi.

涼小腸
Lương tiểu-tràng

通草 花粉 黃芩 茅根
Thông-thảo, Hoa-phấn, Hoàng-cầm, Mao căn.

膀胱
Bàng-quang

補膀胱
Bổ bàng-quang

益智 橘核 昌蒲 龍骨 續斷
Ích trí, Quất-hạch, Xương-bồ, Long-cốt, Tục-đoạn.

瀉 膀 胱

Tả bàng-quang

防已 木通 豬苓 澤左 姜活 防風 葶藶 蒲黃

Phòng-kỷ, Mộc-thông Chư-linh, Trạch tả, Khương-hoạt, Phòng-phong, Đình-lịch, Bồ-hoàng.

溫 膀 胱

Ôn bàng-quang

吳茱 小回 沈香 肉桂 烏藥 製附

Ngô thù Tiểu-hồi, Trầm-hương, Nhục-quế, Ô-dược, Chế-phụ.

涼 膀 胱

Lương bàng-quang

黃伯 梔子 車前 艸稍 茵陳 竜胆

Hoàng-bá Chi-tử, Xa-tiền, Thảo sao. Nhân-trần, Long-đảm.

大 腸

Đại - tràng

補 大 腸

Bổ đại - tràng

粟殼 訶子 百合 五倍 蓮肉 荳蔻

Túc-xác, Kha-tử, Bách hợp. Ngũ bội, Liên-nhục, Đậu-khấu

瀉 大 腸

Tả đại - tràng

大黃 芒硝 巴豆 桃仁 石斛 黑丑
枳殼 腹皮 檳榔 白芷

Đại-hoàng, Mang-tiêu, Ba-đậu, Đào-nhân, Thạch-hộc, Hắc-sửu, Chỉ-xác, Phúc-bì, Binh-lang, Bạch-chỉ

溫 大 腸

Ôn đại - tràng

胡椒 吳茱 破故 乾姜 杞子 肉桂 當歸 木香

Hồ-tiêu, Ngô thù, Phá-cố, Can-khương, Khởi-tử, Nhục-quế, Đương-quy, Mộc-hương

涼 大 腸

Lương đại - tràng

黃芩 玄参 黃伯 地榆 槐花 知母 花粉 連翹

Hoàng-cầm, Huyền-sâm, Hoàng-bá, Địa-du, Hòe-hoa, Tri-mẫu, Hoa-phấn, Liên-kiều.

南 藥

132. — Nam dược

烏臼木 Ô-cữu-mộc là cây sòi.

旱蓮 Hạn-liên, 鯉腸艸 Lý tràng-thảo cũng là lá nhọ nồi

南烏藥 Nam-ô dược là cây tầm-xọng.

南木香 Nam-mộc hương là vỏ-rụt

夏枯草 Hạ-khô-thảo là cây cải rừng

截路草 Tiệt lộ-thảo là giây sột-sạt.

鷄腸草 Kê-tràng-thảo, 鳳凰腸 Phượng-hoàng-tràng đều là giây ruột-gà.

鳳凰巢 Phượng-hoàng-xào là vỏ trứng-gà ấp.

鳳凰衣 Phượng-hoàng-y là mạng vỏ trứng-gà ấp

紫棕竹 Tử-tông-trúc là cây huyết dụ.

游龍菜 Du-long-thái là rau dừa mọc dưới nước

南牛膝 Nam-ngưu-tất là rễ cỏ sước.

南生地 Nam-sinh-địa là củ mồng-tơi

鳳仙花 Phượng-tiên-hoa là hoa móng-nước

急性子 Cấp-tính-tử là hột móng-nước.

地菘 Địa-tòng, 天名精 Thiên-danh-tinh 活鹿草 Hoạt-lộc-thảo đều là cây xương-xông.

石胡荽 Thạch-hồ-tuy là lá cóc-mẳn.

南柴胡 Nam-sài-hồ là rễ cúc-tần.

白童男 Bạch-đồng-nam là cây mẫn-trắng.

赤童女 Xích-đồng-nữ là cây mẫn đỏ.

胡荽 Hồ-tuy là rau mùi.

小茴 Tiểu-hồi là hột thì-là.

三柰 Tam nại là củ địa-liền.

木鱉子 Mộc-biết-tử là hột-gấc.

兔絲 Thỏ-ty là giây tơ-hồng.

防已 Phòng-kỷ là rễ-gấc.

棕竹 Tông-trúc là cây lụi.

椶櫚子 Tông-lư-tử là hột cây móc.

蒲黃 Bồ-hoàng là cỏ-nến.

山茯根 Sơn-phục-căn là củ dây-sơn-thục

千年健 Thiên-niên-kiện là rễ củ sơn-thục.

白粉藤 Bạch-phấn-đằng là dây thìa-vôi.

蒼耳子 Xương-nhĩ-tử là quả ké

王不留行 Vương-bất-lưu-hành là cây ké.

地梧桐 Địa-ngô-đồng 臭梧桐 Sú-ngô-đồng, 木芙蓉 Mộc-phù-dung cùng là cây phù-dung.

豨薟草 Hy-thiêm-thảo là lá chó-đẻ.

酸漿 Toan-tương là chua me đất

忍冬藤 Nhẫn-đông-đằng là dà kim ngân

西河柳 Tây-hà-liễu, 水楊 Thủy-dương đều là cây-và hoặc cây gáo-nước.

草决明 Thảo-quyết-minh là hột muồng-muồng.

石决明 Thạch-quyết minh là vỏ trai cửu-khổng.

芸薹菜 Vân-đài thái là cây dầu dầu lía.

蓖麻子 Tỳ-ma-tử là hột dầu dầu lía,

鮫鯉甲 Giao-lý-giáp, 穿山甲 Suyên-sơn-giáp đều là vẩy tê-tê.

天將軍 Thiên-tướng-quân là con ong-bụt.

地將軍 Địa-tướng-quân, 蜣螂 Khương-lang đều là con bọ-hung

蜜望 Mật-vọng là quả muỗm.

夭桃 Yêu đào là quả soài

菴羅 Am-la là quả thị.

大柰 Đại nại là quả mít.

栗 Lật là hột dẻ to nhớn của tây.

桂林椎 Quế-lâm-chùy là hột-dẻ An-nam nhỏ bé.

萊 Lai là lá sả

黄蜡 Hoàng thố 黄占 Hoàng chiêm 黄蠟 Hoàng-lạp đều là sáp ong vàng.

血餘 Huyết dư 亂髮 Loạn-phát đều là tóc người.

廣茂 即 莪朮 Quảng-mậu là Nga-truật.

管仲 即 貫衆 Quản-trọng là Quán chúng.

棠毬 即 山查 Dường-cầu là Sơn-tra bờ quân).

茺蔚 即 益母 Sung-uý là Ích-mẫu

木律 即 胡桐淚 Mộc-luật là Hồ-đồng-lệ.

阿梨勒 即 訶子 A-lê-lặc là Kha-tử

辛夷 Tân-di là búp da lòng.

魚腥菜 Ngư-tinh thái là lá rấp.

莧 Nghiễn là rau dền.

馬齒莧 Mã-sỉ-nghiễn là rau sam.

梔子 Chi-tử là quả giành.

葛根 Cát căn là củ sắn.

王瓜 Vương-qua là quả rom.

扁蓄 Biển-súc là thài-lài

車前 Sa-tiền là cây mả đề.

甘蕉根 Cam-tiêu căn là củ chuối.

射干 Xạ-can là củ lưỡi-đòng hoặc cây rẻ-quạt.

使君 Sử-quân là quả dun.

大腹皮 Đại-phúc-bì là bọ mèo cau.

薯蕷 Thự-dự là củ-mài.

燈心草 Đăng tâm-thảo là bấc.

亭藶 Đình-lịch là rau đay.

蠐螬 Tề-tào là sâu-giâu.

蜚蠊 Phi-liêm là con rán.

田鷄 Điền-kê, 水鷄 Thủy kê đều là gà-đồng, (con ếch).

䗪虫 Giá trùng là con rán đất.

海螵蛸 Hải-phiêu-tiêu, 鰂魚 Tắc ngư đều là con mắm mực.

烏賊骨 Ô-tặc-cốt là mai mắm-mực

班蝥 Ban-mâu 斑猫 Ban miêu đều là con sâu-đậu.

蝸牛 Oa-ngưu là con ốc-sên.

蝦蟆 Hà-mô là con Ĩnh-ương

天牛 Thiên-ngưu là con xén-tóc.

天龍 Thiên-long, 蜈蚣 Ngô-công đều là con rết.

癩蝦蟆 Lại-hà-mô, 蟾蜍 Thiềm-thừ đều là con cóc.

蛙蛤 Oa-cáp là con ếch

螻蟈 Lâu-quắc, 善鳴 Thiện-minh đều là con chẫu-chuộc.

田螺 Điền-loa là con ốc-nhồi.

螃蠏 Bạng-hãi là con cua.

蚌 Bạng là con trai.

蚶 Cam là con sò.

蜆 Nghiễn là cái hến.

馬刀 Mã-dao là con trùng-trục.

蝦 Hà là con tôm.

土蝦 Thổ-hà, 火虫 Hỏa-trùng đều là con rươi.

製桂論

醫藥首重六味八味補水火之二神劑也。就中惟肉桂最難求。誤用者反益病。司命之職豈甘束手乎。此製桂之不可不論也。夫人生有智愚之不同。草木有良毒之各異。城市之人多清雅。村野之人皆鄙俚。飾之以羅綺者都艷雅。服之以麻葛者皆醜陋。教之以詩書者皆聰明。習之以耕樵者盡愚蠢。草木之類亦然。且觀夫肉桂產於清化者。紋理細膩。味甘而馨香。出於雜山者體質粗頑。味辛而臭惡。書云。天生人。人成天。又云。習與性成。聖賢同歸。則愚蠢者。教訓之可以進乎明敏。醜陋者。粧點之可以壯其容儀。人生能變化其氣質。而況於肉桂可無製煉乎。去辛臭以反其甘香。除惡毒而轉為良善。所謂盜賊化爲君子信然矣。海上懶先生有製桂法。徒使斂降而未殺其毒。譬猶收醜陋之輩。飾之羅綺。而不教以詩書。則愚蠢性存。何堪應用。從事斯道者。當熟思之。

HẾT